

TRONG THĂM SÂU TÂM HỒN

THE DEEP END OF THE OCEAN

JACQUELYN
MITCHARD



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TRONG
THĂM SÂU
TÂM HỒN

THE DEEP END OF THE OCEAN

JACQUELYN
MITCHARD

Nguyễn Thị Tuyết Nga dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TRONG THĂM SÂU TÂM HỒN

—★—

Tác giả: Jacquelyn Mitchard

Người dịch: Nguyễn Thị Tuyết Nga

NXB Trẻ - 2013

Tạo ebook: VCTVEGROUP

Ngày hoàn thành: 06/10/2017

Một câu chuyện xúc động với cảm giác hồi hộp của một cuốn tiểu thuyết ly kỳ, chạm đến nơi lắng sâu nhất của tình gia đình thiêng liêng gắn bó.

• **Tạp chí People**

MỞ ĐẦU

Tháng Mười Một, 1995

Tất cả là mười năm, mười năm tròn, từ buổi sáng tháng Tám nóng như thiêu đốt khi Beth bỏ cái phong bì đầy những hình vào ngăn kéo cho đến buổi chiều thu lành lạnh khi cô lấy nó ra đặt từng tấm một trên bàn làm việc của mình.

Thật vậy, mười năm và biết bao thay đổi. Mùa hè vừa qua đã đánh dấu một năm tròn kể từ khi Beth biết những gì đã xảy ra cho Ben, con trai cô. Và nếu cô tính cả chập chùng những hình ảnh của tất cả các diễn biến sau đó thì thật ra phải là gần mười một năm. Chỉ mới cách đây vài tuần thôi, vào tháng Mười, một câu truyện với cái tí “Phần kết cho Ben” đã xuất hiện trên trang nhất tờ USA Today – một nỗ lực trẻ tràng cả “một năm sau” dựa trên vài lời trích đã xưa lắc xưa lơ từ vài người ít ỏi vẫn muốn trả lời cho báo giới. Nhưng đó không phải là câu chuyện gợi cho Beth nhớ đến mấy bức hình.

Chỉ đơn giản là một sáng nọ cô thức giấc và biết. Cô muốn nhìn thấy chúng.

Ngày hôm đó trời mưa suốt, một ngày tháng Mười Một u ám lạnh lẽo. Đã nhiều năm nay mưa vẫn làm Beth sợ, khiến cô phải tập trung vào một loạt những công việc quen thuộc hằng ngày. Nhưng hôm đó thậm chí mưa cũng không ngăn cản cô được. Có thể nói là cô đang vội, như thể việc nhìn vào mấy tấm hình đó sẽ đặt một dấu chấm hết vào cuối một câu đã được viết thật dài trên trang giấy.

Beth đặt mấy tấm hình xuống, chỉ có mười sáu tấm – một cuộn phim ngắn, vì Pat đã dùng cái máy chụp ảnh Instamatic nhỏ nhắn rẻ tiền đó, cái

máy ảnh luôn làm Beth xấu hổ. Cô úp chúng xuống, giống như một phụ nữ già ngồi chơi xếp bài một mình nơi cửa sổ.

Rồi cô nhắm mắt lại và sờ vào từng tấm một.

Nó không rung lên. Không có chút điện áp nào. Cô chỉ cảm nhận được đó là giấy Kodak, thật láng với một lớp bụi mỏng. Chẳng có gì huyền bí. Beth thở phào nhẹ nhõm. Tất cả những năm tháng đó. Dấu niêm phong vẫn còn nguyên, giống như những mép giấy vẫn dính vào nhau, với dấu mực đã hoen mờ hiển thị ngày tháng trên đó, một lời tiên tri thật đáng kinh ngạc. Ngày mừng ba tháng Sáu, và cái năm. Mừng ba tháng Sáu, một ngày thứ Bảy, vì Pat đã bỏ cuộn phim ở tiệm rửa ảnh vào đúng ngày cô đi dự buổi họp lớp. Khi anh nhớ ra để đi lấy ảnh thì đã là cuối mùa hè đầu tiên, Pat vừa đi vào nhà vừa khóc nức nở và đưa chúng cho Beth, như thể anh mong cô sẽ ôm lấy anh, an ủi anh bằng một cách nào đó để có thể chịu đựng được cái chứng tích ấy.

Thay vì thế, cô chỉ ép cái phong bì đựng ảnh thật chặt giữa hai bàn tay rồi đem chúng đến bàn làm việc của mình. Beth chưa hề biết chính xác tại sao, nhưng cứ như thể việc cô luôn biết vị trí của những bức ảnh đó là điều quan trọng lắm, dù đôi khi nó cũng làm cô rất khó chịu. Ví dụ có những lần Beth thoáng thấy chiếc phong bì khi cô mở ngăn kéo ra để lấy mấy cái kẹp giấy hay mấy tờ nhãn có địa chỉ của cô. Beth làm việc đó thật nhanh, như ngày xưa cô luôn phải hít một hơi thật sâu trước khi chạy qua bức tranh của Goya vẽ Kronos đang trệu trạo nhai một đứa bé mà không hiểu vì sao bà ngoại Kerry của cô cứ treo mãi trên tường cầu thang. Lần nào cô cũng có chính xác cái cảm giác ngộp thở đó khi cô đóng ngăn kéo lại để không nghĩ đến cái hình ảnh gớm guốc kia nữa.

Nhưng đôi khi cô vẫn nhìn cái phong bì, và vài lần cô còn thật sự lấy mấy ngón tay phủi bụi cho nó nữa. Và khi họ đã chuẩn bị hành lý xong xuôi để đi Chicago thì Beth còn cố ý bước đến ngăn kéo như thể cô sẽ lấy những bức ảnh đó ra ngắm.

Nhưng cô đã không làm thế. Lúc đó cô thấy còn quá sớm.

Quá sớm để ngắm, quá sớm để vứt chúng đi.

Và còn những vật dụng khác của Ben nữa, những thứ mà Beth đã dần dà thu thập đủ can đảm để vứt đi hay gói lại đem cất. Vào những ngày mưa, những ngày ngọt ngào, cô thậm chí đã đập vỡ tan tành vài món trong những vật dụng đó – một hộp nhạc, một khung đựng hình bằng gỗ được trang trí với những khối gỗ xinh xinh dành cho trẻ nhỏ.

Cô chưa từng nghĩ mình sẽ làm thế với những tấm ảnh.

Xét cho cùng thì Beth là một nhiếp ảnh gia; đối với cô những bức ảnh là những lá bùa. Nhưng cô cũng có cảm giác rằng đến một lúc nào đó cô sẽ yêu quý những bức ảnh, đặc biệt là bức cuối cùng trong cuộn phim, với cái hàng hiên nhà cô. Bước chân đơn giản của thời gian, hay tôn giáo, hay sự nhẫn nhục, sẽ biến nó thành niềm vui ngọt ngào lẫn đắng cay của cô, một bức ảnh của Ben lần cuối cùng cô thấy thẳng bé – à, cũng không phải lần cuối cô thấy nó, mà là lần cuối cô thấy nó đúng với bản chất của nó, thẳng con trai đơn giản, đang hớn hờ tươi cười, đứa con không bao giờ xuất hiện trong những giấc mơ của cô, dù cô thường vừa khóc vừa cầu xin để được thấy nó, với ý nghĩ rằng ít nhất thì cô cũng không phải sợ nó trong giấc ngủ của mình. Và vì thế, một ngày nào đó, có lẽ khi cô gần đất xa trời và biết chắc rằng mình sẽ nhanh chóng bị lãng quên, sẽ không phải kéo lê cuộc đời thêm nữa, cô mới muốn ngắm những bức ảnh đó thường xuyên, có lẽ là hằng ngày.

Vì thế cô đã muốn giữ chúng luôn bên mình. Nếu không cô sẽ mất chúng. Chỉ vài tuần sau buổi họp lớp, cô nhận ra ngay rằng mình bắt đầu đánh mất mọi thứ rất dễ dàng, chìa khóa, ngân phiếu, tiền nong cứ tuột khỏi tay cô như thể chúng có cuộc sống sinh học riêng vậy. Trong bếp, khi mở túi đựng thực phẩm ra hay khi xếp quần áo để đem bỏ giặt, Beth thường đứng đờ ra mà không thể nào nhớ được túi nào là bột ngũ cốc hay cái nào là khăn trải giường. Cô dần phải chấp nhận đó là một di tật suốt đời sau một tai nạn.

Chỉ khi nhìn lại tiến trình của nó thì Beth mới có thể thấy sự khiếm khuyết của mình là một chọn lựa chủ tâm, không phải một màn sương tạm

thời sẽ mau tan biến khi cô hồi phục trở lại và nhìn mọi việc rõ ràng hơn. Sự khiếm khuyết đó là do cô tự tạo ra, từng bước từng bước một. Cô buộc mình phải nhớ lại những lễ thói học đường đã phôi pha, và chỉ cần một kỷ niệm về Ben, hay về ngày hôm đó, cũng có thể phá tung được những vỏ bọc bên ngoài.

Beth biết mình không thể chịu đựng được những suy nghĩ đó; và không thể hồi phục như xưa mà không nhớ về chúng. Vì thế giờ đây khi nhìn lại, dường như cô đã chọn lựa để không hồi phục. Thay vào đó, cô cố sống trong tình trạng hiện tại quanh cái miệng núi lửa mỏng manh, di chuyển thật nhẹ nhàng và tránh những điều đối với cô chẳng khác gì một trận tuyết lở.

Beth đã cố giải thích với chồng cái trận tuyết lở đó và nhu cầu phải xua tan nó đi nhưng anh vẫn không hiểu được.

Cô đã gắng hết sức và càng cố thì càng giống như một kẻ ngốc khi nói cho anh biết về những người mắc bệnh đó – hội chứng Korsakov – căn bệnh chia nhỏ trí nhớ ra thành nhiều khoảng thời gian. Những bệnh nhân như thế, phần lớn là những người nghiện rượu, có thể đi gặp bác sĩ hay một nhân viên công tác xã hội và, trong nhiều phút, nói chuyện rất thông minh về thời tiết, về sức khỏe của họ, những câu chuyện trên trang nhất của một tờ báo đang trải ra trên bàn làm việc. Nhưng nếu vị bác sĩ hay người nhân viên nọ rời khỏi phòng, thậm chí chỉ một phút thôi, thì những nạn nhân của hội chứng Korsakov sẽ không nhớ họ đã từng gặp một người nào như thế cả. Và quá trình tự giới thiệu sẽ phải lặp đi lặp lại nhiều lần.

Beth nói với chồng rằng điều đó gần giống cái cung cách cô cảm nhận – thật ra là cung cách mà cô ao ước được cảm nhận. Một phụ nữ trông gần như bình thường với bất cứ ai không thể thấy chiếc công tắc sau lưng cô. Nhưng Pat, người đã chứng kiến việc cô thành một người vợ và người mẹ rô-bô, lại cho rằng nỗi đau buồn của cô là phi lý. Pat đau lòng về Ben như bất cứ một người bình thường nào, như thế họ mất đứa con trai nhỏ vì bị bệnh ung thư hay vì sự lây lan nhanh chóng của một căn bệnh xưa như trái đất nào đó, bệnh bại liệt hay bệnh bạch hầu. Theo thời gian, Pat trải qua những

“giai đoạn” đau buồn, gần như theo cách được mô tả trong những cuốn cẩm nang của các nhóm trị liệu tâm lý.

Beth không thể làm như thế được. Đối với cô nó cũng giống như tiến trình bất khả thi khi cắt xoẹt mái tóc suôn thẳng của mình đi rồi chờ đợi nó sẽ mọc ra loăn xoăn.

Beth cố giải thích với Pat rằng so sánh cảm nhận của cô về Ben với cái kiểu đau buồn đó thì cũng giống như so sánh một máy bay hai tầng cánh với một con chuồn chuồn.

Đau buồn, Beth biết chứ. Khi Beth mười tám tuổi, mẹ cô mất vì một loạt các bộ phận trong cơ thể bà không hoạt động được nữa, và khi bà có một u nang trong thận thì một loạt các tai biến bắt đầu xuất hiện làm mẹ cô tiến dần đến cái chết với một tốc độ phi mã để rồi chồm dúi vào ngày bà được xe cứu thương đưa về nhà sau bữa điểm tâm, và lại phải ra đi bằng xe tang sau bữa ăn tối. Thật quá khủng khiếp, giống như một cú lật tàu, một đòn thô bạo vào cuộc đời Beth.

Nhưng đó không phải là lỗi của cô.

Beth đã cố làm hết sức mình để chiến đấu với khối u độc hại đó trong quá thận của mẹ cô.

Mất mẹ đã là một nỗi đau rất thường trực, rất thân quen, không phải một chuyển đi đến gần với trận tuyết lở. Nếu cô dám đối diện với những xúc cảm thật của cô về việc bị mất Ben, nếu cô dám đối diện với những xuân ngốc, thiếu sót và sự thật rằng mọi thứ quan trọng trong cuộc đời đều được quyết định thật chóng vánh và không thể xoay chuyển được thì Beth biết một điều gì đó sẽ xảy đến với cô. Và chính nỗi đau lớn lao không thể chịu đựng nổi đó, chính việc khép chặt tâm hồn vẫn mong chờ được sản sinh ra trật tự và kế hoạch, luôn làm cô sợ hãi.

Cô không thích điều đó chút nào, những chuyển động nho nhỏ của đá làm cô giật mình, khiến cô đi từ phòng này sang phòng khác, đau đớn, hoảng sợ át mất niềm khát khao. Hình ảnh của thẳng bé trong cái hộp, hay trong nhà

mồ. Tim cô quặn thắt khi tên nó xuất hiện trong trí cô. Cái tên Ben gọn lỏn của nó.

Và rồi, trừ khi một người nào có sức thuyết phục như Ellen hay Candy chẳng hạn ở đó để định hướng lại cho cô, không thì Beth sẽ bắt đầu luống cuống viết lại toàn bộ ngày hôm đó, kết nối những lối vào với ngõ ra, và toàn bộ các yếu tố của câu chuyện, chấp vá lại cuộc đối thoại như thể cô là một nhà văn có thể điền đầy đủ vào những lời thoại còn thiếu trong các truyện tranh. Cùng lúc đó, phía trên cô là tiếng âm âm báo điềm xấu, là những tảng băng trượt nghiêng. Beth sẽ lê bước nhanh hơn, và không thể nào cưỡng lại được cố gắng tưởng tượng ra một cách để van xin được lùi lại mười phút, có lẽ bốn phút, đủ lâu để đi trở lại chiếc xe đẩy hành lý, nơi Vincent đang đứng, rên rỉ và cựa quậy, để đưa Ben về lại quầy đăng ký khách sạn với mình. Hay thậm chí cứ để cho những khoảnh khắc trượt sâu hốt hoảng đó xảy ra, nếu cần phải thế, vì sự ăn năn, nhưng cũng cho cuộn băng đó quay ngược lại thật nhanh để thấy Ben đang đi ngược về phía cô, từ giá để báo hay từ cái cửa xoay, hay bất cứ nơi nào nó đến trước tiên – các giả thuyết thì luôn thay đổi. Đi trở ngược lại về phía cô, lao vào vòng tay cô, cái bụng phệ của nó chạm vào hai bàn tay cô, tim nó đập thành thịch như khi nó sợ hay hoảng hốt – đập mạnh để cô có cảm giác như đang chạm được vào nó giống như tim của Road Runner trong phim hoạt họa sau khi nó đã khôn ngoan qua mặt được con chó sói – một Ben, thơm mùi nước dâu và mùi xà bông Irish Spring, và nếu nó nóng thì nó có mùi như cái bọc tay lái bằng cao su của chiếc xe đạp vì nó còn quá nhỏ chưa thật sự có các hoóc-môn. Cô thường cảm thấy mình “đét đít” nó; cô đã từng đánh nó, trong những lần tảng đá đó trượt xuống cô vẫn tự nhận với mình như thế, chỉ một lần thôi, thật mạnh, và đã cảm nhận được cái quần soọc bằng vải jean mòn xơ xác nó thích nhất dưới tay cô. Cảm nhận được cái mông tròn nho nhỏ, chắc nụi như thể được bơm nước vào dưới da của nó.

Được cảm nhận Ben. Một cu Ben an toàn.

Chính cái cảm giác hiện hữu rõ ràng đó – luôn hiện hữu cùng lúc với sự thiếu vắng, như nóng đối chọi với lạnh – đe dọa sẽ phá tan toàn bộ mọi thứ.

Và đến những lúc như thế thì Beth phải oằn mình lên để ngăn cái cảm giác ấy lại.

Đối với những biên tập viên đồng nghiệp của cô, đôi khi thậm chí đối với gia đình Beth nữa, kết quả của tất cả những điều đó trông như một thời kỳ dửng dưng cảm chịu đựng nghịch cảnh. Và quả đúng như vậy, Beth rất cảm kích rằng sự khiếm khuyết của cô, như lòng can đảm chẳng hạn, là một ơn huệ. Nhưng chỉ một mình cô hiểu được những bất lợi. Cô biết rằng trong một khoảng thời gian dài cô không thật sự “thương” hai đứa trẻ, dù cô rất cẩn thận đối xử tử tế với chúng và đôi khi cũng chú ý đến chúng nữa. Cô chắc rằng đặc biệt là Kerry, đứa con nhỏ không biết gì về câu chuyện quá khứ của Beth, chẳng thấy có gì khác biệt nơi cô.

Nhưng Vincent thì có. Đặc biệt vào những tối khi Beth đến trường để đón nó, cô thường quên mình đang ở đâu và tại sao lại phải ở đó. Rốt cuộc, khi cô đến nơi, người đầm đìa mồ hôi thì Vincent đang đứng chờ sẵn ngoài cổng trường, tay đang nhồi quả bóng trong đêm tối dần buông, và nhìn cô khinh bỉ ra mặt đến nỗi cô không còn biết làm gì khác ngoài nổi khùng lên.

Tuy nhiên, nói chung thì mọi việc vẫn ổn. Rốt cuộc thì cô đã từ bỏ những gì để bảo vệ chính bản thân mình và hai đứa con còn lại của cô không bị hành hạ hay tệ hơn nữa chứ? Vài năm ít ỏi kỳ lạ của một cuộc đời bị soi mói ư?

Một vụ trao đổi quá công bằng.

Vì thế, khi cô lật bức ảnh đầu tiên lên – dù lúc ấy Beth nhận thức rất rõ rằng những hình ảnh đó không còn làm cô sợ hãi được nữa – cô vẫn cảm thấy cơn chấn động nhỏ ấy, và cả sự thôi thúc được chạy thoát khỏi trận đất lở.

Khi dẫn được cơn thôi thúc ấy xuống, Beth chợt nhận thấy những gì bấy lâu nay cô tìm kiếm từ các bức ảnh, đặc biệt là bức cuối cùng, được chụp ngay trước khi cô lên đường đi dự cuộc họp lớp. Cái lý do thực sự cô đã không muốn vứt chúng đi.

Cô nhận ra mình đang tìm kiếm điều gì, và cô thấy rằng nó không hề hiện diện.

Chẳng có ở bất cứ bức ảnh nào trong số đó – trong bức ảnh Vincent đang câu cá tại Terriadne, hay trong bức Ben đang cầm bình sữa cho Kerry bú. Đặc biệt trong bức chụp trước hiên nhà, bức xấu nhất của cuộn phim, thật ra chỉ được dự định để chụp mấy bụi tử đinh hương Pat đã trồng, còn cô và lũ trẻ chỉ là những yếu tố tô điểm cho cái chiến thắng về nghề làm vườn của Pat mà thôi. Tuy nhiên, nó đã trở thành bất tử. Beth còn nhớ lời chông cô đã mắng Vincent vì cứ cựa quậy mãi.

Nhưng thật ra, bây giờ Beth thấy chính Ben mới là đứa không chịu đứng yên.

Nếu gặp chắc cô đã không nhận ra nó được. Cô đã không còn nhìn thấy cái hình ảnh xưa cũ ấy của đứa con trai ba tuổi kể từ thời điểm đó, và thật ra nó là hình ảnh của một đứa bé mà cô chưa từng thật sự hiểu. Không phải cu Ben của cô. Mà là một cậu bé Ben cô chỉ vừa gặp.

Cô nhìn bức ảnh thật chăm chú và ước gì mình có được cái kính lúp tốt của một nhiếp ảnh gia. Có cả Jill, cô cháu họ mười chín tuổi của Pat, lúc đó đang sống với họ, vừa đi học, vừa giúp họ chăm sóc công việc nhà, đang đeo máy ảnh và túi xách của Beth. Một Jill tóc dài trông giống như một cô gái hippie nhỏ nhắn tươi cười. Có cả Kerry, một gương mặt trẻ thơ nhỏ xíu bên trên cái áo đầm xanh đỏ có chiếc thuyền vàng. Lúc đó tóc Vincent vẫn còn hoe hoe. Beth không thể nhớ được đứa con trai đã trưởng thành của cô với mái tóc nâu dày rối bù, và cứng như lông gấu, lại từng có một mái tóc hoe hoe vàng.

Nhưng gương mặt của Ben lại không rõ nét.

Cô đã chuẩn bị tinh thần để nhìn gương mặt ấy từ đáy ngăn kéo như người sắp nhận bí tích thánh thể, nhưng... cô không thấy được mấy. Cô thấy những chi tiết – hai cánh tay đầy tàn nhang, đôi chân dài và rắn chắc dù lúc đó nó vẫn chưa đến tuổi đi học. Nhưng gương mặt nó... nổi bật nhất là cái miệng hé mở của nó. Nó đang nói. Nhưng cô không thấy rõ nét mặt nó.

Không có một thông điệp nào trên đó cả. Thậm chí giờ đây khi cô đã đổi thay quá nhiều về mặt sinh học cũng như đã đánh mất tất cả các đức tin, cô vẫn nhận ra rằng dù qua bao thăng trầm, cô vẫn mong đợi cái thông điệp đó.

Beth đã là một nhiếp ảnh gia báo chí kiêm biên tập ảnh hành nghề tự do từ thời đại học. Khi cô biên tập, bị ảnh hưởng bởi ý kiến của các học giả, cô thường thấy nhiều bức ảnh chụp những người sau này sẽ gặp rắc rối. Những người lính mày râu nhẵn nhụi mặc quân phục. Những gia đình nhập cư đứng nơi thành tàu, quần áo lôi thôi lếch thếch, hành lý dưới chân. Những người chần bò. Những phi công.

Đôi khi cô nghĩ trong những hình ảnh hỗn độn đó cô thấy một dấu hiệu, một sự báo trước về một bất hạnh sắp xảy ra. Cô cho rằng vẻ mặt của những người ấy chứa đựng các manh mối. Một sự tổn thương ư? Một thông điệp về sự ra đi thể hiện trên vân ảnh ư? Để kiểm chứng cho lý thuyết của mình, cô đã từng đưa một bức hình cho Pat, một bức hình cũ của một thuyền trưởng có một nghề nghiệp rạng rỡ bị chết chìm trong một chuyến du hành tham quan thường lệ vào một ngày đẹp trời nắng ấm. Cô đã hỏi Pat: “Anh không thấy người đàn ông đó đã bị ‘kết án’ à?”.

Và Pat đã kiên nhẫn giải thích cho cô rằng cô quá điên rồ, không ai từng có một linh cảm về một bi kịch như thế cho đến sau khi nó xảy ra cả; những câu chuyện thấy trước đó chỉ là niềm ủi an cho những đầu óc nhu nhược mà thôi, những điều mà bà cô Angela thường nhắc đến nếu một đứa bé bị sinh ngược, hay điện thoại reo hai lần rồi ngưng bật. “Thế em có thể thấy trên gương mặt của tổng thống Abraham Lincoln khi còn là một luật sư trẻ rằng ông sẽ thành tổng thống à? Rằng ông sẽ bị ám sát à?”

“Đúng thế. Em có thể thấy được,” Beth đáp.

“Em cũng thấy được gương mặt của anh chàng Eric trong bức ảnh đăng trên báo, anh chàng mà em gái anh học chung trong lớp học âm nhạc ấy, rằng anh ta sẽ bị xe tải chở hàng nghiền chết trên đường đến dự lễ tốt nghiệp à?”

“Đương nhiên rồi,” cô đáp và thắc mắc không hiểu làm thế nào Pat lại không thấy được thông điệp đó.

Tuy vậy Pat chỉ thở dài và gọi cô là “người Ai-len khổ hạnh”, một máy đo thảm họa trong nhà, sẵn sàng báo động bất cứ lúc nào.

Nhưng Beth đã từng tin tưởng những điều như thế rồi. Những dấu hiệu và các điềm báo tai họa, giống như nước chảy ngược chiều kim đồng hồ xuống một lỗ thoát nước trong bồn rửa chén trước khi trận động đất xảy ra. Năm mười bảy tuổi, cô tin rằng tránh được tất cả các đèn đỏ giữa đường Wolf và Mannheim thì đồng nghĩa với việc khi về nhà mẹ cô sẽ nói rằng Nick Palladino vừa mới gọi điện đến. Cô tin, nếu không vào Chúa thì cũng vào các thánh, những vị dù gì cũng từng là con người thật sự. Cô có cả một câu chuyện đời, một cuộc sống với những may mắn, ước mơ và các linh cảm.

Vậy mà tất cả đã đổ sụp xuống như những quân bài domino trong cơn gió mạnh vào cái ngày Ben biến mất.

Không hề có một cảnh báo nào. Thậm chí chẳng bao giờ có, dù nhỏ nhất.

PHẦN MỘT

BETH

8

Tháng Sáu, 1985

“Em chỉ thích con bé con thôi,” Beth nói với chồng như thế khi cô chất lên xe hơi những túi nhựa, túi tã, túi đựng đồ bằng vải thật to, túi đựng máy ảnh, tấm hắt sáng to cũ hiệu Backfold đang nằm thành một đống trên hành lang.

Cô ngạc nhiên khi Pat nhìn cô giận dữ; cô biết anh không muốn cãi nhau, không muốn rắc rối khi sắp tiễn cả nhà đi chơi cuối tuần.

Theo Pat thì cô cực kỳ ngốc khi đưa cả ba đứa trẻ đi Chicago dự buổi họp mặt lần thứ mười lăm của trường trung học, đồng thời kết hợp luôn với công việc chụp hình.

Nhưng một khi cô đã khẳng khẳng đòi như thế thì Pat không dám tranh cãi vì sợ Beth sẽ đổi ý để Ben hoặc Vincent ở lại; Pat luôn rất sung sướng khi được ở nhà một mình và có lẽ đang mong có bốn mươi tám tiếng đồng hồ làm một anh chàng độc thân: được ngủ trễ, được chơi bida ở quán Michkie kế bên nhà hàng sau khi nhà hàng đã đóng cửa. Tuy vậy, anh vẫn bực bội nhìn cô, và lần nào ánh mắt khi anh bị sốc bởi những lời cô nói cũng làm cô ngạc nhiên.

“Sao vậy?” cuối cùng anh hỏi. “Sao em lại nói thế, Vincent có thể nghe thấy câu ấy đấy, em không cố ý nói như vậy chứ?”

“Em cố ý đấy. Em thật sự muốn nói như thế đấy,” Beth đáp. *Mình không chỉ hành hạ Pat mà còn thích khi nói như vậy nữa*, cô nghĩ.

Thật ra Vincent đã không nghe thấy gì. Nó đang ngồi thu lu nơi góc chiếc xô-pha xem cuốn phim *Hàm Cá Mập* mà Pat đã cố tình xóa đi những cảnh

đẫm máu, mặt nó đanh lại, nhìn không giống một đứa bé bảy tuổi, nhưng cũng không xấu lắm vì nó chỉ cau có chứ không bĩu môi. Nó không muốn đi đâu bằng xe hết. Nó thấy chả có gì vui khi phải đi đến một khách sạn rồi bơi trong hồ bơi lớn với chị Jill trong khi mẹ gặp lại tất cả các bạn cũ của mẹ. Nó muốn được ở nhà chơi với Alex Shore; nó muốn được đi ra nhà hàng với bố. Nó đã nói với Beth như thế sáng nay, cả thầy tám lần.

“Con không thể ra nhà hàng với bố được. Bố phải làm việc mà,” cô cúi kính ngắt lời nó, và thắc mắc liệu cô có đánh nó không nếu nó cứ tiếp tục vòi vĩnh như thế.

Vincent vẫn bướng bỉnh. “Con sẽ ngồi ngoan ngoãn ở phía sau nhà hàng. Con làm được như thế một lần rồi mà.” Cho đến nay, đó là trải nghiệm thú vị nhất trong đời Vincent – được ở cạnh bố Pat vào một tối thứ bảy tại nhà hàng Pat quản lý cho ông trẻ Augie. Nó đã được đến đó vì hôm ấy Beth bị cúm, Kerry chỉ mới mấy ngày tuổi, và cô trông trẻ cuối cùng của nước Mỹ thì đang dự buổi lễ tốt nghiệp trung học. Điều tuyệt vời nhất mà mẹ Beth đã làm cho Vincent (cô đã cho nó đi theo cô đến một cảnh quay phim trong khi cô chụp ảnh cho bộ phim đó và Paul Newman đã bắt tay nó) chả ăn thua gì với cái đêm huyền thoại ở nhà hàng Cappadora. Ông trẻ Augie tóc bạc trắng như bông đã kiệu nó trên vai đi khắp nhà hàng, còn bố thì đút cho nó ô-liu nhồi cá cơm trong khi nó ngồi ngất nga ngất ngưỡng trên quầy rượu sạch bong.

“Lúc đó mẹ bị ốm mà,” Beth kiên nhẫn giải thích. Cô chưa từng kiên nhẫn đến thế. Thật ra, cô hy vọng Vincent có thể hiểu lúc đó tinh thần cô đang bị suy sụp kinh khủng. “Giờ thì mẹ khỏe rồi và mình sẽ cùng đi Chicago, con sẽ được gặp dì Ellen, mẹ cần con giúp mẹ trông hai em Ben và Kerry.”

“Con ghét Ben và Kerry, con cũng ghét phải làm mọi thứ, con cũng không thay quần áo đâu.” Vincent nằm úp mặt xuống xô-pha, và khi Beth cố gắng kéo nó lên, nó trì người lại khiến cô phải kéo lê nó trên sàn nhà cho đến khi thả được nó giữa phòng khách.

Vincent ghét mẹ nó lắm. Beth biết thế và cho rằng đó là do cô đã để cho đến khi nó được hơn bốn tuổi mới sinh Ben, lúc ấy nó đã có trí khôn và rất sung sướng được là tình yêu duy nhất của mẹ. Vincent rất thích Ben, nó cũng bị hấp dẫn bởi sự nhỏ nhoi như một con ốc của Kerry, và thành tâm tôn sùng Pat với một tình yêu trai gái thật ngây ngô làm Beth thấy thương hại nó. Beth biết chắc đứa con trai lớn của mình chỉ xem cô như một nguồn cung cấp thực phẩm và như một món đồ chơi để nó thỉnh thoảng chạm tới thôi. Khi cô phạt nó, Vincent nhìn Beth với ánh mắt làm cô nhớ ngay đến câu nói của Pat về những con mèo nhà: chúng là các phiên bản thu nhỏ của loài dã thú; và nếu lớn hơn chút nữa thì chúng có thể ăn thịt em đây. Mặt khác, Beth cũng bị Vincent thu hút với một sức mạnh rõ ràng. Cô không chỉ muốn yêu nó; cô còn muốn thu phục nó nữa. Và Beth nghĩ nó biết điều đó.

Vincent không có lòng khoan dung còn Ben lại rất độ lượng. Ben rất vui khi được ra khỏi thành phố với mẹ và anh vào sáng hôm ấy, vui hệt như khi nó được đi đến tiệm bán đồ gia dụng hay được phân loại những đôi vớ sạch vậy. Ben không những dễ chịu; mà nó luôn cười mở, dí dỏm và đem tin cậy đến bất cứ nơi nào nó hiện diện. Khi Ben còn bé, Beth đã phải đưa nó đi khám vì lúc nào nó cũng nhoẻn miệng cười và ngủ thật ngon lành với một vẻ mặt bình thản. Cô đã hỏi bác sĩ liệu nó có bị chậm phát triển không. Vị bác sĩ trẻ, một thanh niên Nga nhập cư, đã không chế giễu cô mà chỉ nhẹ nhàng nói cậu nghĩ đứa bé có thể bị khuyết tật – ai cũng có thể bị như thế mà – nhưng sao cô lại lo chứ? Ben có ngọ nguậy không, có đập đầu vào các thanh giường không, có nghe được những gì cô nói không, có nhìn vào mắt cô không?

Beth đã trả lời rằng không, Ben không ngọ nguậy, cũng không tránh nhìn vào mắt cô. Cô tránh không nhìn vào mặt bác sĩ khi cô trả lời.

“Nhưng Ben quá... quá trầm, và luôn mãi nguyền. Nó không la hét, thậm chí khi tã nó bẩn hay cả khi nó đói cũng vậy. Nó rất kiên nhẫn”.

“Còn con trai lớn của chị thì sao?”.

“Nó ... nhanh nhẹn hơn”. Khi còn nhỏ, Vincent gầy hơn, ngủ ít hơn, cảnh giác hơn, biết đi lúc chín tháng, biết nói khi mười tháng, một tuổi thì biết nói với mẹ “Con bực mình quá”. Cậu bác sĩ mỉm cười với cô. Beth vẫn còn giữ tờ giấy khám bệnh trên đó bác sĩ đã nguệch ngoạc mấy lời chẩn đoán: “Em bé khỏe mạnh. Bình thường”.

Ben vẫn dễ chịu và vui vẻ. Beth không thể tưởng tượng được vì sao từ một người hay hoài nghi và thân thiện quá đáng như Pat kết hợp với một người luôn sâu muộn như cô lại có thể sinh ra một đứa trẻ như thế này. Beth yêu nó ít hơn Vincent nhưng cô không nói năng gay gắt với nó. Thậm chí khi Ben “dở hơi” – mà nó thì rất hay “dơ hơi” – như khi nó xuống ăn sáng với cái mặt nạ phẫu thuật trên đầu làm mũ bêrê với hai miếng băng vệ sinh giấu dưới bồn rửa tay trong nhà tắm mà nó lấy được khi cô sinh Kerry để dán nơi hai cánh tay thì Beth chịu thua, không thể mắng nó được.

Hôm nay, trong khi chờ lên xe, Ben nằm trên sàn hành lang dùng hai chân đập xe đập trên không, dưới tia nắng chiếu rõ cả các hạt bụi đang lơ lửng. “Con đang ở dưới nước”, nó nói với cô, gương mặt nó chan hòa ánh nắng, trong khi con chó Beowulf nhảy sang một bên để tránh không bị Ben đụng phải. Sáng hôm đó Ben đã năn nỉ Beth cho nó làm “bánh mì mẹ” (thật ra là “bánh mì khi”, một loại bánh có mùi quế Beth chế ra từ bột nhào của cửa tiệm cuốn thành hình bánh pretzel và cho bất cứ thứ gia vị ngọt nào cô có thể tìm thấy). Nhưng khi cô nói rằng cô quá bận, nó đã không than van rên rỉ. Nó bỏ đi ngay, lúc nào nó cũng bận rộn, cũng mê mải. Pat nói: “Ben đang thi hành sứ mệnh.”

Cô mẫu giáo của Ben đã từng nhẹ nhàng đề nghị Beth đưa Ben đi kiểm tra xem nó có mắc chứng hiếu động thái quá không. Nhưng Beth đã không đưa nó đi. Cô và Pat nghĩ Ben chỉ đơn giản giống một trong mấy con cún trên những mục quảng cáo không tốn tiền trên các phương tiện truyền thông: “Cần chỗ để chạy.”

Nhưng giờ thì Ben quậy quá: nó vừa lôi hết mấy lọ thuốc và đồ trang điểm của Beth ra khỏi mấy cái túi rồi xếp tất cả mấy cái lọ ấy thành hàng dài

như mấy thằng lính đồ chơi dọc theo cửa ra vào. Và cô giẫm phải một cái khiến nó vỡ tan làm mấy viên vitamin văng tung tóe.

“Chúa ơi!”, cô rít lên. Rồi khi Pat đến để nhẹ nhàng giúp cô thì cô nói toẹt ra cho anh biết cái ý nghĩ vừa thoáng hiện trong đầu: cô chỉ thích Kerry thôi, đứa con còn bé, chỉ mới biết ngồi nên không tốn nhiều công sức để chăm sóc.

“Em cứ đi đi,” Pat nói. “Không sao đâu. Chúng sẽ ngủ ngay ấy mà.”

Đúng là chỉ có Pat mới nghĩ ngây thơ đến thế; hai thằng bé đã không ngủ trong xe từ khi chúng lên hai, và Pat vẫn nghĩ một cái quần Levi có giá chỉ 15,95 đôla. Nhưng Beth nghĩ mình cũng đã lớn tuổi rồi, không nên để lộ sự căng thẳng ra nét mặt; cô muốn càng duyên dáng, trẻ trung trong buổi tối nay càng tốt. Vì thế cô và Pat khiêng hết mọi thứ ra chiếc Volvo, cột Kerry và Ben vào ghế dành cho con nít, rồi lại đưa Vincent và Ben ra ngoài lần nữa cho chúng đi tiểu, vào nhà lấy bàn chải đánh răng, rồi bỗng nhiên Pat chợt nhớ ra cuộn phim từ chuyến đi cắm trại của họ nên muốn chụp nốt cho hết.

“Em không ra khỏi xe nữa đâu,” Beth nói. “Nếu anh muốn, em sẽ chỉ ngừng trước cửa, ngay trên cỏ thôi. Hay em sẽ kêu một người hàng xóm ra đứng bên cạnh mấy bụi tử đinh hương kia nhé.”

“Thôi mà em,” Pat nài nỉ cô, với cái giọng cầu nhàu gợi cảm làm cô nhớ đến cảm giác thèm muốn anh mà gần đây cô không hề có, ít nhất thì cũng không giống như cách đây mười năm.

Nhưng để tỏ thiện chí của mình với những lời nài van của anh, cô đồng ý ra khỏi xe dù lúc này Vincent đang sắp khóc, còn Ben thì chỉ hát thật to mỗi một câu trong bài “House of the Rising Sun”, và cứ hát đi hát lại mãi.

Họ đứng dưới vòm mấy cây tử đinh hương. Pat gắt lên một tiếng rồi bấm máy; Beth nhảy vào xe ngay. Cô không hôn anh. Dù sao thì hai ngày nữa họ cũng sẽ gặp lại nhau mà. Thật vậy, cô sẽ gặp Pat trước lúc mặt trời lặn, sau này Beth nhớ lại – cô đã không hôn anh vào lúc đó cũng như nhiều tháng sau này, để rồi khi cô hôn lại anh, rằng họ lập cập va vào nhau như những cô

cậu mới học cấp hai, và đó cũng là lần đầu tiên cô thấy lưỡi anh có vị cà phê – một điều mà trước đó cô chưa từng chú ý đến trong suốt bấy nhiêu năm trời, lưỡi anh trong miệng cô quen thuộc như thể nó là lưỡi cô vậy.

Lái xe xuống đường 90 để đi Chicago chẳng có gì thú vị, dù cách đây nhiều năm cô và Pat thường hôn hít vuốt ve nhau trong chiếc xe Chevy Malibu cũ của họ khi lái từ trường đại học về nhà để dự lễ Giáng Sinh, về với hai gia đình quá vui mừng khi thấy họ yêu nhau. Những ngày đó, Beth chỉ chụp những trang trại chán ngắt, xấu xí nơi vùng đầm lầy và vùng ngoại ô trải dài vô tận đến hơn hai ngàn kilômét. Họ thường xuyên đi đi về về vì hầu hết các thành viên của hai gia đình đều sống ở Chicago. Mọi người đều cho là Beth và Pat mạo hiểm khi sống “tận trên phương Bắc”, ở vùng tiền đồn Madison nơi chú của Pat đã mở đường khai hoang vào năm 1968.

Pat và Beth yêu nhau từ khi cô là sinh viên năm thứ ba của trường đại học Wisconsin – và nếu nói cho đúng thì đã lâu trước đó nữa, khi hai cô cậu nhóc luôn chơi bài xì phé với nhau trong các kỳ nghỉ lễ. Họ đã luôn có mặt bên nhau trong những buổi picnic, và trong những trường hợp khẩn cấp cần đến bạn bè. Họ có mặt trong lễ ban thánh thể đầu tiên của nhau, và cả các buổi tiệc kỷ niệm lễ tốt nghiệp trung học của nhau.

Nhưng họ chưa bao giờ nhận thấy sự hấp dẫn của nhau mãi cho đến ngày tình cờ gặp nhau trong thư viện ở Madison, ba tiếng đồng hồ trước khi họ lên giường trong căn hộ áp mái bề bộn của Pat để rồi bỏ học cả hai ngày tiếp theo đó.

Khi ấy Beth thấy sợ thật sự, cô đang học năm thứ ba còn Pat học năm thứ nhất để lấy bằng thạc sĩ. Trước đó cô đã bị sẩy thai vào tuần thứ sáu khi đang ngồi trong phòng đợi của một bệnh viện tư để chuẩn bị nạo thai. Sau khi chia tay, gã bạn trai cuối cùng của cô đã dùng kính viễn vọng theo dõi cô. Beth còn tin rằng những gã đàn ông xấu xa sẽ đổ xô vào thành phố để mời cô đi chơi. Lần làm tình duy nhất được cho là “tuyệt vời” mà cô từng trải nghiệm xảy ra thật chớp nhoáng trên chiếc ghế trước của một chiếc xe hơi với người yêu của bạn mình. Lúc đó cô đang phải làm hai công việc –

vừa làm bồi bàn vào buổi sáng, vừa đi bán đồ sứ vào buổi tối, với cảm giác thật nhục nhã khi phải đi đến từng nhà để mời mọc các cô gái già trong hội nữ sinh của trường đại học mua hàng giùm. Cô không còn tiền để học năm thứ tư nữa, và đang rút hai cua. Cô thấy mình thật già nua. Cô thấy mình bị lợi dụng.

Và rồi cô gặp Pat.

Ngay từ khi còn trẻ anh đã không đẹp trai. Anh có hai hàm răng trắng bóng, đều tăm tắp – “một kết hợp hoàn hảo” anh thường gọi như thế – nhưng anh thấp bé, gầy gò với mái tóc nâu quăn hơi bù xù và cặp mắt thật to. Vai anh rộng, nhưng anh lại có đôi chân vòng kiềng, lỏng lỏng lẻo lẻo. Pat trông như một kẻ vô gia cư ốm đói, lúng ta lúng túng như gà mắc tóc khi ở cạnh mọi người, nhưng thật ra anh rất nhiệt tình giúp đỡ mọi người đến nỗi ai cũng tin anh là người thân thiện nhất họ từng gặp. Chỉ có mình Beth biết anh trong sáng đến thế nào, công bằng tuyệt đối đến cỡ nào. Thậm chí khi hai người đã thật sự thân thiết với nhau và khi anh đã có mắng cô vì tội quá thành thật, quá tế nhị và tự giác thì Beth vẫn tin mình ngủ với một phiên bản của một ông thánh.

Cô chẳng kính sợ chồng – những điều cô rất khâm phục ở Ben thì ở Pat cô lại cho là rất đổi bình thường. Nhưng khi bước xuống khỏi cái giường gỗ cứng ngắt đó cách đây hơn mười hai năm thì chính cô, chứ không phải Pat, biết chắc rằng họ sẽ lấy nhau. Cô biết rằng rốt cuộc thì mình cũng đã đáp cánh được an toàn. Cuộc hôn nhân đó nhanh chóng biến thành một huyền thoại trong gia đình: con gái duy nhất của bà Evie và ông Bill, con trai độc nhất của ông Angelo và bà Rosie. Beth thấy hạnh phúc cho bố mẹ họ. Pat đã học đại học ở Madison vì nhà hàng của chú anh ở đó, Pat lại muốn theo ngành kinh doanh; và thế là họ ở lại, cuối cùng cũng lấy được nhau sau vài năm gian khó vì phải chứng minh họ có thể sống được với nhau và buộc cha mẹ đôi bên phải chấp nhận. Khi cô nói với vị thẩm phán – lại một cuộc chiến đấu khác; bố mẹ họ đã đưa một vị linh mục đến buổi lễ với hy vọng cặp đôi trẻ này sẽ sẵn sàng chấp nhận lễ phải vào phút chót – rằng cô hứa sẽ kính trọng và thương yêu Pat, thì rõ ràng là Beth đã thực lòng muốn thế.

Ai lại không, nhỉ? Cô nghĩ thế và đang tiếc vì đã chia tay anh nhanh quá; cô tự hứa sẽ gọi điện cho Pat ngay khi đến khách sạn. Cô biết mình thường chỉ ân cần ngoài mặt vậy thôi và cô cũng có thể tỏ ra niềm nở khiến thậm chí những người lạ cũng thấy mình được để ý. Nhưng Pat vẫn vui vẻ dù anh không bằng lòng kia mà.

Khi bị kẹt trong dòng xe dài cả bốn cây số chung quanh trung tâm thương mại đồ sộ ở Woodfield, Beth thắc mắc liệu Pat có căng thẳng vì lo lắng không, có giống một người luôn rít hết cỡ khi hút thuốc không, vì anh vẫn tin rằng mọi người luôn có thể tốt hơn, rằng họ có thể làm được tất cả nếu họ nỗ lực nhiều hơn nữa. Cô tưởng tượng xem giờ này Pat đang làm gì ở nhà một mình. Có lẽ anh đang dọn dẹp chỗ chiến trường bữa bãi bữa thiu do Beth bày bữa ra – đang kiểm tra lại xem còn bao nhiêu hộp thức ăn dự trữ, mở cả trăm cái ngăn kéo, bỏ đồng đinh vít vào túi, mang mấy gói hạt giống ra nhà để xe, vứt mấy hộp kẹo cao su Chiclets đang ăn dở đi. Beth thường nghe thấy Pat làm việc này vào ban đêm, trước khi anh đi ngủ. Khi nghĩ đến việc lục lọi và sắp xếp lại mọi thứ cho ngăn nắp, cô thường liên tưởng đến các vị tổ tiên người Ý, có lẽ vì bố chồng cô, ông Angelo, hay làm thế. Vì bận rộn suốt ngày không làm hết mọi việc nên họ luôn tắt bật và cúi kính nhặng xị mãi tận một hai giờ sáng. Bà Rosie mẹ chồng cô cũng thế, dù bà biết mình cứ khua lạch cà lạch cạch khắp nhà như thế là làm phiền người khác. Bà gấp quần áo mới giặt, tính toán mấy tài khoản kinh doanh cho khớp với nhau, viết thư cho người chị họ ở Palermo. Bà là người tắt bật âm thầm, một con ma bận rộn mặc áo choàng dài màu trắng.

Giáng Sinh đầu tiên khi Beth và Pat mới lấy nhau, bố mẹ anh và mấy ông anh của Beth đã ngủ lại hai đêm ở căn nhà thuê bữa thiu rất xa đường Park của cặp vợ chồng mới cưới. Anh trai Ben của Beth, còn gọi là Bick, đã gọi gia đình Pat là “những kẻ vụng trộm lúc nửa đêm”. Họ thức rất khuya, rồi họ đi lang thang. “Có lẽ vì họ là những người La Mã”, Bick nói với cô.

Beth đã không mời Pat đi dự buổi khiêu vũ và bữa ăn tối – hai sự kiện chính trong buổi họp lớp của cô. Anh biết nhiều người trong nhóm bạn cũ của Beth ở trường trung học Immaculata; anh học cùng trường nhưng trên

cô hai lớp. Thế nào anh cũng tỏ ra rất thân thiện với các bạn cô để rồi sau đó anh kiệt sức, vật ra ốm cả tuần lễ vì quá căng thẳng. Thế nào đầu óc anh cũng sẽ nghĩ đến mấy cuốn sách sử mà anh luôn nghiền ngẫm, đến những đoạn đặc ý mà anh gạch dưới bằng bút dạ màu vàng, y hệt một sinh viên cao đẳng. Thế nào anh cũng phát chán, rồi nghĩ đến mớ ngăn kéo lộn xộn mà anh sợ phải dọn dẹp. Thế nào anh cũng thấy mấy chuyện tiêu lâm đó dở quá, phải rặn ra mà cười, hay thấy những dịp được kể chuyện cũ và những trò chơi khăm đăm kẻ thù xưa là vợ vãn và ác độc.

Nhưng Beth thì ngược lại, rất nôn nóng.

Cô tắt máy trong khi chủ nhân của một trong bảy chiếc xe phía sau nhả còi inh ỏi vì đang sợ bị trễ giờ. Cô nhìn vào kính chiếu hậu. Ben đã lúi húi hết giảm-bông ra khỏi miếng xăng-uyt Jill đã làm và đang chà lên cửa xe phía sau.

“Benbo,” cô gay gắt gọi. “Giảm-bông để ăn chứ không phải để lau kính.” Ngay lập tức Ben nhả mặt tọng miếng giảm-bông bắn đó vào miệng. Beth đã có thể ngăn nó lại – nhưng miếng giảm-bông bắn đó có ăn thua gì chứ? Ngày nào Ben lại chả nhạt thức ăn dưới đất mà cho vào miệng; đôi khi nó còn bỏ cả cái bát ngũ cốc xuống sàn rồi bắt chước ăn như chó nữa mà. Jill sẽ tắm rửa cho lũ trẻ. Hồ bơi của khách sạn sẽ làm chúng sạch. Beth sẽ không phải nổi giận mà la hét nữa.

Xe cộ cứ nhích lên từng chút, từng chút một, và cô khởi động lại xe. Lúc đó Vincent đang liên tục chọc vào cổ Ben, có lẽ đau lắm, bằng một cục gôm màu vàng có hình một tù trưởng da đỏ. Cô đã có thể ngăn không cho nó làm nữa; nhưng nhờ nó chuyển sang làm chuyện gì khác thì cũng quá tội. Ben không có phản ứng gì; nhưng rồi bỗng dưng nó khóc thét lên khiến Beth phải mắng Vincent không được ác với em như thế nữa. Hôm nay cô sẽ lờ Vincent đi trừ khi nó có thể làm Ben chảy máu. Cô ngấm mái tóc mình trong gương – mái tóc mới cắt được đánh rối lên thật đẹp, và cô đã thay màu tóc xám cũ bằng màu hạt dẻ. Nếu không bị tiếp tục kẹt xe thì chỉ khoảng nửa

tiếng nữa là họ đến khách sạn gần trường trung học cũ của cô ở Parkside, tiểu bang Illinois.

“Hát bài ‘Comin’ Through the Rye’ đi, mẹ,” đột nhiên Ben nói với cô, nó lơ đi những cú Vincent chọc vào người nó ngày càng mạnh hơn. *Sao nó lại có thể làm thế được nhỉ?* Beth thắc mắc. *Sao Vincent lại có thể chọc vào Ben, đứa em yêu nó đến thế chứ?* (Cô xấu hổ nghĩ *Sao mình có thể bóp chặt cánh tay Vincent hay có thể mặt kề mặt mắng nó được nhỉ?*) Và Beth bắt đầu hát ư ử không chủ đích. “Nếu một người bắt được một người....”

Ben hỏi: “Bắt được một con thỏ à?”

“Không phải, đồ ngu, một thằng bạn! Một thằng bạn!” Vincent khó chịu hét lên.

Beth nhắm mắt lại mơ màng về tối nay – cô sẽ gặp tất cả mọi người từ khắp các nơi, tất cả đều giàu có hơn cô, nhưng không “sáng tạo” bằng cô, không đẹp bằng cô, và chắc chắn là không có những đứa con xinh xắn như mấy đứa con cô. *Mình cũng dễ coi đấy chứ*, Beth nghĩ. Dễ coi. Không xinh, nhưng khách quan mà nói thì cô cũng dư sức đạt điểm bảy trên mười. Khi Beth nghĩ về bề ngoài của mình thì từ “vuông” luôn xuất hiện trong đầu cô. Cô có đôi vai vuông vức – một nỗi khổ với cô, cho đến khi nó lại trở thành một – và một cái cằm vuông. (Một trong những câu chuyện cha cô thích kể nhất vào bữa ăn tối là chuyện lần đầu tiên ông nhìn đứa con gái độc nhất của mình rồi phê: “Con bé này có cái cằm của O’Neil. Ta có thể dùng nó để đo các góc vuông đấy.”) Thậm chí tóc Beth khi xõa ra cũng vuông, và tương tự thế, mặc cho nỗi thất vọng cùng cực của Beth, đến hông cô cũng vuông nốt. Khi cô được mười hai tuổi, vị bác sĩ khoa nhi đã vui vẻ nói với mẹ cô rằng cô sẽ “tòi ra thật dễ dàng một, hai, ba đứa với cái xương chậu rộng đến thế”. Và thậm chí cho đến khi sinh Kerry thì Beth đã lập kỷ lục với mọi người trong gia đình về việc sinh dễ như gà, tuy thế mỗi lần nghĩ đến những lời bác sĩ Antonelli nói, cô luôn cảm thấy như thể mình đã được lập trình về gien để mạnh mẽ như một con ngựa Clydesdale. Ngoại hình của Beth không thể so sánh với Ellen được, dù Ellen, người bạn thân nhất thời thơ ấu của cô

cứ nói với cô cả hai mươi năm nay rằng: “Không ai nhìn mông cậu đâu, Bethie ạ. Làm sao họ chịu nổi cặp mắt xanh mê hồn của cậu chứ.”

Chà, chà, Ellen. Theo Beth thì tất cả mọi người trong cuộc họp mặt cuối tuần này đều tập trung vào Ellen. Ellen cao hơn Beth gần mười phân, và nặng hơn cô khoảng mười lăm ký, típ người tóc vàng, hấp dẫn vẫn luôn làm cho cánh đàn ông phải ngoái lại đến nỗi va vào các cây cột ở sân bay.

Ellen đang chờ Beth ở khách sạn. Cô cũng sống ở khu phía tây nơi tất cả đã lớn lên cùng nhau, chỉ cách căn nhà cha Beth vẫn đang ở một con đường. Ellen đã đặt một phòng cho riêng hai cô và một phòng cho Jill và lũ trẻ. Cô đã bỏ lại chồng, con trai và một xoong cá ngừ đã được hâm nóng ở lại trong một lâu đài nho nhỏ ở vùng ngoại ô phía Bắc để đi mua một cái áo đen rất hợp thời trang bằng tơ nhân tạo. Cô có kèm theo một bức vẽ cái áo trong thư gửi cho Beth. Viễn cảnh về mấy ngày cuối tuần đã làm cả hai trẻ lại như chỉ mới mười bảy. Ellen viết phía dưới bức vẽ: “Tớ nghĩ nếu Nick đề nghị mình ngồi chung với hai vợ chồng hẳn thì mình nên làm thế nhé. Vợ hẳn sẽ không có ý kiến gì đâu – rốt cuộc thì cậu đã tác hợp cho hai đứa nó mà.”

Mối tình đầu của Beth – chàng trai đẹp nhất cô từng gặp, với những kỷ niệm luôn làm lòng cô quặn thắt – rất thường gặp Ellen và các anh của cô, và thỉnh thoảng cũng làm việc với chồng của Ellen về các hợp đồng phát triển nhà đất. Đã mười năm nay Beth không gặp Nick; lần cuối cùng họ gặp nhau là tại đám tang một người bạn của cả hai, một thanh niên đã đến Việt Nam hai lần rồi sau đó tự tử bằng cách tông xe mình vào đầu một xe lửa chở hàng hóa đang lao tới. Trong một điều kiện như thế, dù Beth vẫn còn thả hồn bay bổng tơ tưởng đến Nick, thì họ chỉ chạm sơ má nhau nơi cổ quan tài thôi. Và lúc đó Beth đã tự hỏi, như cô vẫn thường tự hỏi: lẽ ra mình phải lấy anh ấy chứ.

Trước đây Nick Palladino là một cậu con trai hung bạo, không phải típ học sinh, mà là típ trẻ con thích kinh doanh, thường xuyên tập tạ và hện hò những “em gái gợi tình hấp dẫn” từ Biệt thự Playboy ở dưới phố. Nhưng mười năm sau, khi Beth chỉ là một nhiếp ảnh gia báo chí, chỉ có đủ tiền để

mua thuốc lá thì Nick đã sở hữu một công ty riêng. Mười lăm năm sau, khi Beth là một nhiếp ảnh gia báo chí đã bỏ thuốc lá thì Nick đã bán công ty xây dựng của mình với giá cao ngất ngưỡng hơn giá trị thật của nó để mua toàn bộ khu nhà của Beth ở Madison. Anh kết hôn với Trisha, cô vợ tuyệt vời, mảnh mai như công chúa của anh, từng sống đối diện với trường đại học của Beth. Ngày xưa, trên sàn nhà trong sảnh Kale đó, Beth vẫn thường viết thư cho Ellen, cô thấy mình đơn độc giữa một bầy những cô gái tóc vàng Bắc Âu. Và Ellen đã viết trả lời rằng dù chuyện gì xảy ra đi nữa thì Nick cũng sẽ không yêu ai khác, rằng anh sẽ tha thứ cho Beth mọi chuyện nếu Beth quay về lại với anh.

Ngồi trong xe, Beth hát nho nhỏ và nhớ về Trisha.

Trisha từ Maine đến, và cô nàng chưa từng tham gia một lễ hội đường phố để vinh danh Đức Mẹ Núi Carmel. Pat và Beth đưa Trisha đến đám rước nơi những người ăn xin khiêng tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đi khắp phố phường; thiên hạ tranh nhau dán những tờ mười và hai mươi đôla vào chiếc áo choàng bằng gôm của Mẹ. Hai người mua cho Trisha một cốc giấy đầy đậu lupini lạnh và đứng với cô bên cạnh bục của dàn nhạc, và bỗng nhiên Beth cảm nhận được sự có mặt của Nick trước khi cô thấy anh. Anh mặc chiếc áo choàng bằng da màu nâu óng đẹp nhất; và anh khiêu vũ với Beth trước, trong khi Pat đứng đó, đầy cam chịu, chiếc nhẫn của anh trên ngón tay Beth. Và rồi anh nhảy với Trisha; anh nhảy đẹp quá, Beth thấy thật ganh tị; ở khu phía Tây Chicago này không có những cô gái tóc nâu mượt mà, cổ tay thanh mảnh như Trisha. Sau một tiếng đồng hồ, Beth thấy không thể trở lại như xưa được nữa rồi. Khi Trisha kết hôn với Nick, Beth đứng trong buổi lễ cưới, say khướt, và nôn ỉa ra cái áo vải bông mịn hơi dày màu be của mình.

“Mọi người ai cũng có một ai đó cho mình – không, họ nói, tôi có...” Beth hát và băng qua ba làn xe để đi về phía cuối đường cao tốc liên bang 290.

“Con thích khúc đó”, Ben nói.

“Tao ghét khúc đó”, Vincent nói. “Thật ra là tao ghét cả bài hát đó”.

Cô sẽ không nôn nữa, nhưng Beth muốn được say với Ellen, được say, được cười khúc khích, được thềm thì rồi chạy vào phòng tắm như thể họ có rất nhiều điều quan trọng cần kể cho nhau nghe ở trong đó. Cô muốn, từ nay cho đến Chủ Nhật, được quên rằng cô đã có ba con và gần đây lại có một vết thẹo nơi bụng vì sinh mổ.

Beth đã cai sữa cho Kerry dù cô không muốn thế chút nào – tất cả chỉ vì buổi họp lớp gần gũi ấy thôi. Cô đã đi tiệm cho thợ giũa và sơn lại mấy cái móng tay nham nhở của mình. Và cái hông to bè của cô đã giảm được hơn hai xăngtimét nhờ những bài tập thể dục dành riêng cho đôi chân.

Lúc Beth đưa được xe mình vào dưới mái cổng của khách sạn Tremont trên đường School thì Ellen đã vồ ngay lấy vai cô và líu lo: “Cậu đây rồi! Cậu đây rồi!”.

“Cậu tin nổi không,” Ellen thì thềm vào tai cô, “Diane Lundgren cũng có mặt nữa, mà chắc nó phải lên cả trăm rưỡi ký lô. Tớ nói nghiêm túc đó.”

“Ai nữa? Còn ai nữa?” Beth vừa hét vừa bế Kerry ra khỏi ghế dành cho trẻ con. Nhưng lúc đó Ellen đã vồ vập lấy lũ trẻ, hít hít chòm tóc của Kerry làm Kerry nhai nhai mấy cái hạt của chiếc vòng đeo cổ bằng bạc của cô.

“Mẹ đỡ đầu của con đây mà, Kerry Rose Cappadora,” Ellen thủ thủ rồi lần lượt đưa tay kéo hai thằng nhóc thật mạnh vào lòng rồi hôn chúng thật kêu. Hai thằng bé, lúc nào cũng nghĩ chúng là cháu của cô, để cô hôn thoải mái; chúng rất thích Ellen, một người rất tự tin và tràn đầy sức sống so với mẹ Beth luôn thiếu tự tin và bi quan của chúng, như một hiện tượng tự nhiên, như cầu vồng và nhật thực vậy. Ellen hét toáng lên: “Vincent, con bơi được không? Răng con đâu mất rồi?” Cô hôn Jill – người cô vẫn gọi là biểu tượng thời trang của Chicago “Jilly” – rồi khoác lên vai năm sáu cái túi và giỏ của Beth. “Ta đi cất đồ cho gọn ghẽ nào, đồng ý chứ? Rồi Jill có thể đưa lũ trẻ đi tắm hay ăn trưa hay làm gì đó, còn mình thì đi uống chút gì để giải khát.”

“Một giờ trưa rồi, Ellie!” Beth nói, vẫn hơi bối rối thậm chí trước mặt Jill.

“Nhưng mình được tự do mà!” Ellen nhắc cô. “Mình được miễn các trách nhiệm mà. Mình không phải lái xe. Cũng không phải trông trẻ con.”

Beth liếc thấy Vincent đang trừng mắt nhìn. Nó thật sự ghét cô. Với mặc cảm tội lỗi, cô đưa tay kéo nó vào lòng.

“Không biết tớ có được hai phòng thông nhau không,” Beth nói với Ellen.

“Có mà. Tính hết vô thẻ của tớ rồi.”

Beth hết hồn. “Ellen! Làm thế không được!” Ellen có tiền – theo như Beth biết thì mọi người trong ngành xây dựng đều giàu ketch sù. Và dù Pat mơ một ngày nào đó sẽ được làm chủ một phần nhà hàng, còn Beth mơ được thật sự quản lý một tiệm chụp ảnh, có người làm công hăn hoi, thì giờ đây họ vẫn nghèo. Theo như họ nhớ thì từ hồi nào đến giờ họ vẫn nghèo kiệt xác. Có lần, anh Bick của cô đã kể huych toẹt với Beth rằng anh ấy và vợ đang gặp khó khăn về tài chính, rằng họ phải “sống lây lất nhờ tiền lương tháng này và mong chờ tiền lương tháng sau”, Beth đã thấy bụng quặn thắt vì hoảng sợ. Mọi người ai cũng làm thế hết à? Chẳng lẽ cô và Pat đã phải bắt đầu để dành rồi sao? Vào cái tuổi ba mươi này ư? Những người khác có như thế không?

Khoảng cách kinh tế giữa Ellen và Beth thường không thành vấn đề. Ellen gửi qua bưu điện cho Beth những thứ rất ầu ơ – khăn trải giường mua ở tiệm Bloomingdale, hàng ký sôcôla, có lần lại còn gửi cả năm trăm đôla khi Beth khóc lóc kể lể qua điện thoại vì không có tiền để mua quần áo mới cho hai thằng con trong dịp Phục Sinh. Beth gửi cho Ellen những tấm ảnh đẹp nhất cô đã chụp, những bức có chất lượng như ảnh để treo ở phòng trưng bày, những bức ảnh rất đắt tiền, được đóng khung cẩn thận và được treo khắp nhà của Ellen. Ellen trả tiền ăn tại các nhà hàng khi họ đi ăn với nhau; cô còn gửi cho Kerry những trái phiếu tiết kiệm cứ như thể đất nước đang trong thời kỳ chiến tranh không bằng.

Nhưng có nhiều lần Beth từ chối không nhận.

“Cậu không thể trả tiền cho tớ được,” cô đang nói với bạn mình.

“Có..., bao nhiêu nhĩ, có bảy mươi đôla gì đó thôi mà,” Ellen đáp. “Có nhiều nhĩ gì cho cam.”

Beth cố làm ra vẻ hãnh diện nói: “Dù gì thì tớ cũng tự trả được vì tớ đang có việc làm thêm vào ngày Chủ Nhật mà. Tớ đang chụp tượng linh dương ở thảo cầm viên để làm sách quảng cáo.”

Ellen đổi thái độ ngay lập tức. Xét cho cùng thì cô là người đồng sở hữu công ty của chồng mình; nợ vẫn là nợ, ai trả cũng vậy thôi.

“Vậy thì cậu cứ lên chỗ cái đồng lộn xộn kia mà sắp xếp lại đi,” Ellen bảo Beth. Họ đi theo những người khác vào tiền sảnh. Tiền sảnh đầy người; hầu hết tất cả những người từ xa về dự họp mặt đều đăng ký ở đây. Beth chịu thua. Hàng chục người cô nhận ra đi qua trước mặt cô, giống như xem một bộ phim có các ngôi sao từ hàng kỷ nguyên trước – tất cả những gương mặt quen thuộc, tất cả đều đã thay đổi, với những cái tên cô không thể nào nhớ nổi. Cô có thật sự muốn bỏ qua những giây phút tuyệt vời để thương thảo, trong tiếng sập cửa rầm rầm nơi đại sảnh, một vụ giao dịch thẻ tín dụng với một gã hai mươi hai tuổi không? Beth thấy rõ ràng là gã này sẽ chả làm nên cơm cháo gì trong vụ giao dịch đó cả.

“Elizabeth – Elizabeth Kerry xinh đẹp đây rồi!” người đàn ông cao nhất trong tiền sảnh nhắc bổng Beth lên. Wayne Thunder là người Mỹ da đỏ đầu tiên và cũng là người đồng tính đầu tiên Beth quen. Có lần anh ta nói với cô: “Anh bị đồng tính là vì em đó. Vì em không xem anh như một đối tượng quan hệ.” Wayne là người huấn luyện về kỹ năng quản trị, điều hành cho công ty điện thoại; anh rất thành công, đang sống ở Thị Trấn Cổ, và đến ăn mừng lễ Tạ Ơn ở nhà Beth hằng năm.

“Em có đưa mấy đứa nhỏ đến...” – Wayne đổi giọng ngay. “Mấy nhóc này là ai vậy nhĩ?”

Ben và Vincent nháy từng từng lên. Chúng rất mê chú Wayne, người hay lén đem đến cho chúng những hộp pháo bông làm hàng xóm của Beth và Pat đã đề nghị họ dọn đi chỗ khác sau khi Wayne làm cháy hàng rào của nhà bên cạnh. Vừa bế Ben, Wayne vừa bí mật nói khẽ với Ellen và Beth: “Anh gặp

Cecil Lockhart rồi. Cô ấy trông giống Gloria Swanson lắm. Tóc bạc trắng – cô ta cố tình nhuộm như thế đó.” Beth ngạc nhiên khi thấy mình vẫn khó chịu y như ngày xưa mỗi khi nghe đến tên Cecil Lockhart. Cô thấy mình đã mong rằng Cecil – cô gái mắt xám, đẹp như một con thiên nga, lớn lên ngay sát bên nhà Ellen, đối thủ chính và thường xuyên của Beth, người luôn giành được làm đứa bạn thân nhất của Ellen – sẽ không có mặt trong dịp này. Beth cho rằng Cecil (tên thật là Cecilia), nghiên cứu sinh duy nhất của trường đại học Immaculata từ năm cô còn học ở đó, đã gặt hái được nhiều thành công trong lãnh vực sáng tạo hơn mình. Và điều đó luôn làm cô đau khổ.

Cecil là một diễn viên, từng dạy môn kịch nghệ tại nhà hát Guthrie ở thành phố Minneapolis và nhà hát Goodman ở thành phố Chicago – cô đã kết hôn với rất nhiều người. Giờ thì Ellen kể với Beth rằng Cecil vẫn mặc quần áo cỡ nhỏ số sáu, với một cái thắt lưng. Ellen biết thế, vì cô đã gặp Cecil hồi năm ngoái tại một buổi khiêu vũ nghệ thuật. Cecil còn là người đầu tiên trong đám các cô từng làm tình – lúc mười lăm tuổi. Cô ta thích chuyện đó. Có lần, khi còn là sinh viên năm thứ ba, cô ta nói với Beth rằng mình không tưởng tượng nổi làm sao có thể nhịn được cả tháng mà không làm chuyện đó.

Thình lình Beth thấy những cô hoạt náo viên. Họ đứng tùm lại nơi bàn giấy, mỗi nhóm tám người, vẫn là một nhóm, như thể họ đã trưởng thành thật êm thấm theo hình kim tự tháp. Chồng họ, những người cổ to bè, điềm tĩnh, đứng sau lưng họ. Khi thấy Beth và Ellen, họ lao tới.

“Bethie!” Jane Augustino, Becky Noble, Barbara Kelliher đều hét lên. Họ ôm chầm lấy Beth, người họ nhớ chỉ vì là cô bạn nổi khổ lùn tí của Ellen, cô đồng nghiệp người vùng Amazon của họ, và vì cô không thừa hưởng được chút gì từ người cha vùng Sicily ngoại trừ cái tên. Ellen, một nhà cách mạng từng đọc cuốn *Manchild in the Promised Land*, thực sự chưa bao giờ thích chuyện nhảy tưng tưng để cổ vũ; cô tâm sự với Beth rằng mình đã từng làm chuyện ấy chỉ vì nó là thứ để mời chài bọn con trai rất đạt. Thậm chí cách đây mười lăm năm, Beth còn không chịu tập nhảy lộn vòng dù chỉ để kiếm tiền. Nhưng giờ thì cô sung sướng ôm tất cả các bạn gái, những cô bạn thuộc

hàng nổi tiếng nhất trường, cẩn thận chú ý đến cặp đùi lùn tịt, chắc nụi của Barbara, đến mái tóc vàng hoe cứng đơ của Becky, đáp lại lời khen của họ về nụ cười tươi như hoa phôi một cái răng của bé Kerry. Và khi cô quay lại với chiếc xe đẩy hành lý, cô loạng choạng ngã dúi dụi vào ngực Nick Palladino.

“Sao em có được mấy nhóc tì này hay thế?” anh hỏi. Và Beth thấy chao đảo.

“Em chỉ tạo ra chúng với những thứ tụi em có thôi,” cô đáp. Cô và Nick ôm chào nhau; rồi Trisha tiến đến ôm cô. Nick và Trisha mặc hai bộ đồ vải bông trắng mà nếu một ai khác mặc thì trông sẽ rất buồn cười. Trên người họ, hai bộ quần áo trông giống như trang đôi quảng cáo trên tờ *Town and Country* vậy.

Beth kéo Jill lại gần. “Nick này, đây là Jill, cháu họ của Pat.” Ellen ôm chào Nick. Rồi Nick quay sang Vincent bắt tay nó.

“Chú suýt là bố cháu rồi đó,” anh nói nhỏ với Vincent, vừa không để Trisha nghe nhưng cũng để làm vui lòng Beth. Cô khúc khích cười và đến xếp hàng để vào quầy lễ tân.

“Bố cháu là Patrick Cappadora,” Vincent dữ tợn đáp lời Nick.

“Jill này,” Beth nói. “Đẩy cái xe này tới thang máy rồi lấy chìa khóa đi đậu xe đi cưng.” Cô giao Kerry cho Ellen rồi đặt Vincent lên xe đẩy hành lý. “Vincent, mẹ muốn con nắm tay Ben. Nắm thật chặt đấy. Con có thể nhìn khắp chung quanh khi đứng trên cái xe buồn cười này. Nhưng nhớ nắm tay em khi mẹ trả tiền cho bà kia nhé. Rồi sau đó thì con có thể đi bơi.” Vincent hờ hững nắm tay Ben.

“Em thương anh lắm, Vincent à,” Ben vừa nói vừa cố đến gần mấy món đồ chơi trên kệ đựng báo.

Vincent cười gượng.

“Em nói thương con đó,” Beth nhắc. “Con không dễ thương với em được một tí sao?”

“Anh cũng thương em, Ben,” Vincent mệt mỏi nói. “Con nóng quá, mẹ. Cổ con ngứa muốn chết đây.”

Và lúc đó – Beth sẽ không bao giờ có thể xua tan hình ảnh này khỏi tâm trí, dù cô có thể xua được những cảnh tượng quý giá lộn xộn khác – Vincent đã có một trong những giây phút rất ân cần lạ lùng mà nó chỉ thể hiện với Ben hay Kerry chứ chưa bao giờ với Beth. Và thậm chí cũng chưa bao giờ với Pat nữa, vì tình yêu Vincent dành cho Pat là tuyệt đối.

Vincent đưa tay ra ôm chặt ngang bụng Ben và giả vờ đưa một ngón tay vào nách Ben. “Cù nách này, cù nách này, cu Ben tóc quăn già khú này.” Nó nói thế, còn Ben vắn vẹo người vì khoái chí.

Ừ, được đấy, Beth nghĩ.

Cô nói: “Giờ thì chỉ cần một phút nữa thôi nghe con. Chị Jill đang lấy mấy túi xách. Con đứng đây nhé.” Nick đã bỏ đi chỗ khác. Cô có thể thấy Ellen đang bị cánh đàn ông vây kín, với vòng hoa màu hồng trên đầu cao hơn hẳn mấy phụ nữ khác, đang cầm tay Kerry vẫy vẫy tạm biệt. Beth tiến đến quầy tiếp tân. Cô gái đứng nơi quầy đang nói điện thoại với ai đó ở sân bay, cô giải thích một cách gay gắt rằng không, không có chiếc xe buýt nào như thế cả, và không, cô ta không biết một công ty tắc-xi nào đang hoạt động ở vùng này cả, và dù sao thì cô ta cũng đang rất bận. Quá mệt mỏi, cuối cùng cô nàng quay sang Beth, chật vật lắm mới thấy được Vincent đang nhô lên thụp xuống trên chiếc xe đẩy hành lý, và gọi: “Thưa bà?” Beth đang lướt nhìn mấy cái cửa để tìm bóng dáng Jill; đậu một cái xe phải mất bao lâu nhỉ? Bị hỏi bất thành lời, Beth giật mình làm rơi ví lên quầy, suýt đổ tràn các thứ trong ví xuống đùi cô gái.

Có lẽ chỉ mất năm phút. Dù cô gái quá chậm chạp, dù lúc đầu do nhầm lẫn, Beth đã đưa cô thẻ mua xăng, và cô ta đã quẹt nó mà chẳng để ý đó không phải là thẻ Visa. Chắc chắn không phải là mười phút, sau này Beth thường nói với cảnh sát như thế, dù Beth tình cờ gặp một người em họ của

Pat, và là người cùng làm những bài thí nghiệm khi xưa với cô khi còn học trung học, Jimmy Daugherty, bây giờ làm cảnh sát ở Parkside. Tối đa là mười phút, không hơn.

Cuối cùng, tay cầm một xấp giấy than, với cái ví, và nùm vú giả của Kerry, Beth đi về phía thang máy. Vincent đang đứng ủ rũ dựa vào tường, lấy chân chậm chậm đẩy tới đẩy lui chiếc xe đẩy hành lý.

“Em Ben đâu con?” Beth hỏi.

Vincent nhún vai rất điệu nghệ. “Nó không cho con nắm tay. Nó muốn đi Ellen cơ. Cổ con ngứa muốn chết đây mẹ à. Con bị rôm cắn.”

Beth lơ đãng kiểm tra cổ nó, đầy vết mẩn đỏ. “Chờ chút nghe con.” Cô tìm Ellen trong tiền sảnh; cô ấy kia rồi, thật dễ tìm. Beth huýt sáo. Ellen, tay bế Kerry, đang khó nhọc len tới phía cô.

“Cậu có giữ Ben đó không?” Beth hỏi; sau này cô thường nhớ lại rằng lúc đó cô không hề hoảng loạn. Không giống cái cách cô đã cảm nhận ngay lập tức tại một hội chợ của tiểu bang khi Ben mới lên hai, đi lang thang, rồi đám đông khép lại chung quanh nó. Cô không có cái cảm giác chới với tiếp theo là mê loạn đó. Ben đang ở trong tiền sảnh mà. Tiền sảnh chật ních những người, toàn là người tốt, những người trưởng thành biết Beth, những người sẽ hỏi một đứa bé rằng mẹ nó đâu. “Ellen, Ben đi mất rồi. Mình phải tìm nó trước đã.”

Ellen đảo mắt rồi đi về phía kệ đựng báo. Có đồ chơi trên những cái giá quay quay – những miếng mồi nhử con nít. Beth đi ra ngoài kiểm tra cẩn thận cả hai phía dọc theo con phố rực nắng, rồi quay trở lại, đi vòng quanh khu thang máy, và lao thẳng vào quán cà phê đang vắng khách. Có phải cô hầu bàn duy nhất kia đã thấy một thằng bé đội mũ bóng chày đỏ? Không. Beth quỳ xuống trên hai đầu gối rồi nhìn qua đám đông cỡ chiều cao của Ben. Nhưng chỉ thấy những đôi chân mang giày cao gót hay đế thấp. Cô chạy trở lại thang máy. “Vincent, con nghĩ kỹ lại xem, Ben đi về phía nào?”

“Con không biết.”

“Con không trông chừng em à?”

“Con không thể thấy nó.”

Chính lúc đó Beth mới thở hổn hển, và hai bàn tay cô ngửa ran, y hệt như lần cô suýt đụng phải một xe hơi khác và suýt bị trặc mắt cá chân. *Ben ơi!* Cô nhủ thầm. *Dùng tâm trí mà nghe tiếng mẹ đi con.* Ellen chậm chậm len lỏi qua đám đông, nhìn Beth dò hỏi.

“Nó không ở đằng kia.”

“Ellenie...”

“Tụi mình phải báo cho người quản lý khách sạn.”

“Tớ không biết; có lẽ mình nên chờ...”

“Không, mình phải báo cho người quản lý.”

Cô gái nơi quầy nói ông quản lý đang ăn trưa, và nếu họ muốn thì họ có thể điền vào một cái đơn tả những gì họ mất.

“Những gì chúng tôi mất là một đứa bé!” Ellen hét vào mặt cô ta.

“Gì cũng được. Ông quản lý sẽ trở lại lúc...” cô gái nói.

Ellen chạy nhanh qua sảnh chờ và nhảy lên một xe đẩy hành lý. Cô ấy cao gần một mét tám, và thậm chí trước khi cô hét lên “NGỪNG LẠI!” thì cả đám bạn cũ đã quay lại nhìn cô rồi. Và khi cô hét lên thì tất cả mọi người đều ngừng lại như thể một công tắc đã được bật. Điện thoại reo vang. Một nhân viên trực tầng ở phía ngoài gọi: “Ông Chuck!”

“Tất cả chúng ta cần phải tìm đứa con trai nhỏ của Beth Kerry,” Ellen nói. “Cháu ba tuổi, tên là Ben, và vừa có mặt ở đây cách đây một phút. Chắc cháu đang ở trong phòng. Vậy hãy chia nhau đi tìm chung quanh chỗ các bạn đang đứng đi. Và nếu bạn nào tìm ra cháu thì hãy bế cháu lên và đứng yên nhé.”

Và tất cả đã làm như thế. Họ để những cái túi xuống chân, tiền sảnh òa lên như một ban hợp xướng gồm nhiều giọng hát với những âm vực khác

nhau: “Ben ơi. Ben.” Beth là người hét to nhất. Jimmy Daugherty chia tiền sảnh ra làm hai và phân chia mọi người ra thành bốn nhóm. Nick chạy xuống hành lang tầng một. Hai mươi phút sau, có vài nhóm mới đến đang chào nhau, nhưng hầu hết những người đứng gần Beth đều dõi theo cô, mắt họ ánh lên vẻ thương hại lẫn bối rối.

Ben đã biến mất.

Chính Jimmy là người đề nghị báo cho cảnh sát – không phải vì không tìm ra thằng bé, nhưng như thế sẽ làm mọi việc tiến triển nhanh hơn. Jimmy biết tất cả mọi người ở Parkside; thật ra, nếu không vì cuộc họp mặt này thì hôm nay anh ta đang làm việc. “Tớ sẽ chịu trách nhiệm cho ca này, Bethie ạ, và những người này là những người giỏi. Bọn tớ sẽ điều đến đây mấy đội.” Sở cảnh sát chỉ cách đây khoảng hơn một cây số.

“Bethie này, cậu sẽ yên tâm ngay thôi,” Jimmy nói. “Có lẽ nó đang ngủ trong tủ đựng khăn mặt, khăn tắm, khăn trải giường ấy mà.”

Người quản lý, một người mập mạp, hơi dị thường, đã trở lại sau bữa ăn trưa. Ông giận dữ vung tay nhấc móc cô thư ký ở quầy lễ tân, và đem cà phê đến mời Ellen – vì nghĩ cô là mẹ của đứa bé. Ông đã kiểm tra mấy cánh cửa dẫn đến hồ bơi để chắc rằng chúng đã được khóa, rồi gọi bảo vệ, hóa ra lại là hai người đàn ông lớn tuổi vạm vỡ mặc đồng phục rộng thùng thình màu tím.

Beth ngồi trên xe đẩy hành lý đưa tay vuốt ngược tóc ra sau. Cô tưởng tượng mình đang đi dọc hành lang, đẩy tung mọi cánh cửa đang khép hờ và gọi Ben với chất giọng trong trẻo y như giọng của ca sĩ Doris Day để chào đón nó. Thật ra đôi chân cô đã mềm nhũn, cô đứng không vững nữa. Vincent nằm cuộn tròn ngủ sau lưng cô, tay ôm chặt cái chân của Ben. Jill đã bế Kerry lên lầu và đặt nó xuống giường.

Đã hai giờ kém năm. Beth có mặt trong khách sạn được gần một tiếng đồng hồ rồi.

Sau cuộc tìm kiếm thất bại đầu tiên, bóng dáng những cựu học sinh thưa thớt dần nơi tiền sảnh.

Beth nhìn mọi người lẩn đi, họ nói năng nhỏ nhẹ và không biết nên làm gì. Họ có nên tiếp tục chào hỏi nhau như chưa có chuyện gì xảy ra? Tham gia vào việc tìm kiếm? Đi ra ngoài ăn trưa? Đi về nhà? Có hai người đàn ông trong quầy đang uống rượu và xem bóng đá trên chiếc tivi treo trên tường. Nhưng họ đã không có mặt ở đây khi Ben mất tích. Beth không trách họ dù cô nhận ra họ. Họ chỉ là những đấng ông chồng thuần túy. Họ không phải bạn cô.

Khi Jimmy gọi điện thoại xong, anh trở lại nói: “Đúng như tớ nghĩ. Họ sẽ phái một nhóm người đến đây, chỉ là chuyện nhỏ, họ sẽ kiểm tra kỹ lưỡng từng tầng một, và sẽ tìm ra nó ngay ấy mà.”

Ellen hỏi anh: “Nếu Ben ra khỏi khách sạn rồi thì sao?”

Jimmy trông có vẻ đau khổ. “Mình, ... à, vài người sẽ đi tìm ở bên ngoài nữa. Nhưng Bethie này, chưa có tai nạn nào được báo cáo cả.” Tai nạn ư? Trong đầu Beth thoáng hiện một nguy cơ mới. Ben có thể bị xe đụng, bị một tên tội phạm bắt, bị tông rơi xuống mương, bị xe lửa cán bẹp dí... Beth vòng tay ôm lấy thân mình thật chặt. Cô thường bình tĩnh đối mặt với hoảng sợ. Những người mang họ Kerry đều như thế cả.

Giờ thì Ben đã mất tích được đúng một tiếng. Chỉ trừ những khi Beth đi làm hay đi ra ngoài ăn tối với Pat một năm hai lần, hay lần đi sinh Kerry, còn thì Ben chưa bao giờ rời Beth đến một tiếng trong suốt ba năm của đời nó.

Vậy thì có vẻ nghiêm trọng rồi đây. Nghiêm trọng thật rồi, không thể không sợ được. Beth cần tập trung cái tôi của cô, cái tôi mà trong những ngày làm báo của cô đã bình tĩnh in xong trước một giờ sáng những bức ảnh của một đám cháy vào ban đêm, vừa kịp cho số báo ra đầu tiên trong ngày. Chính cô có lần đã tìm ra cách nắn cánh tay bị trặc của Vincent vào lại vị trí cũ, khi cánh tay nó rũ liệt, đong đưa như một dụng cụ thông cống đang treo toong teng trên một sợi dây cao su. Chính cô đã cầm máu cho mấy cái trán đang ồng ộc máu tuôn; cũng chính cô đã giúp những đứa trẻ phải ói ra thứ thuốc giảm căng cơ. Cái tôi đó đấu tranh với chính bản thân cô hồi lâu và rồi

thoát ra được. Cô vuốt mặt. Mặt cô nhót nhọt như thế đã lâu rồi chưa được rửa.

Kim đồng hồ cứ chậm chậm nhích tới. Trong khi cô tập trung vào gương mặt mình thì tám phút nữa đã trôi qua.

Ben đã mất tích một tiếng tám phút rồi.

“Bethie này,” Jimmy cố ý nói thật tự nhiên. “Đây là Calvin Taylor. Anh ấy là cộng sự với mình. Mọi người đang trên đường đến đây. Một ngày không bận rộn lắm ở sở cảnh sát cũ. Calvin à, đây là Beth Cappadora. Thằng bé là con cô ấy.”

Beth ngược lên; cô thấy mình thật nhỏ nhoi, như ếch ngồi đáy giếng. Thật sung sướng khi được ngược lên, được cúi xuống, ở một nơi mà cô chẳng thể làm gì, chẳng thể đập phá gì, cũng chẳng nhận trách nhiệm nào. Cô thắc mắc không biết Taylor có thể thấy cô hay không. Calvin Taylor, đeo kính cận, thân hình thon thả, ân cần nói với cái giọng Jamaica rất du dương của mình: “Đừng lo, bà mẹ ạ. Chúng tôi chưa để mất đứa trẻ nào.”

Anh ta ngồi xuống cạnh Beth rồi hỏi cô một loạt những câu hỏi nhẹ nhàng về Ben – về kích cỡ và tuổi của nó, nó đang mặc gì và đang đứng đâu khi cô trông thấy nó lần cuối. Beth trả lời nho nhỏ. Khi Wayne đến, Calvin Taylor bắt tay anh và hỏi kết quả vụ tìm kiếm trên lầu một. Sau đó, anh thân mật nói: “Chà, ông Thunder, có vẻ như không còn gì cho chúng tôi làm ngoài việc mở thêm vài cánh cửa nữa.” Mặt Wayne rạng rỡ tự hào: cảnh sát đã tuyên dương anh! Beth suýt phá ra cười ngặt nghẽo.

Jimmy và Taylor bảo người quản lý đang muốn lảng đi chỗ khác đưa cho họ chiếc chìa khóa vạn năng; họ sẽ phải mở hai trăm căn phòng.

“Ôi, nhưng trong các phòng đang có khách...” người quản lý căng thẳng.

“Chúng tôi sẽ gõ cửa,” Taylor nói.

Tiền sảnh đây những thanh niên đẹp trai – hầu như tất cả đều thấp bé, người Ai-len, người Ý, vài người da đen, một cô gái Đức cao ráo tóc vàng.

Một cô gái với mái tóc nâu dài được búi gọn ghẽ, vụng về trong bộ quần phục không vừa với thân hình. Cô đến ngồi xuống cạnh Beth trên chiếc xe đẩy hành lý. Cô nói: “Chắc chị sợ lắm nhỉ. Đừng lo. Chúng tôi sẽ tìm được thằng bé mà. Tôi muốn nói là tôi đã ở trong ngành cảnh sát được năm năm rồi, và tôi đã tìm cả chục đứa bé và chúng tôi luôn tìm ra chúng.” Cô dừng lại nhìn Beth đang nhịp nhàng giật giật tóc mình. “Chúng tôi luôn tìm được chúng, và chúng luôn được bình an. Luôn bình an vô sự.”

Beth không biết phải làm gì với Vincent; cô nghĩ mình nên an ủi nó. Cô nhìn con đang ngủ, người co rúm lại.

“Bà muốn ăn chút gì không?” người quản lý hỏi Ellen. Giờ thì mặt ông ta đã hồng hào trở lại và người nông nặc mùi thuốc lá.

“Tôi không phải mẹ nó,” Ellen đáp. Người quản lý thở dài rõ to rồi quay sang Beth.

“Bà muốn ăn gì không ạ?”

Beth suy nghĩ. Miệng cô đắng chát, cô nghĩ mình không thể ăn gì được vào lúc này.

“Cho tôi xin một ly vodka và một chai nước ngọt,” cô nói. Miệng người quản lý tròn vo vì ngạc nhiên, nhưng ông ta cũng vội vàng đi, và búng tay gọi anh chàng pha rượu.

“Đây là công việc giấy tờ, thưa chị,” cô cảnh sát với búi tóc nâu thật đẹp nói. “Tôi phải hỏi chị vài điều, thưa chị Cappadora. Ý tôi là thậm chí nếu ta có tìm được cháu bé trong năm phút nữa thì cũng phải làm một bản báo cáo, phải vậy thôi. Và chúng tôi cần một bản miêu tả chi tiết nhất để gửi đến các phòng ban khác – nếu chúng tôi cần phải gửi đi, mà thường thì chúng tôi không cần làm thế.”

Beth biết mình sẽ thấy việc này là bình thường, cái lệ thường này, cái trò oái oăm này và toàn bộ những sự phi lý của nó. Người ta muốn đảm bảo với Beth rằng bất cứ lúc nào họ cũng có thể bế cao ra khỏi cửa thang máy như người ta đang nâng cúp bạc một thằng bé Ben đầu bù tóc rối, tay cầm một

mớ quân bài có hình cầu thủ bóng chày được một cảnh sát thân thiện đưa cho. Mọi người sẽ cười hớn hở, mọi người sẽ mắng mỏ Ben. “Cháu làm cho mẹ cháu chết khiếp đó, cưng à...”

“... ba tuổi ạ?” cô cảnh sát hỏi.

“Ừ”, Beth nói. “Sao cơ?”

“Con chị ba tuổi phải không?”

“Vừa bước sang tuổi thứ ba.”

“Sinh ngày mấy ạ?”

“Ngày một tháng Tư.”

“Ngày Cá tháng Tư?”

“Đúng vậy.”

“Còn tóc cháu... nâu phải không?”

“Đỏ. Tóc nó đỏ đậm. Nâu đỏ. Với một mũ bóng chày màu đỏ. Lúc đó nó mặc một áo sơ mi màu cam có in một con cá đỏ. Với quần soọc tím. Chân mang giày ba ta. Toàn đồ mới cả. Có hình hai con vẹt nữa”, Beth cắn môi; cô biết tả như thế nghe có vẻ cô đã không mấy quan tâm đến việc mua những bộ quần áo màu sắc hài hòa cho mấy đứa con mình. Nhưng ai chú ý đến quần áo của một đứa trẻ ngồi trong xe hơi chứ? Cô đưa mắt nhìn cô cảnh sát tóc nâu. Cô ta sẽ chú ý. Có lẽ cô ấy là một bà mẹ luôn quan tâm đến con cái.

Và thành linh cô tự vấn tại sao nhóm cảnh sát không thông báo với nhau về bề ngoài của Ben? Phải chăng đây là liệu pháp chữa trị, hay là một chiến thuật khi cứ lặp đi lặp lại mấy điều này?

“Và chị Cappadora này, chị nói chị sống ở đâu nhỉ?”

Beth co người lại rồi cố tập trung nói thật chính xác và chi tiết. Cô phải làm như thể mình là Pat.

Cô nói cho cô cảnh sát biết về kỹ năng ngôn ngữ của Ben, về những gì nó sợ (bão tố, tất cả những gì liên quan đến nước, và máu) và thói quen hay núp trong các xó xỉnh của nó (có lần nó núp trong một máy sấy, ôi thật khủng khiếp, nhưng may mà chỉ trong chốc lát thôi.). Cô tả thật chi tiết vết chàm của Ben, cái vết hình chữ V rất chuẩn – một chữ V ngược có màu tro ngay trên đùi trái nó. “Tôi đã nghĩ đến chuyện xóa vết bớt đó đi rồi nhưng vị bác sĩ chuyên khoa da liễu bảo tôi rằng nó không hại gì, chỉ là quá thừa sắc tố thôi, vì thế bà ta không đụng chạm gì đến nó cả.” Cảm thấy cô cảnh sát hơi bồn chồn, Beth nói tiếp về Vincent, nó đã được đánh thức và đi với Ellen để mua xăng-úych rồi. Nó là một đứa khó tính, nhưng nó yêu Ben và luôn bảo vệ em. “Bé Kerry được đặt theo tên tôi,” Beth nói. “Ý tôi là không phải tên Beth, mà là họ của tôi, họ Kerry ấy. Từ trước khi tôi lập gia đình cơ. Chúng tôi dự định đặt cho Ben cái tên đó, Kerry..., tôi muốn thế, nhưng Pat – chồng tôi – nói: ‘Sao không đặt cho nó là Fairy, là Bà Tiên luôn đi.’ Vì thế chúng tôi lấy tên đó đặt cho con gái. Tên của Ben được đặt theo tên anh tôi....” Cô tiếp tục lảm nhảm; trong khi tiền sảnh giờ lại đầy các cảnh sát cô chưa từng thấy.

Beth thấy hai người trong bọn họ mở một bàn gấp ra đặt trong một phòng nhỏ cách xa tiền sảnh, căn phòng có lẽ được dùng để treo áo choàng, rồi đặt lên đó rất nhiều điện thoại di động và một radiô nhỏ khi thì kêu rè rè, lúc lại la quang quác.

“Họ đang làm gì thế?” Beth hỏi.

“Họ đang lập một trung tâm chỉ huy”, một nữ cảnh sát đeo bảng tên G. Clemons đáp lời cô.

“Để làm gì chứ?”

“À, để liên lạc với sở cảnh sát và để nhận các cuộc gọi từ cảnh sát tiểu bang hay từ các phòng ban khác.”

“Các phòng ban khác à?”

“Vâng. Hay những gợi ý từ mọi người. Hay bất cứ cú điện thoại nào. Ý tôi là, nếu chúng tôi biết chắc rằng có một ai khác có liên quan đến vụ này, thì có lẽ đã là một chiến dịch lớn rồi. Nhưng những gợi ý chúng tôi sẽ nhận có thể...”

“Gợi ý à? Nhưng làm sao người ta biết phải gọi đến đâu?” Beth hỏi và rồi những câu nói bóng gió của G. Clemons làm cô giật mình. Một ai đó, có thể lắm chứ.

“Xin chị chờ cho một chút, chị Cappadora”, vừa nhét lọn tóc xoắn vào búi tóc được búi cẩn thận sau đầu, cô cảnh sát Clemons vừa nói thật nhanh với thám tử Taylor. Anh ta cầm lấy tờ giấy cô đã ghi chép, tự mình ghi thêm vào đó ít chữ rồi đi về phía cái điện thoại.

“Chúng tôi sẽ phát đi một ISPEN, chị Cappadora ạ. Đó là Hệ thống Khẩn cấp của Cảnh sát thuộc bang Illinois. Nghe cứ như tên một loại xúp với một đồng mẫu tự làm bằng bột lòn nhồn trong đó ấy nhỉ?” Búi tóc cô khẽ lắc lư như thể nó cũng quan tâm. *Cô ta vẫn đang cố không làm mình sợ*, Beth nghĩ. “Tần số đó được nghe và ghi lại bởi tất cả các phòng ban trên toàn tiểu bang. Ví dụ, đây là Quận Ba, gần Chicago, nhưng chúng tôi cũng phát đi xa tận đến những vùng ngoại ô phía Tây và phía Bắc...”

“Một thành phố nhỏ như thế này mà quý vị có nhiều cảnh sát đến thế cơ à?”

“Ồ, không phải tất cả đều là cảnh sát của Parkside đâu, thưa chị Cappadora”, Clemons nói. “Có cả cảnh sát từ Chester, Barkley và Rosewell đến nữa.”

Beth trở mắt nhìn cô ta. “Vậy là quý vị bắt đầu lo rồi à?”

“Chúng tôi xem việc không tìm được một đứa trẻ nhỏ như thế sau chừng ấy thời gian là rất, rất nghiêm trọng, chị Cappadora ạ.”

Lúc đó đã ba giờ chiều. Ben đã mất tích được hai tiếng rồi.

Cứ mỗi lối ra lại có hai cảnh sát, và một phần của đường xe chạy vòng tròn dẫn vào tòa nhà thì toàn xe xanh và trắng, giống như trò chơi ghép hình với những mảnh đang dần dần được lắp đầy. Jimmy Daugherty băng qua trước cửa xoay. Beth xin lỗi rồi mệch nhọc lão đảo đi đến bên anh. Cô xin anh một điếu Marlboro. Anh đốt thuốc cho cô.

“Bethie này, Pat sẽ có mặt ở đây, phải không?”

Beth giật mình. “Tớ chưa gọi cho Pat.”

Jimmy dụi tắt điếu thuốc, anh xoắn mạnh nó bằng ngón trỏ và ngón cái. “Cậu chưa gọi cho Pat à?”

“Mình tưởng chúng ta sẽ tìm ra nó ngay, mà Pat còn đang phải làm việc”, giọng cô giống như giọng một người gốc ghêch sắp sửa cảm rằm rằng mình đã làm mất cục xà phòng ưa thích nhất vậy. “Có ai nhắc mình gọi cho Pat đâu!” cô cố vớt vát. Nhưng như vậy lại càng tệ hơn. Trong lúc bối rối bời bời thì ai lại chả gọi điện báo cho người thân với mình nhất chứ? Cha của đứa bé ấy.

“Giờ thì cậu gọi đi”, Jimmy nhẹ nhàng bảo cô.

Hừm, Beth nghĩ, mình sẽ không gọi đâu.

“Còn người thân của cậu? Họ vẫn còn ở đây cả chứ?”

Cũng không gọi họ, Beth nghĩ. Không đời nào.

Pat sẽ không bao giờ để một đứa bé ba tuổi đi lang thang một mình. Anh sẽ chuẩn bị thật nhanh, thật kỹ lưỡng và bao giờ cũng an toàn, anh sẽ ngoắc Ellen tới, hay chờ cho đến khi giao được Vincent và Ben cho Jill. Anh sẽ có được ba phút quý giá cần thiết cho sự an toàn của Ben chứ không làm những việc ngớ ngẩn như Beth đã làm, sẽ không cố tìm cách đi ngang về tắt, không cắt xén thời gian, hay gộp các việc lại làm cùng một lúc. Anh sẽ không làm những gì Beth đã làm như khi cô đặt cái đĩa nóng trên góc quầy bếp rồi đi gọi điện thoại và để mặc cái đĩa rơi xuống đất. Anh lúc nào cũng lo xa.

Bố mẹ của anh và Beth đều biết điều này.

Beth nói không, cô sẽ không làm phiền bố mẹ họ lúc này.

“Tớ nghĩ biết đâu làm như thế là tốt nhất đấy”, Jimmy nói. “Vì cậu có thể đang gặp một tình huống tranh chấp trong gia đình, khi mà các cụ muốn có đứa trẻ. Thật ra, Bethie ạ, không phải tớ đang áp dụng kiểu đánh giá tình huống như bình thường vẫn làm, vì tớ biết rõ cậu và Pat, cùng gia đình Cappadora nữa. Nhưng ai mà biết được? Thật vậy, ngay từ đầu sếp tớ đã bảo rằng nên phái ai đó đến nhà và nói chuyện với họ.”

“Đến nhà ông bà Angelo và Rosie ấy à?”

“Đúng vậy. Người nhà của Pat. Tớ biết họ, nhưng không cần phải báo trước là chúng ta sẽ đến.”

“Ý cậu là có thể ông bà nội nó đang giữ nó?”

“Chuyện gì cũng có thể xảy ra được cả. Một mối thù truyền kiếp của gia đình chẳng hạn.”

“Ôi, không đâu, Jimmy. Rosie và Angelo quý Ben lắm.”

“Đó chính là điều tớ muốn nói đấy.”

“Không có vấn đề gì liên can đến Pat và tớ hay bất cứ điều gì cả. Thậm chí họ còn không biết tớ đang ở Chicago nữa, cả bố tớ cũng thế.”

“Thiên hạ vẫn làm những điều kỳ quặc, Bethie ạ.”

Cảnh sát thông minh như thế đó. Toàn bộ sự việc đã xảy ra quá nhanh. Sao đột nhiên tất cả những người này lại lo lắng quá thế? Jimmy có thấy nực cười và mất thì giờ không khi phái một xe cảnh sát đến ngôi nhà kiểu nông trang của ông bà Angelo và Rosie để hỏi xem họ có bắt cóc đứa cháu nội không, đứa bé mà thậm chí họ còn không biết đang có mặt trong thành phố? Jimmy không nhận ra rằng cô không muốn gặp bố cô hay cha mẹ Pat sao? Đưa họ đến gặp cô à? Cô đã luôn là người kỳ quặc đối với ông Angelo, kỳ lạ đối với cha cô, thậm chí có lẽ với cả bà Rosie, người yêu mến hết thảy mọi người nữa. Nhưng giờ đây, với chuyện này, nếu hai bên cha mẹ đến, cô có chạy đằng trời cũng không thoát được.

Jimmy đưa cô đến bên điện thoại, viết số điện thoại nhà Beth ở Madison rồi quay số giùm cô.

Nhưng khi tiếng điện thoại rè rè vang lên, cô thấy đau thắt trong bụng như thể muốn đi tiêu chảy ngay tại chỗ nên cô trả điện thoại lại cho Jimmy. Ellen đưa cô đến phòng vệ sinh, và vì hai chân Beth không thể gập cong lại được nên Ellen lại phải giúp cô ngồi xuống. Rồi Beth đi vào quầy rượu gọi thêm một ly vodka pha nước khoáng khác; thậm chí cô chẳng buồn trả tiền. Cô không biết ví tiền và cả đôi giày của mình ở đâu nữa. Cô cũng không biết Jill hiện đang ở đâu. Nick Palladino đã xuống và đem cho Vincent một quả bóng nhỏ có một đầu cột vào một sợi dây cao su. Vincent đang dùng cái vợt nhồi bóng lên lên xuống xuống. Wayne, Nick và vài ông chồng của mấy cô thuộc đội cổ vũ đang đứng quanh quầy rượu. Beth ngồi nhìn quai hàm của họ cũng lên lên xuống xuống.

“... để giúp”, Nick nói.

“Gì chứ?”, Beth hỏi.

“Cô ấy thấy nôn nao. Cô ấy muốn về nhà”, Nick nói. “Nhưng anh sẽ trở lại.”

Trisha muốn về nhà với mấy đứa con, Beth nghĩ. Về lại với hai cô con gái nhỏ, để biết chắc rằng chúng đang được bình an, để ôm chúng và ngửi được mùi của chúng. Cô nói: “Không, anh không phải trở lại đâu. Trừ khi anh muốn dự tiệc.”

“Ồ, Beth à, anh nghĩ họ sẽ không tổ chức buổi tiệc nữa đâu”, Nick nói. “Ít nhất là cho đến khi tìm được Ben.”

Nghiêm trọng quá rồi. Sự việc đang trở nên nghiêm trọng quá nhanh. Việc mất đứa con của cô, một việc có-lẽ-không-tạm-thời, nghiêm trọng đến mức đủ để hủy một sự kiện đã được lên kế hoạch cả năm trời cho hai trăm cặp vợ chồng ư? *Nếu nghiêm trọng như thế thì lẽ ra mình phải khóc chứ*, Beth nghĩ. Cô cố rặn ra để khóc. Nhưng mắt cô vẫn ráo hoảnh, vẫn mở thao láo, nhìn chăm chăm vào mấy nút áo có mấy con cá voi nhỏ bằng bạc của Nick.

“Anh sẽ làm bất cứ chuyện gì cho em, Beth ạ”, Nick bảo cô.

“Ồ, vâng”, Beth đáp. Đó có phải là một câu trả lời thích hợp không? Cô thăm dò nét mặt Nick. Đôi mắt đẹp của anh thoáng bối rối. *Lẽ ra mình nên lấy Nick, Beth nghĩ, không cần biết anh ấy thông minh đến cỡ nào. Như vậy thì mình sẽ không có Ben để mất. Như thế sẽ tốt hơn.* Ly của cô đã cạn.

Jimmy Daugherty trở lại và nói anh ta đã gọi điện cho Pat – Pat không có nhà.

“Cậu phải gọi cho nhà hàng cơ.”

“Các cậu có nhà hàng à?”

“Của chú anh ấy. Của gia đình Cappadora, số 741-3333.”

Jimmy ghi lại. Trên đường đến chỗ điện thoại, anh nói thêm: “Đừng lo, Beth ạ. Cậu cứ nhìn quanh mà xem. Lực lượng cảnh sát Marines đã có mặt đây rồi! Sẽ không có gì nghiêm trọng đâu.”

Anh nói có vẻ chắc chắn. Cô cẩn thận nhấp một ngụm rượu.

Ellen đã gọi một chiếc pizza. Vincent muốn ăn pizza nhưng khách sạn không có. Ellen nói tiệm Discipio chỉ cách đây khoảng hơn một cây số. Cô báo với Beth rằng Jill đang nằm nghỉ... và rất lo lắng. Ellen đã giao Kerry cho Barbara Kelliher. “Đừng lo, Beth à, nó đang ở ngay trong phòng nó, phòng số 221, và Becky đang ở với nó. Kerry đang được an toàn, Beth à.”

Beth quyết định không nói với Ellen rằng chuyện đó không quan trọng; cô thật sự không quan tâm đến chuyện Kerry có được an toàn không khi chưa tìm ra được Ben. Cô nói: “Ừ, vậy là tốt rồi.”

Viên cảnh sát Wayne và các nhân viên an ninh mặc đồng phục tím đang quây mọi người đến dự buổi họp lớp trong khách sạn lại; họ tụ tập trong phòng khiêu vũ, và Beth tưởng tượng nó giống như một buổi diễn tập thời trang thật kinh khiếp của một cuộc họp mặt đã được định trước cho tối hôm đó. Cảnh sát sẽ chia ra thành những nhóm nhỏ rồi lục soát lại các căn phòng còn trống, vì họ sợ đã bỏ sót điều gì chẳng. Tất cả những người không liên

quan đến buổi họp lớp đã được đưa đến Parkside Armo cách đó ba khu phố, vì những khách hàng bình thường, chỉ khoảng năm, sáu cặp, rất khó chịu với những nhóm người mặc đồng phục trong tiền sảnh và cả hàng rào cảnh sát bên ngoài nữa.

Người quản lý rất giận dữ và luôn miệng hỏi khi nào thì cuộc điều tra mới chấm dứt. “Còn chưa bắt đầu mà anh bạn,” Jimmy nói.

“Tớ nghĩ khách sạn này không có xe buýt riêng đâu,” Beth nhận xét như thế với Ellen.

Ellen nhìn cô chăm chăm. “Cái gì?”

“Không có gì.” Ly của Beth đã cạn. Cô gơ ly ra và Ellen đem đến quầy rượu.

Đã năm giờ chiều. Ben đã mất tích bốn tiếng rồi.

Beth thấy bụng mình sôi ùng ục; cô buồn nôn quá; có lẽ cô phải ngừng uống thôi. Nhưng quả thật cô thấy mình đang thu nhỏ lại, điều này đã bắt đầu ngay khi cô gặp viên hạ sĩ cảnh sát. Uống tiếp thì tốt hơn, Beth biết chắc như thế. Cô nhận thêm một ly nữa từ tay Nick. Cô cảnh sát có búi tóc nâu đã trở lại.

“Giờ thì, chị Cappadora ạ...” cô ta bắt đầu.

“Gọi tôi là Beth đi”, Beth nói. Cái tên dài quá, tên cô và cả Pat nữa; nếu cô ta cứ gọi thế chắc phải mất cả đêm. Đã tối rồi ư? Chưa, chưa mà. Bên ngoài cửa sổ vẫn còn là chiều, trời vẫn sáng, mặt trời đang chảy chan hòa trên những bóng tròn tạo ra từ mái hiên khách sạn.

“Vâng, và chị có thể gọi tôi là Grace”, cô gái có búi tóc nói.

“Grace Clemons”, Beth nói.

“Đúng rồi!” cô cảnh sát reo lên như thể Beth quá thông minh so với tuổi của cô. “Một điều đôi khi các bậc phụ huynh hay làm là lấy vôn tay của con mình...”

“Vân tay á?” Beth la lớn. Tiền sảnh yên ắng một lúc lâu. Sau đó có tiếng điện thoại reo và những giọng nói thầm thì. Và rồi đột nhiên Beth nhớ ra: “Tôi đã làm rồi, thật đấy. Chúng tôi có chương trình Nhận Diện Trẻ Identita-Kid của trường, áp dụng trên khắp Quận Dane. Chúng tôi có vân tay của cả hai đứa con trai.”

Beth nghĩ Grace Clemons đang muốn nhảy dựng lên. “Thật tuyệt, chị Cappadora! Bây giờ thì chúng ta đã có một công cụ tuyệt vời rồi, điều này sẽ giúp rất nhiều trong việc tìm ra Ben đó.”

Mình có ngu không, Beth nghĩ, hay cô ta đang lừa mình? Nếu họ tìm ra được Ben thì, chà, họ sẽ mang Ben đến cho mẹ nó, và nó sẽ vòng đôi chân ôm quanh người mình như con thú con ôm lấy thân cây. Ai còn cần vân tay nữa chứ? Vân tay chỉ dành cho bọn tội phạm – và các nạn nhân.

Beth có cảm giác mình nghe thấy tiếng động cơ từ rất xa nổ lộp bộp rồi nổ giòn. Nó đó. Quá xa, quá nhanh. Trẻ con được đưa đến bệnh viện, được tìm thấy trong đám cỏ, những đứa trẻ hai bàn tay còn nguyên vẹn nhưng mặt chúng thì...

“Thưa chị Cappadora, chương trình Nhận Diện Trẻ Identita-Kid có thông qua sở cảnh sát địa phương không?”

“À, không – Quận Dane, tôi nói rồi đó”.

“Quận trưởng ạ?”

“Đúng vậy.”

“Là quận nào ạ?”

“Quận Dane.” *Chẳng phải mình vừa nói điều này rồi sao?* Beth tự hỏi.

Grace Clemons gọi một cảnh sát đang đứng ở chỗ mấy chiếc điện thoại lại rồi bảo anh ta liên lạc ngay với sở cảnh sát Quận Dane để lấy một bản fax dấu vân tay. *Quý vị không hiểu, Beth muốn giải thích. Tôi đã cho lấy vân tay của Ben để nó không bị bắt cóc hay đi lạc. Đó là thuốc phòng bệnh, được bỏ*

trong tủ như thuốc Ipecac vậy, để tẩy thuốc độc nếu như mình lỡ uống nhầm; người ta đâu có định dùng nó.

Cô gái có búi tóc nâu lại nói. Clemons. Đúng rồi. Grace. “Xin chị cho biết chuyện gì xảy ra khi chị mới bước vào khách sạn. À, bạn của chị, Elaine...”

“Ellen.”

“Ellen đang ở cùng chị sao?”

“Cô ấy gặp tôi ở bãi đậu xe.”

“Ở bãi đậu xe à?” Grace Clemons nói. “Làm sao chị ấy biết chị đang ở bãi đậu xe?”

“À, cô ấy tìm tôi. Cô ấy cứ đi ra đi vào tìm tôi. Rồi chúng tôi vào đây.”

“Và ngoài Ellen ra, ai là người đầu tiên nói chuyện với chị?”

“À, bạn trai tôi.... Tôi muốn nói là bạn trai cũ... ý tôi là, bạn trai cũ từ hồi trung học, Nick. Và Wayne. Anh bạn Wayne của tôi. Anh ấy cũng là bạn của Pat. Và các cô thuộc đội cổ vũ nữa.” Grace Clemons có vẻ thất vọng. Beth thắc mắc không biết mình đã nói gì sai. Ly của cô lại cạn rồi. Cô giơ nó lên. Ellen xuất hiện từ đâu đó và đỡ lấy cái ly.

Beth nói: “Tớ phải đứng lên một phút mới được.”

Jimmy Daugherty không hiểu sao đã có thì giờ thay bộ lễ phục bằng một sơ-mi và một áo gió mỏng mùa hè. Jimmy vẫn gầy như một vận động viên bơi lội hồi còn là sinh viên năm thứ tư, với những lọn tóc xoắn nâu và một cái cằm giống như cằm của người lính chụp trên tấm áp-phích tuyển mộ lính thủy đánh bộ. Beth liên tưởng thật ngớ ngẩn đến Siêu nhân đang chui vào phòng để quần áo. Anh ta đã nói với Beth mình là thám tử mặc thường phục, và mấy thứ quần áo này rõ là thế thật. Thậm chí anh cũng đã đưa cô xem tấm gia huy có cái khiên bằng vàng, như thế để cam đoan với cô rằng giờ đây cả hai đều đã trưởng thành và sẽ không đánh nhau để giành quyền mõ ếch trong phòng thí nghiệm nữa.

Jimmy đang tiến về phía Beth cùng một phụ nữ cao, yếu điệu, tóc màu nâu nhạt, có đôi bàn tay thanh mảnh với những móng tay được tỉa tót cẩn thận làm Beth liên tưởng đến các bà mẹ trong các lễ hội nhà vườn ở làng Shorewood mà cô đã chụp hình. Cô ta mặc một váy len ngắn kẻ ô và một áo len chui đầu bằng vải bông. *Anh ta sắp giới thiệu mình với vợ anh ta đây*, Beth nghĩ. Cũng có thể lắm chứ. Và rồi cô chợt nhớ ra, Jimmy đã kết hôn với cái cô gái Ricarelli bé nhỏ, Anita – một cô dâu trẻ thơ đã sinh cho anh bốn thằng con trai trước sinh nhật thứ ba mươi của cô ấy.

“Beth này, đây là sếp của tớ”, Jimmy nói. “Đây là thám tử trưởng Bliss.”

“Tôi không phải sếp anh ấy đâu – ai dám làm sếp của Jimmy chứ? Tôi chỉ quản lý các thám tử thôi”, người phụ nữ cười và nói.

“Cô là sếp của cảnh sát ở đây à?” Beth ngu ngơ hỏi.

“Không, chỉ của các thám tử thôi... À, tên tôi là Candy Bliss.”

Beth cười phá lên và khịt khịt mũi; cô không thể nhịn được, nhưng cô lập tức thấy xấu hổ ngay.

Cặp mắt xanh của người phụ nữ ánh lên vẻ vui mừng bí ẩn. “Tôi biết – tên tôi nghe cứ như một vũ nữ thoát y ấy nhỉ?”

Tên em tôi là Belle, cô hiểu chứ? Belle Bliss. Tôi là vũ nữ thoát y; còn nó là nhân tình của một gã gangster. Đó là những gì bố mẹ ta có thể làm cho ta, đúng không?”

Cô ta ngừng lại và ấn ngón tay thanh mảnh lên vết hằn sâu giữa đôi lông mày hình bán nguyệt.

“Không thể tin được là tôi đã nói vậy. Chị Cappadora ạ, tôi muốn chị biết rằng chúng tôi sẽ tìm được đứa con trai bé bỏng của chị. Chúng ta ngồi xuống chứ?” Jimmy bỏ đi chỗ khác.

“Jimmy không cần phải tham gia đâu, tối nay anh ấy được nghỉ,” Beth nói xuôi xị. Cô không muốn Candy Bliss nghĩ mình là người tham lam.

“Ồ, tôi nghĩ là anh ấy muốn thế mà,” Candy Bliss nói. Cô cười thật tươi với Beth rồi quay sang Grace Clemons, và Beth thấy nụ cười tắt ngóm, như thể Bliss vừa phủ cái khăn lên mặt vậy.

Cô ta hỏi: “Đã cho làm bản miêu tả chưa?”

Grace Clemons nói: “Đã ra chỉ thị rồi ạ, và họ đang kiểm tra trong LEADS.”

“Leads? Đầu mối? Ai đã thấy nó?” Beth hỏi.

“Không phải vậy đâu, chị Cappadora. Đó là một hệ thống máy tính,” Candy Bliss giải thích.

“LEADS là từ viết tắt của mấy chữ Hệ thống Phân loại Dữ kiện của cơ quan Giám sát Luật lệ. Nếu có ai đó muốn tìm đứa bé này mà có được tên hay ngày sinh của nó...”

“Nó không biết ngày sinh của nó đâu.”

“À, tên thôi cũng được – tên nó sẽ hiển thị trên máy tính ngay. Chúng tôi sẽ tìm ra được địa điểm của nó.”

“Địa điểm à?”

“Một bệnh viện, nếu nó bị thương – nếu có đơn vị nào đó tìm thấy một đứa trẻ đi một mình.”

Rồi cô nói với cô gái kia: “Thám tử Clemons, giờ thì tôi có thể phụ trách ở đây được rồi. Tôi sẽ cần đến cô để trả lời báo chí nếu mọi việc còn kéo dài lâu hơn nữa, vậy cô hãy chuẩn bị phát biểu đi nhé.” Cô ta nhìn Beth. “Nếu có ai đó hỏi tên nó, Ben có trả lời được không?”

“Được.”

“Vậy thì tôi nghĩ, có lẽ, OK, dùng tên đi, và tả thật chi tiết vào. Nhớ... đưa tôi xem qua trước khi cô đem đi nhé”.

Tắt. Bật. Lại cười rạng rỡ. “Giờ thì,” cô ta nói, “cứ thỏa thuận như vậy nhé.”

Các tỉ lệ cho thấy thường sẽ tìm được Ben trong khoảng một tiếng nữa. “Con nít mất tích luôn ấy mà. Thậm chí trong một thành phố như thế này. Trẻ nhỏ đi lạc từ các lễ hội, từ những sân chơi, từ thư viện. Từ nhà trẻ – khi chuyện đó xảy ra thì ta phải trả giá khá đắt đấy. Chúng đi xuống phố, queo không đúng đường, rồi bị lạc. Nhưng vấn đề là luôn luôn có người tìm được chúng. Và theo tôi thì những gì chúng ta đang phải đối mặt chỉ là vấn đề thời gian giữa việc có ai đó tìm được Ben rồi đưa nó về sở cảnh sát, hay ai đó gọi cho cảnh sát khi đang giữ nó ở nhà họ...”

“Vậy cô đang nghĩ là nó không còn ở trong khách sạn nữa à?” Beth lên tiếng.

“Tính đến giờ phút này thì quả là đã quá lâu. Và chúng tôi tìm kiếm cũng khá kỹ rồi”.

Candy Bliss cho biết bước tiếp theo sẽ là tạo ra những bản đồ mục tiêu của khu vực ngay quanh đây; rồi tìm kiếm một cách có hệ thống – đi từng nhà dọc theo khu phố ngắn gồm mấy cửa tiệm nằm song song với nghĩa trang, cắt ngang tới trường trung học để kiểm tra mấy nhà kho chứa dụng cụ thể thao, các cánh đồng, các khán đài trong sân vận động, bất cứ chỗ nào có thể thu hút sự chú ý của một đứa trẻ.

“Có rất nhiều ông bố và ông nội, ông ngoại ở đây đang rất lo lắng”, cô thám tử nói. “Chúng ta đang có khá nhiều các tình nguyện viên ghé qua đây – những người không phải làm việc tối nay. Nhân tiện thì tôi cũng xin lỗi vì sao tôi đến đây trễ thế: hôm nay là sinh nhật thằng cháu trai tôi, xa tít trên Algonquin ấy.”

“Ồ, thế à, tôi xin lỗi,” Beth gật đầu.

“Chị muốn nói là tôi phải bỏ bữa tiệc sinh nhật đó mà đi à? Không sao đâu. Dù sao thì nó cũng đã nhận được quà của tôi rồi. Một xe cút kít đồ chơi hiệu Tykes”.

“Ben cũng có cái xe đó. Của ông già Noel cho. Cháu cô bao nhiêu tuổi?”

“À, thật ra thì hôm nay nó ba tuổi. Nó ba tuổi”.

Beth vội lấy cái ly rồi uống ực hết một hơi.

Lúc đó bánh pizza đến.

Đã năm giờ rưỡi. Ben đã mất tích được bốn tiếng ba mươi phút rồi.

Cậu bé giao bánh pizza mặc chiếc áo khoác màu đỏvàng đang đi qua cửa xoay thì Pat ào vào như một cơn mưa đá và gạt cậu bé ngã khụy xuống. Từ nhà hàng đến Parkside xa khoảng hai trăm năm mươi cây số. Sau này, Pat thường nói với Beth rằng anh thật sự không hiểu sao mình lại có thể lái xe nhanh đến thế; nhưng theo cô tính thì anh đã đi với tốc độ một trăm sáu mươi cây số một giờ. Không ai chặn anh lại; anh cũng chẳng ngừng xe để trả thuế cầu đường. Anh đã không đóng cánh cửa tủ đông lạnh tại nhà hàng Cappadora và cái ngăn đựng tiền thì lòi ra, mấy ô đựng tiền đầy ắp. Ông trẻ Augie không có mặt ở đó, chỉ có một cô phục vụ mười bảy tuổi và cậu phục vụ Rico.

“Nó đâu?” Pat hỏi người quản lý, người đầu tiên Pat thấy.

“Thằng bé ấy à?” ông ta nói. “Anh hỏi cảnh sát ấy.”

“Paddy ơi,” Jimmy Daugherty nói ngay với vẻ thân mật có được thật dễ dàng mà Beth luôn thèm thường nơi người bạn Ai-len này. “Chúng tôi chưa tìm được nó. Tuy nhiên, sẽ không lâu nữa đâu.”

“Hả?” Pat hét lên. “Sao cơ? Ben đâu? Beth đâu?”

Beth vội vã giấu ly rượu đang uống dở ra sau lưng rồi loạng choạng đứng lên. Pat chạy ào đến chỗ cô, một tay nắm lấy tay cô, còn tay kia đỡ lấy đầu cô như thể cô là một đứa bé. “Bethie,” anh nói với cô thật chậm như thể cô bị lãng tai, “cho anh biết chuyện xảy ra thế nào đi. Ben đang ở đâu?”

Beth hơi nhúc nhích; cô có nên nhún vai, có nên nói không? Có nên giải thích không?

Pat buông cô ra, chẳng dụi dằm cho lắm. “Rồi. Rồi. Tôi hút thuốc ở đây được chứ?” Bốn người cùng chìa bật lửa ra. “Rồi. Rồi. Nơi nào trong khách sạn chưa được lục soát? Tầng hầm à?”

“Chỉ là kho chứa thức ăn ở dưới đó”, người quản lý nói. “Chúng tôi khóa kỹ rồi. Tất cả các cánh cửa dẫn đến kho đều được khóa từ bên ngoài.”

“Ben rất thích các kho chứa thức ăn. Nó lớn lên trong một nhà hàng. Nó thích các tủ đông lạnh và tủ đựng cốc tách bát đĩa.” Anh khoát tay với người quản lý. “Ông đưa tôi đến đó đi.”

“Tôi thấy vô ích thôi,” người quản lý nói.

“Chúng ta cứ xuống đó”, Calvin Taylor bước tới nói. Khi họ bắt đầu đi, Vincent xuất hiện, nó hét lên: “Bố ơi!” Pat ra hiệu cho Vincent ở lại với mẹ.

“Không sao đâu”, Candy Bliss nói. “Chồng chị cần phải làm một điều gì đó. Tất cả chúng ta đều cần như thế. Và tất cả những gì chúng ta sẽ làm là kiểm tra lại nửa tiếng đồng hồ đầu tiên đó một lần nữa. Chị ổn chứ, Beth?”

Lại là nghi thức tế lễ. Xin Chúa xót thương chúng con. Xin Chúa rủ lòng thương chúng con. Rủ lòng thương chúng con bằng nhiều cách và bằng nhiều tên gọi, hết lần này đến lần khác. Bốn phận của Beth là phải trả lời.

Cô có thấy Ben bỏ đi không? Vincent có thấy không? Ben có tiền sử bệnh thiếu chú ý hay rối loạn hệ thần kinh không? Ben có bị cơn tai biến mạch máu não nào chưa? Nó có bị mấy đồ vật óng ánh thu hút không?

Tai biến mạch máu não ư? Đồ vật óng ánh ư?

“Hả?” Beth hỏi cô ta. “Dĩ nhiên là nó thích mấy đồ vật óng ánh. Tất cả trẻ con đều thích đồ vật óng ánh.” Cô giải thích cho Candy Bliss rằng cô đã không thấy gì, không thấy gì ngoại trừ khi đứng ở quầy lễ tân cô chỉ thấy thấp thoáng đầu Vincent nhô lên thụp xuống.

“À, vậy thì chúng ta đi hỏi Vincent nào,” Candy Bliss nói. Cô đứng dậy đến ngồi trên chiếc xe đẩy hành lý, nơi Vincent đang co người lại. “Cháu có muốn giúp các cô chú cảnh sát không, Vincent? Em cháu bị lạc đấy.” Vincent không nhìn cô ta mà nhìn Beth. Beth uể oải gật đầu. “Trước tiên, cô muốn cháu chỉ cho cô biết Ben đã đi về hướng nào.”

Vincent lại ngồi xuống trên chiếc xe đẩy hành lý rồi co rúm người dựa vào bức tường cạnh thang máy, miễn cưỡng nhìn đi chỗ khác cho đến khi Beth đến bế nó vào lòng. Nó dụi đầu vào ngực Beth, lắc đầu lia lịa. Beth dỗ cho nó dịu lại và vén mớ tóc bết mồ hôi của nó sang hai bên trán.

“Con có thể giúp tìm ra Ben đó. Ben già khú tóc xoắn cần con đó”, cô nói với nó. Vincent nhắm tịt mắt lại; cũng giống như cô, Beth nghĩ, *nó muốn thu nhỏ lại còn bằng cái chấm.*

“Nó đang thu nhỏ lại”, cô nói với Candy Bliss; cô ta chớp mắt thật nhanh rồi nhìn đi chỗ khác.

“Nào, cháu ngoan”, cô thám tử giục Vincent. “Em cháu đi lối nào vậy, chỉ cho cô biết đi.”

Vincent đưa cánh tay gầy guộc, ẻo lả chỉ về phía giữa phòng.

Nếu Ben đã đi chập chững – Beth thấy mình dùng từ “chập chững” này khiến Ben nhỏ hơn, giống con nít hơn trong thực tế – về phía đó thì nó phải đến gần Beth hơn chứ.

Nó đã cố đến chỗ Beth.

“Con có chọc vào người em không?” Beth giận dữ hỏi Vincent.

“Không, con không chọc vào em lần nào hết!”

“Em sợ hả? Nó muốn mẹ hả?”

“Không – nó muốn dì Ellen. Nó muốn con đưa nó đến chỗ dì Ellen. Nó nói nó đang đá ra quần.”

Beth nới lỏng vòng tay ôm Vincent; nó chúi về phía trước. Cô lại cào mặt mình – Ben bé bỏng không tự lực được. Ben bối rối và đang tìm một người lớn nó thể tin cậy, bất cứ ai trong số “những người lớn có thể tin cậy được” của nó, để giúp nó sử dụng nhà vệ sinh. Nó có thấy cô không? Nó có gọi cô không? Nó có cố tự tìm một phòng vệ sinh không? Beth đứng dậy, đầu óc quay cuồng, cô lại ngồi phịch xuống chiếc xe đẩy hành lý.

“Tôi nghĩ có một chỗ tốt hơn chỗ này”, Bliss nói. “Chị và cháu ra ngồi trên cái trường kỷ kia đi.”

Nằm xuống đi, Beth nghĩ. Đó là câu người ta luôn đề nghị với những ai đang chờ nghe tin về người sống sót trong các chuyến bay bị rớt, với những ai bối rối, với những người trong các phòng cấp cứu chờ kết quả của các cuộc giải phẫu không còn chút hy vọng nào. *Uống cà phê nhé. Nằm xuống đi. Cố ăn chút gì đi*. Năm ngoái cô cũng đã nói thế với họ hàng của Pat (mẹ của Jill, chị Rachele), khi Jill lúc đó mới là sinh viên năm thứ nhất, bị xe hơi tông lúc đang đi xe đạp khiến chân bị gãy làm bốn khúc. Rachele đã nghe lời cô; chị ấy nằm xuống và ngủ vùi.

Beth nghĩ mình cũng nên nằm xuống; cô buồn nôn quá và bụng cô quặn thắt. Nhưng nếu nằm xuống, cô muốn giải thích cho Candy Bliss, người đang nắm tay cô, rằng điều đó cũng có nghĩa là cô bỏ rơi Ben. Thám tử Bliss có nghĩ là Ben cũng đang nằm xuống không? Nếu Beth ăn, nó có ăn không? Cô không nên làm những gì nó không thể làm hay không được phép làm. Nó đang khóc ư? Hay đang núp trong một chỗ nguy hiểm không có chút không khí? Nếu cô nằm xuống, nếu cô nghỉ ngơi, liệu Ben có thấy cô đang nghỉ ngơi không, có nghĩ rằng cô đã quyết định thôi không tìm nó nữa không? Nó có nghỉ ngơi không, có biến nỗi buồn thành sự đau khổ vì mẹ nó đã bỏ rơi nó?

Chắc chắn người phụ nữ này sẽ hiểu Beth cần phải đứng vững vàng đến thế nào.

Cô mỉm cười rạng rỡ với Candy Bliss rồi nói: “Nó chưa chết.”

“Chưa, dĩ nhiên là chưa, Beth.”

“Tôi sẽ biết nếu như nó đã chết rồi. Linh tính của một người mẹ sẽ mách bảo ngay.”

“Người ta cũng thường nói thế.”

“Nhưng đúng đấy. Chúng nói chuyện với ta bằng tâm linh, con cái chúng ta ấy. Ta thức dậy trước khi chúng thức – không phải vì ta nghe thấy chúng

khóc; ta nghe chúng sắp khóc.” Trước đây Beth chưa hề nghĩ đến mức độ đáng sợ của mối liên hệ đó – rằng nếu lúc này Ben đang bị hành hạ hay ngộp thở, cô sẽ thấy một nỗi đau điếng hồn trong cô, có lẽ là trong bụng, trong cổ cô. Cô chắc chắn sẽ cảm thấy như vậy ngay lập tức; cơ thể cô sẽ phát ra tín hiệu báo động – một tín hiệu của tế bào. Cô căng người ra trên đốt xương sống cụt, để giương các bộ phận cảm biến của mình ra. Cô không cảm nhận được gì, không người cũng không nghe thấy gì, thậm chí không một tiếng thở nhỏ sượt qua tai cô.

Và Pat xuất hiện từ tầng hầm của khách sạn, vừa đi vừa hét: “Điện thoại của các anh ở đâu? Tôi phải gọi cho cha mẹ tôi, cho em họ và các em gái tôi nữa!”

Đừng, Beth nghĩ, đừng gọi tất cả họ. Tuy vậy, có lẽ, nếu họ đến – và rồi đi – cô sẽ lần được theo các xúc tu của mình vào đêm tối trong veo – các xúc tu tinh tế của cô đang bị nhiễu bởi toàn bộ các luồng ánh sáng và âm thanh này. Cô có thể ngoi lên được từ đáy ao này, từ nơi cô thấy Pat, rồi để Ben kéo cô đến với nó. Kéo mẹ nó đến với nó bằng tình mẫu tử.

Đã bảy giờ tối.

Cô nhìn Vincent đang giận dữ lặng lẽ bám nhằng nhằng lấy Pat – vậy mà lúc này Pat vẫn đủ tỉnh táo dụi mặt vào cổ nó để chứng tỏ cho nó thấy anh yêu nó biết bao. Anh nói: “Đừng lo, Vincenzo. Bố sẽ tìm ra Ben mà.”

Mẹ chứ, Beth nghĩ. Mẹ mới là người sẽ tìm được Ben. Có lẽ thế.

Cô nghiêng người tới phía trước qua thành chiếc xe đẩy hành lý, rồi nhẹ nhàng và chậm rãi, nôn ra hết trên sàn gạch trước cửa thang máy.

Người Ý rất giỏi giải quyết những tình huống như thế này. Trong một tình thế khó xử thì người Ai-len thường run rẩy van nài rất điệu nghệ; nhưng người Ý biết những gì là quan trọng trên đời này: rằng mọi người đều cần cái ăn và chỗ ở, quân đội chỉ chiến đấu được khi bao tử không sôi ùng ục, và trẻ con cần phải được tắm rửa rồi cho đi ngủ. Ngoại trừ tại các lễ tang khi họ bị kích động mà chẳng ai giúp được gì cho họ, thì người Ý làm những gì cần phải làm.

Mẹ chồng Beth, bà Rosie, tay cầm chìa khóa bước qua cửa xoay. Bà đã lái xe. Ông Angelo rất muốn được cầm lái nhưng ông lớn hơn bà mười tuổi và thường sơ suất khi lái xe ngay cả những lúc minh mẫn nhất. Bà Rosie quán xuyến hết mọi việc trong nhà nên không tin tưởng ông mỗi khi gặp hoạn nạn.

Bà Rosie nhỏ con, yếu ớt, chẳng hề giống mẫu các bà mẹ quàng khăn choàng đen của vùng Sicily – bà cắt tóc bum bê, và đeo một kẹp cài áo màu mận nơi áo khoác. Trông bà rất sang, Beth nghĩ, và rất tự tin khi bà vỗ nhẹ má Beth và nói nho nhỏ “*Carissima*, cưng của mẹ” rồi trao đổi một cái nhìn với Pat (không cần nói thêm lời nào). Sau đó, không chờ cho họ báo cáo tình hình – bà Rosie nói là mình sẽ biết ngay nếu có gì khả quan hơn – bà đi thang máy lên lầu để đưa Jill và Kerry xuống. Mẹ của Jill, cháu gái bà Rosie, đang có mặt ở nhà bà. Jill sẽ vui hơn khi được ở bên mẹ. Ellen đề nghị bảo chồng cô là Dan đến đón Vincent để nó có thể chơi với con trai họ là David; nhưng bà Rosie đã mỉm cười ngăn cô lại: “Vincenzo sẽ về nhà bác, Ellen yêu quý ạ. Như thế tốt hơn.”

Ellen biết tính bà Rosie từ lâu nên không cãi lại.

Với Beth, căn phòng bỗng trở nên từng bừng như một buổi lễ hội khi bà Rosie đến. Cô biết người mình hôn hám vì mới hôn xong mà còn bốc mùi rượu nữa; nhưng bà Rosie, người thường trợn trừng mắt với những hành vi bà gọi là “stupida”, đã không chú ý, hay đã vờ không chú ý. Ông Angelo đi thật nhanh vào đặt một khay bánh ốc có kem lên bàn nơi chiếc điện thoại đang kêu rè rè để mời cảnh sát. Mấy người cảnh sát đưa mắt nhìn nhau cười gượng gạo. Beth nhủ thầm: *Họ không hiểu rồi: có qua có lại mới toại lòng nhau chứ.* Họ sẽ nhớ những bánh ốc kem và họ sẽ gọi thêm một cú điện thoại.

Ông Angelo ôm lấy vai Beth và nhìn cô, rồi ông hôn môi Pat. “Lạy Chúa tôi.” Ông xé miếng giấy bọc mấy cái bánh ốc kem ra. Một cái bị chệch; theo thói quen, ông Angelo lật nó lại và đặt cho ngay hàng với mấy cái kia.

Bà Rosie và ông Angelo là thế hệ đầu tiên, nhưng thực dụng và không sỗ sàng. Họ là những người cung cấp thực phẩm và phục vụ cho những bữa tiệc; không thể có đám cưới nào của đám găngxtơ diễn ra ở miền tây mà thiếu món bò cuốn phômai và bánh ốc kem của Rosie và Angelo, hay thiếu chú thiên nga bằng đá nhiều màu và suối rượu sâm banh của họ. Nhưng không chỉ đám găngxtơ – bà Rosie và ông Angelo cũng phục vụ những đám cưới của những thường dân theo đạo Thiên Chúa, những người thậm chí không phải là người Ý, cho cả những người theo đạo Tin Lành và cả những người Do Thái. Họ ướp ức gà với mù-tạc và dấm đỏ; họ là những người đầu tiên rắc hạt của cây sen đất nasturtium vào món xà lách; họ làm cho cô dâu và chú rể một bánh cưới nhiều tầng được đông lạnh và sẽ tan ra khi sinh đứa con đầu lòng. Họ biết cách làm nhiều thứ.

Họ chưa có đứa con nào bị bệnh hiểm nghèo cũng như chưa mất đứa cháu nào. Họ lấy nhau đã được bốn mươi năm và theo Beth biết thì bi kịch đớn đau nhất trong đời họ là cái chết của chính mẹ cô, người bạn thân nhất của họ. Tuy vậy, Beth biết họ sẽ làm điều cần phải làm. Họ sẽ giúp tìm được Ben và họ sẽ tha thứ cho cô.

Ngược lại, ông Bill cha của Beth, mặt đỏ phừng phừng, lại tỏ ra ngạc nhiên. Không phải vì cơn hoạn nạn này; ông đang chơi đánh gôn với mấy nhân viên cứu hỏa. Ông đã từng là sếp, suốt thời thơ ấu của Beth, dù giờ đây ông đã nghỉ hưu được mười năm. Beth thậm chí đã không cho ông biết cô sẽ có mặt trong thành phố – cô còn phải chụp ảnh cho công việc nữa mà, và buổi tối họp mặt với bữa ăn sáng trễ sẽ choán hết thì giờ của cô. “Con đang làm gì vậy, cưng?” ông hỏi Beth và vừa kéo áo len dài tay lại cho ngay ngắn vừa cúi xuống nắm lấy tay cô. “Ben bị làm sao? Nó đang nằm viện hả?”

Bà Rosie đã để lại một lời nhắn ở lỗ thứ mười chín và một cậu bé đã lái chiếc xe đặc dụng trong sân gôn đưa ông đến khách sạn.

“Bill à, Ben mất tích rồi...” Pat nói.

“Mất tích? Nhưng nó mới hai tuổi thôi mà. Mất tích ở đâu?”

“Nó ba tuổi rồi Bill. Ngay tại đây. Họ nghĩ chắc nó đang ở đâu đó trong khách sạn...”

“Ba tuổi rồi sao? Ừ nhỉ. Có ai gọi điện báo cho cảnh sát chưa?”

Pat thở dài.

“Ờ, chắc đã gọi rồi nhỉ,” ông Bill tiếp tục. “Bố thấy phức tạp rồi đó. Có ai gọi cho Stanley chưa?” Stanley là cảnh sát trưởng ở Chester, khu ngoại ô phía tây nơi ông Bill đã làm trưởng đội cứu hỏa trong suốt hai mươi ba năm.

“Đây là Parkside, Bill à,” Pat đáp. “Parkside thuộc quyền quản lý của họ. Nhưng cũng có cảnh sát của Chester ở đây, và của Barkley nữa. Thậm chí của cả Rosewell.”

“Ờ, nhưng Stanley có thể giúp được,” ông Bill cho rằng người mà ông biết luôn có thể giải quyết những vấn đề như thế này. Ông nói với Pat: “Mấy tay cảnh sát này còn trẻ quá.”

“Lúc đó con ở đâu hả Patrick, khi thằng bé bỏ đi ấy? Lúc đó Beth ở đâu?”

Trong khi Ellen đang giải thích toàn bộ sự việc cho ông thì Beth đứng lên, đi thò thân vào quầy rượu. Cô thấy tay pha rượu liếc nhanh cái áo sơ mi vải

của cô vẫn đang còn ướt và ở nơi Ellen đã lấy miếng bọt biển chùi vết nôn. Nhưng tay pha rượu, một gã Bồ Đào Nha có bộ ria tía tót thật kỹ lưỡng, vẫn đưa cho cô ly vodka pha nước khoáng mà cô yêu cầu.

“Bà Rosie!” ông Bill gọi oang oang khi bà Rosie bước xuống tiền sảnh, tay bế bé Kerry đang ngủ, dắt Jill đang nắm tay Vincent với cái túi ngủ và quả bóng của nó. “Chuyện gì xảy ra vậy, bà bạn? Toàn bộ chuyện này là thế nào?”

“Hôn ông ngoại con đi, Vincenzo”, bà Rosie nói. Vincent, rất hay mắc cỡ khi mới gặp ông ngoại, ngược mặt lên cho ông ngoại hôn. Ông Bill bế Vincent lên và ôm lấy ông Angelo.

“Ange, chuyện thế nào? Thăng bé đâu?”

Beth uống hết ly rượu. Cô chẳng thấy say tí nào, thậm chí cũng không buồn nôn – rượu chảy xuống cổ cô chậm chậm, như sôcôla nóng vậy. Cô bắt đầu thu nhỏ lại. Cha cô không đứng ra chỉ huy; ông có thói quen hành động như thể thiên hạ luôn làm ông lúng túng. Beth biết thật ra không phải thế; chỉ vì ông luôn muốn người khác phải gánh vác, lo liệu hết mọi chuyện thôi. Khi mẹ cô hấp hối, ông đứng nơi tiền sảnh của bệnh viện, mặt nhăn nhó đau khổ, trong khi các bác sĩ giải thích rằng bà Kerry cần phải được thẩm tách, mà thậm chí như thế cũng có lẽ sẽ không làm bớt được....

“Sao hả?” ông Bill đã nói với họ. “Cái khối u này, nếu các ông cắt bỏ nó đi, tại sao lại ...?”

Thật khôi hài khi ông vừa lờ lờ không phải lúc với họ, vừa hoang mang như thế. *Chúng tôi đã nói là hai tuần à? Cô tưởng tượng ra cảnh các bác sĩ báo cho cha cô. Chúng tôi muốn nói là hai ngày.* Mọi cuộc phẫu thuật để tạm thời làm nhẹ căn bệnh, mọi nhóm kháng sinh dự kiến sẽ làm bớt nhiễm trùng đều sinh ra một biến chứng mới, rất nhiều các mô khác bị hoại tử, một số chức năng không hoạt động được. Các bác sĩ tiếp tục thăm dò và hội ý để giúp bệnh nhân chống chọi lại căn bệnh. Ông Bill tiếp tục hỏi họ khi nào thì Evie sẽ khỏi, chứ không hỏi còn bao nhiêu thời gian. Beth và các anh cô, Paul và Bick, lúng túng, thương hại ông vì ông quá ngây thơ và cũng chính

vì thế mà ghét ông. Họ muốn ông đứng ra chỉ huy họ như khi ông chỉ huy đội cứu hỏa của ông trong một vụ cháy ở khu công nghiệp, và muốn tự cáng đáng lấy công việc nên lay lay ông và nói:

“Bố ơi, mẹ sắp mất rồi.”

Nhưng bệnh của bà Evelyn ngày càng nặng thêm; và ông Bill vẫn bối rối khi bà chết. Ông nói với Beth tại phòng khách của nhà quán: “Trông bà ấy đâu có giống như bị nhồi đầy thuốc độc, đúng không? Đúng mà, phải không?”

Giờ đây ông cũng nhìn Beth y như thế. Như thế cô sẽ giải thích cặn kẽ cho ông.

Một trong mấy nhân viên người to bè bẻ báo: “Chúng ta có một người không nhận dạng được, tại bệnh viện Elmwood.” Mọi người ngừng cả lại. Candy Bliss lao qua sảnh như đang chạy nước rút, chộp lấy điện thoại. “À, một thằng bé... Không, tôi không nghĩ là như thế.” Cô nhìn quanh tìm Beth. “Ben có nói được tiếng Tây Ban Nha không?” Beth lắc đầu và một lát sau, khi sức nhớ ra, Candy hỏi tiếp: “Còn tiếng Ý?”

“Chỉ mấy từ chữi thề thôi”, Pat nói. Không ai cười cả. Và Pat lại tiếp: “Nó nói tiếng Anh. Tiếng Anh của chương trình *Sesame Street*.”

“Chúng tôi sẽ gọi lại sau”, Candy Bliss nói.

Đứa trẻ lớn tuổi hơn, cô nói với Beth. Nó bị xe hơi đụng khi đang đi xe đạp; nó không sao. Ít nhất cũng bốn hay năm tuổi. Và Elmwood cách đây mười lăm cây số. Nhưng tóc nó cũng nâu vàng. Beth ngược lên. Candy Bliss nhấn ngón tay trở vào khoảng giữa hai mắt. Cô gọi: “Jimmy! Anh gặp Ben rồi, phải không? Anh chạy tới đó ngó qua thằng bé này một chút nhé, được không? Xem nó bị làm sao?” Jimmy đang lấy áo choàng.

“Mấy người gọi đến là ai vậy?” Beth hỏi.

“Phần lớn là từ những sở khác, gọi để báo cho chúng ta những gì họ nghe được, vậy thôi”, Candy Bliss đáp. “Sau này, khi... à, nếu chúng ta phải đăng

báo thì sẽ có rất nhiều cuộc gọi, thậm chí tự xưng là Elvis nữa, nói là mình đã gặp Ben.”

“Quái gở.”

“Người nước ngoài. Thỏ Phục Sinh. Và những khán giả quá cô đơn của mấy chương trình truyền hình thực tế.”

“Nhưng nếu một người trong bọn họ thật sự thấy Ben thì sao?”

“Đó là lý do chúng tôi vẫn nghe Thỏ Phục Sinh.”

Đi qua chỗ họ là một loạt những gương mặt sâu thẳm, hơi quen quen, những người tránh cuộc họp mặt. Ellen đã cho cô biết là có vài người ở lại, phần lớn là những người buộc phải ở lại đây vài ngày. Và họ muốn giúp cô. Nhưng đa số sẽ về nhà, hay đi thành những nhóm lớn ra phố ăn tối.

“Chúng tôi vẫn có thể ở lại đây chứ?” Beth hỏi. Cô muốn tỏ ra dễ chịu, là người thừa kiện gương mẫu, là típ bệnh nhân các nha sĩ thích nhất vì luôn há miệng thật to.

“Dĩ nhiên rồi.” Cô mỉm cười với Pat. Giờ thì anh đang phải nghe tường thuật lại vụ việc, đánh giá khả năng thành công. “Dù gì đi nữa thì bên ngoài trời đang đẹp lắm; chắc chắn nó sẽ không thấy khó chịu đâu.” Beth há hốc miệng nhìn đồng hồ.

Đã chín giờ mười lăm. Ben đã mất tích tám tiếng rồi. Thời gian của một ngày làm việc. Một ngày đi học. Một khoảng thời gian không tình cờ chút nào. Cô nhảy dựng lên, mồ hôi toát ra đầm đìa. “Trễ quá rồi!”

“Đó là những gì tôi muốn nói, thưa chị Cappadora. Về một mặt nào đấy thì đây là một thuận lợi. Giờ này bên ngoài đã yên tĩnh, và chúng tôi có thể bắt đầu biết chuyện gì đang xảy ra trong thành phố. Đội quân khuyến đang trên đường làm nhiệm vụ, và chúng ta sẽ có máy bay trực thăng yểm trợ từ Chicago. Chúng ta cũng sẽ có một đội tuần tra quanh khu vực này nữa...”

“Máy bay trực thăng à?” Beth hỏi.

“Được trang bị những bộ phận cảm biến hồng ngoại, Beth ạ. Khi mọi thứ trở nên yên tĩnh thì chúng có thể quét được những khu vực trống. Chúng dò ra được những vật tỏa nhiệt. Một người đang nằm chằng hạn.”

“Hay một người đã chết.”

“Hay một cơ thể, đúng vậy. Nhưng đó không phải là những gì chúng tôi đang tìm ở đây. Chúng tôi muốn có được một dấu hiệu của Ben dù nó đang cố trốn không cho ai tìm thấy, ví dụ trong bụi rậm chằng hạn. Chị hiểu chứ?” Cô ta xin phép ngừng một chút rồi nói nhỏ với một cảnh sát đang nói chuyện điện thoại, nhỏ đến mức Beth gần như không thể nghe được. “Họ đang gây giống lũ chó chết tiệt đó hay làm gì chứ?”

“Rosie đâu?” Beth hỏi Pat, nắm lấy tay anh, bàn tay lạnh ngắt và ướt mèm. “Rosie đâu?”

Bà Rosie đang chuẩn bị chở lũ trẻ về nhà. Nhưng bà đến bên Beth, lầm bầm nho nhỏ trong miệng như tiếng mèo rừ rừ, rồi bà vén mớ tóc rối bù của Beth ra sau tai như thể cô là một bé gái. Trên tay Jill, Kerry đang mút bình sữa chùn chụt; bà Rosie nắm tay Vincent thật chặt rồi bảo nó: “Hôn mẹ con đi. Con sẽ gặp lại mẹ sau. Mình về nhà bà nội ngủ nào.”

Mắt nó ánh lên vẻ mệt mỏi, và có một vẻ gì khác, một vẻ ngượng ngập trước đây cô chưa từng thấy nơi đứa con đầu lòng bảo thủ của mình. Vincent nghiêng người tới trước. Beth hồ hững ôm lấy nó; nhưng trong một thoáng, nó nín lấy cô làm cô ngạc nhiên. Rồi Vincent nắm tay bà Rosie và bước đi vài bước mà không quay ra sau. Thành linh nó dừng lại.

“Mẹ ơi,” nó gọi.

Beth nghe, nhưng cô không còn hơi sức nào để trả lời nữa.

“Mẹ ơi,” Vincent lại gọi, như muốn nói chuyện. “Ben về chưa?”

Bà Rosie kiên quyết nói: “Chưa đâu con. Nhưng em sẽ sớm trở về thôi.” Nhưng Vincent đang nhìn thẳng vào mắt Beth, đôi lông mày rậm rì đến buồn cười xệ hẳn xuống vì nó đang cố tập trung hết sức.

“Mẹ, con hỏi mẹ đó. Ben về chưa?”

Beth đáp: “Cứng ơi. Chưa.”

“Ôi,” Vincent thốt lên.

Beth đưa tay che mặt, lấy mấy ngón tay cào cào. Cô nhìn xuống móng tay mình. Lớp thuốc sơn màu đỏ san hô bảo hành-hai-tuần đã ố và nứt nẻ.

Ông Angelo và ông Bill không đi về nhà. Họ ở lại nơi tiền sảnh, nằm ườn trên ghế bành dù người quản lý cứ lảng xảng khuyến khích mọi người nên chuyển lên phòng khách ở tầng trên. Người ta đi vào tiền sảnh Tremont, nhìn vào trung tâm chỉ huy, rồi biến đi thật nhanh. Ellen và Nick Palladino đang ở quầy rượu; Wayne đã tập hợp được một lực lượng tình nguyện viên khoảng mười lăm bạn học cũ lấy xe của họ đi kiểm tra khu nghĩa trang, bãi đậu xe của trường, và công viên Hester. Beth nghe hai cảnh sát nói với nhau rằng bên ngoài giống như thiên hạ đang chơi trò xe đụng vậy, nhưng không ai còn tâm trí nào để ngăn họ lại.

Pat dìu Beth đến một cái ghế tiện nghi hơn cạnh chiếc dương cầm. Candy Bliss đi theo họ. Cô muốn một tấm ảnh của Ben để đưa cho giới báo chí. Giờ đã trễ rồi, và cô không muốn trễ mất hạn chót của tờ báo buổi sáng.

Beth có ảnh không nhỉ? Cô có cả chục tấm – cô đem theo nhiều lắm vì muốn khoe với bạn bè trong buổi họp mặt.

Nhưng cô không biết ví của mình hiện đang ở đâu – cô nói với Bliss như thế.

Pat thấy nó dưới chiếc xe đẩy hành lý. Cái ví ướt mềm, mọi thứ bên trong lộn tùng phèo hết cả.

Anh lấy ra một tấm hình Ben mặc áo bóng chày, miệng cười toe, tay giơ chiếc găng bắt bóng sát một bên má.

Sau này Beth thường thắc mắc lúc đó cô đang tưởng tượng điều gì. Có phải cô đã tin, như trẻ nhỏ thường tin, rằng vì Ben đã đi xa nên cô không thấy được nó và nó có thực sự bị treo lơ lửng trong cái túi của vũ trụ không?

Nó có ngồi trên một bong bóng, an toàn nhưng xa cách, chờ cho mẹ nó lại chú ý đến nó, để nó được trở lại thành một thực thể? Có phải Beth đã tin rằng vì cô, mẹ của nó, không thể thấy nó nên Ben đã không còn hiện hữu như một con người có thể cảm nhận được nỗi sợ cũng như những hoang mang?

Ben là một đứa trẻ có thực trong cái đêm thành thị này.

“Ben ơi!” Beth gào lên. Và một lần nữa, khi cái vỏ bọc bên ngoài sự tự chủ mong manh của cô rạn nứt rồi vỡ òa, cô lại hét lên: “Ben ơi! Ben! Ben ơi! Ben!” Đã dễ chịu hơn rồi. “Ben ơi!” Beth thét lên. “Ben ơi!” Khi Pat đưa tay định ấn cô ngồi xuống thì cô nghiêng người tới trước rồi cắn vào bàn tay anh thật mạnh làm nó chảy máu. Tiền sảnh khách sạn giống như phòng cấp cứu trong bệnh viện và tự nhiên mọi người đều lảng xãng. Pat và Jimmy cố ghì tay Beth lại; nhưng cô vùng ra được khi họ quờ quạng cố giữ cô. Cô như một con lươn, một thứ gì đó được phủ một lớp dầu bảo vệ bên ngoài. Người quản lý đi tìm mấy nhân viên bảo vệ mặc đồng phục tím đang thương hại nhìn Beth giãy giụa đạp, và chặn hết các lối đi ra cửa mỗi lần cô định đứng lên. Cô mạnh thật, rất mạnh. Cô thấy hết mọi thứ: bàn tay chảy máu của Pat; những ánh mắt lén lút, sợ hãi; những ánh mắt nhìn đi chỗ khác của mấy cặp vợ chồng phải đi qua tiền sảnh. Cô thấy Nick đang ôm đầu với những lọn tóc óng ánh nâu; cô nghĩ chắc anh đang khóc. Lưng anh nhô lên thụp xuống. Beth ngừng lại, bất động một chút rồi lấy hơi thật dài tiếp tục hét lên: “Ben ơi! Ben! Ben!”

Candy Bliss nói nhanh với người quản lý: “Gọi bác sĩ đến đây ngay đi.”

“Tôi không biết vị bác sĩ nào cả”, người quản lý mồm mĩm nói.

“Trời đất, ông không có một bác sĩ trực cho những trường hợp khẩn cấp như thế này sao?”

“Chúng tôi chưa từng... Bà ấy muốn gì?”

“Ông thật là...”, Candy Bliss vừa nói vừa bực tức thở hắt ra. “Mẹ kiếp. Gọi 911 đi.”

Beth bắt đầu mệt; mấy bắp thịt nơi cánh tay cô nóng ran. Nhưng chỉ cần cô thấy mấy bức ảnh trẻ con chụp ở buổi tiệc lấp lánh sáng màu cơ bản đó trên chiếc bàn uống cà phê cũng đủ làm cô lại muốn hét lên, không thể cưỡng lại được như trong một cơn cực khoái. “Ben! Ben ơi! Ben ơi!”

Người quản lý đem đến cho Candy Bliss chiếc điện thoại di động. “Người mẹ đang gặp vấn đề.... Vâng, bị kiệt sức....”

Đúng vậy, anh có thể nghe thấy đó.... À, không, không cần phương tiện vận chuyển đâu.... Phái ai đó tới đây đi.”

“Lạy Chúa tôi, Beth, thôi đi con!” bố cô bình tĩnh nói.

“Ben!” cô hét vào gương mặt bì bì đầy gân của ông. Trông ông giống như con chó săn, cặp mắt buồn nẫu, sưng mọng. Một người đàn ông cục mịch đã từng rất đẹp trai mà giờ rượu đã làm mất hết những nét hấp dẫn. “Beeeeennnn!” Mắt ông Bill đầy lệ. Pat lùi lại – run rẩy, anh lùi xa chiếc ghế nơi Beth đang vật vã.

Beth nhìn đồng hồ. Nó mờ tịt. Mười một giờ rồi à? Cô hét lên: “Beeeeennnn!”

Một y tá, rất nhanh nhẹn, vòng qua cánh tay Beth cái đo huyết áp. Và vị bác sĩ mặc đồ thể thao đến mấy phút sau đó xịt mấy giọt nước vàng óng từ ống tiêm ra. “Chúng tôi sẽ giúp cô nghỉ ngơi, ngay tại đây.” Ông ta vừa nói vừa dùng bông thấm cồn lau cánh tay và bàn tay cô, bất cứ phần da nào ông có thể chạm đến được trong khi cô vật vã. “Nghe này,” ông nói với cả phòng, “chúng ta cần...”

Nick chạy băng qua phòng và nắm đờ nửa người lên mình Beth; mùi da thịt anh tuyệt quá, hấp dẫn quá. Ngực anh rắn chắc và rộng hơn ngực Pat. Anh ép chặt tay trái của Beth vào người cô trong khi cô y tá đuổi cánh tay phải của Beth ra. Thuốc bắt đầu thấm làm cô đau đớn, nhức nhối.

“Bethie,” Nick nói, “anh biết, anh biết.”

“Biết cái đếch gì chứ?” Beth vừa nói vừa cười vang. “Anh làm sao biết được. Thậm chí em còn không biết nữa là.”

Thuốc lan xuống đùi cô, làm dịu phần ngực cô, lan vào hàm cô; cô cảm thấy có một dòng nước miếng ngay khóe miệng. Đó là thuốc mê. “Giờ thì ông có thể mổ tôi rồi đó,” cô nói với vị bác sĩ; ông ta không biết cô đang đùa.

Rồi mấy cái cánh màu đen lướt qua mặt cô. Và rơi xuống.

Khi Beth tỉnh dậy, cô bị lèn chặt vào một cái giường lớn. Chặt đến nỗi cô gần như đang mặc cái áo dành cho người điên vạ.

Ben.

Tất cả các ngọn đèn trong phòng đều đã được bật sáng. Ngay cạnh giường cô, trên một chiếc giường lớn, Pat đang ngủ trên tấm khăn trải giường. Cô gọi nho nhỏ: “Pat.” Anh không nghe thấy và vẫn tiếp tục ngủ.

Beth muốn đi tiểu. Cô đứng dậy, loạng choạng một chút rồi đi vào phòng tắm lát gạch màu kem mát mắt. Cô tiểu, đều đều, bình thản, tiểu cho hết, như thể thuốc đã làm chết một mớ các dây thần kinh não. Cô muốn đánh răng. *Mình đang làm những gì mọi người thường làm*, Beth nghĩ, *vẫn muốn tống các chất thải trong người ra, làm sạch bản thân, làm dịu cơn khát*. Tự nhiên Beth nghĩ thậm chí khi mẹ cô mất, cô và Ellen đã choáng váng đến thế nào, không phải vì cuộc sống vẫn cứ tiếp diễn, mà vì sao nó tiếp diễn nhanh đến thế, sao nó không thay đổi. Người ta vẫn phải ăn, vẫn phải đọc báo, không thể trì hoãn được. Vị linh mục trẻ đã bảo Beth rằng toàn bộ việc ăn uống, nói năng này là những xác nhận về cuộc sống. Ông ta là típ người theo chủ nghĩa nhân văn; ông nghĩ mình có thể dụ người khác theo đạo Thiên Chúa bằng cách giả vờ nói rằng chương trình đó đã được sửa đổi. Lúc đó Beth biết rất rõ cô không muốn xác nhận cuộc sống cũng như sức khỏe của mình. Bây giờ cô thậm chí còn biết chắc chắn hơn. Cô chỉ muốn thoát khỏi những trói trằng của thân thể. Cô mở toang cửa sổ được ràng rịt đầy dây nhợ, và thò cổ ra, ngược lên. Có một lối đi dưới đó, rất hẹp, và một bức tường, khu khách sạn bên kia trải xa lên phía trên mà Beth không thể thấy

hết được. Có một con mèo dưới đó, đang quậy quọ trong mấy thùng rác. Beth gõ gõ kính; con mèo nhìn lên. Cô thấy nó khép cặp mắt vàng của nó lại rồi nó nhe răng cười như điên. Cô không cảm nhận được Ben, cũng không cảm nhận được cái chết hay cái vói tay của nó. Cô sập mạnh cửa sổ. Pat ngáy rên thêm nữa. *Thật là một gã ngu xuẩn*, cô nghĩ thế khi nhìn anh. *Tôi không thích anh.*

Mở toang các tủ quần áo và các ngăn kéo, cô không thấy hành lý của mình đâu cả. Chẳng có thứ gì của cô hết. Cũng chẳng thấy cái đồng hồ treo tường nào. Pat nhắm mắt trong giấc ngủ.

Beth thò đầu nhìn ra ngoài hành lang. Bên ngoài thật yên tĩnh, đèn mờ mờ. Cô không tìm được đôi giày của mình. Cô có thể nghe thật nhỏ tiếng cánh quạt trực thăng quay ở bên ngoài.

Trong thang máy nơi tiền sảnh đèn mờ hơn nhưng tĩnh mịch. Nơi bàn giấy, một cô gái tóc hoe vàng đang chống cằm ngủ. Khi Beth đến gần, cô ta ngồi bật dậy, nén một tiếng kêu khẽ.

“Cảnh sát đâu?” Beth hỏi.

“Ồ,” ngay lập tức cô thư ký đáp lại với vẻ thông cảm. “Họ đi rồi.”

“Họ đi rồi?”

“À, nghĩa là không phải họ bỏ đi đâu – họ ở bên ngoài kia kìa, nhiều lắm ạ. Nhưng họ lấy điện thoại và các thứ xuống và về lại sở cảnh sát rồi.” Mặt cô ta bừng sáng. “Kênh truyền hình số 5 đang có mặt ở đây. Cả kênh 7 nữa – Bản tin Nhân Chứng. Họ đặt dụng cụ của họ ở đây, ngay trong tiền sảnh này cho bản tin mười giờ sáng. Nhưng bà thám tử trưởng không cho họ đánh thức bà dậy.” Beth gật đầu.

“Tôi muốn lấy đồ đạc của tôi.”

“À, thuốc đánh răng, phải không ạ? Bàn chải nữa. Để tôi lấy cho.”

“Không, đồ đạc của tôi cơ. Túi xách của tôi ấy.”

“Tôi nghĩ họ bỏ nó vào tủ và khóa lại rồi,” cô thư ký trẻ lục lọi dưới một mớ chìa khóa, tìm được chiếc túi vải của Beth và đưa cho cô. Beth kéo lê nó đến phòng vệ sinh cách xa tiền sảnh. Cô cởi cái áo hôi rình ra rồi mặc một áo phong mới vào. Cô thấy một áo len vải bông tay dài, màu sáng, có kết những hạt đỏ và vàng. Để mặc trong bữa tiệc trưa ngày Chủ Nhật. Đôi giày đế bằng màu đỏ bóng lộn. Cô mặc cái áo đó rồi mang đôi giày đỏ vào. Những vật dụng cần thiết cho cơ thể. Rồi Beth đánh răng, rửa mặt. Khi nhồi xà bông và kem đánh răng vào lại trong túi đồ, cô thấy quần áo Ben lộn xộn giữa đồng hồ lót của mình, đôi vớ dài nhỏ xíu và bộ đồ liền thân của Kerry. Đôi giày cao su của Ben. Cái áo thể thao Blackhawks của nó. Cô thật là cầu thả, bừa bãi. Beth cột túi đồ của mình lại rồi nằm sấp đè lên nó, trán cô chạm xuống sàn nhà.

Rồi cô đứng dậy, kéo cái túi trở lại phía quầy lễ tân.

“Tôi phải đi ra ngoài”, Beth nói với cô thư ký.

“Bà cần tôi gọi ai không ạ? Bạn của bà...” cô ta nhìn chiếc bìa kẹp hồ sơ trước mặt mình – “Thưa bà DeNunzio?”

“Tôi phải ra ngoài, thế thôi.”

“Đã nửa đêm rồi. Không còn tiệm nào mở cửa đâu ạ.”

Ben đã mất tích hơn mười hai tiếng rồi. Cô gái này lại nghĩ Beth muốn đi mua sắm. Cô ta hỏi: “Bà muốn uống cà phê không ạ?”

“Không, cảm ơn cô,” Beth đáp rồi đi ra ngoài, vào màn đêm Florida tinh khiết, ngát hương.

Có sáu nhóm tạo thành một vòng tròn thưa đứng trên con đường vòng cung dẫn vào khách sạn, có cả một chiếc xe tải mà Beth đoán là một trung tâm liên lạc di động vì cô thấy một số thiết bị điện tử trên nóc xe. Dây cáp bò ngoằn ngoèo từ chiếc xe băng qua vỉa hè, chui xuống dưới các cánh cửa của khách sạn Tremont. Chiếc xe nổi tiếng quay chương trình Bản tin Nhân Chứng vẫn còn đó, ánh đèn trắng từ xe chiếu xuống vỉa hè tối đen làm ta có cảm giác như đang có mặt trong buổi lễ trao giải Oscar; và một nhóm người

Beth nghĩ là phóng viên báo chí đang nói chuyện với anh chàng thám tử trẻ tuổi. Họ đang nói chuyện, nhưng anh ta chỉ cười và lắc đầu. Cô ngắm những nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp, tay lung lẳng đầy những dụng cụ để tác nghiệp, đang xếp hàng chụp mấy chiếc xe cảnh sát đậu dưới cổng vòm có chữ “Khách Sạn Tremont”. *Những bức ảnh chán ngắt, Beth nghĩ; đáng lý mình chụp mới đúng. Ờ, mà mình phải có mặt trong hình chứ, để làm tấm ảnh đẹp hơn.* Cô lên ra phía sau xe, và không ai thấy cô băng qua.

Ngoài đường yên tĩnh, chỉ có đèn đường – loại đèn sáng mà bố cô đã đổ khá nhiều cỗ phần vào đó.

Ben ơi. Một đêm không trăng.

Nhìn qua bên kia đường, Beth thấy những ánh đèn xanh trên nóc trường Immaculata. Không có xe đậu ở đó. Beth băng qua đường, cô hít mấy hơi thật dài và thấy khỏe hơn. Cô nhìn vào cửa tòa nhà C. Bên trong tối đen. *Nghĩ đến tòa nhà C đi, cô tự nhủ, mình sẽ không đau đớn khi nghĩ về nó.* Sinh viên năm ba và năm tư thường tụ tập trong tòa nhà C trước giờ học. Một sinh viên năm hai có thể vào đó nếu cô nàng hẹn hò với một chàng sinh viên năm ba; nhưng những mối quan hệ như thế thường không bền. Beth có thể thấy cánh cửa dẫn đến văn phòng hội đồng sinh viên – cánh cửa mà Beth có chìa khóa riêng vì là nhân viên trong đó. Sau bữa ăn trưa, cô và Nick thường kéo rèm xuống, khóa cửa lại rồi nằm lên bàn học, mướt mồ hôi vì mò mẫm sờ soạng nhau. Trong suốt giờ học lượng giác và tiếng Anh III, bụng Bethie quặn đau, co thắt. Lúc đó cô tin rằng bất cứ ai nhìn cô cũng đều biết, đều có thể thấy dấu tay Nick trên người cô như thể chúng được in bằng sơn dạ quang.

Cô đi qua sân trong, qua bức tượng, qua cửa ra vào có băng rôn với những dòng chữ “Hãy xem “Dracula!” tại Olde Tyme Dramatics” và “Chúc mừng các bạn trở về với Lớp 70 của Immaculata!” Cô đi ra ngoài, qua nhà thể dục thể thao, qua mấy sân tennis, ra tận cánh đồng.

Ngay trước cổng vào khán đài sân vận động, cô đi qua cây cầu gỗ màu đỏ bắc qua nhánh phụ của con suối Salt. Trong suốt một thế hệ, các kỹ sư trong

vùng đã cố xây đập để ngăn dòng suối nhỏ này; vào mùa xuân, nước suối dâng lên làm sân bóng đá thành một đầm lầy trơn trượt. Nhưng tất cả mọi nỗ lực của họ đều thất bại. Con suối luôn trở lại với dòng chảy của nó. Cây cầu bị khắc chẳng chịt đến nỗi nước sơn hầu như mất hẳn. Chỉ nhìn từ thật xa mới thấy nó màu đỏ. Thanh thiếu niên của những năm sau thời Beth khéo tay hơn các thế hệ đi trước trong việc dùng sơn xịt vẽ lên những tin nhắn ngoằn ngoèo đáng sợ: “Thanh niên của diễn đàn 2-và-2, Hãy hồi sinh!”, “Luật Sức Mạnh Mới!”. Cũng có những câu lãng mạn thông thường: “Justin Làm Tan Nát Trái Tim Em”, “Christine Đã Bỏ Ryan”.

Beth cũng đã khom người xuống để xem có còn không câu “Steven và Ellen bất diệt” được khắc vào đó. Hai từ “Bất Diệt” đã biến mất sau năm thứ ba; sau đó Ellen nói rằng đôi môi của Steven Barrett làm cô nổi da gà dù cô phải mất sáu tháng mới quyết định được đó không phải là lỗi của cô. Nhưng Beth biết vết khắc vẫn còn đó, để nhắc nhở một chuyện tình xưa cũ. Tối nay, thay vì ngắm nó, Beth đứng trên dòng suối sâu chưa được một gang tay, chú ý tìm một manh mối.

Nhưng cô biết cô không cần tìm Ben ở đây.

Ben không dám bén mảng đến gần nước. Một trợ giáo của Hiệp hội Thanh niên Cơ đốc có lần đã viết cho Beth: “Không thể đánh giá tiến bộ về bơi lội của Benjamin được vì cậu bé không chịu xuống nước.” Khi họ bơi, thậm chí trong một hồ bơi rất cạn và sáng sủa thì Ben cũng đeo cứng vào eo Beth như trăn quấn vào người. Nó thường rất vui khi đưa chân đá ướm thử gần chỗ mấy bậc thang. Nhưng nếu Beth đi xa thêm chút nữa, thậm chí chỉ đi đến chỗ nước lên đến bụng cô thôi là nó đã đưa chân níu chặt lấy cô như thể muốn nhập với cô làm một. Là một vận động viên bơi lội giỏi và rất mê nước, Beth không thể hình dung ra được nguyên nhân của nỗi sợ hãi này – cô có kể chuyện chết chìm để dọa con không nhỉ? Dọa cho chúng sợ một chút hay chỉ muốn ghẹo chúng? Chưa bao giờ, chưa hề. Đã có lần Ben ngã khỏi cầu tàu ở hồ Delavan. Nhưng chẳng phải anh cô đã túm được và nhắc nó lên khỏi mặt nước ngay trước khi nó bị ướm đó sao? Dù Beth luôn hét to như một gã thổ dân Comanche để nhắc Vincent phải cẩn thận hơn nữa....

Vincent đã bơi rất nhanh từ khi mới lên bốn. Thậm chí bé Kerry bây giờ cũng vùng khỏi tay bố để lội nước.

Khi họ đến thăm cô của Pat ở Florida, Vincent nhảy xổ vào các con sóng; Pat đã phải đuổi theo nó để giải thích về những con sóng dội từ bờ. Còn Ben thì thậm chí không dám bước đi trên cát ướt. Nó nghiêm trang nói với Beth: “Có nhiều nước quá.”

“Ben,” cô đã dỗ ngọt nó, “cứ bước xuống đi, một chút thôi. Mẹ sẽ giữ con mà.”

Ben, lù đù trong chiếc quần bơi màu hồng cánh sen, đưa tay chỉ: “Đó có phải là chỗ sâu không mẹ?” Nỗi sợ làm nó rất tinh. Ben thậm chí không tin Beth khi cô đến quá gần nó, như thể cô sẽ tóm được nó rồi xô nó xuống nước. Beth nghĩ lúc đó nó trở thành con tin của chúng ta – con tin của những người to lớn có thể bắt nó làm hầu như bất cứ điều gì. Cô không nhớ rằng mình đã từng rất nhỏ nhoi, rất dễ bị tổn thương, rất lệ thuộc vào thiện chí.

“Không phải là đáy đại dương đâu, Ben,” cô nhẹ nhàng nói với nó. “Đó là bờ biển. Và nó kéo dài mãi, dọc theo nơi này, dài hàng mấy cây số. Con phải đi ra mãi, ra thật xa mới đến chỗ sâu được. Ở tí đằng kia, chỗ mấy con thuyền đó.”

“Vậy thì chỗ này sâu cả thước phải không?” Ben vẫn khăng khăng hỏi.

“Cũng không phải vậy đâu, Ben. Thậm chí nó còn không sâu như hồ bơi mà, dọc theo mép nước ở đây. Nhìn này, còn chưa tới đầu gối anh Vincent nữa mà.”

“Con không muốn đi trong chỗ sâu của biển. Có cá mập ở đó. Con có phải đi không?”

“Không đâu, Benbo”, Beth đã nói thế và bế nó lên, không biết liệu có nên đi ra khỏi chỗ đó rồi nhúng nó xuống nước cho nó quen dần hay không. Cô không muốn con trai mình lớn lên mà rụt rè, sợ hãi đủ mọi thứ. “Đừng sợ. Mẹ sẽ ở bên con mà. Mẹ sẽ không để biển cuốn con đi mất đâu. Mẹ sẽ ôm con thật chặt, chặt thật chặt mà.”

“Mẹ biết không?” Ben nói tiếp để câu giờ. “Mẹ có thể đi tới chỗ sâu nhất. Mẹ có thể đi đến đó. Mẹ chỉ cần đi cho tới khi nước phủ qua đầu mẹ rồi mẹ cứ đi mãi trên đáy biển. Nhưng rồi nếu mẹ muốn trở lại thì khó lắm vì nước cứ xóa hết, hết...”

“Hết gì hả Ben?”

“Hết dấu chân. Mẹ không bao giờ quay lại để đi về được. Mẹ không tìm được chúng đâu.” Thế là Beth đã lạnh mình mà ngồi với nó suốt buổi chiều dài dằng dặc đó, ngồi trên bờ biển vọc cát.

Beth bò lên hàng trên cùng của khán đài, tay bấu thật chắc. Mấy hàng ghế đầy sương, trơn trượt, dính nhơm nhớp vì lớp sơn đã tróc hết. Cô khoanh tay ôm lấy thân người, hơi rùng mình vì lạnh. Gió từ bầu trời đầy mây dường như sà xuống phía cô. Săn đuổi. Thúc vào cô. Beth nằm trên ghế khán đài, duỗi dài tay chân, rồi khóc nức nở cho đến khi hai vai áo cô ướt đầm nước mắt, còn trán cô đập mạnh trên gỗ.

Khi cô nhìn lên, không nhìn vào một âm thanh mà là vào một điều gì khác, một nhiễu loạn trong khoảng không thì thấy Candy Bliss đang đứng nơi cuối băng ghế. Cô ta giơ cao một túi nhựa, đủ đựng một miếng xăng-úych. Trong đó là chiếc giày ba-ta của Ben, thật sạch, thật mới và con vệt đỏ vẫn sáng rõ trong đêm đen.

Việc tìm ra được chiếc giày chơi tennis đã làm đảo lộn tất cả.

Chính chiếc giày đã cho thấy Ben bị bắt cóc. Điều này chứng tỏ cho Candy Bliss thấy rằng Ben đã không tự ý bỏ đi lang thang.

Lẽ ra việc biết con mình đang ở trong tay người lạ sẽ làm tăng nhanh nỗi sợ của Beth, nhưng hóa ra ngược lại.

Candy giải thích rằng chiếc giày đã được tìm thấy trên một kệ đựng báo đủ thấp cho Ben tự đặt giày vào. Nhưng nó lại được cột nơ lại thật chắc, cách mà hầu hết những đứa bé ba tuổi không thể tự làm được; và nó cũng không thể tháo giày ra mà không cởi dây giày. “Chưa thể kết luận được đâu chị Cappadora ạ,” Candy Bliss nói. “Nhưng cũng đủ để bắt đầu. Và, dĩ nhiên, chúng tôi nghĩ sự việc đã xảy ra như thế.”

“Có nghĩa là ai đó đã bắt cóc Ben?”

Candy gật đầu. “Chỉ vì... tiền sảnh lúc đó đông nghẹt người. Chị biết đó, việc lẫn trốn là rất dễ...” Cô lắc đầu. “Beth này, chị chắc là Ben không thể cột đồ được chứ?”

“Trời ạ, không. Nó chỉ biết dùng nĩa xăn bánh ngọt thôi. Nó mới lên ba mà.” Cô cắn môi. “Nó mới ba tuổi.”

“Hừm, tôi chẳng bao giờ chắc chắn cả. Ý tôi là, tôi rất thân với cháu trai tôi, nhưng phải sống trong cùng một nhà mới thực sự nhớ hết được các giai đoạn phát triển của nó. Và đây là trường hợp đầu tiên...”

“Đầu tiên à?”

“Vụ đầu tiên của tôi có liên quan đến một đứa bé ít tuổi đến thế. Một vụ bắt cóc.”

“Tôi hiểu. Những vụ khác thì sao?”

“À, ở Tampa tôi thường làm việc với trẻ vị thành niên. Khi tôi mới vào nghề, đó là công việc mà một nữ cảnh sát sẽ đảm trách. Và sau đó...”

“Sau đó thì sao?”

“À, sau đó thì chuyển sang tội giết người”.

“Tôi hiểu. Cô không có con à?” Beth hỏi và ngạc nhiên khi thấy giọng mình thật bình thản, vì cô biết nếu nhìn ra sau lưng, cô có thể thấy chính mình phi nước đại tới lui băng qua ven bãi đậu xe, dưới ánh trăng, vừa than khóc vừa run bần bật.

“Không”, Candy nói. “Tôi... tôi ước gì mình có con.”

“Rồi cô sẽ có mà,” Beth vừa nói vừa nghĩ *Trời ạ, mình đang nói mấy chuyện linh tinh gì vậy?*

“Tôi nghĩ chắc không đâu. Tôi đã ba mươi sáu rồi. Cũng có thể lắm. À, thế này, thằng bé không thể cột đồ được mà chị thấy cái nơ này rồi đó.” Beth nhìn chăm chăm vào chiếc giày nhỏ xíu của Ben như thể nó là một mảnh sao băng, một hiện tượng ngoài trái đất.

Một cảnh sát trẻ thấy họ đang tiến đến nên mở sẵn cửa văn phòng. Cô đi vào phòng, chói mắt vì những bồn rửa, những lò bằng i-nốc bóng loáng, vấp vào mõm hai con chó săn thật lớn và khỏe.

“McGinty!” Candy kêu lên như thể vừa tìm lại được người em trai thất lạc đã lâu. Nhưng tay cảnh sát mặc đồng phục tóc đỏ ngực nở vòng lên đó lại đang nhìn Beth.

“Thưa chị Cappadora,” anh ta dịu dàng nói. “Đây là Homes và đây là Watson.” Hai chú chó săn ngoan ngoãn ngồi xuống khi McGinty khoát tay nhẹ. “Chúng tôi gọi chúng là những cái mũi sinh học. Chúng tôi cho chúng ngửi chiếc giày của con trai chị... và chúng đi tít đến tận bãi đậu xe.

Chúng tôi lại cho chúng ngừng tiếp, và chúng cũng lại đi đến cùng chỗ ấy trong bãi đậu xe, hơi chệch về phía tây công vào. Chúng tôi nghĩ là chiếc xe đã ở đó...”

“Chiếc xe của người đã đưa Ben đi ấy,” Candy nói.

“Tôi hiểu anh ta nói gì mà,” Beth ngắt lời. “Tôi đâu có ngu. Tôi là nhiếp ảnh gia báo chí đã lâu.” Candy mím môi gật đầu. Lúc đó Pat xuất hiện, mặt anh lơ đãng sau giấc ngủ, bàn tay anh vẫn đang rỉ máu dưới chỗ băng vì vết cắn của Beth, và Candy ngồi xuống với họ. Sau khi đội cảnh sát tiểu bang đến, họ sẽ mở rộng cuộc điều tra ra những vùng đã được khoanh trong bản đồ – điều tra trên bộ và cả trên không. Sẽ phải tìm trên máy tính, thông qua danh sách do những người tổ chức buổi họp lớp cung cấp, và những cá nhân đầu tiên họ tập trung để phỏng vấn sẽ là những người có tiền sử phạm tội.

“Tiền sử phạm tội?” Pat hỏi. “Những đứa trẻ từ trường Immaculata ấy à?”

“Không còn là trẻ con nữa,” Candy nói. “Đúng vậy, trong bất cứ nhóm nào đông đến thế thì cũng có nhiều khả năng chúng ta sẽ phát hiện ra ai đó, có thể là những cặp vợ chồng, với tiền sử phạm tội...” Hai người nhìn Beth, và Candy nói tiếp. “Lạm dụng. Hoặc hành hung. Hay đại loại thế.”

“Với trẻ em à?”

“Có thể lắm.”

“Như ai?”

“Ví dụ như bạn Wayne của chị đó. Beth này, có một trường hợp tương tự như thế có liên quan đến trẻ vị thành niên. Trong thập niên bảy mươi.”

“Wayne đối với các con tôi như chú ruột vậy. Wayne sẽ không bao giờ làm hại Ben đâu. Vì anh ấy bị đồng tính mà...”

“Đó chính là những gì tôi nghĩ, Beth ạ, và đứa trẻ kia mười sáu tuổi, còn gã nọ mười chín, và thiên hạ cho đó chỉ là chuyện tưởng tượng khiến vài bậc phụ huynh lo lắng thôi.... Hầu hết những chuyện như thế lại chẳng đi về đâu, nhưng chúng tôi đều kiểm tra hết...”

Ellen đi vào bếp, về phía Beth và ôm lấy cô. Tóc cột đuôi ngựa, người dầm mồ hôi, trông Ellen nhỏ lại, trẻ trung và yếu ớt. Cô ôm Beth thật chặt khi Candy giải thích rằng tốt hơn hết là nên tách Beth và Pat ra để tiến hành kiểm tra phát hiện nói dối. Họ có thể gặp chuyên viên kiểm tra vào hôm nay hay chờ đến thứ Hai.

“Cô nghĩ Beth đã sắp xếp để Ben bị bắt cóc à?” Ellen hỏi.

“Không, nhưng phần lớn các vụ bắt cóc đều bắt nguồn từ gia đình. Chúng có liên quan đến quyền giám hộ, đôi khi lại dính đến họ hàng hay những người có quyền nuôi nấng,” Candy Bliss giải thích.

Họ phải duyệt những danh sách, những cuộc phỏng vấn và tấm áp phích đầu tiên của chương trình Chống Tội Phạm có ảnh gương mặt Ben; Beth, may thay, đã ngoảnh mặt đi vào phút cuối để không bao giờ thấy trong bức chụp lại của tấm ảnh đen trắng đó cặp mắt tin cậy của Ben xoáy vào cô. Ellen giúp Beth tắm, cô cởi quần Beth ra rồi đưa bạn vào bồn tắm như giúp một bà ngoại già lụ khụ. Giữa lúc Beth ngâm mình trong nước, còn Pat cứ đi đi lại lại trong phòng ngủ hút thuốc, chuông điện thoại liên tục réo vang. Ellen trả lời tất cả, rất rõ ràng, “Cô ấy ngủ rồi”, hay “Không, họ đã sống ở Madison được hơn mười năm rồi.” Mặc bộ quần áo sạch của Ellen, hơi dài so với cô, Beth ngồi trước gương sấy tóc, trông cô giống như Nellie Forbush với bộ đồ thủy thủ trong phim *Nam Thái Bình Dương*. Hồi chiều, viên cảnh sát Taylor đã hỏi cô còn nhớ gì không về người bạn cùng lớp Sean Meehan. Con trai anh ta chết cách đây bốn năm, một cái chết trong cũi không bình thường. Khi Beth bắt đầu nôn trong bồn rửa mặt, vị bác sĩ Beth chẳng bao giờ biết tên lại xuất hiện và đưa cô mấy túi thuốc an thần. Nhưng khi cô không thể nén được nữa thì ông ta tiêm thêm cho cô một mũi; cô đã thiếp đi nhưng vẫn nghe thấy tất cả, thậm chí cả giọng anh Bick của cô nữa – Beth đã cố tỉnh dậy để nói chuyện với Bick nhưng không làm sao thoát ra được trạng thái nửa tỉnh nửa mê đó. Rồi Pat đỡ cô ngồi dậy và họ ngồi xem bản tin buổi sáng chiếu những nhóm tình nguyện viên trong khu vực lân cận và những bạn học ở Immaculata sát cánh nhau tìm kiếm trong khu rừng nguyên sinh và sân gôn. Khi Beth thấy cái mũ bóng chày của Ben lóe lên trên màn

hình và một cô gái nói “Cả cộng đồng đã được huy động để tìm bé Ben”, cô đã hét lên làm Pat phải tắt ti vi.

Một người trực tầng của khách sạn Tremont đem đến một khay những viên phó-mát vuông nhỏ và trái cây, với một tấm thiệp trên khay cho biết đó là thức ăn của khách sạn Tremont, thành viên của chuỗi Khách sạn Hiếu khách trên toàn quốc. Ellen bắt Beth ăn vài trái nho với một miếng phó-mát nhỏ. Cà phê cũng được bưng ra. Beth uống bốn tách.

Trời vẫn chưa sáng hẳn khi Candy bước vào phòng hỏi Beth đã sẵn sàng nói chuyện với giới báo chí chưa.

“Dĩ nhiên là chưa,” Beth đáp.

Candy nhăn mặt. “À, không ai buộc chị phải nói. Nhưng tôi muốn chị nói, nếu được. Chị không phải nói với cả đám phóng viên đâu, chỉ một người thôi. Tôi đã nhờ chọn được một người rồi. Cô ta cũng được lắm. Và chị cũng có thể nói với tất cả mọi người. Chị có thể nói với Kênh 5, 7, 2, 9... tờ *Tribune*, tờ báo địa phương, tờ *Sun-Times* nữa. Họ có mặt cả ở đây rồi.”

“Tôi không muốn nói với ai hết. Để Pat nói đi. Anh ấy nói hay lắm.”

“Nhưng, Beth này, chị là mẹ. Người ta luôn hưởng ứng lời kêu gọi của các bà mẹ. Họ hiểu tâm tư tình cảm của chị.”

“Vậy là cô muốn tôi khóc trước mặt mấy người này.”

“Không, không phải thế,” Candy nói.

Chất rượu làm dịu cơn đau vẫn còn ấm trong máu làm Beth trở nên bạo dạn. “Tôi không phải loại người khóc trước mặt người khác.”

“Cậu luôn khóc dễ dàng mà,” Ellen xen vào.

“Nếu tớ đã như thế thì giờ tớ không còn như thế nữa. Đây là con tớ, con của tớ...” Beth lại thấy buồn nôn, bụng cô nhộn nhạo. “Mọi người không hiểu đâu.”

“Đúng vậy,” Candy nói. “Nhưng tôi hiểu những bản tin này sẽ có ảnh hưởng rất lớn, sẽ có rất nhiều người xem, và họ sẽ giúp chúng ta được nhiều lắm đấy.”

“Nghe nè,” Ellen bảo Beth. “Cậu làm điều này đi. Cậu phải làm vì đây là điều duy nhất cậu có thể làm để giúp tìm ra Ben. Giờ thì ngồi dậy chuẩn bị đi.”

“Trông tớ kinh khủng quá.”

“Không sao đâu,” Candy nói, và Beth nhớ lại những ngày còn làm báo, dĩ nhiên rồi, đây là một hoạt cảnh: bà mẹ đau buồn mà chính cô đã từng chụp ảnh cả năm hay mười lần gì đó, cặp mắt mệt mỏi vì thiếu ngủ, hai má hóp sâu. “Nhưng chị không muốn trông như ma phải không,” Candy nói tiếp, “nếu không họ sẽ nghĩ...”

“Họ sẽ nghĩ gì?”

“Rằng cậu lẩn thẩn và cậu đã gây ra chuyện đó,” Ellen vừa nói vừa đi lấy túi đựng đồ trang điểm. Candy nhìn cô chải tóc Beth ra sau cho mượt rồi kẹp chặt bằng một cái kẹp vàng.

“Tô một chút màu lên mắt nữa, Beth,” Ellen nói. Beth nhìn chăm chăm cái hộp màu xanh lá cây, xanh dương và be.

“Để tôi làm cho,” thành linh Candy nhanh nhẩu nói. “Tôi trang điểm khéo lắm đó.” Và, sau này Beth thường nhớ lại, đúng là Candy khéo trang điểm thật: hai vòng tròn nâu đậm kín đáo cô vẽ dưới lông mày làm Beth trông mệt mỏi nhưng không dữ tợn; lớp phấn cô chấm lên thật nhạt không che được hai quầng mắt ở hai cánh mũi Beth mà chỉ làm mờ đi một chút.

Candy vừa chải nhẹ nhẹ vừa giải thích. “Giờ thì tôi sẽ đưa Sarah Chan với ê-kíp của cô ấy lên đây. Chúng ta sẽ làm việc với cô ấy trước vì cô ấy không còn nhiều thời gian nữa, và họ rất lo khi phải thực hiện chương trình này vì Kênh 2 là kênh được nhiều người xem nhất. Mà nếu chị muốn làm việc thêm với ai khác nữa thì chị cứ cho biết nhé – dù sao thì họ cũng có chương trình thời sự mà. Sẽ có nhiều đèn đó, Beth.” Beth nghĩ thật nhanh đến cuộc kiểm

tra tử cung, đến vị bác sĩ đã nói với cô về sự kiên nhẫn. “Giờ thì tôi sẽ cho cái mỏ vịt vào...” Cô ngắt lời Candy.

“Tôi biết rõ về đèn đuốc, tôi là nhiếp ảnh gia.”

“Vâng. Và chị chỉ phải trả lời những câu hỏi của cô ấy thôi. Họ sẽ thu âm để đề phòng trường hợp chị cần nói lại, hay chị bị căng thẳng...”

“Tôi không căng thẳng,” Beth nói thật hung hăng dù cô không định nói thế; cô cũng không cần buộc Candy phải xem thường mình nữa. “Tôi có thể xem qua bản tin đó chứ?” Beth cố tỏ ra hữu ích và biết điều. Có người đưa đến một tờ bản sao và Beth xem qua; đó không phải là văn xuôi trữ tình: “Tuy nhiên chưa có nhân chứng nào cho vụ mất tích... có vài thông tin rất hứa hẹn ... một cuộc điều tra toàn diện.”

“Cô không đề cập đến chiếc giày,” Beth nói.

“Chúng ta sẽ không đề cập đến,” Candy bảo cô. “Đó là con át chủ bài của chúng ta. Chỉ một người, có lẽ một thôi, biết tại sao chiếc giày lại ở đó. Chúng ta sẽ không bao giờ có được manh mối thường có, như....”

“Như vân tay?”

“Đúng. Nhưng vân tay chỉ dùng cho kẻ thú tội.”

“Kẻ thú tội?”

“Những kẻ gọi điện nói họ đã bắt cóc Ben.”

“Thiên hạ sẽ gọi điện à?”

“Ồ, họ gọi luôn ấy chứ, Beth. Nhiều người gọi đến lắm. Ngoài kia có những kẻ bệnh hoạn luôn muốn được mọi người chú ý, và có lẽ có vài người thật sự cảm thấy tội lỗi và bị dẫn dắt đến nỗi phải khai ra về một tội khác. Tất cả đều sẽ lộ diện, Beth ạ.”

Và Beth nhớ mãi hình ảnh một căn phòng tối tăm, một gương mặt xanh xao với điện thoại kẹp sát bên tai, nói thật nhỏ, thì thào như sợ ai đó ở phòng bên có thể nghe thấy... Thế rồi Sarah Chan, mảnh khảnh và thơm ngát trong

bộ đồ màu xanh dương, gõ cửa và căn phòng bỗng tràn ngập dây cáp và những cây đèn. Pat ngồi xuống cạnh Beth trên trường kỷ.

“Đặt tay lên vai cô ấy đi,” Candy nói. Pat đặt tay mình lên thành ghế, rụt rè choàng qua vai Beth.

“Thưa chị Cappadora,” Sarah Chan nói. “Tôi mong chị hiểu rằng tất cả chúng tôi đều muốn làm hết sức mình để giúp tìm đứa con trai nhỏ của chị. Chị biết những chuyện này như thế nào rồi đó. Chúng đưa mọi người xích lại gần nhau. Cả thành phố này sẽ cầu nguyện cho Brian...”

“Ben.”

“Cho Ben. Tôi xin lỗi. Tôi vừa đến đây thôi và tôi chưa theo kịp tiến độ của vụ việc.”

Beth không thể nói được gì.

“Chị Cappadora,” Sarah Chan giục.

“Tôi hiểu,” cuối cùng Beth hít một hơi rồi nói.

Tự nhiên cô nhớ đến một lúc trong những ngày làm báo của mình – chụp hình cho một gia đình mà đứa con trai duy nhất ở tuổi thiếu niên vừa chết mấy tiếng đồng hồ trước đó trong một vụ tai nạn xe tải kinh khủng ở phía bắc Wisconsin. Bỗng dưng bà cậu bé nói to: “Ôi chà, bọn ta từng làm chuyện này rồi. Chồng ta và các bạn ông ấy thường có một thùng bia lớn trên sàn sau xe, và họ lái xe chạy tới chạy lui la hét rầm trời. Ôi trời, bọn ta đã làm thế. Tất cả mọi người đều làm thế.” Beth chết lặng, mấy ngón tay cô lóng ngóng với chiếc máy chụp ảnh cũ Hasselblad của mình (tay biên tập viên muốn có những tấm chân dung tang tóc chứ không phải những tấm hình để làm tin tức.) Cô có phải đồng ý rằng trẻ con sẽ vẫn là trẻ con, trẻ con sẽ được hỏa thiêu trong những chiếc xe Chevy cũ không?

Câu nói bóng gió của Sarah Chan “biết những chuyện này như thế nào rồi” làm Beth thấy choáng váng y hệt như lần ấy, nhưng giờ đây cô lại đang ở phía bên kia ống kính.

“Chị Cappadora, chị sẵn sàng chưa ạ?” Sarah Chan hỏi.

“Để Pat nói đi,” Beth năn nỉ.

“Không được, đã thỏa thuận như thế rồi,” Ellen kiên quyết nói với cô.
“Tớ ở ngay đây với cậu mà.”

Nhân viên kỹ thuật gắn một micrô nhỏ vào áo Beth rồi thử âm thanh.

“Thưa chị Cappadora, trước khi chúng ta bắt đầu,” Sarah Chan nói, “tôi biết mình không nên yêu cầu điều này, nhưng nếu chị cố đừng nói với các kênh truyền hình khác thì tôi nghĩ điều này sẽ có tác động lớn lắm đó.”

“Thôi đi, Sarah,” Candy lên giọng cảnh cáo. Và người quay phim, một thiếu nữ mặc quần jean ôm và một áo phông rộng thùng thình của đại học Harvard chìa ống kính vào Sarah Chan.

“Chúng tôi đang ở tại khách sạn Tremont của thành phố Parkside nơi gia đình Cappadora đang đau buồn chờ đợi. Chưa đầy hai mươi bốn tiếng đồng hồ trước....

“Sarah. Đoạn đó để sau. Xong cảnh này trước đi,” Candy nói.

Ngay lập tức, Sarah Chan ngồi xuống cạnh Beth và Pat trên chiếc trường kỷ. “Bây giờ, chị cứ nhớ rằng chúng tôi sẽ ghi âm nên nếu thấy mình nói chưa đúng với những gì chị muốn thì chúng ta có thể ngừng và bắt đầu lại,” cô ta dịu dàng nói với Beth.

Và rồi bỗng cô ta trở nên sinh động hẳn, gương mặt cô thể hiện chính xác dáng vẻ của một bà mẹ biết cảm thông. “Beth và Pat, đây là thành phố nơi quý vị lớn lên. Quý vị có bao giờ tưởng tượng được rằng một điều như thế này lại có thể xảy ra tại Parkside, trong một tiền sảnh toàn bạn bè thời trung học của quý vị không?”

“Câu hỏi này là thế nào đây?” Pat hỏi, và Chan đưa tay ra hiệu ngừng quay. “Tôi muốn nói dĩ nhiên là không rồi. Đây là một thành phố nhỏ. Beth và tôi lớn lên với những người này. Chúng tôi biết rõ các con phố như lòng bàn tay vậy.”

“Nhưng vẫn có khả năng là một ai đó quý vị biết đã bắt cóc con quý vị,” Sarah Chan nói với vẻ đau buồn, đồng thời ra hiệu cho máy tiếp tục quay.

“Khả năng đó vẫn có thể xảy ra, nhưng tôi không tin như thế,” Pat đáp với cái giọng Beth cho rằng hay ho nhất của anh. “Những gì đã xảy ra với Ben không liên quan gì đến trường trung học Immaculata cả.”

“Thưa chị Cappadora... chị Beth, cảm giác của chị lúc này chắc là không thể tưởng tượng nổi...” Sarah Chan nói.

“Vâng,” Beth đáp.

“Ý tôi là nỗi sợ hãi cộng với những thắc mắc sẽ còn mất bao lâu nữa, nỗi đau buồn....” Beth, không nói lời nào, nhìn đăm đăm vào lớp phấn mỏng chia đôi mặt và cổ Sarah Chan như một mặt nạ. Sarah Chan cố nói tiếp: “Chúng tôi thật sự không biết quý vị sẽ có cảm giác như thế nào trong đêm nay, đêm thứ hai...”

“Rõ ràng là cô không thể biết được,” Beth tán thành.

“Vậy thì,” Sarah Chan kiên nhẫn nói tiếp, “chị có muốn hỏi gì các khán giả xem truyền hình của chúng tôi, những người dân thành phố Chicago, những người quan tâm sâu sắc đến sự mất mát của chị không?” Beth ngồi lặng thinh.

“Beth,” Sarah Chan nài nỉ.

“Có,” Beth đáp. “Tôi muốn nói với kẻ đã đánh cắp con tôi từ tiền sảnh của khách sạn này.” *Làm ơn rủ lòng thương tôi với, Beth nhủ thầm. Làm ơn rủ lòng nhân hậu đem con tôi trả lại cho tôi đi. Tôi xin người tha cho nó đi, cô nhủ thầm, và nói tiếp:* “Đó là... đó là tao chẳng mong rằng mày sẽ đem trả Ben lại.” Sarah Chan há hốc miệng sững sốt, còn người quay phim nhảy dựng lên như bị ong đốt.

Nhưng Candy Bliss giơ tay lên, y như đang ra lệnh cho xe cộ ngừng lại; Beth nhìn thẳng vào mắt cô thật lâu. Càng nhìn thật lâu vào cặp mắt xanh

không chớp của Candy, Beth càng biết chắc mình có thể tiếp tục nói. Và cô nói tiếp:

“Tao chẳng mong mày sẽ đem trả Ben lại, vì mày là một tên vô lại bệnh hoạn, nhẩn tâm.”

“Chị Cappadora, chị Beth này...” Sarah Chan gọi nhỏ.

“Tao chẳng mong mày sẽ đem trả Ben lại vì nếu mày đã có thể gây ra chuyện này thì hoặc là mày chẳng hiểu nổi cảnh trần ai chúng tao đang phải chịu, hoặc mày cũng chẳng quan tâm.”

Cô hắng giọng. “Vì thế tao sẽ không nài van mày. Nhưng bất cứ người nào khác... những ai nhìn thấy Ben, và có tấm lòng nhân hậu, quý vị sẽ hiểu rằng bất cứ ai đang ở bên Ben đều không phải là tôi hay Pat. Không phải là mẹ hay bố nó. Vậy nếu có thể, những gì tôi muốn quý vị làm là hãy giết lấy Ben. Nếu có phải làm kẻ đó bị thương cũng không sao.

Tôi sẽ hậu tạ quý vị; gia đình tôi sẽ hậu tạ quý vị; các bạn tôi sẽ hậu tạ quý vị. Chúng tôi sẽ tặng quý vị tất cả những gì chúng tôi có,” Beth ngừng lại rồi nói tiếp. “Thế thôi.”

Sarah Chan ngược nhìn Candy. “Chúng tôi không thể sử dụng đoạn băng ghi hình này,” cô thất vọng nói.

“Tại sao?” Candy hỏi.

“Vì nó... vì nó không... Xin lỗi, anh chị Cappadora ạ, nhưng nếu kẻ nào đó đang giữ cháu bé mà nghe thấy như vậy thì chúng sẽ tức điên lên.... Không ai mong chờ chị ấy sẽ nói...”

“Cô sợ mọi người sẽ không thích Beth vì nổi điên với cái gã đã bắt cóc con cô ấy à? Vì Beth không muốn van xin một tên bắt cóc sao? Cô nghĩ cô ấy tỏ ra kém tử tế?”

“Không phải thế...” Sarah Chan nói.

Candy ấn ngón tay nơi trán. “Cô phải chọn thôi, Sarah. Hoặc cô sử dụng đoạn băng này hoặc cô sẽ không có gì khác. Và tôi sẽ xuống dưới kia gọi

Walter Sheet hay Nancy Higgins hay bất cứ người nào khác tôi gặp dưới tiền sảnh, Beth vẫn sẽ nói y như thế, và họ sẽ sử dụng đoạn băng ấy, họ sẽ có được đoạn băng duy nhất này và cô sẽ trắng tay.”

“Thám tử ạ, tôi không hiểu tại sao....”

Candy đứng sau Beth, hai tay hơi ôm lấy đầu cô, và Beth cảm thấy chúng như một chiếc mũ ban phúc lành. “Vì cô ấy đã nói sự thật, thế thôi,” Candy Bliss đáp.

Chiều thứ hai, mặc cho Beth phản đối, Pat khẳng khái đòi rời khách sạn Tremont. Dù cô không thể giải thích lý do cho anh, nhưng cô biết sự nóng nực ngột ngạt, mùi nấu ăn, và bầu không khí như đưa đám trong một gia đình Ý đang lan khắp nhà bố mẹ chồng cô sẽ khiến cô ngột thở. Nếu thế thì còn tệ hơn ở khách sạn; ít nhất bầu khí ở đó tuy đáng sợ nhưng cũng đã được che đậy lại. Cô không phải chịu cảnh cứ mỗi năm giây lại va vào một người mà cô đang mắc nợ điều gì đó.

Nhưng Pat rất kiên quyết; thế này thì thật ngu xuẩn quá. Gần hai ngày nay cô không thấy mặt mũi Vincent hay Kerry. Pat muốn được ở bên bố mẹ và các anh chị em của anh. “Anh phải nói với em điều này, Bethie, anh nghĩ em sẽ nắm vững vấn đề hơn nếu mình về nhà ông bà nội. Em sẽ... có thể đi loanh quanh đâu đó. Còn bây giờ chúng ta chỉ ngồi đây và nhìn vào nơi chuyện đó xảy ra.”

Thế là họ ra xe, người quản lý khách sạn đi theo họ ra tận vỉa hè, băng qua bãi đậu xe, vừa đi vừa lái nhai giải thích rằng đương nhiên là họ sẽ không phải trả tiền khách sạn, rằng ban quản lý khách sạn Tremont – thật ra là tất cả các Khách sạn Hiếu khách ở khắp nơi (*khắp nơi trong dải ngân hà này*, Beth nghĩ) – đều rất lấy làm tiếc vì vụ việc đã xảy ra đó, như thể kỳ nghỉ của vợ chồng họ chỉ bị quấy rầy vì một cái máy điều hòa không khí quá ồn. Các phóng viên lẳng nhăng bám theo tay quản lý hét to những câu hỏi: Có phản hồi gì từ những kẻ bắt cóc không? FBI có đặc biệt nghi ngờ ai không? Trước đây Beth không hiểu vì sao những người bị báo chí bao vây lại có thể làm ngơ những nài nỉ như vậy được, đặc biệt là trong những giây phút căng thẳng đến thế.

Giờ thì cô biết rồi. Ta không nghe thấy họ. Thậm chí ta còn không biết họ đang bám theo mình để quấy rầy như một lũ ruồi đen nữa. Ông Angelo cho biết điện thoại réo ồm ồm suốt ngày ở nhà ông, đám phóng viên đang cố gắng, như họ đã phân bua, để hiểu rõ hơn về “quan điểm của gia đình trong vấn đề này”. Một viên cảnh sát được cấm chốt tại gia đình Cappadora, chỉ để nhận điện thoại, lịch sự giải thích rằng không ai trong nhà có thể nói gì về cuộc điều tra đang được tiến hành rồi cúp điện thoại. Đôi khi có vài chiếc xe săn tin bám theo mấy chiếc xe tải giao đồ ăn của nhà hàng Golden Hat do ông Angelo và bà Rosie làm chủ khi chúng rời nhà hàng của họ trên đường Wolf. Thậm chí khi Beth vào xe, một cây bút trẻ của tạp chí *People* đã dúi vào tay cô – thật ra là đặt nó vào tay Beth và cố bẻ cụp mấy ngón tay cô vào – để giữ một tấm danh thiếp và nói với Beth rằng *People* rất nổi tiếng về sự quan tâm, tính chính xác và tính hiệu quả. Cô ta dặn Beth: “Nói chuyện với chúng tôi đi, rồi những lời nói ấy của chị sẽ hiện diện ở khắp các sân bay và hiệu thuốc trên toàn nước Mỹ. Vì thế hãy gọi điện cho tôi nhé.” Beth gạt đầu, đóng cửa xe, khóa lại, rồi quay kính xe lên. Cô vò nát tờ danh thiếp và bỏ nó vào gạt tàn thuốc.

Rốt cuộc thì, cô tự hỏi, báo chí, cảnh sát, hay gia đình, có ý nghĩa gì đâu chứ? Người ta có thể mở miệng nói về cô nếu họ muốn. Cô không còn có thật nữa. Cô là đồ giả, một người giả. Cô đã khoác lên người chiếc áo tàng hình, nhét cái gấu áo đen tối đó quanh trí óc cô để che toàn bộ thông tin và ánh sáng. Cô có thể về nhà gia đình chồng, hay về Madison, hay Amarillo, thậm chí lên cả sao Thiên Vương nhưng cô sẽ chẳng bao giờ tìm được sự phấn khích hay bình an nữa.

Pat đã nhẹ nhàng trách cô vì trở nên “xa vắng”. Mặt anh sần sùi những mụn; người anh nồng nặc mùi thuốc lá; tóc anh bết bết dầu. Khi ngủ, anh thường thét lên. Beth đề nghị anh uống thuốc để khỏi la hét, nhưng Pat nói anh cần phải tỉnh thức để giúp cảnh sát trong khả năng của mình. Beth lại nghĩ khác. Cách duy nhất cô có thể giúp cảnh sát hay bất cứ ai là không được tỏ ra ngu xuẩn, phải ngăn được những thôi thúc mạnh mẽ muốn được làm chuyện ngu ngốc, muốn được khóc sụt mướt và được cào cấu.

Khi họ bước vào phòng khách nhà ông Angelo và bà Rosie thì Vincent chạy bổ vào lòng Pat, còn Beth chỉ nhẹ ôm và xoa đầu nó một cái. Jill đưa Kerry cho Beth bế và cho bú; nhưng khi Pat thấy Beth để mặc chai sữa rớt khỏi miệng Kerry thì anh bước tới, bế lấy nó rồi cầm bình sữa cho nó bú đến khi nó ngủ thiếp đi. Monica, em của Pat pha hết bình cà phê này đến bình cà phê khác và mỗi lần đi qua cái đàn dương cầm lại lướt tay trên mấy phím đàn. Bất cứ người nào bước vào nhà thì Teresa, em út của Pat cũng chỉ hỏi một câu duy nhất “Chúng ta sẽ làm gì đây?” cho đến khi Pat bực mình hét lên bảo cô thôi đi. Beth ngồi trên một chiếc ghế bành lớn ngay phía sau cửa ra vào, và dường như tất cả mọi người đều khom lưng đi ngang qua chỗ cô ngồi để vào nhà. Gia đình Comos đến, rồi Wayne Thunder, hai lần, và cả chục người bạn làm ăn với ông Angelo đem các giỏ trái cây và những xoong đựng món lasagne, dù Wayne nói rằng đem lasagne đến cho nhà Rosie chẳng khác nào chở củi về rừng.

Beth và các anh cô đều không thể ăn lasagne từ khi mẹ họ mất, khi mà hằng mấy tháng trời, lasagne cứ nằm trong tủ đông giống như bánh mì hay cá vậy – rằng nó sẽ không hết được, như thể nó cứ tự sinh sôi nảy nở. Và họ đã phải tặng lasagne cho ông đưa thư, cho những người lạ đi quyên góp cho các tổ chức vì môi trường, cho các gia đình bạn học của họ.

Nhưng giờ thì bà Rosie trân trọng nhận hết các món quà đó. “Chúng tôi không có thì giờ nấu nướng nữa – quý vị thật tử tế quá.” Bà thường nói thế với giọng thật ngạc nhiên, trong khi thật ra bà không làm gì ngoài việc nấu ăn từ sáng thứ bảy, nấu như quán tính, và dọn những bữa ăn thịnh soạn cho bất cứ ai có mặt trong nhà, và thậm chí bây giờ nữa, trong cái nóng hừng hực của buổi chiều tháng Sáu, bà bật máy lạnh hết cỡ để có thể nướng sườn với đậu và cà chua trong lò mà không làm ai bị đột quỵ.

Ngay trước bữa tối, khi bà Rosie tỉ mỉ bày bàn trong phòng ăn với gương gắn khắp tường thì Beth nghe tiếng ông Angelo nói chuyện với một người đàn ông khác, một giọng nói lạ. Cô giật mình, đứng lên đi vòng tới cuối hành lang cho đến khi cô đứng phía trong cửa phòng tắm sát bức tường phía đông nhà bếp.

Vậy mà ông ta cũng vẫn thấy Beth.

“Chào bác Charley,” Beth lên tiếng.

Người đàn ông mặc cái áo trắng tinh, cà vạt sọc chìm đỏ thẫm và xanh thốt lên: “Bethie con yêu. Bethie cưng yêu, ta thề với Chúa. Ta thề với Chúa. Thế giới này là thế nào đây chứ?” Ông ôm cô vào lòng và dù rất cố gắng, Beth thấy không thể cưỡng lại được vòng tay ôm của một người đàn ông Ý trạc tuổi cha cô, cái cảm giác giống như khi ta vừa bò lên được bờ biển rồi bị đá nhọn cửa, nhưng khi ta mặc quần áo khô vào, mọi chuyện lại trở nên tốt đẹp ngay.

Cô không biết tên thật của ông. *Có chứ*, thành linh Beth nghĩ, cô biết mà. Ruffalo. Con gái ông tên Janet. Bác Charley Ruffalo. Nhưng cô toàn gọi ông là Charley Hai, dù không gọi trước mặt, đương nhiên rồi, vì hễ mở miệng là ông phải lặp đi lặp lại hai lần. Hình như ông có họ xa với ông Angelo – họ gọi nhau là “anh em họ” – và Charley quản lý cái Pat gọi vui là công-ty-giao-hàng-một-xe-tải-sinh-lãi-nhiều-nhất-ở-Bắc-bán-cầu. “Bethie, ta đã làm hết sức mình. Ta đã làm hết sức mình rồi. Ta đã nói chuyện với vài người.

Bethie, và Angie này, tôi thề có Chúa, thề có Chúa, không có gì. Không có manh mối gì bên ngoài kia hết.”

Ông ấy muốn nói, Beth hiểu – và ông Angelo biết cô hiểu – rằng Ben không phải do một tên tội phạm chuyên nghiệp bắt cóc.

“Cảm ơn bác, bác Charley,” cô đáp và nghe ông Angelo thở dài thật to. Rồi họ nói chuyện bằng tiếng Ý với nhau. Charley hôn Beth, má ông mềm như găng tay da nhúng trong nước hoa Aramis vậy.

“Thôi ta ăn nào,” bà Rosie mệt mỏi nói. Mọi người ngồi xuống, Vincent ăn thật ngon lành, cả viên cảnh sát đang làm nhiệm vụ ở Parkside cũng vậy, một cậu nhóc da đen tên Cooper, nhưng không người lớn nào, theo như Beth quan sát cho đến lúc đó, nuốt trôi được một miếng ngoài việc cứ cắt cắt, chọc chọc vào miếng sườn của mình. Chồng Teresa, Joey, cuối cùng đành bỏ khăn ăn lên bàn rồi rút đi, Teresa cũng hối hả đi theo anh, không quên quay

lại nhìn mẹ với ánh mắt xin lỗi. Vào giữa bữa ăn tối không ai ăn đó, Bick xuất hiện và nói với Beth rằng anh của họ, Paul vừa đi công tác về và đang trên đường đến đây. “Anh không biết nói gì với anh ấy cả, Bethie. Có tin gì mới mà dài chưa đưa không?”

Từ khóe mắt mình, Beth thấy cậu cảnh sát trẻ đơ người ra. Nhưng cô nhủ thầm: *Đây là anh mình mà, một người ngây thơ, một luật sư chứ không phải một nhà báo nhiều chuyện.* Rồi cô nói lớn: “Họ đã tìm thấy chiếc giày của nó. Họ tìm được giày nó trên kệ đựng sách báo.”

Bick lại nắm hai cánh tay cô. “Vậy là họ nghĩ có ai đó đang giữ nó?”

“Vâng, họ nghĩ có ai đó đang giữ nó.”

“Vậy cảnh sát địa phương đã gọi cho FBI chưa?”

Thế là Pat phải giải thích về sự phức tạp của luật bắt cóc theo như những gì anh hiểu – Beth biết chắc anh không hiểu cặn kẽ về nó – về việc liệu nó thuộc về liên bang hay tiểu bang – nếu tên bắt cóc băng qua biên giới của tiểu bang bằng đường bộ hay đường hàng không, hay đi quá hồ Michigan hay vượt qua biển thì đó là tội phạm liên bang, nếu hẳn chỉ đi từ đầu này của tiểu bang California đến đầu kia, thậm chí bằng máy bay, thì hẳn chỉ là tội phạm của tiểu bang, và luật của từng tiểu bang về tội bắt cóc lại hơi khác nhau. Chỉ nghe được nửa chừng mà đầu Beth đã nhức như búa bổ nên cô đi lên lầu tìm chai thuốc và vật đựng xuống giường của bà Rosie; trong giấc mơ cô nghe có nhiều giọng nói như tiếng sóng vỗ, tiếng của Candy, của ông Angelo và của Bick, rồi cuối cùng có tiếng gọi: “Mama.”

Beth hét lên. Cô ngồi bật dậy và hét thêm một tiếng thật to. Vincent đang đứng bên giường cô, chỉ mặc áo phông và quần đùi, cũng hét lên rồi bật khóc. Bà Rosie, có Monica theo sau, chạy xuống bế Vincent lên dỗ dành: “Ngủ đi cháu, ngủ đi Vincenzo, cháu yêu.”

“Chuyện quái quỷ gì thế, Beth?” Pat chộp lấy tay cô ngay lập tức.

“Em tưởng... em tưởng đó là Ben.” Anh thả cô ra rồi đỡ phía sau đầu cô dịu dàng đu đưa. Ben là đứa con ngủ cùng giường với họ. Ngay từ khi còn

bé, dù không chịu về phòng mình nhưng khi đã ngủ thì Vincent nằm xoãi dài chân tay ra, nằm một mình với tư thế rất tự tin. Ben thì không đêm nào không trèo qua cũi như một huấn luyện viên thể dục đến nỗi Beth chịu thua phải bỏ cái cũi đi, nó bò xuống rồi đi vào phòng bố mẹ, đôi khi tiểu ướt cả khăn trải giường của họ. “Con ngủ-đi.” Nó thường giải thích cho họ như thế trong mấy tháng gần đây vì giờ nó đã nói sõi hơn. Cũng chính Ben là đứa gọi Beth là “Mama” chứ không phải “Mẹ” hay “Ma” như Vincent thường gọi. Đang mơ mơ màng màng nên Beth đã không nhận ra đó là giọng của Vincent.

Cô loạng choạng đứng lên rồi đi dọc hành lang ra phòng dành cho khách. Đó là lần đầu tiên từ khi biết bà Rosie – chủ yếu là những năm Beth có thể nhớ – cô thấy mẹ chòng nhìn mình khinh bỉ. Bà vừa ru Vincent, đã ngủ nhưng còn nấc sau cơn nức nở, vừa xua cô đi chỗ khác. Beth bước ra sân thượng bên ngoài phòng dành cho khách. Joey và Teresa đang ngồi ở đó, dù rõ ràng là họ chưa ngủ. Xe hơi đậu đầy khu phố, phóng viên ngồi trên mấy tấm chắn nhâm nhi cà phê và cô-ca trong ly giấy như thể họ đang dự lễ hội âm nhạc. Họ không thấy cô. Có một đội cảnh sát của Parkside đậu ở góc phố, một cái giá cửa được dựng lên như rào chắn dã chiến – khi Beth đang nhìn một chiếc xe của Kênh 9 đang chạy vòng qua nó. Sau lưng cô, Joey mở cửa phòng ngủ.

“Joey, cậu có thuốc lá không?” Beth hỏi.

“Chị Bethie, em tưởng chị bỏ thuốc rồi,” Joey, người hiền nhất trong cánh đàn ông, nói nhỏ.

“Tôi bỏ lâu rồi,” Beth đáp.

Họ ngồi cạnh nhau trên sân thượng ngắm các phóng viên, vài người đang đứng để đọc bản tin phát thanh sáng sớm, lưng họ quay về phía ngôi nhà đá trắng của ông Angelo và bà Rosie được chiếu đèn sáng lóa, với một dãy cửa chớp ở mặt tiền.

“Chúng ta sẽ tìm được cháu, chị Bethie ạ,” Joey sôi nổi nói.

“Ôi, Joe,” Beth vừa nói vừa vòng tay ôm lấy cậu, lòng tràn đầy thương mến đối với cậu em cột chèo này, sự thương mến cô không thể nào cảm nhận được một cách thoải mái với chính đứa con nhỏ của cô, cuối cùng cũng đã ngủ lại ở dưới sảnh. Mà sao lại như thế nhỉ?

“Chị Bethie, em sẵn sàng đánh đổi cả tứ chi em để Ben trở về với chúng ta.”

“Chị biết, em yêu,” cô nói.

Teresa mặc áo ngủ bước ra. Thành linh cô báo: “Em có thai rồi.”

“Trời đất ơi, em điên hả Tree?” Chồng cô nghiêng răng đứng lên.

“Joey, có sao đâu mà. Xin chúc mừng em, Tree. *Buona fortuna*. Chúc may mắn. Mấy tháng rồi em?” Beth hỏi.

“Dạ hai tháng,” Teresa đáp.

“Anh Pat biết chưa?”

“Dạ chưa. Em có nên cho anh ấy biết không? Mẹ biết rồi. Mẹ nói em không nên cho anh chị biết. Em xin lỗi vì đã nói với chị. Em không giữ mồm giữ miệng được. Em điên mất rồi. Tất cả chúng ta đều điên cả rồi.

“Chị hiểu,” Beth nói. “Còn điều nào không, Joey?”

Sau khi Joey và Teresa nằm lên tấm chăn bông, Beth ngồi nhìn trời dần sáng. Cô nhắm đi nhắm lại trong đầu bảng tuần hoàn Men-đê-lê-ép. Ô-xy, Ni-tơ, Cacbon, Silic, Natri, Clo, Nê-ông, Stronti, Agon. Cô biết có mấy thứ chưa có khi cô còn học trung học. Technetium ư? Californium ư? Hay mình đang bịa ra nhỉ? Điều thuốc chấy sát tận mấy đầu ngón tay cô. Cô nằm xuống sàn nhà bằng gỗ sơn. Kerry đang khóc. Sẽ có ai đó cho nó ăn.

Lúc tám giờ, Candy đến đưa Beth và Pat đến một phòng thí nghiệm ở Elmbrook để làm các kiểm tra phát hiện nói dối. Sau này, Pat nói với Beth rằng tay kỹ thuật viên trẻ tuổi đó đã đọc thuộc lòng cùng một bài cho cả hai người: “Hãy thư giãn đi,” anh ta nói. “Đây sẽ là điều ít đau đớn nhất cho cơ thể quý vị. Tôi luôn nói với mọi người là hãy thoải mái, nhưng dĩ nhiên là

họ không thể thoải mái được, đây là một máy đo tim mạch – cho nên ai lại có thể thoải mái được chứ? Nhưng cũng không sao nếu quý vị không thoải mái được vì tôi sẽ đọc được cả quá trình về tâm trạng của quý vị. Và tôi cũng thấy rằng hiện giờ tâm trạng của quý vị đang không ổn. Giờ thì tôi sẽ bắt đầu với câu hỏi khó nhất. Tên ông là gì?” Sau đó cả Beth và Pat mới biết rằng câu trả lời của họ đều cho thấy là dối trá khi họ được hỏi liệu họ có là người phải chịu trách nhiệm về sự biến mất của Ben không.

“Chuyện nhỏ!” Candy nói với Beth. “Chúng ta có thể kiểm tra lại nếu cần mà.”

Khi họ về đến nhà ông Angelo và bà Rosie thì Ellen đã có mặt ở đó để đưa họ đến trung tâm tình nguyện ở tầng hầm dưới tiền sảnh của nhà thờ Immaculata. Beth hỏi: “Trung tâm tình nguyện gì thế?”

Ellen nói: “Đó là trung tâm phát truyền đơn và tìm kiếm. Có một phụ nữ từ Chương trình Chống Tội Phạm đến đây sáng hôm qua dạy cho tụi mình làm thế nào để thành lập một trung tâm như thế. Bảy mươi hai tiếng đồng hồ đầu tiên là quyết định đó.”

Đã có ba trăm hai mươi sinh viên của Immaculata tham gia. Và sau này Pat nói chắc cũng có một trăm năm mươi người tự liên hệ để đến tầng hầm của nhà thờ, chưa kể đến mấy người hàng xóm của bà Rosie, bạn gái của Bill, và những bạn bè khắp các nơi, những người đã từng lớn lên cùng anh chị em của Beth và Pat. Vợ Nick, Trisha, cũng đã có mặt ở đó; và tất cả các thành viên đội cổ vũ, rồi vợ của Jimmy Daugherty, cùng với hai mươi bà mẹ, bạn học và vợ các bạn học khác. Có cả hiệu trưởng của trường Immaculata nữa, bà xơ duy nhất còn lại trong số các giáo sư giảng dạy ở đó, và bốn vị khác trong trường gồm cả vị giáo sư dạy tiếng Anh, cô giáo cũ của Beth, cô Sullivan, đã nghỉ hưu được mười năm nay. Wayne, người rất bận rộn với việc huấn luyện ban quản lý cho tập đoàn viễn thông AT&T, chỉ nghỉ làm ba ngày một năm (tất cả đều là Chủ Nhật) cũng có mặt ở đó và đã hủy tất cả các cuộc hẹn vô thời hạn lần thứ nhì trong cuộc đời làm việc của mình. (Lần đầu tiên anh nghỉ để đi chơi biển bằng tàu đến Úc với chín trăm

người đàn ông đồng tính khác. “Tụi anh đang ở giữa đại dương mà anh thì không thể có được một cuộc hẹn hò nào.” Sau này anh thất vọng kể với Beth. “Anh còn biết làm gì khác ngoài húc đầu vào công việc?”) Wayne khoe với Beth anh phụ trách về truyền thông đại chúng. Anh thường phải kiểm tra tất cả các yêu cầu phỏng vấn, chụp hình rồi chuyển những thứ đó đến các bộ phận có liên quan đến cuộc tìm kiếm. Thậm chí Cecil Lockhart cũng đã đăng ký nhưng phút cuối lại không đến được vì mẹ cô bị ốm. “Nhưng nó gửi lời thăm cậu, Beth à,” Ellen kể. “Và tớ tin nó định đi thật đấy. Nó sẽ đến và làm việc khi mẹ nó khỏe hơn. Cậu biết không, nó có một thằng con trai không lớn hơn Ben bao nhiêu, với ông chồng thứ hai – hay thứ ba, hay thứ năm nhì. Tớ cũng không biết nữa, nhưng nghe nó có vẻ chán ngán vụ đó lắm. Tất cả mọi người đều vậy, Bethie. Tất cả mọi người.”

Ngay khi Beth và Pat đến, Laurie Elwell bước vào, mang theo một chồng bìa hồ sơ. Trông cô như thể đang phải nằm trên giường vì bị cúm và lẽ ra không nên dậy. Từ khi học đại học Laurie đã là bạn thân nhất của Beth ở Madison; đôi khi cô còn nghĩ đó là người bạn duy nhất của mình. Laurie không giống Beth chút nào – thậm chí khi còn là sinh viên năm thứ nhất đại học cô đã rất điềm tĩnh và tự tin theo cách mà Beth biết chắc rằng mình sẽ không bao giờ được như thế. Laurie là một cô gái dường như biết hết mọi người trong văn phòng trợ giúp tài chính; các chủ tịch của các hội nữ sinh hẳn tin cho cô, chứ không phải ngược lại. Dường như Laurie được sinh ra dưới một ngôi sao may mắn: cô biết tất cả những thông tin thiết yếu trong vũ trụ, và cứ nhìn mấy bìa hồ sơ là biết cô định lưu trữ tất cả vào máy tính.

Beth và Ellen vẫn cãi nhau và cúp điện thoại của nhau mỗi năm ít nhất một lần; nhưng mối quan hệ của Beth với Laurie luôn trong sáng như một buổi chiều hè, vẫn như khi họ còn thơ. Họ đã gặp nhau lúc thiên hạ tự đổi mới bản thân, tâm sự với nhau về nỗi buồn chán khủng khiếp, niềm tự hào thật sự cũng như nỗi sợ hãi với bốn phận làm cha làm mẹ, và những cuộc hôn nhân dai dẳng.

Khi Beth thấy Laurie và những người bạn khác, cô thoáng nghĩ *Giờ đã đến lúc họp lớp rồi đây. Giờ là lúc ta sẽ có thể hành động.*

Beth đã nói rằng Laurie có thể đoạt giải Nobel về đầu óc tổ chức; và cô ấy rất đáng được giải thưởng. Những bàn dài thường dùng để đặt thức ăn trong các buổi uống trà trong xứ đạo và những buổi ăn sáng cho các lễ cưới nay được dàn đầy điện thoại và những chồng truyền đơn, áp phích trên giấy đỏ, vàng và xanh. Pat cầm một tờ lên, và Beth đọc tiêu đề được in đậm “HÔM NAY BẠN ĐÃ THẤY BEN CHƯA?”, trên một tấm ảnh lạ của Ben mà Ellen đã chụp hồi hè vừa rồi trong sân nhà cô ấy và một số điện thoại Wayne đã trưng dụng cho dễ nhớ: mấy con số nếu phiên ra chữ sẽ là TÌM BEN. Từ một cuốn sổ tay, Laurie lấy ra một bản đồ chi tiết của khu vực phía tây gồm ba bảng được bấm dính với nhau bằng kim rồi gắn lên tường ở chỗ dễ thấy nhất.

“Chúng ta sẽ có một đội đỏ, một đội xanh và một đội vàng,” cô vừa nói với Beth và Pat vừa mở một bìa hồ sơ khác đến những danh sách được in rõ ràng mà cô đã biên soạn cùng Wayne và Ellen qua điện thoại. “Đội trưởng của mỗi đội sẽ chịu trách nhiệm cho những khu nhà đã được phân công để các thành viên phát truyền đơn. Và rồi mỗi đội sẽ có các tình nguyện viên ở đây để phối hợp các cuộc gọi chúng ta nhận được từ các khu vực.”

“Khi nào thì sẽ bắt đầu phát truyền đơn?”

Laurie có vẻ ngạc nhiên. “Ngay bây giờ chứ sao nữa,” cô nói.

“Cậu ở lại đây được bao lâu?” Beth hỏi.

“À, tớ ở luôn đây,” Laurie nói với cô.

Candy nói ngắn gọn với những tình nguyện viên đang tập hợp ở đó rằng mọi thông tin họ thu thập được đều có khả năng là thông tin vàng đưa họ đến với Ben. “Các bạn không thể xem thường sự hiện diện quan trọng của các bạn ở đây, đối với Beth và Pat và cả với chúng tôi nữa. Các bạn sẽ là tai mắt của chúng tôi ở vùng này trong mấy ngày sắp tới, và dù ít hay nhiều thì thời gian các bạn dành cho chúng tôi cũng thật quý báu.” Cô nói về các cuộc tìm kiếm vaisánh-vai được hoạch định cho các khu vực ngoài trời vào buổi chiều, để thậm chí những người đi làm ban ngày cũng có thể tham gia với cảnh sát trong các nỗ lực tìm kiếm vào lúc chạng vạng. Cô cảnh báo các tình

nguyện viên không nên tự phỏng vấn dân cư ở đó hay tự chỉ đạo các cuộc tìm kiếm. “Chúng ta phải là một đơn vị duy nhất, với đầu não nằm ở đây.” Cô quay sang Pat. “Pat, anh muốn nói gì thêm không?”

Mắt Pat nhòe lệ. “Chỉ xin nói rằng chúng tôi cảm ơn các bạn. Chúng tôi cảm ơn các bạn. Ben cảm ơn các bạn.”

Chính Anita Daugherty đứng dậy vỗ tay đầu tiên, và rồi tất cả mọi người đều đứng lên vỗ tay.

Vẻ kỳ lạ của cảnh tượng đó làm Beth sửng sờ, cô quay đi rồi chạy đến cầu thang lên tầng một; cô nghĩ việc đó đồng nghĩa với sự khuyến khích, tình đoàn kết. Nhưng nghe sao giống như một buổi cổ vũ trước trận bóng quá; và với các tình nguyện viên mang hàng chông truyền đơn sắp sửa tràn qua những bậc thang đằng sau cô, Beth có cảm giác như một con thú bị ốm đang tìm nơi trú ẩn để nghỉ ngơi.

Nhà nguyện Đức Mẹ mở ngay ra bên phải bàn thờ. Ngay tại đó, Beth trong bộ áo đầm trắng giống áo cô dâu đã đem hoa lên để trước mặt Đức Mẹ Đồng Trinh trong lễ ban thánh thể đầu tiên. Cũng tại đó cô đã luôn tin tưởng mình sẽ bước lên như một cô dâu. Giờ thì cô chỉ ước ao rằng căn phòng nhỏ màu xanh da trời với những ngôi sao được mạ đã phai màu trên trần có một cái cửa để cô có thể khép lại sau lưng. Beth quỳ xuống, chắp hai tay. “Lạy Đức Mẹ rất nhân từ...” cô thầm thì. Nhưng dấu sao cũng chỉ là những lời nói suông. Chúng chỉ phát ra từ cổ họng cô. Trong suốt cuộc đời mình, Beth nhớ mình chỉ thật sự cầu nguyện hai lần – khi thiết lập mối liên hệ giữa chính cô và một ý thức khác: một lần trong phòng mẹ cô tại bệnh viện ngay sau khi bà mất; và một lần khi cô không còn ra máu nữa, khi đó cô tin mình đã sẵn thai Ben. Phần lớn quãng đời sau đó của cô, dù cô thuộc kinh Xưng Tội, kinh Mân Côi, kinh Tin Kính (ít nhất là bằng tiếng La-tinh) cũng như cô biết đánh vần tên mình, thì cô vẫn thấy bị chia trí khi đọc những bài kinh đó, thậm chí khi sức mạnh ngôn ngữ của chính những từ đó làm cổ họng cô nghẹn lại vì xúc động. “Lạy Đức Mẹ Maria,” cô lại thì thầm và nghĩ: *Nếu bây giờ mình không thể tin, nếu mình không thể xin được cứu giúp, thậm chí*

mặc cho nỗi nghi ngờ mãnh liệt rằng chỉ có không khí đang nghe mình, rằng mình sẽ chẳng nhận được gì ngoài sự an bình giả tạo nhờ suy ngẫm, nếu mình không hé mở được một chút bàn tay đang nắm lại của mình thì mình không xứng đáng với Ben. Mình phải cầu nguyện cho Ben. “Lạy Đức Mẹ Maria,” cô thốt lên, các từ ngữ kêu lách cách, khô khốc trong vòm họng khô queo của cô. “Mình không làm được rồi,” Beth nói.

Cô nhận thấy mùi hương của Candy trước cả khi cô ấy xuất hiện, mùi chanh đặc biệt trong nước hoa của Candy, như một bức điện báo sự trong sạch. Hàng ghế quỳ bọc nhung xanh kéo dài cả mét rưỡi dọc theo chân song bằng vàng trước nếp áo băng cẩm thạch trắng của Đức Mẹ Đồng Trinh. Candy đang quỳ cách Beth khoảng một mét, một tay che mắt.

“Chị cũng theo đạo Thiên Chúa à?”

“Không. Tôi đang chờ chị.”

“Không cần phải chờ nữa,” Beth thở dài. “Tôi xong rồi. Tôi chưa từng bắt đầu. Tôi không cầu nguyện được.”

“Mẹ tôi luôn nói rằng không có cách đúng để làm việc đó.”

“Tôi không tin.”

“Tất cả mọi thứ ư?”

“Ý tôi là tôi không tin vào Chúa.”

“Chị theo thuyết vô thần à?” Candy hỏi.

Beth khịt khịt mũi. “Không. Muốn thế thì cần phải can đảm lắm mới được.”

“Có thể chính niềm tin thật sự làm ta can đảm. Niềm tin vào những thứ vô hình.”

“Nghe như chị là dân Thiên Chúa gốc, nhỉ?” Beth nói.

“À, tôi là Do Thái gốc,” Candy vừa nói vừa đứng lên. “Và có rất nhiều sự so sánh. Tội lỗi. Tính ghét phụ nữ. Tất cả mọi điều chị có thể nghĩ ra.” Cô

đưa tay sờ mấy đầu ngón tay bằng cảm thạch của Đức Mẹ. “Nhưng cũng có một vài điều khác. Tỉ như việc chị dọn đi chỗ khác để chăm sóc cho ai đó. Chị hy sinh tất cả cho một đứa con – và đương nhiên là chị làm cho nó nhớ về điều đó cho đến khi chị không còn sống trên cõi đời này nữa.” Candy ngược lên nhìn gương mặt thanh thản của Đức Mẹ. “Bà là một bà mẹ người Do Thái, chị biết chứ, Beth? Và nếu có ai đó giúp chị trong lúc này thì có lẽ sẽ là một bà mẹ người Do Thái.”

“Tôi nghĩ ngay lúc này điều đó thật dễ chấp nhận. Họ nói khi ta đang sợ hãi tột cùng, ta luôn tìm đến một thế lực siêu nhiên để tin, đúng không?”

“Beth này,” Candy nói tiếp, “chị không buộc phải tin tất cả mọi thứ đâu. Có lẽ chị không cần phải biết cách cầu nguyện. Có lẽ tất cả những gì chị có thể làm lúc này là vững tin chờ đợi. Có lẽ chỉ cần thế là đủ.”

Beth nhìn lên tượng Đức Mẹ. “Vững tin chờ đợi?” cô thầm thì. “Chờ cái gì chứ? Đức Mẹ ư?”

“Nếu chị muốn thì sẽ là như thế.”

“Và nếu ở đó chẳng có gì thì sao?”

“Thì... chị có thể chờ tôi.”

Ngay cả Laurie cũng không thể ở mãi được.

“Tớ sẽ trở lại đều đều mỗi cuối tuần cho đến khi tìm ra Ben,” cô vừa nói vừa nâng cằm Beth lên, mắt cô nhìn thẳng vào mắt Beth với vẻ tha thiết đặc biệt chỉ Laurie mới có. Cả hai đều biết Laurie không thể trở lại mỗi cuối tuần – không thể được – tuy nhiên không gì có thể làm tắt mọi hy vọng ngọt ngào trong lời hứa đó. “Vẫn còn nhiều việc chúng ta có thể làm lắm. Mọi người đều nói thế. Người phụ nữ của Chương trình Chống Phạm cũng nói. Tuần này chúng ta sẽ phân phát một số lượng thư khổng lồ đến tất cả các tiểu bang nơi các sinh viên đang sống, và số thư ấy sẽ được các tình nguyện viên ở đó phân phát tiếp. Tớ sẽ gửi đi một đồng thư này từ chỗ tớ ở. Ngày Chủ Nhật thì mình sẽ có một bảng thông báo trên đường cao tốc do Hiệp Hội Lính Cứu Hỏa tài trợ, nên mỗi ngày sẽ có hàng trăm ngàn người thấy nó. Vợ của Jimmy cũng sẽ làm việc với Trung Tâm Quốc Gia Giúp Trẻ Em Mất Tích và Bị Lạm Dụng. Và sẽ có chương trình truyền hình đặc biệt nữa, chương trình với tên gọi Mất Tích – Sarah Chan nói chúng ta có rất nhiều cơ hội để được xuất hiện trong chương trình đó, đặc biệt là giờ Ben đã...” – cô ngừng lại.

“Mất tích lâu quá rồi,” Beth tiếp lời cô. “Mất tích lâu đến nỗi vụ đó bây giờ lại trở thành đề tài nóng hổi.”

“Lạy Chúa,” Laurie nói.

Đó là dấu chấm hết cho một điều gì đó. Không ai có thể nói đó là gì, nhưng họ đều cảm nhận được dấu hiệu suy giảm. Nó hiện diện trên gương mặt các cảnh sát ở Parkside, ngày càng thưa đi; hiện diện cả trong mắt các tình nguyện viên, và sau hai tuần thì cả thầy chỉ còn lại khoảng hai mươi

người. Mùi nước hoa Channel No. 5 của Barbara Kelliher đã thành một chủ đề lặp đi lặp lại trong những ngày đó; nó tràn vào căn phòng dưới tầng hầm của trường Immaculata trước khi Barbara xuất hiện, rồi sau đó cô bước vào với nụ cười luôn căng thẳng, mắt chú mục vào những bản đồ đã được đánh dấu và các tin nhắn qua điện thoại trong đêm qua. Trước đó Beth không hề nghĩ rằng đối với vài tình nguyện viên, việc tìm kiếm Ben là lao động vì tình yêu thật sự – nhưng không phải tình yêu dành cho cô. Họ hy vọng nếu họ tìm ra được Ben, nhà họ sẽ không bị sét đánh. Đó là thứ mặc cảm tội lỗi để tự vệ, thứ tội lỗi khiến người bàng quan cũng phải nhảy vào chỗ nước giá lạnh để cứu một con chó hay một con vật vô chủ – và bằng cách đó cứu rỗi chính bản thân họ. Beth yêu trung tâm này, nó có mùi những ram giấy mới được xé ra và mùi cà phê cũ, cộng với vẻ sôi nổi gần như lãng mạn. Chỉ có nó và cái văn phòng bừa bộn khủng khiếp của Candy trên tầng hai Sở Cảnh sát Parkside là những nơi tạm tách Beth ra khỏi sự mất tích của Ben – dù chỉ một giây; ra khỏi cái sức nặng cô thỉnh thoảng cảm thấy đang nén cô nhỏ lại chỉ còn bằng một mẫu da.

Chính tại trung tâm này, ngay sau khi chia tay với Laurie, Beth biết được một thông tin. Một phát hiện, không giống những phát hiện khác, nghe có vẻ thật lắm. Một phụ nữ ở Minnesota, bà này từ chối không xưng tên, đã gọi điện báo có một đứa bé bà vừa thấy tại một trung tâm mua sắm ở Minneapolis đang đi cạnh một phụ nữ đeo kính râm và đội mũ rộng vành. Bà ta chắc chắn đứa bé ấy là Ben. Nó đang ăn một cái bánh hot-dog. Chính cái hot-dog ấy không hiểu sao đã khiến Barbara tin rằng thông tin ấy là đúng. Barbara nói: “Tôi nghĩ chị nên đi hỏi Candy xem cô ấy có định tiếp tục tìm hiểu về thông tin này nữa không. Tôi sẽ lái xe đưa chị đi.”

“Tôi có thể tự lái xe đi được. Cảm ơn chị,” Beth đáp.

Thật ra Beth chẳng cần phải lái. Chiếc xe được điều khiển tự động rẽ vào bãi đậu xe của Sở Cảnh sát Parkside; cô đơn giản chỉ để tay trên vô-lăng thôi. Nhưng hoàn toàn không hiểu vì sao, khi đến đó cô lại lái xe ra ngoài, chạy thêm vài khu phố để đến nhà hàng Golden Hat Gourmet, vào khu ướp lạnh và lấy vài cái bánh cannoli.

Joey đang đứng bán thức ăn trưa gói mấy cái bánh đó cho cô. “Đói hả, Bethie?”, anh phấn khởi hỏi, sau khi liếc cái quần jeans rộng thùng thình của Beth, được sợi dây lưng của Pat siết cho chặt lại. Xương hông cô lộ rõ mồn một nơi túi quần.

“Ừ,” Beth đáp và nhoèn miệng ra như thể cô đang cười. “Tự nhiên thấy thèm cannoli quá, như Tree đó.”

Joey ôm cô chào từ biệt rồi giúi vào tay cô một bao thuốc lá Camel và Beth đi ra xe. Cô đặt chiếc hộp trắng có nơ lên chiếc ghế bên cạnh ghế tài xế.

Không ai trong các văn phòng được khóa ở Parkside thắc mắc về sự hiện diện của Beth nữa; họ chỉ lẳng lặng cho cô vào. Dù có thang máy, Beth luôn đi cầu thang bộ, và hôm nay khi cô mở cánh cửa bằng thép dẫn thẳng đến cửa văn phòng đang hé mở của Candy nơi góc tòa nhà thì cô nghe Candy nói: “... phải ai đó đến đây kiểm tra xem sao.”

“Xin cô thứ lỗi cho, Candace,” một giọng nam lạ đáp lại. “Nhưng ông ta sẽ không chịu phải một đội cảnh sát lái xe đến thành phố Minneapolis chết tiệt đó để nói chuyện với một khách hàng ầu ơ nào đó nghĩ rằng mình đã thấy một đứa trẻ. Minneapolis lận đó? Chẳng có ai trong cuộc họp mặt đó đến từ Minneapolis cả. Có sáu mươi cảnh sát làm việc cả ngày ở sở này chứ không phải sáu trăm.”

“Từ đây đến Minneapolis bao xa? Thiên hạ vẫn lái xe đi rầm rầm đây thôi, McGuire,” Candy nói, giọng đanh lại. “Đó là đơn vị cơ động mà.”

Beth cố đứng yên để nghe tiếp.

“Candace à, tôi biết chị lo lắng vì vụ này, nhưng đứa bé này chết rồi. Nó chết rồi, và theo quan điểm của ông ấy thì có lẽ đó lại là điều tốt, và...”

“Đừng có nói là tôi biết điều này nhé, vì tôi *không* biết,” Beth nghe tiếng gõ tẩy quên thuộc của Candy trên cuốn sổ ghi chép việc xảy ra hàng ngày của cảnh sát. “Dù gì chẳng nữa đây cũng là một vụ liên bang. Tôi sẽ gọi cho Bender.”

“Và anh ta sẽ nói: ‘Xin chào, Thám tử, hãy gọi lại cho tôi một lúc nào đó của thế kỷ tới hay khi địa ngục đóng băng nhé.’”

“Nhưng đây là một đầu mối cần kiểm chứng nằm vượt ra khỏi ranh giới một bang rồi mà.”

“Chỉ là thêm một...” viên thám tử mặc thường phục Beth chưa từng gặp quay lại và trông thấy cô. “Ô, xin chào chị Cappadora.”

Beth mỉm cười.

“Beth, vào đây đi,” Candy nghiêm khắc nói với cô. “Gặp lại anh sau nhé, McGuire.” Viên thám tử bỏ đi. “Chị nghe hết rồi, nhi.” Đây không phải một câu hỏi.

“Tôi nghe được đoạn nói về ai đó tên Bender.”

“Không phải, chị đã nghe hết. Nhưng điều chị cần biết nằm ở chỗ đây là lý do tôi phải gọi cho FBI, và Bender là ai – Robert Bender là người đứng đầu FBI ở Chicago.”

“FBI à, để làm gì chứ?” Beth hỏi.

“À, không phải vì chúng tôi không thể tự lo được vụ này, dù gặp khó khăn về nhân sự như chị đã nghe. Chúng tôi còn phải đối mặt với mấy ông lớn chuyên nổi khùng chỉ vì chúng tôi không giải quyết xong một vụ và có được lời nhận tội trước bữa trưa.” Cô húng hắng ho. “Nhưng có lẽ đây là lý do tồn tại của FBI, để ủng hộ quyền hạn xét xử của địa phương liên quan đến những vụ vi phạm luật lệ cấp liên bang.”

Candy đứng lên đi đi lại lại. “Theo ý tôi thì các nhân viên FBI với tư cách những nhân viên điều tra tội phạm là các nhân viên kế toán rất xuất sắc. Công việc chính của họ là trữ những ngân hàng dữ liệu trong máy tính và xuất hiện thật nhanh khi cần bắt ai đó. Đặc biệt khi có sự hỗ trợ của các camera giám sát. Nhưng tôi không muốn chị biết những điều chán ngắt này. Mà tại sao tôi lại đi kể với chị nhi? Tôi chỉ đang nghĩ vậy thôi. Mệt thật.” Cô ấn ngón tay trở lên nếp nhăn mỏng giữa hai mắt. “Mấy bộ đồng phục chết

tiệt. Nhưng, mẹ kiếp, biết đâu Bender đang có một ngày dễ chịu thì sao. Tôi nghĩ mình sẽ gọi cho anh ta. Anh ta đã cố vỗ mông tôi một lần rồi mà. Biết đâu chừng anh ta có cảm tình với tôi đấy.”

Beth tự động ngồi xuống nhìn Candy quay số điện thoại.

“Bob hả?” Giọng Candy thật vui khiến Beth không thể tin được chỉ ít phút trước đây cô vừa mới nhăn nhó bực bội. “Vâng... Ồ, đương nhiên rồi, giữ kỹ lắm, tôi mà.” Cô ngừng một chút. “Không, thật ra là có đến ba giả thuyết, tôi sẽ giao cho anh hai nhé... Bob, đúng vậy, anh thật là thiên tài. Vấn đề là chúng tôi có một đầu mối ở Minnesota.” Lại ngừng, Candy cầm ống nghe đặt lên giữa trán. “Không đâu, Bob này, cũng có vẻ đúng mà... Sao anh biết chuyện đó?... À, dĩ nhiên, chúng ta sẽ kiểm tra nó trước, nhưng cũng có thể bà ta đã đi khỏi phố đó rồi, Bob. Khi thật, đâu có luật nào cấm mấy bà già đi vào tiền sảnh khách sạn đâu... Được rồi... Được. Tôi sẽ gọi lại cho anh sau.”

Candy gọi cô thư ký và đề nghị cô ta để cho Taylor kiểm tra lần nữa danh sách những người khách của khách sạn Tremont, những người lớn tuổi không có phụ nữ hay đàn ông đi cùng, rồi nói chuyện với người quản lý và các nhân viên trong khách sạn. Khi cô đang nói, một cảnh sát tập sự với vẻ mặt lo lắng mang vào một chồng thư. Candy lơ đãng lật lật rồi ngừng lại ở một gói bưu phẩm to gần rách. Cô vừa móc điện thoại lên vừa cười toe với Beth.

“Lại một cái khác nữa đây này,” cô nói.

“Từ một kẻ thú tội à?” Họ gửi những bản đồ vẽ tay dẫn đến những địa chỉ không thật và những tòa nhà bỏ hoang nơi họ nói Ben đang bị bắt giữ. Họ gửi những quần áo mới tinh và nói là của Ben. Họ gửi những bức ảnh các ông chồng họ nghi đã bắt cóc Ben, và – kỳ lạ nhất với Beth – là những băng thu âm dài thòng trong đó họ tả Ben đang sống vui như thế nào trong một gia đình Thiên Chúa giáo. Beth nghi là còn có những băng khác nữa, những cuốn băng đọc địa mà Candy giấu biệt không cho cô xem. Hôm đó Candy đã nói với cô rằng chỉ có ba lý do khiến một ai đó bắt cóc một đứa bé: vì muốn đích thân tiếp cận được với bố mẹ nó để tống tiền; vì muốn có một đứa con

và họ cũng điên điên khi nghĩ bắt cóc con người khác là bình thường; hay, điều này ít xảy ra nhất, để hành hạ đứa bé đó. Candy nói với Beth rằng trong ba lý do trên thì Beth nên hy vọng vào lý do thứ hai, vì những kẻ đó rất muốn được làm bố làm mẹ nên sẽ chăm sóc đứa bé rất tốt.

Cho nên một bưu kiện có thể chứa tất cả các thứ thượng vàng hạ cám: một áo phông dính máu, một quần soọc tím xơ chỉ, bị rách và cứng ngắt với...

Nhưng Candy nói: “Ồ, không phải, đây là của Rebecca, cô bạn thân của tôi ở học viện và giờ đang làm môi giới cổ phiếu.” Candy dùng móng ngón tay cái rách gói bưu phẩm rồi đổ một đồng quần áo màu cánh sen ra – một cái áo thắt ngang lưng, một quần bó eo, một khăn quàng cổ, và một thắt lưng. “Thấy chưa, cứ khoảng sáu tháng thì cô bạn Rebecca của tôi tặng giảm khoảng mười lăm ký lô. Thói quen này hao tài lắm vì ngay khi mập ra, cô ấy gửi toàn bộ quần áo khi còn gầy cho tôi.” Candy lắc đầu. “Nhưng khổ nỗi, thậm chí khi Becks thật đẹp thì cô ấy vẫn cứ như một bà thầy bói tại hội chợ đường phố. Và thế là tôi đem hết mấy thứ này đến cho tổ chức thiện nguyện Thánh Vincent De Paul – cũng may là Becks sống ở California nên nó không bao giờ biết chuyện này. Mà đồng này chắc cũng tốn cả mấy trăm chứ có ít đâu.”

Beth mỉm cười. “Tôi thấy nó có vẻ như một tiếng kêu cứu nghẹn ngào vậy.”

Candy giơ gói bưu kiện lên. “Thật ra thì đó là một tiếng kêu cứu bị độn bông.”

Và Beth sợ hãi khi nhận ra mình đã cười váng lên, cô lập tức lấy tay che mắt và có cảm tưởng mình sắp chết nghẹt. Candy vội vàng đứng lên đi vòng qua bàn.

“Beth, Beth, nghe này. Chị vừa cười. Chị chỉ cười thôi mà. Nếu chị cười thì đâu có nghĩa là phe ta thua một điểm. Nếu chị cười, hoặc đọc sách cho Vincent, hay ăn thứ gì chị thích thì nó cũng chẳng biến thành điểm cộng hay trừ trên bảng điểm may mắn to lớn kia đâu.” Beth bắt đầu khóc. Candy tiếp tục nói: “Chị phải tin tôi. Chị tưởng khi mình xem một bộ phim, hoặc nghe

một bài hát hoặc làm bất cứ điều gì khiến chị thoát khỏi cái cảm giác khốn kiếp kia, thì giây phút hạnh phúc ngắn ngủi đó sẽ bị trừng phạt bằng việc mất Ben mãi mãi. Nhưng Beth này, không phải như thế đâu. Không phải vì chị còn cười được thì con trai chị sẽ chết đâu.”

Dù mắc cỡ nhưng Beth vẫn nắm lấy tay Candy áp lên má. Nhưng Candy gạt phắt nó ra khiến Beth nhảy dựng lên làm cái ghế gần đổ.

“Tôi không có ý gì hết...”

“Tôi biết. Tôi biết. Tôi ngốc quá. Chị làm như thế hoàn toàn là chuyện bình thường. Tại tôi nhạy cảm quá đó thôi,” Candy nói.

“Chị không thể trở nên thân thiết được,” Beth ngập ngừng.

“Không. À, mà có, đến một mức độ vừa phải. Ta không thể thân thiết quá đến nỗi đánh mất khả năng nhìn nhận những điều có thể giúp được người khác. Nhưng vấn đề là... Tôi là một phụ nữ, là một thám tử trưởng, là người Do Thái. Và tôi là dân đồng tính, chị không biết sao? Chuyện kỳ quái gì cũng có thể xảy ra mà. Vì thế tôi có cảm tưởng như mọi người ở Texas lúc nào cũng nhòm ngó mình. Tôi có cảm giác cứ mỗi lần mình ôm Katie Wright của Chương trình Chống Tội Phạm thì có ai đó lại nghĩ tôi đang tán tỉnh cô ấy...”

“Tôi không có ý...”

“Tôi biết. Lạ Chúa, tôi ngốc quá,” Candy ngồi xuống. “Nhưng chị biết không? Mấy cái quần áo xấu xí này lại khiến tôi nảy ra một ý hay. Tôi muốn ta đi gặp một người, được chứ, Beth? Chị muốn thử không?”

“Ai?”

“Thiên hạ gọi bà này là Mary Điên; tên thật của bà ta là Loretta Quail. Tên cũng khá dở. Nhưng những gì Loretta làm là giúp mọi người tìm lại những thứ thất lạc. Chó đi lạc. Tiền đã mất.” Cô nhìn Beth chăm chăm. “Và đôi khi cả người mất tích nữa.” Candy kể có lần, một bà mẹ trẻ từ Parkside lái xe rớt từ trên cầu xuống một dòng suối trong cơn bão tuyết. Xe cô ta

chúc thẳng đầu xuống nước và chìm ngấm; rõ ràng là dây an toàn đã bị hỏng. “Cô ta chìm sâu cả mét rưỡi ấy, Beth ạ. Nhưng vấn đề là bọn tôi không biết. Bọn tôi không biết chuyện gì đã xảy ra. Người phụ nữ này đi mua một túi tã. Và cô ta không bao giờ về nữa. Chúng tôi nghĩ ông chồng là một gã vụng trộm lén lút, chị biết đấy, người phụ nữ này đang ở sân sau dưới cái nhà nhỏ dành cho bọn trẻ chơi. Trước đó họ đã có một khoảng thời gian không hòa thuận với nhau. Nhưng không, anh ta đang ở nhà với đứa con suốt khoảng thời gian đó – người phụ nữ này đã biến mất. Chiếc xe của cô ấy cũng vậy. Và không một người bạn nào thấy cô. Cô cũng không hề đi mua sắm. Thế là, chị biết không, hoàn toàn mất phương hướng.”

Candy kể có ai đó đã nhắc đến Loretta. “Beth này, chị phải hiểu rằng tôi là loại người không mê tin dị đoan. Vì thế tôi đã nghĩ *Chà... ta nghe nói có những khoa có bác sĩ tâm thần cho mấy con thú cưng, nhưng ta chưa từng nghĩ...* Dù sao, bà Loretta đã hít hít cái áo khoác dùng để đi trượt tuyết của bà mẹ trẻ này như mấy con chó Holmes và Watson, rồi nói cô ấy đang ở trong xe dưới một núi tuyết, mặt ngược lên. Và Beth này, đúng ngay chỗ đó. Chúng tôi tìm được cô ấy vào tháng Ba sau đó khi dòng suối tan giá, dây an toàn vẫn đang khóa, cô đang ngược mặt lên mui xe. Núi tuyết là những gì cả làng san từ trên đường xuống dòng suối.”

“Vậy nên chị nghĩ bà ta có thể giúp tìm ra Ben ư?”

“Tôi nghĩ mình nên đưa ý này ra để tùy chị quyết định, và tôi muốn chị đừng nói cho người nào khác biết. Ngoại trừ Pat; dĩ nhiên chị có thể nói cho Pat biết.”

“Tôi không muốn cho Pat biết.”

“Tôi lại nghĩ chị nên cho anh ấy biết.”

“Thôi, tôi không muốn cho Pat biết. Khi nào mình có thể gặp bà ấy được?”

“Để tôi gọi ngay cho bà ấy,” Candy nói; nhưng chuông điện thoại reo vang và Candy đưa tay ra hiệu cho Beth ra cửa. Khi nhìn qua cửa kính, cô

có cảm tưởng Candy đang tranh cãi; cô lấy hai tay xua Beth đi chỗ khác – cô kẹp điện thoại giữa má và vai để ra hiệu như thể người gọi có thể thấy được cô. Cô gác máy và ngay lập tức lại gọi một cuộc gọi khác.

Cuối cùng, mệt lử, cô mỉm cười bước ra. “Là Bender. Anh ta đã quyết định cứ tà tà tính tiếp. Thôi để sau,” cô nói nhỏ. Tự dưng Beth sực nhớ ra mấy cái bánh cannoli, cô đưa hộp bánh cho Candy. Vừa mở hộp Candy vừa nói: “Chị cứ làm thế này thì tôi phải nói Rebecca gửi thêm cho tôi quần áo cỡ lớn hơn mất.” Rồi cô tiếp: “Mình đi đến chỗ Loretta nào. Bà ấy đang ở nhà đó.”

Nhà Loretta Quail ở một nơi bố Beth thích gọi là “khu láng giềng đã đổi thay” – nói cách khác, theo từ ngữ của ông Bill thì đó là một khu nhà đã thua trận từ lâu rồi. Những học sinh da đen khoảng chín đến mười ba tuổi – có cả một cô bé đang có thai thật to làm Beth rất sốc – đang chơi khúc côn cầu trên vỉa hè. Nhà Loretta trông như một chốn thần tiên tiêu điều giữa những cửa sổ che bằng ván và những bãi cỏ xơ xác. Trên sân cỏ, từ đầu này đến đầu kia của hàng rào dài có những chú lùn bằng gỗ lè loẹt đang nô đùa với nhau, những quả bí đỏ và những quân bài nằm ngửa trên mấy chiếc nấm dù to. Khi Loretta mở cửa, một làn không khí tù hãm bên trong có mùi hành và bột khoai tây phủ lên mặt Beth như một khăn mặt ướt. Trong nhà cũng hăng hà sa số thứ như bên ngoài – bất kỳ chỗ nào trống cũng đều có một món đồ thượng lên trên: mèo bằng gốm, mèo bằng gỗ khắc, mèo nhồi bông, và một số lượng đáng kể những món y như thật. Khi Loretta nắm tay Candy đưa họ vào nhà, Beth đếm được sáu con mèo. Bà ta lẳng xẵng xuống bếp đem lên một khay đựng mấy cái vại và một bình trà được ủ ấm. Trong phòng chắc cũng khoảng tám mươi độ F, và thậm chí từ xa Beth cũng có thể thấy mấy sợi tóc vương vãi trên vại; nhưng cô vẫn bắt chước Candy dùng cảm đưa tay đỡ tách trà xanh rồi nhận một bánh nướng xốp từ tay Loretta. Beth rùng mình khi nghe Loretta nói bà tự làm lấy bánh.

“Loretta này, bà cũng biết là chúng tôi đến vì con của Beth,” Candy bắt đầu.

“Đúng rồi, đương nhiên là thế. Mà tôi còn biết là quý vị sẽ đến nữa cơ. Nhưng tôi đoán phải đến thứ Sáu. Đêm qua tôi nằm mơ thấy sẽ là thứ Sáu. Tôi thấy Beth.” Trời ạ, Beth nghĩ, cô đưa mắt liếc mấy con mèo quanh phòng. Tại sao mấy bà điên thường nuôi mèo nhỉ? Tại sao không nuôi chó thay cho mèo, chó cũng phấn khích khi thấy chúng ta sau khi ta lái xe đi mua sữa về y hệt như lần đầu chúng gặp ta vậy? Pat luôn nói mèo xem con người như những đồ đặc có máu nóng. Để không tỏ ra bất lịch sự, Beth nhìn xuống cặp đùi to mập của Loretta trong cái quần bằng vải polyester có màu xanh kỳ lạ cô chưa từng thấy. Tại sao mấy bà điên tuổi khoảng sáu mươi lăm có nuôi mèo lại mặc mấy cái quần ống loe đến thế nhỉ? Với mấy cái áo hoa tưởng như được chọn lựa kỹ càng nhưng lại làm người mặc giống mấy thằng hề? Vì khi còn trẻ họ mặc những thứ này rất đẹp ư? Vì mấy thứ khác trông xấu hơn? Khi cô liếc cái đầu đầy ống lô cuộn tóc của bà ta – như một cái đầu đầy những chồi hoa vào cuối xuân – cô nghe bà ta hỏi Candy: “Vậy thì cô có muốn tôi thôi miên không? Hay chỉ nói cho các cô biết cảm tưởng của tôi thôi?”

Thêm một miếng rau cải thái trộn lên trên đó thì sao nhỉ?, Beth nghĩ. Cô thấy ngượng quá. Chưa bao giờ trong đời – kể cả lần duy nhất cô làm đổ axít vào năm cuối đại học – Beth có một trải nghiệm ngoại cảm thật sự. Những linh cảm, cảm giác, những lời cầu nguyện nửa vờ trùng hợp ngẫu nhiên – cái này thì có; trong gia đình thời thơ ấu của cô có mấy thứ này, cứ như thể mê tín là thứ không thể thiếu được ấy. Nhưng dù đầu Beth đầy ắp những chuyện mẹ cô kể về người dì đã chết, người mà linh hồn đã bay đến Chicago không cần đến máy bay để bảo rằng Katie hay Mary từ Louisiana đã chết trong trận dịch cúm thì Beth vẫn chưa từng ngửi thấy mùi nước hoa của mẹ Evie của cô hay thấy linh hồn bà lướt qua người cô, mặc dù vài người bạn rất thông thái của cô còn đảm bảo rằng những điều này sẽ xảy đến với cô.

Vì thế khi Loretta bắt đầu giải thích nguồn gốc tài năng của bà ta, những mùi hương làm bà ta mê đi như thế nào từ khi mới sáu tuổi, thì Beth phải cố

gắng lắm mới không để lộ sự khó chịu ra mặt. Như thế là bất lịch sự, nhưng khi nghĩ kỹ lại thì Beth thấy có lẽ Loretta đã quen tiếp các khách hàng có hành vi kỳ quặc. Bà ta thậm chí cũng không bực mình khi Beth đưa tay lên che mắt như thể đèn quá sáng. Với giọng đều đều như đọc thuộc lòng một kịch bản, bà ta giải thích cho Beth rằng lần đầu tiên xảy ra chuyện đó là sau khi bà khỏi bệnh sởi, và rằng trong những khi bị mê đi “có một chuyện luôn xảy ra – tôi luôn thấy mọi thứ ở những nơi buồn cười nhất. Những điều tôi không giải thích được. Những thứ không phải của tôi. Một cái ví đàn ông nằm dưới bánh xe ngựa. Một người đàn ông ở trạm xe buýt đang cố giấu mặt sau chiếc khăn rằn. Một cái nhẫn ở lỗ thông hơi của máy sấy quần áo. Và sau vài năm thì những chuyện này tiếp tục với cường độ hai lần một tháng. Tôi bắt đầu kể cho mẹ nghe, mẹ tôi kể cho bạn mẹ tôi nghe, và rồi tất cả những thứ đó biến mất hết. Cả người nữa. Rồi khi tôi nhớ ra từng bức tranh mình đã thấy – tôi thường gọi chúng là ‘những bức tranh của tôi’ – thì chao ôi, lạ Chúa, người ta tìm lại được tất cả mọi thứ.”

“Bà có bao giờ sai chưa?” Candy hỏi.

“Chưa bao giờ,” Loretta đáp.

“Chưa bao giờ ư?”

“Cũng có khi người ta không tìm được những thứ họ mất. Không phải lúc nào tôi cũng chỉ cho họ được rằng ‘Món nữ trang này, hay tài liệu này, đang nằm trong tủ đựng hồ sơ dưới tầng hầm một căn nhà ở đường Adison.’ Tôi không thể cho mọi người một địa chỉ cụ thể được. Có những lúc tôi không thể nhập thần, thường là vì mấy người bị mất đồ không thật sự muốn tìm lại chúng. Các cô biết không, giống như chuyện một cô gái tuổi vị thành niên có thể là gái điếm vậy. Chuyện đó xảy ra nhan nhản. Nhưng mỗi khi tôi thấy một thứ gì đó thì quả thật là tôi thấy nó. Nó nằm ngay chỗ tôi thấy nó. Tôi biết điều đó. Phần lớn các nhà ngoại cảm đạt tỉ lệ trung bình là năm mươi phần trăm; còn mấy người huênh hoang trên báo chí thì tôi nghĩ họ chỉ thành công được hai mươi phần trăm là cùng. Họ nổi tiếng là do họ quan hệ tốt với quần chúng. Hầu hết mấy người đó sẽ nói với cô đây là quà của Thượng Đế,

thậm chí họ còn đưa tay ra để nhận nữa. Tôi tin có Thượng Đế, nhưng tôi không nghĩ đây là quà của Thượng Đế; tôi nghĩ đó là do trong đầu tôi bị trục trặc gì đó. Tôi đã giúp được hơn năm trăm người. Nhưng tôi nghĩ mình không nên mua bán từ chuyện này. Tôi chưa lấy của ai đồng xu nào và trong tương lai tôi cũng sẽ không lấy. Tôi chưa hề nói chuyện với giới báo chí và tôi cũng sẽ không nói với họ.” Bà ta cay đắng nhìn quanh căn phòng nhỏ xíu rồi nói. “Nếu làm thế thì tôi đã sống ở đại lộ One Michigan chứ không phải ở đây. Tôi đã tìm được vài thứ... rất có giá trị.”

Candy lấy chiếc giày của Ben từ trong túi có niêm phong ra đưa cho Loretta. Bà ta cầm lấy rồi thò mũi vào trong giày hít một hơi thật sâu. Bà cười với Beth. “Giày mới. Nhưng có thể nói chắc như đinh đóng cột rằng nó đã xỏ chân vào chiếc giày này. Đúng vậy.”

Loretta cắn thêm một miếng bánh nữa rồi lật qua lật lại chiếc giày trong tay. Và thành linh bà làm rơi miếng bánh. Beth giật mình kêu lên. Người phụ nữ to béo bật ngửa ra trong ghế; miệng bà ta há to và một dòng nước miếng chảy chậm chậm xuống chỗ trũng giữa môi và cằm bà. Beth nhìn chăm chăm vào Candy đang giơ tay lên ra hiệu. Bỗng nhiên Loretta nhồm dậy phủi vụn bánh trên đùi.

“À, Chuyện này mới buồn cười đây. Tôi thấy một cậu bé, nhưng chỉ thấy có một thoáng thôi. Thấy nó. Thời gian còn lại tôi thấy những gì nó đang nghĩ. Chuyện như thế này chỉ xảy ra có hai lần trong đời tôi thôi.”

“Nó đang nghĩ gì?” Candy chồm ra phía trước hỏi nhỏ.

“À, nó không suy nghĩ gì nhiều... mà là nó đang mơ. Đúng rồi, đúng như vậy đó. Đang mơ. Đang ngủ. Nó đang nằm trong một cái thùng gỗ bóng loáng. Nó đang nằm trên một loại vải giống như ren. Cái thùng có nắp thật to che lên người nó, cong vòng...”

“Nó đang nằm mơ thấy nó ở trong thùng à?” Candy thúc giục.

“Trong cái ... kiểu thùng này. Dài hơn chiều dài nó...”

Chỉ có thể là một thứ mà thôi, không còn gì khác. Beth không muốn hét lên. Cô cố bịt chặt miệng bằng cả hai tay nhưng rồi cũng phải hét lên: “Tôi biết rồi!” Mấy khớp ngón tay cô cạ vào hàm răng cửa bắt đầu chảy máu.

“Beth, chờ chút! Nghe cho hết đã!” Candy cố ấn Beth ngồi yên trên ghế nhưng cô đã bật dậy vùng vằng thoát ra. Tất cả lũ mèo trong phòng đều đứng bật dậy rít lên.

Loretta nhẹ nhàng quay sang Candy lắc đầu. “Thỉnh thoảng vẫn xảy ra như thế khi tôi nói rõ cho họ biết. Họ chẳng muốn nghe đâu. Cô có muốn tôi ngừng lại không?”

“Tôi không hiểu sao lại cứ phải là côn hắc,” Candy vừa nói vừa đẩy ly rượu tới trước mặt Beth khi cô ngồi xuống bàn trong nhà hàng đầu tiên của chuỗi nhà hàng Fern họ gặp. Candy đã phóng nhanh vào bãi đậu xe như thể đầu máy xe đang bốc cháy. “Có lẽ vì trong phim họ luôn đưa cho mình một ly rượu mạnh nếu mình bị sốc. Đối với tôi thì có hiệu quả lắm.”

Candy ngồi đối diện với Beth nơi cái bàn nhộp nháp. “Tôi muốn ăn chút gì đó. Chị muốn ăn gì không?” Càng ở lâu cùng Candy, Beth càng nhận ra rằng cô ấy ăn rất nhiều, ăn luôn miệng nên chẳng bao giờ cô có được dáng chuẩn; *có lẽ cô ta mắc chứng cuồng ăn*, Beth nghĩ vẫn vơ. Khi Beth vừa lắc đầu tỏ ý không muốn ăn vừa nhấp thử ly côn hắc thì Candy nói với cô phục vụ: “Cho tôi một ... pizza gà xông khói, gấp đôi phô-mai nhé... và cả tôm nữa.” Cô nghiêng người sang phía Beth nói: “Nếu mẹ tôi chết rồi thì chắc bà đang trở mình trong mồ đó.”

“Tại sao?” Beth hỏi.

“Vì phô-mai, thịt với tôm – có lẽ đây là những thứ cấm kỵ nhất của luật đạo Do Thái,” cô phá ra cười khi thấy Beth ngơ ngác. “Chị biết không, chẳng phải món kosher đâu. Mẹ tôi có một cái bếp để nấu thịt kosher mà. Nhưng phải đến khi tôi mười tám tuổi mới được tự do ăn, tôi lớn lên ở Florida, tạ ơn Chúa. Và tôi nghĩ *Nếu không được ăn tôm hùm thì sống làm gì chứ?* Dù sao, đó mới chỉ là điều nhỏ nhặt nhất trong số những gì khiến đạo Do Thái chưa bao giờ trở nên hấp dẫn, về mặt tôn giáo ấy.”

Beth đánh bạo nói: “Có vẻ như đó không phải là tôn giáo dành cho phụ nữ nhỉ.”

“Chẳng giống như đạo Thiên Chúa, phải không?”

“Không, ý tôi không phải thế. Cũng tệ như nhau cả thôi. Nhưng tôi không thật sự theo đạo Thiên Chúa. Tôi kể với chị rồi đó.”

“Nhưng ít ra thì chị không phải nhúng mình vào thứ nước có váng lều bều mỗi tháng một lần cho đủ sạch để ngủ với ông chồng thánh thiện của mình.”

“Chị có làm như thế bao giờ chưa?”

“Tôi kể với chị rồi. Tôi không có chồng, đúng không?”

“Vâng.”

“Nhưng dĩ nhiên là nếu có chồng, tôi cũng không làm thế. Đó là mặt bi quan của niềm tin vào một tôn giáo. Chị cũng có thể sử dụng răn hay thứ gì đó. Uống nữa đi.”

Beth nhấp một ngụm. Cô có thể hình dung ra miệng bao tử mình được tráng bằng rượu, đường nét bên ngoài của nó đang đỏ rực, có lẽ tím là đằng khác.

“Giờ chị thấy đỡ hơn rồi chứ?” Candy hỏi. “Vì tôi muốn nói điều này.”

“Chị cứ nói đi.”

“Tôi nghĩ chị không hiểu những gì Loretta muốn nói.”

“Nó quá dễ hiểu mà.”

“Không, bà ta chưa từng nói điều đó. Sau khi chị ra xe, bà ta cứ lặp đi lặp lại với tôi rằng nếu bà ta không nói đứa bé đã chết thì bà ta không có ý thế. Nếu nó chết thì bà ta sẽ nói.”

“Chị nghe rồi đó. Chị nghe những gì bà ấy nói về cái thùng gỗ có nắp cong rồi đó.”

“Ừm, Loretta không thể giải thích những gì bà ấy thấy trong trạng thái xuất thần, Beth à. Bà ấy luôn nói thế; người ta phải nói cho bà ấy những thứ đó có nghĩa là gì. Cái thùng đó có thể là bất cứ thứ gì. Một loại biểu tượng nào đó. Ý tôi là người phụ nữ này có một chút khả năng ngoại cảm. Mình không thể biết bà ta muốn nói gì, nhưng lần sau, khi trở lại nói chuyện với

bà ấy – tôi sẽ không đưa chị theo đâu – tôi sẽ hỏi Loretta thêm để tiếp tục công cuộc tìm kiếm. Hỏi thêm về cảm tưởng của bà ấy. Tôi không muốn chị bỏ cuộc vì những gì một người gàn dở nói. Ý tôi là Loretta tuy gàn dở nhưng rất tử tế, tuy nhiên Beth ạ, thật sự thì chúng ta không có bằng chứng về những gì đã xảy ra cho Ben.”

Candy gọi cho Beth thêm một ly nữa rồi nói tiếp: “Lẽ ra tôi không nên đưa chị đến đó.”

“Tôi muốn đến đó mà,” Beth đáp.

Candy ăn bánh pizza như một con kiến lửa, nhỏ xiu, mỏng manh, và rất phàm ăn. Cô chia cái bánh ra làm sáu phần rồi gặm từng phần thật cẩn thận cho đến vỏ ngoài. “Chị không ăn vỏ bánh à?” Beth hỏi và cũng hơi lúng túng vì giọng mình nghe kẻ cả quá.

“Mẹ tôi nói nó sẽ làm tóc quăn. Nhưng dĩ nhiên là tôi muốn tóc mình suôn.”

“Trông chị giống cô nhà báo Gloria Steinem lắm,” Beth nói và tự hỏi phải chăng mình đã say.

“Ai cũng nói thế cả,” Candy vừa đáp vừa ăn nốt phần pizza rồi gọi một ly vodka pha nước khoáng. Thành linh cô ta ngược lên. “Beth, bây giờ không phải ca làm việc của tôi. Tôi chỉ muốn chị biết như vậy. Tôi không uống khi đang làm nhiệm vụ. Ý tôi muốn nói là lúc này cũng chẳng khác gì những lúc khác tôi được nghỉ. Hầu hết những ngày nghỉ tôi đều vào sở làm.”

“Vì sao vậy?”

“Vì cuộc sống của tôi chán ngắt.”

“Thôi nào...”

“Thật đó, tôi có được hưởng thụ mấy đâu. Chuyện này rất bình thường đối với nữ cảnh sát mà.”

“Vì sao?”

“Ờ thì, cuộc sống này, công việc này, với một người đàn ông có vợ mà công việc nhà và mọi thứ đều do vợ đảm nhận hết đã khó có cuộc sống bình thường rồi. Thế nên đối với một phụ nữ, người không có vợ ở nhà lại càng khó. Chị không thể làm mọi thứ cùng lúc được. Chẳng hạn nếu tôi tham gia một câu lạc bộ đọc sách thì tôi sẽ chỉ tham gia họp mặt mỗi năm một lần, và trong buổi họp mặt mấy nhân tin của tôi sẽ reo liên hồi kỳ trận.”

“Chị không đi chơi xa à?”

“Mỗi năm tôi đi một lần với gia đình em gái, ở phía bắc, tiểu bang Wisconsin. Và đi thăm mẹ tôi mấy ngày vào mùa xuân ở Florida khi bà có mặt ở đó.”

“Chị không có ... bạn trai sao?”

“Hiện tại thì không,” Candy đưa tay vuốt trán.

Beth không biết nói gì thêm. Cô có xộc quá vào đời tư của Candy không? Tâm bậy tâm bạ thật, Beth nghĩ.

“Chị có bị ...” Beth dừng lại, hít một hơi dài rồi tiếp, “... thành kiến trong sở làm không?”

“Trong gia đình tôi còn bị thành kiến nhiều hơn ấy chứ,” Candy cười thật tươi, phô hàm răng đều tăm tắp đến nỗi Beth tự hỏi liệu chúng có phải răng thật không. “Nhưng giờ thì không còn như thế nữa. Người ta không cần phải tỏ ra công khai chuyện này như trước. Nhưng khi tôi còn bé và bắt đầu phát hiện ra, tôi phải cẩn thận không để cho ai biết. Thật sự là không một ai được biết đấy.”

“Thậm chí cả ... sếp chị nữa?”

“Đặc biệt là những sếp lớn. Vì không ai thuê chị vào làm nếu chị là ‘người lệch lạc’ – lúc đó mọi người gọi như thế. Họ sẽ kiểm tra lý lịch, nói chuyện với gia đình... họ phải kiểm tra nhân thân của chị nếu chị muốn trở thành...”

“Thành gì?” Beth cẩn thận hỏi vì biết nếu cô không nói ra, Candy sẽ nghĩ là cô có tư tưởng xấu trong đầu. “Một điệp viên?”

“Không phải, dù cho chị có gia nhập vào FBI đi nữa. Còn các chính trị gia, các thẩm phán và những người cùng một giới ấy thì đương nhiên.”

Và Candy tả cô khi còn là lính mới, một tân binh mới hai mươi lăm tuổi, có cung cách giống hệt James Dean nhưng lại rất muốn được trội hơn James Dean. Beth tuy ngày càng buồn ngủ, vẫn cố tưởng tượng ra một Candy chân dài xinh xắn mang giày da, mặc quần jean với mái tóc suôn mượt đến ngang tai vượt ngược ra sau trán. Cô nói: “Thật không thể tưởng tượng được.”

“Tôi cũng thế,” Candy cười vang. “Tôi luôn thích quần áo đẹp. Tôi luôn có mặt trong bữa tiệc truyền thống đón các cựu học sinh, sinh viên về lại trường, cả ở trường trung học cũng như đại học. Nếu chị hỏi mẹ tôi thì bà sẽ nói thời kỳ nổi loạn của tôi đã góp phần làm bà chết sớm.” Candy đưa mấy ngón tay lên chải tóc. “Nhưng tôi nghĩ đó là vì tôi là dân đồng tính, và chỉ có một cách là phải thể hiện chính mình. Chị phải giống như một người đàn ông. Hôm đó, tôi đang ngồi trong một quán rượu dành cho dân đồng tính thì có người đưa cho tôi một quảng cáo cần nữ cảnh sát tuần tra giao thông cho thành phố Tampa và thách tôi nộp đơn xin vào làm, lúc ấy tôi đang là trợ lý nghiên cứu cho một luật sư. Cảnh sát nữ chúng tôi là thế. Chúng tôi không thể vào học viện. Chỉ có thể làm việc với lũ trẻ vị thành niên. Đó là tiêu chuẩn.” Cô đã xin vào đó và được nhận vào nhờ những lời giới thiệu rất nồng nhiệt của một người hàng xóm, một bà già cạnh thị nhằm cô với một giáo viên có gương mặt rất dễ mến dạy tại một nhà trẻ Công giáo sống đối diện với tòa thị chính. “Cô ấy là một cô gái tuyệt vời,” Candy nhớ lại người hàng xóm đã nói với viên cảnh sát đến để kiểm chứng nhân thân của ứng viên Bliss như thế. “Rất điềm tĩnh và rất ngoan đạo.”

Và ai lại có thể nghi ngờ một bà già nhỏ nhắn, tử tế kia chứ? “Thế nhưng sau này họ hối tiếc.” Candy thở dài. “Vì sau vài năm, tôi bắt đầu để ý rằng những gã tôi đã huấn luyện lại được thăng chức, được trả lương gấp đôi nên tôi đã kiện, và thắng kiện... tôi giành được khẩu súng này đây.”

“Trước đó chị không có súng sao?”

“Sếp tôi thường nói: ‘Tôi không muốn các nữ cảnh sát trở thành những kẻ giết người.’ Lạy Chúa.” Candy lắc đầu. “Giờ thì họ chọn những gã dễ thương nhỏ nhắn nhất để làm tay trong giao dịch với bọn anh chị buôn bán ma túy. Họ đóng kịch tốt hơn.”

“Những gã dễ thương đó cũng đồng tính à?”

Candy khoát tay ra hiệu thêm một ly rượu nữa, và khi làm vậy, mắt cô nheo lại nhìn chăm chăm vào khoảng không ngay trên vai Beth. Nhưng cô vẫn tiếp tục nói như thể không phải cô đang nhìn chăm chú. Beth có dám quay lại dõi theo mắt Candy không nhỉ? “À, không. Không phải tất cả. Cũng có nhiều nữ cảnh sát giờ đâu có bị đồng tính, ý tôi là... Beth, xin lỗi chút xíu nhé?”

Lúc đó Beth không quay lại. Cô không nhận ra người cảnh sát đó, anh ta đang đội một mũ ni rộng của lực lượng cảnh sát tiểu bang, tay khoanh lại trước ngực trong suốt lúc nói chuyện với Candy, nhìn xuống cô như thể cô là một đứa bé vậy. Chỉ có đầu anh là chuyển động, luôn hất về bên phải như thể đang chỉ ra ngoài cửa sổ tới chiếc xe cảnh sát đen và bạc óng ánh của mình. Candy quay lui nhìn về phía bàn và Beth nghĩ ngay: *Chị ấy không say. Chị ấy tỉnh như sáo, vậy chắc phải là chuyện gì quan trọng lắm, khủng khiếp lắm, có liên quan đến mình.* Beth thấy đũng quần jean của mình ướt vì bàn quang của cô – bị yếu đi từ khi cô sinh Kerry – bắt đầu bài tiết. Cô đứng lên chạy vội về phía nhà vệ sinh, nôn thốc nôn tháo hết lượng rượu trong bụng ra, lấy khăn giấy và xà bông nạo lưỡi và rửa mặt, rồi chải lại tóc.

Khi Beth bước ra, Candy đang đứng trong phòng để áo choàng, hai vai đeo hai ví, một của Beth cái kia là của cô. Bàn đã được dọn sạch; tay cảnh sát của tiểu bang đang đứng bên ngoài, ngay cạnh xe của anh ta. *Chắc mình không thể đi qua căn phòng nổi,* Beth nghĩ. Mấy người khách kia sẽ thấy nếu cô khuyu xuống và bắt đầu bò mất. Cô biết chắc lúc đó mình sẽ làm như thế: sẽ quy xuống cái nền nhà chắc chắn dưới chân cô để không thấy tứ chi mình đang run lẩy bẩy. Cô bước thêm một bước, do dự một chút, và Candy

vội vã bước tới nắm cánh tay cô thật chặt. Họ đi ra bãi đậu xe, chói mắt vì mặt trời đang lặn.

“Beth này, không sao đâu,” Candy nói. “Tôi biết chị sợ, nhưng đây không là cái gì ghê gớm lắm đâu. Chúng ta cần phải biết, thế thôi. Chúng ta cần phải biết.”

“Chuyện gì?” Beth thở dồn dập. “Chuyện gì chứ?”

“Bọn tôi... là thế này... họ vừa tìm thấy một thi thể. Một đứa bé, một đứa con trai. Nhưng chúng tôi chỉ biết có bấy nhiêu thôi.”

“Ở đâu?”

“À, mấy người đi ngắm chim ở hồ Saint Micheal đã tìm thấy thi thể đó, gần Barrington, chị biết chỗ đó không? Trên phía Bắc, có lẽ phải mất một giờ lái xe. Nó đã nằm ở đó được một thời gian rồi, có lẽ quá lâu nên không thể là Ben được. Nhưng chúng ta cần phải biết chắc.”

“Tôi muốn hỏi thằng bé ở đâu? Giờ này nó ở đâu?”

“Beth này, tôi sẽ lái xe đưa chị về nhà bố mẹ chồng chị, rồi sau đó chúng tôi mới quyết định ai sẽ đi với tôi để nhận dạng. Không nhất thiết phải là chị. Cũng không nhất thiết phải là Pat. Phải là ai đó có thể nhận dạng được Ben nếu Ben đã chết. Một ai đó biết rõ Ben.”

“Tôi sẽ đi.”

“Không, tôi nghĩ...,” Candy mở cửa xe và lơ đãng lấy tay đẩy gáy Beth vào xe như thể Beth đang bị còng và rất có thể đập đầu vào thành xe.... “Tôi nghĩ trước mắt chúng ta cứ đến nhà ông Angelo đã rồi sẽ quyết định sau. Không ai đi đâu hết. Ý tôi là chúng ta còn nhiều thời gian mà.” Candy cài khóa an toàn giùm cho Beth.

“Nó chết rồi à?” *Lạy Chúa*, Beth nghĩ, *cái cách cô ấy nhìn mình kìa!* “Không, ý tôi là tôi hiểu nó chết rồi, nhưng chết như thế nào? Bị giết chết? Hay chết chìm?”

“Chưa đủ thời gian để biết được nguyên nhân cái chết, Beth à. Người ta mới chỉ phát hiện ra cái xác cách đây vài tiếng đồng hồ thôi, và cảnh sát của tiểu bang thấy khớp với những thông tin đăng trên bản tin của con chị, và đứa bé sẽ được xe cứu thương đưa đến quận khoảng cùng giờ với...”

Họ rẽ lên lối dành cho xe hơi vào nhà ông Angelo đang chật ních các tay săn ảnh và phóng viên báo chí, còn đông hơn nhân viên của đài truyền hình nữa; nói cho cùng thì vẫn còn lâu mới đến bản tin mười giờ mà. Nhưng một xe tải của Kênh 2 đã thẳng kết lại chặn xe Candy trước khi cô có thể mở cửa xe. Cô ra khỏi xe và hụp người xuống chẳng khác gì một võ sĩ quyền Anh trước khi Beth có thể nhúc nhích. Bàn chân của tay phóng viên cũng đặt lên vỉa hè cùng lúc đó.

“Đưa xe anh đi chỗ khác mau,” Candy nhỏ nhẹ nói.

“Sếp à,” tay phóng viên tóc vàng khoảng ba mươi tuổi năn nỉ. “Có đúng thể không? Họ đã tìm thấy thi thể của Ben Cappadora phải không?”

“Lái cái xe chết tiệt của anh đi chỗ khác,” Candy vẫn điềm đạm. “Anh đang chặn xe cảnh sát đấy.”

“Xin sếp một phút...”

“Taylor,” Candy gọi, và Calvin Taylor từ hàng hiên nhà ông Angelo và bà Rosie chạy như bay xuống. “Bắt gã này giùm tôi vì đã chặn tôi khi tôi đưa Beth về nhà cô ấy được không?” Taylor làm ra vẻ sắp thò tay vào túi quần sau thì tay phóng viên trẻ quay lại co giò chạy, chiếc xe tải lùi ra khỏi con đường dẫn vào nhà, chặn đường đi của một chiếc xe tải khác cùng loại. Candy đưa Beth đi nhanh lên hàng hiên trong khi các phóng viên gọi í ới, nho nhỏ như thể họ đang ở đâu xa lắm. “Cô thấy cái xác chưa, Beth? Có phải Ben không? Cô ổn chứ, Beth?”

Một phóng viên trên hàng hiên bước tới trước mặt Candy khi cô đẩy mạnh cửa ra. “Tôi là phóng viên của tờ *Thời báo New York*.” Anh ta nói rất lịch sự, rất tha thiết.

“Bước thẳng tiến tốt trong nghề đó,” Candy vừa nói vừa đóng cửa lại.

Beth chợt nhớ lại một cuốn sách hình dành cho trẻ con trong đó có một vòng tròn những con ếch đực, ếch cái miệng to như cá ngỗ tụ họp lại vào mỗi tối nơi bờ đầm lầy để nghe mẹ chúng kể chuyện. Trong nhà ông Angelo và bà Rosie, mẫu người thời xưa, ba chiếc trường kỷ được kê theo hình chữ U sát tường – không có bàn nhỏ hay góc trống nào cho họ tâm sự cả. Và trên ba chiếc trường kỷ đó là Ellen, Pat, Monica, Joey và Tree, bố mẹ Pat, Barbara Kelliher đang ngồi như phỗng – ít nhất họ cũng là những người có thể có mặt được ở đó nhanh đến thế. Pat vội đứng lên ôm Beth thật chặt; cô có thể ngửi thấy mùi mồ hôi của anh – mùi của loài động vật cấp cao hoang dã không giống bất cứ mùi nào cô từng cảm nhận trên cơ thể chồng mình. Không ai nhúc nhích. Hai đường dây điện thoại trong nhà – đường dây của cảnh sát và đường dây của gia đình – reo liên tục dù Beth có thể nghe thấy các cảnh sát, cũng khá đông, đang nói chuyện trong bếp. Trong khi Pat ôm cô, bố Beth và anh Bick của cô hối hả đi từ cửa sau vào; Beth nghe bố cô nói: “Lạy Chúa lòng lành, mấy con ma cà rồng này, mấy con ma cà rồng này! Bethie đâu?” Cô chạy từ Pat nhảy bổ vào vòng tay anh mình; Bick to cao và cô có thể nép mình dựa vào anh thật thoải mái mà không phải gồng người lên.

“Có đúng không, Bethie? Có đúng là Ben không?” anh hỏi.

“Em không biết, em không biết,” cô úp mặt vào ve áo anh, và cuối cùng, cảm ơn Chúa, cô đã có thể khóc.

“Xin quý vị chú ý,” Candy nói. “Thường thì trước tiên chúng tôi sẽ làm một phân tích mẫu vân tay ngay tại đây. Nhưng trong trường hợp này, thi thể đã bị phơi ra trong nắng trong gió nên tứ chi đã bị hoại tử. Vì thế hồ sơ mẫu vân tay của Ben cũng không giúp gì được cho ta. Những gì chúng ta có thể làm là phải chờ vị nha sĩ giám định pháp y ... sẽ chỉ mất khoảng vài tiếng đồng hồ để có được....”

“Không,” Bick nói, giọng khản đặc. “Chúng tôi cần phải biết đó có phải là Ben không.”

Candy nhấn ngón tay vào khoảng giữa hai mắt. “Dĩ nhiên rồi, dĩ nhiên là thế... thôi được.” Cô khoát tay ra hiệu cho mấy viên cảnh sát đang đứng ngay bên trong cửa sau. “McGuire, Elliot, tôi sẽ lái xe đưa Beth và Pat đi. Taylor và ba nhân viên của tiểu bang sẽ ở đây với gia đình; hai anh sẽ lái xe đưa bất cứ ai khác muốn đi, hay nhờ anh chàng kia – tên anh ta là gì nhỉ? – Buckman – để lái xe đưa ai đó muốn đi. Được chứ?”

Thình lình ông Angelo lên tiếng: “Tôi sẽ không đi đâu.”

Ông ấy trông già nhỉ, Beth nghĩ, và chết lặng đi như thể mới gặp lại bố chồng sau mấy chục năm xa cách. Ông ấy đã thành một ông già rồi.

“Tôi nghĩ tôi nên ở lại đây với Rosie và Angelo,” ông Bill chậm rãi đề nghị trong khi Bick nhìn ông không bằng lòng.

“Được rồi,” Beth nói với Bick. “Đừng lo anh ạ. Anh đi là được rồi.”

“Tôi sẽ nhận dạng thẳng bé cho,” Bick vừa nói vừa ôm Beth chặt hơn.

“Anh Kerry,” Candy dịu dàng hỏi Bick, “trước hết là anh có chắc... có chắc là mình muốn làm như thế không, và thứ hai là có chắc rằng anh biết rõ đứa bé đủ để...?”

“Ben là cháu tôi. Bố mẹ nó lấy tên tôi đặt cho nó mà. Tôi biết nó từ khi nó mới sinh ra.”

“Nhưng gần đây anh có gặp cháu thường xuyên không?”

“Quý tha ma bắt cô đi!” Bick hét lên làm Beth giật mình.

“Tôi gặp cháu tôi thường xuyên mà!”

“Để tôi làm việc ấy cho,” Pat nói nhỏ.

“Paddy, đừng. Không. Anh không làm được đâu,” Beth nói.

“Nó là con anh.”

“Không, anh không làm được đâu, em cũng vậy.”

“Thôi được rồi, chúng ta đi nào,” Candy ra lệnh và cảnh sát dàn hàng chung quanh họ, quần nhung kẻ, áo vải xanh màu quân đội vai sát vai cùng quyết tâm lên đường. Candy mở cửa. Ellen nắm một tay Beth, Pat nắm tay kia. Xe nối đuôi xe trên đường vào nhà. “Không có tin mới. Chưa có gì mới cả.” Candy hét to cho đám đông đang châu chực trên cỏ; mấy bông hồng tháng Sáu của ông Angelo bị giẫm nát bét, nhoe nhoét bùn. “Cho gia đình đi qua nào.”

Khi cảnh sát mở tung các cửa xe, Beth co rúm người lại rồi thình lình nói. “Tôi không muốn đi với Pat.” Pat nhìn cô không chớp mắt. “Ý tôi là anh ấy lái xe cũng được nhưng tôi muốn đi với anh tôi.” *Sao thế, cô nghĩ, cái mặt ngu ngu của anh sao thế, Pat?* “Tôi có chuyện phải nói với anh ấy,” cô kết thúc bằng cách ngó ngẩn đưa tay lên bịt miệng. Pat ngoảnh mặt bỏ đi. Và chỉ còn nghe tiếng đóng cửa xe rầm rầm. Đám phóng viên chạy theo mấy chiếc xe của họ nhưng không dám chạy nhanh bằng Candy khi cô gắn cái đèn chớp nháy Mars lên mui xe rồi rẽ sang đường cao tốc. Cô chạy một trăm sáu mươi cây số giờ và nói chuyện nho nhỏ với người cảnh sát ngồi cạnh như thể họ đang lái chưa tới mười cây số giờ trong một cuộc điều hành.

Beth đã đứng bên ngoài rất nhiều cánh cửa nhà xác – vài cái tại bệnh viện, vài cái tại nhà tù, vài cái tại những nơi bị thiên tai tàn phá – để chụp ảnh những băng-ca cùng với những thùng đựng xác người bằng nhựa đen. Nhưng cô chưa từng đứng bên trong cánh cửa nào. Nó giống như một hành lang ngăn của trường học với các cửa lớn màu vàng có những ô bằng kính xù xì như phủ đầy sương giá. Candy dẫn đội cảnh sát hình chữ V đi quanh họ đến thang máy. “Đây là cái mà Quận Cook gọi là phòng đợi,” cô vừa nói vừa đưa tay chỉ một loạt những ghế dài, ghế dựa ọp ẹp, vài cái có dính máu trên mặt nệm. “Tôi sẽ đưa Bick lên lầu. Những gì anh ấy sẽ nhìn là gương mặt một đứa bé và những thứ liên quan.... à, qua kính. Nếu anh ấy có thắc mắc thì chúng tôi sẽ trở lại nhờ Ellen. Hay ai đó.”

Ở đây, Beth nghĩ, *không giống bệnh viện chút nào*. Không nghe tiếng người đang tập vật lý trị liệu trong các căn phòng ồn ào vô trùng biệt lập trên lầu, không có những nỗ lực điên cuồng cuối cùng để giành lại sự sống

trong tay thần chết, như thể ai nấy đều tin rằng mọi thứ đều đã chấm hết, mọi hy vọng cuối cùng, dù hảo huyền, cũng đã được dùng hết.

Cô nhớ đến không khí hối hả rộn ràng bên ngoài cửa phòng chăm sóc đặc biệt cho mẹ cô; hàng đoàn y tá và cả đồng dụng cụ được đẩy vào đẩy ra ầm ầm nhanh như chớp. Ở đây, những người Beth cho là bác sĩ, thậm chí có lẽ là các bác sĩ giám định pháp y, tay cầm các bìa kẹp hồ sơ đi chầm chậm; các kỹ thuật viên mang những khay đựng các ống đi nhanh nhưng không tỏ vẻ cuống quýt. Pat đứng dựa vào tường hút thuốc dưới một bảng vẽ một điều thuốc đang cháy trong một vòng tròn có gạch chéo; thật ra Beth còn thấy dưới sàn nhà đầy mẫu thuốc lá.

“Đây là nơi tất cả chấm dứt, ngay tại đây,” cô buột miệng nói mà không biết mình nói gì mãi cho đến khi Ellen nhìn cô.

“Mình vẫn chưa biết gì mà, Beth. Vẫn có hy vọng rằng Ben còn sống mà,” Ellen đồng dạng đáp lại bằng giọng kiên quyết nhất, cái giọng đã khẳng định rằng Nick sẽ trở lại với cô trong năm cuối cuộc đời sinh viên ấy sau khi Nick đã phải lòng cô gái người Thụy Điển tại trại kịch nghệ đó. Và anh ấy đã trở lại thật. Cái giọng đã nói với cô khi Kerry không còn cựa quậy trong bụng Beth cả tuần lễ rằng các em bé khi gần đến ngày đến tháng đôi khi không động cựa gì cả, mà chuyện đó là hoàn toàn bình thường. Và đúng là như thế.

“Không đâu,” Beth cau có đáp và muốn kể cho Ellen nghe về bà đồng Loretta, muốn kể cho Pat nữa – chuyện đó mới xảy ra cách đây mấy tiếng thôi sao? Chưa ai nói với Pat về Loretta sao? Pat lúc đó ở đâu vậy? Thành linh Beth choáng người khi nhận ra mình chưa hề gặp Vincent hay Kerry – ai đang trông con cho cô vậy? Ai mà để ý chứ? “Không. Không còn lý do gì để tin như thế đâu.” Cô nói với Ellen rồi hít một hơi thật chậm. “Dù sao đi nữa thì tốt hơn là nó không...”

“Ôi, Lạy Chúa, Bethie ơi, đừng nói nữa – chị đang nói điên nói khùng rồi,” Joey kêu lên, còn Pat đốt thêm một điều thuốc khác.

Cánh cửa thang máy cọt kẹt mở ra. Là Candy. Mọi người căng thẳng ủa tới. Cô giơ cao hai tay.

“Họ sắp làm xong thủ tục rồi. Bick ổn. Tôi muốn báo cho quý vị biết rằng sẽ phải mất thêm một chút thời gian đó. Hãy kiên nhẫn. Tôi sẽ xuống đây với anh ấy ngay khi có thể. Được chứ, Beth? Được chứ, Pat?”

Mọi người lại ngồi phịch xuống mấy cái ghế da màu xanh lá cây. Vậy là lại phải chờ tiếp. Beth thấy mình như chủ nhà, giống như cô sẽ mời mọi người uống chút gì đó. Không ai nói tiếng nào – chiếc đồng hồ khổng lồ trên tường báo một phút trôi qua. *Một phụ nữ bình thường sẽ nói gì?* Beth tự hỏi. *Một phụ nữ bình thường sẽ hỏi về con mình.* Cô bắt đầu nói thật cẩn thận: “Ellenie ơi, ai đang chăm sóc...?”

Cô chưa nói dứt lời thì Bick, cánh tay che mắt, đi lảo đảo ra khỏi thang máy, và Candy theo ra ngay sau anh. *Chờ đợi*, Beth nghĩ, *chúng ta phải chờ mà*. “Chờ đã!” cô nói to khi Bick ngồi phịch xuống ngay bên cạnh cô trên chiếc trường kỷ, người gập xuống, nước mắt lã chã.

“Bethie, Bethie, không phải là Ben em ạ,” anh nói.

“Ừ... chờ đã,” Beth lại nói và cố nhấc cánh tay lên, cánh tay đầy nước, nặng trĩu không nhấc lên nổi của cô.

“Anh chắc chứ?” Pat quỳ trước Bick, nhìn vào mặt anh dò hỏi.

“Nó còn bé lắm, tóc nó cũng là tóc đỏ, nhưng ngả sang vàng đậm. Nó còn bé lắm, Bethie – ôi, nó là con một người nào đó, Bethie. Gương mặt nhỏ nhắn của nó cứ như đang ngủ vậy – người nó thậm chí vẫn nguyên vẹn, gương mặt cũng thế – ôi, Bethie ơi, không phải Ben.”

“Ôi, tạ ơn Chúa,” Pat thở ra. “Không phải là nó, không phải nó! Không phải Ben.” Pat ngừng lại nhìn Beth khó chịu. “Beth, em không mừng sao?”

“Mừng?” Beth hỏi.

Căn nhà chính là thứ bấy lâu nay mình hằng sợ, Beth nghĩ, rốt cuộc thì chính là căn nhà. Khi Pat tắt máy bước ra khỏi xe, anh dường như đã không để ý rằng Beth vẫn ngồi yên, thậm chí khi Kerry hăng hái gào to một trong mấy từ nó biết: “Ra, ra, ra!”

Beth nói khi Pat còn đang quay lưng lại: “Không phải vì anh. Mà vì căn nhà.”

Pat không chú ý đến Beth; dạo gần đây anh ít khi nào đáp lại những lời Beth nói. Kể cũng phải thôi – phân nửa những câu Beth nói không có nghĩa gì hết, thậm chí cả với cô nữa, vì chúng chả ra đầu ra cuối gì.

“Anh bị tổn thương vì em đã ở Chicago hết cả một mùa hè phải không? Anh cứ bảo em nên về nhà còn em thì cứ lần lữa,” Beth cố vớt vát nói tiếp. “Nhưng giờ thì em biết vì sao rồi, anh yêu. Không phải vì em nghĩ em sẽ thực sự tìm được Ben. Và cũng không phải em không muốn ở bên anh. Mà chính là vì em không muốn bước vào nhà của em. Anh hiểu không?”

Pat đã vào nhà. Chỉ còn lại một mình cô trong nhà để xe, nói chuyện với cái bảng điều khiển trong xe trước mặt cô khi đèn tự động ở trên đầu chớp chớp rồi cửa đóng sập lại sau lưng cô, ngăn những tia nắng chiều nhợt nhạt bên ngoài lọt vào trong. Pat đã bế Kerry ra khỏi xe và đã vào nhà. *Mình lạnh quá*, bỗng dưng Beth nghĩ. Cô cố cưỡng lại ước muốn tự vòng tay ôm lấy thân mình cho ấm và ngồi trong chiếc xe tối như mực, hai tay buông thõng hai bên mình. *Mình lạnh quá, vì hôm nay là một ngày thu lạnh.* Ở Wisconsin thường là thế, thậm chí giữa những ngày nắng hạn cũng có thể có một ngày lạnh hiu hiu báo hiệu mùa thu sắp đến

Mùa thu. Một trang hoàn toàn mới. Đây là lúc Beth luôn thấy như bắt đầu một năm mới, có lẽ vì việc học sinh đi học trở lại dường như báo hiệu những hy vọng mãnh liệt. Mùa hè đó, khi một ngày nóng gắt này chuyển sang một ngày nắng nóng khác bằng một đêm đẫm mồ hôi, Beth nằm một mình trong phòng dành cho khách ở nhà bà Rosie, tim đập thùm thụp, và đã thôi không thắc mắc mình đang ở đâu khi thức dậy nữa. Cứ như thể cô chưa hề có nhà, có việc làm, hay có một gia đình vậy. Cô bắt đầu hành động như được lập trình – ra khỏi căn nhà lạnh giá của bà Rosie, vào lối dành cho xe hơi mát rượi tuyệt đẹp, vào trong tiếng rì rầm của các phóng viên (mà tên họ giờ này cô đã biết, những người đang tạo ra một bầu khí giống như một bữa tiệc bãi biển trên bãi cỏ dù không ai, không một ai trong gia đình, không một ai trong số những tình nguyện viên trả lời phỏng vấn của họ), vào trung tâm Tim Ben, làm cái công việc gấp giấy và dán tem lặp đi lặp lại mà người ta giao cho cô làm đến khi cô phát bực lên chỉ sau khoảng một tiếng đồng hồ. Cô lại ra ngoài trong cái nóng đổ lửa đó, xin Joey một điếu thuốc Camel trong công ty cung cấp thực phẩm, đi qua các phóng viên trong hành lang của sở cảnh sát Parkside, ngược lên sở chỉ huy Cappadora trong phòng hội nghị trên tầng hai (mọi người đều vẫy tay chào cô), lên đoạn cầu thang ngắn, vào văn phòng của Candy.

Candy. Ngay lúc đó và mãi sau này Beth cứ thắc mắc không hiểu tại sao Candy lại để Beth ngồi đó hàng giờ đồng hồ nhìn cô ấy gọi điện thoại? Nghe Candy nói chuyện với các viên cảnh sát khác, nghe cô ấy ra chỉ thị, nghe các cuộc phỏng vấn, thậm chí thỉnh thoảng còn nghe cô khiển trách cấp dưới hay trao đổi gay gắt với sếp hay chủ tịch hội đồng nữa? Có lẽ ngay từ đầu Candy đã hiểu rằng Beth không thể tiếp thu hay ghi lại nội dung công việc, không thể lĩnh hội hay đối chiếu các thông tin phức tạp chông chéo lên nhau của cuộc điều tra và tính chính trị của nó. Việc Candy để Beth ngồi trong văn phòng của cô ấy có phần nào giống như việc chiều chuộng một con chó già luôn nhìn ta với cặp mắt tôn sùng làm ta quên khuấy chuyện nó có thể làm bẩn thảm trải sàn. Chỉ ở đó, dưới sự che chở tế nhị hữu hiệu của Candy, cô mới cảm thấy được gắn kết mãnh liệt với Ben, hay mới cảm nhận được mạnh mẽ rằng Ben còn sống.

Thời gian còn lại cô phải đảm nhận các vai trò, tất cả đều phải thực hiện rõ ràng: làm một cô con dâu ngoan ngoãn và can đảm; một bà mẹ đau buồn; một người bạn can trường; một người vợ trung kiên. Cô có thể làm tròn được hết các vai trò đó dù hơi vụng về. Nhưng bản thân những nỗ lực vô vị đó càng làm cô kiệt sức. Giống như bài tập vận động cơ bắp lặp đi lặp lại mãi liệt, chúng giúp Beth quên thời gian và vẫn giữ được thân hình thon thả để... để làm gì chứ? Để tiếp tục sống, một cuộc sống đã thay đổi, một cuộc sống không có Ben mà Beth không thể tưởng tượng nổi, nhưng là một cuộc sống cô biết một lúc nào đó mình sẽ phải chịu đựng. Điều cô biết chắc là sẽ phải tính toán, sẽ phải từ bỏ trước khi tiến đến gần bờ cuộc sống đó. Và dù không biết khi nào sẽ phải thực hiện bước tiến đó, cô không muốn thực hiện chúng mà không có Candy bên cạnh. Nếu phải như thế thì, ôi, chắc sẽ tệ hơn cả cái chết, tệ hơn việc nhớ lại ngày Ben gọi cô là “quả nho kiêu kiêu” – ngày cô tin rằng Ben không chỉ ngoan và đáng yêu mà còn rất thi vị nữa, tệ hơn cả những câu chuyện được sao chụp ra mà thi thoảng cô vẫn vớ được ở trung tâm trước khi ai đó nghĩ đến việc ngăn cô lại, những câu chuyện về các em bé bị hành hạ về tình dục vẫn sống được hàng tháng trời, được chụp ảnh trong khi đang chịu đau đớn cực độ. Beth sợ rằng mình có thể giết người hay thủ dâm ngoài đường, hay lái chiếc xe Lincoln Town của ông Angelo qua một sân chơi đầy học sinh mẫu giáo. Vì thế cô cố làm hết tất cả những gì được xem là của phụ nữ đức hạnh, và để dành những lúc tỉnh táo thật sự cho văn phòng của Candy, cho những giây phút ít ỏi trong một tiếng đồng hồ hay nhiều giờ đồng hồ cô ngồi đó mỗi ngày – những lúc cô có thể gỡ được chiếc mặt nạ của mình ra.

Đối với Candy, rõ ràng là chẳng có điều gì quá thẳng thừng cả. Cô ấy không quay mặt đi khi Beth nói mình hy vọng rằng Ben đã chết, không phải vì cô có thể nguôi thương nhớ nó nhưng vì ít nhất lúc đó cô có thể biết rằng nó đã không còn nhớ cô nữa. Candy chẳng phản đối khi cô nói Vincent và Kerry sẽ tốt hơn khi không có cô; và chỉ nhắc Beth rằng cô nên hoàn thành thiên sứ làm mẹ của mình. Hai tuần sau khi phát hiện ra thi thể của đứa bé không phải là Ben đó, Beth đọc trên tờ *Tribune* rằng tỷ lệ tìm thấy một đứa bé giảm nhiều sau tuần lễ đầu tiên. Và Candy đã nói với cô rằng tuy điều

này đúng, nhưng hãy lờ nó đi, vì điều đầu tiên một cảnh sát phải học là có rất nhiều lời nói dối, những lời nói dối đáng ghét, cùng những con số thống kê.

Candy còn nói thêm rằng đứa bé trong hồ nước cuối cùng đã được nhận dạng là Chad Sweet, con của Glen Ellyn, hai tuổi, mất tích bốn tháng, đã không bị bắt cóc. Nó chết chìm khi ông bố mười bảy tuổi đưa nó đi câu mà không mặc áo phao cho con. Ông bố trẻ quá sợ hãi không dám kể cho ai biết ngoại trừ bà mẹ trẻ mười tám tuổi cũng hoảng sợ y như anh ta. Thế là mặc dù Candy vẫn cố cho Beth hy vọng dựa vào những dữ liệu thực tế, cô không hề bảo Beth phải tổ chức những buổi lễ đặc biệt để cầu xin phép lạ như Tree đã làm. Cô không liên tục nhắc Beth vì đã để cho chỉ một tờ tạp chí quốc gia lớn dàn một bài đến tám trang, giống như Laurie. (“Tại sao không mở rộng mạng lưới chết tiệt này ra thêm nữa để chỉ cái người duy nhất cần thấy mặt Ben sẽ nhìn thấy? Tại sao không chứ, Beth?”)

Nhưng thích nhất là Candy không bắt Beth về nhà. Tất cả những người khác – từ bà Rosie, Ellen đến Bick và Paul, những người Beth cho là yêu Ben nhất – đều cho điều này là rất cần thiết. Candy đã chờ cho đến khi Beth cảm thấy sẵn sàng đề cập đến chuyện trở về nhà.

Điều đó xảy ra vào một buổi tối muộn khi Beth đang quanh quẩn trong văn phòng của Candy, và Candy dường như mới thấy Beth lần đầu trong ngày khi cô đứng dậy lúc bảy giờ để tắt đèn.

“Chị muốn đi ăn tối không?” Candy hỏi.

Họ mua bánh mì kẹp xúc xích nóng ở cửa hàng Mickey rồi lái xe xuống hồ của công viên Lincoln, đến tận bờ hồ đầy cỏ; ở đây có khoảng một chục cậu con trai da đen, mỗi đứa đều phồng phao và đẹp trai hơn đứa trước, đang ném vào nhau qua mặt hồ những vốc đầy pháo bông bị cấm lưu hành. Không khí quanh đó tràn ngập giai điệu nhạc Motown xưa phát ra từ cửa xe của chúng. Beth hơi ngộp ngừng khi thấy chúng nhìn họ, ắt hẳn chúng nghĩ đây là hai bà già da trắng điên hết biết đang đi dạo trong buổi tối oi ả này.

“Đừng lo, tôi có súng đây,” Candy nói và bật cười khi thấy Beth nhìn chúng dè chừng. “Trời ơi, Beth. Chúng chỉ là mấy đứa con nít ném pháo bông thôi mà. Tôi không đùa đâu. Nếu chúng bắt đầu giết nhau hay tấn công chúng ta thì tôi sẽ bắn chúng.” Và họ ngồi xuống lớp cỏ khô queo khô quắt.

Đến lúc đó Beth mới nói: “Mọi người đều nghĩ tôi nên về nhà.”

“Nhưng *chị* nghĩ sao?” Candy đã ăn được nửa phần khoai tây chiên của mình và đang mắt tròn mắt dẹt nhìn phần của Beth. Beth đẩy nó về phía cô ta.

Tôi nghĩ họ có lý. Nhưng tôi chẳng muốn về chút nào.”

“Chị nghĩ là nếu chị về thì mình sẽ không tìm được Ben à?”

“Có lẽ thế. Dù thật lòng tôi nghĩ mọi người sẽ không tìm ra được Ben đâu. Tôi chỉ không...”

Beth ngả người ra sau nằm lên cỏ – thật tuyệt và êm đềm quá, một đêm hè đầy sao, như mời gọi ta điều gì, chạy bộ ba cây số, làm tình, hay ngồi ru con trên hàng hiên chẳng hạn. “Tôi nghĩ mình không thể về lại và bắt đầu sống như thế chưa từng có gì xảy ra.”

“Chị có nghĩ là có ai đó muốn chị làm điều này không?”

“Tôi không chỉ nói đến chuyện Ben mất tích, ý tôi là sống như thế chưa từng có Ben vậy.”

“Chị có nghĩ là có ai đó...”

“Không. Không, không ai muốn tôi tiếp tục như thế cả. Có lẽ ngoại trừ tôi thôi, chỉ mình tôi muốn mà thôi. Vì tôi nghĩ đó là cách duy nhất tôi có thể sống tiếp.”

“Tôi hiểu rằng khi người ta mất một đứa con hay bất cứ ai có ý nghĩa trong cuộc đời, họ thường thấy đỡ hơn khi được ai khác khuyên bảo.”

“Thám tử trưởng Bliss, lại giở giọng nghề nghiệp ra rồi.”

“Thôi nào, Beth. Có những nhóm giúp với bớt các nỗi đau buồn. Họ làm tốt lắm đó – thật sự tốt.”

“Nếu tôi tìm đến một trong những nhóm như thế thì có nghĩa là mọi chuyện đã chấm dứt rồi.”

“Không đâu. Điều đó có nghĩa là một phần trong chuyện này đang bắt đầu. Cái phần mà trong đó chị phải đánh giá những gì mình có thể làm và cách thực hiện chúng. Chị vẫn phải tiếp tục sống, Beth ạ.”

“Đó. Đúng là nó. Tôi không muốn sống lâu hơn Ben. Tôi không muốn cố vượt qua nó – điều đó – chuyện này. Tôi không muốn qua được chuyện này và cũng không muốn đối mặt với nó nữa.”

“VẬY chị cứ ở đây và sống trong góc văn phòng của tôi đi. Tôi chẳng phiền đâu. Nhưng rốt cuộc chị sẽ thành cây treo đồ của tôi đấy.”

“Thế thì tôi phải về nhà thôi.”

“Beth này, cứ làm những gì chị cần phải làm. Nhưng dù lúc này chị thấy mình là một bà mẹ tệ hại đến đâu thì hãy nhớ rằng chị là người mẹ duy nhất mà Kerry và Vincent có.”

“Trả giá hay thật.”

“Tôi nghĩ chúng có thể đã tệ hơn thế nữa kia.”

“Ồ, tôi lại không nghĩ thế.”

“Tôi thì có. Và nếu chị về nhà thì không có nghĩa là...,” Beth ngược lên nhìn cặp mắt xanh của Candy, như chỉ toàn con người, cặp mắt như được tạo ra dành riêng cho một máy ảnh. “Không phải là một cuộc đánh đổi đâu, Beth. Tôi nói với chị rồi mà. Nếu chị có tung hê hết mọi chuyện đi thì cũng không có nghĩa là chị sẽ có lại Ben. Nếu làm như thế mà giải quyết được vấn đề thì tôi đã bảo chị làm rồi.”

“Tôi biết.”

“Chị có hai đứa con thật tuyệt vời, Bethie. Tôi sẽ đánh đổi tất cả mọi thứ để có một cô bé như Kerry đó.”

“Người ta vẫn làm thế. Những người... như chị vẫn làm thế.”

Không, không phải những người như tôi đâu. Những phụ nữ đồng tính, đúng. Nhưng không phải những người giống tôi. Tôi vẫn có thể. Nhưng Beth ạ, nếu chị là một người nổi loạn thì chị không thể làm cảnh sát được. Tôi là một phụ nữ truyền thống thuần túy. Tôi biết nói như thế nghe kỳ cục lắm, vì ... thôi, không nói đến chuyện này nữa. Tôi luôn nghĩ mình sẽ có một người chồng và mấy đứa con. Mà tôi tìm mãi không ra một đức lang quân nào.”

“Nhưng chị có thể...”

“Không. Đôi khi tôi nghĩ...” Candy dừng lại để tọng vào miệng một nắm khoai tây chiên.

“Có một anh chàng. Tụi tôi là bạn thân lâu năm. Anh ấy là giáo sư dạy Luật của tôi – tôi học Luật một năm trong thời kỳ Watergate. Anh ấy mê tôi như điên đổ, như điên như dại, và tôi đã phải nói với anh ấy là không quan hệ với đàn ông, nghĩa là không còn như thế nữa. Nghĩa là trong đời mình, tôi đã từng, à mà sao tôi lại nói chuyện này với chị nhỉ? Lạy Chúa. Dù sao thì tôi với Chris cũng đã đi chơi với nhau. Tụi tôi đi ăn ở tiệm Tàu, hình như mỗi tháng một lần. Xem phim của Spencer Tracy. Giờ thì chắc Chris cũng khoảng bốn mươi bảy rồi. Và anh ấy vẫn là anh chàng muôn đời độc thân. Hẹn hò với các cô gái trẻ. Các em nữ sinh ấy. Tôi thì già hơn hẳn. Và rồi đương nhiên là đến lượt tôi. Tụi tôi đi xem múa ba lê và các thứ linh tinh khác. Đến mấy chỗ hội hè của công ty anh ấy. Tôi nói với anh ấy rằng ‘Chris ơi, em là cái bình phong của anh đó.’ – chị hiểu tôi muốn nói gì rồi chứ, Beth?” Beth gật đầu dù chẳng hiểu gì. “Tôi giống như vợ hờ của anh ấy ở những nơi mà anh ấy không thể đưa các em choai choai kia đến được.”

Candy nằm xuống, tay chống cùi chỏ, Beth nhăn mặt khi thấy lớp vải mịn màu be chạm xuống cỏ. “Cách đây mấy Giáng sinh, tôi có dự một bữa tiệc – tôi đã nói mình là một tín đồ Do Thái không ngoan đạo mà – và anh ấy đã

đem theo một cô gái, Beth ạ. Tôi nghĩ cô ta chưa đủ tuổi để lái xe đâu. Và tôi bảo anh ấy: ‘Chris này, chẳng bao lâu nữa anh sẽ la cà ở mấy trường phổ thông cơ sở cho xem. Hơi bị nhục đấy.’ Và anh ấy nhìn tôi thật buồn. Bất chợt tôi có cái ý nghĩ này, anh ta là dân đồng tính, hoặc đại loại thế, mà anh ta không quyết tâm với chính bản thân anh ta. Không chút nào hết. Nhưng anh ta chỉ nói: ‘Anh mệt mỏi rồi, Candy ạ. Anh muốn có một thằng con trai. Anh sẽ cưới em. Em định ngày cưới đi.’”

“Và từ Giáng Sinh năm đó,” Candy kể tiếp, “tôi cứ nghĩ về chuyện ấy. Nghĩ mãi, tại sao lại không chứ? Chúng ta đã cùng vui với nhau. Anh ấy vẫn nhìn các em choai choai nhưng các em không còn ngoái lại nhiều như trước nữa. Với công việc của tôi, nếu có con chắc tôi phải cột nó vào chân giường khi đi làm quá; mà công việc của tôi thì điên khùng lắm. Nhưng nếu tôi có tiền để trả cho hết mọi thứ... Chris giàu ghê lắm. Thì tại sao lại không nhỉ? Anh ấy sẽ có đứa con anh ấy muốn... Và tôi cũng có một đứa con.”

“Nhưng chị đang phản bội... chính mình.”

Candy mỉm cười. “Chẳng phải tất cả chúng ta đều làm thế sao, Beth? Khi thật, sao tôi lại đi nói hết mấy chuyện này ra với chị thế nhỉ?”

Mấy thằng nhóc đang đi về lại xe của chúng. Không khí thoang thoang mùi thuốc nổ từ cụm khói pháo bông cuối cùng.

“Có sao đâu,” Beth vừa nói vừa nghĩ. *Chán thật.* “Tôi vui khi chị thổ lộ hết mọi chuyện như thế này.”

“Tôi nghĩ có lẽ vì những gì xảy đến với chị kinh khủng quá, Beth. Đó là điều tồi tệ nhất, kinh khủng nhất. Nhưng như thế không có nghĩa là chị có thể đang tay vứt bỏ hết mọi thứ khác.”

Chị ấy không hiểu rồi, Beth buồn rầu nghĩ. Thậm chí cả Candy mà cũng thế ư? Chị ấy không hiểu rằng nếu mình không thể là mẹ của Ben thì mình không thể làm mẹ người khác, mình cũng không muốn làm người nữa. Thậm chí muốn chết cũng khó quá. Sao mình muốn đi tu đến thế, khi đó mình sẽ cọ rửa sàn nhà bằng đá mỗi ngày, chỉ cọ rửa và cọ rửa.

“Và thêm nữa,” Candy vừa nói vừa vo mấy tờ giấy gói thức ăn lại. “Nếu chị về nhà thì không có nghĩa là tôi sẽ quên chị hay không nỗ lực tìm Ben nữa. Tôi vẫn sẽ làm việc hằng ngày, Bethie ạ. Bao lâu cũng được. Và nếu chị muốn gọi điện cho tôi mỗi ngày để kiểm tra xem tôi có tiếp tục không thì chị cứ gọi. Mà tôi cũng sẽ gọi cho chị nữa. Sẽ gọi thường xuyên. Tôi hứa đấy.”

Vì thế, ba tuần sau, khi Pat đưa Kerry đến vào tối thứ Bảy, khi Beth bảo anh rằng cô sẽ về nhà trong ngày Chủ Nhật thì Pat nheo mắt nghi ngờ, há hốc miệng ra. Một bầu không khí lễ hội âm thầm diễn ra trong nhà; cô có thể nghe thấy Joey và Tree ngồi nói chuyện lâu thêm với ông Angelo trong nhà bếp – thậm chí các phóng viên cũng bồn chồn. Beth đã để Pat làm tình với cô lần đầu tiên kể từ ngày họp lớp như thế để góp phần trong không khí rộn ràng của cả nhà. Trước đó vài tuần, anh đã tự động đem đồ tránh thai đến cho cô như một lời nài xin âm thầm. Cô đã cầm cái hộp rồi bật cười, thảng vào gương mặt méo mó của anh. Nhưng rồi anh đã làm được việc cảm động nhất, một việc mà theo nhận xét khách quan của Beth thì cô không đủ khoan dung để làm. Anh đã quay lại và hỏi: “Tại sao em không muốn chứ? Ý anh là thật ra thì làm tình không phải là việc anh muốn. Anh muốn em. Muốn tình yêu của em cơ.”

Cô đã nói: “Em yêu anh, Pat ạ. Chỉ vì làm tình thì quá... quá bình thường, nên...”

“Bình thường ư?”

“Em nghĩ thế.”

“Chúng ta phải ngừng làm những việc bình thường sao, Bethie? Đó là những gì chúng ta phải làm vì Ben sao?”

“Em không biết em có thể làm được hay không nữa. Làm tất cả mọi việc em vẫn làm... như trước đây ấy.”

“Anh cũng không biết anh có thể làm được hay không, Bethie. Tuy vậy anh biết là anh cô đơn. Anh có cảm giác như thể mình không những mất con

mà còn mất cả vợ nữa. Anh bây giờ giống như một kẻ góa vợ ấy, mà anh thì không muốn thế.”

Em thì muốn thế, Beth nghĩ, nhưng cô chỉ nói: “Cho em thêm thời gian đi.”

Và rốt cuộc, khi chuyện ấy đến thì cũng không đến nỗi tệ. Thậm chí Beth cũng không thể tưởng tượng được thân thể mình sẽ hoan hỉ đón nhận Pat đến thế; vậy mà rốt cuộc đó lại là một thân thể giao hòa; và dù cô có cảm giác như cửa mình của cô chỉ toàn da là da, như thể những lúc rùng mình ham muốn và những cú thúc mạnh mẽ của Pat giống như đang tập thể dục mềm dẻo chứ không mang chút lảng mạn nào thì cô cũng đã dịu dàng được với anh cho đến khi anh lăn sang một bên, tay vẫn ôm chặt lấy ngực cô mà ngủ. Sáng hôm sau, Pat huyết sáo khi họ chất đồ lên xe.

Ngay trước khi họ khởi hành, khi ông Angelo, bà Rosie và mấy cô con gái đứng dàn hàng trên lề đường thì chiếc xe sang trọng Saab của Ellen thẳng gấp sau lưng họ. Cô và chú nhóc David trong bộ đồng phục đi học giáo lý ngồi bên cạnh. Beth nhảy ra khỏi xe ôm chầm lấy cô.

“Tớ tưởng cậu đi mà không chào tạm biệt chứ,” Ellen nói như muốn khóc. “Tớ đã gọi điện cho cậu.”

“Lúc đó tớ đang chuẩn bị.”

“Cậu về nhà là đúng rồi.”

“Tuần tới tớ sẽ về lại đây.”

“Và tớ sẽ giúp mọi việc vẫn chạy đều...”

“Tớ biết, Ellenie. Nhất cậu rồi, cậu luôn là đứa giỏi nhất.”

Họ ôm nhau, Beth thấy lòng chùng xuống. Những nhân vật chính đang ra đi; các diễn viên phụ làm sao có thể hoàn thành được vở diễn mà không có họ?

“Lỗi tại tớ hết,” Ellen lên tiếng.

“Gì chứ?”

“Tại tớ lấy thẻ của tớ đặt phòng cho cậu nên cậu phải đi đến quầy lễ tân và mất thì giờ ở đó nhiều quá...”

Beth cố lấy giọng dịu dàng. “Ellenie này, dù sao đi nữa thì tớ cũng phải đến quầy lễ tân mà...”

Tuy nhiên, đã bao nhiêu lần cô nghĩ y hệt như thế rồi nhỉ?

“Thậm chí tớ đã năn nỉ cậu đến dự, cậu nhớ không? Cậu nói cậu vẫn còn mập quá vì mới sinh bé Kerry. Tớ đã làm cậu phải đến.”

“Không phải đâu.”

“Tớ đã buộc cậu phải đến. Tớ đăng ký cho cậu mà không hỏi ý kiến cậu, Beth, cậu nhớ chứ?”

“Không có gì đâu mà, Ellen. Chuyện đã xảy ra rồi. Đã xảy ra rồi.”

Pat ra khỏi xe, ôm lấy vai Ellen. “Hai đứa tôi đều thấy đó là lỗi của tụi tôi, El ạ. Nếu tôi không để Beth đưa lũ trẻ đi...”

Đế, Beth nghĩ, đế ư? Anh làm tôi phải đưa mấy đứa nhỏ đi mà.

“Tớ là bạn xấu,” Ellen thõn thức. “Tớ đã đi chơi với Nick khi cậu ở Michigan vào mùa hè năm thứ ba...”

“Cậu có ngủ với anh ấy không?” Beth hỏi.

“Không,” Ellen bị sốc thật sự, sốc đến nỗi không khóc nổi nữa.

“Vậy thì có sao đâu,” Beth nói. Sao tự nhiên cả hai lại nói đến chuyện này nhỉ? “Lẽ ra cậu nên kể cho tớ nghe chuyện đó bảy mươi lăm năm về trước chứ, Ellenie.”

“Tại sao chuyện tớ ngủ với anh ấy lại quan trọng đến thế?”

“Vì tớ chưa làm chuyện đó bao giờ.”

“Có gì là quan trọng đâu,” Pat xen vào. “Có nói đến Tết cũng không hết được những chuyện như vậy.” Anh quay sang Beth. “Mình phải lên đường

rồi, cưng. Vincent đang ở nhà của Shore. Mình phải đến đó đón nó nữa...”

Cả hai người phụ nữ đều quay sang Pat, và như thể bị ánh mắt của hai cô xoáy vào tâm can, anh lẳng lặng chui vào xe.

Ellen hỏi: “Anh ấy xuống xe ở đâu?”

“Anh ấy cũng mệt rồi, Ellenie. Anh ấy chỉ muốn về nhà.”

“Cậu cũng muốn về nhà à?”

“Đương nhiên rồi.”

Pat nói liên hồi mãi cho tới thành phố Rockford, phần lớn là về hai cô hầu bàn cứ tưởng máy tính tiền của quán Cappadora là tài khoản tiết kiệm của riêng họ. Một lúc sau anh thôi không nói mà hát âm a theo radio trong xe. Kerry đã ngủ. Beth cũng ngủ và chỉ thức dậy khi xe hơi chao, người đầm ìa mồ hôi, với cảm giác như thể bộ sang số để đáp xuống đất của máy bay đã rớt mất.

Xe rẽ vào góc đường về nhà. Rồi vào lối dành cho xe hơi.

Vào nhà để xe.

Beth không biết mình đã ngồi một mình trong nhà để xe tối bao lâu nữa.

Cô chỉ tỉnh dậy và ngạc nhiên thấy không khí mùa hè lành lạnh chạm vào mình. *Dậy đi thôi*, Beth nghĩ, *và rồi sao nữa? Không, ngồi đây thêm chút xíu đi.* Hãy hoãn cái thời khắc bắt đầu cuộc sống sau khi Ben mất tích thêm một chút nữa. Có tiếng sột soạt trong bóng tối từ góc ga-ra nơi họ để chiếc máy thổi tuyết khiến tim cô đập thùm thụp. Một con chuột ư? Hay một con gấu trúc Bắc Mỹ mập bự gan dạ đang chờ để cắn cô? Cô đẩy toang cửa xe làm Vincent đứng gần đó suýt ngã.

Beth la lên: “Ôi chao, cưng! Mẹ không thấy con! Bố gọi con về nhà rồi đấy à?”

Vincent dụi đầu vào bụng cô, làm cô suýt ngã nhào vào lại trong xe. Và tự nhiên, cô ôm lấy nó thật dễ dàng rồi kéo nó lên lòng mình.

“Mama,” Vincent quẩn người vì sung sướng làm Beth sửng sờ.

Cô ngửa đầu Vincent ra và nhìn vào mặt nó. Cô chưa nhìn nó từ ngày lễ Quốc khánh đến giờ, hơn một tháng rồi, và nếu nói cho đúng thì đã không nhìn nó suốt cả mùa hè. Giờ đây nó gầy nhẳng, cái quần soọc mùa hè năm ngoái bó chặt lấy hông nó như một cái quần tắm chật ngắc. “Mẹ?” Vincent thắc mắc, nó đã dùng lại cái từ nó thường gọi cô. Cô hôn lên hai má nó và hỏi dạo này đội bóng chày nhí của nó ra sao, nó có ghi được bàn nào không? Rồi cô đặt nó xuống đất, lấy ví và đi vào nhà, Vincent nhảy chân sáo theo cô như con chó nhỏ.

Cô bắt đầu nghĩ đến Bob Unger, một phóng viên cô biết cách đây đã lâu khi làm cho tờ *Thời Báo Thủ Đô*. Cô đã đi đến đảo Ba Dặm với anh ta trong vụ rò rỉ tại một lò phản ứng hạt nhân ở đó. Ban đêm, sau khi mọi người đã nộp bài viết của mình là đến lúc họ đi dạo thành phố ăn chơi, kể chuyện về chiến tranh hay chơi đánh bài sau một ngày làm việc mười bốn giờ liên tục. Một đêm nọ Beth và Bob âu yếm nhau trong xe hơi. Cô đã có thai Vincent được vài tháng. Không ai biết chuyện ấy; nếu biết họ đã không phái cô đến nơi này, một nơi mà thậm chí những người thông minh cũng nghĩ sẽ trở thành một nơi không thể nào phát triển được nữa. Nhưng vì cô đang có thai nên các hoóc-môn trong người cô hoạt động mạnh hơn, cô có những đợt ham muốn bất ngờ hơn. Trước đó cô và Pat làm tình hai lần mỗi ngày; và lúc đó, đối diện với một Bob dễ thương tóc bạc sớm, tí một nhà khoa học thì Beth muốn được làm chuyện đó ngay trên ghế. Nhưng khi Bob luồn tay vào dưới áo cô, cô ngồi bật dậy, mỉm cười, đấm một phát vào vai anh rồi nói: “Tôi nghĩ cả hai chúng ta đều mệt lử rồi, anh bạn ạ.”

Cô chạy vội về phòng, hỗn hển vì tim đập liên hồi nhưng cô thấy nhẹ nhõm hẳn. Hai cánh tay cô mỏi rã rời.

Giờ đây cô cũng có cảm giác y như thế. Tại sao vậy nhỉ?

Cô đã tránh chuyện gì?

Vincent nhảy vào nhà trước cô còn Beth dừng lại nơi ngưỡng cửa, sửa lại bộ mặt cho nghiêm trang. Laurie đã đến đây, đã bỏ gần hết đồ chơi của Ben

vào hộp, cất hết quần áo của nó đi. Tuy nhiên Beth biết ngôi nhà sẽ lạnh lẽo dường nào. Cô phải đá cái xô Ben thường tiểu trong nhà tắm sang một bên. Một chiếc vớ nào đó sẽ thò ra, hoặc cái mũ cao bồi của nó – đằng kia, ngay đằng kia, ngay lúc này, cô thấy cái dù con vịt của nó dựa vào giá đựng tạp chí trong phòng khách. Không ai trông thấy nó à? Không ai đời nó đi chỗ khác sao? Suốt mùa hè ư? Vincent đứng ngoài hành lang ngoái lại nhìn cô, đôi lông mày rậm xệ xuống; cô định ôm lấy nó, thật sự là cô đã đưa tay ra và nó đã bước tới trước.

Nhưng ngay lúc đó cô rút tay về. Cô cố nở một nụ cười.

Sao thế? Tại sao chứ? Sao cô không thể đưa tay ra cho đứa con không thuần tính của mình và biểu lộ hết những tình cảm thơ dại như cô đã có với Ben? Đâu phải lỗi của Vincent khi Ben cứ mãi ngự trị trong cô với một tình yêu thơ trẻ. Việc đó dễ thôi mà, đưa tay ra là một cử chỉ cần phải làm mà.

Nhưng nếu cô làm thế thì Ben sẽ thành gì? Một kiểu sẩy thai khi thai đã lớn? *Không phải*, Beth nghĩ. Không. Không có ai để trừng trị, không có khả năng chuộc tội nữa. Chỉ còn lại sự tồn tại với một con tim âm thầm trống vắng. Bất cứ niềm ủi an nào cũng là một dấu hiệu cho cả thế giới thấy rằng một bà mẹ chỉ có thể hòa hợp được với một đứa con mà thôi.

Ôi, Ben ơi, Beth nghĩ và để mặc cho cánh cửa sau lưng đóng lại đánh rầm. *Mẹ suýt nữa đã phản bội con.*

“Tám mươi phần trăm trong số chúng ta li dị,” Penny vừa nói vừa nhích cái thân hình khá đồ sộ của mình ra mép ghế xếp. Công tâm mà nói thì đó là loại ghế nhỏ xíu: Beth thấy ngay cả Laurie mảnh mai cũng chỉ ngồi vừa khít. Và Pat thì cứ như một ông khổng lồ ngồi thườn thượt trên ghế.

Tay mân mê cái nút áo có ép hình Casey, đưa con bốn tuổi bị giết, Penny nói tiếp: “Tính ra là hơn ba mươi phần trăm tỉ lệ ly dị chung của cả nước. Nếu chỉ vì những căng thẳng nhỏ nhặt trong cuộc sống mà phân nửa các cặp vợ chồng Mỹ ly dị thì những người mất con y như chúng ta chắc phải ly dị hết. Và vào những lúc khó khăn nhất trong cuộc hôn nhân thì bạn sẽ mất phương hướng, bạn cứ như đang ở trong mê hồn trận ấy.”

Đó là lý do cuộc họp mặt ngày hôm nay của nhóm Vòng Tròn Trắc Ẩn, Penny nhấn mạnh (“vì lợi ích của những người tham gia lần đầu tiên tại đây”), sẽ tập trung vào hậu quả của việc mất mát các mối quan hệ trong gia đình. Rồi cô bỗng nở một nụ cười làm sững sờ người đối diện – như thể cái cánh cửa nặng nề trên gương mặt to bè sâu thẳm của cô vừa mở toang ra: “Cuộc họp mặt năm ngoái về chủ đề này đã là một trong những thành công nhất mà nhóm chúng ta có được.”

Ngồi trên ghế của mình, chỗ ngồi danh dự bên phải của Penny, hít mùi nước hoa thơm lừng của cô ta, Beth mơ màng – đây không phải là lần đầu tiên – nghĩ đến chuyện mình có thể bị điên. Nếu cô thực sự điên thì giọng nói sốt sắng của Penny giờ chỉ còn là những tạp âm rì rầm. Đáng ra Laurie đã không thể kéo cô và Pat đến đây. Những người điên thật có một vẻ xa vắng nào đó, một nhân cách riêng, họ bị buộc phải điên. Mọi người bỏ mặc họ. Cô thắc mắc không biết những người điên trong các bệnh viện có thật sự thấy những người họ giả vờ như không thấy, hay họ có ý thức được rằng

mũi dãi họ đang chảy lòng thòng xuống quần áo? Và họ có ngoan cố từ chối phản ứng một cách có ý thức không? Phải chăng điên thật sự chỉ là một quyết tâm rất mạnh mẽ đến nỗi nó vượt qua mọi phản ứng của con người? Hay những người như thế đang thật sự lang thang trong tâm tưởng sâu kín của họ, trong một bối cảnh đứt đoạn, quá mải mê vào chính bước chân của họ đến nỗi thế giới bên ngoài lu mờ đi?

Đó là những gì mình muốn, Beth nghĩ. Để thật sự được chứng thực. Cho sự ngu dốt. Cho những ngờ ngẩn của mình.

Nhưng thậm chí khi rất muốn được điên, cô vẫn thấy mình không thể điên được. Đơn giản là những cơn điên đại cứ lẩn đi, không chịu nhập vào cô. Trong vòng nửa tiếng ngắn ngủi tại nhóm Trắc Ẩn, hai trong số mười ba người tham gia đã lặp đi lặp lại từ “suy sụp tinh thần” để tả tình trạng của họ ngay sau khi mất con.

Beth không nghi ngờ họ; cô chỉ muốn biết *Làm thế nào bạn vượt qua được điều đó?*. Cô chỉ có thể nhớ lại một trạng thái lơ đãng miên viễn trong đó cô biết gần hết những việc mình không làm nhưng lại hoàn toàn không biết hầu hết những việc cô thực sự đã làm.

Lúc đầu, chỉ là cái giường. Beth cư xử như thể từ lâu cô đã mắc bệnh đổ mồ hôi trộm của trẻ nhỏ. Cô có cái bình lớn thật đẹp đựng những quả bóng đá màu xanh nước biển nhỏ do vị bác sĩ ở Chicago bỏ lại, và hai quả bóng trong số đó đã làm cô ngây ngất mê mết suốt sáu tiếng đồng hồ liền. Khi Pat từ nhà hàng về trước khi đêm xuống, cô ra khỏi giường, bế Kerry trong lòng và nhìn Vincent. Rồi cô đưa trả con bé lại cho Jill và chui vào giường lại. Hai đứa trẻ đã thấy mặt cô. Chúng biết cô còn sống.

Rồi cô bắt đầu thấy mình bốc mùi. Đồ lót của cô bắt đầu cứng còng; đầu cô bết đầu và cô có cảm giác như mấy con chấy đang bò lổm ngổm trên đó. Vì thế cô đi tắm, mặc đồ lót sạch và một áo phông vào rồi lại leo lên giường, rất sạch sẽ. Nếu cô cứ tiếp tục như thế này mãi thì liệu hai đứa con cô có nói rằng chúng không hề có mẹ? Dĩ nhiên là không rồi. Chúng sẽ nói là chúng có mẹ và mẹ chúng ở nhà suốt ngày. Một bà-mẹ-ở-nhà, vai trò mà trước đó

Beth chưa từng làm. Chắc chắn là Pat không dám hy vọng rằng cô sẽ đi làm trở lại.

Ấy thế mà cô chỉ mới ba mươi ba tuổi. Cô không còn uống rượu thường xuyên nữa. Cũng không hút thuốc, cô hầu như đã bỏ hẳn. Huyết áp của cô là một trăm mười trên bảy mươi. Trọng lượng cô cũng không vượt quá giới hạn cho phép. Cô không còn chạy bộ hay đi đến các lớp tập thể dục nhịp điệu nữa; nhưng cô đã làm mấy chuyện đó hằng bao nhiêu năm nay rồi, và vì thế cô vẫn giữ được thân hình khá săn chắc ngoại trừ cái hông. Mẹ Beth mất khi còn khá trẻ, nhưng về bản chất là do xui rủi chứ không phải vì bệnh di truyền. Ông bà ngoại cô sống thọ lắm cơ mà.

Lịch sử của dòng họ Kerry cho thấy cô có thể sống đến bảy mươi tuổi – trừ những bệnh ác tính chưa phát hiện ra hay trừ khi cô tự tử thôi – và Beth biết mình không thể tự tử được, thậm chí “tình cờ” bằng những viên thuốc ngủ. Trời đánh thánh vật cô đi nếu cô biết mình có thể làm gì trong khoảng thời gian này. Mọi người đương nhiên là ai cũng muốn cô ra khỏi giường. Chỉ nghĩ đến việc phải ra khỏi giường rồi chơi với Vincent và Kerry, hay đi siêu thị hoặc trồng trọt gì đấy hay chiêm một cái trứng là cô đã không chịu nổi rồi. Ở Chicago cô làm những việc thường nhật – lái xe, nói chuyện – để không làm Candy, Ellen, Barbara Kelliher và nhóm tình nguyện viên thất vọng. Cô có thể trở lại đó – trao đổi với các thám tử tư, làm việc tích cực hơn để tìm ra giải pháp. Nhưng cô lại không chịu nổi việc phải thấy mấy con phố phía Tây cũ kỹ đó. Chỉ nghĩ đến việc thấy cái chữ “I” màu vàng bị che phủ bởi những đóa hoa tulip nơi góc lối vào trường trung học cũng đủ khiến cô phải lấy gối trùm đầu lại rồi.

Nhưng vài tuần sau khi cô về nhà, Laurie đến nhà Beth, đem theo bữa ăn tối và vài hộp đựng những tấm áp phích để tìm Ben. Beth nghe tiếng Laurie gọi mình từ hành lang dưới nhà. Cô nhắm tịt mắt lại.

“Tớ biết cậu còn thức mà, Beth,” Laurie giờ đã đứng bên giường Beth. “Tớ thấy mắt cậu chớp chớp mà.” Laurie ngồi xuống mép giường. “Sao không dậy đi, Beth?”

“Tớ đã dậy rồi. Tớ muốn nằm một chút,” Beth đáp.

“Jill nói cả tuần nay cậu chưa ra khỏi giường.” Beth không đáp lại. “Tớ biết cậu không thích dậy, nhưng cậu phải nhúc nhích một chút đi, nếu không cơ bắp của cậu sẽ teo lại. Cậu sẽ bị đau nhức đó.”

“Tớ chẳng cần. Tớ muốn bắp thịt mình teo hết đi.”

Laurie chạy hơn sáu cây số bốn lần mỗi tuần, thậm chí ngay cả vào những ngày có tuyết. Đã có lần cô ngã xuống trên lớp băng trước nhà một người láng giềng rồi vừa đi tới hàng hiên của nhà đó vừa giữ lớp da cùi chỏ che chỗ xương bị lòi ra. Cô nhờ bà ta gọi 911 rồi ngồi xuống nơi hàng hiên để chờ xe cứu thương đến. “Beth này, không phải chỉ là chuyện thiếu hoạt động mà còn là gốc ghếch nữa. Cậu chưa biết chuyện gì xảy ra cho Ben mà. Nếu cậu không nói chuyện với những người của đài truyền hình và cậu không gọi điện thoại thì ít nhất cậu cũng phải gửi mấy cái này qua thư cho những người từ khắp mọi miền đất nước đã đề nghị đưa chúng lên chứ. Đó là chuyện nhỏ nhất nhất cậu có thể làm cho Ben đó. Tớ xin lỗi cậu, nhưng nếu cứ thế này thì cậu chẳng xứng đáng nữa.”

“Tớ chẳng cần.”

Laurie tắc lưỡi. “Beth, tớ chưa bao giờ nói với cậu như thế này. Nhưng giờ thì dậy ngay, nếu không tớ không làm bạn với cậu nữa và rồi người ngợm cậu sẽ ngày càng tệ hại hơn đó.”

Beth đưa chân qua mép giường rồi đặt xuống sàn.

Và rồi Beth ra khỏi giường hầu như mọi buổi sáng. Thường là vì điện thoại của Candy, Laurie hay bà Rosie. Lại có một thi thể nữa cần nhận dạng; Bick đã đi làm chuyện này. Cậu bé đó ở Gary, bang Indiana, ít nhất đã bảy tuổi. Một cú điện thoại khác: Cô có biết rằng có một bảng yết thị có gương mặt Ben trên đường cao tốc xuyên bang I-90, ngay gần trung tâm thương mại đồ sộ không? Có, Beth sẽ trả lời như thế, có cho mọi câu hỏi, chắc chắn rồi. Và cô thức dậy, đánh răng, rửa mặt. Cô có thể ngồi cuộn tròn trên góc chiếc trường kỷ cả ngày, âm thầm ngắm con phố, nhưng như thế là cô đã ra

khỏi giường rồi. Có hai lần cô ra ngoài để lấy thư. Giây phút kinh hoàng nhất là một sáng Chủ Nhật khi cô thức dậy lúc trời còn tờ mờ, cô lên nhìn vào phòng hai cậu con trai và thấy Ben nằm cuộn tròn trên giường nó.

Pat chạy đến khi nghe cô hét; Beth đã tiểu ướt quần.

“Là Vincent mà,” anh vừa giải thích vừa đỡ lấy cô đang run bần bật. “Là Vincent đó mà. Giờ thì nó ngủ trong giường của Ben. Nó đã ngủ ở đó từ hôm anh đưa nó về nhà. Lúc đầu thì anh còn bế nó về giường nó, nhưng giờ thì anh không làm thế nữa. Anh nghĩ... Anh nghĩ như thế làm nó thoải mái hơn, Beth ạ. Nó cũng ngủ với... với con thỏ của Ben, con Igor ấy.” Pat đưa cô về lại giường, anh lấy khăn ấm lau đùi cho cô, và rồi, bị kích thích bởi cặp đùi và cái hông trần của cô, anh đã làm tình với cô. Khi anh cố hết sức thọc sâu vào, Beth nghĩ nếu anh làm thế với một giỏ quần áo dơ sắp mang đi giặt chắc anh sẽ thấy sướng hơn. Hai đứa trẻ tiếp tục ngủ. Tiếng thở của Pat là âm thanh duy nhất trên cõi đời không ngưng nghỉ này.

Đến giữa tháng Chín, Laurie đưa họ đến nhóm Vòng Tròn Trắc Ẩn, một nhóm cô đã phát hiện ra trong những ngày còn làm việc bên phòng quan hệ quần chúng, lúc ấy Laurie làm các sách quảng cáo và viết các bản tin nội bộ cho hầu như mọi tổ chức có tiếng ở Madison, nơi tập trung các chương trình trợ giúp. Nhưng những đứa con của các bố mẹ trong nhóm Trắc Ẩn không chết vì bệnh xơ hóa bào thai. Một vài đứa chưa chết. Laurie nói danh mục liệt kê các câu chuyện kỳ lạ đó rất đáng kinh ngạc. Trong số đó thì trưởng nhóm Penny Odin lại là người có câu chuyện rùng rợn nhất. Ông chồng cũ của cô đã đến đón đứa con trai bốn tuổi của họ trong ngày sinh nhật của nó. Một tiếng đồng hồ sau hẳn gọi điện thoại cho cô, đưa ống nghe cho thằng bé nói chuyện với mẹ rồi chĩa súng bắn vào phía sau đầu nó.

“Tại sao một người với nỗi đau như thế lại muốn nghe chuyện tở chứ?” Beth hỏi.

“Tở nghĩ có thể cậu muốn nghe chuyện của họ,” Laurie nhẹ nhàng đề nghị. “Họ nói nó giúp cậu biết cậu không phải là người duy nhất.”

Nhưng mình là người duy nhất mà, Beth nghĩ. Một câu thơ bỗng xuất hiện trong đầu cô: “chẳng có ai khác.” *Trường hợp của mình là duy nhất.* Những chuyện hoang đường, những bất hạnh và những kế hoạch để đối phó của những người đang phải chịu đựng đó thì có liên quan gì đến cô chứ? Cô đồng ý đi đến một buổi họp thôi, và chỉ đi khi có Pat cùng đi. Nhóm Vòng Tròn Trắc Ẩn họp dưới tầng hầm một nhà thờ. Beth bắt đầu nghĩ đến những tầng hầm nhà thờ như một loại hình đường sắt ngầm dẫn đến sự cứu rỗi cảm xúc – tỏa khắp nước Mỹ, đến nơi nào con người đang biến đổi, đau buồn, kết hôn, sinh con đẻ cái và chết, đang tụ họp quanh những bàn thánh trong các căn phòng có tường đầy tranh vẽ của trẻ em về ngày lễ Truyền Tin.

Penny nói tiếp: “Trong cái tên ‘Nhóm Vòng Tròn Trắc Ẩn’ thì phần có ý nghĩa nhất đối với tôi là ‘vòng tròn’. Một vòng tròn bao hàm cả bốn chiều: đông, tây, nam, bắc. Đối với nhiều người trong chúng ta cũng có bốn loại cảm xúc: vui và buồn, nhận biết và huyền bí. Với vài người chúng ta thì thật đúng là huyền bí. Chúng ta không biết con mình đang ở đâu nữa, còn sống hay đã chết. Thậm chí đối với những người biết điều gì xảy đến với đứa con đã mất, như tôi chẳng hạn, vẫn có những sự huyền bí. Tôi tin bé Casey nhà tôi đang là một trong những ca sĩ hay nhất trong ban đồng ca của Chúa. Nhưng tôi không biết chắc lắm vì tôi chưa đạt tới được trình độ đó. Tuy nhiên, mỗi sợi tóc bạc xuất hiện lại là một niềm vui cho tôi vì nó đem tôi đến gần với đứa con trai nhỏ của tôi hơn, và đến gần ngày đoàn tụ của chúng tôi hơn.” Cô lại cười thật tươi – *trước đây ít lâu*, Beth nghĩ, *chắc hẳn Penny rất xinh đẹp.* “Năm tay nhau đi nào,” Penny thúc giục mọi người.

Beth ngồi im cho đến khi Laurie giật mạnh bàn tay đang nắm lại trên đùi cô giơ lên cao.

“Chúng ta gặp nhau trong một vòng tròn, với hy vọng rằng chúng ta sẽ được chữa lành như chúng ta thường hát trong nhà thờ khi còn bé,” Penny nói. “Đó là lý do chúng ta có mặt tại đây để khám phá xem chúng ta có được sống trọn vẹn cuộc đời mình không thay vì cứ phải chịu đựng những khổ đau. Tôi nghĩ chúng ta có thể đó.” Cô cầm một chồng sách mỏng lên rồi phân phát cho mọi người. “Đây là vài vấn đề thường xảy ra nhất trong

những gia đình mất một đứa con. Rắc rối trong đời sống tình dục. Sự bùng nổ bốc đồng không thể kiểm soát được của người anh hay em, những đứa cảm thấy bị bỏ rơi, phản bội hay sợ hãi. Mục tiêu khác biệt – một trong hai vợ chồng muốn trở lại làm việc như bình thường còn người kia vẫn mắc kẹt... Chúng ta đã cho nhau biết tên và lý do mình có mặt tại đây. Giờ thì ai muốn nói về vài vấn đề mà cuốn sách này gợi ý?”

Jean là mẹ một cô bé tuổi vị thành niên đang mang thai bị người yêu lớn tuổi hơn, đã có gia đình đẩy xuống từ vách đá cao. Jean nhảy nhồm trên ghế, hăng hái phát biểu. “Khi Sherry mất, bước ngoặt đối với tôi là đám tang của nó. Tôi đến nhà tang lễ và nhìn nó nằm trong quan tài và dù những nhân viên dịch vụ lễ tang đã làm hết sức của họ thì qua các bắp thịt căng cứng nơi cổ, ta vẫn có thể thấy nó đã phải chịu đựng đau đớn đến dường nào khi nó lao qua...”

Beth nhìn xoáy vào Laurie. Cô phải ngồi đây để nghe chuyện này sao? Laurie nhìn lại cô ra hiệu im lặng khiến Beth ngồi sụp xuống ghế, cố chú tâm vào hoa văn trên cuốn sách mỏng trong tay: một vòng tròn chung quanh có những tia như mặt trời. “Và mục đích suốt cuộc đời của chồng tôi là làm cho kẻ đã giết con chúng tôi phải bị vào tù. Anh rất tức giận vì ở Wisconsin không có án tử hình vì thật ra, gã đàn ông này giết những hai mạng sống: con tôi và cả con nó nữa. Anh nói chuyện điện thoại với cảnh sát và luật sư cả ngày, còn tôi thì không muốn tham gia gì vào đó cả. Ý tôi là làm như thế có đem Sherry về lại cho tôi được không? Anh ấy muốn chúng tôi được bồi thường – tiền nong chúng tôi có được nếu Sherry trưởng thành, tiền nong cho những đau khổ của chúng tôi. Gã đàn ông giết nó có rất nhiều tiền; hẳn có một việc làm rất ngon trong ngành xe hơi. Tôi không chú ý mấy về điều đó. Vì thế tôi đã cố theo chồng, nhưng anh ấy biết tôi không thật sự thích chuyện này, và bắt đầu đổ thừa là tôi chưa từng quan tâm đến Sherry nhiều bằng anh ấy.”

Jean và chồng cô giờ không còn ở với nhau nữa, hai năm sau khi con gái mất, họ chia tay nhau. Jean đang học khiêu vũ tập thể và lần đầu tiên trong đời cô đi học đại học để thành một y tá. Chồng cô sống trong một căn hộ

nhỏ gần bờ hồ, đồ đạc duy nhất của anh ta là một cái giường xếp và những tủ đựng hồ sơ đầy tài liệu và các báo cáo được đăng trên báo về cái chết của Sherry. Jean nói nó là một ngôi mộ thật sự cho Sherry – với nến được thắp suốt ngày dưới hình của cô bé trong khắp căn hộ. “Một ngày nào đó anh ta sẽ bị chết cháy thôi.”

“Có lẽ anh ta biết điều đó,” một người khác tên Henry xen vào. “Tôi cũng vậy, tôi đã gần như tự hủy hoại cuộc đời mình sau khi vợ tôi bắt cóc con trai tôi. Ở lì trong các quán rượu. Tán tỉnh hết phụ nữ này đến phụ nữ khác chỉ để tìm quên trong tình yêu. Sáng sáng thức dậy đầu nhức như búa bổ...” Mọi người quanh bàn cười râm ran tán thưởng.

Một phụ nữ rất trẻ – cô này nắm tay chồng suốt buổi họp mà đến giờ này Beth đau khổ thấy đã kéo dài gần chín mươi phút rồi – lên tiếng: “Các anh chị biết không, em cứ thắc mắc không biết có gì trục trặc với chúng em không vì chúng em chưa từng phải đối mặt với những khó khăn giống như vậy bao giờ. Cái chết của Jenny đã đưa chúng em lại gần nhau hơn và gần với Chúa hơn.” Jenny, đứa con hai tuổi của họ, một đêm nọ đã bị xe của chính người trông nó cán qua khi bà ta (một kẻ nghiện rượu, điều mà hai vợ chồng không hay biết) lùi xe ra khỏi lối vào nhà để đi về. “Chúng em thấy rằng bất cứ khi nào một trong hai đứa em cần một bờ vai để dựa vào mà khóc thì đứa kia luôn có mặt bên cạnh. Chúng em ngắm ảnh của Jenny và đương nhiên là dù luôn buồn sầu, chúng em vẫn cố nhớ những niềm vui Jenny đã mang đến cho mình, và nhận ra rằng chúng em được an ủi rất nhiều. Chúng em rất may mắn vì đã có Jenny.”

Laurie viết ngay góc của cuốn sách mỏng rồi nhẹ nhàng đẩy nó qua cho Beth: “Có lẽ ngay từ ban đầu họ đã không muốn có con.” Beth đưa một bàn tay lên che mặt.

Người mẹ trẻ nói tiếp: “Vì thế chúng em đang nhận ra rằng trải nghiệm này, dù khó khăn, đã thật sự là một khoảng thời gian để trưởng thành... để khi chúng em có một đứa con khác, mà chắc chắn là chúng em sẽ có thôi...”

Henry cay đắng hỏi: “VẬY tại sao hai bạn lại có mặt ở đây? Nếu hai bạn tốt lành đến thế thì tại sao hai bạn lại muốn đến để có mặt với những người không làm được những chuyện to tát phi thường như các bạn?”

Penny nhẹ nhàng nhắc anh: “Henry này, anh biết điều lệ của nhóm rồi đó. Chúng ta không ghen tị và chúng ta cũng không hận thù. Mọi người đều có quyền hành động tùy theo mất mát riêng của mình...”

“Nhưng dường như họ không cần giúp đỡ mà,” Henry nói.

Người phụ nữ đáp: “Nhưng chúng tôi cần. Chúng tôi cần biết rằng chúng tôi không đơn độc.”

“Dĩ nhiên là hai người cần đến điều này,” Penny nói và bất ngờ quay sang Beth. “Giờ thì hai vị khách mới của chúng ta, Pat và Beth, đang bắt đầu con đường mà vài người trong số chúng ta đã đi trong một thời gian dài. Tất cả các anh chị đã đọc về Ben Cappadora, cậu con trai nhỏ của Beth. Chúng tôi tin chắc rằng con trai của chị sẽ trở về, Beth ạ, nhưng gia đình chị ắt hẳn đang phải trải qua những đau buồn. Chị có muốn nói về chuyện đó không?”

“Không,” Beth đáp, và rồi, chính cô cũng ngạc nhiên, cô hỏi: “Làm thế nào chị vượt qua được chứ?”

Penny có vẻ bối rối. “Làm thế nào tôi...?”

“Được như ngày nay. Thật là khoan dung. Thật là tử tế. Chị đã từng như thế à? Ý tôi là trước đây ấy?”

Penny bật cười. “Chắc chắn là tôi không được như thế này rồi. Mấy tháng đầu sau khi Casey bị chồng cũ tôi bắn, điều duy nhất tôi cho phép mình cảm nhận là thịnh nộ. Tôi giận chính tôi vì đã ngu ngốc mà tin và giao con cho chồng cũ, vì tôi biết hẳn luôn nghiệm ngập. Tôi nổi cơn thịnh nộ với chính hẳn vì đã làm như thế. Tôi không đến nhà thờ nữa, và tôi bắt đầu ăn bất cứ thứ gì trong tầm tay tôi...” Cô chỉ vào chiếc áo dài đến ngang đùi màu đỏ tươi trên người. “Kết quả là bây giờ tôi như thế này đây. Nếu các anh chị bảo tôi rằng mọi chuyện rồi sẽ nguôi ngoai thì tôi sẽ cho rằng các anh chị là người ngu, các anh chị không thể hiểu được những gì tôi đã trải qua đâu...”

“Vậy thì làm thế nào?” Beth hỏi và thấy khâm phục Penny, cô muốn cấy được một chút thanh thảo của Penny vào bên dưới quả tim chính mình.

“Beth ạ, những gì tôi làm là... cuối cùng tôi buộc mình... làm những điều như ngắm hình của Casey sau khi cháu mất,” Penny nói với vẻ ngập ngừng Beth đã nghe suốt cả buổi tối. “Casey bị bắn thẳng vào sau đầu. Và tôi buộc mình phải nghĩ *Thằng bé cảm thấy thế nào nhỉ? Nó biết gì?*. Và câu trả lời là: nó không biết gì hết. Nó đang nói chuyện với tôi, và rồi nó biến mất, chỉ đơn giản là biến mất. Khi tôi nhìn sự việc dưới nhãn quan của Casey, tôi phải nghĩ rằng nó đã chết, nhưng là một cái chết thật hạnh phúc, thật nhanh và không đau đớn, và người đau đớn nhất lại không phải là nó. Mà là tôi. Và chồng... chồng cũ của tôi. Vì Wisconsin không có luật tử hình nên hẳn phải sống mãi với nỗi đau này, thậm chí khi giờ đây hẳn không còn nghiệp ngập nữa.”

“Và chị thấy tội cho hẳn? Hẳn có được giảm án vì bị điên không?” Beth hỏi.

“Tôi nghĩ là không. Tôi không tội nghiệp hẳn. Dù sao tôi thật sự thấy rằng sự hối tiếc và đau buồn của hẳn cũng chính là một kiểu công lý được thực thi.”

Beth ngược lên. Pat đã đứng dậy. Suốt buổi tối anh đã không nói thêm lời nào ngoại trừ nói tên mình ra, nhưng giờ thì anh nói: “Tôi rất lấy làm tiếc. Tôi không thể chịu nổi nữa.”

“Tôi hiểu. Hãy trở lại nhé,” Penny đáp. “Bất cứ lúc nào. Bất cứ lúc nào các bạn muốn. Hay gọi điện cho tôi cũng được.”

“Tôi sẽ làm thế,” Beth đáp.

Bên ngoài, ánh sáng cuối cùng của bầu trời thu trong veo đã tắt. Beth khó nhọc hít mùi hoa hồng dại trong khoảnh đất nhỏ của nhà thờ, hít mùi khói xe buýt đang chạy ngược lên phố Park.

Laurie hỏi Pat: “Anh ổn chứ?”

Anh đáp: “Tôi chỉ có cảm giác như tôi không thể... Tôi chưa bao giờ tưởng tượng được rằng có nhiều đau khổ đến thế trên cõi đời này.”

Ồ, Pat, Beth nghĩ, *chỉ trong cõi của anh mới chưa bao giờ có.*

Nhưng đêm đó, cô không thể quên được gương mặt thánh thiện ngơ ngơ của Penny Odin. Penny có ngủ không nhỉ? Beth bật dậy sang phòng hai cậu con trai rồi đứng nhìn Vincent đang nằm cuộn mình trên giường Ben. Mỗi đứa có một kệ trên đầu giường để đựng sách và đồ chơi; đứa nào cũng có một chỗ riêng trong tủ đựng quần áo có ghi tên mình bằng những mẫu tự cắt dán.

Laurie đã làm rất tốt. Cô thận trọng giấu hết mọi thứ của Ben đi. Chỉ còn vài vật được treo kín đáo tận trong góc tủ của Ben. Đồ chơi của nó phần lớn đã được cất đi (được bỏ vào hộp và đút xuống dưới gầm, Beth biết chứ, không thấy nhưng vẫn không quên được). Đã bớt được nhiều những dấu vết của Ben, như một sự củng cố, nhưng cũng không phải là một sự gột sạch hoàn toàn. *Cảm ơn bạn Laurie thân mến của mình nhé*, Beth vừa nhủ thầm vừa quỳ xuống bên cạnh Vincent. *Cảm ơn vì đã giúp mình có thể vào lại trong này.*

Trước đây Vincent thường ngủ rất mê. Cô chưa từng thấy nó tỉnh dậy dễ dàng bao giờ cả; nó giống một võ sĩ quyền Anh bị hạ đo ván vậ – thức giấc mà không biết mình đang trong cõi u minh nào, mắt hoa lên, trụi lủi như chú gà con mới nở. Nhưng giờ nó đang lăn qua lăn lại, người giật giật đầy mồ hôi như một vận động viên chạy đua. Cô nghĩ có lẽ nó bị ốm. Từ khi về lại nhà nó đã hỏi cô nhiều câu rất lạ.

“Ở Madison có bao nhiêu người xấu hả mẹ?”, có lần Vincent hỏi. Nó không phải tí người dễ bị lừa.

Cô nói đại cho qua chuyện: “Có ba mươi người.”

“Mẹ chắc không?”

“Chắc.”

“Ai nói vậy?”

“Thám tử Bliss. Cô ấy đếm rồi.”

“Ở Los Angeles thì có bao nhiêu?”, nó hỏi tiếp.

Beth thở dài: “Có hai trăm.”

Những gì nó muốn hỏi là *Con có phải là người kế tiếp không?*. Beth biết điều đó. Cô biết nói gì với nó đây? Trước đôi mắt dò hỏi của nó cô thấy mình có tội và bực bội khó chịu. Chẳng phải cô đã để cho mọi chuyện trở nên tệ hại đó sao?

Một kỷ niệm, một kỷ niệm sắc nét vụt qua trong trí cô. Ngay trước khi Ben ra đời, Vincent đã nhìn chăm chú vào bụng cô rồi nói: “Mẹ sẽ thích em bé. Nhưng sẽ không giống nhau đâu. Mẹ sẽ không thích em bé nhiều như mẹ thích con đâu.” Và Beth đã lo sợ chính điều đó.

Thật vậy, Ben đã đóng trọn vai trò đứa con thứ hai, không đòi hỏi và luôn hài lòng, đứa con mà cô biết mình sẽ không cần phải lo lắng cho nó, không cần phải lo lắng... và cô đã không lo.

Cô đã không lo lắng chút nào.

Giờ thì cô đang phải lo rồi. Về Vincent. Nhưng cái hệ thống đánh hơi của người mẹ cùng với niềm tin của cô về tài đánh hơi đó đã biến mất rồi. Cô không thể làm gì cho Vincent được. Cúi người thấp xuống, cô thì thầm: “Mẹ yêu con.” Các nghiên cứu cho thấy rằng thậm chí trong giấc ngủ sâu con người vẫn có thể nghe được, thậm chí có thể học được các ngôn ngữ đến từ trong tiềm thức. Có lẽ sẽ có kết quả đấy, và nó sẽ thức dậy với cảm giác được thương yêu, thậm chí nó không biết chắc rằng ai yêu nó. Hoặc cô có còn hiện diện bên cạnh nó không.

VINCENT

8

Tháng Mười Hai, 1985

Vincent đã suy nghĩ rất lâu trước khi quyết định sẽ xin ông già Noel tặng Ben cho nó. Nó rất muốn có một xe lửa đồ chơi Lionel hay một chiếc thuyền điều khiển bằng vô tuyến, nhưng nó tính rồi, nếu xin ông già Noel món quà là Ben thì nó có thể có được chiếc thuyền và cả chiếc xe lửa nữa, vì xin Ben chứng tỏ nó không ích kỷ. Ông già Noel sẽ rất ấn tượng về nó và mọi người sẽ rất vui. Mẹ nó này. Ông nội Angelo này. Tất cả mọi người.

Vincent cũng có thể sẽ vui nữa vì thật ra, sau sáu tháng, nó đã bắt đầu thấy chán khi không có Ben bên cạnh. Kerry rất dễ thương nhưng Vincent chưa chơi với nó được. Nó chán ngắt mà lại còn có mùi hơi chua chua nữa. Còn mẹ thì vẫn giống như người đang bị bệnh ấy, chỉ ngồi một chỗ suốt ngày ngoại trừ việc lâu lâu lại hét lên mắng nó vì nó nói to quá. Không phải trước khi Ben mất tích mẹ không la nó; nhưng sau đó hai mẹ con thường làm chung chuyện này chuyện nọ và mẹ còn rất tiểu lâm. Giờ thì ngay cả khi nó cố chọc cười mẹ bằng cách bắt chước Elvis hát thì mẹ cũng chẳng thèm để ý nữa. Nó có cảm tưởng rằng tìm được Ben vào dịp Giáng sinh này sẽ làm mẹ nhúc nhích trở lại. Còn lúc này mọi chuyện đều làm nó bực bội.

Hồi còn ở Chicago, nó không bận tâm vì nó có thể làm bất cứ điều gì nó muốn. Nó không phải trở lại trường trong tuần lễ cuối cùng trước khi nghỉ hè mà nó vẫn được lên lớp hai, nó được điểm xuất sắc cho tất cả các môn học dù nó chắc mẫm mình sẽ chỉ được điểm trung bình cho môn Toán vì nó đã chơi bời lêu lổng với Andrew P. suốt. Thậm chí thầy nó còn cho nó mấy tờ tiền Geoffrey có thể xài ở tiệm bán đồ chơi con nít kèm với vài lời đề tặng nữa. Mọi người ôm ấp và nựng nịu nó quá trớn, có mấy người già phà vào mặt nó cái hơi thở hôi y như mùi cái đê lười của bác sĩ vậy. Nhưng các cô

chú cảnh sát lại cho nó đủ các thứ – những quân bài có hình cầu thủ bóng chày này, một phù hiệu giả bằng kim loại không gãy nếu lỡ bị bỏ quên trong túi áo và bị máy giặt quay này, và nhiều kẹo cao su đến nỗi nó phải kiếm một chỗ đặc biệt trong ngăn kéo mới chứa hết được. Cô cảnh sát tóc vàng rất xinh đẹp cũng cho nó một miếng da may áo chống đạn. Bà nội Rosie may miếng da nhỏ đó vào bên trong cái áo Batman cho nó. (Sau đó nó đã mặc cái áo ấy và đội mũ đi câu của bố trong dịp Halloween, để mẹ của Alex đến đón đi chơi trò cho-gì-đi-không-thì-phá. Cô ấy đưa nó về nhà để quét sơn lên mặt nó và luôn miệng nói với bố Alex: “Thôi, đủ rồi – đủ rồi đó” – cứ y như là sơn đất lắm vậy.)

Nhưng quan trọng nhất là nó thích vì tất cả mọi người khi đến thăm đều cho nó một món gì đó. Bạn của ông ngoại Bill cho nó tiền – tiền giấy lẫn tiền xu. Tuần đầu tiên nó để dành được mười một đôla cả thảy. Còn khi nó rên rỉ không muốn ăn thì họ đem cất đĩa thức ăn đi ngay lập tức và đưa cho nó đủ thứ – bánh quy, hay thậm chí cả món ngũ cốc điểm tâm mẹ không bao giờ cho nó ăn, món ngũ cốc có những cục kẹo dẻo nho nhỏ hình người trong đó. Bác Bick còn đi đến cửa tiệm vào buổi tối để mua món đó cho nó, chỉ vì nó muốn ăn... kỳ thực chuyện này làm nó sờn hết cả gai ốc lên.

Cách mọi người xử sự làm nó thắc mắc không biết họ có đang nói thật, không biết Ben đã chết chưa hay vẫn còn đang sống đâu đó. Và chuyện họ để nó có bất cứ thứ gì nó muốn làm nó nhớ mẹ hơn nữa, mà nó thì đã nhớ mẹ quá rồi. Mẹ nó không có mặt khi họ ở Chicago. Tỉnh thoảng mẹ gọi điện đến nói: “Chào con, Vincent.” Bố nó có mặt thường xuyên hơn nhưng lại có kiểu ôm mới, bố cứ ôm nó thật chặt khiến nó nổi hết cả da gà.

Tuy nhiên, nói chung thì ở Chicago vẫn thích hơn. Ban đêm ông nội Angelo thường bế nó vào cái giường to đùng cho nó ngủ – không phải chỉ đêm đầu tiên thôi đâu nhé, mà là hằng đêm. Và thậm chí khi nó nằm đó thức chong chong thì mọi người vẫn cứ nói chuyện oang oang ngoài phòng khách. Cảnh sát và cả người lớn nữa.

Giờ thì, ở nhà của nó, khi không ngủ được nó chỉ ngồi đó. Mẹ nó tuyệt đối không gây ra tiếng động nào vào ban đêm. Kerry cũng vậy. Trừ ngày thứ Hai khi bố nó luôn phải có mặt ở nhà hàng vào giờ đi ngủ. Vincent ghét cứ phải ngồi đó. Giờ thì nó hiểu tại sao người lớn biết cách đọc nhanh rồi. Cách đây đã lâu, nó và Ben thường tìm cách ra khỏi giường thật khẽ khàng để chơi với mấy cái xe hơi của chúng cho đến khi chúng va vào nhau và cười vác lên khiến mẹ phát hiện ra chúng. Nhưng giờ Vincent sợ không dám chơi một mình. Đối với nó, không vâng lời thì nguy hiểm lắm dù nó biết chắc mẹ nó thậm chí cũng không để ý.

Ngủ đã luôn là điều dễ dàng nhất với Vincent. Mẹ nó thường nói: “Con ngủ giỏi nhất thế giới đó.” Chỉ việc nhắm mắt lại rồi thả cho người mình lơ lửng, như thể đang nằm trong một bồn tắm lớn ấm áp. Nhưng từ cái ngày chuyện ấy xảy ra nơi cái tiền sảnh ấy thì Vincent không thể ngủ được nữa. Thứ nhất là bây giờ nó sở hữu nguyên một căn phòng; và dù có thể nằm rải ra trên cả hai giường nó vẫn thấy kỳ kỳ khi không có ai để nói chuyện vào ban đêm. Thứ hai, bỗng dưng nó đâm sợ bóng tối. Không giống như chuyện sợ bóng tối của trẻ con đâu. Nó có lý do để sợ. Và xét cho cùng thì gã bắt cóc cũng có thể đến bắt nó lắm. Có thể lắm chứ. Cái gã xấu xa đó, loại người thầy cô hay kể là đến hỏi đường bạn rồi nắm lấy tay bạn ngay trước nhà bạn, đưa thuốc phiện cho bạn, sờ soạng bạn, chắc chắn gã đó cũng muốn thẳng anh còn lại trong nhà nữa. Mà nếu gã xấu xa đó hỏi, chắc Ben sẽ chỉ chỗ của anh Vincent cho gã. Ben biết số nhà mà.

Vincent căng thẳng đến nỗi nó kể cho chú Joey của nó nghe, và chú Joey nói không gã xấu xa nào dám đến gần nhà ông nội đâu, mà có đi nữa thì chú sẽ tống cổ chúng đi. “Con hiểu chú muốn nói gì không, ‘tống cổ chúng đi’ ấy?” – chú Joey cộc cằn nói. Và Vincent đã gật đầu dù nó không hiểu gì hết; nhưng chú Joey là vệ sĩ mà, nên nó đoán chắc là chú sẽ đâm vào mặt mấy gã xấu xa đó.

Nhưng người lớn vẫn thường hay nói những điều như thế với con nít mà, phải không?

Họ nói chúng sẽ luôn được an toàn, và họ sẽ giữ chúng được an toàn nhưng rồi chúng vẫn có thể ngã trên mấy món đồ chơi ngoài sân chơi và bị gãy cổ ngay khi họ đang đứng đó. Chúng vẫn có thể bị bắt cóc ngay trước mặt cả triệu người. Mà gã xấu xa đó có lẽ cũng không cần cho Ben thuốc phiện hay kẹo nữa. Có lẽ hẳn chỉ việc ra lệnh cho Ben vì trẻ con cỡ tuổi Ben thì luôn làm những gì người lớn bảo mà. Ngay cả Vincent, đứa thường không vâng lời, đôi khi cũng còn làm theo lời người lớn nữa ấy chứ, như khi mẹ bảo nó ăn trứng, nó vẫn ăn dù trứng làm nó buồn nôn gần chết.

Có lần, trước khi họ về lại nhà, nó nằm mơ rằng người bắt cóc Ben là một mụ phù thủy, giống như trong truyện cổ tích “Hansel và Gretel”. Bà nội Rosie nói không có phù thủy. Vincent không tin được. Đó chỉ là một kiểu nói dối của người lớn để làm con nít khỏi sợ. Nếu bây giờ không có phù thủy thì tại sao ngày xưa lại có? Mấy chuyện cổ tích đó được viết khi nào? Mấy mụ phù thủy đó biến đi đâu hết rồi? Họ có con để thành phù thủy không?

Và còn điều thứ ba nữa. Cái mùi.

Đó là thứ duy nhất nó thật sự nhớ về cái ngày Ben mất tích, cái mùi đó. Mà nó không thể cảm nhận được mùi đó; nó chỉ có thể nhớ được thôi. Giống như tất cả các loại phấn và nước hoa khác nhau trong túi đựng đồ trang điểm của mẹ, tất cả trộn lẫn lại với nhau, và thêm cái mùi nấu ăn hôi không chịu được nữa. Bác Augie sẽ phát hiện ra ngay trong một nhà hàng của ai đó họ quen. “Nước xốt đựng trong chai”. Giống như trong bữa tiệc Tạ Ơn, khi mẹ nó mở một lọ nước xốt gà tây vì họ quên đem theo nước xốt của nhà hàng – mùi nước xốt ấy giống hệt cái mùi đó. Nó làm Vincent muốn nôn đến nỗi nó không ăn được gì, làm bố nói thôi đừng cố tình làm mọi người phải chú ý đến con đi, còn mẹ thì la lên anh đừng nói nữa mà, rồi mẹ cũng bỏ ăn. Mẹ đưa nó lên lầu rồi nằm xuống giường với nó, nó thích chết đi được. Lần đó nó ngủ được ngay, và hai mẹ con nằm ngủ suốt ngày.

Tuy vậy, mẹ ít khi đưa nó đi ngủ hay đánh thức nó dậy. Mẹ cho bé Kerry vào giường rồi nói: “Ngủ ngon, ngon, nhé, Kerry.” Rồi mẹ thường chỉ đứng

đó nơi hành lang, đứng thật lâu, tay đặt trên nắm cửa phòng Kerry.

Vincent hay mặc quần áo ngủ vào rồi lên ra ngoài. Nó đi đánh răng rồi trở ra lại ngoài đó. Một hồi sau nó vào lại giường. Nó không biết lúc đó đã đến giờ đi ngủ chưa vì nó không biết xem giờ ở mấy cái đồng hồ trên lầu, nó chỉ biết xem ở cái đồng hồ trên đầu máy video có các chữ số thôi. Cũng có vài lần nó không dậy đúng giờ để đi học nhưng khi nó nói với các thầy cô rằng mẹ quên đánh thức nó thì họ nói không sao, họ sẽ không ghi vào sổ là nó trễ học đâu. Sau một thời gian, khoảng vài lần thì nó không đi học nữa thậm chí khi nó biết đã đến giờ vì thấy mấy đứa khác đi học trên phố. Nó chỉ ngồi xem tivi cho đến khi mẹ bế em xuống.

Mẹ nó chỉ nói: “Con ăn chưa?” Mẹ không hỏi nó: “Giờ này con phải có mặt ở trường rồi chứ?”

Có một lần mẹ hỏi: “Hôm nay là Chủ Nhật à?” Lần đó nó đứng lên và đi đến trường. Khi nó đến trường thì lớp nó đã giải quyết được một nửa phần công việc viết lách hàng ngày rồi, nhưng cô nó không nói gì mà chỉ hỏi nó đã ăn sáng chưa. Vincent nói chưa làm mặt cô nhăn nhúm lại giống như sắp khóc vậy. Cô đưa cho nó một góc cái bánh rán. Sau đó, nó chỉ nói nó ăn rồi.

Sau khi tan học nó thường đến nhà Alex. Nó đã nghe mẹ Alex nói qua điện thoại: “Vâng, đương nhiên rồi, Vincent đang có mặt ở đây. Tôi sẽ nộp giấy tờ xin con nuôi vào tuần tới.” Và nó phải hỏi bố có đúng là bố mẹ Alex sắp xin nó làm con nuôi không. Bố bảo nó “Dĩ nhiên là không,” rồi nói thêm “Có lẽ vài ngày trong tuần con nên về thẳng nhà sau khi tan trường.”

Nhưng Vincent không thích về nhà sớm quá. Nó thích chờ cho đến khi chị Jill đi học về. Lúc đó em bé đang ngủ. Và mẹ nó thường ngồi ở những nơi rất buồn cười. Có lần mẹ ngồi trong phòng tối của bà dưới tầng hầm, nhưng không làm gì cả. Khi thì mẹ ngồi trong phòng nó, trên mép giường trước đây là của Ben nhưng giờ là giường của nó. Có khi mẹ ngồi trong bếp, trên sàn nhà. Đó là lần dễ sợ nhất. Cạnh mẹ có một tách cà phê bên trên đây bọt và một con bọ nằm chễm chệ trên lớp bọt đó khiến nó phải hét lên: “Mẹ, ẹ quá! Đừng uống thứ đó!” vì khi mẹ thấy nó, mẹ cầm tách lên bắt đầu uống. Và

rồi mẹ bắt đầu cười váng lên, kiểu cười hê hê rất khiếp. Rồi mẹ bỏ tách xuống sàn và cứ thế mà ngồi đó.

Nhưng dù nó có đến nhà Alex ngay sau khi tan học thì nó cũng không thể ăn ở đó mỗi tối được. Nó phải về nhà khi bố Alex đi làm về lúc năm giờ. Dĩ nhiên là cũng có những ngày nó không đến nhà Alex.

Để đến nhà Alex nó phải đi qua nhà mình ở bên kia đường. Và có vài buổi chiều nó thấy có xe ai đó trên lối vào nhà, hình như là xe của cô Laurie. Cô Laurie thường đưa một đứa con cô đến và đưa đó với Vincent hay chơi trong ngôi nhà trên cây hoặc thi nhảy từ trên cái đu xuống.

Và dù cô Laurie đến mà không chở đứa nào theo thì mẹ nó vẫn như bưng bình. Giống như họ bật cái điều khiển từ xa trên người mẹ nó hay cái gì đại loại thế. Mẹ nó trả lời những gì họ hỏi, và nếu họ phải ngồi với đồng thư từ và những gói bưu phẩm chứa các tấm áp phích TÌM BEN thì mẹ nó thường làm việc với cô Laurie. Nếu cô Laurie đem xà lách đến thì mẹ nó sẽ ăn. Mẹ nó cũng pha cà phê nữa. Khi cô Laurie hay một người hàng xóm có mặt ở đó thì dường như mẹ cũng thấy nó. Mẹ thường nói: “Lấy giùm mẹ cái đồ bấm đi cứng,” với cái giọng nghe gần giống như giọng cũ của mẹ, chỉ có điều nếu ai đã thật sự nghe được giọng cũ của mẹ thì sẽ biết ngay cái giọng này là giọng nhái thôi, nhanh hơn và nhỏ hơn nhiều.

Những tối đó mọi chuyện đều rất tuyệt vì khi cô Laurie ra về, chị Jill thường có mặt ở đó để hâm nóng bất cứ thứ gì cô Laurie mang đến để ăn tối – không phải vì nó không thích thức ăn của nhà hàng Cappadora, mà vì thỉnh thoảng người ta cũng thích ăn đồ ăn Mỹ chứ, như gà rán chẳng hạn. Hôm đó sẽ là một ngày trọn vẹn, từ lúc tan học về cho đến khi lên giường, nó không phải ở nhà một mình với mẹ nó nếu đó là một buổi tối chị Jill không phải đi học – ba tối mỗi tuần. Ngày không đi học thì chị Jill tắm cho nó và thậm chí còn ở lại trong phòng nó cho đến khi nó ngủ thiếp đi.

Có lần nó thức giấc vào nửa đêm mà Jill vẫn còn ở đó, đang mặc nguyên quần áo đi học, ngủ mà không đắp chăn trên cái giường ngày trước là giường nó. Vincent đứng dậy lấy chăn đắp lên người Jill, cố phủ kín vai chị

ấy mà không làm chị thức. Nhưng Jill vẫn thức dậy và ôm lấy nó. Lúc đó nó sợ kinh khủng; nó sợ chị sẽ bỏ đi. Nhưng chị chỉ trở mình và lại ngủ tiếp. Vincent rất thích như thế, thích đến nỗi nó bảo Jill rằng chị có thể ngủ ở đó bất cứ lúc nào muốn thay vì ngủ ở phòng dành cho khách. Nhưng khi nó nói thế, Jill bật khóc nên nó không nói như thế với chị ấy nữa. Giường nó không thoải mái bằng giường Ben, điều này thì đúng. Nệm của Ben cũ hơn vì Ben cứ đá dầm liên tục nên đã phải mua nệm mới cho nó, còn nệm của Vincent thì lõm xuống một chỗ lớn ngay chính giữa. Nó không trách chị Jill đâu.

Vincent biết dù gì thì Jill cũng sẽ phải về nhà, về nhà thật của chị ấy với mẹ chị, bác Rachele, để ăn mừng Giáng Sinh. Chị sẽ đi nguyên cả tháng. Bố nói cô Stacey, thu ngân của nhà hàng Cappadora, sẽ trông nó và Kerry vài đêm “cho đến khi mẹ thấy khỏe hơn”. Cô Stacey không khó chịu hay gì hết nhưng cô chỉ ngồi xem tivi thôi. Mà không phải tối nào cô cũng đến. Thậm chí nếu đến thì cô cũng không ở đến mười giờ khi mẹ và em bé đã ngủ còn bố thì chưa về đến nhà.

Đó là lúc Vincent sợ nhất, phải thức khi mẹ nó đã ngủ.

Một tuần trước lễ Giáng Sinh, khi kỳ nghỉ bắt đầu thì Vincent đã hiểu khá rõ lịch của nó. Nó rất mong đến tối thứ Hai vì khi đó bố nó ở nhà; tối thứ Ba và Tư khá tệ; thứ Năm thì tạm được vì vào ngày đó trong tuần, một người bạn mẹ thường gọi điện để xem mẹ có ổn không; thứ Sáu cũng được. Thứ Bảy cũng thế vì nó thường năn nỉ được bố đưa nó đến nhà hàng và để nó ngủ trên chiếc ghế dài trong văn phòng của ông trẻ Augie.

Chủ Nhật là những ngày tệ nhất. Bố nó phải mở cửa nhà hàng nên bố đi làm ngay sau khi ăn trưa xong. Bố nó luôn lo lắng đau khổ khi rời khỏi nhà. Bố cứ nhắc đi nhắc lại: “Beth? Em ổn chứ, phải không?”

Và mẹ nó thường nói: “Dĩ nhiên rồi. Em ổn mà.” Rồi sau khi bố nó đi làm, cả tiếng đồng hồ sau mẹ nó cứ nhìn ra ngoài cửa sổ, giống như mẹ vẫn thấy xe của bố đang chạy ra khỏi đường vào nhà. Có vài lần Vincent xin phép mẹ cho nó ra ngoài chơi. Mẹ nói: “Ừ.” Nhưng Vincent không đi; nó thấy chẳng vui vẻ gì khi ra ngoài chơi thậm chí lúc đó tuyết bắt đầu rơi lác

rắc, cho đến khi Kerry gục xuống ngủ trưa. Nếu nó có vứt hết đồ chơi ra khỏi cũi mẹ nó cũng không bỏ lại vào trong. Vincent đã nhặt bỏ vào lại cho em dù em làm nó nổi điên khi cứ tiếp tục quăng chúng ra ngoài.

Vào Chủ Nhật, điện thoại reo suốt ngày. Thịnh thoảng mẹ nó nhắc lên. Cũng đôi lúc mẹ không thèm nhắc máy. Có vài lần, sau khi mẹ nó nhắc máy, nó nghe mẹ hét những lời tục tằn – như “Đồ con hoang bệnh hoạn!” – và rồi mẹ gọi bố nên bố phải từ nhà hàng về nhà để mẹ có thể đi ngủ. Khi chuyện đó xảy ra, bố nó lo lắng, và có lần bố đã phải gọi cho cảnh sát ở Madison.

Vì thế giờ thì Vincent trả lời hầu hết các cú điện thoại.

Thường thì người gọi đến là thám tử Bliss, cô bảo nó gọi là Candy cho thân mật. Hay là cái cô trong nhóm Vòng Tròn Trắc Ẩn. Hay Bác Bick. Bác Bick luôn bắt nó phải gọi cho được mẹ nó dù Vincent nói mẹ đã ngủ rồi, và bác cũng làm cho mẹ nó nói được dẫu chỉ là vài câu ngăn ngủi.

Tuy vậy cũng có hai lần, đó là một người đàn ông Vincent không biết. Trừ một điều nó biết là cũng chính ông ta. Nghe giống như ông ta đang gọi từ một căn phòng mà tất cả các âm thanh đều không lọt vào được, một căn phòng không có những tiếng động bình thường phía sau, như tiếng tivi hay tiếng xe chạy qua lại chẳng hạn. Ông ta hỏi: “Mày là anh của thằng nhóc đó phải không?”

Vincent đáp: “Vâng.”

Và người đàn ông hỏi: “Mày có biết tại sao nó lại bị đánh cắp không?”

Vincent đáp: “Không ạ.”

Lúc đó người đàn ông nói thật nhỏ: “Mày có biết Chúa Giê Su của chúng ta phạt những người phạm tội bằng cách nào không? Mày có biết rằng những người quậy phá nhà chính mình sẽ bị gió lốc cuốn đi không?”

Những lời ông ta nói không làm Vincent sợ, mà chính cái giọng giận dữ đó. Nổi điên với Vincent. Cứ như Vincent là người đã đánh cắp Ben vậy. Vincent cố nói với ông ta: “Mẹ cháu ngủ rồi,” dù từ MẸ đó làm nó hơi bối

rồi vì lâu rồi nó không còn nói cái từ đó nữa; nhưng ông ta cứ tiếp tục rít lên: “Mày có biết về Benjamin trong Kinh thánh không, hả con trai? Biến thành nô lệ ở Ai Cập, mày biết không? Mày có biết mấy thằng bệnh hoạn làm gì với những đứa bé như em mày không?”

Có một lần, Vincent gọi mẹ nó, và giọng nói nó có vẻ gì đó khiến mẹ lắc đầu rồi ngồi bật dậy – mẹ đang xem chương trình câu cá vượt mà nó chắc rằng mẹ không thật sự thích xem. Mẹ hỏi: “Gì thế? Cái gì chứ?” Nó chỉ giờ điện thoại lên rồi lắc lắc. Mẹ cầm lấy điện thoại nhưng khi nghe ông ta nói, mẹ hét lên: “Đừng bao giờ gọi đến nhà tao nữa, đồ...” – và tiếp theo là một dây từ ngữ “kinh dị”.

Lần sau đó, khi người đàn ông ấy gọi đến, Vincent chỉ nói: “Cháu tin có Chúa” rồi gác máy. Lão ta tiếp tục gọi và để lại mười sáu lời nhắn. “Hãy nhắc điện thoại nếu muốn biết những gì đã thật sự xảy đến với Benjamin,” lão ta cứ nhắc đi nhắc lại chừng đó. Mười sáu lần. Vincent đã đếm được như thế. Sau đó lão không bao giờ gọi lại nữa. Vincent đoán đó là gã bắt cóc. Nhưng khi bố nó nghe lại đoạn băng thì bố nói không phải; đó chỉ là một tên vô lại bệnh hoạn không biết làm gì với cuộc đời bệnh hoạn của hắn ngoài việc làm cho phụ nữ và trẻ em sợ hãi. Bố đưa cuốn băng đó cho cảnh sát ở Madison. Họ đi bằng xe cảnh sát đến để lấy.

Vincent bắt đầu nghĩ nó có thể đoán được cú điện thoại gọi đến là tốt hay xấu nhờ nghe tiếng chuông reo. Nếu là cô Tree hay ai đó trong nhà thì nó nghĩ nó có thể nghe một tiếng reo thân thiện. Nếu là cảnh sát, người lạ hoặc mấy người muốn bán nhà hay mộ hay một thứ gì đó cho bố mẹ nó thì sẽ có một âm thanh xa vắng như thế nó không biết tiếng chuông reo đó từ đâu đến. Vì thế nó chỉ nhắc điện thoại khi nghe thấy tiếng reo thân thiện và đến Giáng Sinh thì nó nhận ra rằng trong hai mươi lăm cuộc gọi nó luôn đúng khoảng hai mươi lần; nó đếm bằng cách vạch một vết mực lên mặt dưới cái bàn nơi họ đặt gỗ tạp chưa được đánh véc-ni. Chắc chắn là nó có thần giao cách cảm rồi.

Thường là bà nội Rosie gọi.

Bà nội thường hỏi: “Có mẹ con ở đó không, Vincenzo?”

Và Vincent thường đáp: “Có ạ. Mẹ con đang ngủ.” Dù mẹ nó đang thức. Vì nếu nó đưa điện thoại cho mẹ thì mẹ chỉ cầm lấy rồi nghe bà nội nói chứ hầu như không nói gì, và nó thường nghe giọng nhỏ nhỏ của bà nội lớn dần lên nơi đầu bên kia. Mỗi lần như thế nó đều sợ thót tim vì nó không thể buộc mẹ nó nói được.

Tuy nhiên, nếu Vincent nói mẹ nó đang ngủ thì lại nảy sinh một rắc rối khác. Bà nội sẽ nói: “Hừmmmmmm.” Nó có thể nghe tiếng bà đang gõ gõ cây bút chì nhỏ bằng bạc xuống bàn, cây bút bà thường dùng để ghi những món ăn khách gọi tại nhà hàng Golden Hat. Rồi bà hỏi: “Em bé đâu?”

Và nó thường đáp: “Cũng đang ngủ ạ.” Dù bé đang thức. Nó biết chắc bà nội Rosie cũng muốn thế vì người lớn luôn nghĩ các em bé nên ngủ nhiều. Rồi bà nội Rosie sẽ hỏi có phải nó đang xem tivi không. Bà thường bắt nó đánh vần vài từ – thường là quá dễ như “ran” hay “fat” và một từ khó như “nose” hay “high,” mấy từ này dễ đánh vần sai lắm. Và bà nói: “Bà đã nghĩ sẽ đi Madison vào cuối tuần này. Nhưng ông nội nói không được vì thời điểm đó có quá nhiều người lấy nhau. Mọi người sắp lấy nhau ở đây, ‘Cenzo ạ.” Bà nói thế hầu như quanh năm. Ngoại trừ tuần vừa rồi. “Cả nhà sẽ có mặt ở Madison vào dịp Giáng Sinh.” Rồi bà hỏi Vincent có ngoan không, và ông già Noel sẽ đem tới cho nó cái gì.

Đến lúc đó thì nó kể cho bà nghe nó đang xin có được Ben.

Và nó biết ngay là bà nội Rosie không thích ý tưởng đó. Bà nói: “Ôi, Vincenzo. *Carissimo*.” Cứ như thế nó vừa nói nó bị phạt vì đánh nhau hay gì đó. Vincent cứ tưởng bà sẽ hãnh diện vì nó và sẽ đổi sang giọng grừ grừ thích thú... như khi bà nhận được cuộn băng video quay lần nó kéo chiếc vĩ cầm Suzuki hồi lớp một chứ. *Nhưng có lẽ bà đang mệt*, nó nghĩ. Nó xin được nói chuyện với ông nội Angelo. Có lẽ ông nội sẽ thích ý tưởng đó hơn; ông đang nhớ Ben lắm mà. Ông nội nói nó làm ông có cảm giác như trong cổ họng ông có một cục xương hay gì đó – Vincent không thể nhớ chính xác

cách ông đã tả. Nhưng lúc đó ông nội không có nhà. Và bà nội Rosie cúp điện thoại thật nhanh.

Vincent nghĩ nó phải nói với bố để xem bố có giúp được gì cho nó với bức thư viết cho ông già Noel không. Nó không muốn nói cho mẹ nó biết.

Giáng Sinh sẽ là ngày thứ Hai, và vào tối thứ Sáu tuần trước, bác Paul gọi đến để nói với mẹ Vincent rằng họ sẽ có mặt vào tối đó. Thế là Vincent bắt đầu vui hẳn lên. Nó luôn chơi đùa vui vẻ với hai đứa con sinh đôi của bác Paul, đặc biệt là chị Moira dở hơi và hung dữ. “Bác cho hai chị sinh đôi ngủ trong phòng con nhé? Phòng con có dư một giường vì không còn Ben nữa.”

Bác lặng thinh một lúc lâu làm Vincent nghe được cả tiếng điện thoại trong xe ai đó và cả tiếng bật rồi tắt radio.

Bác Paul đáp: “Ờ, được. Để bác hỏi mẹ cháu đã.”

Ông nội Angelo và bà nội Rosie đến vào sáng thứ Bảy. Bố Vincent phải đi ra đi vào đến ba lần mới đem hết quà vào nhà được. Vincent bắt đầu đọc to những chữ ghi trên mấy món quà đó. “Tặng Kerry, từ ông già Noel.”

“Tặng Beth, F.U.F.I.L” (nghe cứ y như chữ ã ã ã, nhưng ông nội Angelo lần nào cũng viết thế; nó có nghĩa là: “Từ cha chồng của con,” nghe buồn cười lắm vì ông nội nói theo giọng Ý mà). Rồi có cả một chồng quà ghi: “Tặng Ben, từ bà nội và ông nội”, “Tặng Ben, từ ông già Noel”.

Vincent đi theo ông nội Angelo vào bếp. Nó nói: “Ông ơi. Ông nhầm rồi. Mấy gói này dành cho Ben, mà ông biết đó, Ben bị bắt cóc rồi...”

Mắt ông nội đỏ vằn lên. Ông vừa ngồi xuống vừa nói: “Ông biết, ’Cenzo. Nhưng bà nội với ông nghĩ nếu tiếp tục tin rằng Benbo của chúng ta sẽ trở về thì Chúa sẽ đáp lại lời chúng ta cầu nguyện. Vì vậy ông bà mua quà cho em để chúng ta không quên em Ben, và khi em về đến nhà thì em đã có sẵn quà rồi.”

“Con sẽ đưa cho mẹ xem.”

“Ờ. Để chút nữa đã.” Ông nhìn quanh. “Cây Giáng Sinh đâu?”

Vincent thấy bứt rứt quá. Nó biết lẽ ra nó phải báo cho bố là không ai nhớ bà cây Giáng Sinh cả; nhưng nó sợ bố sẽ khóc nếu nó nói ra. Vì thế Vincent chạy lên lầu mà không hỏi ý ông nội và gọi mẹ nó. Thường thì mãi đến bữa trưa mẹ mới xuống nhà dưới, nhưng hôm nay mẹ xuống ngay, và mẹ mặc quần áo bình thường thay cho cái quần đã thủng nhiều chỗ, cái quần mẹ mặc cả ngày thậm chí cả lúc đi ngủ nữa. Mẹ mặc áo sơ mi trắng bỏ trong quần tây đen. Vincent thấy rất tự hào về mẹ. Mẹ hôn tất cả mọi người.

“Mẹ ơi, con muốn cho mẹ xem cái này đặc biệt lắm,” Vincent vừa nói vừa kéo tay mẹ.

Nhưng nó không thể chỉ cho mẹ thấy mấy món quà của Ben ngay lúc đó được vì cô Tree và chú Joey đã đến. Cô Tree nói với mọi người rằng cô không biết có nên đi hay không vì cô bắt đầu lâm râm đau bụng. Vincent đoán điều này có liên quan đến em bé của cô Tree vẫn còn đang nằm trong bụng cô, và nó đã đúng.

“Aaaa,” bà nội Rosie nói. “Có lẽ là một em bé Giáng Sinh đây!”

“Ở Madison này có bệnh viện mà, Tree,” bố nói.

“Hãy còn hơi sớm, phải không?” ông nội Angelo lên tiếng.

“Chỉ vài ngày thôi,” bà nội nói. “Dầu vậy, nếu sớm thì sẽ sinh dễ hơn. Đây là con so mà.” Cô Monica không đến được vì cô đang nghỉ lễ Giáng Sinh với bạn trai cô. Dù móng tay cô thật dài và cô có thể chơi dương cầm, cô Monica vẫn chưa có chồng; cô luôn bảo Vincent rằng nó là người đàn ông duy nhất cô có thể tin cậy được.

Cô Tree không thể chạy lên lầu được mà cô lại chưa gói quà nữa chứ, vì thế cô bảo Vincent làm “trung úy” cho cô, nhờ nó lấy băng keo và cái chẻ ruybăng. Và rồi ngay khi nó sắp sửa chỉ cho mẹ xem mấy món quà dành cho Ben thì bác Rob bạn bố lại đem đến một cái cây – đã được trang hoàng đẹp đẽ rồi!

Vincent đưa mũi hít hít, không phải là cây giả. Bác Rob nói tiệm hoa Delilo tặng bố. Cái cây làm mọi thứ trông lộng lẫy hẳn lên. Mọi người phải

mất khá lâu mới đặt hết các món quà bên dưới cái cây. Vincent đi lấy cái máy thu âm Playskool của nó giấu dưới cái cây đằng sau mấy món quà. Để có thể thu âm ông già Noel, nó dự định sẽ bật lên ngay trước khi nó đi ngủ để phòng trường hợp nó không thức khuya được. Nó tính rằng nếu nó là đứa trẻ đầu tiên trên toàn nước Mỹ chứng minh được rằng có ông già Noel thật thì nó sẽ được lên tivi. Nó đã nói với chị Jill về ý tưởng này rồi, và chị đã bảo với nó là tuyệt quá. Tối nay sẽ là một thử nghiệm. Nếu nó có thể nghe thấy những gì người lớn nói trong băng sau khi nó đã đi ngủ – ít nhất là cho đến khi nó tự tắt – thì nó biết chắc mình sẽ thu được tiếng của ông già Noel.

Bác Rob ở lại uống rượu vang còn bác gái Sheilah đã đưa hai đứa sinh đôi lên giường; rốt cuộc thì nó cũng có cơ hội nói cho mẹ biết về những món quà dành cho Ben. Mẹ nó đang ngồi trên trường kỷ, tay cầm một ly cà phê nhưng không uống; nó nhẹ nhàng đi đến chỗ mẹ nó rồi nói: “Mẹ, mẹ nhìn kia kìa. Mấy món quà kia là dành cho Ben đó. Ông bà nội mua đó. Đẹp quá mẹ nhỉ?”

Bà nội đang ngồi trước mặt mẹ thêu một bức tranh cho em bé của cô Tree, và mẹ thậm chí không thèm nhìn Vincent. Mẹ chỉ đi đến cái cây rồi cầm một món quà lên nói, thật dứt khoát: “Rosie.”

Vincent thấy bà nội ngước lên như thể bà đang có tội, như thể bà đang chuyền trong lớp tờ giấy có chữ “vãi đái” mà bị bắt quả tang vậy. Bà hỏi nhỏ: “Bethie, gì thế con?”

“Mấy thứ này là thế nào?”

“Quà cho Ben đó.”

“Mẹ mua quà cho Ben.”

“Ừ.”

“Rosie, tại sao mẹ lại đem quà cho Ben đến chứ?”

“Vì...,” bà nội Rosie nói bằng cái giọng kẻ cả của bà. “Mẹ tin là sẽ tìm được Ben. Và mẹ muốn, khi tìm được nó, nó biết gia đình nó không quên

nó.”

“Mẹ thấy rằng chúng con đã quên Ben ư?”

“Không đâu, con yêu.”

Nhưng chúng con không mua quà cho Ben.”

“Mẹ hiểu điều đó.”

“Thật lòng,” mẹ Vincent nói, “con thậm chí còn không muốn... tổ chức ngày Giáng Sinh này nữa đó. Con không muốn làm gì ngoài việc ngủ cho quên đi. Nên khi mẹ làm như thế, khi mẹ làm như thế nó chỉ đi chơi xa đâu đó và sẽ về bất cứ lúc nào thì mẹ có biết con cảm thấy thế nào không?” Giọng mẹ lớn dần lên rồi Vincent nghe tiếng ghế xô trên sàn nhà khi bố và bác Rob đang ngồi trong bếp đứng lên để đi ra xem có chuyện gì.

“Beth này, không ai muốn làm con đau khổ cả,” bà nội nói.

“Nhưng mẹ biết làm như thế sẽ khiến con đau khổ.”

“Bethie ơi, làm ơn đi mà,” bố Vincent nói. “Em biết những gì mọi người trong nhóm Vòng Tròn Trắc Ẩn nói rồi đó. Ai cũng cần có một nghi thức.”

“Nhưng em không cần, Pat!” Giờ thì mẹ Vincent đang nước nở. “Em là mẹ nó! Em không muốn làm những điều ngu xuẩn này để giả vờ rằng con em còn sống và đang trở về nhà, đó là điều dối trá tàn nhẫn nhất trên đời này! Em không muốn nói đi nói lại mãi cái chuyện chết tiệt này!”

Cô Tree xen vào: “Chị Beth yêu quý! Chị bình tĩnh lại đi. Mẹ không có ý gì đâu.”

“Bình tĩnh ư? Bình tĩnh?” mẹ nó gào lên. “Làm sao tôi bình tĩnh được khi không ai ngoài tôi chấp nhận rằng chuyện này đã chấm dứt? Và tất cả chúng ta sẽ tiếp tục cư xử, hành động như thường lệ, ăn, ngủ, và rửa tội cho con cái...”

“Con tôi thì có liên quan gì đến chuyện này chứ?” Cô Tree vừa nói vừa ôm bụng; cô nổi giận thật rồi. “Nghe này, chị Beth. Chị phải trở lại bình

thường đi thôi. Không ai có thể nói chuyện được với chị. Tôi không, anh Pat cũng không. Nếu chị không còn hy vọng rằng Ben sẽ trở về...”

“Trở về á? Nó thậm chí còn chưa được bốn tuổi mà! Nó thì làm được gì chứ? Phải kiếm cho ra một lịch trình tàu lửa Amtrak à?”

“Beth à, ý tôi là nếu những người còn lại trong gia đình Ben muốn níu lấy hy vọng thì đó là chuyện của tụi tôi. Đó không phải là lãng mạ chị. Mà, hơn nữa, Beth này, chị thì quan tâm đến những gì cơ chứ? Nó ảnh hưởng đến chị như thế nào? Chị là... một ốc đảo, chị Beth ạ. Thậm chí chị còn không quan tâm đến con tôi nữa là...”

“Đúng. Tôi không quan tâm.”

“Chị nên quan tâm đi thì hơn. Đời sống trôi hoài không nghỉ ngơi mà.”

“Cô là người đầu tiên nói ‘Đời sống trôi hoài không nghỉ ngơi’ đó, Teresa.” A, đó là tên cô. Vincent đã quên khuấy tên thật của cô Tree rồi.

“Mà chị cũng chẳng quan tâm đến mẹ hay bố tôi và đến việc chị cư xử như thế có khiến họ bị sốc hay không. Họ cũng bị sốc như chị vậy. Họ cũng không hiểu chị đang sống ra sao nữa. Phải công nhận rằng tôi sẽ suy sụp nếu lâm vào cảnh đó. Tôi không thể chịu đựng được như chị. Nhưng chị tránh mặt tất cả mọi người. Thì cũng được đi, nhưng nếu chị làm như thế thì chị không thể kiểm soát được...”

“Tree,” bố Vincent mệt mỏi lên tiếng cảnh cáo. “Tree này, khoan...”

Không, Pat. Anh sợ nên không dám nói, nhưng em không sợ! Chúng ta gọi điện cho chị ấy, chị ấy không trả lời. Chúng ta viết thư, chị ấy cũng không hồi âm. Chúng ta nói về bất cứ điều gì cũng động chạm đến nỗi đau của chị ấy. Chị ấy giống như Deirdre, Mẹ Sầu Khổ – chị ấy cứ làm như thể không gì trên thế giới sánh được với những gì chị ấy đang phải gánh chịu, cho nên chị ấy bèn chui vào vỏ ốc của mình.”

“Đúng. Đó là cách tôi đã chọn.”

“Nhưng lại không phải là chọn lựa của chúng tôi, Beth. Chị không thể dành Ben cho riêng chị được. Nó cũng là máu mủ của chúng tôi nữa. Và chúng tôi chưa đầu hàng mà. Đêm nào chúng tôi cũng gửi hàng đồng truyền đơn cho mọi người ở New York, Kansas và Oklahoma. Chúng tôi vẫn trao đổi thông tin với cảnh sát. Chúng tôi luôn muốn tin rằng vẫn còn hy vọng, và chị không thể cản chúng tôi được đâu, mà tôi cũng không hiểu tại sao chị lại muốn thế, vì chị sẽ không tìm được nó nếu cứ ngồi ì một chỗ suốt ngày và...”

Chính vào lúc ấy Vincent quyết định nó phải nói với mẹ nó rằng mọi việc sẽ rất tốt đẹp vì Ben sẽ trở về vào sáng ngày hai mươi lăm Giáng Sinh.

Nó nói: “Mẹ ơi, con phải kể mẹ nghe chuyện con đã làm nè.” Nó thắc mắc không biết có phải nó đang nói láo không vì thật sự thì nó chưa viết thư cho ông già Noel. Nó chỉ mới thử cầu nguyện với ông già Noel thôi vì bà nội Rosie cứ khẳng khẳng nói ông ấy là thánh, mà thánh là những vị ta có thể dâng lời cầu nguyện lên bất cứ lúc nào ta muốn; họ ở trên đó chờ lời cầu nguyện của ta. Vì thế nó hít một hơi thật sâu rồi nói: “Mẹ ơi, con đã xin ông già Noel đem Ben về nhà rồi. Con nghĩ ông sẽ làm theo lời con đó.”

Tất cả mọi người sững cả lại.

Không ai nhúc nhích. Không ai nói lời nào.

Rồi mẹ nó đứng lên, cẩn thận đặt tách cà phê xuống, xọc hai tay chải ngược tóc lên rồi loạng choạng chạy ra khỏi phòng về phía cầu thang. Vincent nhìn bố nó. Có một lần, vào Ngày Cửa Mẹ, khoảng vài tháng sau khi mẹ sinh Kerry, hai bố con đem đến tặng mẹ một giỏ đầy hoa hồng dại, và mẹ đã cúi nhìn những bông hoa đó mà khóc nức nở, và khi Vincent hỏi lý do thì bố nó nói: “Mẹ vui đó, Vincent. Bố biết rằng nghe thì có vẻ buồn cười nhưng đôi khi người lớn vui quá hóa khóc đấy.” Thật vậy sao?

Bà nội Rosie đang tựa đầu trên vai cô Tree. Ông nội Angelo đứng lên, lắc lắc mấy cái chìa khóa rồi nói ông sẽ đi đến nhà hàng để thăm ông trẻ Augie. Bố Vincent bế nó lên rồi nói: “Bố nghĩ đã đến giờ đi ngủ rồi, anh bạn võ sĩ à. Còn vài ngày nữa thôi là đến Giáng Sinh rồi. Phải nghỉ ngơi thôi con.”

Vincent cố trườn xuống. Tại sao mọi người lại nổi giận với nó nhỉ? Mọi người nghĩ chuyện xin ông già Noel cho em mình về là xấu à? Nhưng dù lần này nó vui khi được đi ngủ thì nó vẫn muốn bật băng thu âm lên đã. Nó nói dối bố: “Cho con nhìn lại món quà lớn đó một lần nữa thôi, bố.”

Khi hai bố con đã lên đến phòng, bố thả nó nẩy xuống giường Ben. Khi bố hát vài câu của bài “Davy Crockett” thì Vincent hỏi: “Bố có nhớ lần con đâm vào đầu Ben nhẹ thật nhẹ mà nó cắn con không?”

“Nhớ. Bố đã phải đem nó vào phòng bố mẹ để tách hai đứa con ra.”

“Nhưng đó là lỗi của Ben mà.”

“Nhưng con đã đâm em.”

“Đâm nhẹ hều à. Mà nó cắn con mạnh thật mạnh.”

“Nó thích cắn mà. Nhưng khi lớn lên em đã thôi không cắn nữa rồi.”

“Vâng. Con chỉ muốn bố biết là con tha thứ cho nó chuyện đó rồi.”

“Vậy thì tốt. Bố vui lắm. Giờ thì ngủ đi. Hai chị sinh đôi ngủ cả rồi. Hai chị là hai cô bé ngoan chứ không phải hai con khi nhỏ lén lén lút lút chạy quanh cả đêm đâu. Đừng đánh thức hai chị dậy nhé.” Pat hôn Vincent và nói: “Bố yêu con.”

“Mẹ đâu bố?”

“Ở trong phòng mẹ.”

“Mẹ bệnh hả?”

“Ờ, mẹ hơi mệt một chút. Một chút thôi. Vincent này, thậm chí người lớn thỉnh thoảng cũng cãi nhau. Con biết đó. Sáng mai mọi chuyện sẽ lại đâu vào đấy ngay ấy mà.”

Nhưng sáng hôm sau mọi chuyện còn tệ hơn: thay vì to tiếng với nhau, mọi người lại tỏ ra quá lịch sự. Ít nhất thì cuộn băng cũng hoàn thành nhiệm vụ của mình khá tốt. Nó nghe bố nói với cô nó: “... tâm trạng căng thẳng. Và chị ấy không trả lời vì chị ấy nghĩ phân nửa các cuộc gọi đến là để báo họ

vừa tìm ra một đứa bé khác hay một kẻ điên nào đó đang cố nói với chị ấy là tụi tao đã giết nó.”

“Nhưng Paddy à, nếu đúng như thế thì chị ấy cũng cần một người giúp đỡ chuyên nghiệp. Chị ấy thật sự cần một người giúp đỡ chuyên nghiệp.”

“Cũng có thể. Đúng vậy,” bố đáp.

Rồi họ nói về cô Monica không muốn hòa đồng với mọi người và đủ mọi chuyện trên đời mà Vincent không quan tâm đến.

Nhưng một người giúp đỡ chuyên nghiệp ư? Vincent nghĩ đó là một ý rất tuyệt. Nó hy vọng bố nó thật sự muốn thế. Nếu mẹ nó có một người giúp đỡ chuyên nghiệp, một người mà công việc là giúp đỡ, ở ngay trong nhà này, suốt ngày, thì mẹ sẽ phải tắm và thay quần áo hằng ngày vì người đó sẽ bắt mẹ làm thế. Mẹ sẽ phải thay quần áo cho Kerry thường xuyên hơn để Kerry không bị ướt hết ngực áo ngủ trước khi chị Jill về đến nhà. Vincent không thể thay tã cho Kerry được vì nó cứ ngọ nguậy suốt; nó đâm mệt còn Kerry cứ lăn mãi về phía bên kia cho đến khi Vincent không với tới được nữa. Mẹ nó phải làm chuyện đó. Nếu người giúp đỡ đó có thể làm mẹ nó nhúc nhích được thì mẹ sẽ làm được nhiều việc hơn, sẽ không còn ù lì nữa, vì theo như nó biết thì mẹ đã hết chụp ảnh rồi. Có thể hai mẹ con sẽ đi bộ. Có thể sẽ làm thủ công; trước đây mẹ vẫn thích làm thủ công với mấy ngôi sao cắt từ bìa cứng rồi treo lên kia mà. Giờ thì tuổi nó hơi lớn so với trò này rồi, nhưng chuyện ấy không thành vấn đề đối với nó. Nó sẽ làm nếu mẹ nó muốn. Và sau một thời gian làm những việc bình thường trở lại thì mẹ nó sẽ nhận ra rằng dù Ben có mất tích thì mẹ nó vẫn còn hai đứa con, gấp đôi so với số con mẹ nó mất kia mà.

Và nó chắc rằng nó với Kerry sẽ bù vào chỗ cu Ben được.

Thậm chí có thể gấp rưỡi.

BETH

8

Không lâu sau khi tạp chí *People* vào cuộc, bảy tháng kể từ ngày Ben bị bắt cóc, Candy đến Madison mà không báo trước trong khi đang đi dự hội nghị về giám định pháp y ở Michigan. Sau này Beth tin là cô ấy đã đi một bước ngoặt trở lại đặc biệt; như thể Candy đoán trước được cảm giác của Beth khi thấy cái bìa, nguyên một trang áp phích tìm Ben in lần hai, không có tiêu đề mà chỉ vón vện mấy chữ “I-800-TÌM BEN” và một tí nhỏ: “Ngay trước mũi họ: Sự Biến Mất Kỳ Lạ của Ben Cappadora”. Không còn những bài chế giễu các ngôi sao điện ảnh mang bầu hay những câu chuyện về các bác sĩ chuyên trị ăn kiêng nữa. Chỉ toàn về Ben thôi.

Laurie đã đem báo đến vào ngày nó được phát hành.

Beth không chịu nói chuyện với cô ấy, thậm chí cả khi Pat năn nỉ qua cánh cửa được khóa trái.

Cuối cùng Laurie bảo Pat đi chỗ khác. Cô nói: “Bethie, nghe này, tớ biết cậu sẽ ghét tớ vì chuyện này. Nhưng đã quá lâu rồi, Beth. Cảnh sát không phát hiện ra được gì.” Beth có thể nghe Laurie xoa xoa cánh cửa nè nhẹ như thể cô đang vỗ lưng Beth. Laurie nói tiếp: “Cậu sẽ thấy tờ tạp chí đó trong văn phòng của tất cả các bác sĩ trên khắp nước Mỹ, Bethie ạ. Và khi tay phóng viên đó gọi điện cho tớ thì tớ quyết định sẽ nói chuyện với cô ta dù tớ biết cậu sẽ bực mình. Tớ làm như thế là đúng, Bethie à. Tớ yêu cậu. Tớ yêu Ben. Và tớ luôn thấy vô lý khi ... nghi ngờ giới truyền thông đại chúng. Vì thế nếu cậu không nói chuyện với tớ nữa thì tớ cũng vui vì đã làm điều đó rồi. Và cậu cũng nên biết rằng Barbara cũng đã nói chuyện với họ rồi. Wayne cũng thế. Và cả em chồng Teresa của cậu nữa. Mà nếu cậu cũng ghét họ thì tớ rất lấy làm tiếc cho cậu. Beth này, tớ luôn chờ khi cậu sẵn sàng nói chuyện với tớ.” Beth có thể nghe được sự hiện diện êm ả bên ngoài cánh

cửa, hình như có tiếng thở ra buồn rầu. “Thôi được, Beth. Tạm biệt cậu nhé.”

Một tiếng đồng hồ sau, khi Beth mở cửa phòng ngủ, tờ tạp chí nằm trên sàn ngay ngoài cửa. Cô ngồi xuống, ngay tại đó, giữa cửa, lật nhanh đến trang sáu mươi, và nghĩ *thật là ngớ ngẩn*. Họ luôn bắt ta chờ câu chuyện giật gân, dù đó là chuyện gì đi nữa, họ bắt ta phải đọc trước hết là mười sáu bài về một thiên tài lớp chín, người đã chế tạo một máy tính từ một cái radio có báo giờ, hay một người mẫu sinh hai con nhỏ trong vòng mười tám tháng và đã nhịn ăn để có lại được vòng eo thon gọn trong vòng sáu tuần.

Cô nghĩ mình có thể đọc đoạn đầu tiên. Và cô tự cho phép mình, dù cô thấy hơi lạnh và ánh sáng mờ mờ phía trên đầu khi cô gấp ngược giấu đi trang sách đầy những bức ảnh cô quá quen nhưng không dám nhìn. Hầu hết những bức ảnh đó đều do cô chụp – một bức chụp ba đứa con cô đứng ngay giữa ảnh: bé Kerry mới sinh, Vincent và Ben đội mũ ông già Noel, cả ba đứa đều đang thè lưỡi. Một bức chụp cái bàn picnic của Laurie có Ben và con trai của Laurie đang giả trang thành hai chú hề. Laurie đã cho đóng khung tấm ảnh này và treo trong phòng khách nhà cô ấy.

Ngay trang đầu chỉ là tấm áp phích Tìm Trẻ Lạc in lần đầu tiên. Beth có thể nhìn vào đây được – cô đã nhìn nó nhiều lần rồi nên giờ nó đã trở nên vô nghĩa đối với cô. Cô không còn muốn quào hai cổ tay mình khi nhìn vào cái mũ bóng chày đội lệch buồn cười của Ben và vết nhăn trên mũi khi nó nhoén cười nữa. Phía dưới là tấm hình thật đẹp chụp Candy đang nói chuyện với các phóng viên bên ngoài sở cảnh sát Parkside, cô ấy đang ngược lên, rõ ràng là bức mình vì tay sẵn ảnh, nhưng vẫn đẹp-đến-từng-chi-tiết dù cảm cô vuông bạnh.

Được rồi, Beth nghĩ. Mình có thể đọc một dòng. Hay hai. “Khi Beth Cappadora đưa các con mình đến buổi họp mặt lần thứ mười lăm của lớp trung học ở Chicago, cô hy vọng mình có được những khoảnh khắc sum vầy với các bạn cũ chứ không phải là sự khởi đầu của một cơn ác mộng hủy hoại

một gia đình, những tình bạn cũ, và cấu trúc căn bản nhất của một cộng đồng...” Beth đóng mạnh tờ tạp chí lại, thật nhanh.

Cô biết phần còn lại của bài báo sẽ viết gì – hàng ngàn từ sườn sảo rỗng quanh các bức ảnh sẽ khiến cho các phụ nữ đang chờ chụp X-quang để làm các xét nghiệm về ung thư ngực cũng lên tinh thần thêm một chút khi đọc nó. Đủ rồi. Xong rồi. Nó đã ở đó, đã hiện diện và cô biết nó và chỉ thế thôi. Vì Beth không phải ra khỏi nhà nữa, cô sung sướng nghĩ, cô sẽ không phải thấy những cặp mắt trong siêu thị xấu hổ quay đi khi nhận ra cô. Cô sẽ không phải thấy những nụ cười nửa miệng đau khổ của các giáo viên. Nhưng Pat thì sẽ phải đối mặt đấy. Có lẽ anh sẽ rất thích được cảm thông; cô nghĩ dường như anh thích được cảm thông và điều này tỷ lệ nghịch với sự kinh tởm dấy lên trong Beth khi cô thấy những ánh mắt liếc vội, những ánh mắt nhận ra cô của mọi người và những cái siết tay hờ hững. Một đêm nọ, thậm chí anh còn nói điều đó làm lòng anh ấm lại, rằng cái sự nhân chi sơ tính bổn thiện luôn làm anh sửng sờ. Thư từ và những lời đề nghị giúp đỡ đến tới tấp làm anh phát thư phải khiêng chúng bỏ lên hàng hiên vì không có thùng thư nào chứa cho vừa cả. Beth tin rằng Laurie mang đồng thư đó về nhà. Cô có thể thấy Laurie nhìn đồng thư ngày càng nhiều đó với cặp mắt lo lắng mỗi lần cô ghé qua, nhưng chỉ vài ngày sau thôi, Beth để ý thấy đồng thư đó dần ít đi. Cô không thể tưởng tượng được, và cô cũng chưa hề thử mở ra xem, những lá thư đó chứa những lời thương xót lỗ bịch đến chừng nào.

Vào những ngày khó ở, sau khi Kerry ôm bình sữa ngủ gục thì Beth đi tắm. Cô ngồi lì trong bồn tắm cho đến khi nước nổi vánh và lạnh ngắt. Cô nhìn hai cánh tay và cặp đùi khẳng khiu của mình, trắng như da lợn luộc, đang lơ lửng dưới nước. Khi cô ra khỏi bồn đã là bốn giờ hay trễ hơn một tí, lúc đó Jill đã về nhà nếu hôm đó con bé không phải đi học thêm, và đã sang nhà Shore để đón Vincent về. Beth bắt đầu chờ đêm xuống. Giờ thì đêm đến nhanh hơn, và ngay khi trời tối đen như mực thì ta có thể đi ngủ. Đối với Beth, cái giường gợi cho cô một cảm giác về dự tính. Cái khoảnh khắc khi ngày tàn là thời khắc hiện hữu quý giá nhất của cô. Beth không chịu đựng được những tối Jill phải đi học. Cô phải ngồi trên trường kỷ trong khi

Vincent đọc sách hay kiểm tra lại danh sách các từ để đánh vần và biết cô nên đứng lên nói với nó rằng trẻ con không bao giờ làm bài tập về nhà có hiệu quả khi ngồi trước tivi, nhưng cô không thể làm được điều này. Một lúc sau nó sẽ đứng dậy, rón rén hôn cô rồi đi ngủ.

Và rồi Beth có được mười lăm phút cuối cùng, mười lăm phút để ngắm Paul Crane ở bên kia đường đang không ngừng tập đánh gôn, những cú đánh vông ngắn trong mảnh vườn đầy sương giá dưới ánh đèn hắt từ nhà để xe. Sau mười lăm phút – một khoảng thời gian hợp lý – cô có thể chạy lên lầu. Vincent đã vào giường. Cô thường ghé vào nhìn nó, mắt nhòa lệ, cố tránh không nhìn cái giường nó đang nằm và nói: “Ngủ ngon nhé, con yêu.” Nó chẳng bao giờ trả lời. Nó ngủ thiếp ngủ đi rất nhanh. Như thế lại tốt.

Vào những ngày dễ chịu, đôi khi Beth đi xuống nhà dưới, vào văn phòng mình rồi bắt đầu gom đồ đạc để vứt đi. Cô dồn đầy các túi những bức ảnh không được dùng đến, những âm bản và các hợp đồng cũ, các đoạn phim, các hợp tuyển, số điện thoại cô không cần đến nữa. Cô thích cái cảm giác được giữ bỏ cuộc sống trước kia của mình, thích được giải thoát khỏi mọi bốn phận ngoại trừ việc phải sống chờ cho đến đêm tối. Một chiều nọ, Pat bắt gặp cô đang vứt thiết bị lưu trữ ghi thông tin đi; anh ngăn cô lại. Beth chẳng buồn phản đối – cô vẫn có thể vứt nó đi vào một ngày nào đó khi anh ở nhà hàng kia mà.

Trong thoáng chốc, cô nghĩ đến việc phá bỏ phòng tối của mình, nhưng cô biết mình không thể vứt được những thứ đồ sộ như các cái khay và mấy bồn ngâm ảnh mà không bị Pat phát hiện. Ban đêm, cô thường rà soát lại trong đầu căn phòng của mình và nghĩ đến những thứ cô có thể vứt đi vào hôm sau. Có thể là giày. Cô có quá nhiều giày.

Chiều hôm đó khi Candy xuất hiện nơi hàng hiên thì Beth đã có một buổi sáng rất dễ chịu. Cô đã tắm và tự tay dứt bột ngũ cốc cho Kerry. Cô chờ cho Candy bước vào, ôm đáp trả lại cô ấy và bỗng bối rối vì Candy ngửa người ra sau ngắm cô từ đầu đến chân.

“Beth, quần áo chị mặc kỳ cục quá,” Candy nói.

Beth hỏi Candy có muốn uống cà phê không. “Dĩ nhiên là muốn chứ,” cô ấy đáp. Beth đi vào bếp lấy thìa đong cà phê. Laurie luôn nói nếu đong cà phê đàng hoàng thì cà phê sẽ ngon hơn.

“Chị có nghe tôi vừa nói gì không?” Candy hỏi khi họ ngồi nơi bàn ăn, một tay bé Kerry đang ngủ gà ngủ gật.

“Có,” Beth vừa đáp vừa cố nhớ lại.

“Quần áo chị đang mặc trông buồn cười quá.” Thật vậy, Beth đang mặc một cái quần len bình thường. Cái quần từ thập niên bảy mươi mà cô phát hiện ra trong một lần dọn dẹp lại tủ quần áo. Cô không biết mình đã sút bao nhiêu ký, nhưng trong cơn bốc đồng cô đã mặc thử mấy cái quần trước khi mang bầu, với hai ống rộng thùng thình, và mấy cái thắt lưng quái gở, và thấy chúng thật vừa vặn. Trước đây có lẽ có ba cái quần mà giờ Beth thường mặc với cái áo phông rộng của cô hay áo sơ mi của Pat.

“Tôi gầy đi nhiều nên mấy cái quần này mặc rất thích khi làm việc loanh quanh trong nhà,” cô nói với Candy.

“Thế còn làm việc thật sự?”

“Tôi... ơ... nghỉ rồi. Tôi không thể hình dung... chị biết đó. Tôi đã chụp những tấm hình linh tinh, người ta, đám cưới, mọi thứ để đăng báo. Giờ tôi không thể làm được nữa. Tôi nghĩ mình không thể chụp hình... thậm chí đồ ăn tôi cũng không chụp được nữa.”

“Nhưng chị có thể muốn chụp lại – đến một lúc nào đó. Chị không nghĩ đến chuyện đó sao? Ý tôi là chị đã luôn làm việc mà.”

Beth gật đầu.

“Ồ, đó là những gì tôi nghĩ,” Candy nói. Cô kể với Beth rằng hội nghị chuyên đề cô đang dự được tổ chức tại trung tâm đồ sộ mới xây ở phía tây thành phố. “Tuy vậy phòng nghỉ của khách sạn Embassy rẻ hơn nên tôi sẽ nghỉ ở đó.” Nhưng Beth phản đối, dĩ nhiên là thế rồi, cô ấy nên ở đây, tiện hơn. Candy mỉm cười, “Tôi cũng thích thế.” Cô kể tiếp: “Những gì hội nghị

bàn là mô tả sơ lược về tâm lý những tội phạm hình sự. Đây là một vấn đề lớn và mới mẻ. Ta phải tìm cho ra tại sao hầu hết mọi tội phạm đều nằm trong lứa tuổi từ hai mươi đến bốn mươi, cao trung bình, da trắng hay đen, uống sữa khi còn bé, đều uống rượu khi đang học đại học và luôn bị mẹ ép phải học đàn dương cầm.”

“Tôi nghĩ mình đã hẹn hò với một gã như thế,” Beth nói.

“Còn tôi nghĩ ông anh mình cũng là một gã như vậy. Thật ra, tôi tin mấy chuyện này là nhầm nhí. Nếu tính theo tỷ lệ thì tôi nghĩ không có nhiều người xấu xa hơn trước đâu. Tôi chỉ nghĩ đơn giản là vì dân số ngày càng tăng thôi. Ngày càng có thêm nhiều người và quá ít chỗ cho họ, và cũng ít tiền hơn.”

Beth để ý thấy Candy không đả động gì đến Ben. Có thể là vì không có gì mới để nói. Beth biết mình không nên hỏi. Candy thường kể cho cô hết mọi thứ, từ chuyện quan trọng cho tới chuyện xe cán chó. Nhưng người ta không còn chú ý đến vụ này nữa. Beth biết thế.

“Chị có thấy câu chuyện trên tờ *People* tuần trước chưa?” cô hỏi Candy.

“Tôi đã mong là chị đừng thấy. Nhưng thật ra mà nói, Bethie ạ, dù chị có ác cảm với hầu hết mấy tay bất lương nhưng tôi thật lòng nghĩ ý tưởng đó cũng chấp nhận được. Giống như phát truyền đơn miễn phí vậy. Trẻ con không chóng thì chầy đều phải đi bác sĩ. Đó có thể là chìa khóa để giải quyết vấn đề của chúng ta, chị hiểu không? Một trong những chương trình tivi về đời thường có thể cũng là ý hay nữa.” Cô ngừng lại, xoay xoay tách cà phê đã nguội lạnh trong tay. “Tuy nhiên, chị hay Pat có lẽ sẽ phải đối thoại đó.”

“Không đâu,” Beth mỉm cười đáp.

“Chị hay Pat không chịu?”

“Tôi không phải mẹ anh ấy. Tôi không quan tâm đến những gì anh ấy làm.”

“Ô, đã đến nước đó rồi sao?”

“Ý tôi là tôi không quan tâm đến chuyện anh ấy sẽ nói với ai. Hình như anh ấy không còn làm như thế nữa.”

“Có thể anh ấy đoán được là chị không thích như vậy.”

“Cũng có thể.”

“Beth này,” Candy vừa nói vừa đưa tay chào Jill đang bước vào, đưa Kerry – đã thức và đang giãy giụa vì vui mừng – cho Jill bế. “Bé ngoan! Bé ngoan!”

“Chị có tiền không?”

“Chị cần tiền à?”

“Không, ý tôi là chị còn tiền ở nhà không? Tôi nghĩ chúng ta nên đi mua sắm đi.”

Beth cười vánh lên. Cô nghĩ mình sẽ cười lẫn lộn ngả nghiêng khiến cà phê bắn hết ra khỏi tách nên cô cố dẫn lại. Trong mấy tháng gần đây, dường như tất cả mọi chuyện đều làm bụng cô quặn thắt. Cuối cùng, cô thở hển hển nói: “Candy này, tôi chẳng đi mua sắm gì hết. Mua sắm để làm gì chứ?”

“Có lẽ nên mua vài bộ quần áo.”

“Tôi không cần quần áo.”

“Chị làm thế vì tôi được không?”

“Không.”

“Như thế là không hiểu khách. Có thể *tôi* cần một vài bộ quần áo.”

“Chị sống ở Chicago. Ở đó có nhiều quần áo đẹp hơn ở Madison này mà. Với lại chị cứ mặc có mỗi một kiểu đấy thôi. Áo khoác màu be thì đâu chả có.”

“Beth à, không phải thế đâu. Ở nhà tôi có cả một tủ đầy quần áo đẹp đó. Phần lớn là bằng da và có nút đồng. Có vài cái còn được thêu thêm mấy sợi vàng nữa. Nhưng tôi chỉ muốn đi dạo để nhìn thôi.” Cô gọi: “Jilly ơi, có chỗ mua sắm nào tốt không?”

Jill, đang thay quần áo cho Kerry, nói vọng xuống: “Ở West Towne. Cô ra tiệm Limited ấy.”

“Nghe hấp dẫn đó,” Candy đứng lên. Ngay lúc đó Vincent mở cửa. Beth sững sờ khi thấy nó lao vào vòng tay Candy, ôm chặt lấy cô và vòng hai chân đeo cứng người cô khi cô nhấc bổng nó lên – thật dễ dàng, Beth nhận xét, dù Candy trông có vẻ yếu ớt.

“Cô mang Ben về hả?” nó hỏi.

Candy đáp như mếu: “Chưa, cưng. Cô xin lỗi. Cô sẽ tiếp tục tìm em. Cô hứa đấy. Sao rồi, Vincent, đi học vui chứ? Con vẫn còn chơi bóng rổ phải không?”

Vincent đưa mắt nhìn mẹ. “Mùa đông này con sẽ nghỉ.”

“Ờ, thôi không nói chuyện đó nữa. Nghe này, Vincent cô đang gặp rắc rối đây.”

“Dạ sao ạ?”

“Cô sẽ đưa mẹ con đi mua sắm và cần có ai đó giữ hộ cái phù hiệu của cô,” Candy lấy cái hộp da bên trong có phù hiệu bằng vàng của cô. “Đây là phù hiệu của thám tử. Quý lắm đó nhé.” Cô nháy mắt với Beth. “Vì nó là vàng thật. Mà nó còn có phép nữa. Con có biết ai có thể giữ cái này giùm cô được không. Ý cô là phải liều mạng bảo vệ nó trong khi cô đi vắng ấy?”

Vincent hạ giọng: “Con nghĩ là con có thể làm được.”

“Cô không biết nữa,” Candy giả vờ lùi lại một bước. “Cô không biết, Vincent à. Con là một chú bé thông minh và giỏi giang, nhưng con chỉ mới, gì nhỉ – tám tuổi phải không? Đây là trách nhiệm mà cô không thể giao cho một anh, thậm chí mười hai tuổi nữa cơ. Phải là một cậu bé rất đáng tin mới được.”

“Con nè. Cô cứ hỏi chị Jill đi. Con tự dọn giường được đó.”

“Jill, cháu nghĩ sao?”

“Cháu nghĩ anh chàng này làm được đó,” Jill đáp. “Nhưng không được đem sang nhà Alex hay làm bất cứ chuyện gì khác nhé, anh bạn.”

“Con có thể kêu nó sang đây rồi cho nó xem được không?”

Candy vừa suy nghĩ vừa gõ nhẹ vào răng. “Cái anh chàng Alex này... có thể tin được không đây?”

Vincent thổ lộ: “Nó là bạn thân nhất của con đó.”

“VẬY thì được. Thỏa thuận vậy đi nhé. Nhưng chỉ lần này thôi đó, nhớ chưa?” Cô quay sang Beth. “Nếu không có tiền ở nhà, chị có thể ngân hàng hay thứ gì tương tự không?”

Jill nói vọng ra: “Có, dĩ ấY có đó. Mấy cái thẻ nằm trong cái phong bì gắn trên tủ lạnh đó. Nhưng họ không nhận ra chữ ký của dĩ ấY đâu. Họ chỉ biết chữ ký của cháu thôi. Giờ cháu là Beth Cappadora rồi.”

“Hôm nay không cần đâu,” Candy vừa nói vừa vuốt vuốt tấm thẻ. “Chị muốn mặc thêm gì không...? À, mà cũng không thành vấn đề. Nào, Beth. Đi thôi.”

Ánh nắng chói chang từ đồng tuyết chiếu thẳng vào mắt Beth không thương xót. Cái áo choàng cũ của cô giờ nặng nề kèn càng quá – từ mùa thu đến nay cô đi không xa quá thùng thư. Thậm chí khi xe Candy chuyển động cô cũng có một cảm giác thật mới lạ, một cảm giác chỉ hơi quen quen thôi. Cô nói với Candy: “Lạnh quá.”

“Tháng Một rồi, Beth. Tháng này bao giờ cũng lạnh mà.”

“Chỉ là vì tôi gần đây không... ra ngoài nhiều.”

“Tôi hiểu.”

Khi thấy trung tâm thương mại đông nghẹt người – *thiên hạ không biết là hết Giáng Sinh rồi sao? Họ tìm mua gì thế, mua hoài mua mãi sao?* – Beth gần như van xin. Mấy người đọc tạp chí *People* có thể nhận ra cô. (Trong báo có đăng hình cô không? Rõ ràng là mặt cô đã được đăng trong mấy bài khác rồi.) *Thiên hạ sẽ nhớ ra. Họ sẽ nhìn mình trừng trừng.*

“Tôi không biết, Candy,” cô cố nói với giọng áy náy chán chường. “Ở chỗ này đông đúc quá.”

“Mình sẽ chỉ vào một tiệm thôi. Nhưng tôi không biết vào tiệm nào đây. Cứ đi theo tôi.”

Họ dừng lại tại một tiệm có bảng hiệu Cotton và Cotton. “Tôi thích đồ cotton,” Candy nói. “Nó không bao giờ nhăn, và nếu mặc nhiều vào thì cũng ấm như mặc đồ len vậy. Nhiều lớp đó, Bethie. Vậy mới là đúng điệu!”

Và Beth lại choáng váng; Candy cũng rành rẽ về quần áo y như trong chuyện trang điểm vào cái đêm kinh hoàng đó. Sau khi ngắm nghía thật lâu gương mặt Beth dưới ánh đèn huỳnh quang sáng trưng trên đầu, Candy nói: “Tím. Xám. Xanh dương đậm. Có thể hơi đỏ.” Và cô đi lục tìm rồi đem ra một ôm nào váy, áo, vét, thắt lưng, áo dài tay chui đầu và áo gió. Cô khoác hết lên người Beth đang đứng yên như một ma-nơ-canh giữa các dãy áo quần.

Sau chừng bốn mươi phút, Candy đã có bốn túi đầy quần áo, còn Beth đã phải đưa thẻ của cô ra để trả tiền. Trên đường về, cô nói với Beth: “Này nhé, mấy thứ này chị có thể mặc thay đổi qua lại với nhau. Cho nên nếu cái này bẩn thì chỉ việc lấy cái khác mặc thế vào. Chúng rất hợp với nhau, thậm chí cả mấy cái thắt lưng nữa. Và chị có thể đi giày đen với tất cả các món này. Giày đế bằng hay cao gót gì cũng được. Chị có giày đen mà, phải không?”

“Ừ.”

“Vậy thì chị không phải băn khoăn nữa. Chỉ việc lấy đồ ra rồi mặc vào. Hiểu chưa? Tí nữa, khi về đến nhà, tôi sẽ treo hết vào tủ cho chị, vào một chỗ, rồi mình sẽ lấy hết mấy cái quần ôm rồi... đốt lửa. Được không?”

“Được.”

Hai tháng sau, khi Laurie đến, đồng áo quần vẫn còn dính miếng ghi giá tiền. Laurie đã gọi đến cả chục lần, ngày càng buồn hơn và một đêm nọ cô xuất hiện khi Pat sắp sửa ra lại nhà hàng. Beth ngồi trên giường, nghe cô hỏi Pat: “Beth vẫn không chịu nói chuyện với tôi phải không?”

“Tôi nghĩ là từ từ rồi cô ấy cũng sẽ nói chuyện với chị mà,” Pat đáp. Qua giọng nghệt nghệt của Pat, Beth có thể đoán được anh đang ôm chào Laurie. “Tôi nghĩ cô ấy chấp nhận chuyện đó rồi. Ý tôi là Barbara Kelliher đã gọi cho cô ấy cả tỉ lần để báo cho cô ấy biết mọi người ủng hộ cả hai tay hai chân cái ý tưởng đó, và vì sao cô ta đã phải in đi in lại mấy tấm áp phích đó tới năm lần. Tôi nghĩ là cô ấy hiểu.”

“Tôi nghĩ chắc Beth ghét tôi lắm,” Laurie nói. Nhưng cô có thể nghe tiếng cô ấy bước nhẹ nhàng lên lầu; thậm chí chỉ làm cái việc vặt là đi vào phòng của bà vợ điên của Rochester thì Laurie cũng rất hăng hái.

“Chào cậu,” cô nói.

“Chào cậu,” Beth đáp lại.

“Cậu đang làm gì vậy?”

“Đang chữa bệnh ung thư. Tớ mới cắt mấy cái ống thử đi rồi,” Beth nói.

“Ồ, chà, như vậy tốt rồi,” Laurie vừa nói vừa ngồi xuống giường. “Cậu tha lỗi cho tớ nhé? Mình huề được không? Bethie à, bọn mình sẽ không bao giờ đồng ý với nhau về chuyện này nhưng mình là bạn với nhau lâu rồi, mà cậu biết đó, cậu phải công nhận là cậu biết, tớ sẽ không bao giờ, không bao giờ cố ý làm hại cậu đâu.”

“Tớ biết.”

“Vậy thì tốt, vì tớ có điều muốn nhờ cậu làm cho tớ.”

Bạo gan thật, Beth nghĩ. Nhưng cô cũng hỏi: “Gì thế?”

“Tớ muốn cậu chụp một bức ảnh.”

“Tớ không làm chuyện đó nữa.”

“Chỉ một lần này thôi. Được nhiều tiền lắm. Rất nhiều.”

“Được bao nhiêu?” Pat bước vào hỏi.

“Tớ không chụp ảnh nữa,” Beth nói.

“Họ sẽ đến đây mà.”

“Tớ không làm đâu.”

“Để tớ nói cho mà nghe.” Chỉ là một bức ảnh thông báo đám cưới, nhưng cô dâu – con gái một khách hàng của chồng Laurie, Rick – không thể đi đến tiệm chụp ảnh được.

“Tại sao chứ? Có chuyện gì với con bé?”

“Không có gì. Ngoại trừ việc nó... có thai lớn rồi.”

“Thì có gì ghê gớm đâu.”

“À, Beth này, gia đình cô bé là dân nhập cư từ Trung Quốc. Đối với vài người thì nó vẫn là chuyện quan trọng đó. Con bé rất khiêm nhường cậu ạ.”

“Thế mà bảo khiêm nhường,” Beth nói và bắt đầu thấy giống một con nhện độc già khú nằm cuộn mình trong ổ, đó không phải là việc cô muốn làm.

Laurie thở dài. “Dù sao thì bố mẹ cô bé này cũng rất khiêm nhường, mà lại rất giàu nữa. Vì vậy tớ mới nói là tớ biết một người có thể chụp hình ở một nơi rất kín đáo, và sẽ chụp cho cô bé giống như... không có thai. Một ảo thuật gia thật sự. Là cậu đó.”

Pat xen vào: “Em làm được đó, Bethie. Em không phải ra ngoài mà.”

“Chụp ảnh cho một phụ nữ có thai ư? Em ấy à?” cô nhếch mép cười. *Pat ơi, nếu tiền mà có môi thì chắc chúng ta đã không hôn nhau rồi nhỉ*, Beth nghĩ. “Anh điên rồi.”

“Bethie ơi, làm ơn đi mà, một lần này thôi,” Laurie năn nỉ. “Nhận sự đền bù này đi cho tớ bớt mặc cảm tội lỗi với cậu. Nếu cậu không thích nữa thì tớ sẽ không bao giờ ép cậu làm lần thứ hai đâu.”

“Đây không phải sự đền bù. Đây là sự sắp đặt. Mà dù gì thì tớ cũng không thể vì tớ vứt hết giấy má, đồ nghề của tớ đi rồi,” Beth nói.

“Anh sẽ đi mua giấy cho em. Anh sẽ mua đồ nghề cho em,” Pat hăng hái đề nghị

Beth thở dài, cô nghĩ đến mấy viên thuốc và sự quỵ rũ của cái chân bông nhồi lông chim.

“Khi nào?” cô hỏi.

Những gì xảy ra thật đáng kinh ngạc. Khi họ đến, cậu con trai vui vẻ hoạt bát, cô gái thì rầu rĩ ủ ê, còn hai bà mẹ lại cứ trợn trừng trợn trạo. Beth nhanh nhẹn sắp xếp cho họ như sắp trái cây trên đĩa. Và khi cô bắt đầu bấm máy, cô nhận ra đây chính là những gì cô thấy nơi họ. Cô nhớ lại những điều một giáo viên dạy vẽ hồi trung học đã nói với cô, một trong những điều nhỏ nhất nhất, rất cơ bản lại có thể biến thành một cách nghĩ: rằng khi hầu hết mọi người thấy một cái tách trên bàn, họ nghĩ đến nó như một vật đang nằm phẳng, vì thế họ vẽ nó nằm phẳng. Thật ra, cô giáo nói với Beth rằng đáy tách rõ ràng là cong, và đó là cách ta phải diễn đạt nó. “Đó là sự khác biệt giữa việc thấy bằng tâm hồn và thấy bằng chính đôi mắt ta,” cô giải thích thế.

Và lần đầu tiên trong cuộc đời chụp ảnh chuyên nghiệp của mình, Beth thấy cặp đôi đó là một loạt những góc và đường cong, mặt phẳng và những cái bóng, chứ không phải những con người có tình cảm, có bề dày lịch sử, những con người bị dẫn vật khổ đau vì yêu đương, rên rỉ vì phẫn uất. Cô không nhìn họ bằng trí óc – về sau này, cô mới nghĩ ra rằng trí óc cô đã biến mất – mà chỉ bằng cặp mắt của một nhiếp ảnh gia. Cô làm họ bừng sáng như cô sẽ làm cho các bức tượng tỏa sáng, vì thật ra cô đã từng làm ngời sáng các bức tượng và các bức ảnh kiến trúc.

Mấy bức chân dung Beth chụp đẹp không ngờ. Ông bố giàu, rất giàu kia trả cho cô một ngàn đôla. Laurie đã tìm thêm khách để đưa đến cho Beth. Và đến cuối xuân thì Beth cũng đồng ý đi đến nhà họ – để chụp hình con người-như-các-vật-thể mà cả người được chụp, và sau đó là các nhà xuất bản, đều ca ngợi sự nhạy cảm cũng như tính nhân văn của chúng. Thậm chí, sau

một thời gian thì cô chụp cho cả trẻ em. Chúng chỉ là những quả táo, quả cam nhỏ hơn, nằm trong rổ.

Lần đầu khi phải đi ra ngoài để chụp hình, cô lấy một cái váy tím đậm và một áo màu đỏ, cột nó lại bằng một dải vải màu đen, xỏ chân vào đôi giày cũng màu đen. Trông cô vẫn gầy gơ xương, tuy nhiên vẫn hơi lập dị, nhưng nói chung thì... cũng không đến nỗi tệ. Khi hè đến, Beth nhìn lại vài tháng làm ăn khấm khá vừa qua và nhận ra rằng cô đã biết được đâu là chìa khóa. Chính những mưu mẹo của Candy và sự cứng đầu cứng cổ của Laurie đã giúp cô giết được thì giờ rảnh rỗi và làm cho mình trở nên có ích mà không cần phải suy nghĩ nhiều, thậm chí không cần nghĩ xem thắt lưng mình có tiếp màu với giày hay không. Và khi mấy bộ quần áo đầu tiên bắt đầu mòn, cô nhờ Jill trở lại cửa hàng Cotton và Cotton để mua thêm những bộ khác với nhiều màu khác nhau. Thế là có kết quả rồi đấy.

Beth đã tìm được những gì giúp cô tiếp tục sống.

VINCENT

8

Tháng Mười, 1987

Mẹ nó bảo thậm chí mẹ cũng không biết cái ô vuông xây trong tường ở cầu thang để làm gì nữa. Mẹ nói ngày xưa, khi bố mẹ nó còn nhỏ, người ta thích để điện thoại trong khắp các góc nhà. Mẹ nói: “Cái nhà này có lẽ đã được xây từ thập niên sáu mươi. Có thể cái ô đó dùng để đựng điện thoại.”

“Tại sao người ta lại cần một cái điện thoại ở giữa cầu thang hả mẹ?” Nó hăm hờ hỏi. Nhưng ngay lúc đó mẹ nó nhìn sững vào cái gì đó làm Vincent phải quay đầu lại xem mẹ đang nhìn ai sau lưng nó. Nhưng chẳng có ai cả.

Bà nội Rosie bảo Vincent rằng bà nghĩ những người đầu tiên sở hữu ngôi nhà này là những người ngoan đạo thật sự. Đêm trước ngày Giáng sinh, khi đi lên lầu, thấy Vincent núp ở cái ô vuông đó, bà đã nói: “Người ta thường để tượng Đức Mẹ Đồng Trinh hay thánh An Tôn trong đó. Nó không phải chỗ dành cho mấy đứa bé muốn thức cả đêm khiến ông già Noel ghét nên sẽ bỏ qua ngôi nhà này luôn mà không để quà gì lại hết.” Rồi bà đưa nó vào giường.

Bé Kerry, giờ đã biết nói, gọi đó là “ngôi nhà em bé” của nó. Nó bỏ vào đó mấy con búp bê, mấy cái bánh và chai xirô giả trông hệt như thật, còn Vincent giả làm khách hàng mua bánh của em. Hoặc nó có thể ngồi đó, xắn quần cao lên, như Vincent tưởng tượng mấy con chuột sẽ cảm thấy ra sao khi ở trong hang của chúng, ngồi nhìn xuống góc bếp – nơi có bồn rửa chén và cái máy pha cà phê tự động. Và nếu máy rửa chén không hoạt động, nó có thể nghe thấy hết mọi chuyện được nói dưới đó.

Cũng vì thế mà Vincent nghe thấy mẹ nó đang cố giết bố nó như thế nào.

Mới đầu, bố nó đặt tay lên ngực mẹ, ôm lấy một bầu vú của mẹ, bố nó hay làm như thế lắm, và Vincent nghĩ bố làm thế để mẹ thấy bố cũng dễ thương chứ chẳng chơi – giống như ông nội hay xoa đầu nó làm tóc nó rối tung rối mù lên ấy mà. Vincent không muốn ai làm bù xù tóc nó cả – nó muốn tóc mình luôn theo nếp, thật đẹp và mềm mại – nhưng nó biết rằng, với ông nội, làm như thế cũng giống như ông ôm nó một cái vậy. Vì thế nó chịu đựng được. Chuyện cái vú cũng thế. Nhưng mẹ nó lại không thích, y hệt như Vincent không thích tóc nó bị bù xù ấy. Mẹ hất tay bố ra. Rồi bố hôn mẹ. Lúc đó thì mẹ mỉm cười và nhìn xuống bồn rửa bát như thể mẹ đang cố tìm cặp kính sát trùng ở dưới đó.

Bố Vincent nói: “Bethie, cưng à, mình phải nói chuyện thôi.”

“Em còn phải rửa hình. Phải gọi bốn cuộc điện thoại. Lại phải chuẩn bị cho Vincent đi học nữa.”

“Nó chưa dậy đâu.”

Ha ha, bố ơi, Vincent nhủ thầm.

“Chắc nó dậy rồi đó.”

Bố Vincent thở dài. Cố ý thở dài đánh thượt một cái để mẹ nó phải quay lại và nói “Thôi được, anh muốn gì chứ?”. Nhưng mẹ nó không quay lại; mẹ cứ làm làm cái gì đó ở bồn rửa bát nên cuối cùng bố nó phải nói tiếp:

“Bố anh muốn mình trả lời, Beth à. Bố muốn anh nghĩ về chuyện đó thật nghiêm túc, và quyết định trong năm nay.”

“Vậy thì cứ quyết định ngay trong năm nay đi, Pat,” mẹ nói.

“Xét cho cùng thì đây là công việc anh đặt hết tâm trí vào để...”

“Pat, em nghe đến nhàm tai rồi.”

“Anh đã phấn đấu cật lực ở nhà hàng Cappadora trong mấy năm nay và trước đó là xếp xà lách khoai tây vào hộp ở nhà hàng của bố.”

“Pat, mình nói chuyện này nhiều lần rồi mà.” *Coi chừng đó*, bố, Vincent nghĩ. Đó là cái giọng nó không muốn nghe đâu, vì tiếp theo sẽ là mấy ngón tay mẹ như mấy cái còng tôm hùm quặp lấy cánh tay nó. Nhưng bố cũng khá thông minh. Bố đứng dậy vòng tay ôm mẹ; bố hôn mẹ. Mẹ để mặc cho bố hôn.

“Hôn, hôn, hôn,” bố nói nho nhỏ với cái giọng dễ thương như thể đang nói chuyện với con nít. “Mình không bao giờ thụt nữa à?”

Trước đây Vincent đã nghe bố nói cái từ đó rồi, nhưng giọng bố không dễ thương như lúc này. Nó chồm tới trước; họ không nhìn lên nên họ không thể thấy nó.

Mẹ nói: “Pat này, em phải đánh thức em bé....” – Kerry không còn là em bé nữa, nó sắp được hai tuổi rồi mà mọi người cứ gọi nó là em bé.

“Mình còn dư thì giờ mà,” bố nói.

“Được rồi. Anh lên lầu lấy cho em cái màng tránh thai với tuýp thuốc bôi trơn đi, rồi... để coi nào, mình có tám phút trước khi em làm thức ăn cho Vincent để nó lên xe buýt... muốn làm ngay tại đây không? Và vừa làm em vừa nướng bánh mì cho nó nhé?”

“Đừng nói khó nghe như thế chứ, Beth. Anh đâu có ấp trên người em suốt ngày đâu. Cả tháng em mới cho anh yêu em một lần mà.”

“Còn những gì khó nghe cần phải nói thì anh nói luôn đi....”

“Mà anh không hiểu sao em lại cần thuốc bôi trơn với màng tránh thai mỗi khi mình gần nhau?”

“Vì em không muốn có thai mỗi khi em buộc phải làm chuyện ấy với anh.”

“Beth, đó lại là chuyện khác....”

Mẹ lặng thinh. Tuy nhiên, bố không hiểu; bố cứ nói tiếp: “Bethie, chuyện đã qua hơn một năm rồi. Cả hai ta đều biết rằng Ben...”

“Hai chuyện đó thì có liên quan gì với nhau?”

“Lạy Chúa, Beth. Em không thấy là anh đau khổ sao?” Bố Vincent bắt đầu đi ra hành lang; Vincent co gọng người lại trong cái ô vuông. “Ý anh là thế này, Bethie, anh là một gã có ba đứa con. Mọi người đều nghĩ anh dở hơi, em biết không? Ba đứa con ư? Nhưng anh rất đau khổ khi nghĩ đến ngôi nhà này trước đây rộn ràng tiếng cười tiếng nói của chúng. Anh muốn được chạy tới chạy lui lảng xảng vào bữa ăn trưa...”

Mẹ Vincent chạy qua hành lang nhanh đến nỗi nó không thấy mẹ. Mẹ mở cửa trước. Mẹ hay làm như thế lắm, chỉ mở cửa trước và để không khí tràn vào, thậm chí vào một ngày rất lạnh. Chỉ đứng đó và thở hắt ra.

“Pat, em không muốn có thêm đứa con nào nữa hết,” Beth nói.

“Em nói sẽ suy nghĩ lại mà.”

“Em đã suy nghĩ lại. Và mỗi khi em nghĩ đến chuyện có thêm một đứa nữa trong bụng, mà lại có thể là con trai...” Giọng mẹ buồn cười cứ như mẹ đang bị nghẹn bánh mì ấy. “Pat, không thay đổi được gì đâu. Anh không hiểu à? Làm như thế để anh lại có ba đứa con à?”

“Không chỉ thế. Anh đâu có ngốc.”

“Không, em muốn nói nó chỉ có ý nghĩa về con số thôi. Sẽ là một đứa con để bù lại. Như một bộ phận thay thế. Như mua thêm một cái đồ đựng tốt để khỏi làm hỏng nguyên một bộ chén đĩa.”

“Em đáng ghét quá,” bố Vincent nói.

“Em biết em đáng ghét lắm. Nhưng chắc chắn là em sẽ không có con và em sẽ không chuyển đến Chicago để anh có thể mở nhà hàng chung với bố anh. Nếu anh muốn có con và một nhà hàng ở Chicago thì anh đi lấy vợ khác đi.”

“Anh muốn mình lại là một gia đình như trước đây, có một cuộc sống bình thường như cũ, như thế là sai à?”

“Pat. Không thể có một cuộc sống bình thường như cũ được.”

Vincent nghe tiếng cửa đóng sầm lại và nó có cảm giác đó không phải do mẹ nó làm.

“Nếu chúng ta cố thì sẽ có mà...”

“Pat,” mẹ nói thật dễ thương – với cái giọng mẹ thường năn nỉ nó đừng mở cửa khi mẹ đang rửa hình và đèn đỏ đang sáng. “Anh có biết đối với em như thế nghĩa là gì không?”

Bố Vincent lặng thinh.

“Anh biết không?” Không trả lời.

“Giống như em luôn có một tảng đá hay tảng tuyết lớn đè lên mình, và nếu em nhúc nhích, nếu em đổi vị trí dù chỉ một chút thôi thì tuyết sẽ trượt xuống đè lên người em và vùi chôn em...”

“Ôi, Beth...”

“Không, sự thật là vậy đó. Em không dám nghĩ về thằng bé trong trọn một phút. Em cũng không dám nghĩ đến cuộc họp mặt ấy. Chỉ nghĩ đến việc phải lái xe đi qua cái khách sạn Tremont đó mỗi ngày trong đời...”

“Mình đâu bị buộc phải làm như thế.”

“Pat, em nghe anh và Tree nói chuyện. Anh và Monica. Chúng ta sẽ lại có mặt bên nhau. Trong khu nhà xưa. Trong khi người lớn chơi bài xì phé thì lũ con núp dưới bàn. Y như ngày xưa. Anh tưởng em không biết là Tree ghét em vì đã giữ anh ở đây, xa cha mẹ đang rất cần anh đến nỗi đang phải chịu nhiều buồn sâu à? Anh không nghĩ là em biết bố em nghĩ em nên về nhà, nơi Bick có thể giúp em vì em nhếch nhác bẩn thỉu quá à.”

“Mọi người đều ghét em, phải không Beth? Không ai hiểu vì sao...”

“Nhưng Pat à, nếu em chỉ nhúc nhích một chút xíu thôi thì khối tuyết lở đó sẽ đổ ập lên người em và anh sẽ phải tự mình nuôi các con đó.”

“Thực tế là anh đã đảm đương việc đó rồi.”

“Thôi được, thôi được. Em công nhận chuyện này. Pat luôn luôn là người tốt mà. Pat luôn là chỗ dựa vững chắc. Là người đã giúp mẹ đàn bà điên rồ tội nghiệp và mấy đứa trẻ đó đứng vững... như câu chuyện trong tờ *People* đó, Pat. Anh không thích thế à? ‘Hai tay anh ấy vững chãi nâng đỡ vợ và đứa con trai còn lại của mình.’ Anh đúng là anh hùng, Pat ạ.”

“Còn em đúng là người tử vì đạo, Beth ạ.”

“Em phải lên đánh thức Vincent dậy đây,” Vincent quỳ lên hai đầu gối, sắp sửa chạy lên lầu chui vào giường Ben nếu mẹ đi lên. “Nhưng Pat này, anh hãy biết rằng anh không thể bắt em làm theo ý anh được đâu. Không được đâu. Anh không thể đe dọa em như khi em còn học đại học vì em sẽ mặc xác anh nếu anh bỏ em, hay... hay... hay nếu anh có ngủ với hết tất cả mấy cô bán pizza ở Madison này.”

“Em nói gì thế?”

“Em muốn nói là anh chả là cái đĩnh gì với em cả, Pat. Điều tồi tệ nhất đã xảy ra rồi.”

“Anh thích cái kiểu nói ‘nó đã xảy ra rồi’ của em lắm. Cứ như nó là một cơn bão hay gì gì đó.”

Hành lang lặng như tờ đến nỗi Vincent có thể nghe tiếng miệng Kerry há ra kêu đánh *pốp*. Chút xíu nữa thôi con bé sẽ đi lạch bạch xuống nhà, như thế thì tốt quá, vì Vincent đói rồi, và chúng sẽ cãi nhau chí chóc.... Ánh mặt trời như đang cuộn đám bụi xoay tròn rồi bay lên, xoay tròn rồi bay lên. Vincent đưa tay ra hứng bụi rơi vào lòng bàn tay. Họ vẫn chưa kết thúc. Nó cứ ước những gì nó muốn, nhưng họ vẫn chưa kết thúc, và nó có thể sẽ không được ăn sáng.

“Ý anh là gì?”

“Chẳng có ý gì cả,” bố Vincent đáp. Đó là cái giọng nói dối của bố khi bố bảo “Bố không mệt đâu,” nên Vincent biết có một điều gì ghê gớm sắp xảy ra. “Anh chẳng có ý gì hết.”

“Có. Anh muốn nói là vụ đó không tự xảy ra.”

“Nó tự xảy ra mà. Bỏ qua chuyện đó đi, Beth.”

“Không, anh giữ kín điều đó lâu rồi, và anh muốn em biết rằng anh trách em. Anh có nhận ra rằng em biết anh trách em vì nếu là anh thì Ben đã không bị lạc mất như thế không, Pat? Anh chưa từng là bậc cha mẹ tồi tệ đáng khinh chỉ lo cho bản thân mình như em...”

“Anh chưa từng nói như thế bao giờ, Beth.”

“Nói thế ư? Anh không cần phải nói ra. Chuyện đó rõ ràng như ban ngày mà, Pat. Cứ nhìn miệng anh bĩu ra thì biết, Pat. Anh ghét cay ghét đắng em và anh trách em vì em đã làm mất con anh.”

Vincent thấy bố chạy như bay ra khỏi phòng khách như thể bố sắp chộp lấy mẹ rồi quật mẹ xuống.

“Được lắm, Beth! Anh trách em à? Đương nhiên là anh có trách em! Candy và Bender trách em nữa. Ellen cũng thế. Tất cả mọi người đều nghĩ nếu em bỏ ra một phút để ngó ngang đến con cái thì chuyện đó đâu xảy ra, em có biết thế không? Chỉ vì họ không nói với em à? Còn phải đợi đến khi một bức tường đổ ập xuống đầu em nữa à? Đúng thế, từ khi sinh ra cho đến nay em chỉ toàn gặp may mắn, Beth ạ. Em cứ làm mọi chuyện nửa vời rồi bỏ đi vì đã có anh ở đó để dọn dẹp cho em mà!”

“Anh là đồ bần tiện. Đồ tự cao tự đại...,” mẹ Vincent nói.

“Anh không tự cao tự đại, Beth. Anh chỉ nói đúng sự thật thôi! Trẻ con không biến mất như khói thuốc, Beth.

Chúng không ‘bị mất’. Người lớn đánh mất chúng.”

“Tôi ghét anh, Pat.”

Vincent nhảy lên rồi chạy ra hành lang vào phòng Kerry. Đầu nó nóng bừng bừng như đang lên cơn sốt. Nó chạy nhanh tới cũi của em bé, mở cũi ra, rồi đưa tay lên bịt chặt lấy mũi và cái miệng xinh xinh của em. Nó không muốn giết em... nó yêu Kerry. Giờ thì em nó vùng vẫy, cố đẩy tay nó ra, cố

hít thở, cặp mắt xám to của em hoảng loạn, đầm đìa nước mắt... Vincent không biết nó đã có thể thả tay ra chưa, nhưng cuối cùng, Kerry cũng lắc được đầu nó ra, lấp bấp đôi môi đang dần tím tái và bắt đầu hét lên, không phải tiếng khóc của một đứa bé (Vincent biết kiểu khóc thút thít đó; nó nghe cả triệu lần rồi, lần đầu tiên là của Ben) nhưng là một tiếng hét như khi xem phim kinh dị, như tiếng một cô gái... và mẹ Vincent đã lên đến trên lầu cứ y như mẹ có cánh vậy, mẹ xô nó sang một bên rồi bế Kerry ra khỏi cũi (môi Kerry bắt đầu hồng trở lại), và mẹ hét lên: “Con đã làm gì em? Vincent, trả lời mẹ! Con đã làm gì Kerry?”

Bố nó đã đứng ngay sau lưng mẹ và giằng Kerry ra khỏi tay mẹ, bố nói khi em Kerry vẫn đang trong tay họ: “Beth, con không sao đâu... em còn nhớ chứ, bác sĩ nói nếu khóc được thì tức là không sao.... Con bé chỉ không thở được khoảng một phút thôi mà...”

Sau đó, mẹ vừa bế Kerry vừa khóc nức nở, còn bố cố ôm lấy mẹ nhưng mẹ đẩy bố ra, thậm chí còn mạnh hơn khi mẹ xô nó. Bố nắm hai cánh tay Vincent rồi kéo nó ra cửa: “Mặc áo gió vào, con. Mình đi.”

“Nó còn phải đi học!” mẹ hét lên.

“Hôm nay thì không!” bố la lên đáp lại.

“Anh đưa nó đi đâu chứ?”

“Chỗ nào an toàn, Beth! Tránh xa cô! Chẳng chóng thì chầy cô sẽ giết chết tôi, nhưng cô không được giết nó!” Và Vincent, với cái áo gió đang xỏ được có một tay, co chân lên khi bố bế nó đi xuống cầu thang vào nhà để xe.

“Bố, chờ con một chút. Con phải lấy thuốc bố nữa.”

“Bố sẽ chờ ngoài xe,” bố nó vừa nói vừa mò tìm thuốc lá trong túi áo sơmi.

Vincent chạy ngược vào nhà – tốt rồi, mẹ vẫn còn trong phòng Kerry; nó nghe tiếng mẹ vừa ru em vừa khóc thút thít, tiếng sàn gỗ kêu cọt két khi mẹ bế Kerry đi tới đi lui. Vincent đi thật nhanh, trước tiên là vào phòng làm việc

của bố và vận cho đồng hồ báo thức lúc mười một giờ khuya. Rồi nó vào phòng ngủ của bố mẹ (nó phải đi qua cửa phòng Kerry nhưng cửa phòng đóng im ỉm, may quá) rồi đổi giờ báo thức từ sáu giờ rưỡi sáng thành bốn rưỡi sáng. Và rồi, nó không thể nghĩ tiếp, được... đúng rồi, còn cái nút hẹn giờ cho bếp lò nữa. Nó chỉ cao vừa đủ để chạm được vào đó. Nó để chuông báo lúc năm giờ sáng. Có thể còn mấy cái đồng hồ báo thức khác trong nhà nữa, nhưng gấp quá nên nó chỉ nghĩ ra được chừng đó thôi. Chắc chắn mẹ nó sẽ nhận thấy. Nó đã đứng sát bên mặt mẹ khi mẹ ngủ, thậm chí nó còn đưa tay ra chạm vào mí mắt mẹ nữa mà mẹ không thức dậy. Nó đã gọi mẹ cả chục lần khi nó mơ những giấc mơ trong đó nó bỏ chạy mà mẹ có dậy đâu – tuy vậy thỉnh thoảng bố nó cũng thức giấc nếu nó gọi bố hai ba tiếng liên tiếp. Mẹ nó sẽ nhận thấy chuyện này, còn nó thì không quan tâm chuyện tối nay hai bố con nó có về nhà không; nó thoáng thấy rằng họ sẽ không về vì bố nó đã đem theo cái túi nhỏ đựng bàn chải đánh răng và dao cạo râu của bố. Nó cũng không quan tâm chuyện mấy cái đồng hồ báo thức đó sẽ đánh thức nó dậy. Hay thậm chí đến Kerry nữa, dù đây không phải lỗi của em nó.

Vincent lấy một viên thuốc bổ màu cam từ cái lọ phía trên bồn rửa bát rồi nhảy vào trong xe ngồi bên cạnh bố. “Thắt dây an toàn,” bố vừa chăm chú nhìn tới trước vừa nói; Vincent cài dây lại rồi ngả lưng ra sau. Họ lái xe ra xa lộ, đi qua đường rẽ vào nhà hàng Cappadora trên phố Park, qua con đường dẫn đến nhà bác Rob Maltese – bạn thân nhất của bố. Qua tiệm rửa xe. Đến ngã rẽ Janesville – dấu hiệu mà có lần bố nói với Vincent rằng nó nghĩa là “Mình đang đi thăm bà nội đây!”

“Mình đi Chicago hả bố?” Vincent hỏi.

“Con không muốn đến thăm bà nội Rosie à?”

“Hôm nay là ngày đi học mà. Đâu phải Chủ Nhật hay thậm chí thứ Sáu.”

“Đôi khi chúng ta cũng có thể đi thăm bà nội Rosie vào giữa tuần, như mùa hè đó.”

“Nhưng sao vậy bố?”

“Chỉ để gặp bà thôi. Con chưa bao giờ cảm thấy muốn gặp mẹ của con à? Bố chỉ muốn gặp mẹ của bố,” bố nó nói bằng giọng nhỏ nhẹ làm Vincent còn sợ hơn cả khi bố nói cái từ *thụt* đó hay cả khi bố la hét trong hành lang nữa. Pat châm thuốc rồi hạ kính xe xuống. “Đừng nói với mẹ là bố hút thuốc trong xe nhé,” bố nói hệt như những lần trước.

“Con không nói đâu.”

“Tốt lắm, anh bạn.”

Vincent dựa người vào chỗ để tay; bố đang hát theo ban nhạc Rolling Stones trên radio, hai cổ tay bố đập đập như đánh trống; Vincent nghĩ nó sẽ ngủ được nếu nó đừng sợ giấc mơ bỏ chạy của nó, giấc mơ đó không đáng sợ bằng cái cách nó cứ theo đuổi sau lưng Vincent, đó mới là điều kinh khủng nhất, còn kinh khủng hơn cả con quái vật nhũn nhũn trắng toát với cái miệng đỏ lòm Vincent tình cờ thấy khi thức giấc lúc bố nó đang xem phim kinh dị *Shock Theater* lúc nửa đêm.

Còn kinh khủng hơn thế nữa, Vincent nghĩ; nó muốn nói với bố như vậy, nhưng mắt nó đã díp lại.

Dậy đi con,” có một giọng nói, giọng nói luôn nghe như muốn ho hay có đá trong đó. A, đúng là ông nội Angelo rồi. “Dậy đi, cái đầu *dormi*.” Từ đó có nghĩa là “buồn ngủ,” một phần của bài hát ông nội Angelo hay hát khi Ben còn nhỏ. Vincent lạnh toát mồ hôi, nhưng vẫn đưa tay lên cho ông nội Angelo nhắc nó ra khỏi xe qua khung cửa và bế nó ép vào bộ đồ len thô màu xanh của ông. Ông nội Angelo lúc nào cũng mặc đồ màu xanh, thậm chí vào sáng thứ Bảy khi ở nhà, hay ngay cả khi ông đi lấy củi bỏ vào lò sưởi hay xịt thuốc cho mấy cây cà chua. Bà nội Rosie nói mặc đồ xanh cả ngày làm ông nội giống như dân nhập cư vậy, nhưng ông nói với bà: “Rose à, doanh nhân là người có một cái xe lớn và một bộ đồ sạch sẽ. Không chỉ khi làm việc mới mặc mà là suốt ngày.” Ngoại trừ khi chơi đánh bài. Khi ông nội Angelo chơi bài với các bạn ông – ông Ross, ông Mario và ông Stuey – thì ông mới mặc cái áo phông bằng vải có sọc với hai dây đeo qua vai. Người ta có thể thấy mớ tóc bạc của ông chìa ra trên hai sợi dây như lông vũ vậy. Nếu thấy

Vincent, ông thường kéo nó tới đặt ngồi lên lòng ông, cọ cọ cái má thơm mùi xì gà vào má nó rồi đổ rượu vang đỏ từ ly ông ra ngón tay cho Vincent liếm láp. Ông hay hỏi nó: “Giờ thì, thưa ngài, cho tôi xin người chia bài nổi tiếng này một quân bài được không? Hay hai?” – và thậm chí khi Vincent đã đủ lớn để phân biệt được mấy con số đen hay đỏ có chỗ trống ở giữa – mà thường là nó lắc đầu vì ông nội nói với nó bài ông đen lắm, không tới được đâu; vậy là xui tận mạng rồi. Đôi khi, lúc trời nóng và lũ châu chấu ca inh ỏi, Vincent còn thiếp ngủ ngay dưới cái ghế băng sắt trắng của ông nội Angelo đặt trên hiên nữa, tiếng đồng ca của lũ châu chấu, tiếng quạt bài xuống bàn, tiếng chửi thề bằng tiếng Ý và cái mùi hăng hăng, ngọt ngọt của xì gà quần lầy nó cho đến khi tất cả dường như hòa làm một. Và nó thường thức giấc, người đầm đìa mồ hôi, khi bầu trời đã chuyển từ nắng nóng sang hoàng hôn, hay từ mát mẻ sang chói chang trên đầu y như lúc này vậy.

“Cục cưng bé bỏng của ông. Cậu bé giỏi giang của ông,” ông bế nó lên ngồi trên bậc thềm trước cửa dưới bóng mát của mái hiên nhà lớn màu xanh lá cây. Vincent chết mê chết mệt cái mái hiên này, cái mái hiên duy nhất của cả khu phố, và nó cũng rất thích cái hàng rào vuông vắn màu xanh nhạt trông như bằng nhựa nhưng lại thoang thoảng mùi giấm.

“Cháu yêu ông, ông ạ,” Vincent vừa nói vừa rúc vào người ông. Và ông cũng dụi đầu vào người nó. Nó cũng yêu ông ngoại Bill nữa, nhưng ông ngoại Bill của nó lúc nào cũng có vẻ căng thẳng khi ở bên nó. Ông ngoại thường hỏi nó: “Này, Vincent, cháu lấy vợ chưa vậy?” Như thể một đứa trẻ chín tuổi phải có vợ mà thậm chí không báo cho ông ngoại nó nữa. Ông nội Angelo thì hay cho nó ăn nui xào với nước sốt đỏ hay sốt trắng nếu nó bị đau bụng, cho uống rượu bằng thìa và ăn sôcôla Hershey lấy từ túi áo ông ra, lại còn để mặc tình cho nó hái nho và cà chua nữa chứ, mà chỉ cười vánh lên khi nó đánh rơi một trái – cũng không phải cái giọng cười giả tạo của người lớn, vẫn cười cho dù trong bụng đang giận sôi lên. Ông thật sự không quan tâm đến những gì một đứa trẻ làm miễn là nó biết nói làm ơn và cảm ơn và không phải là một *diavolo* – Vincent không biết chính xác từ này nghĩa là gì nhưng nó biết đại khái là một gã xấu.

Họ đang đi qua nhà bếp để ra sân sau thì Vincent nghe bố nó nói: “... phải làm gì khác, mẹ à. Con chịu hết nổi rồi.” Patrick, *tesoro mio*, cưng này,” bà nội Rosie vừa nói vừa đưa tách cà phê cho bố. “Vợ con đang phải chịu nhiều khủng hoảng nên không được bình thường. Con phải cho nó thêm thời gian.”

“Con không còn thời gian nữa, mẹ!” Vincent sợ quá vì bố nó đang khóc. “Con muốn có một cuộc sống, mẹ, chứ không phải cái ... nhà tù này trên phố Post mà Beth không bao giờ bước ra khỏi đó – cô ấy chỉ đi lên đi xuống cái phòng tối của cô ấy như một cái máy thôi.... Mẹ ơi, con muốn thoát ra khỏi cái mớ bòng bong này!”

Bà nội Rosie quay đầu lại thật nhanh rồi nói to, cốt cho bố nó nghe thấy nữa: “Vincenzo, carissimo, cháu ngoan! Bà nội đến ngay đây.”

Ông nội đưa Vincent ra ngoài, đặt nó ngồi xuống cái ghế sắt rồi mang cho nó một ly nước cam.

“Chờ chút, rồi mình sẽ có mì ăn. Nhưng chờ cho bố nói chuyện với bà nội xong đã nhé.”

“Bố đang khóc,” Vincent nói.

“Bố đang rất buồn, 'Cenzo à,” ông nội Angelo nói rồi nặng nề buông mình xuống cái ghế đối diện. Ông bắt đầu lật lật mấy băng cátxét trên ghế dài, bên cạnh cái máy cátxét lớn. “Mình nghe nhạc nhé?”

“Vì sao thế?”

“Vì nó làm cho ta lên tinh thần,” ông nội đáp.

“Không, bố cơ. Vì sao bố buồn?”

“Bố buồn vì em cháu đó. Bố nhớ Ben.”

“Và bố ghét mẹ cháu. Mẹ nói thế.”

Không đâu, Vincenzo, bố cháu yêu mẹ cháu mà. Bố yêu mẹ từ khi bố còn bé như cháu vậy. Mẹ là bạn tốt nhất của bố đó.”

“Cháu cứ tưởng bác Rob mới là bạn tốt nhất của bố chứ.”

“À, mẹ là bạn tốt nhất của bố và là tình yêu đích thật của bố. Chỉ ... đây rồi!” ông nội đã tìm ra được cuộn băng. “Chỉ vì mẹ quá buồn khổ và bố cũng quá đau buồn nên bố mẹ quên đi mất tình yêu của mình.”

“Mẹ quên đi họp cho con ba lần. Thầy hiệu trưởng phải gọi điện cho mẹ. Và bố phải đi thay.”

“Đây, cháu thấy chưa? Đây là giai đoạn cực kỳ khó khăn cho chúng ta. Cho cả ông nữa. Khi ông nghĩ tới Ben thì tim ông quặn thắt.” Ông vỗ vỗ lên đùi và Vincent leo lên ngồi trên đó. “Cháu có bao giờ buồn chưa, 'Cenzo?”

“Thỉnh thoảng ông ạ.”

“Khi nào?”

“Hôm nay này. Bố mẹ đánh nhau và họ... họ làm Kerry sợ. Nó thét lên.”

“Khi ông còn bé ông cũng hay buồn lắm. Ông buồn hoài vì ông nhớ bố ông. Ông cho cháu xem ảnh bố ông rồi đó, Vincent. Ông cố là một người to con... rất to con và là típ người ăn to nói lớn... và ông cố hát những bài hát về tình yêu của xứ Naples, bằng cái giọng rất thánh thiện như của thiên thần Titian, bố ông ấy. Cháu biết không, đó là lý do cháu có tên là Vincenzo, cháu được đặt theo tên ông cố đấy. Và bác Paul được đặt theo tên anh của mẹ cháu là Paulie.”

“Còn bố cháu thì sao?”

“Thì sao cái gì?”

“Bố được đặt theo tên ai không ạ?”

“Có,” ông nội Angelo nói. “Đây lại là một câu chuyện buồn khác. Khi bà nội sinh bố cháu thì ông đang trên đường đi bán mấy dụng cụ nấu ăn. Dạo đó ông bà chưa có cửa hàng. Ông đang đi bán xa không thể về nhà được; còn bà nội Rosie chỉ là một cô gái trẻ, sắp sinh con so. Bà y tá chăm sóc cho bà nội đến từ một đất nước khác, y như ông bà nội vậy – bà ấy đến từ Ireland. Và khi bà nội Rosie lo sợ, bà nội khóc đòi ông nội về thì bà y tá này

– hình như tên là Bridget, mọi người đều có tên là Bridget hay sao ấy – cầu nguyện thánh Patrick cho bà nội được vững tâm để sinh ra một em bé ngoan. Và thánh Patrick đã chấp nhận lời cầu nguyện ấy. Vì thế, dù đây là một cái tên Ireland, nhưng là cái tên bà nội Rosie đặt cho bố cháu.”

“Ông ấy ở đâu?”

“Ai chứ? Bố cháu à?”

“Không. Bố của ông cơ, khi ông nhớ ông ấy.”

“Cụ chết rồi, Vincent. Cụ chết ngay khi xảy ra Thế Chiến Thứ Nhất. Cụ là đầu bếp – tất cả chúng ta, những người nhà Cappadora, đều nấu ăn, nhỉ? Nhưng có mấy gã vô lại đến tấn công trại, và ông cố của cháu bị bắn, và cụ chết ngay tại chỗ, ngay chỗ cụ đang đứng. Cụ cũng được chôn ở đó chứ không phải ở quê nhà. Ông chưa được thấy mộ cụ.” Ông nội Angelo nhìn đầu đầu ra phía cây nho gần hàng rào sân sau. “Còn mẹ ông, bà phải dọn dẹp nhà cửa, mọi người lúc đó đều mệt mỏi và nghèo khổ. Bọn ông nhớ cụ lắm nhưng không được nhắc đến tên cụ vì sẽ khiến mẹ của ông thêm đau khổ. Và đó là lúc ông phát hiện ra nhạc kịch opera. Có một thầy giáo ở trường làng, thầy có máy cát-xét; thầy thường bật băng lên rồi bảo tụi ông nhắm mắt lại tưởng tượng xem nơi họ đang hát như thế nào. Lúc ấy, đối với ông, mấy từ đó nghe buồn cười lắm, Vincenzo, vì chúng buồn lắm! Buồn đến nỗi ông nghĩ chúng quá vớ vẩn; ông chỉ là một cậu bé, chưa lớn bằng cháu bây giờ đâu. Trong bài *La Bohème*, ông ấy hát ‘Bàn tay bé nhỏ của em lạnh giá’ và ông nghĩ *Vớ vẩn quá*. Tuy nhiên – tuy nhiên, nhạc thì tuyệt lắm!... Chỉ có nhạc kịch của người Ý mới thật sự là nhạc kịch, Vincenzo. Cháu biết đó. Cũng giống như thức ăn vậy. Chúng ta phải lịch sự với tất cả những người khác và nói: ‘Ồ, vâng, vâng, thức ăn Mexico này ngon lắm,’ nhưng chúng ta biết rõ mà, đúng không?”

“Đúng. Chúng ta biết rất rõ.”

“Và vì thế, sau này, khi ông trưởng thành, và là một chiến sĩ thì ông sợ chết lắm. Lúc đó đang là Thế Chiến Thứ Hai, còn ông đã là một chiến sĩ Mỹ, một công dân Mỹ rồi, ông chiến đấu chống lại chính kiêu bào của ông,

và người Nhật – phần lớn đối với ông là người Nhật, trên các đảo ở Thái Bình Dương.” Vincent nép sát người vào ngực ông hơn, cố hình dung ông nội mập tròn, rậm nắng, tóc bạc phơ lúc đó gầy gò như bố, cũng sợ hãi như bố. “Ông sợ đến nỗi ông đã phải mua cái máy cát-xét này và mở nhạc lên nghe. Bản *La Traviata*. Không phải nhạc của người Đức, không phải thứ nhạc khủng khiếp của họ. Nhạc opera thật sự. Nó làm ông vui lên và hết sợ.”

“Sao nhạc buồn đến thế lại làm ông hết sợ?”

“Ông sẽ cho cháu thấy ngay đây,” và ông bật băng lên. Có giọng hát của một phụ nữ; cô ta hát khá lớn, nhưng vẫn có thể thấy cô đang nghẹn ngào sắp khóc. Từ ngữ tuôn ra lộn xộn, y hệt như mấy bài hát trong băng của nhà hàng Cappadora.

“Cô ấy nói gì thế, ông? Cô ấy nói tiếng gì vậy? Tiếng Ý hả?”

“Ừ, tiếng Ý, Vincent. Nghe đi đã.”

Nhưng Vincent hãnh diện lặp lại mấy từ tiếng Ý ít ỏi mà nó biết ngoài vài từ chửi thề và *bambino* (em bé): “Non parlo Italiano.” (“Tôi không biết tiếng Ý.”)

“Ông biết, cứ nghe đi đã. Rồi ông sẽ cho cháu biết cô ấy nói gì. Cô ấy là ca sĩ Mirella Freni; một ngôi sao ca nhạc vĩ đại. Giờ thì cô ấy đã già rồi, nhưng khi cuộn băng này được thu âm thì cô ấy còn trẻ lắm. Cô ấy đang nói với đứa con trai nhỏ của cô ấy: “Tu, tu piccolo iddio” – Chúa trời bé bỏng của tôi. Cô ấy yêu đứa con trai bé bỏng của mình lắm mà nó lại sắp sửa đi xa làm cô tan nát cõi lòng.”

“Tại sao nó lại chạy trốn chứ?”

“Nó không chạy trốn, Vincenzo,” ông nội nói. Vincent có thể nghĩ thấy mùi nước xốt từ trong nhà và nó đói khủng khiếp, nhưng nó không muốn tỏ ra bất lịch sự với ông nội. Dù ông nội nói đúng về nhạc opera nhưng nó vẫn thấy hơi ngớ ngẩn khi gọi một đứa bé là “Chúa”.

“Tại sao cô ấy lại gọi nó là ‘Chúa’?”

“Vì cô ấy rất yêu nó đến nỗi nó giống... giống một vị thánh đối với cô ấy vậy. Bố mẹ thường yêu con cái theo kiểu đó mà. Đó cũng là cách ông bà nội yêu bố con. Và là cách bố yêu con và Kerry và Ben. Và mẹ con nữa.”

“Rồi nó đi đâu hả ông?”

“Ai?” Hình như ông nội muốn đứng lên để nhảy theo tiếng hát của người phụ nữ đó.

“Thằng bé đó đó.”

“Bố nó đưa nó sang Mỹ. Thấy chưa, mẹ nó là người Nhật. Người ta gọi cô ấy là Bà Butterfly. Đó là tên câu chuyện. Do Puccini viết. Ông bố là một kẻ đốn mạt. Ông ta lừa gạt người mẹ làm cô ấy tưởng mình là vợ hẳn, nhưng hẳn đã có vợ rồi. Rất *malo, malo*. Xấu xa quá. Và giờ thì cô ấy trao đứa bé cho hẳn.”

“Tại sao lại đưa đứa bé cho hẳn nếu hẳn xấu xa thế?”

“Ông không biết, Vincenzo. Có thể vì cô ấy nghèo quá. Và cô ấy buồn vì người bố đứa bé không còn yêu cô ấy nữa nên cô ấy muốn chết. Và nếu cô ấy mất đứa con trai bé bỏng của mình thì cô ấy càng muốn chết.”

“Mẹ con không chết,” Vincent nói và tự nhiên thấy buồn nôn. Nó ôm ông nội Angelo chặt hơn.

“Không, không, dĩ nhiên là không rồi. Nếu mẹ con chết thì mẹ sẽ ở đâu khi Ben về nhà? Ở trên trời với các thiên thần à?” Ông hôn Vincent, cảm ông lờm chờm râu, thơm mùi nước hoa, mùi trái cây nồng nồng của mấy ngăn kéo và tủ quần áo. “Chúng ta cầu nguyện cho Ben mau trở về nhà. Và người mẹ này, cô ấy là người Nhật, cháu biết không, Vincent. Người Nhật điên lắm. Pazzi. Họ nghĩ rằng nếu ai đó làm điều gì xấu với ta, hay nếu ta làm hại ai thì ta phải chết. Thật là điên rồ, Vincent. Người bình thường như người Ý và thậm chí người Ireland như ông ngoại Bill sẽ đá đít thằng nào chơi xấu họ. Họ đứng dậy và họ có tenoos....”

“Tenoos là gì?”

“À không. Họ có *coraggio*, họ có lòng can đảm. Họ cố sửa đổi điều gì đó.”

“Ăn thôi!” giọng bà nội Rosie vọng từ trong nhà ra.

“*Momento!*” ông nội hét lên đáp lại. “Giờ thì nghe bài này nữa này, Vincent. Bài này cũng buồn lắm dù lẽ ra nó phải vui mới đúng. Đây là lý do vì sao nhạc opera lại tuyệt đến thế. Có cả một câu chuyện. Nếu cháu muốn, ông sẽ sang cuộn băng này để cháu về nhà nghe. Trong đoạn này – đây là bài hát nổi tiếng nhất có tên ‘Un bel di’.”

“Nghĩa là gì?”

Ông nội đánh vần ra cho nó; đánh vần ra nghe nó khác với như khi đọc lên. “Nghĩa là ‘Một ngày đẹp trời’. Cô ấy hát về những suy nghĩ của mình khi nghĩ đến lúc gã tệ bạc đó cùng đứa bé sắp sửa về lại với cô làm cô vui...”

Giọng cô ấy thật mượt mà và giai điệu cũng hay nữa. Nghe giai điệu thì biết ngay đó là nhạc Nhật, nhưng bài này hay hơn nhạc Nhật phổ thông nhiều, loại nhạc Vincent đã nghe ở trường, loại nhạc giống như sữa đã được gạn hết chất béo, như thế không có nhạc cụ nào đệm theo cả. Nó nằm dựa vào người ông nội, lắng nghe giọng hát thánh thiện của người phụ nữ đó, và cố để nỗi buồn của nó trôi theo.

Nhưng tất cả những gì nó có thể nghĩ đến chỉ là nó không còn đói nữa, và giọng của người mẹ kia khi cô ấy nói với đứa con trai bé bỏng chưa bị mất tích, nhưng sao nghe như thể thằng bé đã cách mẹ nó cả triệu dặm đường, xa đến nỗi mẹ không bao giờ có thể ôm nó được nữa.

Tháng Năm, 1990

Dưới giàn nho xơ xác ở sân sau mà bố chẳng bao giờ ngó ngàng tới dù bố luôn nói sẽ chăm bón nó và bố thường hét lên nếu chúng lẫn quẩn ở đó, Vincent và Alex Shore bắt đầu dựng một thành phố toàn bằng cành cây cho mấy nhân vật đồ chơi Playmobil sống trong đó. Bây giờ chúng đã lớn, gần mười hai tuổi rồi, và thật ra chúng không còn chơi với mấy thứ đó nhiều nữa; chúng hay đạp xe xuống tiệm bán đồ điện tử Radio Shack hay lang thang chơi với mấy cái vòng ở công viên. Tối qua, khi nói chuyện điện thoại, chúng đã đặt ra một kế hoạch lớn để sử dụng mấy cuộn dây kẽm mà Vincent đã tìm được. Chúng sẽ giăng nó từ cửa sổ nhà Vincent sang cửa sổ nhà Alex, cách đó ba căn ở bên kia đường, để thiết lập một điện thoại có thể hoạt động được. Nhưng khi bố Vincent bắt gặp nó đang lấy tấm ngăn của phòng ngủ ra rồi lại thấy nào búa nào đinh thì bố ra lệnh phải chấm dứt chuyện đó ngay.

“Sao con ngu thế? Con muốn bẫy lộn cổ một đứa nào đó đi xe mui trần hả?”

Chuyện này đối với Vincent nghe cũng được đấy.

Nhưng chuyện điện thoại dây kẽm này phá sản nghĩa là cần phải có gì đó để làm. Và tuần vừa rồi quả thật nóng quá. Hồ bơi lại chưa mở cửa. Còn mẹ Alex không cho tụi nó vào nhà vì em Max của nó đang bị thủy đậu.

Mới đầu tụi nó chỉ dựng lên mấy chướng ngại vật để chơi trò đánh nhau thôi; nhưng Vincent tìm được mấy sợi dây bố nó cắt từ mấy cây cà chua ra và chỉ cho Alex thấy mấy người da đỏ sử dụng chúng để làm lều – bằng cách cột một mớ những cây que cùng cỡ lại ở trên đầu rồi bẻ cho xòe ra. Thế

là đã có một cái khung. Alex muốn lấy vải mỏng phất lên đó, nhưng Vincent nói: “Không, để lấy nhựa trong phủ lên, như thế mình có thể thấy chúng đang làm gì trong đó.”

“Chúng không làm gì đâu trừ khi mình vào trong đó nhắc chúng lên và di chuyển chúng,” Alex nói.

“Cậu không hiểu ý tứ. Sẽ giống như mình dựng lên mấy cảnh nho nhỏ, giống như một cái lều phủ da hươu cho mấy người săn bắn hái lượm hay đại loại thế. Sẽ giống một mô hình như trong Viện bảo tàng Thiên Nhiên ấy mà.” Alex chưa được vào Viện bảo tàng Thiên Nhiên bao giờ. “À, đó là nơi có nhiều xác ướp và các thứ, và trong đó có mô hình mấy người săn bắn hái lượm và người Inca. Giống như mấy mô hình vậy đó.”

Alex càu nhàu: “Tớ không muốn làm cái đó. Tớ chỉ muốn chơi trò chiến tranh thôi.”

“Xì, chơi trò đó chán thấy mồ, mà lại ngớ ngẩn nữa. Dù sao thì mấy thằng đó cũng là đồ chơi của tớ.” *Nói vậy nghe không hay chút nào*, Vincent nghĩ, và nó phải cẩn thận hơn. Alex là thằng bạn thân nhất của nó – gần như là thằng bạn duy nhất của nó. Nhưng nó cũng không muốn chơi cái trò ngây ngô trẻ ranh và chán ngắt như trò chiến tranh. “Đi mà, Al. Vui lắm.” Khi Alex còn đang suy nghĩ lại thì Kerry bước ra sân. Nó mặc cái áo đầm nhung Cô Gái Mỹ (nó cứ mặc mãi cái áo này, cũng phải đến cả trăm đôla ấy; mỗi lần thấy nó là Vincent lại phát cáu, như hôm nó mặc cái áo đó rồi khoác một áo len bên ngoài đi tới phòng tập thể dục; vậy mà chẳng ai ngăn cản nó cả). Kerry đang lôi một cái xô lớn, nước đầy lên tận miệng. Vincent nghĩ thấy mùi hôi nồng nặc ngay lập tức.

“Chờ chút,” nó nói với Alex. “Kerry, cái gì ở trong xô đó?”

Kerry mỉm cười. “Mấy thứ dưới bồn rửa chén. Em sẽ giết mấy con bọ trong cái thùng cát.”

Vincent bước tới giật lấy cái xô; ngay lập tức con bé giơ chân đá Vincent – nó mới bốn tuổi nên có lẽ sẽ đá nhẹ hều. Nhưng nó đá cũng đau lắm.

Vincent phải lấy chân đè lên chân nó cho nó đứng yên.

“Kerry, đây là nước amoniac. Độc lắm đó. Em không được chơi với thứ này. Mẹ đâu?”

“Đang nói chuyện điện thoại.”

“Mẹ cho em chơi với thứ này à?”

“Dạ,” Kerry đáp. *Chà, cũng có thể lắm*, Vincent nghĩ. *Ồi thôi.*

“Em có thể giết mấy con bọ rất đơn giản bằng cách pha xà bông với nước rồi dùng bình xịt nước xịt vào chúng. Vậy vui hơn.” Nó đổ xô nước amoniac xuống gốc mấy cây bạch dương của nhà ông Aberg; bố nói trong số cây này thì một nửa như trên thiên đàng, và nửa còn lại thì chướng mắt quá. “Em có muốn anh lấy cho em không?”

“Có, có,” Kerry vui mừng hét lên.

Vincent trở lại dưới giàn nho. “Để tớ đi lấy cái này cho nó rồi sẽ lấy nhựa trong phủ cái lều nhé, được chứ, Al? Cậu muốn uống Coca không?”

“Cậu hách dịch quá,” Alex nói.

“Thôi đi,” Vincent cảnh cáo nó. Hai tay nó nắm chặt lại; luôn luôn là thế, nó không sao làm khác được – thậm chí các thầy cô cũng biết điều này.

“Mẹ tớ nói cậu hách dịch vì mẹ cậu không bao giờ không ngó ngang đến cậu.”

“Không bao giờ *thêm* ngó ngang đến tớ, Al à. Cậu dùng từ sai rồi.”

“Ờ, mẹ tớ nói như vậy đó. Và tớ nghĩ là mẹ tớ nói đúng. Bố cậu đi làm việc suốt còn mẹ cậu không bao giờ không ngó ngang gì đến cậu.”

“Cậu biết không, Al, mẹ cậu ngớ ngẩn lắm.”

“Ờ. Rồi sao?”

“Người lớn không nên nói điều đó ở những nơi trẻ con có thể nghe được. Mẹ cậu sẽ giết cậu nếu biết cậu đã nói với tớ chuyện đó.”

“Thì sao?”

“Thì, cứ chơi đi, được không? Mình có thể chơi trò chiến tranh và một ngôi làng của mấy người săn bắn, đồng ý chứ? Mình có thể chơi cả hai thứ luôn,” Alex nhún vai. Vậy là được rồi. Nó sẽ không bỏ đi nếu Vincent nhanh chân lên.

Vincent vào bếp chộp lấy hai lon Coca, và dù không thấy mẹ nó, ngay lập tức nó nhận ra cách mẹ đang nói chuyện điện thoại. Vì mẹ thật sự đang nói chuyện, mẹ nói: “Thật vậy sao? Chị biết chuyện này từ lúc nào?... Nhưng chị thật sự quyết định khi nào?” Và rồi: “Nhưng chị vẫn thích chứ?... Đúng không? Bao nhiêu lần rồi?” Mẹ cười. Mẹ nó đang cười. Nó lần theo đường dây điện thoại chạy quanh bức tường phòng ăn, và thấy mẹ đang cuộn mình trên ghế, ngón tay đang xoắn xoắn tóc. Khi mẹ thấy nó, mẹ vẫy nó lại.

Mẹ vẫy nó và còn... nhoén miệng cười hết cỡ nữa chứ.

Vincent đem hai lon Coca ra ngoài. Chết thật. Nó quên bình xịt bọt cho Kerry rồi. Mẹ không còn nói điện thoại nữa nhưng mẹ lại quay số. Mẹ nói to với Vincent: “Con đoán xem ai sắp kết hôn nào?”

Vincent từng sờ đến nỗi đánh rơi cái bình xịt nước đang gần đây xuống bồn rửa bát; nó chảy xuống cống. Mẹ không bao giờ bắt chuyện với nó hay với bất cứ ai cả. Nó đã để ý nhiều lần, giống như thí nghiệm ấy mà, để xem mẹ nó phải mất bao lâu mới mở miệng nói nếu điện thoại không reo hay nếu Kerry không xin mẹ một cái bánh quy hay cái gì đó. Và nó thấy mẹ nó có thể không nói cả mấy tiếng đồng hồ liền, có khi cả mấy ngày nữa ấy chứ. Nó đã thấy mẹ không nói cả một ngày trời khi bố phải đi xa. Mẹ dọn giường, mẹ dọn dẹp, như một người bình thường, trừ việc mẹ lặng thinh, thậm chí mẹ cũng không ngân nga nhỏ nhỏ trong miệng. Không phải mẹ không ngó ngang đến nó mà chỉ là mẹ thậm chí không biết đến sự hiện diện của nó.

Vincent không tin là mẹ không thật sự suy nghĩ; người ta không thể làm thế được. Nó với cô chị họ Moira đã thử nhiều lần rồi khi chạy vòng quanh nhà mà không nghĩ đến một con heo. Không thể làm được. Là người thì lúc nào cũng phải suy nghĩ; không thể không suy nghĩ. Với đầu óc đơn sơ của

nó, nghĩ đến mẹ làm nó đau đầu quá – giống như khi radio bị nhiễu vậy. Cô Tree đã từng nói về cái đầu của mẹ – khi cô nghĩ Vincent đang ngủ – “Nhà sáng đèn nhưng không có ai ở nhà”. Nhưng Vincent không đồng ý.

Đôi khi nó tưởng tượng đầu mẹ giống như tổ ong vậy.

Nhưng giờ thì mẹ đang nhìn thẳng vào nó.

“Candy,” mẹ nói, và nó tự hỏi có phải mẹ nó muốn ăn một ít kẹo à? Nhưng rồi nó nhận ra rằng mẹ muốn nói đến người bạn cảnh sát của mẹ, người thỉnh thoảng cuối tuần vẫn đến và cho Vincent sờ một chút vào khẩu súng đã được tháo hết đạn hay cho chơi với cái huy hiệu bằng vàng của cô ấy. “Dì Candy sắp lấy chồng. Con tin nổi không?”

Vincent biết mẹ muốn nó trả lời. Nó nói: “Chà, dì cũng khá già rồi.”

“Ồ, dì không già lắm đâu, Vincent. Dì... xem nào... bốn mươi, mẹ đoán thế. Dì muốn... dì muốn có con trước khi quá trễ.”

“Quá trễ á?” Vincent vờ hỏi cho có vẻ quan tâm, và mong mẹ nó cứ nhìn nó như thế này mãi.

“À, phụ nữ chỉ có thể có con trong một khoảng thời gian nào đó thôi. Sau đó thì họ già quá và cơ thể họ không hoạt động cho việc đó được nữa.” *Mẹ muốn nói đến sự mãn kinh*, Vincent nghĩ – nó đã được học về chuyện này ở trường rồi. Nó luôn tự hỏi *tại sao lại là mãn chứ? Tại sao không là hết luôn?*

“Nhưng đó là khi mình già lắm rồi chứ, phải không mẹ?” nó vội vã hỏi khi thấy mẹ có vẻ không muốn nói nữa.

“À, nếu mình có con khi đã già thì đôi khi đứa bé không được bình thường. Nó sẽ bị khuyết tật bẩm sinh.” Ngay lúc đó nó thấy mẹ nó lại biến mất. Bây giờ mà nó có đăm lốt trông mắt ra thì mẹ cũng chỉ nói “Vincent, chơi cái đó ở ngoài.” Mẹ lại quay sang cái điện thoại. “Mẹ muốn dì Laurie đến trông Kerry cho mẹ. Con có muốn ở với bố không? Con có thể ở nhà một mình cho đến khi bố đi làm về không?” Mẹ cau mày. “Phải chi Jill vẫn

còn ở đây.” Mẹ vẫn luôn ước ao chị Jill đã không nghỉ học để lập gia đình. Nhưng Vincent biết đây không phải một trong những câu hỏi mà cha mẹ thường hỏi khi họ đã biết câu trả lời. Mẹ nó không thể. Khi mẹ hỏi ở lớp năm thầy cô có cho làm toán chia trên giấy không thì thật sự mẹ chẳng biết là nó có hiểu “toán chia trên giấy” nghĩa là gì. Mẹ không biết là nó đã đứng thứ nhì trường trong cuộc thi đánh vần, và nó không được nhất vì cái từ “withdrawal”.

“Trông Kerry khi nào?” nó hỏi.

“Cuối tuần sau, vào cuối tuần sau,” mẹ lại nhìn nó. “À, dì Candy muốn mẹ chụp hình. Cho bữa tiệc cưới. Ở Chicago. Và mẹ đã đồng ý.”

Vincent phải ngồi xuống. Giờ này có lẽ Alex đang bực mình lắm đây; hay nó đã đi về nhà rồi cũng nên. Lẽ ra Vincent đã phải ra ngoài để ngăn không cho Kerry chạy ra phố hay làm gì bậy bạ.

Nhưng nó phải nghe cho hết chuyện này đã. Không thể tin được.

Trong mấy năm qua, mẹ đã bay đến New York hay đến Florida để làm việc. Nhưng chưa bao giờ, chưa bao giờ mẹ đi Chicago – ngay cả khi cô Tree sinh em bé, hay khi ông nội Angelo bị đau tim, hay vào dịp Giáng Sinh, hay khi đi nhận dạng các tử thi mà cảnh sát nghĩ là Ben.

“Mẹ sẽ đi với bố chứ?” nó hỏi.

“Ờ, cũng có thể. Không, mẹ không nghĩ thế đâu. Ý mẹ là bố còn phải làm việc. Mẹ nghĩ là...”

Mẹ nhìn Vincent chăm chú như thể cả hai đang phát hiện ra kho báu tiền vàng Tây Ban Nha không bằng. “Chắc mẹ chỉ đi một mình và sẽ ở tại nhà dì Ellen. Chỉ một đêm thôi mà. Được chứ?”

“Dạ được. Mẹ sẽ ổn chứ?”

“Mẹ nghĩ không sao. Con cũng sẽ ổn chứ?”

“Dạ.” *Làm thế nào khác được*, Vincent nghĩ; không giống như khi mẹ hỏi nó lúc nào thì đi ngủ hay đại loại thế. Nó nhìn vào mặt mẹ trong khi mẹ nó

nhìn ra sân – nó có thể thấy Kerry ngoài đó, đang trịnh trọng xịt nước vào hộp cát. Hình như mẹ đang cố nghĩ về những gì mẹ sẽ làm; nó có thể *thấy* những suy nghĩ của mẹ chạy tới chạy lui như con rối. Tay mẹ run rẩy định cầm điện thoại lên. Nhưng rồi lại để trên đui. “Mẹ nghĩ bố sẽ cho mẹ đi à?” nó lo lắng hỏi.

Mẹ lặng thinh một lúc, lâu đến nỗi Vincent lại tưởng mẹ đã biến mất rồi. Nhưng sau đó mẹ nói: “Hả, cho mẹ đi? Bố con đâu phải là ông chủ của mẹ, Vincent. Mẹ muốn đi đâu là mẹ đi thôi.”

Nhưng một tuần sau nó vẫn còn kinh ngạc khi mẹ đi thật. Mẹ bỏ cái túi vải to đùng vào cốp xe với ba cái máy ảnh và đèn flash, thậm chí mẹ còn đem theo miếng vải phủ đầu màu đen làm mẹ giống như mấy ông chụp hình xịt khói trong mấy phim câm vậy. Họ đứng trên hiên, chờ bố đi mua đồ về.

“Con có muốn mẹ gọi điện thoại cho con tối nay khi bố đang làm việc không?”

“Con cũng đi với bố mà,” Vincent đáp.

“Ờ, vậy thì tốt rồi.”

Bố lúi chiếc Toyota lên đường cho xe vào nhà rồi bắt đầu khiêng mấy bao phân bón cỏ ra, dù theo như Vincent biết thì nhà nó chẳng có loại cỏ nào ngoại trừ loại cỏ xấu nhất trong khu phố. Bố thả bao cuối cùng xuống làm nó hơi bung miệng ra, rồi dựa đầu vào cốp xe đang mở.

“Bố không sao chứ?” Vincent hỏi. Mẹ vẫn cứ đứng yên một chỗ.

“Chỉ vì bố già rồi,” bố vừa nói vừa lấy tay áo sơ mi bằng ni sòn rách chùi mặt.

Mẹ cúi xuống nhưng không ôm nó, và mẹ siết chặt cánh tay bố. Vincent thắc mắc, nó hay thắc mắc lắm, liệu mẹ có hôn bố không; mẹ không hôn. Có lẽ đó là điều người ta không muốn làm trước mặt đứa con chưa dậy thì của mình.

“Em chắc là không cần anh lái xe đưa em đi chứ?” bố hỏi.

“Em lái được mà, Pat. Em mắc nợ cô ấy. Cô ấy không bỏ cuộc.”

“Anh nghĩ cô ấy điên rồi. Chuyện này điên thật. Tay kia cũng điên luôn.”

“Như cô ấy thường nói, người ta còn làm những chuyện ngớ ngẩn hơn thế nữa ấy chứ.”

“Anh cũng nghĩ thế,” bố nó mỉm cười. “Hôn cô dâu giùm anh nhé. Nhưng đừng hôn mạnh quá.” Bố luôn hài hước kiểu đó về dì Candy làm Vincent luôn nghĩ bố cho dì Candy là dân đồng tính, chỉ kết hôn với nữ thôi. Nhưng không phải đâu. Nó biết chắc như thế. Người dì rất thơm. Theo nó thì dì Candy sẽ là một bà mẹ tuyệt vời – chỉ xét tới mấy dụng cụ dì để trong xe thôi cũng đạt tiêu chuẩn đó rồi. Nó muốn được làm con dì Candy lắm.

Tối đó, khi nhà hàng đông khách, ông trẻ Augie thật dữ dằn, ông la hét mọi người, ngay cả bếp trưởng Enzo mà thường ngày ông vẫn sợ. Ông la lên: “Người ta đang chết đói hết ở ngoài kia kìa. Nếu người ta muốn chết đói thì họ sẽ tới Ethiopia chứ đâu có ngồi trong phòng ăn của tôi!”

Cuối cùng, ông Enzo chĩa mũi dao to nhất của mình vào ông trẻ Augie và nói: “Anh mà nói một câu nữa thì tôi sẽ đâm phập cái này vào cái mũi mập bự của anh đó, Augusto. Ông già điên à! Anh đã thuê được ai ngon bằng tôi chưa?” Bố Vincent đã phải can họ ra. Vincent thích những vụ như thế này dù bố không thích chút nào. Bố ghét đánh nhau. Cô Linda, cô hầu bàn tóc đỏ to bự, đã kéo Vincent sang một bên gần cửa sau nơi mấy đứa trẻ con Mexico mặc áo sơmi trắng có thêu dòng chữ Nhà Hàng Cappadora trên túi đang ngồi rúm người lại. Đầu nó được ép vào giữa hai bầu vú cô.

Cô nói: “Đừng cãi nhau trước mặt thằng bé chứ. Paddy, làm cho họ nín đi.”

Linda đưa nó ra khỏi nhà bếp rồi cho nó ăn mì sợi nhỏ với sốt sò, món nó thích nhất. Nó đang vừa ăn vừa nói chuyện với Mickey, người bán sỉ thảm và Tory, người pha chế rượu thì Tory nhận được điện thoại gọi cho bố nó.

“Đi gọi bố mau,” anh ta bảo Vincent rồi nói vào điện thoại. “Bethie ơi, chờ chút nghe. Anh nghe không rõ. Để anh gọi anh ấy.”

Ông trẻ Augie đang ngồi trên một cái ghế gỗ trong bếp, lau mặt bằng một khăn tay lớn và uống nước đá. “Tại sao mọi người lại uống mấy thứ khác mà không uống nước đá nhỉ, Vincenzo?” ông hỏi nó.

“Bố đâu rồi, ông?”

“Ở ngoài kia. Đang hút thêm thuốc độc.” Cũng như ông nội Angelo, ông trẻ Augie là người đã bỏ hút thuốc; thậm chí ông không cho phép hút nơi quây rượu nữa kia. Người em của họ, ông Cosimo, đã chết vì ung thư phổi.

“Bố ơi,” Vincent gọi với ra ngoài. “Mẹ đang chờ bố trên điện thoại kìa.” Bố nó vút mẫu thuốc qua hàng rào rồi cầm lấy điện thoại. Trời nóng, trong bếp nóng đến nỗi ông Enzo chỉ mặc áo lót làm Vincent cứ muốn buồn nôn mỗi lần thấy ông. Bố kéo dây điện thoại ra tận ngoài ngõ hẻm. Bố ra hiệu cho Vincent đến đứng bên bố. Vincent tiến lại gần, nó ngắm những dải ánh sáng nhợt nhạt nó thường nghĩ là những tia sáng phương Bắc khi nó còn nhỏ, mà thật ra là những ánh đèn từ khu Vanland bên kia xa lộ Đông-Tây. Nó mệt quá và bị hớp hồn bởi những ánh đèn nên không để ý mấy ngón tay bố đang siết chặt cổ nó; bố đang làm nó đau quá. Khi Vincent thoát ra được thì cổ áo phông nó ướt đẫm.

“Họ tìm thấy gì nữa?” bố đang nói. Và rồi “Nó ở cái chỗ chết tiệt nào vậy? Hyatt nào chứ?... Ôi, tận Elmbrook cơ à, đương nhiên rồi, phải thế thôi... Candy sao? Anh nghĩ cô ấy sắp kết hôn mà...” – Vincent nhìn mờ hôi nhỏ giọt tong tong từ môi trên của bố. Trông bố buồn cười quá; cặp mắt bố nhìn thăm thẳm. “Anh sẽ đi ngay, chắc mà... Tại sao chứ? Em sẽ làm gì? Ellen có đang ở với em không?” Bố che ống nói rồi bảo Vincent: “Lấy cho bố ly nước, anh bạn.” Vincent vào trong đến máy làm nước đá. Nó đổ đầy đá đến ba phần tư ly, bố vẫn thích thế, rồi chậm chậm bưng ra cho bố, nó phải dùng móng đẩy cánh cửa bếp ra. Ngay lúc đó nó thấy bố đang quỳ – *Bố đang cầu nguyện*, nó nhủ thầm. *Tại sao lại cầu nguyện chứ?* Nhưng điện thoại đang nằm trên đất, và một giọng nói vẫn quang quác phát ra từ trong điện thoại: “Pat? Pat? Anh còn đó không?” Hai tay bố nó đang đè trên ngực,

và cặp mắt sâu thẳm thẳm của bố ngược lên nhìn Vincent như một trong những vị thánh trong viện bảo tàng vừa thấy Chúa.

“Bố nghĩ bố bị ốm, anh bạn ạ,” bố nói với Vincent. “Bố nghĩ có một con voi đang đứng trên người bố.” Bố cố mỉm cười.

Vincent với tay qua người bố lấy chiếc điện thoại, nó dập máy đủ lâu để không còn nghe giọng mẹ trong đó nữa, rồi quay số gọi 911.

Lúc mẹ nó tất tả chạy ào vào phòng chờ của khu chăm sóc đặc biệt thì Vincent đã biết bố nó sẽ không chết.

Nó đứng đó để nghe các bác sĩ, cả hàng tiếng đồng hồ, cố giải thích cho bạn bố, bác Rob Maltese, và ông trẻ Augie và nó đã nghe được hết mọi chuyện – và nó đã quyết định rằng vị bác sĩ đi đôi giày cao bồi sẽ là người đáng tin. Giày Cao Bồi nói bằng một ngôn ngữ rất bình dân, dễ hiểu, và cách ông ấy nói không khiến ta thấy bác Rob và ông trẻ Augie là gốc gác. Tất cả những người khác cũng thế.

Từ cô Linda đến chồng dì Laurie là dượng Rick, ngay cả dì Laurie cũng thế, họ đều nói với nhau: “Anh ấy đang được các bác sĩ giỏi nhất chăm sóc.”

“Đây là phương sách cuối cùng.”

“Tạ ơn Chúa vì đã có bệnh viện đại học này.”

Và rồi, sự nhớ là nó cũng đang có mặt ở đó, ai đó bèn quay sang Vincent và nói: “Bố cháu sẽ khỏe ngay thôi. Các bác sĩ giỏi nhất đang chăm sóc bố cháu đấy.”

Nhưng Vincent biết đó chỉ là những lời người lớn nói với một đứa con nít. Nó nghe những câu như thế nhiều lần rồi.

Vì thế nó không nói gì; nó chỉ lắng nghe, và chỉ khi nào thấy đôi giày ống màu be làm từ da tặc kè bước qua cửa xoay ra khỏi phòng chăm sóc đặc biệt thì nó mới dỏng tai lên và tập trung tối đa như khi nó làm một mô hình động cơ mô-tô thôi. Đến khoảng mười giờ thì Giày Cao Bồi nói với bác Rob và ông trẻ Augie: “À, để tôi nói cho dễ hiểu thì như thế này, tôi hy vọng và tôi nghĩ những gì chúng tôi có thể làm ở đây là chặn đứng một đợt nhồi máu cơ

tim xảy ra. Chỉ khi nào làm xong xét nghiệm về sự lưu thông máu trong động mạch thì chúng tôi mới có thể biết chính xác một trăm phần trăm về tình trạng của các động mạch và mọi thứ; nhưng nhờ trời chúng tôi đã làm ngay được TPA cho anh ấy rồi...”

“Là gì thế?” ông trẻ Augie hỏi.

“Là thuốc làm loãng máu, để làm tan máu đông, làm cho máu lưu thông trở lại,” Giày Cao Bồi đáp. “Khi một người trẻ như thế này có triệu chứng đó thì chúng tôi phải giả định là có nghẽn mạch...”

“Tại nó vừa nhận được cái tin khủng khiếp đó từ Chicago. Vợ nó mới gọi điện báo họ đã tìm thấy... của thằng bé.” Giày Cao Bồi xoa tay rất lịch sự: “Đúng vậy, chúng ta thường nghe rằng người ta vẫn hay vào bệnh viện với chứng nhồi máu mà chúng tôi vẫn cho là do căng thẳng. Nhưng với một người bình thường, ông có thể hù dọa cả ngày khiến anh ta sợ đến vãi đái trong quần thì anh ta cũng chỉ đỡ mồ hôi hay đau bụng và thấy rất khó chịu, nhưng anh ta sẽ không bị nhồi máu cơ tim. Sự căng thẳng chỉ xì ra trong phút chốc đó thôi cho thấy thực chất nó là do một nguyên nhân cơ bản: di truyền.... Ông Cappadora này, cha ông mất vì bệnh gì?”

“Cha tôi chết trong Thế chiến thứ nhất. Lúc đó ông còn trẻ. Mới hai mươi thôi.”

“Trong gia đình ông có ai bị bệnh tim không? Các chú các bác ông chẳng hạn?”

“Có chứ,” ông trẻ Augie nói. Giọng ông có vẻ ngạc nhiên như muốn hỏi hai chuyện này thì có liên quan gì với nhau. “Hai người anh của bố tôi chết rất trẻ vì nhồi máu cơ tim. Một người có lẽ mới khoảng bốn mươi lăm. Nhưng người anh thứ tư vẫn còn sống. Giờ ông ta đã chín mươi rồi. Riêng chúng tôi có một người anh chết vì ung thư phổi. Và tôi có một người em là Ange, nó phải đeo máy điều hòa nhịp tim. Tuy nhiên, đến giờ phút này thì nó vẫn ổn.”

“Đấy, ông thấy chưa. Và...” Giày Cao Bồi nhìn vào hồ sơ. “Pat có tiền sử hút thuốc, không hút nhiều nhưng anh ấy hút từ khi còn trẻ, anh ấy nói thế. Xem nào, mười ba hay mười bốn tuổi, có phải không nhỉ?”

“Nó nói được à? Nó tỉnh hả? Chính nó nói với anh như thế? Nào nó vẫn còn hoạt động sao?”

“Ồ, anh ấy vẫn còn lanh lợi lắm. Anh ấy có bất tỉnh đâu. Đương nhiên là anh ấy rất lo lắng, đương nhiên rồi. Chúng tôi đã phải chích cho anh ấy dịu lại...”

“Sẽ phải mổ à?”

Giày Cao Bồi mím môi. “Chưa đâu, từ từ rồi tính. Công việc của chúng tôi hiện nay là làm cho anh ấy ổn định đã, rồi khi nào có thể thì sẽ rọi xem bên trong tim anh ấy. Nhưng kết quả điện tâm đồ của anh ấy không đến nỗi tệ. Chưa có biểu hiện của những sóng Q – những biểu hiện nguy hiểm nhất.”

Ngay lúc đó mẹ nó ào vào phòng, đôi mắt mẹ nhòa nhoẹt chì đen. Mẹ mặc cái quần jean thường ngày, giày thể thao không cột dây, không vớ, với cái áo xa-tanh hết sức kỳ cục dài lòng thòng, và một, chỉ một chiếc bông tai bằng ngọc trai lớn đang lủng lẳng.

“Pat đâu?” mẹ nắm tay Giày Cao Bồi hỏi. Chú ấy không giật tay ra – Vincent thích thế – chú chỉ đặt bàn tay mình lên tay mẹ và nói lại những gì đã nói suốt từ chập tối đến giờ, như: “Điều đầu tiên chị cần biết là chồng chị đã qua cơn nguy kịch nhất,” rằng “viễn cảnh hồi phục, nói một cách thận trọng, là khá tốt đẹp...” Mẹ chẳng nghe chú ấy nói, dĩ nhiên rồi. Mẹ bảo: “Tôi muốn gặp Pat.”

Câu ấy như một lời nhắc nhở Vincent. Giờ thì nó có thể lên tiếng được rồi. Vì thế nó nói: “Cháu muốn gặp bố cháu. Con cũng muốn gặp bố nữa.”

Cả Giày Cao Bồi và mẹ đều nhìn xuống Vincent. Beth hỏi: “Con đã ăn gì chưa?”

Ăn à? “Dạ rồi.” Vincent đáp.

“Chúng tôi muốn gặp Pat,” mẹ nói với chú bác sĩ.

“À, tôi nghĩ là được rồi đấy, nhưng chỉ một hay hai phút thôi nhé.”

Họ được đưa vào một lối đi lát gạch giữa hai dãy giường ngủ có màn che. Có ai đó – giọng như một ông già – hét lên “đồ y tá mọi đen”. Một em bé đang rên rỉ trong phòng chờ. Cô y tá, làm nó nhớ đến mấy bà xơ ở trường Mount Mary của nó, chỉ về phía cái giường ngay chính giữa; màn đã được kéo ra, và bố đang nằm đó. Trông bố tệ hơn nhiều so với lúc bố khuyu xuống ở hẻm sau nhà hàng. Lớp da chung quanh miệng bố thâm tím, và có hai ống nhựa móc vào mũi bố nối với một bảng bằng kim loại trên tường. Một cánh tay bố bị cột chặt vào một bảng, phía trên là một túi nước treo lơ lửng đang nhỏ từng giọt, từng giọt; Vincent tính giờ, chính xác là cứ hai giây một giọt.

Bố nói nhỏ. “Con yêu, đến đây nào.” Vincent đi đến cạnh giường. Nó muốn ôm bố nhưng cũng sợ bố sẽ đụng vào người nó. “Con đã cứu bố, con yêu. Con đã cứu mạng sống của bố già này. Con là một cậu bé dũng cảm.”

Nước ứ đầy trong mắt Vincent nên nó giả vờ sẫm soi ngực bố để xem tim bố còn đập dưới làn áo in hoa của bệnh viện không. Mới đầu nó chỉ thấy mẹ quỳ xuống bên cạnh chiếc ghế cao rồi gục đầu vào cánh tay bố. Nhưng sau nó bắt đầu chú ý đến lớp chì trang điểm đen thui dính đầy trên mấy miếng gạch trên người bố. *Bản quá đi mất*, Vincent nghĩ. Cái thứ đen đen đó chắc là không được khử trùng rồi.

“Bethie, ôi cưng ơi. Anh mệt quá,” Pat nói.

“Paddy, trông anh kinh quá. Em xin lỗi, em xin lỗi vì đã không có mặt ở đây. Nếu em biết thế thì, thì, Chúa ơi, Paddy, em đã ở nhà rồi...”

Bố cố đưa tay ra, như khi bố nhắc bóng Vincent lên để thay bóng đèn trong nhà để xe, đặt lên mái tóc mẹ bình thường ở phía trước nhưng rối bù ở đằng sau giống như khi Kerry mới ra khỏi giường vào mỗi sáng – rối tung rối bù, và bện lại từng chùm như thể đã lâu rồi mẹ chưa chải đầu. Vincent sờn cả gai ốc.

“Em yêu,” bố nói. Mẹ bắt đầu khóc, giọng mẹ khàn khàn làm Vincent tưởng mẹ đang nôn, nhưng sau đó nó làm Vincent thấy ngượng. Cô y tá nhìn vào, bậm môi cười buồn rồi kéo màn che lại.

“Bethie, nói cho anh nghe đi. Nói ngay đi em.”

Mẹ đưa đôi mắt to đẫm lệ đen đang chảy ròn ròn xuống má nhìn Vincent. “Để chút nữa đã.”

“Nghe này, Bethie, tối nay chính con đã gọi 911. Nó cũng có thể nghe.”

Thế là mẹ kể cho cả hai người về chiếc giày. Về chuyện ăn trưa, ăn tối hay gì gì đó tại một khách sạn với dì Ellen, và đột nhiên dì Candy xuất hiện với cái áo cưới bằng lụa màu be, tay cầm chiếc giày em bé màu đỏ của Ben. Vincent thấy khó hiểu; có gì mà quan trọng đâu, họ có chiếc giày của Ben cả trăm năm trước rồi mà. Nhưng không phải thế. Theo như cảnh sát nói thì đó là chiếc giày kia của Ben, hay một chiếc giống thế, và nó được để trên một cái bàn trong phòng ăn của khách sạn nơi lớp của Beth, vào chính ngày đó, cũng chính cuối tuần đó, đang tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ hai mươi của lớp. Tại khách sạn Hyatt lớn cạnh sân golf ông ngoại Bill hay chơi. Không phải khách sạn Tremont. Không phải khách sạn Vincent thỉnh thoảng vẫn mơ thấy trong các giấc mơ rượt bắt của nó; bất cứ khi nào nó muốn, chỉ cần nhắm mắt lại là nó có thể hình dung được những hàng gạch lót và màu của những viên thịt chiên đó. Thỉnh thoảng, khi nó nằm trên giường vào ban đêm, nó cố nghĩ đến mấy hàng gạch lót cùng cái mùi đó và cảnh nó đứng trên chiếc xe đẩy hành lý để nó không nằm mơ thấy cảnh rượt bắt nữa. Nhưng không được. Giấc mơ đó đến rất tùy tiện.

Bố vừa thở hắt hắt vừa nói: “Vậy có nghĩa là họ sẽ mở lại...”

“Suuuuuyt. Anh nghỉ ngơi đi. Họ đã đóng hồ sơ lại đâu, Pat,” mẹ nó nói.

“Họ nghĩ thế nào, ai đã...?”

“Candy nói có lẽ ai đó đã tìm ra chiếc giày lâu rồi, và đó chỉ là một trò đùa bệnh hoạn. Hay có lẽ lại là một chiếc giày khác mà một kẻ điên khùng nghĩ sẽ là chuyện giật gân, anh biết rồi đó...”

“Ellen có ở đó không?”

Mẹ không trả lời ngay. Mẹ có biết không chứ? Vincent thắc mắc.

“Ellen đã không cho em biết tối đó có cuộc họp mặt lớp. Mãi đến khi em đến đó nó mới cho em biết. Em đoán là nó nghĩ em sẽ không đến. Và thậm chí Candy cũng không có mặt trong buổi tiệc chiêu đãi đám cưới của chính cô ấy nữa. Em đã không chụp được cho cô ấy bức ảnh nào. Chồng cô ta hình như rất dễ thương....”

“Vậy bây giờ họ định làm gì?”

“Candy á?”

“Không, trời ạ, Bethie – cảnh sát ấy. Bender ấy.”

“Chúng ta sẽ nói tiếp khi nào anh khỏe lại, cưng ạ.”

“Beth.”

“Họ sẽ cố tìm hiểu xem ai là người đến buổi họp mặt đó lần thứ nhất, hay ai là người có mặt vào ngày hôm đó và mang chiếc giày trở lại lần này. Candy nói lần này họ có thể lấy dấu vân tay; lần trước họ cũng đã làm rồi đó.”

“Và nếu họ có thể có vân tay thì nghĩa là Ben....”

“Có đủ mọi nghĩa, Pat ạ. Cũng có thể là cái người đã bắt cóc Ben đang cố để lại một lời nhắn....”

Vincent nhảy nhồm lên khi thiết bị trên màn hình ở đầu giường bố bắt đầu kêu bíp bíp inh ỏi; cô y tá xuất hiện ngay lập tức. Cô vui vẻ nói: “Không sao đâu. Không có gì thay đổi cả. Chỉ hơi trặc trặc chút xíu.” Mọi người nín lặng khi cô ta đưa tay sờ vào máy ống dẫn trên người bố rồi đặt một máy đo nhỏ vào tai bố và nó kêu ngay lập tức. “Mọi chuyện đều ổn, ông Cappadora ạ. Nhưng ông phải nghỉ ngơi thôi.”

“Một phút nữa thôi mà. Vợ tôi mới vừa đến... Bethie, nghe này em. ‘Một lời nhắn’ ư?”

“Có lẽ chỉ là để an ủi chúng ta...”

“Beth! Để an ủi mình à?”

“Tụi em phải đi đây.” *Đi đâu? Vincent tự hỏi. Họ sẽ đi đâu? Sẽ để bố lại đây một mình à? Nếu bỗng dưng tất cả những cái máy kia ngưng hoạt động cùng một lúc thì sao? Nếu bị cúp điện thì làm thế nào?*

“Mình đi đâu hả mẹ?”

“À, về nhà con ạ. Mẹ nghĩ là mẹ sẽ đưa con đến nhà dì Laurie và rồi mẹ sẽ trở lại đây ngồi với bố. Con không thể thức suốt đêm được...”

Vincent bắt đầu khóc. “Con muốn ở đây với bố. Con không muốn về nhà dì Laurie. Con phải chăm sóc bố...”

“Suuuuuyt,” Beth nói vì ông già kia bỗng run rẩy la lên: “Gì thế? Sao ở đây ồn ào quá thế?”

“Mẹ sẽ lo cho bố,” Beth vừa nói vừa kéo Vincent lại gần. Nó giăng ra. Mẹ nó có mùi ghê quá, thật vậy, mẹ nó có mùi như... nó vẫn nhớ cái mùi đó, như mùi nước hoa ông nội Angelo thường dùng, có thể là ông vẫn còn đang dùng, loại nước hoa làm Vincent nhớ đến mùi vải lót trong một hộp đựng nữ trang cũ. Mẹ có mùi nồng như thế mẹ đã nhúng nguyên cả đầu mẹ vào trong đó, và điều này thật lạ vì mẹ thường chỉ thơm mùi sữa rửa mặt Noxzema thôi. Mẹ không xài nước hoa bao giờ. Nhưng trước khi nó có thể hít lại lần nữa thì chồng của dì Laurie – dượng Rick – xuất hiện và nắm lấy tay nó.

“Đi với dì Laurie nào, cậu bé ngoan,” dượng Rick vừa nói vừa nháy mắt với bố. Khi dượng Rick kéo nó đi về phía cửa, Vincent thấy mẹ nó quỳ xuống lại bên giường và nghe mẹ thì thầm: “Paddy. Em sẽ đi bất cứ đâu. Em sẽ làm bất cứ điều gì. Cái nhà hàng với bố anh. Mình có thể làm việc đó. Em... muốn anh làm chuyện đó. Khỏe lên đi anh, Paddy. Đừng chết trên tay em. Đừng chết mà.”

Giờ mẹ mới hối hận, Vincent nghĩ. Mẹ đã luôn muốn giết bố và giờ thì mẹ lại hối tiếc vì đã suýt làm bố chết. Hay có lẽ mẹ chỉ giả vờ hối tiếc. Thật dở

hơi. Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu mẹ đã cố tình làm thế, như một lời nguyền? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bố đã chết ngay trong ngõ hẻm, và Vincent phải đi về nhà một mình với mẹ, mãi mãi, còn bố sẽ không bao giờ về nhà, không bao giờ ở bên nó nữa?

Và nếu một ngày nào đó mẹ phát hiện ra thì sao? Về mấy thứ đó? Nó thấy nhộn nhạo trong bụng, bụng nó cồn cào vì sợ hãi khi nó nhìn mấy lọn tóc xoắn bết lại đằng sau đầu mẹ nó, gần như tím thẫm dưới ánh đèn bệnh viện. Nó phải tự nhủ rằng thậm chí khi mẹ ôm chặt lấy nó, hay giật mạnh sau cổ nó thì mẹ cũng không muốn làm nó đau mà chỉ là đôi tay mẹ thôi. Đôi tay thô bạo của mẹ. Đôi khi mẹ nhìn nó như thể mẹ muốn nắm đè lên người nó, như một cái chặn. Những lúc đó, đôi tay mẹ lại dịu dàng như tay nha sĩ vậy, đôi bàn tay rất nhẹ.

Nhưng nếu mẹ biết.... Trong một lúc lâu, nó biết chắc rằng nếu mẹ biết thì mẹ cũng sẽ giết nó. Mẹ không còn chọn lựa nào khác.

BETH

8

Tháng Mười, 1990

Không thể nào.

Lần đầu tiên cô đi vào hiệu đóng sách vô chủ mà sau này là nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ, Beth đã nghĩ *Đây là một cái hố, một cái hầm, tối tăm mù mịt trông gớm guốc khiến những người lạ quan nhất cũng muốn tự tử*. Pat và ông Angelo đang chọn cách tự sát tập thể để thoát khỏi thực tế của một gia đình ngày càng thu nhỏ lại vì mất cha, mất con. Đó chỉ là một ngôi nhà thô sơ vô dụng với mấy bức tường bằng thiếc bị viết vẽ đầy trên đó nằm giữa vùng biên giới lộn xộn phía tây, một vùng trong đó chỉ có vài người vui vẻ, gan dạ bắt đầu dẫn vốn trên một đồng gạch nâu đỏ nát.

Một trong những người đó là nhà trang trí sân khấu Beth đã gặp cách đây vài tháng – một người trang trí sân khấu nổi tiếng cấp quốc gia đã thiết kế theo chủ đề cho các quán rượu và nhà hàng.

Ông ta thực sự “tạo nên” những ảo giác, giống David Copperfield à? Beth đã muốn hỏi. Cô đã nén mọi lời bình phẩm; từ ngày Pat bị nhồi máu cơ tim, cô đã nén trong lòng quá nhiều điều đến nỗi một ngày nào đó chúng có thể sẽ trỗi dậy làm cô nghẹt thở. Tuy nhiên, sự biến đổi này cần phải nhờ đến phép lạ.

Và không có từ nào khác. Phép lạ. Trong sáu tuần lễ.

Beth chưa từng thấy điều gì giống như những gì đã xảy đến cho cái kho hàng cũ kỹ đó. Giống như một chuyến đi mơ ước trong trí tưởng tượng của người Ý. Hết phòng này đến phòng khác – có một phòng được làm giống như một hầm rượu, với những thùng tôn-nô chất từ sàn lên trần, trên dán nhãn các nhà sản xuất rượu “Ruffino,” “Conterno,” “Catello di Amma” và những

giọt sơn nhỏ khéo léo làm thành những giọt rượu tràn dọc theo tường. Các hoa văn tinh tế bằng thạch cao được gắn nơi các hốc tường với những câu khẩu hiệu màu xám tro và xanh da trời. Bàn trong phòng đều bằng gỗ bách xù xì thô nhám, bên trên trải khăn san, ghế ngồi là những thùng rượu. Trong một góc phòng là một quầy rượu tao nhã gần như khuất hẳn và một lối vào bếp. Pat giải thích phòng đó sẽ mở cửa để khách ăn trưa và dành cho ba đêm đám cưới đầy khách mỗi tuần.

Rồi Pat đưa Beth sang quầy rượu trang trọng, lịch sự hơn, nơi một mô hình đài phun nước Trevi bằng gốm được phủ một lớp cẩm thạch cao hơn một mét rưỡi choán hết chiều dài một bức tường. Mỗi phòng nhỏ trong quầy rượu được làm giống như một ban-công có mắt cáo hoa hồng; mỗi phòng chứa được sáu người. Đằng sau quầy là những súc vải xatanh màu hồng và xám nhạt được xếp nếp rồi kết lại với hoa hồng bằng lụa. Những cánh hoa thật – ông Angelo đã mua từ ông bạn Armando của mình, một người quản lý lễ tang – sẽ được rải trên sàn để thành một thảm hoa vào mỗi đêm.

Nhưng phòng tiệc cưới mới là thành công thật sự. Những thanh rầm bằng gỗ thông bóng loáng uốn thành vòm làm trần nhà giống nhà thờ chính tòa ở Florence, và bức vẽ bao phủ hết trần nhà (một họa sĩ đang ở trên đó, giữa người trên một giàn giáo được treo đong đưa, giống hệt Michelangelo vậy), với chủ đề muôn đời – hôn nhân, xét cho cùng thì đó chẳng phải là sự khởi đầu của sinh sôi và gặt hái đó sao?

“Mấy cái kia để làm gì thế?” Beth vừa hỏi vừa chỉ sáu bao lớn bằng sắt đen được gắn vào các góc của những thanh rầm.

“Dành cho mọi người,” Pat giơ hai tay lên trời khi Beth nhìn anh. “Đừng hỏi anh. Ý của bố đó, rằng phải có các nữ thần hay gì gì ở trong đó. Anh thật sự muốn em thấy cái này.” Anh sải bước tới một bức tường rồi kéo tấm vải dầu để che ra. Beth nhảy dựng lên. Cô đang nhìn vào gương mặt của chính mình.

“Em là Mimì,” Pat vui mừng nói, gương mặt anh ánh lên vẻ mừng rỡ cô chưa từng thấy từ khi anh chơi cho liên đoàn bóng chày Colt. “Còn anh là

Rodolfo.” Anh từ từ đưa cô đi xem hết mấy bức bích họa còn lại – một vài bức vẫn đang dở dang. Ngoài La Bohème, còn có những cảnh miêu tả Carmen, Madame Butterfly, và còn nhiều nữa, mỗi nhân vật là một khuôn mặt của một người trong gia đình Cappadora. Kỹ thuật sơn mờ làm không chỉ những bức tranh trong các vở nhạc kịch mà những bức tường trông cũng cổ như đã hàng trăm năm tuổi rồi.

“Làm sao ông ta làm được từng ấy thứ trong một thời gian ngắn đến thế? Công việc nhiều như vậy cần đến hàng bao nhiêu năm ấy chứ. Ôi, Paddy ơi, lộng lẫy quá!”

Mặt Pat ngời sáng. “Tuyệt vời em nhỉ? Chúng ta đã rất đúng khi chọn Kip. Chỗ này sẽ làm mọi người sửng sốt.... Và hãy chờ cho đến khi em thấy mấy cô dâu và bục đàn nhạc và cái này – cái này nữa, Beth...” Anh kéo một góc miếng nhựa che sàn nhà. Beth há hốc miệng kinh ngạc. Toàn bộ sàn nhà được lót bằng gỗ theo lối khảm mosaic, màu hơi tím đỏ viền quanh gương mặt nhìn nghiêng của một phụ nữ rộng chừng bảy mét. Trán và vương miện của bà ta, trên gò má màu ô-liu, được trang trí bằng vải xếp nếp tạo ra nhiều chỗ mờ khác nhau từ vàng nhạt đến vàng đậm của màu gỗ sồi, lượn sóng rất đẹp đến mức tưởng như những nếp gấp đó đang thực sự chuyển động.

“Ôi, Pat, cái mũ trùm đầu bằng vàng.”

“Đầu tiên chúng ta sẽ để mấy cái bàn ở chỗ này. Rồi sau đó, khi bắt đầu khiêu vũ thì, để xem nào, mấy cái bàn sẽ được lăn về phía sau... vào hốc tường ở đây này. Khi Kip bắt đầu khảm hình vào thì anh nghĩ là quá rườm rà lòe loẹt, như trò hề vậy.”

“Không, đẹp lắm anh ạ. Đẹp lắm. Nhưng anh để mọi người đi lại trên đó à?”

“Không sao đâu em,” Pat hồ hởi đáp. “Bố đã nhờ một tay làm sàn phòng thể dục tráng một lớp polyurethan lên rồi và ta có thể lái cả cái xe Zamboni to dùng trên đó cũng được nữa.”

“Mọi thứ sẽ xong vào ngày khai trương chứ?”

“Còn tùy ở bố nữa,” Pat ấn ngón tay trên cái bàn có phủ tấm trải bằng nhựa gần cửa ra vào nơi ông Angelo đang ngồi thảo luận sôi nổi với nhà thiết kế. “Họ không nhất trí với nhau về phòng giải lao. Đối với bố phòng đó quan trọng lắm.” Với cái quần soọc được cắt ngắn từ quần dài và cái mũ bóng chày, Beth thấy Pat như chỉ mới hai mươi. Trông anh không phải là trẻ lại mà là được hồi sinh như thể cuộc đời anh chỉ có một mục tiêu hết sức rõ ràng này để anh tận trọng đôn toàn bộ năng lực và sáng tạo vào đó. Ý tưởng cho Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ đã hình thành trong đêm tổ chức đám cưới Jill, vào chính cái đêm khuya đó sau khi hầu hết mọi quan khách đã rời phòng tiệc cưới của nhà hàng Cappadora ở Madison.

Đám cưới Jill được tổ chức chỉ vài tháng sau khi Beth đã quay lại làm việc. Làm việc trở lại đã ngốn rất nhiều thời gian của Beth đến nỗi cô không thể đương đầu được với việc Jill dọn đi. Jill biết những việc Beth không biết, như tên các thầy cô của Vincent và bố mẹ các bạn nó; chính Jill là người giúp đỡ Beth để cô có thể làm những việc nhỏ nhặt cho hai đứa nhỏ trong khi vẫn có thời gian mày mò trong sự tĩnh mịch của cái phòng tối của mình, làm việc để hoàn tất những thứ trước đây cô có thể làm mà không cần phải bỏ ra nhiều công sức.

Thật ra thì cả nhà đã năn nỉ Jill hoãn việc kết hôn với Mumit, một anh chàng da đen bóng màu gỗ gụ người Bangladesh mà cô chỉ mới gặp bốn tháng trước đó. Cô còn quá trẻ; và họ thì quá nghèo. Jill bỏ ngoài tai tất cả những lời năn nỉ ấy; và đêm đó, tại nhà hàng Cappadora, thật sự rạng rỡ, cô đã cùng với chú rể chào mọi người để đi hưởng tuần trăng mật ngắn tại quận Door trước khi Mumit hoàn thành đề tài nghiên cứu hóa học.

Một lát sau Tree nói: “Phải công nhận là họ hạnh phúc. Quả thật là một đám cưới đẹp. Mọi người không ước được dự một đám cưới như thế này mỗi tuần à? Dự buổi khiêu vũ và ngắm những tác phẩm điêu khắc bằng băng này à? Được ngắm xiêm áo xanh xang nữa? Em ước gì có thể kết hôn bốn lần như thế.” Cô nhìn sang Joey. “Dĩ nhiên là với cùng một người.”

Đó cũng chính là lúc ông Angelo bắt đầu nguệch ngoạc trên mấy khăn ăn còn thừa, viết tên cặp vợ chồng mới cưới xuống bằng cây bút màu lá vàng óng ánh. Đã nhiều năm rồi ông thường nói với Pat rằng ông phát chán với những hồi hải tặc ở nhà hàng Golden Hat Gourmet. Ông muốn được điều khiển một nơi trong những năm cuối đời – được làm việc bên cạnh con trai mình và con rể trong một đơn vị của một nhà hàng. Những nhà hàng theo chủ đề – một phần là nhà hàng, phần kia là sân khấu – đang nở rộ khắp Chicago; cá và các nàng tiên cá bơi lội tung tăng trong các hồ lớn xây trong tường; những nhà hàng chuyên bán sườn nướng trong các trạm xăng cũ, bánh mì tỏi bày trên các khay làm từ những mâm bánh xe hơi.

Tại sao lại không là một đám cưới phong cách Ý chứ? – ông đã hỏi Pat, rồi hỏi Joey. *Tại sao không là một đám cưới Ý, có thể ba hay bốn đêm một tuần, với cô dâu và chú rể làm chủ buổi tiệc?* “Với phong cách gia đình ở mỗi bàn, nui Mostacioli và thịt viên chiên, những ổ bánh mì lớn – ta sẽ tiết kiệm được hàng tấn lớp giấy bạc để bọc thức ăn,” Joey hồ hởi thêm vào.

“Và một ban nhạc nữa – mình sẽ có một ban nhạc và một sàn nhảy!” Pat hét lên. “Cô dâu và chú rể, chúng ta có thể thuê mấy đứa nhóc đang cố len lỏi gia nhập vào lãnh vực kinh doanh giải trí như mấy đứa làm việc cho Steppenwolf hay Second City, những đứa đẹp thật sự. Và chúng sẽ nhảy mở đầu cho buổi tiệc...”

“Bellissimo! Tuyệt!” Ông Angelo kêu lên. “Cứ tưởng tượng mà xem!”

“Không thực hiện được đâu,” ông trẻ Augie càu nhàu. “Tốn kém quá. Mình sẽ làm gì nếu cô dâu bị rách áo vào đêm đầu tiên?”

“Mình có thể giải quyết được mà,” Pat cãi lại. “Mình sẽ liên hệ với những nơi cho thuê áo cưới. Như thế là mình quảng cáo không công cho họ rồi. Những thứ dầu sao chẳng nữa cũng sẽ trở nên lỗi thời. Ai mà để ý đến kiểu dáng chứ? Không chừng hơi cổ điển mà họ lại thích hơn. BỐ! Chúng ta cũng có thể mua toàn bộ những bộ váy cho phù dâu chúng ta thấy quảng cáo trên báo với giá rẻ. Toàn bộ nhân viên phục vụ có thể là phù dâu và là người dẫn chỗ luôn...”

Khi Beth, mệt rũ rời, đưa Vincent và Kerry về nhà lúc hai giờ sáng thì mấy người đàn ông và Tree vẫn còn đang thảo luận, họ đập bàn đập ghế rầm rầm, uống cà phê và rót rượu anít liên tục. Ngồi trong xe, bà Rosie nói: “Thật không có cái ngu nào giống cái ngu nào.” Nhưng bà đang mỉm cười.

Tuy nhiên, trong thâm tâm, Beth vẫn không tin cuộc chiến dọn về lại Chicago có thể thành hiện thực được. Và khi đã về lại rồi cô vẫn không tin cuộc chiến đó sẽ kết thúc tốt đẹp. Theo cô biết, Pat cho là họ đã may mắn thiết lập được một môi trường mỏng manh ở Madison. Những cuộc săn lùng của giới báo chí đã lắng xuống; Beth đang kiếm được tiền nhờ chụp ảnh chân dung và chỉnh sửa ảnh. Cô thấy hình như hai đứa nhỏ mạnh khỏe: Kerry biết nói và biết đi đúng theo lứa tuổi; từ ánh đèn hắt ra phía dưới cửa vào đêm khuya, Beth thấy Vincent đã biết tự đọc sách chữ có nhiều chương. Cô và Pat có một cuộc sống có vẻ rất tốt đẹp, thỉnh thoảng lại đi ăn tối với với Rob và Annie Maltese, và cứ hai tháng một lần cô lại cùng Laurie đi dự những buổi họp mặt của nhóm Vòng Tròn Trắc Ẩn.

Beth vẫn ngấm ngầm chống đối. Pat không thể thuyết phục được cô về lại Chicago cũng giống như không thể nào dụ cô nhảy ngực trần trong sảnh lớn của tòa Quốc hội Mỹ được. Muốn cô về lại đó chỉ còn cách là bước qua xác cô thôi.

Cô đã không tiên đoán được chuyện khước từ những đòi hỏi của Pat.

Cô cũng không tiên đoán được những gì xảy ra vào dịp cuối tuần hôm đám cưới Candy. Dịp cuối tuần cô ăn trưa với Ellen và Nick. Dịp cuối tuần mà chiếc giày đỏ thứ hai xuất hiện tại buổi họp lớp lần thứ hai mươi. Dịp cuối tuần hôm Pat bị nhồi máu cơ tim. Dịp cuối tuần Beth phạm tội.

Khi nghĩ lại, Beth thấy rằng mọi chuyện đã thật sự được an bài, trong vài giây khi Candy gọi cho cô báo rằng đồng hồ sinh học của cô ấy đã điểm, và Candy cùng anh bạn cũ Chris đã chọn ngày thứ bảy đầu tiên trong lịch chung của cả hai người. Sau đó sẽ có một bữa tiệc thật lớn, thật vui nhộn và họ muốn có những bức ảnh thật đẹp. Candy hú lên *Em có tưởng tượng nổi chị sẽ là cô dâu vào tháng Sáu này không?* Và Beth cũng rất ngạc nhiên khi

thấy mình trên Candy thật khí thế, cô hỏi xem cô ấy và Chris đã làm gì nhau trên giường chưa, và lần đó có dữ dội không? Candy cười toáng lên đáp *Chưa* và kể cô ấy chỉ mới nhắm mắt lại tưởng tượng anh ấy là Jessica Lange mà thôi!

Beth đi lướt qua những đồng gỗ xanh còn thơm mùi gỗ mới xẻ và những thanh gỗ mỏng màu trắng sẽ được ghép thành bàn ăn trong nhà hàng sắp-được-hoàn-thành. So với những chuyện đã xảy ra vào cuối tuần của buổi tiệc cưới của Candy thì chuyện dọn nhà chỉ là chuyện nhỏ. Thật vậy, chẳng mùi mẽ gì.

Ngay cả căn nhà mà Tree đã chọn cho họ (Beth thậm chí đã từ chối không đi xem nhà) cũng không đến nổi tệ, dù chỉ cách khách sạn Tremont năm phút đi bộ, nằm ngay giữa khu nhà họ đã từng lớn lên cùng nhau. Thậm chí lũ trẻ cũng ngoan hơn Beth tưởng tượng. Sau khi Pat loan báo “tin tốt lành,” Vincent đã biến mất suốt ba tiếng đồng hồ. Trước đó Pat rất sợ, nhưng Beth lại rất bình tĩnh. Cô nghĩ sẽ không có gì nghiêm trọng xảy ra với Vincent đâu, một đứa không biết sợ là gì. Có lần nó ném một trái banh bowling vọt ra qua ngoài cửa sổ và đã lên mái nhà trốn mãi cho đến khi Beth bắt nó phải xuống đi ngủ; nó cũng đã bắn pháo bông trong một căn nhà đang còn xây dựng dở dang, và ngày càng đánh nhau nhiều hơn ở trường. *Tuy nhiên*, Beth nghĩ, *nếu những việc này đừng phát triển thêm nữa thì Vincent cũng ổn rồi*. Có thể việc ở gần ông Angelo sẽ thuần hóa nó thêm. Joey cũng đã là một đứa trẻ nghịch ngợm khi đến làm cho nhà hàng Golden Hat đó thôi; và ông Angelo đã biến cậu ta thành một đứa trẻ ngoan kia mà.

Để mặc cánh đàn ông thảo luận tiếp về cái phòng giải lao, Beth đi ra ngoài ngồi nơi bậc cấp được trang trí công phu đã khiến Pat bị mê hoặc khi vừa thấy nó lần đầu. Bên ngoài, bức tường loang lỗ đã được trát vữa màu kem; một cái khung sắt và một bảng hiệu sẽ được dựng lên trong nay mai. Cô ngắm một đám con gái da đen đang chơi nhảy dây đôi trên một đồng kính vỡ trong bãi đậu xe bên kia đường.

Ngửa mặt nhìn lên ánh nắng mờ sương, cô hồi tưởng lại cách đây năm tháng – chỉ mới năm tháng thôi – dịp đám cưới Candy, dịp cuối tuần đã làm Beth nguyện sẽ trở lại sống suốt đời ở Chicago.

Chỉ nửa tiếng sau khi Beth đến, Ellen đã đề nghị đi ăn trưa. Chồng cô và Nick Palladino đang cùng phục chế một trường cao đẳng cũ dành cho nữ ở khu Hyde Park, biến nó thành một khu trung tâm thương mại và chăm sóc sắc đẹp; khi Beth đến, Ellen đang huyên thiên nói chuyện với Nick qua điện thoại.

“Có ba người khách ở đây này,” cô uốn lưỡi nói. Và rồi Beth bỗng thấy mình đang nói chuyện với Nick, hỏi thăm mấy đứa con của anh, cười ngặt nghẽo về chuyện Nick tình cờ gặp Wayne trong một sòng bạc trên một chuyến tàu ở Indiana. Ellen xen vào đề nghị họ nói chuyện trực tiếp với nhau; họ có thể ăn trưa cùng nhau và sau đó đưa Beth đi xem trường cao đẳng ấy. Phần nội thất tuyệt đẹp: Nick đang cho thợ lát đá cẩm thạch. Beth đồng ý lên kế hoạch làm tờ giới thiệu cho khu đó.

Tại sao lại không nhỉ? Chưa đến giờ Beth phải có mặt ở buổi tiệc cưới tại tầng trên cùng của Trung tâm Thương mại South Shore lúc tám giờ tối mà, và cô cũng đã đi Chicago quá sớm – vì sợ mình không đọc được các bảng chỉ đường và không nhớ cách trả tiền thuế cầu đường – cho nên cô đã đến nơi trước mười giờ sáng.

Ellen nói: “Chiều nay mình đi chơi đi, cậu vẫn còn thừa thì giờ cho buổi tiệc mà. Cậu có thể thay quần áo trong căn nhà di động của Dan. Thôi nào, đi cho vui, Bethie. Sẽ vui lắm đó. Mình sẽ ghé Isabella trên phố Drive.” Beth đồng ý. Cô điên mất rồi.

Nhưng khi cô và Ellen ngừng xe trước bảng hiệu kín đáo của quán cà phê, Beth thấy tảng tuyết lở trong cô trượt nghiêng rồi giáng một đòn mạnh vào cô, nghe cả tiếng rít của nó nữa. “Ôi, Ellen, nó nằm trong khách sạn,” cô nói nhỏ với Ellen. Ellen cũng hoảng thật sự.

“Tớ không nghĩ là... Ôi, Bethie, tớ đã không nghĩ đến chuyện này! Cậu chưa từng vào khách sạn nào từ ngày đó à?”

“Chưa,” Beth hít một hơi thật dài.

“Thậm chí khi đi New York cũng thế?”

“Tớ chỉ ở những quán trọ nhỏ thôi,” Beth như nhấn từng chữ. “Luôn luôn thế.”

“Vậy thì mình đi thôi,” Ellen khởi động máy. “Tớ nghĩ nếu nó không ở gần nơi họp lớp thì...”

“Họp lớp?”

“À, buổi họp mặt lần thứ hai mươi. Cuối tuần này. Tụi nó không gửi thư cho cậu Ôi, tớ nghĩ là tụi nó không dám đâu.”

“Cuối tuần này à?”

“Ờ, nhưng Beth này, có gì quan trọng đâu. Tớ sẽ không đi. Wayne cũng thế, không ai đi đâu. Chỉ tình cờ trùng vào cuối tuần này thôi.”

“Ở đâu chứ?”

“Ở Elmbrook.”

Beth lấy tay che miệng. Ellen nói: “Chúa ơi, Bethie. Quên chuyện này đi. Để tớ chạy vào xem có Nick trong đó không, tớ sẽ mua ít thức ăn rồi mình ra công viên ngồi. Được chứ?”

Nhưng ngay lúc ấy Nick xuất hiện nơi góc cái khách sạn cũ kỹ, khi thấy mái tóc đen quăn húi cao giờ đã điểm bạc và bộ đồ diêm dúa làm anh giống như một tài tử trên báo thì Beth không còn căng thẳng nữa.

“Ôi, lạ Chúa,” cô nói với Ellen. “Nhìn anh ấy kìa.”

“Anh ấy không già đi chút nào,” Ellen đồng tình nói.

“Chết ... chết tiệt thật,” Beth bỗng chạy ào ra khỏi xe lao vào vòng tay đang dang rộng chào đón của Nick rồi hôn thật lâu lên môi anh, đôi môi thơm mùi hoa đình hương.

Nếu lúc đó cô biết thì.... Khi hồi tưởng về lúc ấy, tất cả dường như chỉ là một loạt những bước chuyển động rất tỉ mỉ dẫn đến một ngõ cụt, một vòng tròn không lối thoát.

Beth dựa đầu vào gờ bức tường đá thả hồn về ngày ấy. Bất cứ lúc nào chỉ có một mình cô cũng đều hồi tưởng lại chính xác những gì đã xảy ra. Mỗi lần nhớ, cô đều căm ghét bản thân mình; nhưng mấy tháng nay, từ cái ngày tội lỗi, đã hàng trăm lần cô tua đi tua lại trong đầu cái buổi chiều và tối hôm ấy, cho đến lúc có tiếng gõ cửa, chính xác như phim.

Ba người chia nhau uống một chai vang trong bữa ăn trưa – Ellen chỉ uống một ly vì còn phải lái xe. Họ nói về... những chuyện ngớ ngẩn. Về cái đêm tất cả bọn họ chất đống lên chiếc xe Electra cũ kỹ của bố Nick rồi rón rén trèo qua cổng tu viện, rồi về chuyện các linh mục đã thả chó Đức Doberman ra để rượt bọn họ làm rách cái áo khoác bằng da của Wayne. Về cái lần một gã đều nào đó của câu lạc bộ chiếu phim đã kéo lộn màn trong một chương trình tạp kỹ làm lộ ra Cecil Lockhart ở trong đang thay quần áo, cô ấy chỉ mặc độc mỗi cái nịt ngực và đôi vớ quần vậy mà Cecil vẫn tỉnh táo đứng lấy thế để chụp ảnh trong khi khán giả chờ người ra vì kinh ngạc và ngưỡng mộ. Về chuyện đã phải lén mang Beth về trong một đêm hè để dự đám cưới của Cherry và Tony khi cô đang làm cố vấn trại ở hồ Geneva. Cherry lúc ấy mười bảy tuổi và đang mang bầu, còn ông Bill và bà Evie đã cấm không cho Beth đến dự đám cưới.

Cô cũng nhớ khi ấy cái máy nhắn tin của Ellen bỗng réo vang, Ellen cần nhắn rằng Dan muốn cô chạy đến một văn phòng của một tay lắp kính phải gió nào đấy cách đó vài cây số, phải dựng đầu hấn dậy đi đến địa điểm xây dựng; kính đã được cắt xong còn người thợ mộc đang đi sinh con. Liệu Nick có thể đưa Beth đến chỗ đó sau khi ăn xong? Chắc chắn là được rồi. Sau đó Nick và Ellen đi ra xe chuyển túi đựng máy ảnh và túi đồ dùng của Beth sang xe Nick để phòng trường hợp Ellen bị kẹt xe, trong khi đó Beth ngồi trên chiếc ghế da màu đỏ ở quầy rượu uống thêm một chai vang Pinot thứ hai và tự hỏi liệu cô có thể nheo một mắt chụp hình cưới cho Candy trong tình trạng gật gà gật gù này được không.

Khi Nick mở cửa vào lại quầy rượu tối, Beth thấy một quầng sáng tỏa quanh đầu anh. Anh không ngồi đối diện Beth mà ngồi xuống cạnh cô. Họ chuyển dần sang những chuyện mơ mơ hồ hồ, về những buổi đi chơi đêm dù bên ngoài trời vẫn đang nắng gay gắt. Họ nói về cây cầu có mái che ở quận Lake, nơi họ đã nằm suốt đêm hè trong chiếc ô tô mui trần của Beth, lúc ấy Nick chỉ mặc độc mỗi cái áo sơ mi Ban-Lon màu hồng tuyệt đẹp, cái màu sẽ làm cho bất cứ gã đàn ông nào khác trông rất nữ tính, nhưng lại làm tăng làn da nâu rám nắng của anh. Beth mặc soọc và một áo dây; cô hồi thúc anh làm chuyện đó, Nick ngửa người ra giữ cho cặp hông màu đồng của anh cao phía trên người cô, rồi anh nhào tới trước để cô ôm lấy anh, anh ngậm chặt bầu vú cô, rồi ngừng lại nói *Không, mình không thể làm thế này được, tụi anh sắp lấy nhau rồi, không được*. Tiếng không đó, toàn bộ những lời đồn đãi, thậm chí về Lisa Rizzo, là không thật; anh ấy chưa từng làm chuyện đó. Anh ấy chỉ yêu một mình Beth. Anh ấy chỉ muốn một mình Beth.

Cô còn nhớ Nick đã quàng tay quanh người cô ở cái quán Isabella đó, vẫn không đụng chạm nhiều vào người cô, anh nhắc Beth rằng anh đã nói với cô trong đám cưới của anh là anh tôn thờ Trisha, rằng anh biết ơn Beth và Pat mãi mãi vì đã giới thiệu Trisha cho anh, rằng anh cũng rất vui khi biết cô và Pat cũng sẽ sắp kết hôn, nhưng anh vẫn hối hận, tiếc nuối vì chưa từng được ân ái với cô.

Và rồi – đây là phần Beth căm ghét mình nhất vì cô thích nhớ lại nhất – Nick chồm tới trước thì thầm: “Anh vẫn còn tiếc, Bethie ạ.”

Cô chỉ lẳng lặng đi vào phòng vệ sinh chải lại tóc, nhìn vào gương mặt mình trong cái gương mạ vàng cũ kỹ và thấy mình trong đó như Nick ắt hẳn đã thấy, không phải một Beth gầy gò hốc hác đang nhìn trả lại mình dưới bóng đèn huỳnh quang chói mắt ở Madison mỗi sáng mà là một phụ nữ mảnh mai thanh tú rất khêu gợi, hai vết hõm dưới mắt và đôi gò má nhô cao không làm người đối diện phải xót thương, trái lại trông cô đẹp rất liêu trai, tóc cô như một mảng mây rối thắm màu, đôi môi mọng gợi tình. Cô biết khi mình trở ra, anh đã sẵn có chìa khóa và sẽ dẫn cô đến thang máy, xuống một hành lang mờ tối có các vết hư hỏng được che bằng lớp thảm len đắt tiền,

đến một căn phòng có tên Phòng Tím, nơi tất cả đồ đạc bài trí bên trong đều là đồ cổ, với một giá đựng chậu rửa mặt bằng cẩm thạch. Cô cẩn thận treo quần áo lên đó rồi, hoàn toàn không e dè ngượng ngùng, quay sang Nick. Cô biết không cần phải nói hay hứa hẹn cũng như nghi ngờ. Nick chỉ nói: “Từ từ thôi cưng, Bethie. Không đi đâu mà vội. Mình đã chờ giây phút này từ lâu lắm rồi mà.” Cô chỉ lẳng lặng gật đầu.

Họ nằm trên chiếc khăn phủ giường màu tím hoa cà đến chín mươi phút – Beth đã liếc qua đầu Nick nhìn đồng hồ trên chiếc bàn ở đầu giường – chỉ để chậm chậm ôm ấp, vuốt ve nhau, cho đến khi tứ chi cô run bắn lên không kèm chế được, cho đến khi phía trong đùi cô ướt đến nỗi đùi cô tuột khỏi đùi Nick, lúc ấy cô trèo lên người anh, cho đến khi tiếng rên rỉ trong cổ họng cô đều đặn trở lại, như tiếng máy chạy rì rì đều đều. Cô có nghĩ đến Pat một lần khi Nick luồn vào người cô, không dài bằng của Pat nhưng to hơn, lấp đầy mọi khoảng trống trong cô, như cô vẫn luôn tưởng tượng. Rồi anh bắt đầu thật chậm, thật chậm, anh suýt cho cô im lặng khi cô điên cuồng nắm lấy anh kéo anh vào sát người mình, trong đầu cô không còn hình ảnh nào khác ngoài bộ ngực nâu bóng áp sát má cô, cơ thể phản bội của cô thấy hân hoan vì cảm nhận mới mẻ tinh khôi này kể từ ngày cô biết đến ái ân, và rồi, khi cô đạt đến cực điểm, cô vừa thở hắt ra thật dài thì cô nghe có tiếng gõ cửa.

Khi nghe tiếng gõ cửa, cô nghĩ *Khách sạn đang cháy. Chà, khách sạn bị cháy rồi, chúng mình vẫn còn năm phút. Năm phút là quá đủ, chỉ cần năm phút này thôi cho suốt phần đời còn lại của mình.* Tiếng gõ cửa càng thôi thúc hơn. Có người gọi tên cô. Gọi thật lớn. Giọng một phụ nữ không phải của Ellen, giọng này cô quá quen.

Bị vấp khi đứng lên cô mới biết mình vẫn còn say, cô loạng choạng kéo quần jean lên qua đầu gối, lên đến nửa đùi. Cô cài nút áo. Lại có tiếng gọi tên cô. Lại một tiếng gõ cửa khác lớn hơn mấy lần trước.

Phần còn lại thì Beth biết như thế cô đã đọc đâu đó trong một tờ báo. Cô thấy vòng hoa trên tóc Candy khi Candy đứng ngoài cửa trong bộ áo váy bó chên màu vàng đậm.

Một cuộc trao đổi thật buồn cười.

Beth nói: “Em nghĩ sắp đến đám cưới chị rồi chứ.”

Candy đáp: “Chị đã đám cưới rồi.” Candy liếc đồng hồ trên tay. “Chị đám cưới được một tiếng đồng hồ rồi.”

Candy không bao giờ hỏi ai đang ở trong phòng với cô lúc ấy. Candy cũng không xin lỗi vì đã gọi cửa mà chỉ giải thích rằng người giúp việc của Ellen đã cho cô ấy biết nơi Ellen và Beth ăn trưa. Nick đã biến vào phòng tắm; Beth đã quay vào phòng chỉ để lấy cái ví tay, bỏ lại cả đồ lót, nhảy lên chiếc xe cảnh sát đậu phía trước, ngồi bên cạnh tài xế là cô dâu tóc vàng với bím tóc kiểu Pháp trong khi ông chủ quán cà phê sững sốt nhìn theo từ dưới mái hiên nhà. Một lát sau, tại sở cảnh sát Parkside, Ellen mang mấy cái túi của Beth đến, và trong phòng tắm ở tầng một, Beth đã mặc chiếc áo dạ tiệc vào; cái áo sơ mi của cô thấm đẫm mồ hôi, mồ hôi sau trận mây mưa và tiếp đó là mồ hôi hoảng sợ. Trong khoảng mấy tiếng đầu, khi Candy và Calvin Taylor hết ra rồi lại vào để tường thuật cho cô các sự kiện ở khách sạn Hyatt ở Elmbrook, nơi cảnh sát của tiểu bang, cảnh sát của Elmbrook và cảnh sát của Parkside đang thẩm vấn khách mời đến dự cuộc họp lớp lần thứ hai mươi của khóa 1970 trường trung học Immaculata, thì thậm chí Beth cũng chưa nghĩ đến việc gọi điện thoại cho Pat.

Khi Candy gỡ vòng hoa dành dành được kết tỉ mỉ trên đầu ra thì trời bắt đầu tối; trước đó cô đã hỏi Beth xem Pat có đang trên đường đến đó không. Ellen đứng lên định gọi điện cho Pat; nhưng Beth, với mặc cảm phạm tội, đã đuổi theo Ellen, vì thế chính cô là người báo qua điện thoại cho chồng biết rằng khi cửa phòng khiêu vũ mở ra trước bữa tiệc tối thì một chiếc giày tennis nhỏ có hình con vẹt đỏ đã được tìm thấy trên bục dành cho người dẫn chương trình. Rằng chính Barbara Kelliher là người thấy nó trước tiên và sau khi gần như té xỉu đã vừa chạy vừa hét toáng lên báo cho Jimmy. Rằng mới đầu Jimmy và Karl Kelliher cứ tưởng đó là trò đùa bệnh hoạn của ai đó nhưng rồi Jimmy đã đủ tỉnh táo để không cho ai đụng đến, và rồi anh ta đã gọi Candy dù biết chính lúc ấy cô đang cụng chén với chú rể, vì hiểu rằng

Candy sẽ không bao giờ tha thứ cho anh nếu đó không phải là một trò đùa. Beth đã nói với chồng rằng ngay khi cô thấy chiếc giày trong cái túi ni lông trong tay Candy thì cô biết chắc đó là giày thật của Ben khi thấy mẫu tự “B” màu xanh lá cây nhỏ xíu được gắn vào dây giày để ngăn không cho mấy ngón tay nhỏ xíu tháo dây ra.

Chính Beth là người kể lại cho Pat và nghe thấy anh trả lời, sau đó chỉ còn nghe anh thở hỗn hển gấp gáp và cuối cùng chỉ còn tiếng chiếc điện thoại rơi xuống và cuối cùng là điện thoại bị ngắt. Rốt cuộc Beth cũng liên lạc được với ông trẻ Augie, biết được tình hình của Pat và được Calvin Taylor chờ suốt đêm với tốc độ khoảng hơn một trăm năm mươi cây số giờ khi anh ta báo cho cảnh sát tiểu bang biết họ đã lên đến xa lộ liên bang. Cô cũng là người ngồi trực bên giường Pat suốt ba ngày liền và chỉ mơ mơ màng màng thỉnh thoảng nghe thấy Rob tiếp âm các tin nhắn định kỳ từ Chicago. Chiếc giày được làm vào năm 1985 thật. Chiếc giày có dấu vân tay trên đó. Nhưng không biết vì sao chúng đã bị mờ cả. Số cựu học sinh được phỏng vấn ít hơn cách đó năm năm không có chứng cứ phạm tội. Các nhân viên của khách sạn không thấy ai kỳ lạ hay đáng nghi cả.

Báo chí cũng chào thua rồi, Rob nói. Rob đã nghe rằng hình như một cảnh sát tân binh nào đó, cũng như mọi người khác, cho rằng chiếc giày con vệt đỏ là một mắt xích của vụ bắt cóc. Candy, người đã dập tắt được tin đồn đó, đang nổi giận đùng đùng; chỉ qua một đêm mà gương mặt Ben lại xuất hiện trên mọi tờ báo xuất bản ngày Chủ Nhật trên khắp nước Mỹ. Rob nói từ khi giới báo chí biết Pat đã được đưa vào phòng chăm sóc đặc biệt ở Wisconsin thì bãi đậu xe của bệnh viện trông giống như cảnh bên ngoài nhà tù khi Gary Gilmore bị hành quyết vậy.

Beth chỉ mong được thấy gương mặt Pat chậm chậm chuyển từ màu xám sang phơn phớt hồng.

Cô chỉ muốn dựa vào giường bệnh và cầu nguyện cho chồng mình, người cô nghĩ là phụ huynh còn sống duy nhất của các con cô, được sống. Cô tuyệt vọng ngồi đó nhớ lại tiếng cười ngớ ngẩn của Pat khi cô báo cho anh biết là

không hiểu vì sao, dù đã cố tránh hết sức, cô vẫn có thai lại, là Kerry – nhớ lúc anh hát cái bài buồn nẫu ruột vào buổi sáng khi bé được sinh ra. Nhớ khi anh vẽ một trái tim bằng bút dạ trên bụng cô lúc cô có thai Ben. Nhớ lúc cô ngắm anh chơi liên tục cho Liên đoàn Bóng chày Colt khi họ còn bé, cô ngồi đó liếm láp kem sôcôla với một lũ nhóc mười hai tuổi. Lúc đó Pat lớn hơn và quyến rũ hơn nhiều với cách anh cài thắt lưng trên đôi hông phẳng lì của mình khiến mỗi khi thấy anh cô đều nổi hết da gà. Bây giờ Beth ngồi đó, đau khổ với sự bội phản của mình và với những lời đã hứa với Pat trước mặt Thiên Chúa rằng định mệnh đã gắn kết họ lại với nhau – cô nhớ tất cả trong mấy ngày đầu tiên đó.

Và Pat, Thiên Chúa, và định mệnh đã ập xuống cùng một lúc.

Beth không liên lạc với Nick nữa. Anh liên tục để lại những lời nhắn trong điện thoại nhà của Beth để hỏi về sức khỏe của Pat, và sau đó là về Ben, nhưng cô không trả lời. Cuối cùng cô nhận được một lời nhắn chỉ vồn vện một câu:

“Anh xin lỗi nhưng anh không hối hận chút nào.” Không xưng danh.

Trước đó cô đã rất muốn gọi cho anh. Cô đã mơ màng viễn vông đến một lần gặp gỡ thật lãng mạn – hai mươi năm xa cách rốt cuộc sẽ được kết thúc bằng cuộc gặp gỡ của hai người yêu nhau. Nhưng không phải dành cho cô. Pat tiếp tục sống. Câu chuyện kết thúc ở đó.

Cô và Candy chưa bao giờ nhắc đến ngày cưới của Candy. Nhưng từ khi cô và Pat dọn về Chicago, Candy đã đến nhà mới của họ hai lần. Cô ấy đem bánh mì và muối vì biết Pat sẽ rất thích, và tin tức của cuộc tìm kiếm “mới”. Cuộc tìm kiếm không còn hồ hởi như xưa. Các thám tử loay hoay với các dấu vân tay trên chiếc giày; các đường dây điện thoại được lập lại chỉ thỉnh thoảng mới nhận được một cú điện thoại, hầu hết là tin vệt. Barbara Kelliher đã thuyết phục được một số tình nguyện viên từ trường Immaculata để dựng lại một trung tâm TÌM BEN ngay tại nhà cô ấy nhưng kết quả chẳng ra sao. Hầu hết những bạn học cũ đều khiếp sợ lời nguyện kếp đối với hai kỳ họp

mặt này nên đều đã lảng đi hết. Thậm chí Wayne cũng chỉ gửi một ngân phiếu một ngàn đôla.

Tuy nhiên, họ đang làm một bức phác họa Ben lớn dần theo tuổi trên máy vi tính. *Rồi sẽ phát hiện được thứ gì đó*, Candy nói. Thứ gì đó. Beth biết chắc như thế, cũng y như cô biết khi bà Rosie đang lái xe, bà không bao giờ quên đưa tay sờ vào nút áo khi đi qua một đám tang trên đường. Beth biết sẽ chẳng có phát hiện nào, bây giờ và mãi mãi sau này cũng vậy. Nhưng dù sao thì cô cũng cảm ơn Candy.

Lần thứ hai Candy ghé đến thì hai người rất thoải mái với nhau. Họ ngồi trên hàng hiên, Beth uống cà phê pha rượu, Candy uống nước khoáng vì cô nghĩ mình có thể có thai. (“Chị buồn nôn lắm, lúc nào cũng thế,” cô thở dài. “Có lẽ chị bị loét bao tử rồi.”). Beth kể về Vincent. Vào khoảng tháng Chín, nhà trường báo rằng Vincent không làm bài tập về nhà. Thầy giáo tư vấn ở trường đang cân nhắc xem Vincent có mắc hội chứng thiếu tập trung không, dù Beth biết chắc Vincent không bị như thế: tối nào nó cũng miệt mài hàng giờ đọc báo và xem tivi, ghi lại các bàn thắng của các trận đấu thể thao trong những cuốn sổ thể thao được phân biệt bằng màu sắc khác nhau. Khi Candy đứng lên ra về, cô quay nghiêng lại nói với Beth: “Nếu em có muốn thổ lộ với chị về vấn đề gì...”

Với vẻ hối lỗi, Beth ngắt lời cô: “Tất cả chỉ là vì em ghét ở đây thôi...”

Nhưng Candy đã lắc đầu. “Chị cũng thấy chuyện này rồi. Nhưng ý chị là nếu em muốn nói cho chị biết vấn đề *thật sự*...”

Nhưng Beth sẽ không bao giờ tiết lộ. Không bao giờ với Ellen. Cũng không với Candy. Cô đã thề sẽ giữ sự phản bội cuối cùng đối với Ben, đối với Pat này, trong lòng cô, một mình.

Khi Pat bước ra ngồi cạnh Beth thì cô đang lim dim ngủ dưới ánh nắng. “Bố với nhà thiết kế Kip đang cãi nhau. Và họ đang rất vui. Mọi thứ sẽ ổn thôi, dù cái nhà hàng chết tiệt này có ngốn cả núi tiền đi chăng nữa.”

Anh ấy đang lo lắng. Beth hít một hơi thật sâu; anh ấy đang lo, thế nên anh ấy sẽ không sao.

“VẬY là tốt rồi, Paddy,” Beth nói. Và họ đứng lên lái xe về lại ngôi nhà mới của mình.

REESE

8

Tháng Mười Một, 1991

“Người ta bỏ thứ này trong mấy thùng chứa bằng nhựa dẻo để chứa sữa hay đại loại thế.”

“Nhưng đây là chất rắn mà.”

“Cũng giống như bánh ngọt, nó được làm từ những tinh thể được nén lại và chú cần bao nhiêu hạt nhỏ này thì chỉ việc xẻ ra bấy nhiêu.”

“Cháu cần bao nhiêu?”

“À, tụi cháu cần nhiều. Thấy mẹ luôn...” Reese nhìn vị bác sĩ tâm lý ngồi phía bên kia bàn dò hỏi; không biết ông ta nghĩ gì nếu một thằng nhóc mười ba tuổi chửi thề nhi? Ông ta sẽ nghĩ đó là triệu chứng bệnh tâm thần của nó. Vậy thì được rồi; bố sẽ không phải chi tiền vô ích. “Nhiều thấy mẹ luôn. Gần một thùng luôn.”

“Ở đâu cháu có... ờ...?”

“Calcium carbide.”

“Cháu mua thứ này ở đâu? Cháu có phải... ờ... nhắc nó lên không?”

“Nhắc nó lên á?”

“Cháu biết mà – chôm nó đó Vincent.”

Lão này, Reese nghĩ, nói năng chẳng mạch lạc gì cả. “Không. Tụi cháu không chôm, một phần vì không thể chôm nó được, thứ này không còn được bán ngoài thị trường nữa – trừ những nơi như mấy chỗ đang xây dựng công trình. Hay một nơi khai thác mỏ thôi.”

“Khai thác mỏ?”

“Dạ, khai thác đồng hay than hay gì gì đó,” Reese liếc nhìn cái đồng hồ có mấy con số to đỏ chói bằng tinh thể lỏng sau lưng bác sĩ. Đã được hai mươi phút rồi. Ngay lập tức nó thấy hy vọng hơn. Với đà này thì nó có thể dùng bốn mươi phút kế tiếp để cà kê dê ngỗng về vụ nổ được rồi; và nếu trận bóng chày của Leadoff Man được chiếu trên tivi lúc một giờ, và nếu tính đến hai mươi phút bố thường dùng để giao ca cho người trực chung với mình là chú Deuce – bạn thân chơi bida của bố – cùng với thời gian lái xe nữa, để xem nào, lái xe mất mười phút vào ngày thứ Bảy – chà! nó sẽ có mặt ở nhà vào phút chót của hiệp hai, đầu hiệp ba, không hề gì. Đây không chỉ là trận đấu nó thích nhất (trận giữa Milwaukee Brewers, đội của nó, và đội White Sox, đội của bố) mà còn là trận đấu được cá cược nữa – một vụ cá cược đặc biệt. Nó ghét phải bỏ lỡ một trận đấu nó đã trút tiền vào đặt cược, đặc biệt là tiền của nó. Nếu cá cược chỉ cỡ như Reese thì người ta sẽ lỡ mất vài trận. Đương nhiên là thế. Nó không như Tom Boswell hay ai đó. Nó không viết về chuyện đó để kiếm sống vì nó chỉ là một đứa trẻ con, cơ bản là thế. Có những trận đấu loại của Liên đoàn Khúc côn cầu quốc gia trên tivi sau giờ nó phải đi ngủ. Và ban ngày có những trận đấu khi nó đang ở trường. Nó vẫn theo kịp – nhờ báo chí và cái radio và cả ESPN nữa – phải cố theo chứ – nhưng phải tổ chức nhiều và đôi khi nó cảm thấy như mình không đang xem trận đấu đó chỉ để giải trí. Nhưng trận này sẽ rất hay đây. Quả thật là sẽ hơi tàn nhẫn nếu nó có thể chấm dứt cuộc phỏng vấn nho nhỏ ở đây và đi về nhà.

“Khai thác mỏ à?” tay nói năng không mạch lạc hỏi. Trông chú ấy cũng cỡ tuổi chị Jill của Reese thôi, bà chị mà Reese chọc cho khóc dễ như chơi.

“Dạ, họ thường dùng cái họ gọi là đèn cung lửa, có cái ánh sáng nho nhỏ ấy, và với một thùng có nước, chú chỉ cần bỏ vài hột vào đó thôi thì nó sẽ tạo ra một vầng sáng thật lâu.”

“Tại sao người ta không dùng pin?” tay kia hỏi, một lọn tóc xoắn của tay đó rơi xuống giữa cặp mắt gã làm Reese thấy khó chịu quá.

“Hừ, xin lỗi chú chứ, lúc đầu họ không có pin mà, chú cũng biết đó, pin đắt quá. Nếu phải thắp sáng cái đèn trên đầu chú suốt mười hai tiếng thì chịu không nổi đâu. Và nếu chú có cả một đồng người mà mỗi người phải có một cái mũ như vậy thì sao?”

“Đương nhiên rồi, chú biết Vincent à – vấn đề kinh tế ấy mà,” tay bác sĩ tâm lý ngồi dựa ngửa ra sau trên ghế thật thoải mái.

“Đúng thế.”

Nhưng nó chưa kết thúc được vì tay ấy lại tiếp tục. “Được rồi, mà làm sao cháu mua được mấy hóa chất ấy?”

“Trước đây họ thường bán trong mấy cửa tiệm bán đồ cắm trại.”

“Bây giờ có ai bán nữa đâu.”

“Đúng vậy. Họ bán những bình ga Coleman loại nhỏ và những thứ tương tự.”

“Làm sao cháu mua được?”

Reese nhìn đồng hồ. Rất tốt, rất, rất tốt. Đã được ba mươi phút rồi.

“Ông của bạn Jordie có. Ông ấy là kỹ sư.”

“Ông ấy có biết cháu lấy không?”

“Không.”

“Khi phát hiện ra... vụ việc thì ông làm gì? Theo chú thì đó là một sáng tạo khá tuyệt khi sử dụng mấy chất hóa học đó, nhưng cháu cũng có thể hiểu ông của Jordie có thể...”

“Ông không vui chút nào. Rất không hài lòng.”

“Còn bố mẹ cháu thì sao? Đảm bảo là họ cũng không bằng lòng.”

Reese nhìn chăm chăm vào mắt người đàn ông đó. Nó đã luyện như thế lâu rồi, tập cho không nháy mắt khi nằm trong bóng tối cho đến khi hai mắt nó thấy như thể có một lớp mù gồm phủ lên. Tuy nhiên, cũng đáng đồng tiền

bát gạo lắm; đây là một thủ thuật rất tuyệt vời để đối phó với các giáo viên, ví dụ như khi họ nói: “Vincent, em có thể giải thích điều này không?”

“Bố mẹ cháu cũng không hài lòng. Đó là, ờ, lý do cháu ngồi đây.”

“Bố mẹ cháu không hài lòng với lời giải thích của cháu...”

“Ờ, không.”

“Và họ muốn cháu nói chuyện với ai đó chứ gì?”

“Đúng vậy, họ nghĩ cháu bị điên. Bố cháu nghĩ thế. Mẹ cháu thì...”

“Mẹ cháu thì sao?”

“À, mẹ cháu không quan tâm lắm.”

“Tại sao?”

“À, mẹ khá bận với em gái cháu và những việc linh tinh.”

“Đương nhiên rồi. Nhưng chú nghĩ cũng có thể bà ấy rất quan tâm đến việc này và đơn giản là không...”

“Chuyện gì cũng có thể xảy ra mà.”

“Rồi cháu nạy nắp cống đầu tiên lên... Cháu làm thế nào vậy?”

“À, tụi cháu nâng nó lên.”

“Chúng khá nặng đấy chứ. Tụi cháu chỉ việc nâng nó lên thôi à?”

“Dạ, nhưng tụi cháu có một cái ống dài. Một cái ống thật dài, khoảng một mét rưỡi, bằng kim loại chứ không phải bằng nhựa PVC. Tụi cháu thọc vào cái lỗ ở đó...”

“Rồi tụi cháu nạy nắp cống lên?”

“Dạ.”

“Khó đấy chứ, phải không?”

“À, chú có biết họ thường nói thế nào không: ‘Cho tôi một đòn bẩy và một chỗ để đứng, tôi có thể chuyển dịch cả thế giới.’ Hay đại loại thế.”

“Họ ư?”

“À, không, ông ta. Ông Ac-si-mét ấy.”

“Ồ.”

“Dạ.” Tay này có vẻ hơi lo rằng một đứa trẻ mà lại biết về Ac-si-mét; người lớn thường hay lo lắng về bạn, về những gì bạn biết cùng các giới hạn của nó, và họ cực kỳ ghét nếu bạn vượt ra ngoài giới hạn đó – họ nói bạn khoe khoang khoác lác hay đê tiện hay đủ các thứ trên đời. Vì thế Reese nói: “Cháu đã được xem trên tivi.”

“Chú hiểu.” Tay bác sĩ nhìn xuống tập hồ sơ, ghi chép vào đó, rồi đẩy ngược cặp mắt kính lên đỉnh đầu. Giờ thì trông chú ấy còn trẻ hơn trước, như thể mới mười sáu thôi. *Chuyện nhỏ*, Reese nghĩ. “Vậy cháu nghĩ sao, Vincent? Có lý do nào ngoài vụ nổ làm bố mẹ cháu muốn cháu nói chuyện với chú không?”

Reese cau mày.

“Vincent.” Nghe giống như bị ong chích vậy. “Vincent.” Đó chỉ là một cái tên ngớ ngẩn, không gây ấn tượng chút nào, một biến thái của “Vinnie”. Nó không quan tâm lắm khi bà nội Rosie gọi nó là “Cenzo,” nghe không tệ chút nào.

Nhưng “Vincent” thì... ghê quá.

“Có vấn đề gì không?” Reese liếc đồng hồ... giờ thì chậm lại nào....

“Ờ, chỉ là cái tên thôi.”

“Tên cháu á?”

“Đó là vấn đề. Đó không phải tên cháu. Vincent ấy.”

“Ồ, chú thấy bác sĩ ghi như thế trong hồ sơ của cháu.”

“Vâng, nhưng chú có thấy họ gọi cháu là Reese không?”

“Ồ, tại sao thế? Đó là tên gọi thân mật của Vincent à?”

Cái tay này ăn nói không đầu không cuối gì cả. Hẳn ta cũng không biết bản thân đang nói gì nữa.

“Không phải,” Reese thận trọng đáp như thể nó đang nói chuyện với một trong hai thằng Wong ở trường ấy – hai đứa mà nó phải phụ đạo toán, hai đứa đã học cách nấu món cháo hào trong giờ Sinh vật thay vì phải làm các thí nghiệm thông thường; cả hai đều được đặt là Wong theo tên của gã đã viết mấy cuốn sách sinh học dành cho những người không biết gì. “Tên thật của cháu là Vincent Paul. Nhưng mấy bạn cháu... để cháu xem nào, khi cháu đến Chicago hồi năm ngoái, khi chúng nghe thầy cô gọi tên cháu trong lớp, có đứa đã nói: ‘Vincent Paul à? Thánh Vincent Paul á? Tên nó nghe cứ như cửa hàng *resale*, bán đồ cũ ấy!’ Và cả đám cười rộ lên, không hẳn là ác ý, nhưng sau đó, vì cháu mặc đồ... cháu muốn nói là, cháu thích quần áo cháu phải thoải mái... chúng gọi cháu ‘Resale! Ê, Resale!’ và sau đó thành ‘Reese.’”

“Tụi nó đùa như vậy cũng khá hay, khá gọn đấy chứ. Ý chú là nếu cháu thích nó. Nhưng cũng có thể cháu đã không thích. Điều đó có làm cháu bị tổn thương không? Lúc đó cháu có cảm thấy chúng chế giễu quần áo cháu không?”

“Mẹ kiếp không!” Reese nói và kiềm lại ngay. “Thấy mẹ luôn” là một chuyện. Nhưng “mẹ kiếp” lại là chuyện khác hẳn, và nó có thể nhận thấy điều đó từ gương mặt bỗng nhiên đơ ra của tay bác sĩ. “Cháu xin lỗi. Nhưng không. Cháu không thấy khó chịu.”

“Tại sao vậy?”

“Tên chú là gì?”

“Bác sĩ Kilgore.”

“Không phải, tên của chú cơ.”

“À... Thomas, Tom.”

“À, chú Tom, chú cứ thử tưởng tượng mình được đặt tên Vincent đi xem nào,” Reese liếc con số to màu đỏ sáng rực trên đồng hồ. “Bác sĩ Kilgore ời, hết giờ rồi. Cháu nghĩ bố đang đợi cháu...”

“Ờ, chú nghĩ cháu nói đúng đó. Chú chỉ đang nghĩ về mấy cái nắp cống. Đương nhiên rồi. Thôi, lần tới chúng ta sẽ nói thêm về...”

Đương nhiên rồi, Reese nghĩ. Nhất định là thế. Nó tưởng tượng cảnh bố đang đưa tiền cho tay này, năm mươi đôla một giờ hay cỡ đó. Lần sau nó gặp tay này mọi việc trôi chảy thôi vì họ đã nói chuyện với nhau rất là tương đắc.

“Dạ được,” Reese đáp. Và rồi nó nhìn lên, khi thật, hy vọng vào vận may và cái công nó canh giờ cực khổ ấy tan tành theo mây khói rồi, bố nó đang đứng kia, trong cái khung cửa vòm nhỏ dẫn vào văn phòng không cửa của tay bác sĩ này – không cần cửa vì văn phòng chiếm toàn bộ tầng một, và mọi người ngồi chờ nơi hàng hiên. Bố nó đã vào đến bên trong rồi, trông ra dáng một ông bố.

“Ông Cappadora,” tay bác sĩ tâm lý bỗng nhiên thân thiện hẳn. Trước đây Reese đã thấy bố có ảnh hưởng kiểu này với người đối diện rồi. Mẹ nó, với đôi mắt to đẹp mê hồn và gương mặt góc cạnh – người ta thường né mẹ nó, mẹ cũng chẳng để ý (ấy là nói về những người chẳng hiểu chuyện). Vấn đề là mẹ làm mọi người sợ. Nhưng bố lại là kiểu mà người ta cứ muốn cho bánh rán hay một thứ gì đó. Bạn của bà nội Rosie đều yêu bố, cứ làm như bố chỉ bằng tuổi Reese hay Kerry ấy. Và hễ mỗi lần bố gặp bạn của ông nội Angelo hay thậm chí ông ngoại Bill thì họ lại: “Paddy! Paddy, cưng của ta!” và họ lại cho bố quà. Mọi người đều biết trước khi họ gặp bố cứ như thể bố là người em đã biệt tích lâu ngày của họ hay đại loại thế.

“Ông Cappadora, tôi muốn thảo luận kỹ với ông về một vài chuyện, về một vài sự kiện cũ... Tôi không hình dung được hết khi ta nói qua điện thoại vì chuyện này hơi gấp một chút.”

Thế là bố Reese mỉm cười, *đương nhiên rồi, không có vấn đề gì*, dù Reese biết ông phải có mặt ở nhà hàng trong khoảng hình như một tiếng nữa để

làm việc. Reese liếc đồng hồ.

Chắc chắn lúc này đã là cuối hiệp một rồi.

Bố nói: “Vincent, con vào ngồi trong xe đi và vặn radiô lên.” Vincent đi chậm chậm ra cửa. Chiếc xe Chevy to như con thuyền của họ đang đậu ở lề đường, cách lề khoảng ba mươi phân vì bố lái xe không giỏi dù bố luôn nói khi họ ngồi trên xe: “Con biết không, người Ý là những người lái xe giỏi nhất đấy. Parnelli Jones này. Và Mario Andretti nữa. Họ đều là người Ý đó.”

“Và là ca sĩ hát hay nhất nữa,” Reese thường đáp lại. Bố thật khờ, nhưng là một anh khờ dễ thương.

“Ồ, đúng rồi. Frank và Pavarotti nữa.”

“Và Madonna. Cả Trevor Ricci nữa.”

“Trevor Ricci hả?” chỉ đến lúc đó bố mới hỏi.

“Của ban On the Rag đó,” Reese nói.

“Là ban nhạc à?”

“Đúng rồi bố, như ban Smashing Pumpkins ấy. Hay ban Nine Inch Nails. Hay bất kỳ ban nhạc nào.”

Và thế là bố thường nói cái thứ rác rưởi này không phải là âm nhạc – trẻ con ngày nay không biết khái niệm giai điệu là gì cả – và Reese thường nói *đúng quá mà, như mấy cái băng trong nhà hàng ấy, mấy ca sĩ giọng nam cao cách đây hai ngàn năm ấy cứ hát mãi bài “Santa Lucia” cho đến khi người ta nổi điên lên. Đó mới là âm nhạc!*

Cái xe chết tiệt bị khóa rồi. Reese hít một hơi thật sâu. Nó quay lại và khi sắp ngồi xuống chiếc ghế xích đu ngay cửa văn phòng của tay bác sĩ thì nó nghe bố nói: “... rằng em nó ba tuổi?”

Hay thật, Reese nghĩ, rồi nó xích lại gần hơn.

“Tôi biết... ông đã nói qua điện thoại rằng có một đứa bé nữa.” Giọng tay bác sĩ nghe như muốn tạ lỗi. Nó đã nghe cái âm điệu đó rồi, cái giọng bị nén

lại như khi ai đó vừa ôm vừa nói với bạn, như khi một thầy hay cô nghe nói về chuyện của Ben vào đầu học kỳ. Lúc đầu nó giống như cái vé ma thuật vậy. Họ nhìn bạn với vẻ trù mến, họ nghiêng đầu và mỉm cười với bạn dù bạn có làm gì đi nữa, nhưng chẳng được bao lâu. Khoảng tháng Mười Một, nó luôn phải ngồi trong văn phòng thầy hiệu trưởng để nghe những bài diễn văn tràn giang đại hải rằng dù chúng ta có sầu khổ đến mấy đi nữa chúng ta cũng cần phải mạnh mẽ, phải giải quyết những mục tiêu tiên quyết và phải có trách nhiệm vì thế giới sẽ không nương tay với em, em phải vươn lên, và em biết mình có khả năng mà Vincent....

“Vậy Vincent lên... bây giờ em nó chết?”

Đồ cà chớn, Reese nghĩ. Nó có thể nghe giọng bố chùng xuống. Bố không chịu được khi phải nói nhiều về Ben. Cái gã cà chớn ngu xuẩn này sắp làm bố buồn nẫu ra bây giờ.

Reese đi thật nhẹ tới cuối một kệ sách; nó chỉ nhô ra khỏi tường khoảng ba mươi phân nhưng đối với tuổi mười ba thì Reese nhỏ con và rất gầy, vì thế nó có thể đứng thẳng và nghe lóm mà không sợ bị phát hiện. Có một lớp bụi mỏng dọc theo lưng kệ sách; Reese đưa ngón tay quét bụi.

“Nó không chết. Đó là, tôi nghĩ, vâng, nó chết rồi. Nhưng chúng tôi không chắc lắm. Vì Ben... chúng tôi tin rằng Ben bị bắt cóc. Thật vậy, với những bằng chứng tìm được thì cảnh sát cũng cho là như thế.”

“À, ra thế,” gã cà chớn nói. Một kẻ bảo đảm sẽ gây sững sốt cho mọi người. “Và ông chưa tìm thấy...?”

“Vụ này vẫn đang được chính thức điều tra, và thỉnh thoảng cảnh sát vẫn nhận được những manh mối. Thật ra thì năm ngoái, à... vấn đề là cũng không còn mấy hy vọng, nhưng tôi cầu xin Chúa ít nhất thì một ngày nào đó chúng tôi sẽ tìm ra.”

“Ôi chà. Ồ, chắc ông... chắc phải...”

“Và Vicent ở ngay bên cạnh Ben khi chuyện đó xảy ra. Tôi rất ngạc nhiên khi biết anh chưa từng đọc về vụ này.”

“Tôi đọc rất ít. Ông nói là nó thấy thằng bé bị bắt cóc à?”

“Không... nó – Ben – chỉ là một đứa bé, mùa xuân đó nó mới được ba tuổi, và nó đi lung tung.... Chúng đang ở trong tiền sảnh của khách sạn. Lúc đó chúng tôi sống ở Wisconsin và Beth đem lũ trẻ đi theo trong kỳ họp lớp trung học của cô ấy.”

“À, tôi hiểu rồi....”

“Nó nói về Ben à? Về những gì nó cảm thấy về chuyện đã xảy ra cho Ben sao? Tôi nghĩ điều đó có ý nghĩa đấy, phải không, nếu một đứa bé tỏ ra như thế, như Vincent ấy, thì ắt phải có một mối liên hệ nào đó chứ?”

“Chà, chúng ta phải cho đó là một chấn thương...Nhưng không, ông Cappadora, nó không nói gì hết. Và điều đó cũng không sao, đặc biệt là trong lần gặp gỡ đầu tiên. Trong việc chữa bệnh thì trẻ con không giống chúng ta. Người lớn sẽ đi thẳng vào vấn đề. Ví dụ như ‘Tôi muốn bỏ vợ’... ‘Tôi ghét lão chủ của tôi.’ Chúng ta đều biết rằng mình cần phải xem xét các vấn đề, và trong đầu, chúng ta biết việc chữa trị tốn kém như thế nào. Nhưng với một đứa trẻ thì... nó đâu có đến và nói: ‘Cháu có vấn đề về cái này.’ Đặc biệt là một đứa trẻ đang lớn, nó bao nhiêu tuổi rồi nhỉ? ... gần mười ba... thì nó sẽ tiếp cận sự việc một cách gián tiếp, và điều quan trọng là phải thiết lập cho được lòng tin....”

“Vâng, đúng vậy.”

Cục cút, Reese rửa thềm. Bố sẽ không dừng chuyện này đâu.

Và rồi bố nó hỏi: “Vậy khi nó nói về vụ nổ thì sao? Nó có nói với anh rằng có người bị thương không?”

“Không.”

“À, vậy thì tốt vì không ai bị thương cả. Dù có một bà già té từ trên ghế trong nhà bếp xuống khiến đầu bà ấy sưng lên một cục to bằng quả trứng... nhưng may thay, bà ấy biết bố Beth. Nhưng tôi hy vọng Vincent cho anh biết một chút khái niệm về... của lĩnh vực này.”

“Nó có cho tôi biết về chất calcium carbide.”

“Nó với thằng nhóc Jordie Cassady đổ một đồng các tinh thể ấy xuống cống. Rồi chúng chờ thật lâu. Nếu chúng không chờ lâu đến thế thì đã không nổ lớn như vậy... nhưng xem nào, Vincent biết về cái chất này. Không phải lỗi của Jordie Cassady dù bố hay ông hay ai đó của nó để mấy chất hóa học đó – trong nhà để xe, ôi lạy Chúa. Nhưng Jordie là một thằng bé ngoan. Tôi không có ý nói con tôi là xấu. Nhưng chính Vincent biết phải chờ bao lâu. Nó chờ cho đến khi các tinh thể hòa tan hết trong nước để chúng có thể thật sự... và rồi chúng đốt cái khúc củi ngo đó – anh biết đấy, cái thứ anh dùng để nhóm lửa trong lò sưởi ấy.”

“Nó nói với ông toàn bộ những chuyện đó à?”

“Cảnh sát nói với tôi toàn bộ sự việc. Và tôi nghĩ là nó đã khai với cảnh sát như thế. Họ đã phải nhìn vào danh sách tên chất khí nó tạo ra. Đó là khí axetylen. Khi đốt nó, anh sẽ thấy mình chưa từng nghe bất cứ thứ gì như thế đâu. Giống như... mười trái lựu đạn nổ cùng một lúc vậy. Cửa sổ vỡ toang. Đồ đạc rơi khỏi kệ. Mặt đất rung chuyển. Beth và tôi hoảng hồn cứ như... ‘Lò sưởi nổ rồi!’ Và mấy cái nắp cống ba khu nhà – bùm! Bay tít lên không. Lúc đó là một giờ sáng.”

Reese nghe tiếng bố đứng dậy, và dù nó không thể thấy được bố, nó vẫn biết bố đang đưa tay rút gói thuốc lá ra và vì biết không thể hút trong văn phòng của tay đó, ông bỏ gói thuốc lại vào trong túi rồi đi tới đi lui. Ông nói tiếp: “Cao đến chín mét, và bằng gang. May là không có con mèo nào bị vụ nổ làm cho dẹp lép – và nếu là ban ngày thì, lạy Chúa, chắc là có người chết rồi.” Bố Reese thở dài cái khì như bố thường làm vào cuối đêm thứ Bảy khi bước qua cửa vào trong nhà, người đầy mùi khói và tói. Reese thường nghe tiếng bố về; giờ đó không còn ai thức cả. Nó thường nghe tiếng bố thở dài, thật to, và rồi bố bắt đầu lục lọi các ngăn kéo, và nó muốn chạy xuống hù bố nó từ đằng sau, giống như ngày xưa khi nó còn rất nhỏ. Thời đó bố nó không bao giờ bắt nó đi ngủ. Bố thường làm bánh mì nướng thơm mùi quế cho nó.

“Vấn đề là,” bố lại tiếp tục nói, “Beth, mẹ nó và tôi... chúng tôi đã có một khoảng thời gian... đã rất, rất khó khăn. Thế là thằng nhóc, thằng nhóc thành con ngựa bất kham này. Theo như tôi biết thì nó không làm bài tập về nhà. Tôi nghĩ nó sẽ viết cả một báo cáo dài hai mươi trang về một chuyện gì đó như bài toán Monty-Hall chẳng hạn....”

“Bài toán Monty-Hall?”

“Đó là một bài toán xác suất. Nếu anh có ba cái cửa, và có một phần thưởng lớn sau một cửa, đầu tiên anh chọn cửa số một, nhưng không có phần thưởng ở đó, tôi nhớ câu hỏi là có khả năng xác suất trúng giải sẽ lớn hơn khi so sánh giữa cửa số hai và số ba không?”

“VẬY CÓ KHÔNG?” tay bác sĩ hỏi, nghe ngu ngu như thằng Kevin Flanner mà Reese đã phải đâm vào mặt nó một lần rồi ấy.

“Làm sao tôi biết được. Tôi là quản lý nhà hàng mà. Vậy mà có rất nhiều nhà toán học trên khắp nước viết cho nhau qua máy tính để thảo luận chuyện này.... Dù sao thì Vincent cũng đã viết một bài dài về vấn đề này; thậm chí nó còn gọi điện thoại cho tay này ở California vào nửa đêm nữa.”

“Ấn tượng thật đấy. Thằng bé này quả thật rất thông minh.”

“Nhưng vấn đề là bài đó không phải bài tập thầy cho! Không phải bài tập về nhà của nó; nó phải làm toán chia trên giấy, nhưng nó chẳng làm gì cả, mà cũng không nộp bài nữa. Cho nên nhà trường gọi điện về. Trong một tuần mà họ gọi về những mười lần. Chắc giờ họ để tên chúng tôi vào danh sách những số điện thoại đặc biệt rồi, và tôi biết, tôi biết rằng tất cả chúng tôi đã và đang rất đau khổ, nhưng lạy Chúa, thằng nhóc sắp sửa phải vào trại cải tạo....”

“Tôi không nghĩ thế đâu, thật đấy. Nhưng vấn đề là, lần sau, cả nhà phải đến đây – vợ ông và...”

“Beth sẽ không đến đâu.”

“Tôi biết chắc là bà nhà cũng hoang mang lo lắng như ông vậy.”

“À, đương nhiên là Beth cũng quan tâm đến những gì đang xảy ra với Vincent. Nhưng từ khi Ben bị... từ khi chuyện đó xảy ra thì cô ấy không còn cởi mở nữa. Cô ấy có đến sinh hoạt với một nhóm những người sấu khố, và Beth với tôi cũng đã đi tư vấn, ngay sau khi tôi bị bệnh hồi năm ngoái. Một lần. Đã có rất nhiều áp lực. Cô ấy chỉ... cô ấy không muốn đương đầu với nó nữa....”

“Sao ông không để tôi nói chuyện với bà nhà? Tôi biết chắc chúng ta có thể giải quyết được một phần. Và... bố mẹ ông còn cả chứ? Bố mẹ Beth nữa?”

“Bố mẹ tôi còn cả. Và bố Beth nữa.”

“À, đây là vấn đề của cả gia đình, ông Cappadora ạ. Đã có rất nhiều nỗi đau trong vụ này, và có lẽ không đủ cơ hội cho tất cả chúng ta giải quyết đâu.”

“Tôi không tưởng tượng được cảnh bố mẹ tôi phải đến văn phòng của một nhà tâm lý.”

Kilgore cười vang. “Không ai có thể tưởng tượng được điều đó hết. Nhưng dần dà rồi cũng quen thôi. Vậy thì sao mình không cố thử nhỉ?” Kilgore lục lọi đồng giấy tờ. “Ông biết không, tôi cứ nghĩ mãi về chuyện này. Mấy cái nắp cống bay lên trời đến chín mét? Có ai thấy không?”

“Có. Có hai người thấy. Và Jordie với Vincent nữa, dĩ nhiên rồi.”

“Hay thật.”

“Gì cơ?”

“Ý tôi là, tôi xin lỗi, ông Cappadora, Pat. Lẽ ra tôi phải nói là chuyện này thật quá ư nguy hiểm, là một hành vi phản kháng, và về một phương diện nào đó thì thật nguy hiểm vì có thể hại đến bản thân. Đương nhiên là thế rồi.” Vincent căng tai ra nghe tay bác sĩ tâm lý. Ông ta đã đứng dậy đi ra khỏi tầm nghe của nó. Vincent nghiêng người tới trước một chút, và tay đó nói: “Nhưng chín mét lên trời à? Nổ đánh bùm à?”

Reese nghe tiếng bố nó cười nhẹ, rất nhẹ. “Nó có nói với anh nó là một tay cá cược chuyên nghiệp không?”

“Không phải chứ!”

“Đúng, một tay cá cược chuyên nghiệp... bóng đá, bóng chày, khúc côn cầu. Không phải loại non nớt đâu. Nó ăn đứt mấy người bạn thân của tôi đấy.”

“Thằng nhóc của ông thật là...” Họ cùng cười xòa với nhau, lần này thì lớn hơn. Họ cười về một thằng bé đã làm nổ tung khu lân cận nhà nó.

Chúa ơi, Reese nghĩ. Con sướng rồi.

Mặc dù theo nó nghĩ, bác sĩ Kilgore đã bỏ lỡ cơ hội trở thành bác sĩ thú y (vì trên tường chú có nhiều tranh về ngựa hơn ở đường đua Churchill Downs nữa) thì Reese cũng không thấy phiền khi phải trở lại đó lần thứ hai chút nào.

Một phần là nét mặt bố nó đã khiến Reese đồng ý đến gặp vị bác sĩ tâm thần một lần nữa.

Đó cũng chính là vẻ mặt của bố khi xong việc cào lá sồi lần thứ ba vào mùa thu. Cứ như bố có thể giả vờ rằng vào mùa đông, một điều kỳ diệu sẽ xảy ra và lá cây sẽ không rơi nữa và ông ấy sẽ không phải cào lá nữa vậy. Đó cũng chính là vẻ mặt mà Reese vẫn hình dung trong đầu sẽ kèm theo một tiếng phui tay – *đó, xong nhé*. Nói chung thì Reese thích cạo lớp sơn của tòa nhà chọc trời Sears Tower hơn là phải gặp lại tay bác sĩ Kilgore Nói-Năng-Không-Mạch-Lạc (“Hãy gọi chú là Tom, hay thậm chí là Bác sĩ Tom cũng được nếu cháu muốn” – Reese đã không thể tin được.) Nhưng nó hài lòng khi chuyện đó làm mấy vết nhăn trên trán bố nó giãn ra, làm mắt bố nó mở to hơn một chút, như cặp mắt không phải lúc nào cũng nheo lại cố đọc những dòng chữ nhỏ li ti. Nó biết bố đã năn nỉ mẹ, bà nội Rosie, ông nội Angelo và ông ngoại Bill nữa để đến gặp bác sĩ Kilgore. Bà Rosie thì sao cũng được, nhưng ông Bill không thích ý này lắm (hình như thế vì Reese chỉ nghe lén được cuộc điện thoại đó một chiều thôi – nó thường làm thế lắm; chỉ một chiều vì bố nó có giác quan thứ sáu hay sao ấy, dù nó đã lấy khăn tay bịt lên ống nghe và nín thở rồi.)

Lý do chính khiến Reese không thấy bức khi phải trở lại gặp bác sĩ Kilgore là vì ông ta là một chuyên gia về tâm thần chứ không phải một nhân viên xã hội ở trường hay đại loại thế. Nó chẳng khó khăn gì để kết luận rằng

những người này sẽ ngồi nói chuyện thật lâu với các cố vấn học đường mỗi khi nó dính đến mấy chuyện lật vặt chết tiệt ở trường hay những chuyện khác nữa. Có phải nó bị chứng trầm cảm lâm sàng? Hay nó mắc hội chứng “người không hoàn thành” (Reese thích từ này nhất; từ này làm nó nghe oai oai, giống như một đứa trẻ uống quá nhiều vitamin và bị gãy nhom vì phản ứng ngược vậy). Reese có thể nhận thấy rằng bác sĩ Kilgore không giống những người kia vì văn phòng của chú được trang trí rất sành điệu, với những tấm panô giấy mỏng màu trắng làm bằng tay xếp thẳng hàng, chỉ trừ một tấm, tấm kế chót, là màu tím hợp với màu mấy cái gối để trên ghế dài. Nếu có hai tấm màu tím, mỗi đầu một tấm thì không hẳn là tay bác sĩ này có tiền. Nhưng cái tấm duy nhất đó, chỉ một tấm ở đó thôi làm cho văn phòng trở nên lịch lãm hẳn.

Và đương nhiên là trước khi trở lại, Reese đã tìm được tên ông ta trong danh bạ điện thoại, bác sĩ Thomas K. Kilgore.

Như vậy nghĩa là Reese có thể thổ lộ với ông ta về chuyện quả tim nó. Những chuyện nó không thể kể cho bố được. Vì bố đã bị nhồi máu cơ tim một lần rồi nên thậm chí nó cũng không thích khai ra mỗi khi nó bị đau họng. Chuyện tim nó – kéo dài cũng khá lâu rồi – sẽ là cách tốt nhất để qua hết thời gian khi nó gặp lại bác sĩ Kilgore. Nó sẽ khiến bác sĩ Kilgore không để ý đến mắt nó nữa – nó biết bác sĩ Kilgore sẽ hỏi nó vì sao mắt lại thâm tím thế kia; thật ra thì nó biết bố đã nói trước với bác sĩ Kilgore về chuyện này rồi. Nhưng không hẳn chỉ có thế. Vì đã bắt đầu phiền phức rồi đây. Chuyện quả tim nó giờ xảy ra hầu như mỗi đêm chứ không thỉnh thoảng như xưa, mà đôi khi còn xảy ra ở trường nữa. Tim nó thường bay lên, như một con hải âu vỗ cánh bay lên khỏi mặt nước kêu bạch, bạch, bạch vậy. Lần đầu tiên xảy ra chuyện đó, Reese nghĩ *minh sắp chết thật rồi*. Và nó cố vùng dậy ra khỏi giường, nhưng vì kiệt sức nên nó phải nằm xuống lại. Và dần dần tim nó đập chậm lại cho đến khi nó thấy bình thường như chưa có chuyện gì xảy ra, như thể không biết là đã có chuyện đó xảy ra. Lần đầu – mãi cho đến sau trận đánh nhau – nó nghĩ thẳng chết tiệt Kramer đã bẻ gãy xương sườn

nó hay đại loại thế khi nó bị hạ đo ván. Nhưng mấy lần sau nó lại không đau chút nào.

Vì thế Reese đoán đó là do nó bị bệnh tim di truyền, mà bệnh phát ra sớm thôi. Và khi nó đến văn phòng, lúc bố đang đứng trên hàng hiên nói chuyện với bác sĩ Kilgore, nó với tay rút một cuốn sách màu xanh xuống – *Trường thành: Những khía cạnh Tâm sinh lý của Thanh thiếu niên* – và nó cố tìm chương nói về bệnh tim phát sớm. Nhưng nó không kịp bỏ cuốn sách đó lên kệ vì bác sĩ Kilgore đi giày như nhân vật Rogers trên tivi ấy (có lẽ để khỏi làm xước sàn phòng bằng gỗ phong bóng loáng đẹp đẽ kia) và chú đứng ngay đó trước khi Reese có thể làm gì. Nó gần như đứng tim.

“Xin lỗi cháu nếu chú làm cháu sợ,” bác sĩ Kilgore nói thật nhẹ nhàng.

“Dạ không sao,” Reese đỡ mồ hôi hột. Nó hít một hơi thật sâu. “Thật ra cháu không quan tâm vì dù sao đi nữa thì cháu cũng muốn hỏi chú điều này, muốn hỏi từ lâu rồi.”

Bác sĩ Kilgore ngồi xuống ghế đối diện với Reese và nói:

“Cháu cứ hỏi đi.”

“Bố cháu đâu?”

“Bố về rồi.”

“Được rồi, chú là bác sĩ phải không?”

“Chú là bác sĩ tâm thần.” *Mẹ kiếp*, Reese nghĩ, *được. Ta sẽ nghiêm trọng hóa vụ này thêm.*

“Nhưng trước khi thành một bác sĩ tâm thần thì chú phải là một bác sĩ bình thường, đúng không? Vậy chú đã là một bác sĩ?”

“Đúng vậy, và bây giờ chú vẫn đang là một bác sĩ bình thường đây. Chú có thể kê toa thuốc kháng sinh và mọi thứ,” Kilgore mỉm cười. “Mắt cháu bị sao thế?”

“Chú biết rồi mà. Cháu nghe bố nói với chú rằng cháu bị một thằng cà chớn nhảy xổ vào.”

“Chú chỉ muốn biết cháu có nhớ được cái biển số ấy không thôi.”

“Cái gì chứ?”

“Của cái xe tải đã đụng cháu ấy mà.” *Ôi, thật là rắc rối*, Reese nghĩ.

“À, thật ra thì có. Cháu biết gã đó. Nó là một thằng ngu thâm căn cố đế.”

“Một thằng phá làng phá xóm?”

“Đúng rồi.” Nó thích cụm từ đó. Một thằng phá làng phá xóm. “Nhưng kệ nó đi. Ban đêm cháu có vấn đề này... khi cháu nằm trên giường...”

“Hầu hết mọi thanh niên vào độ tuổi cháu đều bị....”

Lạ Chúa, Reese than thầm. “Cháu không muốn ám chỉ chuyện đó! Cháu nghĩ là cháu đang bị bệnh tim, mà cháu lại không muốn cho bố biết vì bố dễ bị kích động lắm.”

“Sao cháu lại nghĩ mình bị bệnh tim chứ?”

Reese kể cho Kilgore nghe về con hải âu trong ngực nó. Kilgore đứng lên nhìn vào một con ngựa một lát. Rồi chú cầm quyển sổ gáy lò xo nhỏ lên ghi ghi chép chép y hệt mấy ông bác sĩ tâm thần trong phim.

“Vincent này, chuyện này xảy ra lâu rồi à?”

“Reese mới đúng.”

“Ờ, Reese. Xin lỗi cháu. Chỉ là... cháu biết đó, thật ra thì hơi lạ một chút. Cũng không lạ lắm. Hơi hơi thôi. Chú ít thấy trẻ con đổi tên. Chỉ có người lớn thôi. Phần nhiều là những người đã ở tù ra.”

“Cháu biết.”

“Nhưng về tim cháu ấy mà, Reese – cháu để ý thấy chuyện này bao lâu rồi?”

“Cháu đã tính trước rồi vì biết thế nào chú cũng hỏi câu này. Cả mấy tháng nay rồi, cứ trở đi trở lại. Nhưng kể từ vụ đánh nhau thì ngày nào cũng có.”

“Vụ đánh nhau đó có phải là một kinh nghiệm rất đau không? Chú thấy mắt cháu cứ như miếng hamburger to ấy, nhưng dù vậy...”

“Vụ đó cũng như các vụ khác thôi.”

“Cháu hay đánh nhau lắm à?”

Reese khịt mũi một cách vô thức. “Vâng.”

“Nhưng lần này cháu bị thương.”

“Cháu bị thương nhiều rồi.”

Kilgore cười vang. Gã này cười đều quá! “Đã có ai cho cháu biết nghĩa của từ ‘phản trực giác’ chưa?”

“Chưa,” Reese sừng cồ lên.

“Ý chú là nếu cháu bị thương nhiều thì cháu có trở thành loại người không bao giờ phạm lại lỗi lầm mình từng phạm không?”

“Nhưng mà..., bác sĩ Kilgore...”

“Gọi là Tom đi.”

“Chú Tom – cháu bị đánh là vì nó đánh lén và cũng vì thằng đó cao một mét sáu và nặng tám mươi ký...”

“Vậy tại sao cháu lại chọc cho hắn nổi giận?”

Tại sao ư? Reese nghĩ. Tại sao là một câu hỏi hay. Nó biết tại sao. Nó đã tự động đi tìm Kramer rồi chọc tức hắn, nó biết chứ. Nó đón Jordie trên đường đi tìm Kramer. Chúng đã phải tìm ở hai nơi: trong công viên bảo tồn thiên nhiên nơi Kramer thường hút thuốc như người lớn, và ở sân chơi chỗ gần mấy cái vòng – và chúng đã tìm được hắn. Kramer và gã bạn tốt bụng của nó, cái thằng liệt dương Angotti ấy. Reese nói: “Cháu không biết. Nó chọc tức cháu.”

“Ngày đó nó chọc cháu giận nhiều hơn mấy ngày khác à?”

“Không.”

“Vậy tại sao lại là ngày đó?” Reese suy nghĩ thật lâu. Và trong khi nó suy nghĩ, Kilgore hỏi: “Cháu có rắc rối gì với mẹ không? Với bố? Hay với điều gì đó ở trường?”

“Không. Thật đó. Buổi sáng hôm ấy là một sáng thứ Bảy bình thường. Mãi đến hai hay ba giờ chiều cháu mới phải về để xem bàn thắng của mấy trận đấu thể thao. Thế nên cháu lấy xe đạp chạy vòng vòng.”

“Cưỡi xe đạp của cháu...”

“Cháu đang chạy xe trong khu gần nhà. Đang quẹo xuống chỗ mấy thằng ranh chơi khúc côn cầu, ngay nhà thằng nhóc này...”

“Cháu có chơi không?”

“Không,” Reese cười phá lên. “Tụi nó mới chín tuổi thôi.”

“Vậy tại sao cháu lại đến đó?”

“Cháu thích đến...” Reese ngược lên nhìn Kilgore. Nó thấy một cái cánh đập mạnh trong lồng ngực nó, rồi nhẹ dần. “Cháu chỉ muốn xem thằng nhóc này chơi thôi. Nó chơi cực hay.”

“Nó là bạn cháu à?”

“Cháu đã nói rồi, không phải, nó khoảng tám tuổi thôi. Thậm chí cháu còn không biết nó là ai nữa,” Kilgore có vẻ bối rối. “Cháu chỉ thấy nó ở khu nhà cháu có một lần đó thôi và cháu đi qua nhà nó lúc nó đang chơi khúc côn cầu ngoài đường. Cho nên cháu dừng lại xem.”

“Chuyện này xảy ra cách đây bao lâu rồi?”

“Cũng cả mấy tháng rồi.”

“Cách đây mấy tháng rồi à?”

“Dạ.”

“Vậy thì khi cháu đến đó xem nó chơi, cháu có nói chuyện với nó không?”

“Không, cháu chỉ ngồi trên xe và xem thôi.”

“Cháu làm chuyện này vài lần rồi chứ?”

“Sao chú lại hỏi thế ạ?”

“Chú hơi tò mò một chút.”

“Ừm, đâu khoảng một chục lần. Có lẽ hơn nữa. Nó là một cầu thủ khúc côn cầu đường phố rất giỏi. Và chú biết mà, cháu thích thể thao.”

“Nó làm cháu nhớ đến ai à?”

Gì chứ? Reese nghĩ. “Như ai ạ?”

“Có thể là cháu, khi cháu còn nhỏ ấy.”

Reese chậm chậm nói: “Không. Nó to con so với tuổi của nó. Không, nó không giống cháu chút nào.” Bỗng nhiên mấy con hải âu lại cương quyết tụ tập lại. Reese cúi gập người trên ghế và lấy tay ôm ngực.

“Reese, Reese, cháu làm sao thế?” Kilgore đứng bật dậy.

“Nó đang xảy ra đây chú.”

“Tim cháu á?”

“Dạ.”

“Reese này,” Kilgore ngồi xuống cạnh nó. “Chú sắp nói với cháu chính xác những gì đang xảy ra với cháu đây. Cháu không chết đâu. Cháu không bị nhồi máu cơ tim. Cháu đang bị hoảng thôi, và dù nó làm cháu sợ mà chuyện này là có thật – nó rất thật – thì cũng không nguy hiểm đâu. Nó không làm cháu chết được đâu.”

“Cháu thật đã không nghĩ...,” Reese thở hỗn hển.

“Nhưng có thể cháu đã nghĩ thế. Chú biết cháu có cảm tưởng nó sẽ làm cháu chết vì chú cũng đã từng bị mấy lần rồi.”

Kilgore đặt tay lên giữa lưng Reese rồi nhấn mạnh xuống. Không phải ông ấy đang ôm Reese, chỉ ấn mạnh như thể Reese là một cái bơm xe đạp vậy – ấn xuống, thả ra, ấn xuống. “Thối ra bằng miệng thật chậm và thật nhẹ đi Reese. Nhưng làm cho đều vào. Cứ làm như cháu đang thổi bong bóng ấy.” Reese làm theo, và khi đó, nó thấy như nó đang lên đến đỉnh đồi, nó thấy rõ ràng có sự thay đổi, dù mấy con hải âu vẫn đập nhưng sắp đến hồi kết thúc, sắp ổn rồi. Nó hít một hơi thật sâu, chờ cho cảm giác đó chấm dứt. Và ngay lập tức, Kilgore đứng bật dậy như thể không có chuyện gì xảy ra.

“Vậy là nó xảy ra sau trận khúc côn cầu đường phố à?” Reese vẫn còn hơi đau nhưng nó tính rồi, nếu Kilgore không muốn tiếp tục nói nữa – thực ra, để cho đỡ căng thẳng – nó đành hợp tác với vị bác sĩ vậy. “Dạ. Cháu đi tìm Jordie rồi hai đứa đi đến sân chơi.”

“Rồi cháu tình cờ gặp...?”

“Cháu tình cờ gặp Kevin Kramer.”

“Cái thằng phá làng phá xóm ấy à?”

“Dạ.”

“Rồi sao lại đánh nhau?”

“À, tụi nó đang chơi bóng rổ, và cháu chạy ngang qua.”

“Chỉ có thể thôi à? Chỉ có thể thôi mà đánh nhau?”

“Không. Vì cháu chạy vào giữa đám bọn chúng.”

“À, thì ra thế.”

“Rồi cái thằng Angotti bạn nó ấy, hình như tóc nó bạc thì phải, nó đã nhện nhiều lần rồi nên lần này nó chạy ra chặn đường cháu.”

“Ồ.”

“Và hình như tụi nó hét: ‘Cappadora, đồ quái vật lùn.’”

“Rồi cháu không nhện được à?”

“Chú có nhìn được không?”

“Không.”

“Chúng đang giấu cọt về... chiều cao của cháu...”

“Lùn đâu phải là cái tội. Cháu biết đó Reese, mà dù cháu có lùn cả đời thì cũng có gì là ghê gớm đâu.”

“Những gì chúng nói là cháu, cháu... chú biết không, cháu là đứa không phát triển... về mọi phương diện.”

“Chú hiểu.”

“Thằng đó hình như là học sinh lớp mười, thằng Kramer ấy.”

“Thế à?”

“Vì thế cháu chỉ nói một câu thôi, một câu rất bình thường, đại loại như... “Ê, cấm nói về bố mày như thế chứ” và thế là nó nổi khùng lên...”

“Đây là lần đầu tiên cháu đánh nhau với Kramer à?”

“Dạ. À...” Reese ngẫm nghĩ. “Không phải lần *cãi nhau* đầu tiên.”

“Lần đánh nhau đầu tiên.”

“À, nó mới dọn đến đây thôi.”

“Hiểu rồi.”

“Vậy đó.”

“Còn những lần gây nhau khác thì sao?”

“Chú này, người ta đâu thể cứ ngậm cầm mãi được.”

Reese đứng lên đi đến trước một trong những bức ảnh có ngựa – nó nhận ra ngay người đang cầm cương ngựa là Kilgore, và có một bé gái ngồi trên lưng ngựa, một cô bé tóc vàng y như tóc của Kerry. Cô bé đội mũ rộng vành lớn màu đen. Nó không thấy được gương mặt cô. “Đây là con gái chú à?”

“Em út của chú.”

“Em chú á?”

“Giờ thì nó được mười tuổi rồi. Gia đình đông con kiểu Ai-len mà. Có cả thầy tám người con. Chú là anh cả còn nó là út. Khi nó được sinh ra thì chú đã là sinh viên y khoa rồi.” Nó tên là gì?”

“Tess.”

“Không phải tên của tất cả mọi người đều bắt đầu bằng mẫu tự T chứ?”

“Ồ, đều bắt đầu bằng chữ T mới chết chứ.... Terrance. Tracey. Tara.”

“Chú cũng may, nhi.”

“Thế mà chú không biết đấy,” Kilgore đứng lên. “Reese này, đã hết giờ lâu rồi. Chú muốn cháu nhớ cái cách thổi bong bóng đó vì thở như thế giúp cháu không còn hoảng sợ nữa nếu cháu có thể tập trung vào nó. Được chứ?”

“Dạ được.”

“Lần sau chúng ta sẽ nói thêm về cách chấm dứt chuyện đó. Và vì sao cháu lại bị như thế.”

“Dạ.”

“Và có một thứ khác chú muốn cho cháu xem,” Kilgore chìa một tay ra và Reese co rúm người lại – *Gã này muốn ôm mình đây*, nó ghê tởm nghĩ. Nhưng bỗng dưng nó khuyu một đầu gối xuống; cứ như thể chú ấy đã dùng tia lửa của cái đèn khò lấy ra được một khúc xương sống trong cổ nó vậy.

“Ôi Chúa ơi,” Reese hét lên. Nó suýt khóc.

“Không đau lâu đâu,” Kilgore nói, và chú ấy nói đúng. Cái chỗ lõm vào ngay sau trái tai ấy mới trước đây có cảm giác như điện giật thì bây giờ không còn cảm giác gì nữa. Nó nhẹ nhẹ nhấn vào đó. Giờ nó thấy bình thường trở lại. “Chú xin lỗi. Nhưng cháu phải hiểu điều đó tùy thuộc vào mức độ bất ngờ ở cháu.”

“Chú đã làm gì thế?” Reese vừa hỏi vừa xoa xoa cổ.

“Bọn chú thường gọi chúng là huyết đạo.” Kilgore vừa nói vừa cầm tay Reese đặt ngón cái nó vào giữa hai ngón tay nó. “Thấy chưa? Cháu ấn ...” Và *bam!* Reese rụt tay về thật nhanh.

“Chú học được ở đâu thế?”

“Ở trường y. Có những chùm dây thần kinh trên khắp người mình. Cháu biết không?”

Kilgore chỉ cho Reese thấy một huyết ngay sau cùi chỏ, một huyết gần xương cụt. “Cháu có thể tìm trong một cuốn giải phẫu học và thấy có rất nhiều. Đây này – cháu có thể sờ chú ... Cháu có thể biết chỗ nào là huyết vì chỉ cần ấn nhẹ vào đó thôi là cháu thấy nhói lên rồi. Và nếu ấn mạnh cháu sẽ thấy rất đau. Đương nhiên là mình thường không tự ấn mạnh như thế.”

“Chú đang...?”

“Reese này, chú chỉ muốn nói là nếu cháu biết vị trí các huyết đạo thì cháu có thể vật ngã một con bò, và nếu cháu phải tiếp tục đánh nhau thì chú nghĩ cháu có thể...”

“À. Cảm ơn chú.”

“Và chú cũng là một gã lùn nữa. Gặp cháu vào thứ Bảy tới nhé,” Kilgore nói.

Đối với Reese, cái cuộc họp gia tộc đã kéo dài quá mức chịu đựng của nó. Không phải vì nó thấy xấu hổ cho tất cả họ (ông ngoại Bill mặc quần đánh gôn màu xanh lá cây còn ông nội Angelo mặc đồ như một người hộ tang bên quan tài); nó chỉ có cảm giác rằng tập họp tất cả mọi người trong một phòng sẽ là một dịp khiến họ rất dễ gây gổ với nhau. Khi bố báo cho mẹ về cuộc họp mặt – bố không hỏi ý kiến mà chỉ báo cho mẹ thôi – thì mẹ quắc mắt lên – Reese thường thấy mẹ quắc mắt lắm.

Từ từ thôi bố, nó nghĩ. Có mấy con rồng đang lộng lộn ở đây.

Trong mấy phút buồn tẻ dài lê thê trong phòng đợi trước khi cuộc họp bắt đầu, Kerry (trông đẹp hẳn ra vì nó cứ khăng khăng đòi mặc cái váy xòe vũ ba lê màu tím) đã làm nó bẽ mặt quá. Nó tròng vào tay con búp bê rối hình Cô Bé Quàng Khăn Đỏ rồi nói: “Anh làm chó sói đi, Vincent.” Vincent lấy con rối hình đầu chó sói xỏ vào ngón trỏ rồi ve vẩy trước mặt Cô Bé Quàng Khăn Đỏ. “Ta ăn mấy cô bé như người trong bữa ăn sáng nè,” nó gầm gừ.

“Đồ chó,” Kerry điệu dàng nói.

Tuyệt thật.

Và đương nhiên là bà nội Rosie tặc lưỡi, thật nhẹ khiến Reese biết đó là tiếng tặc lưỡi đặc biệt dành cho nó, như thể nó dạy Kerry chửi thề vậy, mà nó đâu có dạy Kerry như thế; Kerry là đứa biết chửi thề ngay từ khi mới lọt lòng mà. Vừa lúc ấy, chú Tom bước ra đưa tất cả mọi người vào trong, và họ rộn ràng di chuyển, đổi chỗ ì xèo trên mấy cái ghế trong văn phòng của Tom.

Reese thấy tội nghiệp cho chú Tom. Phải nói về những chuyện đã được sắp đặt đâu vào đó hết rồi. Trong đời Reese, nó chưa từng nghe bà nội Rosie

nói một câu nào bắt đầu với hai từ “Tôi nghĩ”. Bà chỉ ra lệnh và phân công công việc. Và nó cũng chưa hề nghe ông ngoại Bill nói một câu không ở dạng câu hỏi; bác Bick từng phát biểu rằng khi nói chuyện với bố bác, bố bác cứ như đang dẫn chương trình Jeopardy ấy.

Và y như mọi người nghĩ, ông ngoại Bill hỏi ngay:

“Chúng tôi làm được gì cho anh đây, bác sĩ?”

Không để phí thời gian, chú Tom già đáp luôn: “Tôi không muốn tất cả quý vị nghĩ chúng ta có mặt tại đây là chỉ để giúp anh chàng phạm tội ở đây không thôi,” chú đưa tay về phía Reese giống như đang chĩa súng ngắm rồi nổ một phát. “Tôi hy vọng rằng tất cả quý vị đều rút ra được một bài học nào đó từ việc này, nếu không tôi đã không yêu cầu quý vị phải gác việc riêng mà đến đây. Nhưng tôi cũng biết không ai trong quý vị muốn thấy đứa trẻ mình yêu quý phải chịu nhiều đau khổ đến thế này, và Vincent – à không, anh bạn Reese của chúng ta – rõ ràng là đang phải gánh chịu rất nhiều khổ đau.”

Tất cả mọi người, kể cả Kerry, đều gật đầu. “Nhưng những gì tôi đã và đang được nghe, tôi chỉ đoán thôi, là toàn bộ gia đình ta đều rất đau khổ, đã nhiều năm nay rồi, và Reese không thể đối diện trực tiếp với việc này cho đến khi chúng ta mở lòng ra và để một nguồn sinh khí mới tràn vào. Quý vị biết tôi muốn nói gì chứ?”

Bà nội Rosie nhìn Tom như thế chú vừa bảo bà cạo đầu đi làm ni cô ấy.

Bà dịu dàng nói: “Tôi không hiểu vì sao chỉ ngồi trong căn phòng này nói chuyện mà chúng ta lại có thể giúp Vincenzo trở thành người tốt được.”

“Tôi không đảm bảo là chúng ta có thể, thưa bà... ơ, bà...” chú Tom chờ cho bà nội Reese lên tiếng. “Anh cứ gọi tôi là Rose.” *Phục vụ đi, Tom, phục vụ nữa đi*, Reese nhủ thầm. “Thưa bà Cappadora, không có bằng chứng nào cho thấy trong tình trạng hiện nay, chỉ nói chuyện không thôi lại có thể làm lành bệnh được. Nhưng cậu bé quý vị yêu mến này là một cậu bé rất dễ nổi giận. Và quý vị là những người cậu yêu quý. Có thể không phải lúc nào cậu

cũng hành động như thế, nhưng khổ nỗi đó lại là sự thật. Và với một cậu bé dễ nổi giận như thế này cùng cả một thế giới ngoài kia với những bàn tay mời mọc quả là nguy hiểm, và những lời mời gọi trong các bàn tay ấy là những điều quý vị không muốn xảy đến cho Reese chút nào. Lần tới có thể sẽ không phải là những cái nắp cống nữa.”

“Anh muốn nói đến ma túy ư?” ông ngoại Bill hỏi.

“Ông Bill,” chú Tom gọi cái tên thân mật của ông ngoại luôn. “Đúng vậy. Chắc chắn sẽ là như thế, và còn nhiều kiểu bắt chước khác nữa. Vì thế khi quý vị còn đang hiện diện tại đây, tôi muốn biết là điều này có phải mới xảy ra không? Tôi muốn biết Reese có phải kiểu thanh niên lúc nào cũng giận dữ không...?” Chú Tom nhìn thẳng vào mặt Reese mỉm cười.

Không ai lên tiếng.

Chú Tom tiếp tục. “Quý vị có một đứa trẻ tuyệt vời ở đây. Một đứa trẻ rất kiên cường. Tất cả quý vị đều biết điều này. Và với một đứa trẻ như thế này thì sẽ là một lãng phí rất lớn.”

“Khi mới sinh ra nó đã hay tức giận rồi,” mẹ nó nói. Tiếp đó là một trăm năm yên lặng, và rồi *bùm* – nổ rồi đây. Bà mẹ già tốt bụng nhưng chắc chắn là dở hơi lên tiếng. Mọi người, ngay cả Kerry cũng quay lại nhìn mẹ. “Nó lúc nào cũng khó khăn nhón. Từ khi còn rất nhỏ nó đã có những suy nghĩ riêng và luôn muốn làm mọi thứ theo ý mình. Không phải tất cả đều là chuyện xấu. Tôi không nói là Vincent hư.”

“Được rồi, chị Beth, được rồi. Nhưng khi chị nói nó ‘khó khăn’ thì nó có khó tính như bây giờ không?”

“Không. Nó chỉ bực bội chút đỉnh với tôi khi còn bé thôi. Nhưng từ sau khi Ben chết....”

Bà nội Rosie há hốc miệng vì kinh ngạc nói: “Beth à, Benjamin chưa chết mà.”

Mẹ nó nói: “Ồ, Rosie ơi. Nó chết rồi. Nó chết thật rồi mà. Nếu nó chưa chết thì con sẽ biết ngay.”

Bắt đầu rồi đây, Reese nghĩ, nói về Ben đi... nói suốt đời luôn đi.

Ông nội Angelo nhẹ nhàng nói: “Beth này. Mấy đứa trẻ...”

“Nhưng con không thể chịu đựng thêm được nữa! Mọi người cứ giả vờ như nó sẽ trở về. Con nghĩ đó cũng là một phần làm Vincent nổi điên đấy. Nó làm con muốn khùng luôn. Em mặc kệ, Pat à. Em đến đây và tại sao lại phí tiền thế? Để em nói cho nghe nhé: Em mệt với những câu như thế này lắm rồi. ‘Đừng mất hy vọng.’ ‘Hãy cầu nguyện, cầu nguyện, cầu nguyện đi.’ Chà, tại sao chúng ta không từ bỏ hy vọng đi chứ? Và tại sao không để những gì cần phải xảy ra xảy ra với chúng ta chứ?”

Bố nó lên tiếng: “Vì em không thể chôn vùi nó được, Beth. Em cứ muốn chôn nó đi trước khi chúng ta biết được sự thật. Anh biết vì sao em có ý nghĩ đó, nhưng...”

Con đang ở đây, Reese nhủ thầm. Con vẫn đang ở đây này.

Chú Tom chen vào: “Hình như có tới hai phe ở đây nhỉ và một mình Reese là phe thứ ba. Reese, cháu nghĩ sao?” Reese nói: “Cháu không nghĩ gì hết. Cháu không nghĩ về chuyện đó nhiều đến thế đâu.”

Chú Tom khuyến khích nó: “Thôi nào, cháu có nghe nói tới con voi to bụi màu tím trong phòng khách chưa? Có con voi đó ngay chính giữa phòng khách và cả nhà cứ đi quanh giả vờ như không có nó ở đó.... Cháu phải nghĩ về chuyện này, Reese ạ. Nó ở ngay trước mặt cháu ấy.”

“Không, cháu không muốn nghĩ đâu.”

“Tôi cũng thế,” mẹ nói và trong Reese, một cảm xúc nồng ấm đồng ý với mẹ dâng lên. “Tôi chưa hề nghĩ đến chuyện đó. Nghĩ đến nó thì có lợi gì chứ?”

Chú Tom đề nghị: “À, theo kinh nghiệm của tôi thì thỉnh thoảng, thỉnh thoảng nó cũng giúp ta bình tâm trở lại.” Và thế là họ trút hết ra; mẹ nói

rằng suốt bao năm qua cả nhà đã không đặt trứng Phục sinh lên mộ Ben vào dịp lễ Phục sinh. “Nó còn không có lấy một ngôi mộ để đặt mọi thứ lên nữa,” mẹ cáu tiết – mọi người đã không treo vớ cho nó vào dịp Giáng sinh, hay mua quần áo lớn hơn cho nó mỗi năm... khi ấy bà nội chen vào rằng bà có cầu nguyện cho Ben mỗi ngày, và các con gái bà cũng thế...

Chú Tom cố duy trì câu chuyện: “Bà Cappadora này, bà có bức không khi Beth không làm thế? Nếu bà nghĩ cô ấy đã đầu hàng thì bà cảm thấy thế nào?”

Bà nội Rosie đưa tay mân mê trái tim có lồng ảnh đeo trước ngực. “Tôi rất tiếc cho Beth. Tôi biết Beth từ khi còn bé. Tôi yêu Beth như yêu chính các con tôi. Tôi rất tiếc cho nó, vì nó, ... nó đã chai đá rồi. Nó đã mất niềm tin....” Mẹ nó thở phì phò. Reese không thể tin được; giống như mẹ nhảy lên mấy thanh xà kép cái cao cái thấp vậy. Nhưng bà nội Rosie chưa chịu ngừng: “Bethie, con yêu, con có biết con đã xa rời Chúa không...?”

“Ôi không, Rosie. Không đâu, Rosie. Chính Chúa mới là người bỏ con, Rosie. Đã từ lâu lắm rồi. Con không muốn xúc phạm nhưng....”

Đá qua đá lại. Tới tới lui lui. Reese nhận ra rằng dù chưa từng được nghe những lời này thốt ra, nhưng đối với nó, chúng quen thuộc như bài quốc ca vậy. Nó bịt tai lại. Cuối cùng từ cái gối trắng được ném lên sàn nhà nơi nó chui vào trốn, nó thấy một rưng chân xuất hiện khi chú Tom đưa họ ra khỏi phòng. Một lát sau, cặp giò khăng khiu của Kerry thò ra từ sau ghế dài. Và rồi chú Tom cúi xuống nói: “Này, anh bạn, có rảnh được một lát không?”

“Cháu chỉ có năm phút thôi, không hơn được. Năm phút nữa cháu sẽ phải chơi thử cho đội White Sox.”

“Vị trí nào thế?”

“Hậu vệ trung tâm.”

“Chú không muốn gây trở ngại cho việc thi thử của cháu.”

Reese nói với Tom: “Họ đã chờ lâu lắm rồi, chờ thêm năm phút có là bao với họ.”

“Thật ra chúng ta có thể có mười lăm phút có ích ở đây.”

Reese đứng lên. “Có lẽ cháu nên nằm xuống chiếc trường kỷ này, chú Tom ạ, như trong phim ấy. Cháu chưa làm thế bao giờ. Chú có thể nói: ‘Này, ông Cappadora, tại sao ông lại nghĩ mình giống một người chuyên bắt chước người khác?’”

“Chú nghĩ cháu sẽ ngủ mất.”

“Vì sao chứ?”

“Trông cháu mệt bã ra rồi kìa. Cháu ngủ có đủ không? Có phải là do công việc không vậy?”

Chú Tom muốn nói đến mấy vụ cá cược. “Không.” Reese đáp. “Chỉ là... cháu chỉ làm chuyện đó vào cuối tuần.”

“Chuyện ấy làm bố cháu bực lắm đó, cháu biết không Reese?” Reese biết không phải thế. Bố nó rất tự hào về công việc của mình và đồng thời cũng xấu hổ về nó. Cũng giống như ông nội Angelo cảm nhận về mấy tay găngxtơ ấy. “Phần lớn trẻ con ở lứa tuổi của cháu đều đi bỏ báo.”

“Cháu không đi bỏ báo được.”

“Quá vất vả à?”

“Không,” nó ghét phải nói chuyện này ra với chú Tom. “Trẻ con... đã có một đứa trẻ bị bắt cóc khi đang đi bỏ báo. Chuyện đó nổi tiếng lắm. Johnny Gosch thì phải? Người ta không tìm ra được nó. Trong gia đình cháu, đó không phải là một việc... Bố cháu... bố mẹ cháu thường hoảng sợ...” Tuy nhiên, chú Tom không giống như những người lớn khác. Khi Reese nói thế, gương mặt chú không trắng bệch và đệt ra. Chú chỉ hơi rùng mình một chút – như bà nội Rosie thường nói, *Ồ không có gì. Ồn lạnh một chút ấy mà*, và rồi trấn tĩnh được ngay.

“Còn cháu thì sao? Cháu có sợ không?” Reese bướng bỉnh nói: “Cháu không sợ.”

“Không sợ tí nào à?”

“Cháu không biết. Nhưng ai lại muốn thức dậy vào lúc ba giờ sáng kia chứ?”

“Ờ, cả chú lẫn cháu đều không muốn thế. Nhất là nếu cháu đi ngủ khá trễ. Cháu có đi ngủ vào giờ hợp lý không? Khoảng mười giờ?”

“Dạ, khoảng đó.” Reese đổi đề tài. “Nhưng rồi cháu phải dậy và thay băng, và thế là cháu phải mất một lúc mới ngủ lại được.”

“Băng à?”

“Cháu để nhạc khi ngủ.”

“Nhưng bố mẹ cháu cần được yên tĩnh mà.”

“Cháu sử dụng tai nghe.”

“Cháu thường nghe nhạc gì?”

“Phần lớn là nhạc cổ điển vào ban đêm. Và nhạc opera của Ý nữa. Chú biết không, đó là một nhược điểm bẩm sinh, cũng giống như vừa sinh ra đã là fan hâm mộ của Red Fox rồi vậy.”

“Khoan, Reese, nhưng cứ thức dậy để thay hết băng này đến băng khác suốt đêm thì làm sao ngủ ngon được?”

“Vẫn được chứ.”

“Và đó là lý do sáng nào cháu cũng trông như người mới chết trôi?”

“À, không phải vì nhạc đâu....”

“Thế thì vì cái gì?”

Đã đến lúc rồi đây. Reese nghĩ. Giờ thì nó phải nói về chuyện đó rồi. Trong lần gặp trước nó đã đề cập đến giấc mơ rượt đuổi, ngay trước khi họ hết giờ. Thật vậy, chú Tom đã buộc nó tội cố tình gây ra chuyện đó dù biết

rõ mười mười là đã hết giờ và gia đình nó đang đến. Chú Tom già thấy mình bị lừa; các bác sĩ tâm lý thường hỏi rất nhiều về các giấc mơ.

“Được rồi. Cháu sẽ kể cho chú nghe về giấc mơ ấy đây.”

“Giấc mơ rượt đuổi hả?”

“Đúng.”

“Trong giấc mơ cháu ở đâu?”

“Cháu ở trong một căn phòng lớn, và cháu đang nhìn xuống nền gạch bông. Chúng giống như... chúng như những viên thịt bắm ấy. Thật quái gở. Chúng xấu xí lắm.”

“Chỉ có một mình cháu thôi à?”

“Mẹ kiếp không!” Reese ngược lên. “Cháu xin lỗi. Không. Có cả tí tí người ở đó, và tất cả đều đang nói chuyện.”

“Họ đang nói gì?”

“À, đó mới là vấn đề. Họ không nói gì hết.”

“Cháu bảo là họ đang nói chuyện mà.”

“Cháu nói thế vì cháu thấy môi họ mấp máy. Nhưng cháu không nghe thấy gì cả. Cháu chỉ đứng đó, nhưng cháu không chỉ đứng đó.” Reese cau mày. “Cháu chạy.”

“Nhưng cháu không cử động được mà.”

“Có phải mọi người đều cảm thấy thế không?”

“Chuyện đó thường xảy ra trong các giấc mơ do lo lắng. Điều quan trọng là ai đang đuổi theo cháu? Cháu đang chạy từ đâu đến?”

Reese căng người ra. Nó cố hết sức để nhớ lại – mấy con hải âu lại vỗ cánh, như thể chúng đang rất giận dữ, nhưng không sao, nó đã biết cách thở để chặn chúng lại. Nó cố nhìn ra sau. “Không có ai sau lưng cháu hết. Cháu đang chạy... theo ai đó.”

“Theo ai?”

“Ờ... cháu không biết.”

“Cháu biết mà.”

“Cháu không biết. Nếu cháu biết thì cháu đã kể cho chú nghe rồi.”

“Cho chú biết tại sao cháu không nói cho chú nghe đi.”

Vì cháu sẽ chết, Reese nghĩ. Nếu cháu kể cho chú nghe thì cháu sẽ chết ngay trên chiếc trường kỷ này. Hay có lẽ sẽ còn tệ hơn thế. Có lẽ cháu sẽ ị ra khắp trường kỷ của chú. Reese nắm xuống ghế, khoanh tay che mắt. Nó không sợ vì mình đang khóc hay vì chú Tom thấy nó khóc; mà nó thấy mệt lả vì bị lôi tuột xuống bởi các mỏ neo.

“Cháu đang chạy theo... một ai đó ở phía bên kia phòng.”

“Ai chứ?”

“Cháu không biết là ai.”

“Nghe này, anh bạn,” Tom đứng dậy và gõ gõ lên khung một bức tranh vẽ ngựa. “Cháu có biết chú kiếm được bao nhiêu tiền một giờ không?”

“Bao nhiêu?”

“Một trăm hai mươi đôla một giờ.”

“Ồ, chúc mừng chú,” Reese vừa nói vừa ngồi dậy. “Có lẽ chú có thể mua thêm mấy bức tranh ngựa nữa.”

“Mà cháu có biết ai trả cho chú số tiền một trăm hai mươi đôla ấy không?”

“Ai chứ?”

“Bố cháu đấy.”

Đặt bỏ mẹ, Reese rửa thầm. Rốt cuộc, ngay từ đầu, vụ này là do ý của bố, toàn bộ cái bữa tiệc đau đầu này. “Thì sao?”

“Vậy thì cháu có nghĩ bố cháu là người quá khờ không?”

“Không, cháu không nghĩ bố là người quá khờ.”

“Vậy thì cháu nên nghĩ thế đi là vừa. Vì nếu bố cháu muốn trả một trăm hai mươi đôla một giờ để cháu ngồi đây mỗi thứ Bảy và thỉnh thoảng vào một ngày trong tuần nữa, nếu bố cháu giàu đến nỗi tiền bạc là chuyện nhỏ với ông ấy thì chú sẽ yên tâm. Chú sẽ lấy tiền của ông ấy....”

Vincent trả đũa: “Đương nhiên rồi. Chú lấy tiền của bố cháu dù chú biết sẽ chẳng giúp được gì cho cháu.”

“Dĩ nhiên, vì chỉ được một ít lâu thôi. Tại sao lại không lấy chứ? Chú kiếm tiền còn bố cháu muốn cháu nói chuyện với ai đó, cả hai bên đều thỏa mãn. Chỉ trừ cái đũa nhóc này đang trên đường đến trại cải tạo vì phạm tội lần đầu tiên, nhưng đó là do cháu muốn đẩy chứ, phải không anh bạn? Chú không phải là mẹ cháu. Chú đã chữa cho rất nhiều gã ngang ngạnh rồi. Chúng đều là lũ vô dụng.” Reese thấy nó nắm chặt hai bàn tay lại. *Tôi khác mấy đứa đó*, Reese nghĩ. *Còn ông là cái đồ con lợn*. “Nhưng chẳng bao lâu nữa, đến một lúc nào đó thì lương tâm chú ra lệnh cho chú phải nói: ‘Là thế này, cậu bé của anh thờ ơ với tất cả mọi thứ, nhưng nó không thể lừa được tôi đâu....’”

“Cháu đi về đây,” Reese nói.

“Được thôi,” Kilgore nói. “Chú vẫn được một trăm hai mươi đô mà.”

Reese đứng lên. Mặt nó rần rần như có cả ngàn con kiến đang bò trên đó. Không khí. Nó cần một chút không khí. Rồi nó xoay lại. “Chú biết chính xác đó là ai mà.” Nó gằn giọng nói, cái giọng nó biết sẽ làm mọi người phải e ngại, thậm chí cả hai thằng anh em Renaldo – hai thằng sinh đôi có cái cổ to bằng cái thắt lưng nó. Cái giọng thậm chí nó cũng không biết xuất phát từ đâu, nghe ghê rợn y như giọng Damien con trai Quỷ dữ ấy.

“Được rồi. Vậy đó là ai chứ? Trả lời cho chú đi nếu cháu không thấy khó chịu.”

“Là em trai cháu.”

“Ồ. Em trai cháu. Đứa nào vậy?”

“Mẹ kiếp chú,” Reese nói. “Mẹ kiếp chú, thật đó.”

“Cảm ơn cháu. Đứa nào vậy?”

“Cháu chỉ có một em trai. Nghĩa là hiện nay cháu chẳng còn em trai nào. Đó là Ben. Là Ben.”

“Nó đang làm gì? Nào, Reese, nói đi, nó đang làm gì?”

“Nó đang đi ra cửa.”

“Ở đâu?”

Reese nghĩ nó sắp nôn. Cổ họng nó đau buốt. Thứ xúc xích độc hại hiệu Slim Jim ấy. Nó nghĩ nó không dám mở miệng. Nhưng nó vẫn há miệng, nó nạy miệng nó lên như nạy một bản lề và nhúc nhích lưỡi. Cuối cùng nó cũng nói được: “Nó đang đi ra khỏi cửa khách sạn.”

“Cháu đã thấy nó hả Reese?”

Reese hét lên: “Cháu không biết! Cháu không biết! Cháu đang chạy, cháu đang chạy mà. Nhưng cháu không nhúc nhích được....”

“Lúc đó cháu có di chuyển không Reese, trong đời thực ấy?”

“Cháu không biết! Lúc đó cháu còn nhỏ quá....”

“Nhìn nó đi Reese. Hãy nhìn Ben đi.”

“Cháu không thấy được nó; nó quay lưng lại phía cháu. Và bà ta cũng thế....”

“Bà ta? Mẹ cháu à?”

“Không.... Không,” Reese cố hít thở.

“Ellen? Dì Ellen của cháu à?”

“Không. Không. Cái bà già nhỏ con. Bà già nhỏ con gầy nhom ấy.”

“Bà ta đang làm gì?”

“Bà ta đang đi sau lưng Ben. Bà ta đang đi theo nó. Bà ta... mở cửa cho nó.”

“Reese,” chú Tom vừa nói thật khẽ khàng, dịu dàng vừa ngồi xuống cạnh nó trên mép chiếc trường kỷ. “Cháu nghĩ chuyện này đã thật sự xảy ra à? Hay đây chỉ là một phần của giấc mơ?”

“Cháu nghĩ nó là một phần của giấc mơ,” Reese đáp, “vì nó thật sự đã xảy ra.” Và ngay tức khắc nó nhớ lại cảm giác xấu hổ đó đã bao năm nay, thậm chí sau khi bớt bồi hồi thốn thức nó đưa tay ra nắm lấy tay chú Tom. Còn chú Tom, cảm ơn Chúa, đã vờ như không để ý đến.

PHẦN HAI

BETH

8

Tháng Năm, 1994

Kerry đang hét muốn điếc tai khiến Beth gần như không nghe tiếng chuông cửa.

“Thôi đi, Kerry!” cô ra lệnh với giọng thật gay gắt mà gần đây cô không còn dùng nữa.

Nhưng khi Kerry không la nữa thì chính cô lại muốn hét to lên. Chuông cửa reo liên hồi khiến Beth có muốn giả vờ không có mặt ở nhà cũng không được – thật vậy, nó đang réo như thể bên ngoài kia có ai đang phát hỏa.

“Chờ chút!” cô hét lên. “Đang ra đây!” Chuông im bật. Rồi lại reo.

Nếu lơ đi thì Beth không thể gỡ mái tóc rối bù cho Kerry được; con bé sẽ không cho mẹ đến gần với một cái lược trong tay, trong vòng ít nhất ba ngày nữa. Nhưng vì Beth ít khi nhớ chải mái tóc vàng đẹp đẽ của Kerry – mà Ellen một mực cho là cô bé đã thừa hưởng được từ mình, người mẹ đỡ đầu của nó – nên đó là một mớ bù xù những cục tóc rối dưới một lớp tóc suôn che bên ngoài. Kerry thường chỉ chải sơ trên đỉnh đầu vào mỗi sáng trước khi đi học thôi. Đối với Kerry, chỉ cần suôn trên đỉnh đầu là đủ, cũng như dưới gầm giường sạch sẽ là được rồi ấy mà. “Mama ơi, cô giáo con nghĩ tóc con đẹp tự nhiên. Cô nói tóc con giống tóc của Rapunzel.”

Chúa ơi, Beth nghĩ, cô giáo này ngốc quá, và chắc cô ta nghĩ mình làm nghề dọn nhà vệ sinh trong một bãi chứa nhà di động đây. Cô nói với Kerry. “Cô con dễ thương quá. Nhưng thật sự là cô nghĩ tóc con rối rít tít mù và chĩa ra tứ phía đó. Nếu con không chải, tóc sẽ bị gãy và con sẽ bị hói từng mảng. Xấu lắm.” Sáng nay Beth thức dậy với một chút năng lượng còn thừa từ hôm trước; cô đã học cách sử dụng số năng lượng này vì cô biết công việc

cần phải làm trong một ngày bình thường của mình – tất cả những ngày khác cô chẳng phải động chân động tay gì nhiều. Hôm nay cô cũng định mua cho Vincent một đôi giày đinh để chơi bóng đá. Nhưng trước hết thì phải chấn chỉnh Kerry đã.

“Ngày nào con cũng chải đầu mà,” giọng Kerry vừa rên rỉ vừa gầy hấn. “Đẹp mà mẹ.”

“Nhưng thỉnh thoảng mẹ cũng phải chải cho con chứ.”

Và tất cả những gì xảy ra sau đó sẽ là một kiểu kịch bản được dàn dựng sẵn. Beth chỉ việc múa lược ở những chỗ da đầu Kerry lộ ra, còn Kerry, đứa ngoan ngoãn nhất trong đám trẻ con cứ giơ chân đá rồi vịn vẹo người liên tục, mà còn tru tréo lên nữa chứ, làm Beth chỉ muốn cắn cho nó một phát.

Bực mình với cái ý nghĩ có ai đó như tín đồ của giáo phái Nhân chứng Giêhôva đang đứng trên hiên nhà, mắt nhướng lên cầu nguyện cho có được sức mạnh để chăm sóc những người trong nhà nơi mọi người cứ hét inh ỏi, Beth thọc vào một búi tóc rối khủng khiếp. Ngay lúc đó, cái lược gãy đánh tách và Kerry chạy ào ra khỏi phòng ngủ của Beth xuống cầu thang ra cửa, trong khi Beth chậm rãi nhặt nhanh mấy mảnh lược gãy rồi vừa đi theo con gái vừa rửa thầm.

“Anh học lớp sáu phải không?” cô nghe Kerry nói khi cô đi xuống mấy bậc thang cuối.

Cửa mở hé hé giữa Kerry và người đứng bên ngoài.

“... lớp ba à? Em là đậu nành à?” Cô nghe một giọng trẻ con, không, lớn hơn thế, nhưng không rõ là nam hay nữ.

Kerry nói: “Thật ra thì em là bắp – thức ăn cho gia súc đó.” *Lễ hội mùa xuân đây*, Beth nghĩ. *Pat đã đi rồi à?*

“Em học ai vậy?” cái giọng đó hỏi.

“Cô Cook,” Kerry đáp.

“Anh cũng đã học cô Cook! Cô dễ thương thật, nhỉ!”

Beth nhảy xuống hai bậc cuối rồi đưa tay ôm vai Kerry.

Sau khi nhảy từ mấy bậc thang tối xuống, ánh nắng rực rỡ giữa trưa làm Beth thấy chói quá; cô đưa tay lên che mắt, nhưng đứa trẻ vẫn chỉ như một hình bóng được cắt trên giấy đen. Quanh đầu nó là một vòng hào quang mặt trời. Tuy vậy, cậu ta to con và hơi đầy đà so với một học sinh lớp sáu, còn Vincent thì nhỏ con quá, cô nghĩ thế. Cô dùng hông đẩy mạnh cánh cửa ra...

Nhiều năm trước, mẹ Ellen cũng bị một cơn đột quy nhẹ. Và sau đó, bà thường nói với Beth rằng những cơn đột quy như thế có thể xảy ra trong tích tắc, chỉ bằng quãng thời gian ta thốt ra một từ thôi; ta cũng có thể bị khi đang ngủ và lúc thức dậy ta chỉ thấy hơi hơi nhức đầu. Nhưng dù cái giọng cô nghe được đó âm ào như một đợt thủy triều, cô vẫn tỉnh táo. Và cô nhanh chóng nhận ra rằng dù cái giọng đó vang vang ngoài phố thì không ai trên trái đất này nghe được nó. Cô đưa tay lên thái dương; âm thanh đó vang dội, nhưng giờ thì rõ hơn nhiều, cô có thể nghe thấy mọi thứ quanh nó; gió giữa các hàng cây phong giống như nước từ trong ống tuôn ra, tiếng quạ gọi nhau như tiếng bộ gõ catanhet. Miệng cô đắng chát. Nhưng cô vịn vào khung cửa rồi cúi gằm như gặp người xuống, cố thở đều và hít thật nhiều ôxy để mắt không bị hoa lên.

“Cô không sao chứ?” cậu bé lùi lại hỏi.

“Mẹ ơi!” Kerry hét lên the thé.

“Mẹ... không... sao,” Beth thở hỗn hển.

“Mẹ, mẹ buồn nôn hả? Con gọi Georgia nhé?”

Cậu bé đã lùi xuống tận bậc cấp cuối cùng rồi. Cậu nói với giọng sợ hãi: “Cháu cắt cỏ. Cháu chỉ đem cái này cùng với số điện thoại của cháu đến. Cháu cắt cỏ sau vậy. Cháu sẽ trở lại.”

Nhưng giờ thì Beth đã thở lại được gằn như bình thường.

Đã bao nhiêu phút trôi qua rồi nhỉ? Một phút? Hay mười? Cô không thể đứng thẳng lên được, nhưng cô xua xua tay về phía cậu bé và Kerry như

muốn nói *Không sao, cứ thế đi cháu*. Cô không muốn làm cậu sợ. Cô cố nghĩ ra một kế hoạch, à, xới đám lá bị ướt. “Thật ra thì cỏ nhà cô hôm nay cần phải cắt rồi. Cháu làm ngay hôm nay được không?”

Cậu bé sững sờ. “Dạ được, chắc chắn rồi! Cháu chỉ phải lấy... lấy đồ đạc của cháu. Gia đình cháu sống cách đây, để xem nào, cách hai dãy nhà.”

“Anh không cần đem máy cắt cỏ đến đâu. Nhà em có rồi,” Kerry xen vào. “Và thường là anh của em phải làm. Anh ấy đi học rồi. Nhưng anh ấy lười chạy thây chạy mỡ.” Cậu bé đang chạy hết tốc lực xuống dưới đường. Beth chộp lấy cánh tay Kerry, thật mạnh.

“Mẹ, mẹ còn đau không?” Kerry ngược lên hỏi.

“Không, mẹ chỉ.... Con biết cậu này hả?”

Kerry đỏ mặt; da nó phản ánh các cảm xúc như một máy quay video ấy. Pat gọi nó là “Cô bé trong suốt”.

Nó nghiêm trang nói: “Mẹ, con đang ở trong nhà con mà. Không phải người lạ, không nguy hiểm đâu. Anh ấy học cùng trường với con mà.”

“Ồ, thế à,” tim cô giờ đập chậm lại. *Ổn rồi, cô tự nhủ, ổn rồi, ổn rồi.* “Anh ấy tên gì?”

“Jason,” Kerry đáp. “Anh ấy ở trong toán tuần tra.... À không, mẹ ơi, không phải. Con nhầm. Jason là người chơi Gameboy, mà mẹ biết không, anh ấy bị các bạn mách với thầy vì đang đứng chơi trò Mortal Kombat khi mà đáng lẽ anh ấy phải trông cho mấy đứa nhỏ đi....”

“Con không biết tên anh ấy à?”

“Anh ấy tên Sam. Sam Kero – Kero gì đó.”

Kerry đi theo khi Beth chạy xuống cầu thang tầng hầm; Beth giơ chân đá con Beowulf đang nằm ngủ; nó giận dữ học lên một tiếng rồi đi vào phòng khách. Dưới tầng hầm, Beth mở toang cửa phòng tối và mò mẫm tìm công tắc đèn – cô biết bóng đèn đã bị cháy, cô biết thế và cũng đã định thay bóng mới rồi nhưng giờ thì xài đỡ cái đèn an toàn trong phòng tối. Trong ánh đèn

đỏ ma quái, cô tìm cái túi lớn nhất của mình rồi lôi cái máy ảnh làm ăn còn mới cóng hiệu Nikon F-90 ra, và mò mẫm lục trong tủ lạnh nhỏ lấy ra một cuộn phim. Cô xé toạc vỏ hộp phim bằng mấy ngón tay run rẩy và nghĩ cuộn 200 ASA là được rồi, rất cần phải chú ý đến màu sắc. Ngoài sân có những mảng sáng và chỉ dưới mấy cái cây mới tối thôi.

“Mẹ sắp làm việc hả?” Kerry hỏi.

“Kerry!” Beth reo lên khiến con bé nhảy dựng. “Kerry – đúng rồi, con biết gì không? Mẹ quên chụp hình mấy cái lá. Cho nên nếu con muốn đi chơi với Blythe thì cứ đi đi.”

Beth mở bung phần phía sau máy ảnh rồi kéo phim ra gắn vào đĩa răng. Cô đóng mạnh máy ảnh lại và nghe tiếng cuộn phim tự động quay o o. Hai bàn tay cô nhớp nháp mồ hôi. *Từ từ nào*, cô nghĩ, *từ từ thôi*. Mình sẽ dùng ống kính tê-lê; rồi mình sẽ chinh tiêu cự bằng tay. Và thế là mình sẽ điều khiển được... Kerry đang đứng ngay đầu cầu thang gọi cô, giọng nó nghe như từ trên núi rất xa vọng xuống.

Nó chán nản nói: “Tóc con vẫn rối bù, mà mẹ lúc nào cũng nói mẹ sẽ trông chừng con khi con băng qua đường vào giờ cao điểm mà.”

Beth nhảy lên cầu thang, máy ảnh đong đưa trước ngực; mồ hôi ướt đầm trước ngực áo phông.

“Con lấy cái cài tóc cài lên đi, được không, Kerry?” Con bé uể oải sờ soạng trong ba-lô đang nằm trên sàn phòng khách rồi tìm được một sợi thun có mấy con bọ rùa lấp lánh. Nó cột tóc thành cái đuôi ngựa lệch sang một bên trong khi Beth đứng nhìn nó, ngực đập thành thịch và chỉ muốn nó đi cho thật nhanh đến nỗi về sau này, Beth nghĩ chắc lúc đó cô đã làm Kerry hoảng lắm.

Georgia đang ngắt mấy bông hoa phong lữ đã héo bên kia đường. Cô vui vẻ vẫy tay chào Beth và chỉ tay vào cửa nhà cô tỏ vẻ mời mọc; *như thế có nghĩa rằng*, Beth nghĩ (*khoan, chờ chút*), *Blythe đang có nhà; Kerry có thể sang chơi với Blythe. Từ từ nào*, Beth nhủ thầm, rồi lấy tay chỉ vào chiếc

máy ảnh của mình. Georgia đưa tay ra dấu hiệu. Trong tuần họ cho con sang chơi nhà nhau suốt ấy mà.

Mấy ngón tay cô giờ nhót nhọt trên bề mặt chiếc máy ảnh; Beth chậm chậm đóng cửa lại sau lưng mình. Cô nhìn lướt qua dãy hình gia đình chụp dịp Giáng Sinh treo trên tường ngang tầm mắt. Cô dựa lưng vào cửa. Rồi cô chạy lên tầng hai, lục lọi mấy ngăn kéo của Pat nơi anh để mấy gói thuốc lá, giấu cô từ khi anh bị ốm, dưới những tờ chương trình bóng chày và bộ sưu tập những bức tranh Vincent đã vẽ, cùng cái mũ giấy anh giữ trong một hộp đẹp, cái mũ anh đã đội trong ngày Kerry được sinh mổ. Beth xé toạc hộp thuốc lá Merits – cô không chỉ xé lớp giấy bạc mà còn xé một phần lớp giấy cứng bên ngoài khiến thuốc lá văng tung tóe trên thảm. Cô mở toang tủ quần áo rồi thọc tay vào túi một chiếc áo choàng của Pat. Có diêm trong đó. Lúc nào anh cũng có diêm dù anh luôn bảo anh không nói dối cô hay không chịu nhận vẫn còn hút thuốc bên ngoài nhà.

Beth châm thuốc, rít một hơi thật dài, và vì không quen nên cô bị sặc. Sau đó cô đi sang phòng Kerry rồi ra đứng trên hàng hiên nhìn ra sân sau. Cô ngồi xuống dựa lưng vào tường, lấy khuỷu tay đẩy một dãy búp bê Barbie mà Kerry thường để ngoài hàng hiên trơ ra dưới đám lá vàng tháng Chín đầy bụi bặm.

Cô hút thuốc.

Mồ hôi trên áo cô đã khô cứng lại. Mặt trời chiếu trên mặt cô rất rát nhưng người cô lạnh toát, run rẩy. Chất adrenaline làm tay cô đau buốt khó chịu. Cô cẩn thận đặt máy ảnh xuống vì sợ làm rơi nó.

Cô nghe tiếng cậu bé mở cổng sau. Được rồi. Cô sẽ nói cho cậu biết máy cắt cỏ ở... nhưng không, cô thấy cậu đang đẩy nó bên hông nhà, cậu đã tìm thấy nó rồi. Cậu bé vẫy tay với cô, nhìn thẳng vào mặt cô với cặp mắt tròn màu xám chỉ thấy toàn lông mi. Cô vòng hai cánh tay che chiếc máy ảnh như một vật bí mật rồi đứng lên hét to với cậu bé. “Cô sẽ chụp vài bức ảnh về lá. Đó là công việc của cô. Cô là nhiếp ảnh gia mà.”

Cậu gạt đầu rồi nghiêng người khéo léo gạt mạnh chiếc máy cắt cỏ hiệu Toro bướng bỉnh để khởi động. Rồi cậu thẳng người lên nhẹ nhàng bắt đầu đi từ đằng sau, tạo nên những đường thẳng hàng trên sân cỏ.

Beth dựa người trên hàng rào để giữ vững hai khuỷu tay rồi chỉnh ống tê-lê cho hình to ra.

Không có thì giờ để đặt giá đỡ ba chân nữa. Cô chụp nghiêng mặt cậu khi cậu xuất hiện từ trong bóng râm của rặng liễu rồi đi qua cái xích đu. Khi cậu vòng qua hành lang lộ thiên, cô chụp nguyên người cậu khi cậu ngẩng đầu lên lau mồ hôi bằng tay áo ni. Cô để chế độ chụp tự động cứ vài giây một kiểu. Và chỉ trong vài phút, trước khi cậu bé cắt xong nửa sân sau thì cô đã chụp hết cuộn phim ba mươi sáu kiểu. Cô chạy xuống tìm cái túi đen. Cô không tìm thấy nó đâu cả. *Từ từ*, Beth nghĩ, *từ từ nào. Mà làm được mà. Mà đã tự tay tháo phim ra biết bao lần trong bóng tối mà.* Cô đưa tay tắt đèn, đóng cửa lại rồi lấy cuộn phim ra thổi cho khô.

Và rồi cô quỳ gối trên sàn nhà trong ánh sáng đỏ, đầu cô dựa vào cái bồn rửa tự chế mà Vincent đã sơn màu xanh dương đậm dòng chữ: “Lạy Thiên Chúa, lạy Chiên Thiên Chúa, lạy Con Đức chúa Cha, Chúa xóa tội trần gian, xin thương xót chúng con... xin thương xót chúng con.”

Cô nghe tiếng Vincent mở cửa ở trên lầu, nghe cả tiếng cửa va đập trở đi trở lại vào tường.

“Vincent,” cô vừa thầm thì vừa tưởng tượng cảnh mình gọi nó đến tìm cái ví cho cô để cô cho thẳng bé kia mười đôla. Nhưng cô nói không thành tiếng. Cô cố bò lên lầu. Sân sau lặng như tờ. Beth hoảng hốt gạt mạnh cửa trước.

Cậu bé đi rồi, nhưng kia rồi – có một lời nhắn. Cậu bé đã để lại lời nhắn rằng máy cắt cỏ đã hết xăng. Cậu sẽ trở lại vào ngày mai. Cô chạy ra nhà để xe. Cậu đã xếp cái máy cắt cỏ gọn ghẽ trong nhà để xe, giữa hai chiếc xe đạp.

Beth mệt mỏi đi lên lầu. Chỉ mười lăm phút nữa thôi là cô có thể in ảnh ra được rồi. Từ bên ngoài cửa phòng Vincent, cô gọi: “Vincent.” Đôi bàn chân cô có thể cảm nhận được tiếng nhạc từ cái máy cát-xét đang phát ra những âm thanh rộn ràng. “Vincent.” Cô cố xoay nắm cửa. Cửa bị khóa trái. Cô đưa tay gõ nhẹ. Không có tiếng đáp lại. Tiếng nhạc rầm rầm rền rĩ.

Beth đứng lúi lũi dựa vào bức tường đối diện, đưa chân lên lấy hết sức bình sinh đá thật mạnh vào cửa. Tiếng nhạc im bật. Vincent mở cửa. Beth thấy nhưng không cố hiểu vì sao mắt nó nhòa lệ. Nó đang khóc.

“Mẹ muốn con xuống nhà dưới gọi một cái pizza. Mẹ muốn con làm việc đó trước. Rồi sau đó con sang nhà Blythe đón Kerry về mở phim cho em xem. Lấy tiền trong ví mẹ mà trả tiền pizza nhé.” Vincent lảng lảng gật đầu. “Mẹ phải làm tí việc trong phòng tối, ngay bây giờ, và mẹ phải làm ngay lập tức. Cho nên mẹ muốn con cho Kerry ăn pizza, được không? Con làm được chứ?”

Nó lại gật đầu và lén đưa mu bàn tay chùi mắt. Rồi nó lừ đừ đi về phía cầu thang.

Đột nhiên Beth hỏi: “Vincent, con có thấy thằng bé cắt cỏ lúc này không?”

“Thằng nào?” nó cau có.

Beth nhìn đồng hồ rồi lóc cóc đi xuống phòng tối. *Từ từ thôi*, cô lại tự nhủ. *Chỉ là mấy bức ảnh thôi mà. Mình rửa ảnh hai lần mỗi tuần đó thôi.* Cô cử động một cách máy móc: rửa những tấm ảnh riêng rẽ, tấm tấm âm bản lớn và nghĩ chắc phải đến thiên thu mới xong được. Một tờ phim âm bản sáu tấm sẽ cho hình quá nhỏ, cô sẽ đau khổ vì không thấy rõ hình. Rồi đến giai đoạn một: cho hiện ảnh. Giai đoạn hai: ngưng ảnh. Và giai đoạn ba: định hình. *Từ từ đã nào.*

Cô nghiêng người qua bồn rửa ảnh. Một giọt mồ hôi từ cằm cô rớt xuống, kêu đánh toong một tiếng trên bề mặt rồi nổ toe ra như hình một nguyên tử, ngày càng lan rộng ra, rung rinh rồi cuối cùng biến mất.

Và rồi các góc cạnh của gương mặt hiện ra ngày càng rõ hơn, ngược lên nhìn cô, từ trong bóng tối vươn lên tới cô.

Beth dùng kẹp treo mấy bức ảnh lên đây.

Thậm chí từ cái cửa mở của phòng tối, đứng cách xa chỉ hơn một mét thì nhiều bức trông rất giống như bản sao, hay là một chuỗi các ảnh trong đó màn trập của máy ảnh đã mở rồi đóng, mở rồi đóng, cùng một đối tượng ở cùng một vị trí. Nhưng khi đến gần, người ta có thể thấy mỗi góc chụp có hơi khác nhau, mỗi tấm thể hiện một thay đổi rất nhỏ trên gương mặt đẹp đẽ của cậu bé với cái cằm nhọn, cái quầng tàn nhang nhạt bên dưới mắt như của mấy chú gấu trúc. Những tấm còn lại, chỉ vài tấm thôi, chụp được toàn thân. Đôi chân nó dài – phần lớn sức mạnh của nó tập trung vào đó – và nổi cuồn cuộn bắp thịt nó có từ khi còn bé.

Thật vậy, về cuồn cuộn cơ bắp nó đã có từ khi mới sinh.

Khi cô lên lầu thì Vincent đã vào lại phòng nó, còn Kerry, mắt đỏ ngầu, vừa xem phim hoạt họa xong suốt hai tiếng đồng hồ liền.

Beth tắt máy và Kerry chuẩn bị đi ngủ theo lệ thường.

Nhưng Beth kéo Kerry xuống đầu chiếc ghế dài nơi đã lồm xuống vì bị ngồi quá nhiều. Cô ôm Kerry và lặng yên cọ cọ cái má nham nhám của mình vào đôi má đầy lông tơ của nó rồi đong đưa con bé thật nhẹ, thật nhẹ. Kerry không phản đối nhưng Beth có thể thấy nó đang cắn thận cựa quậy trong vòng tay mẹ để sửa lại tư thế – thường thì Beth không ôm nó âu yếm đến thế.

Nhưng bất kể điều gì xảy ra tiếp theo trong ngày hôm đó thì những gì Beth đã thấy cũng làm cô đủ can đảm, lần đầu tiên trong suốt chín năm rông, cảm nhận cơ thể đang phát triển của đứa con gái út của mình. Ngón tay Kerry đầy mực viết bảng; nó có mùi trái cây và mùi xà bông rửa chén, và

sâu bên dưới là một điều gì đó ấm áp hơn – sự ngây thơ. Beth ngược nhìn qua mái tóc bù xù của Kerry lên đỉnh mảng tuyết lở, cao vọt vọt chất đầy ký ức cả nguyên vẹn và sứt mẻ, chứa cuộn phim được quay chậm lại, trong đó có tiếng cười, buốt đau và oán hận; những cảm xúc đó đang sẵn sàng đổ nhào xuống làm cô tê liệt.

Chẳng có gì nhúc nhích. Chẳng có tiếng ì ầm. Chẳng có hòn đá lạnh nào bật khỏi vị trí.

Beth đưa Kerry lên phòng rồi nghe con bé đọc *Ngôi Nhà Nhỏ Trên Thảo Nguyên*. Nó không phải là người đọc sách có năng khiếu nhưng nó là người cần cù với ý chí quyết tâm cao. “Con đang tiến bộ hằng ngày đó mẹ và bây giờ con đã chín tuổi rồi. Mười tám bạn trong lớp mới chỉ tám tuổi thôi.” Kerry thờ dãi làm Beth thắc mắc không biết con bé lấy đâu ra tự tin khi lớn lên trong một môi trường không được chăm sóc tốt như thế.

“Ngủ ngon nhé,” Beth chúc Kerry rồi tắt đèn ngủ nơi đầu giường nó.

“Mẹ không còn bệnh nữa, phải không mẹ?”

“Ừ, mẹ khỏe như vâm rồi, khỏe lắm rồi.”

Cô đi qua phòng Vincent rồi gõ nhẹ vào cửa. Cô nói: “Ngủ ngon nhé. Cảm ơn con đã lo cho Kerry.” Cô không nghe nó trả lời ngoại trừ tiếng nó càu nhàu nho nhỏ lẫn trong tiếng nhạc; giờ thì nó đang nghe nhạc cổ điển – Perlman đang chơi nhạc của Mozart. Beth không thò tay mở cửa. Cô biết cửa đã khóa.

Cô liếc nhìn đồng hồ. Đã hơn chín giờ tối. Một tiếng nữa Pat sẽ về tới.

Thường thì Beth sẽ dành tiếng đồng hồ cuối cùng này trong ngày, cái quãng nghỉ trước khi cô có thể trốn nằm đọc tiểu thuyết tiếng Anh với một ly nước lạnh và ba viên thuốc ngủ Trazodone. Người Anh hình như có ít con, mà nếu có đi nữa dường như họ cũng không chú ý đến chúng lắm. Một con chó xpanhơn, hay một quý ông vừa trở về từ Ấn Độ để gặp lại bà vợ hai má đỏ hồng tên Bea suốt ngày chăm sóc vườn tược mới là những điều làm tim họ thổn thức. Những quyển sách hay nhất đối với Beth là những quyển

tả ngày hôm sau khác ngày hôm trước, tả những miếng xăn guych trong buổi trà chiều, tả các cha xứ đi thăm người ốm, hay tả người ta lái xe đi mua một bộ nút áo quần cũ hay những cuốn sách xưa của Thackery.

Nhưng tối nay cô không thể thả hồn mình vào con đường Montford hay một cửa tiệm ở đường Hastings Crossing được.

Cô ngồi trong phòng khách, dư vị thuốc lá cay sè vẫn còn nguyên trong miệng (cô đã hút ba điếu). Pat về trễ. Anh vừa đi vào nhà vừa ngân nga nhỏ nhỏ, tay cầm một miếng bìa cứng quảng cáo cho những món đặc biệt vào mùa đông ở nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ. Đã đến lúc phải trưng bảng quảng cáo cho mùa hè rồi, mà Kerry lại thích vẽ trên những bảng cũ đã được dùng qua.

Beth nghe thấy anh bỏ chùm chìa khóa xuống rồi bật bếp nấu nước pha trà theo thói quen hằng đêm của anh. Rồi cô thấy anh kiểm tra lại trong bóng tối của tầng một xem có thể mở cửa sổ và hút một điếu thuốc trước khi đi ngủ không.

Lúc đó cô mới gọi: “Pat.”

Anh giật mình thốt lên: “Bethie. Giờ này em còn thức làm gì vậy?”

Beth đi vào vùng ánh sáng nơi bếp rồi vòng tay ôm Pat. Anh sung sướng xoa xoa lưng cô. “Có chuyện gì thế em? Kerry ốm à?”

“Không,” cô muốn kéo dài khoảnh khắc bình yên này, khoảnh khắc cuối cùng của chiếc cầu tuyết cô đã xây đắp nên thật chắc chắn, để giờ đây cô cảm thấy nó như được xây bằng bê-tông và người ta có thể đi trên đó. Những giả thuyết mong manh của họ luôn làm họ đau đớn, nhưng ít ra thì họ đã quen với chúng rồi. Giờ thì chuyện gì sẽ xảy ra đây? Chuyện gì sẽ thay thế?

Beth nói: “Em phải cho anh thấy cái này.”

Pat cởi chiếc áo choàng thể thao ra rồi đi theo cô xuống cầu thang. Sực nhớ ra bóng đèn đã hỏng, cô nói: “Paddy, anh lấy cho em một bóng đèn mới

đi, được không?” Anh quay bước ra khỏi phòng. Beth có thể thấy mấy bức ảnh dưới ánh sáng mờ hắt từ hành lang bên trên xuống – tóc cậu bé giờ đậm màu hơn, gần như nâu sẫm trong ánh nắng. Cô nghĩ chắc anh sẽ gọi đó là màu nâu.

Cậu bé này.

Sam.

Pat trở lại với cái bóng đèn rồi gỡ cái đã hỏng ra quăng nó vào thùng rác to bằng nhựa tổng hợp và thay bóng đèn trong tối. Đèn nhấp nháy rồi sáng hẳn. Pat nhìn mấy bức ảnh. Anh bước tới giật một tấm xuống, rồi hai tấm.

“Beth.”

“Có đúng không, là nó phải không?”

Họ ngồi xuống cạnh nhau trên chiếc ghế dài chạy dọc theo tường trong phòng tối của Beth. Pat gỡ một mớ ảnh xuống. Họ đi sang phòng làm việc của Beth. Cô ngồi xuống bàn, Pat ngồi trên chiếc ghế nệm dày.

“Sao lại có thể như thế được nhỉ?” giọng anh ghen ngào làm Beth tự hỏi không biết anh có nên uống thuốc trợ tim hay thuốc an thần không. Cô hầu như cảm nhận được nhịp tim anh đang đập loạn xạ.

“Nó đến gõ cửa nhà mình. Để cắt cỏ,” Beth nhẹ nhàng kể. “Em đã để nó cắt cỏ. Ngày mai nó lại đến vì mình đã hết xăng.”

Nước mắt Pat giàn giụa chảy xuống cằm, thấm đẫm ngực áo. Nếu không thấy những giọt nước mắt thì không ai nói Pat đang khóc; hơi thở anh vẫn bình thường, đều đặn.

“Thằng bé này sống ở đâu?”

“Nó nói nó sống cách đây hai khu phố.”

Pat hét lên: “Hai khu phố? Có hai khu phố thôi à? Họ mới dọn đến đây sao?”

“Pat à. Em không biết họ sống ở đây bao lâu rồi. Nhưng Kerry biết nó, mà nó học ở trường Sandburg đã bốn năm nay rồi.”

“Con bé...?”

“Không, Pat à, tạ ơn Chúa. Đáng lẽ em cũng không biết đâu trừ phi... à, cũng có thể em sẽ biết. Nhưng trông nó giống như trong hình được Morris tạo ra bằng kỹ thuật vi tính ấy. Em đã phải chụp màu để mình có thể thấy.... Tóc nó sẫm màu quá.... Pat này, cũng có thể là chỉ là một đứa trông giống nó thôi.”

“Ừ,” anh hít một hơi dài.

“Nên em muốn cho anh xem để hỏi ý kiến anh trước khi mình gọi cho Candy hay... hay bất cứ ai.”

“Gọi cho họ luôn bây giờ đi. Mình lên trên nhà gọi cho họ rồi đến ngôi nhà đó đi.”

“Không được đâu anh. Khuya lắm rồi. Chắc nó ngủ rồi.

Mà thậm chí mình còn không biết nó họ gì nữa mà.”

“Họ của nó? Chúa ơi, Beth, họ của nó ư?” Anh giật mạnh chiếc cà vạt ra rồi thò tay vào túi áo chỗ anh để thuốc lá trước khi anh bị giải phẫu, trước khi anh bắt đầu giấu chúng không cho Beth thấy. “Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ... đang làm gì với nó lúc này?”

“Thấy nó và nghe nó nói thì không có vẻ như một đứa đang bị lạm dụng, Pat à. Mà nếu nó có bị đi chằng nữa thì cũng đã chín năm rồi....”

“Ôi, Bethie... ôi, Bethie ơi... có hai khu phố thôi. Khi nó thấy em, nó có...?”

“Không, Pat. Không có gì. Nó không tỏ vẻ gì cả. Pat, lúc đó nó mới có ba tuổi mà.”

“Và nó cũng không biết căn nhà này?”

“Không.”

“Cũng có thể nó biết anh đó.”

Thình lình Beth thấy giận sôi lên; cô muốn vả cho Pat một tát tai thật mạnh. Nhưng cô cố hít thở thật chậm và chờ đợi.

“Anh phải hút một điếu mới được, Bethie. Xin lỗi em.” Pat chộp lấy một tập ảnh.

Họ ngồi trên hàng hiên trong bóng tối. Mồ hôi tay của Pat đã làm bẩn mấy bức ảnh.

“Hai khu phố. Chỉ có hai khu phố mà anh lại chưa từng gặp nó,” Pat nói.

“Anh có đi loanh quanh trong khu này đâu. Còn em lại không đi bộ tới đâu cả. Chỉ đi đến trường và đến hiệu thuốc thôi. Có lẽ trong suốt bốn năm mình ở đây em chưa gặp cũng phải đến năm mươi đứa trẻ quanh đây ấy.”

Beth tựa vào người chồng. *Hãy là chỗ dựa cho em nhé Patrick*, cô nhủ thầm. *Thậm chí em không muốn đối diện với ngày mai nữa, vì ngay cả nếu đó là Ben thì có lẽ chúng ta sẽ phải biết những điều khiến mình chẳng muốn sống nữa.* Khi nhìn lại, chín năm trời trốn tránh êm ả của cô... gần như yên ổn. Không giống như nỗi sợ làm lạnh toát sống lưng hiện giờ.

Nhưng qua làn áo ướt đẫm mồ hôi của Pat, cô cảm nhận được sự yếu ớt của anh, tiếng thở khò khè nho nhỏ khi anh rít điếu thuốc.

Thôi được, Candy, cô nghĩ. Hãy là chỗ dựa của em nhé Candy.

“Anh nghĩ mình nên gọi cho Bliss ngay đi. Hay Bender. Hay Jimmy cũng được.”

“Tối nay thì chưa được đâu, Pat.”

Anh nài nỉ với giọng khẩn thiết. “Nếu ngày mai nó không còn ở đó nữa thì sao? Nếu có ai đó.... Và tại sao họ phải ở đây chứ? Nếu họ đem nó đi khỏi Dodge thì sao?”

“Họ sống ở đây.”

“Họ sống ở đây à?”

“Nó sẽ không đi đâu hết, Pat. Theo lời nó nói thì nó đang học lớp sáu.”

Và rồi bị thôi thúc bởi một ước muốn được chạm tay vào anh để ca ngợi thân thể anh vì đã gieo vào người cô hạt giống để trở thành Ben, một Ben hãy còn sống, Beth cầm lấy mấy tấm ảnh trong tay Pat rồi hôn anh, lưỡi cô rà sâu vào miệng anh. Anh hôn trả yếu ớt, đưa một tay ra ôm gọn bầu ngực cô, tay kia vân vê đầu vú cô. Beth cởi ngược áo qua đầu quăng lên hàng hiên. Cô mở khóa dây nịt của Pat rồi nằm giữa người ra sau, vịn vịn người tuột cái quần jean đã rách tướp của mình, ôm hông anh và kéo anh vào trong cô. Cô lắc người nhẹ nhàng để kích thích anh. Cô thì thầm: “Chiều em đi, Pat. Sẽ chẳng có gì đau đớn cả đâu.” Cuối cùng thì Pat cũng nắm lấy hai cánh tay cô rồi thúc vào trong người cô thật mạnh làm cô đau điếng người nhưng đồng thời cô cảm thấy mình được trở nên mới mẻ và giao hòa. Lúc ấy anh hỏi: “Mình có nên lấy....?”

“Em không dính bầu đâu, Pat. Quên chuyện đó đi. Cứ vào nữa, vào nữa, vào nữa....”

Pat dụi gương mặt nhòe nhoẹt nước mắt vào hai bầu vú cô rồi kết thúc, anh rùng mình rồi rên lên thật to.

Ngay lúc ấy họ nghe có tiếng người hàng xóm gọi con mèo về. Họ nằm yên trong bóng tối như hai pho tượng và Beth thấy Pat xịu xuống rồi xẹp dần trong người cô, cửa mình cô co thắt, co thắt đáp lại và rồi giãn ra.

“Anh sẽ gọi cho bố.” Pat nói khi họ nghe tiếng cửa nhà bên đóng sập lại.

“Đừng, anh. Để khi nào mình biết chắc chắn đã.”

“Ừ. Anh chỉ... Ngày mai anh không muốn đi làm.”

“Đúng đấy.”

Pat nhồm dậy vượt lại quần áo mình, anh lấy hai ngón tay cái kéo cổ áo cho thẳng như thể anh sắp ra ngân hàng hay sắp đi làm. Anh cài dây nịt thật cẩn thận rồi nhặt mấy đồng xu rơi trên hiên nhà bỏ vào túi. Cuối cùng, anh nhặt mấy bức ảnh lên ôm vào ngực nói: “Anh đi vào đây.”

Beth không đáp. Cô mặc quần jean và áo sơ mi vào rồi nằm nghiêng người cuộn tròn như con tôm trên tấm thảm chùi chân, nền xi măng trộn sỏi cồm cộm dưới cánh tay co lại làm gối. Cô cố nhìn cho ra góc phố cách nơi cô sống hai khu nhà, phía sau ngọn đèn đường. Cô giả vờ như mình đang thấy rõ. *Cứ cho nó là ngã tư Menard và Downer đi*, Beth nghĩ. Và cô bắt đầu ngẫm. *Mình phải pha ít cà phê để có thể thức mà ngẫm tới sáng chứ*. Và rồi cô lại tự nhủ *Không, mình không cần cà phê. Cái lạnh sẽ giúp mình tỉnh táo*.

Beth co chân lên rồi vòng tay ôm đầu gối, vừa rà lại trong đầu như tìm trong một quyển sách nấu ăn một ý tưởng thật hay, thật thánh thiện. Những màu sơn, mấy búp hoa tu-lip, món mì gà ít cholesterol, những bảng mục lục... được rồi. Cô sẽ đưa mấy món đầu của xờ Kathleen Noonan vào cuốn danh mục triển lãm.

Trang một: tiếng chuông Nhà nguyện của các Nữ Tu Phanxicô ở Saint Francis.

Trang hai: những cánh cửa của Vương Cung Thánh Đường Baptistery Florence.

Trang ba: ba thiên thần trên khung cửa trong một quán trà ở khu East Village ở New York.

Beth chăm chú nhìn quầng sáng của cái bóng đèn đang tỏa sáng nơi góc phố cách đó hai khu nhà.

Sau này Beth nhận ra rằng cô đã không chớp mắt chút nào. Cô cứ ngồi đó nhìn ánh đèn, hai cánh tay cô đau như kim châm vì cái lạnh mùa thu, mắt cô rất bông; và rồi cô tiếp tục thức, ngồi đó nhìn vào nơi ánh đèn đã tắt.

Trời đã sáng. Cô liếc nhanh xuống đường xem có dấu hiệu của chiếc xe nào lui ra khỏi lối vào nhà để đi làm lúc tám giờ sáng không nhưng chẳng thấy. Bây giờ hãy còn sớm, vẫn chưa đến bảy giờ.

Beth nhồm dậy và thấy đũng quần jean của mình vẫn còn ướt lạnh, cô nhìn lên cửa sổ phòng ngủ quay ra đường của mình. *Pat đã thức dậy chưa nhỉ?*

Từ từ đã nào, Beth nghĩ. Mình sẽ đánh thức Kerry; rồi đánh thức Vincent. Mình sẽ đong cà phê rồi bỏ vào máy pha cà phê. Rồi mình sẽ gọi điện cho Candy. Khi trong nhà còn yên ắng, mình sẽ gọi cho cô ấy. Beth mở cánh cửa lưới, và nghĩ đến lúc gọi điện cho Candy, ý nghĩ đó chấp chới trong đầu cô như đuôi một cánh diều.

Pat đang ngồi nơi bàn đọc cho Kerry nghe những lời hướng dẫn đằng sau hộp ngũ cốc Cheerios.

Vincent đang đứng quay lưng về phía Beth ăn bánh mì nướng. Mấy vết nhăn trên mặt Pat hằn rõ; trông anh tái nhợt, hai mọng mắt sưng to và đỏ sậm hơn của ông Angelo.

Anh nói với Beth: “Kerry đang ăn sáng nè.”

“Em thấy rồi,” Beth vừa đáp vừa nhìn vào gương nhà tắm; trông cô nhăn nheo bản thủ.

“Mẹ làm gì trên hiên vậy?” Kerry hỏi.

“Mẹ ngắm mặt trời lên,” cô đáp rồi quay sang hỏi con trai: “Vincent, con có cần mẹ chở đến trường không?”

“Bố của Jordie sẽ đưa tụi con đi,” nó nói nhỏ.

“Ờ, vậy thì tốt,” Beth đi vào bếp rồi đong cà phê đổ vào túi lọc. Nhưng Pat đã pha cà phê rồi.

Pat pha rất nhiều. Cô đổ đồng cà phê mới xay xuống bồn rửa chén. Cô nghe Pat giục giã Kerry *mangia, mangia, ăn đi, ăn đi*, vì đã sắp đến giờ đi bộ tới trường.

Kerry nói với anh: “Con sẽ đi xe đạp. Con đã chín tuổi rồi. Con lớn tuổi hơn mười tám đứa lớp ba đó bố.”

Pat nhẹ nhàng bảo nó: “Con không đi xe đạp được vì nhà mình gần trường mà. Với lại con không có cái khóa xe.”

“Bố mua sẵn cho con một cái đi nhé.”

“Ờ, để rồi bố mua cho.”

“Hôm nay nhé.”

“Được rồi. Ngay sau khi con đi học là bố đi mua ngay, đến chiều về là con có thể gắn nó vào xe mà.”

Beth nghe mà sửng sốt. Đến khi Kerry đi học về thì ai – ai trong những người ngồi quanh cái bàn này – nhớ đến khóa, đến xích, đến mã số để mở nữa chứ? Nhưng cô hiểu ra ngay là Pat sẽ nhớ. Để chuộc lỗi, Pat sẽ đi mua khóa trước. Thế cho nên cô không ngạc nhiên khi anh đưa Kerry ra cửa, hôn con bé thật nhẹ rồi gọi nó là “Chicoria,” cái tên Ý của một loài hoa dại. Beth nghe tiếng anh khởi động xe rồi lái đi....

Từ từ, cô nghĩ. Từ từ đã nào. Giờ thì sao nhi? Beth rút cà phê ra tách rồi hấp tấp đưa lên môi khiến môi cô bỗng rang phồng rộp lên một đường. Vincent đang chuẩn bị đi học. Cô va phải nó nơi cửa và thành linh, cô thấy sợ hãi, cô dựa đầu vào vai nó – vai nó bây giờ cũng cao bằng vai cô rồi. Nó

dừng lại, xốc cái ba lô lên vai bên kia rồi nhìn ra ngoài đường với một cảm xúc mãnh liệt.

“Chào mẹ,” nó nói mà không ngoái đầu lại. Cô thấy hàm nó giật giật như thể máy cơ bắp đang bị kích động vì choáng váng.

“Vincent, chờ chút,” cô cần phải nói ngay cho nó biết. Cô phải nói với nó, nhưng cô nói gì được bây giờ?

Rằng “Có thể một thằng nhóc sống cách đây hai khu nhà là em con, cu Ben vẫn chưa chết.”? “Và bố mẹ vẫn chưa biết thêm chi tiết nào về việc em con bị đánh cắp ngoài những chi tiết từ cái ngày con nằm trên chiếc xe đẩy hành lý tại khách sạn Tremont ngủ tay ôm cái chăn của em trước ngực.”?

Thay vì nói thế, cô chỉ nói: “Vincent, mẹ yêu con. Mẹ muốn con biết là mẹ yêu con.”

Nó đáp: “Dạ, cảm ơn mẹ.” Không chút ngạc nhiên. Nó vẫn không nhìn cô.

“Chúc con một ngày tốt lành.”

“Mẹ cũng vậy.”

Beth nghe tiếng sỏi lạo xạo dưới bánh xe của bố Jordie khi ông lái chiếc Chevy màu đỏ lên lối vào nhà. Ngay khi cửa sập lại sau lưng Vincent, Beth thấy có cái gì đó trên chiếc ghế nơi nó đứng ăn bánh mì. Phân nửa phần bánh mì vẫn còn nằm trên mép bàn, ngay bên tô ngũ cốc trộn sữa đã hết của Kerry. Có một mảnh giấy, không phải, một tờ giấy trên ghế. Cô cầm lên.

Đó là một trong những bức ảnh chụp nguyên gương mặt cậu bé đang cắt cỏ. Không phải mấy bức cô đã đưa cho Pat xem. Bức này đã được treo trên dây đèn qua. Một trong những bức rõ nhất. Beth đã định đưa bức này cho Candy.

Beth chạy ra mở toang cửa. Chiếc xe đã rẽ ở góc phố, đèn xi-nhan vẫn đang nhấp nháy. Tuy vậy cô vẫn cố hét lên: “Vincent, chờ chút!” Đèn xi-nhan vẫn nhấp nháy nhưng xe cứ tiếp tục chạy. “Không!” Beth la lên. Quả là điên

rồ. Lẽ ra cô phải cho nó nghỉ ở nhà. Nó không còn là đứa bé lên bảy nữa. Để nó đi học hôm nay quả là không nên không phải.

Nhưng đã tám giờ hơn rồi. Cô cầm điện thoại lên rồi bấm số điện thoại nhà của Candy.

“Bạn yêu quý!” Candy kêu lên mừng rỡ. “Chị đang bị trễ lắm rồi đây. Em ăn trưa với chị một ngày nào đó trong tuần được không?”

“Candy này. Em có chuyện cần nói với chị.”

“Có gì rắc rối hả Beth?” giọng Candy căng thẳng. “Pat ốm hả?”

“Candy, nghe em nói này,” cô ngừng lại để lấy hơi. “Em nghĩ là em đã tìm được Ben.”

Vì Beth đã thấy chuyện này nhiều lần rồi nên giờ trong tiếng lặng thinh ở đầu máy bên kia, cô vẫn có thể hình dung cảnh ở đó như đang xem một đoạn phim, xem Candy Bliss thả cho cái túi xách to dùng trượt xuống nơi cánh tay như con mèo mệt mỏi nằm ườn xuống, xem cô giơ một ngón tay tuyệt diệu lên khoảng giữa hai mắt rồi nhấn, nhấn, nhấn thật mạnh.

“Beth, em nhận thư hay điện thoại vậy?”

“Em thấy nó, Candy à. Nó đến gõ cửa nhà em.”

“Nó đến... nó đến nhà em à? Ở đây? Nó tìm ra em ở đây sao? Ben chắc... để xem nào... chắc nó cũng đến mười hai tuổi rồi Beth nhỉ? Em nói là nó về nhà rồi à?”

“Không. Nó không nhận ra em. Nó sống ở đây. Em nghĩ cái người... cái người bắt cóc nó ấy, đang sống ở gần đây.”

“Không thể thế được.”

“Nó ở đây thật. Có điều em không biết chắc đó có phải là nó không thôi.”

“Em biết.”

“Em không biết nữa. Trông nó giống như tấm hình được máy vi tính vẽ ra ấy. Cặp mắt nó vẫn mang màu xám kỳ lạ đó, không có tí xanh nào. Đôi môi

và cặp mắt – đúng rồi, chị có thể nói chắc chắn chín mươi phần trăm rằng đây là con em. Nó có hai xoáy giữa trán nữa.”

“Còn vết bớt thì sao?”

“Candy, em không tuột quần nó xuống được.” Khi nói thế, tim cô quặn thắt. Ai... ai đã làm được thế chứ? Kịch bản là như thế nào nhỉ? Nào, chị Cappadora, hãy chọn đi, cửa sổ một, số hai hay số ba? Tay lừa đảo, kẻ ham muốn, hay tên gà gẫm? Đây có phải là Ben không? Chín năm đã được thu ngắn lại thành một ngày một đêm và một ngày. Đã hết chưa nhỉ?

“Chị sẽ chạy đến ngay,” Candy nói.

Beth biết chính xác Candy phải mất bao lâu để đi từ căn hộ của cô ấy đến nhà Beth – cũng tùy theo giờ trong ngày. Cô liếc đồng hồ. Cô còn hai mươi lăm phút.

Chạy lên lầu, cô cởi quần jean và cái áo sơ mi nhớp nháp vẫn đang hôi mùi hóa chất dùng để rửa ảnh. Cô tắm rửa sạch sẽ rồi cẩn thận mặc bộ đồ đi làm vào – quần vải và áo dài có thắt lưng. Cô sấy tóc cẩn thận thay vì chỉ dùng mấy ngón tay để chải. Cô lấy mascara chải lông mi cho cong lên. Cô ngồi xuống giường, cố bình tĩnh lại. Đôi chân cô tê dại, đôi cánh tay đờ đẫn, chỉ còn hai bàn tay cô là còn có thể nắm được máy ảnh, bụng cô, cái bụng vẫn chứa thức ăn như máy quét ở siêu thị, giờ cũng không còn cảm giác, tim cô với những cơ quan cảm thụ vỡ nát, tất cả đều đang còn cào và râm ran.

Đó có phải là Ben của cô không – cu Ben mặt nhiều tàn nhang, đứa con yêu dấu cặp mắt lúc nào cũng long lanh nước, tưởng chừng đã chết từ lâu, lặng thinh như chiếc áo rửa tội nằm trong cái rương bằng gỗ tuyết tùng – lại còn sống như một phép màu?

Thật quá ư sững sốt. Tuyệt vời ngoài sức tưởng tượng.

Mà cũng khủng khiếp quá.

Rồi Beth nghĩ *ôi Chúa ơi, lạ Chúa, con sẽ có thể vượt tóc Ben*. Nếu cô có thể làm thế thì có phải đặt tay lên đồng lửa cô cũng không màng.

Chuông cửa reo vang; nhưng Beth chưa kịp ra mở cửa thì Candy đã ào vào ôm lấy cô không cần chào hỏi. Họ đứng trong ánh sáng vỡ vụn ở phòng ngoài nơi Pat thấy họ khi đi mua khóa xe đạp cho Kerry về.

Candy hỏi: “Em chắc sợ chết khiếp nhỉ?”

“Ừ, em sợ chết đi được.”

“Sợ á?” Pat hỏi. “Sợ gì chứ? Thôi nào, tôi không chờ được thêm nữa đâu, Candy – mình phải đi đến đó ngay đi.”

Beth cáu kỉnh hỏi: “Đi đâu chứ? Mình có biết nó ở nhà nào cách đây hai khu phố đâu. Mà giờ này chắc nó cũng đã đi học rồi.”

“Hôm nay là ngày tan trường sớm. Thứ hai tụi nó chỉ học đến một giờ rưỡi chiều thôi,” Pat nói.

Cả ba đều nhìn đồng hồ đeo tay. Chỉ mới hơn chín giờ sáng. Candy lặng lẽ cầm tấm hình Vincent đã để lại, ngắm nghía sẫm soi trong khi Pat cứ chuyền cái khóa xe đạp hết từ tay này sang tay kia.

“Nó nói nó sẽ trở lại để cắt nốt chỗ cỏ vì hết xăng rồi,” Beth nói.

Pat bỗng gào lên: “Anh quên mua xăng rồi.”

“Nó sẽ không đến đây cắt cỏ nữa đâu, Pat,” Beth suýt phá ra cười nhưng cô kiềm lại được.

Candy nhỏ nhẹ nói: “Dĩ nhiên là mình sẽ không ngồi đây chờ cho đến khi thằng bé này nhớ đến chuyện cắt cỏ. Hai người nghĩ chưa kỹ rồi. Chị cũng không thể tưởng tượng hai người sẽ nghĩ kỹ được. Hay chị sẽ nghĩ sao. Nhưng chị sẽ cố, và điều đầu tiên mình phải làm là – Beth này, em nói nó học cùng trường với Kerry phải không?”

“Nó nói thằng bé đang học lớp sáu. Ở Sandburg.”

“Hai khối nhà riêng biệt phải không, khối cấp một với cấp hai ấy?”

“Đúng vậy. Nhưng được nối với nhau. Có chung một phòng tập thể thao và mấy phòng khác nữa.”

“Được rồi. Vậy thì chúng ta sẽ bắt đầu từ đó. Chị sẽ gọi... à, để chị gọi Jimmy Daugherty trước dù bây giờ anh ấy không lo về vụ này nữa rồi, nhưng chị biết anh ấy sẽ rất tha thiết được tham gia nếu... nếu quả đúng là như thế. Chúng ta sẽ đi đến đó hỏi tên của nó và nhân thân của người nhận là bố mẹ hay người bảo hộ nó.” Cô đứng dậy tự rót cà phê cho mình vì cả Beth lẫn Pat đều quên không rót cho cô. Rồi cô nói tiếp như thể đang đọc cho một phụ tá ghi lại. “Có thể cần phải có một trát đòi hầu tòa. Nếu nhà trường không thấy cần thiết hợp tác trong việc cung cấp thông tin cho mình thì cũng không thành vấn đề. Harry Brainard sẽ giúp chúng ta...”

Beth nhìn Pat nói: “Thăm phán cấp cao đó.”

“Nhưng nếu chúng ta bắt đầu với những bức ảnh chụp ở trường, với những cuốn kỷ yếu thì sẽ không mấy khó khăn đâu. Chị muốn có sự hợp tác để giúp giải quyết một trong những trường hợp mất tích khó khăn nhất trong lịch sử gần đây.” Candy lấy móng tay gõ gõ vào răng. “Nhưng trước tiên chị cần xem mấy bức ảnh còn lại đã.”

Beth nói: “Ở trên bàn trong hành lang.”

“Reese xem rồi à?” Candy vừa hỏi vừa lục tìm giấy và bút chì trong giỏ.

“Em nghĩ là nó đã xem rồi. Ít nhất là một bức,” Beth nói.

Pat hoảng kinh: “Em đưa cho nó xem à?”

“Em không đưa cho nó xem. Tự nó thấy.”

Candy hỏi: “Giờ cho chị xem được chứ?”

Trừ bức Candy vẫn đang giữ, còn thì Beth trải hết ra trên bàn bếp từ đầu này đến đầu kia, theo từng hàng như trò chơi Memory con nít vẫn hay chơi trên máy tính. Candy đeo kính vào và chồm lên bàn ngắm nghía. Khi quan sát Candy tập trung xem ảnh, Beth nhận ra cô ấy đang khóc – dịu dàng, thâm lặng, không giả tạo, cũng không ồn ào, đúng cái cách Candy thường giải quyết các vụ việc. “Chị xin lỗi,” cô nói với Beth.

“Em có thể rửa thêm nữa.”

“Gương mặt này... gương mặt này.” Và Beth nghĩ đến những bức ảnh của Ben được gắn cạnh nhau trên tường phía trên bàn làm việc của Candy, những bức ảnh thẳng thớm không quăn góc, không gãy cạnh. Một bức chụp Ben đeo găng bóng chày; tấm áp phích *Tim trẻ lạc* đầu tiên; tấm áp phích *Tim trẻ lạc* thứ hai; cùng những bức được làm cho già đi bằng kỹ thuật vi tính với gương mặt Ben lúc sáu tuổi và tám tuổi. “Gương mặt này. Khi chị đi... Philadelphia, Santa Fe, Jersey. Đứa bé ở Palo Alto. Đứa bé trai ở Michigan. Và rồi sau đó, khi tất cả chúng ta đều cho là nó đã chết thì bất cứ nơi nào chị đến – các cuộc hội nghị, những kỳ nghỉ, nhà mẹ chị ở Tampa – chị đều đem theo bản sao của những bức ảnh này. Chị vẫn đang mang chúng theo đây.” Cô rút từ trong ví ra một phong bì màu nâu nhạt rồi đổ những thứ trong đó ra bàn. “Và chị nhận ra rằng sau vài năm đầu tiên việc chị tìm kiếm gương mặt đó đã thành một thói quen như việc hít thở vậy. Giống như gương mặt tưởng tượng của một người yêu toàn bích vậy. Chị thường nói: ‘Hãy xuất hiện đi, Ben. Trong công viên này. Tại hội chợ này. Hãy cho dì thấy con trên phố đi. Cho dì đem con về với mẹ Beth đi.’”

Candy đưa mu bàn tay lên dụi mắt. “Và rồi cũng đã có lần, khi biết chỉ còn một ngày hay vài tiếng đồng hồ trước lúc chị phải rời đi, và chị gọi điện nói mình đã có mặt trong thành phố. ‘Có một đứa bé.... Đúng rồi, anh nhớ đúng rồi đấy, đứa bé nhà Cappadora...’ Và chị thường hỏi về nhân dạng của chúng. Những bé con của họ. Những bức ảnh khám nghiệm tử thi và các ngôi mộ. Những cánh đồng chôn cất những người vô thừa nhận và những miếng đất đẹp đẽ. Chỉ hy vọng và muốn đó là Ben. Cũng khiếp sợ nếu đó là Ben. Nhưng phần lớn là hy vọng rằng Ben sẽ được tìm thấy. Thế thôi. Thậm chí nếu chị có phải báo cho em biết rằng nó đã chết, đã chết lâu rồi.”

Cô đưa tay ra nắm lấy tay Pat. “Chị muốn thấy gương mặt này. Chị muốn Ben trở về. Vì hai người. Và vì chính chị nữa.”

Và rồi, run lấy bầy, cô đứng lên tìm điện thoại. “Chị sẽ gọi cho trung úy phụ tá của chị và cả ông cảnh sát trưởng nữa để báo cho họ biết mình sẽ bắt tay vào việc.”

Pat hỏi: “Chúng ta phải làm gì? Mình có nên đi đến trường nó không?”

Candy ngập ngừng: “Paddy này, cho đến khi chúng ta có thể nhận dạng được thằng bé này – ý chị là cho đến khi chúng mình được chắc chắn một trăm phần trăm đây là Ben – thì ta mới loan báo tin này ra. Bây giờ thì, về mặt pháp lý, cậu bé này vẫn đang thuộc về ai đó mà chúng ta biết là bố mẹ nó....”

“Bố mẹ nó ư?” Pat đau đớn thét lên.

“Chị muốn nói là khi chưa biết chắc đó là Ben, chúng ta không thể đến bắt một đứa trẻ nào đó chỉ vì tóc nó đỏ giống tóc chú Harold rồi đưa đến nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ để ăn bracirole được.”

“Vậy thì làm sao chúng ta tìm ra được?”

“Cứ theo những thủ tục bình thường. Thử máu. Tìm các vết bớt. Dấu vân tay nữa, dĩ nhiên rồi. Biểu đồ răng....”

Beth nói: “Lúc đó nó mới có ba tuổi, Candy. Nó chưa có biểu đồ răng. Mình nói chuyện này cả triệu lần rồi mà. Chị không nhớ à?”

“Ờ, đúng rồi. Chị lú lẫn quá. Xin lỗi quý vị một lúc nhé?”

“Quý vị ư?” Câu này làm Beth bị sốc.

Candy chẳng phải là người trong nhà sao? Hay gần như thế? Chẳng phải cô đã từng có mặt trong những châu nhậu, những buổi picnic trên một cánh đồng ẩm ướt, lễ kỷ niệm đám cưới lần thứ hai của Candy và Chris tại nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ, một bữa tiệc nướng tại nhà hàng của bà Rosie, Candy đưa Kerry đi chơi cưới ngựa lần đầu tiên đó sao? Tất cả những chuyện ấy được thu gọn lại chỉ còn một khoảnh khắc ngắn ngủi, cũng như sự vắng mặt của Ben. Một ngày sau buổi đêm của một ngày.

Candy vẫn là một thám tử. Họ chỉ là thường dân.

“Giờ thì chị phải đi đến trường với...,” mắt Candy lướt nhanh trên bàn, “với bức ảnh này. Và dĩ nhiên là với mấy tấm kia nữa. Hai người ở đây chờ điện thoại nhé. Jimmy sẽ gọi ngay khi họ tìm thấy nó. Anh ấy biết là phải

đến đây trước. Giờ thì kiên nhẫn đợi nhé. Chịu khó một chút.” Cô kéo lê cái túi bước ra ngoài.

Beth bỏ Pat ngồi lại trong bếp, cô đi lên lầu rồi nằm xuống cái giường đã được dọn gọn ghẽ. Một lúc sau Pat lên nằm cạnh cô. Họ không chạm đến nhau cũng không nói lời nào. Tiếng chuông điện thoại làm cả hai giật nảy mình nhưng không ai đưa tay ra nhắc máy. Khi tiếng máy tự động bật lên, họ nghe tiếng Jimmy hét: “Lạy Chúa tôi, Bethie! Tụi tớ điên lên hết ở đây này. Bethie? Pat? Hai người có đó không? À, mà tớ cũng không biết hai cậu có ở đó không nữa, nhưng tớ đang trên đường đến đó đây.” Dường như anh ta quay qua nói chuyện với ai đó: “Tôi biết. Anh có tin được chuyện này không?” Và rồi: “Tớ đang đến đây. Hãy kiên nhẫn nhé, Beth, Pat, Vincent.”

Sau này Beth cũng không nhớ họ đã nằm ở đó bao lâu.

Có lẽ chỉ vài phút. Sau đó có tiếng cửa trước mở ra rồi đóng lại, rồi cô nghe Candy nhắc điện thoại trong nhà bếp. Beth nhồm người lên lăn khỏi giường; Pat đã ngủ rồi – như thường lệ. Cô ngồi trên bậc thang cuối cùng cho đến khi Candy thấy cô.

“Họ muốn phải có trát của tòa. Chị đang chờ nói chuyện với Brainard đây.” Beth lặng thinh.

Cuối cùng khi Candy nói xong, cô quay lại phía Beth nói ngắn gọn: “Chị không kiên nhẫn nổi nữa. Chị vã hết mồ hôi ra rồi đây. Họ đã cho chị xem kỹ yếu. Nó học ở đó từ mẫu giáo. Tên nó là Sam Karras. Bọn chị không lấy được tên bố mẹ nó, nhưng Beth này...” Candy đến ngồi bên cạnh cô.

“Nó là con một.”

Họ của ông cảnh sát trưởng lâu đời của Parkside là Bastokovitch. Đã nhiều năm nay, Candy thường kể cho Pat và Beth rằng cảnh sát đã chế ra một lô một lốc những từ tục tĩu dựa trên cái họ đó. Beth chưa từng gặp ông ta trước khi chiếc xe không đèn không biển tượng của ông chạy theo xe của Candy trên lối vào nhà.

Candy đã báo trước rằng ông sẽ đến để khuyên nên cẩn thận. Cô vừa gạt tấm rèm ra vừa nhìn chiếc xe của người đàn ông nổi tiếng đó chạy chậm chậm về phía nhà Beth và nói: “Mọi người thường tin rằng chỉ khi ta đứng dậy thì ta mới biết mình đã ngồi quá lâu. Điều này hiển nhiên là một sai lầm.” Cô mở cửa ra.

“Xin chào thủ trưởng.”

“Chào thám tử.” Rồi ông tiếp: “Candace.”

“Tôi rất vui khi anh đến như thế này. Đã đến lúc phải tiến hành rồi. Tôi biết thế nào anh cũng đồng ý mà.”

“Bliss này, đứa trẻ còn đang trong độ tuổi được giám hộ mà; nó sẽ không biến mất đâu,” Bastokovitch nói nhỏ và cười buồn đờ lấy ly cà phê Beth mời.

Candy biện hộ: “Nhưng cái xe của công ty xây dựng vẫn còn đậu ở đằng kia, Ed. Điều đó có nghĩa là cha mẹ... ồ, xin lỗi Pat nhé, những kẻ tình nghi vẫn còn ở đó. Anh biết tôi mà Ed. Tôi không phải loại người luôn tiền trạm hậu tấu. Nhưng ai biết tay hiệu trưởng chết tiệt đó đã làm gì rồi? Ông ta có thể gọi điện cho họ lắm. Anh phải biết là nếu ông ta gọi họ, họ có thể đi lấy hộ chiếu ngay ấy chứ.”

Bastokovitch thở dài. “Có một cái xe cảnh sát không đèn không biểu tượng ở đằng kia kìa. Họ đứng đó để lừa thiên hạ đấy. Tụi tôi đã tìm thông tin của hai người đó rồi, Candace. Họ sống trong ngôi nhà đó đã được bảy năm. Người đàn ông, bà vợ và đứa nhỏ. Bà vợ bị... bị ung thư hay gì đó. Bà ta ốm suốt. Hằng ngày ông chồng phải đi làm xa nhà. Vụ này sẽ kéo dài rất lâu và nghiêm trọng đây, Candace. Tụi tôi không muốn ra tay một cách hàm hồ. Nhất cử nhất động của chúng ta sẽ bị sấm soi kỹ lưỡng. Cô cũng biết rồi đấy. Vì thế tôi đề nghị hãy xuống đó thật êm ả, có lẽ chỉ cần một xe cảnh sát thôi, và chúng ta nữa, rồi mình sẽ nói: ‘Thưa quý ông bà, chúng tôi cần hỏi quý vị vài câu.’”

Ngay lúc đó Bender xộc vào mà không nhấn chuông cửa. Candy khó chịu nói: “Đây là nhà riêng mà Bender. Anh có biết là phải gõ cửa không?”

Anh ta lờ đi rồi gật đầu chào Pat. “Có thật như vậy không?”

Candy đáp: “Tụi tôi cũng chưa biết nữa. Cảm ơn anh đã quan tâm đến vụ này mà tới đây.”

“Sao cô hẳn học thế, thám tử Bliss?”

“Tôi thế đấy, đặc vụ Bender. Càng già tôi càng khó chịu. Đến sáu mươi tuổi thì có lẽ tôi sẽ nhổ bã thuốc lá lên giày anh đấy.”

Pat đi ra nhà để xe lấy thêm ghế, mấy cái ghế xếp màu xanh biển họ dùng trong những lễ cưới hay những buổi tối thứ Bảy đông khách của nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ.

Bender hỏi: “Anh mua mấy cái ghế xếp màu này ở đâu thế?”

Bastokovitch có vẻ dăm chiêu. “Có một cái trát cũng không thừa đâu. Anh kiếm được không?”

“Tôi nói chuyện với bên văn phòng luật sư thành phố rồi. Tôi đã nói chuyện với Kelly Clark. Anh ta đã làm sẵn cho rồi.”

Bastokovitch nhìn Pat và Beth thật lâu. “Tôi ngạc nhiên thật đấy, quý vị ạ... hai quý vị tội nghiệp. Quý vị đã sẵn sàng đối mặt với việc này chưa?”

“Không ai muốn chuẩn bị đối mặt với một việc như thế này cả,” Beth thấy giọng mình sao có vẻ hình sự quá; ở bên cạnh Candy chừng mười lăm phút là cô luôn dùng những từ, những câu khó chịu mà Candy thường dùng.

“Chúng ta sẽ làm việc này theo đúng luật,” Bastokovitch lại thở dài. Beth nghe thấy Candy hăng giọng, cô đã hy vọng Bastokovitch đừng thở dài. “Chúng tôi sẽ bắt họ,” ông ta lại nói, lần này thì nhún vai như thể muốn Pat hay Beth vẫy cờ ra hiệu cho trò chơi bắt đầu. Khi ấy cửa bỗng mở toang. Vincent lừ đừ đi vào.

Pat giật mình nói nhanh: “Đây là Vincent, con trai tôi. Vincent, con biết dì Candy rồi nhỉ. Còn đây là cảnh sát trưởng Bastokovitch.”

Vincent nhìn thẳng vào mặt mẹ. “Kerry có phải đi họp Nữ Hướng Đạo không mẹ?”

Beth suy nghĩ một lúc rồi lục tìm một mớ thẻ làm rơi úp vãi khắp sàn nhà. “Ừ... mẹ nghĩ thế.”

“VẬY là mãi đến sau năm giờ chiều nó mới có mặt ở nhà.”

“Ừ.”

Vincent thò đầu vào nhìn quanh phòng ăn một lần nữa, nó nhìn kỹ mấy chiếc ghế xếp, chõng ảnh vẫn nằm rải rác trên bàn giữa mấy tách cà phê, tiếng thì thầm và những tràng cười phá lên từ trong bếp vọng ra nơi mấy tay cảnh sát mặc đồng phục đang thơ thẩn ở cửa sau để hút thuốc giữa mấy bụi hoa hồng.

Lúc đó Vincent mới nói: “Bức ảnh.”

Beth đưa nó ra phòng ngoài nói thật nhỏ nhẹ: “Con đã thấy bức ảnh và con biết mẹ nghĩ đó là Ben.”

“Mẹ nghĩ. Đúng rồi. VẬY, đó là Ben. Mẹ biết thế,” Vincent đáp.

“Con có nhận ra em không?”

“Khi nào?”

“Khi nó đến đây cắt cỏ ấy. Con đã nói là con không thấy nó,” Vincent nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn lên khu nhà; qua đầu Beth nó có thể dễ dàng thấy mọi thứ dù nó chỉ cao hơn Beth có hai ba phân.

“Có phải là thằng nhỏ trong ngôi nhà đỏ không?”

Không kịp suy nghĩ, tay Beth đã vung lên định vả vào mặt Vincent. Cô chưa bao giờ tát nó dù cô đã từng giật tóc nó, dù có lần cô đã xô nó ngã xuống vườn cỏ sau khi nó cầu thả ném không phải một mà là hai quả bóng chày qua cửa sổ, hay cái lần cô khóa cửa đi ngủ mà quên mất nó đang ở thư viện hay đang chơi bóng rổ; trong tất cả những hành động tàn bạo dù ít hay nhiều đó, trong những lần cô bỏ bê, ngược đãi nó, chưa bao giờ cô tát nó. Giờ đây cô cũng không tát, nhưng Vincent né qua một bên cứ như thể cô sắp vả vào mặt nó.

“Con đã thấy nó? Con đã *thấy* Ben?”

“Con không... biết đó là Ben,” nó thả cái ba lô nặng như cùm xuống giữa phòng, nơi cái cặp thường nằm một đống không được mở ra, đêm nào cũng như đêm nầy. “Con chỉ thấy thằng nhóc này thường vợ vẫn ở quanh đây và con nghĩ nó giống Ben thôi. Ý con là con nghĩ nó giống Ben. Thật sự là con chưa hề nghĩ nhiều đến chuyện đó.” Beth nhìn gương mặt nó trở lại trạng thái cũ như thể một bình phong đang di chuyển rồi che khuất hồ Michigan, cô ngấm nụ cười tự mãn khinh bỉ trở lại trên cái gương mặt Reese của nó.

“Sao con không cho mẹ biết?”

Nó quay lưng đi lên lầu. Beth lại hỏi: “Sao con không cho mẹ biết? Chúa ơi, còn không thì nói với bố chứ?”

“Con đã nói cho chú Tom biết.”

“Con kể cho chú Tom rồi à? Tại sao chú ấy không nói với bố mẹ chứ?”

“Con nghĩ chú ấy không hiểu. Con không biết là *con* có hiểu không nữa. Giờ thì con nghĩ là chú ấy sẽ hiểu. Con thấy không cần quan trọng hóa vấn đề.”

“Nhưng tại sao con không nói gì hết vậy?”

“Con không biết.”

“Vincent này, suốt cuộc đời bố mẹ...” Nó nhìn cô đờ đờ sát khí, và Beth cố thử lại: “Con biết chuyện gì nghiêm trọng mà! Tại sao con không nói gì hết? Tại sao tự con không cho mẹ biết?”

“Nói gì à? Nói cho mẹ biết à?” Đến lúc ấy nó mới bùng nổ. “Nói gì mới được chứ, hả mẹ? Nói rằng con đã tìm được thằng em bị thất lạc lâu ngày ở dưới phố kia à? Mẹ sẽ tin sao? Mẹ sẽ chịu *nghe* con sao?”

“Mẹ sẽ tin con. Mẹ sẽ nghe con mà.” Nó cười khẩy.

“Vincent.” Giọng Beth gọi làm nó đứng khựng lại, khi ấy nó đã đặt chân lên bậc thang đầu tiên rồi. “Lần đầu tiên con gặp em là khi nào?”

“Mình sống ở đây bao lâu rồi?”

Ôi không, Lạy Chúa, Beth nghĩ, không. Cô nhắm đếm trên đầu ngón tay, một, hai, ba, bốn năm.

“Chuyện đó giờ không quan trọng nữa, Vincent,” cô vừa nói vừa nghĩ. *Dĩ nhiên là quan trọng chứ, không có gì quan trọng cho bằng chuyện này, và tại sao, cái gì, làm thế nào mà nó lại giữ cái bí mật này lâu được đến thế chứ? Hay có thật là thằng con trai của cô, thằng con trai của cô, cái thằng có thể làm cho máy vi tính hát, có thể giải các câu đố lại tin rằng chuyện đó không đáng xá gì? Đó không phải là thằng Vincent con cô. Phải có gì khác nữa đằng sau vụ này. Chắc chắn là thế.*

Beth vừa cố điều hòa hơi thở vừa nói: “Chúng ta không thể làm gì được. Và... lẽ ra hồi sáng nay mẹ phải nói với con rồi. Mẹ thật ngốc khi đã không cho con biết.” Cô ngừng một chút. “Mẹ xin lỗi con về việc ấy. Nhưng họ đã đưa thằng bé này ra khỏi trường mà cũng không chắc lắm. Họ nghĩ nó là Ben. Thằng bé con... thấy trong hình đó. Họ nghĩ nó là em con. Và nó còn sống.” Cô lóng ngóng thêm vào: “Đó là lý do cảnh sát có mặt tại đây.”

Vincent nói: “VẬY hả, cảm ơn mẹ. Con cứ tưởng họ diễn tập cứu hỏa hay gì chứ.” Nó lắc lắc đầu. “Lạy Chúa, con đi lên lầu tắm được không? Hà mẹ?”

“Chờ chút đã,” Beth gọi. Cô không biết bắt đầu thế nào; sáng nay khi dựa đầu vào vai nó suýt chút nữa cô đã nói rồi. “Vincent này, mẹ... sẽ ổn thôi, Vincent.” Cô nắm tay nó và ngạc nhiên khi thấy tay nó thật to, sạch sẽ và ấm áp – đã bao lâu rồi cô không nắm tay nó nhỉ? Không phải để chùi sôcôla hay giăng cái búa hay con dao rọc giấy nhọn hoắt từ tay nó, cũng không phải nắm tay để dắt nó sang đường, mà là để thật sự cảm nhận nó, để thấy được hai lòng bàn tay mềm mại, cảm nhận được những đốt ngón tay cứng cáp của một người đàn ông thay cho những ngón tay nhỏ nhắn trẻ thơ – những ngón tay búp măng thon dài giống hệt tay cô, “đôi tay dành để đánh dương cầm” mà mẹ cô vẫn ấp ủ hy vọng thậm chí khi cô đập mạnh xuống phím đàn với vẻ duyên dáng của một người thợ khoan.

Cô cầm tay nó đưa lên má cô; nó để mặc cô làm thế, không phản đối cũng không rút tay lại. “Vincent ơi, chúng ta đã khổ sở đau đớn nhiều rồi. Con cũng chịu đựng quá nhiều rồi. Ôi, Vincent, tha lỗi cho mẹ nhé?”

Cô nghe nó nói “Đừng,” và tưởng tượng cảnh nó bẽ bàng ngược nhìn vào sảnh; họ chỉ đứng cách nhóm người trong phòng ăn khoảng sáu mét. Cô nên ngừng ở đó thì hơn.

Nhưng cô lại nói tiếp: “Con tha thứ cho mẹ nhé?”

Nó hỏi: “Tha thứ cho mẹ? Mẹ đã làm những chuyện quái quỷ gì nhỉ?”

Cô không chịu nổi nữa. Một luồng hơi nóng bốc lên đầu.

Nhưng khi ngược lên, Beth thấy mắt con trai mình thật bình thản, không giận dữ, chẳng thương yêu. Chỉ có thương hại. Thương hại thuần túy. Không còn gì khác.

Cô lắp bắp: “Mẹ sẽ gọi con... khi... họ... mẹ sẽ báo cho con.”

“Dạ,” nó đáp rồi chậm chậm rút tay về.

Candy đang gọi cô. Cô quay vào bếp.

“Nó ổn chứ?” Candy hỏi, và Beth chỉ gật đầu vì cô không muốn lỡ lời nữa.

“Tôi phải gọi cho bố mẹ tôi đây,” Pat nói khiến Beth tập trung chú ý trở lại.

“Đừng,” cô và Candy gần như hét lên cùng lúc – nhưng Beth có những lý do khác với Candy.

“Pat, chúng ta cần phải đến đó càng kín đáo, êm ả càng tốt,” Candy nói. “Đứa trẻ này có thể là... một đứa trẻ khác, làm sao mình biết được. Ngôi nhà đó có thể là một kho chứa vũ khí đạn dược. Ta không biết chuyện gì đang xảy ra trong ngôi nhà đó.”

“Cô ấy nói đúng đấy,” Bastokovitch nói.

Một viên cảnh sát trẻ nhảy lên mấy bậc cấp trước nhà rồi bước vào đưa cho Candy một xấp giấy có kẹp sẵn giấy than. Cô cảm ơn anh ta.

Candy nói: “Tôi sẽ đến đó với anh bạn Bender đây. Rõ chưa, Bob?” Bender đứng lên và chỉnh lại chiếc cà vạt màu sẫm có họa tiết cánh hoa. Beth nhìn Candy lấy súng ra khỏi túi xách nhét vào dây lưng phía sau hông phải. “Anh hiểu rồi chứ?” cô hỏi Bender, và anh đập tay lên túi áo trên ngực. “Được rồi. Vậy thì chúng ta đi thôi.” Candy nhanh nhẹn ôm Beth một cái thật chặt.

Khi Beth thấy đèn báo thắng của xe Candy chớp lên lúc xe ngừng lại nơi góc phố thì cô bắt đầu chạy. Cô chẳng ngoái lại xem Pat có đuổi theo không; chỉ đơn giản là cô nín thở mà chạy đến chỗ rẽ vào ngôi nhà đỏ ngay khi Candy và Bender đang băng qua đại lộ đến trước cửa nhà. Hai cảnh sát viên tay thủ súng đang núp đằng sau chiếc xe tải với dòng chữ ngay ngắn in bằng giấy sếp: “Công ty Xây dựng Karras.”

Jimmy chớp lấy cánh tay Beth. “Đừng,” anh ngạc nhiên nói nhỏ. Cô giật mạnh tay ra rồi nhảy băng qua bãi cỏ theo sát gót Candy đang nhìn cô giận

dữ.

“Em tới đây.”

“Mẹ kiếp,” Candy nói. “Chị đã bảo em rằng chúng ta không biết... khi thật, Beth, đi xuống dưới kia đi. Ngay lúc này có thể hẳn đang cầm súng nhắm ngay đầu em đó. Đừng có ngu thế chứ.”

Bender lên tiếng: “Chị Cappadora à...”

“Tôi muốn gặp nó.”

“Không được.”

“Thì anh làm gì được tôi nào? Bắt tôi à?” Beth hỏi.

“Ôi, mẹ kiếp,” Candy nói. Cô xoay lại đẩy nhẹ Beth ra sau lưng mình rồi nhấn chuông.

Ông ta nhỏ con. Một người đàn ông đẹp trai hông nhỏ có làn da mượt mà của dân vùng Địa Trung Hải, trông rất trẻ nếu không có hai nhúm tóc bạc hai bên thái dương. *Tóc tốt đấy, Beth nghĩ; nhưng cũng chỉ là phù hoa thôi.*

Candy hỏi: “Ông là George Karras phải không?”

“Vâng,” ông ta mỉm cười đáp và mở cửa rộng hơn. “Chuyện gì thế?”

“Tôi là thám tử Candace Bliss và đây là đặc vụ Robert Bender của Cục Điều tra Liên bang. Ông Karras này, ông có một đứa con trai mười hai tuổi tên là Sam đang sống trong căn nhà này phải không?”

“Tôi... con trai tôi,” ông ta nói và rồi trượt chân suýt ngã phải dựa vào khung cửa ngoài. “Chuyện gì xảy ra cho con trai tôi thế? Sam bị thương à? Quý vị là cảnh sát phải không?”

“Ông Karras này, Sam không sao, và nó đang được cơ quan bảo vệ của Quận Cook giám hộ.”

“Nó đang ở trường mà. Vì sao nó bị thương chứ?”

Candy điềm tĩnh nói: “Ông Karras, ông bị bắt vì tội bắt cóc Benjamin Cappadora vào ngày mùng ba tháng Sáu năm 1985. Ông có quyền giữ im lặng. Nếu ông từ chối quyền được giữ im lặng thì bất cứ điều gì ông nói cũng có thể được sử dụng để làm chứng chống lại ông trước tòa...”

“Cái gì?” Karras quay sang Beth nói. “Con trai tôi đang ở trường. Ai là Benjamin chứ...?”

“Nếu ông từ chối quyền được giữ im lặng thì bất cứ điều gì ông nói cũng có thể được sử dụng để làm chứng chống lại ông trước tòa. Ông có quyền có một luật sư cùng với ông bất cứ lúc nào ông chọn. Nếu ông không thể thuê một luật sư thì một luật sư sẽ được chỉ định để đại diện cho ông. Ông có hiểu những điều này không, ông Karras?”

Ông ta đáp: “Tôi hiểu chứ. Quý vị đến nhầm nhà rồi. Máy người bị mất con, vụ bắt cóc cách đây lâu rồi đó, họ sống ở dưới kia kìa. Quý vị có thể hỏi bà hàng xóm của tôi – bà ta biết ông bố.”

Candy nói: “Ông Karras, chúng tôi vào trong nhà được chứ?”

“Dĩ nhiên rồi,” người đàn ông vừa vuốt cái áo nỉ cho phẳng vừa nói. “Tôi đang tính toán các hóa đơn. Nhưng chắc tôi không giúp gì được cho quý vị đâu vì tôi không biết gia đình đó. Quý vị nhầm nhà rồi.”

“Họ sẽ không bắt chúng ta đâu,” Beth nói. “Hả?” Karras nhìn Beth chăm chăm. “Cô là cóm à?”

“Không,” Beth đáp.

“Chúng tôi là bố mẹ nó,” lúc ấy Pat vừa thở hỗn hển vừa khó nhọc đi lên mấy bậc cấp sau lưng Beth. “Chúng tôi là bố mẹ Ben, ông già chó đẻ à.”

“Thôi, thôi,” Bender nói.

Karras lại hỏi: “Gì cơ? Thăng bé ở đâu? Con trai tôi có bị thương không?”

Candy bước vào phòng khách, nơi có một cái bàn lớn để chơi bài kế bên chiếc trường kỷ bọc nhung kẻ. Nhiều xấp hóa đơn để chồng chất ở một đầu

gần một máy cộng với một dải giấy dài lòng thòng. Cô nói: “Ông Karras, làm ơn giơ tay lên thật chậm...”

“Gì chứ?”

“Giơ tay lên để viên cảnh sát này có thể kiểm tra...”

“Tôi không có súng,” rồi người đàn ông quay sang Beth mỉm cười. “Tôi đang cộng các hóa đơn. Tôi không có máy vi tính.” Một cảnh sát tuần tra trẻ nhanh nhẹn vỗ vào hai bên sườn và hai bên ống quần ông ta. “Làm ơn cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy? Đây là nhà tôi. Tôi có làm gì đâu.”

Beth muốn quỳ xuống để xem xét sợi xơ của tấm thảm nơi một đồng vụn khoai tây chiên lấm chấm ở một góc thảm, để được cởi dây giày và xem đôi giày tennis to tướng được xếp gọn ghẽ bên trong cửa, để được thọc tay vào túi áo khoác treo trên móc. Một găng tay dính vào trong gối trên ghế màu nâu sẫm gần lò sưởi; trên chiếc tivi có một khung hình bằng gỗ mạ vàng, trong có lòng ảnh của một cậu bé mặc đồng phục bóng chày bằng lụa xanh đang khom người cười hớn hờ. Ở hai đầu lò sưởi là hai giá nến bằng gốm. Chỉ một giá có nến. Có một bình hoa lay-ơn bằng lụa trắng. Bên trên là một bức tranh – ồ không, Beth nghĩ, *một bức ảnh đã được chỉnh sửa lại*. Người phụ nữ nhìn thẳng vào ống kính với vẻ e thẹn duyên dáng của loài linh dương và đôi mắt to thu hút; cô ta mặc một áo đầm xám cổ cao, giống như một lễ phục với một hàng hạt trai nơi cổ, và mái tóc nhạt màu của cô bị thổi ngược ra sau khỏi vầng trán cao. *Được gió thổi đây*, Beth nghĩ; *họ đã dùng quạt thổi khi chụp ảnh*. Cô lần tìm mép ghế nhưng trượt tay và ngã ngồi trên sàn nhà.

“Beth!” Candy quay lại nhưng mắt vẫn nhìn Karras trong khi ông ta đưa tay theo phản xạ để kéo Beth lên.

Beth thở hỗn hển. “Cecil đó. Đúng là Cecil Lockhart.”

Karras nói: “Vâng. Cô ấy đúng là Cecil mà. Cô ấy là nữ diễn viên. Cô thấy cô ấy trên tivi à?”

Beth cố thở điều hòa lại. Cô bắt đầu lấy thế để đứng dậy rồi hỏi. “Sao ông lại có hình của Cecil Lockhart chứ?”

George Karras ưỡn ngực với vẻ rất tự hào, rồi gật đầu, mím môi ra chiều buồn bã, một sự ăn năn Beth sẽ không bao giờ quên.

Ông ta đáp: “Đó là vợ tôi.”

Họ không thể khiến Candy ngừng xin lỗi được.

Nhiều năm sau này, khi cô nghĩ về tuần lễ đầu tiên đó, Beth nhớ nhất là nỗi thất vọng hoàn toàn của Candy. Cô ấy đã nhiều lần tự trách mình, trách Bender, và thậm chí cả những cảnh sát tận tâm của Parkside nữa, thậm chí cả sau khi Beth năn nỉ cô đừng tự sỉ vả mình nữa hay thậm chí khi bà Rosie đặt tay lên vai Candy nói: “Như thế là không nên. Con đã làm hết sức mình rồi mà. Gia đình này nợ con suốt cuộc đời này đó.”

Chuyện bắt đầu khi ba người họ bước ra ngoài hiên nhà George Karras và đứng đó hấp háy mắt trong ánh nắng chiều muộn – sau khi Karras đã kể với họ và cảnh sát trưởng Bastokovitch xác nhận qua điện thoại rằng vợ ông ta, Cecilia, đã là bệnh nhân từ bốn năm nay của bệnh viện Silvercrest tại Elgin, một bệnh viện tâm thần tư nhân. Rằng ông George là bố của đứa con độc nhất của họ – Sam, con của Cecil từ cuộc hôn nhân trước đó của cô ta, người mà George đã nhận làm con nuôi hợp pháp ngay sau khi kết hôn với Cecil cách đó bảy năm.

Trong một chừng mực nào đó, Beth đã cố quên đi cái giây phút ông Karras xác nhận điều đó, cố không nhớ đến lúc buồn nôn khi trông thấy những tĩnh mạch trên trán Pat bắt đầu đập mạnh vì kích động và rồi cổ áo anh đầm đìa mồ hôi. “Con nuôi hợp pháp?” anh rít lên thật dữ dằn với cái nhìn giống như kiểu tôi-sẽ-đập-tan-bất-cứ-thứ-gì-ở-đây của Vincent. “Con nuôi hợp pháp à?”

Candy cố gắng thuyết phục: “Pat, đợi đã...”

Ông George vẫn nồng nhiệt nhưng không giấu được vẻ lo lắng nói tiếp: “Không, không, không sao, được rồi. Quý vị có thể kiểm tra. Tôi có giấy tờ

hợp pháp trong két sắt mà. Có cả giấy khai sinh của nó nữa. Quý vị có thể kiểm tra. Chúng ta hãy làm cho rõ vụ này đi.”

Ngay lúc đó Jimmy xuất hiện trong phòng khách và anh ta cùng Candy đưa Pat đang chờ người đi ra ngoài, trong khi Bastokovitch mở sổ ghi chép ra rồi ngồi phịch xuống cái trường kỷ và thấp giọng hỏi liệu ông Karras có muốn một luật sư có mặt ở đó khi ông trả lời mấy câu hỏi của họ không. Dù đứng ở ngoài, Pat, Beth và Candy vẫn nghe ông ta thở dài rồi cất giọng lạnh lùng: “Quý vị phải xem hồ sơ giấy tờ mới được. Chỉ cần bấy nhiêu thôi. Nó là con trai tôi. Nó là con của vợ tôi. Quý vị nhầm rồi. Để tôi đi lấy cho quý vị xem.”

Đứng phía ngoài cửa, Candy thỉnh thoảng quay sang Beth và Pat nói: “Làm ơn, làm ơn tha lỗi cho chị.” Đây là lần đầu tiên cô nói câu đó và thật ra sau này cô còn lặp đi lặp lại nhiều lần nữa khi vụ việc dần sáng tỏ, cái điều mà chẳng hiểu vì sao đã xảy ra và kéo dài trong bấy nhiêu năm ở nơi chỉ cách hàng hiên nhà Cappadora có hai khu phố.

“Gì chứ?” Beth kêu lên. “Tha lỗi cho chị? Về chuyện gì mới được chứ?”

“Làm ơn, làm ơn... Không, đừng tha thứ cho chị. Đây là thất bại tệ hại nhất trong lịch sử. Thằng bé có mặt ở đây lâu rồi. Chị không đáng được tha thứ.”

Thậm chí Pat, lúc đó mặt tái xanh tái tử, cũng phải ngược lên nói: “Candy, đừng nói thế. Chị đâu thể nào biết được...”

Nhưng Candy chẳng chịu ngừng lại. Lần đầu tiên kể từ ngày Beth biết cô ấy, một Candy luôn điềm tĩnh của những ngày xa xưa bắt đầu tự chửi rủa, nhấc móc mình ngày một nhiều hơn khi sự thật được phơi bày.

Chính Jimmy đã kể cho Beth nghe Candy đã đập mạnh ống nghe trong văn phòng mình rồi giật đứt dây màn cửa sổ khi nghe nói rằng Cecil đã hoàn toàn cộng tác với cảnh sát trong một cuộc phỏng vấn tại nhà bố mẹ cô ta chỉ vài tháng sau vụ bắt cóc, thậm chí còn mở hé cửa phòng ngủ để họ có thể nhìn thấy đứa con trai đang ngủ của cô ta mà Cecil tả là mới bốn tuổi,

không lớn hơn Ben là bao. Candy đã nói với Jimmy: “Chuyện này sẽ làm tôi thức dậy và hét lên vào mỗi sáng – cho đến hết đời tôi.” Và sau khi Candy biết có một loạt những dấu vân tay rất rõ của Cecil – đã được lấy trong một vụ bắt rất nhiều người biểu tình chống vũ khí hạt nhân ở Champaign-Urbana cách đó mấy năm – trong hồ sơ của FBI thì cô đã nhảy ba bậc một lên cầu thang hét toáng vào điện thoại với Bender rằng cô không cần biết thằng chó đẻ phá thối nào hiện giờ đang sống ở Budapest, và rằng Bender phải tìm cho bằng được gã ấy vì gia đình Cappadora sắp kiện chính phủ để đòi hàng bao nhiêu triệu; chính phủ sẽ phải bồi thường bạc triệu vì một gã kỹ thuật viên chó chết nào đó của FBI đã được cho cả những dấu vân tay ở đế chiếc giày tennis thứ hai của Ben, những dấu vân tay, có lẽ cũng rõ như bộ vân tay giả họ đưa cho học viên nghiên cứu ở nhà trường, mà vẫn bỏ qua cho được. Candy hét lên: “Cả mấy anh nữa, mấy anh cũng có một bộ y hệt như vậy! Cecil Lockhart đã làm được mọi chuyện chỉ thiếu cái việc gọi các anh bằng cái loa phóng thanh tay vào đêm họp mặt lần thứ hai nữa thôi – “Tôi vẫn có mặt ở đây này! Tôi đã làm chuyện đó đó!” Chuyện này xảy ra cách đây đã năm năm rồi!... Ồ, đứa trẻ vẫn không sao. Ờ, có thể là nó không sao. Chúng ta còn chưa biết hết mọi sự mà... Thanh minh như thế nghe được chứ, Bob? Cây lành cho quả ngon à? Tôi mà biết thằng nhóc này bị đối xử tàn tệ, nếu người ta đụng đến một sợi tóc nó thì chính tôi sẽ xử anh đó Bob. Tôi nói là tôi sẽ làm đấy.”

Beth nghe kể mà chết khiếp, sau đó cô đánh bạo nói: “Chị đừng tự dẫn vật mình như thế nữa, chị nghiêm khắc với bản thân quá.”

Candy ngắt lời: “Vậy sao, Beth? Còn chuyện chị đã đặt các trạm liên hệ với Minneapolis thì sao? Cô ta đi tới đi lui cả năm mươi lần ngay trước mũi mình.” Cô ngừng lại, rồi xin lỗi vì thái độ mỉa mai đó.

Nhưng thậm chí rất lâu sau đó, khi toàn bộ câu chuyện dần hé lộ: chín năm hết lỗ làng này đến bất hạnh khác mà chỉ Cecile Lockhart mới cung cấp được những thông tin quan trọng, Beth cũng không thể chấp nhận cái mặc cảm tội lỗi quá nặng của Candy, cô ấy cương quyết tránh né những lời cảm ơn, an ủi của họ. “Chính *em* đã tìm được nó,” cô lặp đi lặp lại với Beth hàng

chục lần như thế. “Đừng cảm ơn chị. Chị không xứng đáng đâu.” Giới truyền thông và hầu như tất cả các nguồn chính thức khác có liên quan đến vụ này đều nhất trí tán dương cô (lúc này cô khá thanh lịch và quyến rũ, nếu không muốn nói là quá thanh lịch và quyến rũ, hơn trước đây chín năm nhiều) – và điều này chỉ làm Candy thêm thất vọng. Một đêm mùa thu năm sau, cô kể với Beth rằng giây phút dễ tha thứ duy nhất trong suốt mùa xuân ấy là vào cái tối “bất bớ” – mà tất nhiên hóa ra lại không phải thế – giây phút khi cô và Jimmy được nhìn thấy Pat gặp Ben.

Bản thân Beth cũng có thể nhớ lại toàn bộ khoảnh khắc đó, tua nó lại như một đoạn phim chiếu nhanh một đóa hồng đang nở: Tất cả họ đang đứng bên ngoài ngôi nhà giám hộ khẩn cấp ở Wheaton, thấy hai đứa bé đang leo trên cửa sổ lầu hai cố nhào người nhìn cho rõ họ đang đứng dưới mái hiên nhà; ông George, mắt mũi đỏ hoe nhưng khăn tay vẫn gấp phẳng phiu nơi túi áo ngoài chiếc áo thể thao, đến cùng Bastokovich trong chiếc xe của cảnh sát trưởng. Ông đi vào nhà, băng qua mấy người nhà Cappadora với một cử chỉ vừa như nhún vai, vừa như biện hộ: hai cùi chỏ chống vào sườn, hai bàn tay xòe ngửa ra. Sau đó mọi người lại tiếp tục chờ đợi, Vincent đưa mũi giày đi đi lớp đất mềm bên dưới một luống hoa, Kerry ngồi trên sân, tay giữ sợi dây cột con Beowulf đang uốn éo, rên rỉ. Beth không hiểu vì sao cô đã nhượng bộ để Kerry đem theo con chó. Trong những phút giây chờ đợi căng thẳng không chịu đựng được đó, rèm cửa được vén lên rồi lại thả xuống; cuối cùng ông George cũng xuất hiện, vừa đi vừa hí mũi, rồi đến bà giám hộ, tóc bạc phơ và trông nhàu nhĩ thảm hại dù bà đang mặc bộ đồ màu cánh sen, mắt chớp chớp vì ánh chiều tà bên ngoài. Bà bước ra bậc thềm rồi tránh sang một bên, tay giữ cho cánh cửa lưới mở ra sau lưng.

Và tiếp đó là Ben.

Đến tận bây giờ, mỗi khi nhớ lại giây phút ấy, Beth vẫn nhớ về căng thẳng và tập trung tối đa của Pat; cô nghĩ anh sẽ nhảy lên bậc cấp, bỏ cô đứng đó chết lặng, hai tay buông thõng bên mình. Thay vào đó anh đưa tay vuốt tóc rồi chậm chậm, cẩn thận bước lên giống như một nhà sinh vật học tiến đến chỗ một con linh dương mới sinh ở ngoài đồng và chìa tay ra như thể muốn

bắt tay. Nhưng khi thằng bé chỉ đứng đó nhìn anh chăm chăm – còn Beth nín thở – thì Pat đưa ngón tay cái lên vuốt ve nhẹ gương mặt thằng bé từ chân tóc đến cằm và hỏi: “Con khỏe không?”

“Con khỏe ạ,” nó máy móc trả lời và rồi “Ba ...?” Và khi cả George lẫn Pat đều lên tiếng đáp lại thì Beth bật khóc nức nở, sau đó cô hít một hơi thật sâu. Sau lưng cô là tiếng ho sù sụ lẫn tiếng chân bước cùng tiếng nói chuyện ồn ào của các cảnh sát của tiểu bang và thành phố Parkside không biết từ đâu tới. Đến lúc đó thì cô cùng Kerry và Beowulf nhảy lên bậc tam cấp, Beth hít lấy hít để mùi của thằng bé cũng hết như con chó. Cô tiến đến sát người Ben khiến nó gằn ngả vì nó đang đứng chờ người ra, làm cuối cùng nó phải lùi lại đưa tay ra nắm lấy ông George.

“Tôi hiểu,” lúc đó bà giám hộ ân cần thốt lên hai từ ấy. “Nhưng cháu nó bị choáng ấy mà.”

Lúc ấy Pat đã bảo Ben đi ngủ. Còn ông George – vẫn gọi Ben là “Spiro”, mà mãi về sau Beth mới biết đó là cái tên Hy Lạp ông đặt cho Sam – ôm lấy nó và đưa nó vào trong.

Và đó cũng là lúc Candy quay lại nói: “Chị thành thật xin lỗi.”

Nhưng Pat đã quay sang cô, gương mặt anh đỏ bừng, bóng láng – gương mặt Beth đã khao khát cả trăm năm trước – và nói: “Sao lại xin lỗi, hả Candy? Đây là ngày sung sướng nhất đời em mà.”

Và để củng cố thêm mối quan hệ giữa họ, Pat – người mà công việc ở nhà hàng Đám Cưới là trên hết – đã bỏ làm để đến gặp Sam liên tiếp mấy tuần liền. Những ngày sau đó, giữa những buổi thăm viếng dài một tiếng, có sự giám sát, và dần quen với cách gọi “Sam”, Beth và Pat uống không biết bao nhiêu là cà phê và đọc không biết bao nhiêu thông tin trong các bản báo cáo Candy đem đến cho họ hằng ngày. Đó là các bản báo cáo những lần cảnh sát phỏng vấn Cecil ở Silvercrest, chúng hầu như chẳng xứng với cái tên của cô ta. Michele Perrault, người luật sư nhỏ con được ông George thuê, đã suýt gặp rắc rối khi thẩm phán Sakura hỏi có phải bên bị cáo chọn cách đứng im

lặng không thì Perrault đã gay gắt đáp lại: “Thưa Ngài, đó là cách duy nhất bà ấy có thể đứng.”

Nhưng sự thật khốn khổ là thế. Bác sĩ đã chẩn đoán đó là chứng căng trương lực. Candy nói cách đây đã lâu, khi mới vào Silvercrest, Cecil đã biểu lộ tính sôi nổi – thỉnh thoảng cô ta nói với giọng của một diễn viên đã được tập luyện thành thục khiến mọi người đều kinh ngạc, nhưng điều đặc biệt là những gì cô ta nói ra đều vô nghĩa. Giờ thì cô ta ngồi im như thóc, không gây ra tiếng động nào thậm chí khi ngáp hay gãi gãi chân vào ghế. Tại Silvercrest, trong phòng của Cecil, trong phòng giải trí, trong văn phòng bác sĩ giám hộ của cô ta, Candy rồi sau đó là Robert Bender, Calvin Taylor, và nhiều người khác nữa, đều đã mất rất nhiều thì giờ với Cecil.

Họ đưa cho Cecil xem ảnh, những bức ảnh mà ông George, để tỏ thiện chí, đã rửa thêm ra cho gia đình Cappadora – những bức ảnh chụp Cecil ngồi trên hiên nhà mẹ cô ta với Ben cười trên chiếc xe đạp mới tinh màu đỏ có hai bánh phụ, những bức ảnh ông George cõng Ben trên vai đang trên đường mòn đi lên núi. Bức ảnh Ben đang ngồi trong lòng ông già Noel, tóc vẫn còn nhuộm màu nâu giống như Vincent, chỉ khoảng chưa đầy sáu tháng sau.... *Sao cô ta lại dám làm như thế chứ?* Beth cứ suy nghĩ mãi. *Dĩ nhiên là tốt cuộc thì cô ta còn có thể làm gì khác được nữa chứ – liệu Cecil ngu ngốc hay chỉ đơn giản là điên rồ?* Bức ảnh thu hút sự chú ý của Beth nhất ắt đã được chụp vào mùa thu sau khi cảnh sát đã thẩm vấn Cecil, sau khi cô ta chuyển từ Minneapolis về lại Chicago. Candy nói mẹ Cecil đã xác nhận vụ chuyển nhà này, và Cecil đã xuất hiện với một đứa cháu ngoại mà bà Lockhart chưa từng gặp mặt. Beth hỏi dồn Candy: *Tại sao bà Lockhart lại tin Cecil chứ? Bà ta không liên hệ được chuyện đột ngột có đứa cháu ngoại với việc mất tích được làm rùm beng lên của Ben à?*

Candy đáp: “Nếu có nghi đi chẳng nữa thì bà ta cũng chẳng đại gì mà nói ra.”

Trong khi ấy, sau khi đưa ảnh ra mà không thu được kết quả gì, cảnh sát, với sự hỗ trợ của bác sĩ tâm thần của Cecil, đã cố dùng những tác nhân kích

thích khác như nhạc hippie từ thời còn học phổ thông – ban nhạc rock Cream, nghệ sĩ ghi-ta Jimi Hendrix và ca sĩ kiêm nghệ sĩ ghi-ta Donovan để cố gợi ra những câu trả lời. Họ đem kẹo bạc hà đến cho cô ta – thứ kẹo mà các y tá cho biết Cecil rất thích – và ngồi nhìn Cecil chộp lấy rồi nhai ngẫu nhiên, cái động tác duy nhất cô ta tự nguyện làm suốt bấy lâu nay. Họ cũng đem một máy video để chiếu cho Cecil xem những trích đoạn dài cô ta đóng trong vở kịch *Major Barbara* của chương trình *Hallmark Hall of Fame*. Họ cũng đem đến một áp-phích lớn có hình Cecil, với mái tóc bạch kim được chải hất ngược ra sau thật đẹp, trong chương trình chỉ có một phụ nữ *Jane Addams* của Hull House, cuộc trình diễn đã giúp Cecil đoạt giải thưởng Thành tựu Nghệ thuật Grace Dory ngay mùa hè trước buổi họp lớp. Họ đem đến những trang nhất với những dòng tựa cũ (“Người Mẹ Nguyễn Rửa Tên Bật Cóc: Đồ Khốn Nhẫn Tâm!”).

Và đúng như lời bác sĩ đã tiên đoán, họ đã thất bại đau đớn. Không moi được gì cả. Candy cho Beth biết Cecil đờ đẫn hơn bao giờ hết và không hé răng. Cô ta ăn hết chỗ kẹo bạc hà và khi Mary, cô y tá có gương mặt đẹp như thiên thần, thúc vào cùi chỏ thì cô ta đứng lên. Những gì Cecil biết, nếu cô ta còn nhận thức được những điều này, sẽ mãi mãi nằm lại trong đầu cô ta.

George đã cố gắng hết sức để giúp làm sáng tỏ mọi chuyện. Ông tự động đến nhà Cappadora mấy lần để rồi sau đó ngồi nơi bàn nhà bếp mà tức giận, mắt ông hết nhìn bức ảnh này đến bức ảnh khác của Ben khi còn bé được treo trên tường. Ông đem đến những sổ khám chữa răng, các biểu đồ phát triển của Sam do bác sĩ nhi cung cấp và giấy chứng thương khi nó bị gãy cổ tay trong một trận đấu bóng đá năm lên chín tuổi. Beth mời ông uống cà phê với khăn lau tay bằng vải mà cô phải lên tận trên lầu tìm trong tủ bát đĩa, đem thêm kem trong bình và lãng xãng làm những điều cô chưa từng làm để giúp ông bình tĩnh lại.

Cuối cùng, một đêm nọ, khi Ben vẫn còn đang trong giai đoạn chăm sóc chuyển tiếp, ông George đã buột miệng: “Có lẽ quý vị nghĩ tôi phải cảm thấy mình tội lỗi hơn nữa, nhỉ. Mà thật là như vậy đó. Tôi thấy mình có tội. Nhưng làm sao tôi tự trách mình được? Quý vị chắc không tin rằng tôi biết

rất ít về chuyện này đâu nhỉ. Tôi chỉ biết đó là con trai tôi – xin Chúa tha tội cho con – nó cũng là con tôi nữa, Beth và Pat ạ, ý tôi là hãy nhìn vấn đề này từ quan điểm của nó. Khi mẹ nó phải vào bệnh viện tâm thần thì nó hãy còn rất bé. Cầu Chúa phù hộ cho cô ấy. Cecilia tội nghiệp, cô ấy là người đẹp nhất... Chị biết không, Beth, khi tôi gặp cô ấy, tôi nghĩ cô ấy chỉ mới hơn hai mươi lăm tuổi mà lúc ấy thật ra đã gần ba mươi sáu rồi. Cô ấy thật dễ thương và mong manh, như một đóa hoa vậy.” Ông vỗ nhẹ vào ngực. “Tội tôi đang có chiến dịch khuyến mãi; ngay tại sân bay người ta cũng có thể mua vé đến rạp hát đó. Cô ấy vừa từ Minneapolis trở lại và đang đóng trong vở kịch *My Fair Lady*. Còn tôi thì ở đây, cái thằng dân quen xây sân vườn. Không tin được rằng cô ấy sẽ để mắt đến mình... người phụ nữ ấy, cô gái ấy, sẽ để mắt đến mình.... Tôi không thể tin được.”

Ông nhấp một ngụm cà phê, ngón tay út của ông mềm mại duỗi ra. “Và sau đó thì quý vị biết cả rồi đấy, có thằng bé nữa. Nó – chà, Beth này, nó giống như... thậm chí bây giờ nó vẫn vậy. Thật vui vẻ và gan dạ. Thông minh và mạnh mẽ. Tôi cũng yêu nó nhiều như yêu Cecilia vậy. Chính Cecilia là người muốn kết hôn ngay, gần như là cô ấy sắp... ôi, lạy Chúa. Trước khi vào ở hẳn trong bệnh viện, trong cơn bốc đồng, cô ấy đưa nó đi cắt tóc ngắn thật ngắn. Và thế là tóc thật của nó lộ ra, hơi đỏ. Nâu đỏ. Tôi có để ý thế. Tôi nghĩ, ôi Chúa ơi, con nít thay đổi nhanh thật. Tôi không hề biết cha nó. Tôi nghĩ chắc ông ta là dân Ai-len. Tôi xây nhà để xe. Pat ạ, tôi chỉ biết xây những sân vườn bằng gỗ và nhà để xe. Nó là con tôi. Tôi nhận nuôi nó nhưng xem nó như con ruột vậy. Nhưng thậm chí trước đó nữa tôi cũng đã coi nó như con rồi.”

George đưa tay lên vuốt mái tóc tuyệt đẹp của ông ta – *Hình như mới vài tuần mà nó bạc thêm chẳng?* Beth tự hỏi. *Đây chỉ là chuyện hoang đường hay đã xảy ra thật?* George nói: “Dĩ nhiên là tôi đã tính rằng chúng tôi sẽ kiếm được nhiều tiền hơn nữa; nhưng bệnh cô ấy trở nặng ngày càng nhanh và rồi tôi phát hiện ra rằng cô ấy không trẻ đến thế. Ôi lạy Chúa, tôi bị sốc nặng. Lần nào tôi đến đó họ cũng đều phải trói cô ấy lại. Cô ấy cắn cấu lung tung.... Sau đó cô ấy không còn nhận ra tôi nữa. Cũng không nhận ra mẹ cô

ấy hay thằng nhóc nữa. Nhưng tôi còn có Sam. Có Spiro của tôi. Tôi còn thằng bé ngôi sao của tôi. Đúng không?”

Beth thấy cổ mình ướt nhẹp; cổ áo sơ mi của cô ướt đẫm nước mắt. Mũi dãi cô chảy lòng thòng; thậm chí cô cũng không biết mình đang khóc. Cô nói: “George à, anh không cần phải kể cho chúng tôi nghe đâu.”

Dù họ đau đớn vì thương cảm nhưng Pat và Beth nhất trí giữ vững lập trường. Dù ông George có là gì đối với Sam đi nữa thì ông cũng sẽ không được quyền là người cha thứ hai của nó. Tuy nhiên họ sẽ không hất ông ra vì ông là cửa sổ duy nhất để họ nhìn vào cái kén nơi Ben biến thành Sam.

Những lời cáo buộc đã được đưa ra. Tiểu bang Illinois buộc Cecilia Lockhart Karras tội bắt cóc ở mức nghiêm trọng, tùy theo những gì họ biết về các điều kiện Ben đã sống trong chín năm qua, để tăng thêm mọi kiểu tội trạng ngoại trừ vụ bắt cóc Patty Hearst: giam cầm trái phép, ngược đãi trẻ em và gây nguy hiểm, cản trở giám hộ, giấu một đứa trẻ, vi phạm nhân quyền. Candy mỉm cười khi cô đọc hồ sơ tố tụng. “Họ đã quên tội giả mạo và cố tình chiếm đoạt...”

Nhưng Candy biết, cũng như Beth và mọi người biết, ngay từ những phút đầu tiên trong phòng khách của ông George, rằng toàn bộ quá trình pháp lý này phần lớn sẽ chỉ là kịch cợt, một màn kịch câm được tính toán kỹ lưỡng với một mục đích duy nhất là để khép lại, giống như dùng dây gai cột các góc của những tờ báo lại với nhau rồi đem ra bỏ ngoài lề đường. Candy tiên đoán rằng sẽ không còn ai biết thêm gì nữa, giống như thiên hạ sẽ được báo để đến chứng kiến việc cột cái nút ấy, siết chặt nó lại rồi cắt bỏ phần dây thừa.

Cecil sẽ được dẫn xuống mấy bậc thềm của tòa án tại phố Hai mươi Bảy cũng y như lúc cô ta bước lên với ánh đèn đang chậm chậm quét qua gương mặt vô cảm của cô với những tiếng nói rầm rì cô không nghe thấy. Cô ta sẽ về lại Silvercrest như một phụ nữ tự do, giống như lúc được đưa bằng xe của bệnh viện đến nhà tù của quận Cook. Cô ta sẽ về lại căn phòng mà không ai biết chắc rằng cô có nhận ra nó hay không, sẽ được đưa về lại bằng những

bàn tay thô nhám hay mềm mại mà không ai dám chắc rằng cô có cảm nhận được chúng hay không; sẽ ngồi chăm chú nhìn vào màn ảnh ti vi trước mặt cô nếu nó được bật lên; sẽ ngồi hai tay đan vào nhau cho đến khi có ai đó đến đỡ cho cô đứng dậy; sẽ tự dây bần ra người mà không hề thấy khó chịu. Tống Cecil vào tù là một việc thừa; không ai muốn thế cả, ít nhất là Beth và thậm chí cả Pat nữa.

Cả năm người đều cảm thấy chật chội trong văn phòng của cô nhân viên xã hội. Không ai biết phải đứng hay ngồi chỗ nào. Cuối cùng, Reese ngồi phịch xuống đầu chiếc trường kỷ – một trong mấy chiếc ghế có đánh số màu cam Reese thường thấy ở mấy nơi công cộng như văn phòng cô nhân viên xã hội ở trường. *Chú Tom chắc sẽ không để cái nào giống như cái này trong nhà để xe của chú ấy đâu*, Reese nghĩ. Nó cố tập trung nhìn vào một con nhện đang đào đào khoét khoét thật nhẹ nhàng giữa rãnh của hai viên gạch. Nếu tập trung hết sức thì nó cũng có thể nghe tiếng vo ve của con ruồi chạy trốn con nhện qua hàng bao nhiêu viên gạch, xen giữa tiếng bố mẹ nó thăm thì mơ hồ hòa lẫn với giọng nói đều đều của cô nhân viên xã hội.

Nó nhồm dậy, đặt chân xuống sàn.

Thằng nhóc đang đứng quay lưng lại Beth và Pat, nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ.

“... nhất định là phải điều chỉnh lại,” cô nhân viên xã hội ngược lên và giật mình khi thấy Reese. Bố mẹ đang nhìn nó chòng chọc, đặc biệt là bố, trông hết sức bức bối, nhưng cô ấy vẫn tiếp tục nói cho dù Reese có trông cây chuối và tè ra sàn đi chẳng nữa. “Chúng tôi có một danh sách các cơ quan ở đây, và ông bà có thể chọn để liên hệ...”

“Con ra ngoài được không?” Reese lên tiếng và nghĩ *Mẹ kiếp, mình nói cứ y như thằng bé con yêu quý của mẹ ấy*. “Con đi ra ngoài đây. Trong này nóng quá.”

“Để tôi mở cửa sổ ra,” cô nhân viên xã hội nhỏ nhẹ đề nghị.

“Không sao. Không có lý do gì đặc biệt cả... chúng...”

“Dĩ nhiên rồi,” cô nhân viên xã hội tiếp lời.

“Muốn đi không?” Reese hỏi thằng nhóc đang chớp mắt như thể nó không hiểu được tiếng địa phương. “Muốn ra ngoài không?”

Thằng nhóc nhún vai. Reese mở cửa. Bên ngoài là một sân chơi với hai sân bóng rổ; vài thằng ngố đang đong đưa trên mấy cái đu hay đá qua lại qua bóng vẫn còn đang treo toòng teng trên dây. Reese vừa thắc mắc không biết chúng ở đó để làm gì vừa giữ cửa mở ra cho thằng nhóc đi qua thật nhanh, đầu cúi gằm, hai tay thọc trong túi quần jean. “Vincent,” lúc đó Beth lên tiếng. “Con *phải* trông chừng...” Reese thấy bố nhìn mẹ nó sững sờ như thể bố cũng không tin mẹ lại có thể ngốc nghếch đến thế. Nhưng mẹ đã lỡ nói ra mất rồi; Reese biết mẹ sắp nói gì. Nó nhún vai rồi để cho cánh cửa đóng sầm lại sau lưng.

Bên ngoài lạnh hơn nó nghĩ. Đặc biệt là với thời tiết cuối xuân như thế này. Thằng nhóc chỉ mặc một chiếc áo ni; Reese mừng vì nó có cái áo da. Nó xốc chiếc áo lên vai và thấy trong lòng lâng lâng vui. Nó rút một điều thuốc ra rồi nhìn lên cửa sổ – nó thấy bố đứng đó nhưng bố đang quay lưng lại. Không cần phải giấu giấu giếm giếm nữa.

“VẬY LÀ,” nó vừa nói với thằng nhóc vừa cẩn thận cất điều thuốc rồi gấp bao thuốc lại. “Tay ấy sẽ đến đây sáng nay à?”

“Tay nào?” thằng nhóc không hiểu nên hỏi.

“Cái tay, cái người – cái người là bố nuôi của mày đó – cái ông George gì đó.”

“Ông ấy đi đến nhà dưỡng lão từ sớm rồi. Ông không muốn đến đây.”

“VẬY MÀY CẢM THẤY THẾ NÀO KHI ĐƯỢC NỔI TIẾNG HẢ BEN? ẢNH TRÊN TRANG NHẤT NÀY. PHÉP LẠ ĐẶC BIỆT TRÊN PHỐ MENARD NÀY...” Thằng nhóc đưa mắt nhìn Reese dò hỏi. *Nó tưởng mình thực sự muốn biết chắc, Reese nghĩ. Ngu gì đâu!*

“Thật ra thì phát ốm lên ấy chứ. Ý em là, mấy ngày này, suốt hai tuần nay, ông bác sĩ tâm lý cứ luôn miệng: ‘Cháu nhất định phải có rất nhiều cảm xúc về toàn bộ chuyện này’... Làm sao mình có cảm xúc về một chuyện gì đó thậm chí mình không hề biết là đang xảy ra chứ?”

“Đó có phải là... người tư vấn suốt đời cho mày không?”

“Suốt đời á?” Chúng bước lên vỉa hè bằng bê-tông và Reese gác một chân lên cái xích đu của trẻ con.

Nó nói: “Để ý chút đi, Ben. Giờ thì mày đã sa vào cái trung tâm tư vấn rồi đó. Mày sẽ sống trong cái gia đình vô địch về bệnh tâm thần này. Mẹ và bố tao đi tới trung tâm tư vấn hôn nhân khá thường xuyên, mà trước đây bà ấy cũng thường đi dự các buổi tư vấn về sâu khổ lắm, Kerry thì đến, để xem nào, phòng tư vấn về hội họa, còn tao – so với mấy đứa đồng trang lứa – thì lập kỷ lục về các cuộc thăm viếng bác sĩ tâm thần...”

“Tại sao vậy? Có chuyện gì không ổn với anh à?” Reese đá cái xích đu.

“Chẳng gì hết. Chẳng có gì không ổn với tao cả. Chỉ là... mấy cái chuyện vặt vãnh thôi như cút ở trường ấy mà. Đại loại thế. Chủ yếu là vì bố tao nghĩ tao là cái thằng quậy phá long trời lở đất.”

“Còn mẹ anh thì sao?”

“Mày gặp mẹ tao rồi mà.”

“À...”, thằng nhóc quay đi chỗ khác làm Reese bực mình.

“Không, mẹ tao không phải kiểu người xấu hay đại loại thế đâu. Bà ấy cứ như... ‘Cần tín hiệu hạ cánh cho Beth Cappadora’, mày hiểu không? Bà ấy thường không nắm được vấn đề, hay người ta cũng nghĩ thế.” Reese thờ dãi. “Dù sao đi nữa, tao ước gì mình có một chiếc xe hơi.”

“Anh không có xe hơi à?”

“Không, nhưng xe hơi là thứ mày cứ muốn là có thôi.”

“Ý anh là sao?”

“Nghĩa là cứ có một cái xe ở đó... sẵn cho mà...”

“Anh ăn cắp xe á?”

“Không, tao không ăn cắp xe. Nhưng mà có thể mượn đờ một cái xe, có hề hấn gì đâu, cũng chẳng phạm lỗi gì to tát, mà hiểu tao muốn nói gì rồi mà.”

“Vậy cũng là ăn cắp rồi.”

“Chà, tao muốn biết rằng trong thời thanh niên của mình tao đã biết làm nhiều thứ ấy mà,” Reese nói. Thằng nhóc nhìn quanh quất như thể muốn tìm một viên cảnh sát hay gì đó. *Mẹ kiếp*, Reese nghĩ, *đổi qua đề tài khác thôi*.

“Mày làm gì?” nó hỏi thằng nhóc.

“Làm? Em không làm gì hết,” thằng nhóc đáp.

“Ý tao là... mày hay làm những gì?” Thằng nhóc trở cặp mắt xám của nó lên, và Reese cũng nhìn chòng chọc vào nó, đờ ra gần như quên cả suy nghĩ, trông nó....

“Em chơi bóng.”

“Bóng rổ à?” thằng nhóc gật đầu rồi đi sang bên cái sân xi măng trầy trụa nơi có mấy quả bóng có dấu hiệu hai con bò đực màu đen châu đầu vào nhau dưới lùm cây. Mấy thằng ngõ kia tiếp tục đá quả bóng treo lơ lửng trên dây, và khi Reese tiến đến gần thì chúng uể oải lảng đi như một bầy thú.

“Mày chơi giỏi không?” Reese vừa gọi to vừa chạy đuổi theo một trái bóng.

“Em chơi cho đội bóng thành phố. Đội của em thi đấu khắp nơi. Là Đội Một đó.”

“Đội Một à? Chúa ơi,” Reese ồ lên kinh ngạc.

“Nhìn này, em mới học lớp sáu. Mấy đứa kia đã lớp chín rồi. Nhưng nhờ em cao đó.”

“Nhưng làm sao mà được như thế chứ?”

“Sao cũng được.”

“Muốn thử không? Chơi kiểu Horse nhé?” Thăng nhóc nhún vai. Hai bàn tay nó to bè bè; Reese nhìn nó xoay và vuốt bóng trước khi rê, cứ như quả bóng là con thú cưng của nó ấy – sau đó nó thả ra, đập xuống, thả ra, đập xuống. Thăng nhóc có đôi tay to thật, và – Reese nhìn xuống – hai bàn chân nó cũng thế.

Chúng đứng vào vị trí, hơi xa về phía sau – *Suy cho cùng thì*, Reese nghĩ, *nó được chơi chính thức trong đội ngon nhất mà*. Nó nhìn thăng nhóc ném – trông cứ như xem một băng video cũ về bóng rổ Thế vận hội ấy – hai vai hướng về quả bóng khi nó ném, dồn sức xuống cổ tay rồi kết thúc bằng một cú búng bóng thật hoàn hảo. *Nhóc con chơi nghề thật*, Reese nghĩ, *chơi đúng y như trong sách*.

Kích cỡ ở đây không thành vấn đề; thăng nhóc cũng nặng gần bằng Reese, và chỉ thấp hơn khoảng ba phân. Reese lùi lại sau một bước, nhồi bóng bằng một tay rồi nói

“Vào rổ nè.”

Thăng nhóc lùi lại, bắt lấy bóng và cũng ném được vào rổ không mấy khó khăn.

“Mức ném tự do,” Reese nói và ném không trúng. Trái bóng bay vèo ra phía sau cái vòng sắt rồi bay thật xa.

“Đến lượt em,” thăng nhóc mừng rỡ reo lên. Nó đứng lên theo kiểu chơi bóng xưa và Reese thấy gương mặt nó đổi khác: gương mặt nó cho người ta thấy nó chỉ tập trung vào những gì nó đang làm – không phải đang duyệt lại tên của những người trong danh sách vĩnh cửu của nó hay vào điều gì khác. Nó đang đứng đó. Trước khi quả bóng bay khỏi tay nó Reese đã có thể thấy đường bóng sẽ rất tuyệt.

Thế nên Reese kéo cái khóa của chiếc áo khoác lại để mấy cái túi thôi không đập phành phạch nữa. Với một tay, nó giữ quả bóng cho thăng bằng rồi nhắm quăng tới. Lần này bóng vẫn không vào được rổ.

“H nhé,” thằng nhóc hét lên. Rồi nó ném thật nhẹ nhàng thoải mái như không cần phải chuẩn bị.

Reese từng nghe cái gã mập Teeter, huấn luyện viên bóng rổ kiêm giáo viên dạy thể dục ở trường, nói: “Đó là vấn đề tinh thần đối với em thôi, Cappadora. Em không được sáng dạ cho lắm. Nếu em để hết tâm trí vào việc em đang làm thì...” Nó cố theo dõi cú ném nhưng nó biết quả bóng sẽ không bay vào rổ ngay từ khi vừa được ném ra.

“O nghe,” thằng nhóc hồ hởi nói.

“Tao cố tình để mày thả bóng đó chứ,” Reese vừa nói vừa rê bóng xuống vùng cấm địa, nó nhảy lên ném. “Vào lưới nè em.”

“Mình đang chơi Horse mà.”

“Mày chỉ ném giỏi khi không di chuyển thôi hả, Đội Một?”

“Em có thể thả anh đó,” thằng nhóc điềm tĩnh nói.

Reese lại rê bóng về phía cái rổ, nhảy vào vùng cấm địa, tìm điểm thích hợp nhất để ném quả bóng – bùm. “Được rồi, sẵn sàng chưa?”

Thằng nhóc tỏ vẻ bối rối. “Luật là thế nào đây?”

“Tao không chơi theo luật bình thường,” Reese lại rê bóng, nó nhảy lên từ ngay phía dưới rổ, dùng một tay ném quả bóng vào rồi xoay người khi quả bóng trật ra ngoài, bung mạnh ra từ cái vành đai tròn.

“Chơi theo kiểu luân phiên có bóng phải không?”

“Đến lượt mày đó, nhóc,” Reese nói. Nó không phải gọi tên ra dù rõ ràng nếu nó đã ném thành công quả bóng cuối cùng thì trận này sẽ chơi theo kiểu luân phiên.

“Đến bao nhiêu là thả? Bao nhiêu?” thằng nhóc vừa nói vừa lơ đãng rê bóng. “Đến mười một điểm à?”

“Cứ chơi đi đã,” Reese bảo nó. Và thằng nhóc kiểm tra quả bóng, rồi làm như rê bóng sang trái, nhưng sau đó nó lại chạy ba bước sang phải và sửa

soạn cho cú ném đội ván hậu vào lưới. “Tính điểm đi!” nó hét lên và vừa quăng quả bóng cho Reese, nó vừa lầm bầm: “Xong.”

Reese phớt lờ nó và đứng vào điểm xuất phát đối diện với cái rổ. Thằng nhóc có vẻ như đang đánh giá nó, vừa tránh cặp mắt của Reese, vừa tự hỏi làm cách nào để lướt qua được. Reese cắt bóng về bên phải, nó chạy trước và dùng tay phải nhồi bóng hơi cao một chút. Reese nghĩ nó có thể lường trước được đường đi của thằng nhóc nên tiếp tục nhào tới. Quả bóng va vào đùi thằng nhóc rồi bật ra, nó lấy lại được tại điểm xuất phát, ném tới nhưng không trúng đích, quả bóng lại nảy khỏi cái vành sắt. Nhưng Reese vẫn phóng tới tấm ván hậu, lấy lại được thăng bằng rồi khảy nhẹ cho quả bóng vào lưới thật dễ dàng phía trên cánh tay đang vươn ra của thằng nhóc.

“Mày là ai hả?” Reese vừa rê bóng vừa thở hổn hển hỏi nó.

“Em là Grant Hill.”

“Còn tao là Pippen.”

“Được lắm.” Chúng chơi hết khả năng, cứ Reese dẫn điểm thì thằng nhóc cũng lấy điểm lại ngay sau đó. Lần này Reese ném trật một cách tệ hại, thậm chí quả bóng cũng không trúng được cái vành sắt, thằng nhóc lấy thân mình chặn Reese lại, nó chụp được bóng và rê, nhảy lên từ dưới lưới rồi nhẹ nhàng dùng một tay ném bóng vào rổ.

“Hòa rồi nhé,” thằng nhóc nói. Reese đứng vào điểm xuất phát. Khi thằng nhóc nhào tới, nó quay người, làm một động tác giả rồi hích cùi chỏ lên. Thằng nhỏ loạng choạng suýt ngã.

“Xiiiiin lốốiiiiii,” Reese vừa nói vừa chộp lấy quả bóng.

“Anh chơi ăn gian,” thằng nhóc nói.

“Đây không phải là Hiệp Hội Nữ Thanh Niên Thiên Chúa Giáo, Ben,” Reese nói.

“Em không phải là Ben.”

“Được thôi... Ben,” Reese lăm bằm rồi rê quả bóng qua thẳng nhóc về phía cuối sân. Nhưng thẳng nhóc đã đổi vị trí – nó không chạy mà là lướt đi thì đúng hơn, khó đuổi kịp nó quá – giờ nó đã giành được quyền kiểm soát bóng. Reese gắng sức tập trung; nó đang chạy theo quả bóng chứ không phải đang có bóng trong tay, chết tiệt thật, vì vậy nó lao thật mạnh vào thẳng nhóc, cánh tay trái đập thật lực vào sống mũi thẳng nhóc. Thẳng nhóc vẫn bình tĩnh nhưng Reese có thể thấy nó ứa nước mắt, và rồi, khi Reese nhảy lên để ném quả bóng, mắt nó vẫn nhìn vào mặt thẳng nhóc, thì nó thấy cái vẻ mặt này, vẻ mặt sợ hãi này... thẳng nhóc này giống Ben, giống cái thẳng đã không chịu tuột xuống cái cầu tuột bằng nhựa vào cái hồ tắm sâu có mười lăm xăngtimet trừ khi Reese, anh nó, đứng đó giang tay chờ sẵn. Cũng vẻ mặt với đôi mắt tròn xoe hết cỡ đó. Sợ hãi. Trận đấu. Đến đây. *Ben*, Reese nghĩ thầm... và nó mất tập trung ngay lập tức, thẳng nhóc đánh văng quả bóng ra xa; và cả hai chạy đến cái góc nơi quả bóng bật lại. Nếu nó đuổi theo, Reese biết thẳng nhóc sẽ ngã ra ngoài đường biên. Nhưng phải thế thôi, thẳng nhóc không còn chọn lựa nào khác. Nó chỉ còn nước phải đâm bổ vào thôi. Quả bóng đập mạnh vào chân Reese rồi bật ra ngoài đường biên.

“Chúa ơi!” Reese nhăn mặt. Bóng không đập vào chỗ hiểm nhưng vào háng thì cũng khá gần rồi. “Thẳng chó chết này.”

Thẳng nhóc hét trả: “Tại anh chứ. Cú đó của em mà sao anh giành?”

Nó rê bóng sang bên trái rồi, bị kẹp giữa hai cánh tay của Reese, giữa người ném bóng vào rổ.

Hai điểm. “Bây giờ em cao điểm hơn anh rồi nhé.” Thẳng nhóc ung dung nói với Reese đang gập người xuống thở không ra hơi. “Bao nhiêu rồi? Giờ đã được hai mươi một điểm chưa?” Thẳng nhóc hồ hởi hỏi, suýt chút nữa thì nó đã phá ra cười.

“Chơi tiếp đi,” Reese nói.

“Chơi tới hai mươi một điểm hả... Vinnie?” Thẳng nhóc hỏi thật nhỏ nhưng Reese đã nghe thấy nên lùi lại, dồn hết sức mạnh, cách nó thường làm

trước cả chục bận, cả trăm lần đánh nhau của nó. Nó rê bóng vòng ra phía sau để có đủ thời gian chuẩn bị rồi nhảy lên ném bóng vào rổ. Tuyệt vời.

“Mày có thấy cú nào như vậy ở câu lạc bộ liên đoàn chưa, Ben?”

“Rồi,” thằng nhóc đáp. “Ở câu lạc bộ nữ.” Rồi thằng nhóc rê bóng qua phải, nhưng giờ thì Reese đã đoán được đường bóng của nó nên chỉ đơn giản xoay gót chân sang trái và lấy hai cánh tay chặn nó. Thằng nhóc bị một cú vào cằm, ngã giúi giúi văng ra khỏi sân vào đồng cát dơ bẩn bên ngoài, hai chân gập đôi dưới thân mình, môi tóe máu.

“Chết mẹ,” Reese nói. “Tao không cố tình...” Nhưng ngay lúc đó bố nó xông tới to lù lù như một chiếc xe xúc tuyết và đẩy nó thật mạnh xuống sân bê-tông làm nó ngã ngời đau điếng muốn rống lên nhưng nó cắn răng không thốt ra tiếng nào.

“Thằng đểu con này!” Pat vừa la vừa đưa tay giật mạnh cái cà vạt ra. “Đồ du côn!”

“Chúa ơi, bố!” Reese cố đứng lên.

“Con không sao,” thằng nhóc lên tiếng.

“Con có sao không... Sam?” Pat vừa hỏi vừa lôi chiếc khăn tay ra. Thằng nhóc vừa khoát tay ra hiệu cho Pat đi chỗ khác vừa nhón lên nhìn Reese qua vai anh.

“Con không sao. Con không sao mà.”

“Mày không yên được một ngày – chỉ ngày hôm nay thôi – không sinh sự được sao?” Reese thấy mắt bố nó nhú lại với vẻ đau đớn. *Mẹ kiếp! Đau vì buồn hay lại lên cơn đau tim đây? Chết tiệt,* Reese nghĩ.

Beth từ trong bóng mát phía dưới mái hiên của tòa nhà đi ra. Cô hỏi: “Có chuyện gì thế? Chuyện gì với nó thế?”

Reese nói ri rí trong miệng: “Tụi con chỉ chơi bóng thôi mà.”

“Không có gì đâu mà,” Sam tuyệt vọng đáp. Nhưng Beth vẫn nhìn Reese, cái kiểu cô nhìn nó mỗi năm một lần, giống như cô thật sự thấy nó hay thấy được điều gì đó. Rồi cô sờ vào cánh tay Sam, lướt trên khắp người nó như thể cô đang kiểm tra xem liệu nó có đang mang vũ khí trong người.

“Không gãy xương chứ?” cô hỏi với cái giọng the thé, cái giọng đồng đánh Tôi-õn-cả-mà, cái giọng học sinh của cô.

Họ bắt Reese ngồi ghế trước với Beth. Bố ngồi đằng sau với thằng nhóc. Thậm chí không ai nhắc đến chuyện đón Kerry ở nhà bà nội. Ở nhà hàng Benno, cái pizza họ gọi đặt vẫn nằm đó, mỡ đóng lại thành hàng như một tấm bản đồ địa hình nổi. Thằng nhóc ăn hai miếng, nó cẩn thận khấy những miếng xúc xích ra, còn bố nó lại lơ đãng lấy nĩa găm vào chúng rồi đưa lên miệng nhai. Reese chăm chú nhìn bố; mồ hôi Pat đang chảy thành dòng như thể anh vừa chạy xong. Anh ừng ực nốc uống Côca.

“Ăn chút gì đi, Vincent,” Beth nói. *Lẽ ra mẹ nên có một cái áo có in câu này*, Reese nghĩ. Vì thế nó bày trò xem thử mình có thể nhai một miếng trong bao lâu, ngấm mẹ nó nhìn nó, miệng mẹ cũng lên lên xuống xuống theo miệng nó đang nhai. Nếu nó làm mặt khi thì mẹ nó có làm như thế không nhỉ? Ý nghĩ đó làm nó cười toe.

Ngay lúc đó thằng nhóc ngược lên hỏi: “Con uống sữa được không?”

Khi bố nó vẫy người hầu bàn, Reese hỏi: “Mày uống sữa với pizza à?”

Bọn họ bèn nhìn nó chăm chăm như thể nó vừa bảo thằng nhóc đi làm tình với một cái cây không bằng. Reese đứng lên đi vào phòng vệ sinh; nó lấy tay vuốt nước lên tóc rồi rửa mặt. Nó còn đang sấy tóc thì Pat thò đầu vào nói:

“Đi thôi.”

Vừa nghe nhạc của Dvorak, Reese vừa nằm ngửa trên cái giường nhà nhĩ của nó suy nghĩ; họ đã mua một cái giường mới cho thằng nhóc Sam, thậm chí không thèm nghĩ đến việc lấy lại cái giường này. Âm điệu chậm chậm từ bản nhạc giao hưởng “Thế Giới Mới”. Một lựa chọn tuyệt vời cho trường

hợp thẳng nhóc. Nó vọt to lên rồi tự hỏi liệu mình có thể bay lên cao không một tiếng động chỉ với những tiếng rung phát ra từ tai nghe không? Khi nó đứng dậy đi uống nước và thay cái đĩa nhạc Metallica cũ nhất của mình vào thì nó nghe tiếng Beth trong phòng thẳng nhóc nơi cuối hành lang.

“Con muốn để đèn không?”

“Dạ không, con không để đèn khi ngủ.”

“Chắc con sẽ thấy lạ lắm phải không?” Thằng nhóc lặng thinh. “Con có cần chăn không?”

Trời đất, mẹ ơi là mẹ, mới có tháng Năm thôi mà, Reese nghĩ. Khi nó đi vào phòng tắm, qua bức tường, nó có thể cảm nhận được Beth đang sờ nắn người thằng nhóc; mẹ không thể rời tay khỏi người Sam, dù tuần trước Reese thấy mỗi lần họ gặp nó là mẹ lại hơi co rụt người lại trước khi chạm vào người nó như thể thằng nhóc đang bỏng giầy vậy.

“Mai là thứ Bảy,” bố nó nói vọng từ nhà dưới lên. “Con có muốn đi coi thi đấu không?”

“Dạ muốn,” thằng nhóc đáp.

Một người cha mẫu mực, Reese nghĩ. *Phải mà. Tuy vậy cũng cần rất nhiều trận đấu đó bố. Mùa này có nhiều trận bổ sung lắm.* Khi mở cửa phòng tắm, nó đụng phải bố nó. Bố nhìn nó như thể đang có chuyện muốn nói; Reese cứng đờ hết cả người. Nhưng Pat chỉ đứng đó, dựa vào khung cửa.

“Vincenzo này,” bố nói làm Reese thấy cổ họng thắt lại.

“Con làm ơn, làm ơn...”

Nó nghe tiếng cửa phòng ngủ của họ đóng lại. Mẹ đã vào khung trời lặng yên của mẹ rồi; phải lái cả một cái máy xúc lên hàng hiên thì may ra mẹ mới trở mình. Nó không chắc lắm về bố, có thể bố còn đi loanh quanh được đôi chút. Và đúng như dự đoán, nó nghe tiếng nệm chuyển động và tiếng leng keng của những đồng tiền lẻ khi bố thay quần áo ngủ. Tiếng nhạc Metallica

càng làm nó bồn chồn hơn. Nó đứng dậy lục lạo khắp nơi cho đến khi nó tìm được đĩa nhạc của tay thổi kèn xăcxô người Phi mà không bao giờ nó nhớ nổi tên của ông ta. Đó, nó nghĩ, để hai tay buông thõng bên mình. Có phải gắng sức đâu. Cứ để mặc cho thân mình trôi đi thôi....

Không được rồi. Có lẽ phải cần đến nhạc của Puccini. Nó lại lục lọi tìm.

Reese tỉnh dậy trong bóng tối. Chắc bố đã tắt đèn giùm nó. Lăn qua một bên, nó thấy những chỗ lồi lên quen thuộc phía dưới lưng nó. Suốt bao nhiêu năm nay, thỉnh thoảng nó lại cố tìm ra cái sức ép cơ thể không dứt đang biến đổi con thỏ đỏ của Ben thành một thứ trông giống cái gì. Thỉnh thoảng nó lại nghĩ giờ thì con thỏ giống hết một con nòng nọc rồi, chỉ trừ cái tai còn lại thôi. Thật nhẹ, thật cẩn thận để bong đái đang đầy ứ không bị đè lên, Reese lôi nó từ dưới tấm khăn trải giường ra. Một mắt. Một hình dáng béo phì, có bướu, đôi chỗ lớp vải lông đỏ đã mòn đến nỗi lộ ra màu hồng trong suốt. Nó bỗng nghĩ ra, một bào thai. Đúng rồi. Phim Igor Bào Thai – Nhà Bác Học Diên.

Vẫn ôm lấy cái vật không hình dáng rõ rệt ấy, Reese đứng lên đi tiểu và để con thỏ màu đỏ xuống bồn rửa mặt. Bố nó đang ngáy, tiếng khò khè làm nó khó chịu quá. Tiếng ngáy đã làm nó cùng thờ theo Pat cho đến khi nó thiếp đi. Chính sau khi tắt vòi nước nó nghe thấy âm thanh đó.

Là Kerry à? Nhưng Kerry đang ở nhà bà nội Rosie mà. Reese đi đến cuối hành lang, nó đi men sát tường rồi lấy chân khèo cánh cửa phòng nơi thằng nhóc đang ngủ.

Nó đang ngủ, hay ít nhất là thế vì hai mắt nó nhắm tịt. Reese bước tới gần hơn. Sam đang nằm ngửa, hai tay nó xoải ra, ngủ theo kiểu con nít ngủ mê mệt đến độ chảy cả nước dãi. Reese cố nhìn xem mắt nó có chớp không. Thằng nhóc ngủ không biết trời trăng mây nước gì cả. Reese thả cho Igor rơi xuống bên cạnh giường. Ngay khi nó quay người định bước ra, nó nghe thằng nhóc rên. Thằng nhóc đưa tay lên che mặt nói: “Không... con chỉ không... không...”

Nó muốn nói “Con không biết” ư? Hay nó muốn ngăn điều gì đừng xảy ra? Thăng nhóc lại tiếp tục rên.

Reese phóng nhanh ra cửa – nhờ thăng nhóc thức giấc thì sao? Nhưng Sam cứ lăn qua lăn lại rồi nói: “Ôi, không.” Lần này nó nói nhẹ nhàng hơn.

Có một khoảng trống giữa cửa ra vào và cái tủ âm tường. Reese dựa vào tường rồi khẽ khàng tuột xuống. Nó ngồi bó gối ở đó, cố điều chỉnh cho mắt mình quen với bóng tối. Nếu căng mắt ra hơn thì nó có thể thấy hai cái kim trên mặt đồng hồ phía trên cái tủ commốt của Sam.

Đã ba giờ sáng. Thế đấy. Có lẽ đã ba tiếng. Reese đã từng thử không chớp mắt được lâu hơn rồi mà. Bất cứ ai luyện tập cũng đều làm được như thế. Chỉ là... Reese cúi người về phía trước, tựa cằm lên hai cánh tay. Chẳng thể nói được... Nhưng ngay lúc đó thăng nhóc lại trở mình, nửa trên thân người nó được đèn đường nơi góc phố chiếu sáng. Ở đó.

Reese trở nên thư thái. Nó có thể thấy gương mặt thăng nhóc.

REESE

8

Tháng Sáu, 1994

Nếu được mười xu thì Reese đã bỏ học vào những tuần cuối của niên học. Nhưng nó đã tính đến rồi, nếu nó làm cho bố nó nổi giận thì, trong vòng không đầy năm phút, cái bằng lái xe mới tinh của nó phải được gấp lại làm sáu và cất vào một nơi mà ánh sáng mặt trời không rọi tới được. Bố vẫn là bố – thật ra bây giờ bố đã vui hơn nhiều vì thằng Sam thánh thiện kia đang thật sự sống chung dưới một mái nhà với bố rồi – nhưng bố sẽ không tha thứ cho bất cứ chuyện gì làm ảnh hưởng đến “gia đình”. Reese hình dung ra những tit lớn trên báo, như: “Phép Lạ Trên Phố Menard: Tìm Lại Được Một Đứa Con và Mất Đi Một Đứa Khác?”

Mẹ kiếp. Nó đã phải chịu đựng suốt hai tuần đáng ghét để quyết tâm giữ mình không gây ra phiền phức gì. Dù nó đã rất căng thẳng. Reese có hai bài kiểm tra học kỳ cần phải nộp mà nó lại dùng những quyển sách cần để viết bài kiểm tra kê chân cái giường cũ – trước đây là giường của Ben – đã bị gãy. Jordie đã chê cười nó khi Reese nghĩ nó có thể ngốn hết các chi tiết về bệnh đa nhân cách (đề tài tâm lý học nó chọn) bằng cách ngủ trên mấy cuốn sách đó.

Reese nghĩ mình biết cặn kẽ về bệnh đa nhân cách nhờ tính nhạy cảm có được từ việc chung sống với mẹ. Nhưng nó phải ổn định tư tưởng thôi, mà điều này khá khó thực hiện trong ngôi-nhà-Trung-Tâm-Vĩ-Đại-của-vũ-trụ của nó.

Nó không trốn tránh được chuyện đó. Ở trường, thầy cô nào cũng có một tờ tạp chí *People*, cái tờ có hình bìa chụp Sam đang rê bóng ở lối xe vào nhà – tờ có tit lớn “Trở Về... Nhưng không phải là Ben” và bên dưới là “Cuộc

phiêu lưu kỳ bí của một Thiếu Niên Bị Mất Tích”. Thậm chí trong giờ học thứ tư của ngày hôm đó trên giảng đường, một thằng chó chết nào đó đã đề nghị Reese ký tên nó lên đó nữa chứ. Và nó đã ký. Nó thấy tội nghiệp cho thằng nhóc nên chỉ viết: “Chúc may mắn, Daffy Dick” thay vì viết một câu cay độc hơn. Mẹ nó nổi điên lên khi thấy ảnh Sam trên bìa báo – thậm chí còn giận hơn cả lúc mẹ thấy bìa báo đầu tiên của tờ *People* nữa – Reese vẫn còn nhớ rất rõ.

Nó đã nghe mẹ hét ầm lên ở dưới nhà: “Lũ người này nghĩ gì chứ? Họ nghĩ chúng ta không có cuộc sống riêng chắc?”

Còn bố thì trả lời: “Beth à, em cũng thường chụp hình như thế để kiếm tiền mà...”

Đương nhiên là chú Tom – Vị Bác sĩ Thám Tử – cũng đã đôi lần hỏi nó: “Cháu có chắc đã không biết đó là Ben chứ?” Reese không thể tin được – những câu như: tại sao nó không nói gì hết vậy? Nó có chắc không? Nó không biết rằng điều duy nhất trên đời này mà bố mẹ nó muốn là tìm được Ben à?

Và chú Tom đã nói: “Nhưng có lẽ đó không phải là điều duy nhất trên đời này mà cháu muốn.”

Đó là điều khiến chú Tom làm cho người khác muốn nổi xung; chú luôn nghĩ chú có thể gạ gẫm để người ta bộc lộ một khát khao nào đó tận trong tiềm thức. Thật ra chính Reese cũng đã nghĩ đến điều này, và lý do duy nhất nó không nói với mẹ về thằng nhóc tóc đỏ là vì thật nực cười khi nghĩ rằng thằng em thất lạc bấy lâu nay lại sống ngay ở góc phố đằng kia. Thậm chí thằng nhỏ cũng không giống như hình ảnh nó nhớ về Ben; thật ra nó có nhớ Ben mấy đâu.

Nó phần nộ nói: “Chúa ơi, lúc đó cháu mới lên bảy mà. Chú nhớ được gì khi mới bảy tuổi chứ?”

“Chú nhớ là chú có một đứa em trai mới ba tháng tuổi chết vì hội chứng đột tử ở trẻ em, và chú là người đã phát hiện ra chuyện ấy, nên phải đến

mười năm sau chú mới biết vì sao mình lại sợ ngủ đến thế.”

Hãy tin là chú Tom già đã có một câu trả lời quá hoành tráng đi. Chà, đó cũng là lý do thiên hạ cho rằng ông bác sĩ tâm thần nào cũng bị điên cả.

Sau đó chú Tom hỏi nó một lô một lốc chuyện nó nghĩ gì về Cecilia Lockhart; Reese không bình luận gì hết – làm sao người ta có thể nổi giận với một phụ nữ vì một việc bà ta không biết là sai chứ?

Và khi không moi được gì từ Reese, chú Tom bèn tiếp tục gắng hỏi nó về chuyện nó có bực Sam không. Reese không hiểu sao chú Tom lại có thể hỏi được như thế. Bực ư? Về vụ gì mới được chứ?

“Vì được mọi người chú ý.”

“Cháu không còn là trẻ con nữa. Nếu chú mất một đứa con và suốt chín năm trời không gặp nó, chú có muốn luôn được ở bên nó không? Chú có bị ám ảnh vì nó không? Đó là lẽ thường tình thôi. Nhất là khi chú có một đứa khác mà...”

Chú Tom chộp ngay lấy câu đó. “Một đứa trẻ khác mà... sao hả Reese? Sao chứ?” Reese nhún vai. “Sao hả, Reese? Một đứa trẻ khác không đáng nghĩ đến à?”

“Thưa bác sĩ Kilgore, cái chuyện tâm lý tào lao này chán thật đấy.”

Lúc đó chú Tom đã bật cười và hỏi Reese nghĩ sao nếu nó cứ phải nghe về chuyện ấy suốt bốn mươi giờ một tuần, mà lại do chính miệng mình nói ra chứ. Khi ấy Reese mới nguôi nguôi được phần nào. Nó nói với chú Tom nó đang nghĩ đến chuyện trở thành một bác sĩ tâm lý – ta sẽ không trở nên hèn hạ, đê tiện, ta cũng không phải che giấu những lỗi lầm của mình như các bác sĩ khác. Ngoài ra Reese cũng nghĩ rằng chú Tom có thể đã mua được cả một khu mua sắm liên hợp bằng tiền chữa trị cho nhà Cappadora trong mấy năm qua ấy chứ.

Rồi họ nói về thể thao, về chuyện có lẽ Reese sẽ chơi bóng rổ vào mùa thu vì rốt cuộc thì năm lớp mười một sẽ là cơ hội cuối cùng cho nó và nhiều

thứ khác nữa. Chú Tom cho đó là một ý khá hay nhưng Reese lại không chắc lắm. Nó không phải típ người thích tham gia các câu lạc bộ, nên dù thích được mặc bộ đồng phục thi đấu và rất muốn chứng tỏ nó có thể làm được điều đó thì nó cũng không biết mình có thể chịu được những giờ luyện tập chán ngắt không nữa.

Tuy nhiên nó cũng đã luyện tập khá nhiều rồi: nó xếp mấy chiếc ghế lấy từ nhà hàng Đám Cưới ở lối xe ra vào rồi rê bóng chung quanh chúng cho đến khi mồ hôi nó đổ ra như tắm. Sam cũng hay ra đó chơi với Reese. Phải công nhận là thằng bé rất nhanh nhẹn dù nó to con đến thế và nó cũng biết rất nhiều điều mà Reese phải mất cả bao nhiêu năm trời mới học được, như chuyện không được để lòng bàn tay đung vào bóng ấy: Sam có thể rê bóng thấp đến nỗi một con rắn nhỏ xíu như con Iowa cũng cũng không trườn qua được phía bên dưới; nó điệu nghệ rê bóng bằng những ngón tay thon dài cứng cáp; nó chỉ cần lấy đầu ngón tay nhấn nhấn thôi.

Bố cũng thường mặc bộ đồng phục làm việc ra chơi một lúc với chúng – giống như bà nội Rosie hay nói về ông nội: ông giống như dân nhập cư đang mặc áo bành tô để cắt cỏ vậy. Bố thường chen vào khi Sam và Reese đang làm gì đó; Reese để ý mỗi lần như thế Sam luôn giật mình sượng sùng chờ người ra.

Nhưng Sam cũng chơi bóng chày nữa và nó cũng phải bắt đầu đi tập dợt, vì thế phần lớn những đêm đó Reese thường rê, rồi câu, rồi lại rê bóng một mình.

Vài ngày trước khi nhà trường kết thúc năm học, Reese đem một quả bí đỏ vào phòng tập thể thao vắng vẻ để tập. Chủ yếu là để xem thử cú bật bóng giữa người có tốt như khi nó làm trên sân chơi hay trên lối xe ra vào không. Nó cũng tập tạ để giúp hai cánh tay nó to ra, mạnh hơn. Không biết tay có to thêm không nhưng rõ ràng một cú ném như thế cần có nhiều lực hơn một cú ném bóng bình thường từ khu vực giữa sân, vì phải giữa người xa khỏi đối phương, và như thế sẽ bị yếu đi thay vì dồn trọng lượng của mình về phía trước. Nhưng như thế sẽ giúp nó thoát khỏi một gã vạm vỡ hơn

vì Reese biết rằng với thân hình nhỏ loắt choắt của mình, nó chỉ có thể thành công bằng những cú ném bóng tự do thôi. Và mãi cho đến khi nó bật bắn ngửa người thật hoàn hảo thì nó mới hiểu cú ném của Jordan tuyệt đến thế nào. Mà Jordan cũng có cao lắm đâu. Anh ta chỉ cao hơn Reese hai mươi lăm phân, nhưng theo tiêu chuẩn của NBA thì một mét bảy mươi tám cũng chưa hẳn là to cao. Nhiều đêm, khi về đến nhà, hai cánh tay nó đau như dằm. Nó thường nhìn Sam và nghĩ nếu cứ đà lớn nhanh như thế này thì thằng nhóc đó sẽ chỉ việc đi tới là chặn được bóng thôi. Nó có ganh tị với kích cỡ của Sam không nhỉ? Nó nghĩ là không. Nhưng giá nó được thừa hưởng thêm một vài gien từ mẹ làm nó to con như dân Ai-len thì tốt hơn mấy gien từ bố chỉ làm nó lỏng không lẻo khoèo. Cứ nhìn bác Paul mà xem. Người ta có thể bỏ lọt cả một con mèo vào giày của bác ấy.

Ganh tị. Căng thẳng. Reese thấy mình hay nấn ná ở lại trường để lang thang suy nghĩ xem mình thật sự nghĩ gì về Sam. Nếu không thu được gì khác thì những năm tháng ở cạnh chú Tom vẫn dạy nó rằng dù có thông minh đến thế nào đi nữa thì đôi khi ta cũng không thể diễn tả rõ ràng khúc chiết các cảm nghĩ của mình được. Lần đầu tiên, ở văn phòng tư vấn trong lúc Sam vẫn còn đang được giám hộ, khi nó thấy Sam và biết đó là Ben, nó đã mừng muốn khóc. Giống như Ben đang tỏa hào quang và nó nghĩ rằng nếu nó đi thẳng tới chỗ thằng nhóc, thằng nhóc sẽ nắm lấy cánh tay nó mà nói về vụ con sóc bị kẹt trong đầu máy xe hơi hay lần Ben té xuống nước ở cầu tàu dài nơi hồ Delavan, hay nói về ngôi nhà trên cây ở Madison. Thậm chí khi nó nhớ đến cái ngày trong tiền sảnh thì, mẹ kiếp, nó rất vui rằng Ben không chết....

Nhưng Ben – à không, Sam – đã nhìn thẳng vào mặt Reese. Không vờ vĩnh tí ti nào. Nó nhìn cứ như thể nó chưa từng gặp Reese trong đời ấy. Người nhân viên xã hội nói: “Đây là anh cháu. Anh Vincent.”

Thằng nhóc chìa tay ra bắt. “Chào anh Vincent.” Quý bắt nó đi nếu cái giọng đó không giống giọng Ben, cái giọng trầm trầm khàn khàn, buồn cười đã từng nghe rất lạ phát ra từ miệng một thằng bé. Khi ấy Reese muốn bỏ chạy, chạy trốn tất cả – chạy trốn những người kỳ cục kém may mắn này,

những người thậm chí không nhận ra nhau. Giống như Horace Greely hay Thoreau hay bất kỳ ai, chỉ cần bỏ đi và tới đường xe lửa làm việc hay đại loại thế. Liệu người ta có còn làm việc trên đường rầy không nhỉ?

Nhưng nó biết trước, và cả ngay lúc đó nữa, rằng nó sẽ không bỏ chạy. Nó quá lười biếng và sợ hãi, đó cũng là lúc nó bắt đầu điên tiết lên với thằng nhóc với những câu: “Dạ, thưa bà,” với cái cung cách cầu kỳ khi ngồi ăn và với chứng sợ vi khuẩn của nó. Reese với Kerry nhanh chóng nhận ra rằng nó có vấn đề: nếu người ta hít hít thức ăn của nó thì nó sẽ không đụng đến món đó nữa. Và thế là Reese chỉ cần thở hơi ra một chút ngay khi mẹ đưa đĩa qua cho nó là nó sẽ ngồi ngay đơ cán cuốc ra, rồi đau khổ nuốt thức ăn như thể đang nuốt mấy chiếc vớ cũ trong miệng vậy. Kerry cũng bắt chước làm thế khiến bố phải mắng chúng để chúng thôi đi.

Thằng nhóc đối xử với Reese rất lịch sự và dễ thương. Lịch sự và dễ thương và chỉ... khép mình như con ốc ấy. Điều này làm Reese nổi khùng lên. Nó không biết làm cách nào để bắt chuyện được với Sam. Sam cứ im như thóc ấy.

Có lần, khoảng một giờ sáng, Sam xuống nhà dưới khi Reese đang xem phim Địa Ngục Dành Cho Anh Hùng. Nó ngồi xuống, nửa tiếng sau, bỗng nhiên nó hỏi: “Vậy anh có nó từ phim này à?”

“Có cái gì chứ?” Reese hỏi.

“Tên anh ấy.” Trong phim có một gã tên Reese. Nhưng chẳng dính dáng gì với tên của tao cả, Reese đáp rồi giải thích vụ “Resale,” và thằng nhóc nói: “Vincent cũng là tên hay mà – như Vincent van Gogh ấy.” Reese hơi bị sốc, một thằng nhóc mà cũng biết về Vincent van Gogh à.

Nhưng nó đã nói, và hơi hối hận vì chuyện đó, rằng: “Đúng, mà ông ta cũng điên nữa.”

May mà Sam không để ý. Nó chỉ nói: “Mà anh đâu có tự cắt tai mình. Ít nhất là chưa mà.”

Trong một chừng mực nào đó thì nó là một đứa trẻ khá lịch sự. Nó không bao giờ chĩa mũi vào chuyện của ai hết. Nó khiến Reese thắc mắc không biết khi nó còn bé, có một đứa em trai thì như thế nào nhỉ; lúc ấy Kerry còn quá nhỏ và nó cứ phải chăm cho con bé suốt. Dù chú Tom nói rằng như thế thì sau này, khi lớn lên, đó sẽ là “mối liên kết” gắn chúng lại với nhau. Giống như chúng được trét lớp keo dán cao su lên vậy.

Ra sân, xoay người lại, tưởng tượng ra một tay chặn bóng to con, bật người ra sau, và ném. Reese làm đi làm lại nhiều lần. Có khi cả tiếng đồng hồ hay hơn thế nữa. Nó hiểu rằng như thế là nó đang sử dụng chín mươi phần trăm thời gian; đương nhiên rồi vì ở đó có tay hậu vệ thật nào đâu, vì thế, có lẽ nó phải cho phép mình được nghỉ ngơi đôi chút giữa buổi. Trong khi đang tập trung ném bóng và nghĩ về Sam, nó không thấy huấn luyện viên Teeter đã đến sát sau lưng và đưa tay cao qua đầu nó đấm bóng đi.

Tim Reese như đầy ứ khí hê-li. “Gì thế...?” nó hét văng lên rồi quay lại. Teeter sừng sững như con voi; nghe nói hồi xưa, khi còn học cao đẳng, ông ta là hậu vệ chặn bóng cho Pistol Pete Maravich, nhưng chuyện đó xưa rồi, cách đây hai mươi năm rồi, còn bây giờ trông như thể ông ta đã ăn tươi nuốt sống Pistol Pete và cả anh ông ấy nữa cho bữa điểm tâm rồi. Huấn luyện viên Teeter chắc cũng phải nặng cả tạ rưỡi.

“Đây có phải là Cappadora hung thần trên sân chơi không nhỉ?” Teeter nói bằng giọng gió lai giọng miền Nam, cái giọng khiến Reese luôn liên tưởng đến các hạ sĩ quan trong phim ảnh. “Tôi xem cậu tập này giờ rồi, Vince. Cậu muốn bỏ học lớp mười một để tham gia đội tuyển à?”

Reese vừa đi nhặt bóng vừa đáp: “Không ạ. Em chỉ tập chơi chơi thôi mà.”

“Giờ cậu cũng khá nổi tiếng rồi đó, nhỉ?”

“Thầy nhầm em với thằng em của em rồi.” Chọc giận lão ta làm quái gì chứ? Nó vẫn chưa chính thức quyết định có tham gia vào năm tới hay không mà.

“Tất cả những người mang họ Cappadora đều nổi tiếng, đúng không? Có lẽ đó là lý do cậu nghĩ mình không phải đi học trừ những ngày thứ Ba xen kẽ nhau trong một tháng hả, Vince?”

Reese nín thình.

Teeter tiếp tục: “À, tôi quên, không phải là Vincent mà là Reese. Đúng rồi. Reeese. Xin lỗi nhé. Vậy thì, Reese này, cậu thích chơi bóng rổ chứ?”

“Em thích môn này,” Reese điềm đạm nói.

“Thiên hạ nói cậu chơi ngoài phố giỏi lắm mà.”

“Dạ cũng tạm tạm thôi.”

“Muốn thử với tôi không?”

“Sao cũng được.” Họ chơi theo kiểu luân phiên có bóng. Teeter vẫn còn nhanh nhẹn dù ông khá mập làm Reese buộc phải chèn ông ta rất nhiều; ông ta to con bẩm sinh nên chơi cú úp rổ khá dễ. Nhưng Teeter vẫn phải chịu thua những cú bật bắn giữa người của Reese.

Cuối cùng, vừa thở hổn hển, Teeter vừa nói: “Cậu làm động tác giả giỏi lắm.”

Reese rất ngạc nhiên khi nghe Teeter nói thế. Nó mỉm cười. “Nhờ em tập nhiều đấy thôi.”

“Cậu đang nghĩ đến chuyện tham gia đội bóng vào năm tới hả?”

“Em cũng đang cân nhắc.”

“Cậu nghĩ cậu vào được à?”

“Em sẽ cố,” Reese bình thản đáp.

“Cậu nghĩ mấy thằng kia sẽ dung túng cho mấy thứ rác rưởi của cậu chỉ vì cậu có cú bật bóng thôi à?”

Reese thấy máu dồn lên mặt rần rần. Lão mập chó chết. Thằng chả nâng mình lên rồi nhẹ nhàng đập mình đập mặt.

Teeter tiếp tục nói: “Tôi để ý đến cậu từ lâu rồi, Cappadora. Không chỉ ở đây đâu. Thành tích gây sự của cậu to bằng núi Rushmore mà cậu lại không đủ to con hay dũng cảm để gánh vác nổi đâu.”

Cảm thấy hai tay mình nắm chặt lại – dấu hiệu cho thấy Reese bắt đầu sợ, nó nói: “Em vẫn bình thường.”

“Cậu vẫn bình thường à?” Teeter dí gương mặt như heo của lão sát vào mặt Reese. “Chẳng qua là vì mọi người ai cũng thương hại cậu thôi. Tôi biết bố cậu từ khi còn nhỏ, Vincent à. Một người dễ thương không bao giờ huênh hoang. Ai cũng lo lắng cho bố cậu về những gì ông ta đã phải chịu đựng, và rồi ông ta được gì? Cái thằng èo uột cứ nghĩ rằng phân của mình thơm này sao?”

Teeter dứ dứ ngón tay chuối mẩn của ông ta vào mũi Reese. “Cậu có tốc độ di chuyển tốt. Nhưng nếu muốn gia nhập đội của tôi thì cậu phải hiểu rằng cậu chả là cái đỉnh gì cả. Cậu cũng như các thành viên còn lại trong đội thôi, không chừng còn thua họ là đằng khác vì từ bé đến giờ cậu luôn gặp may mà.”

“Em chưa hề....

“Thôi nào, Cappadora! Cậu nghĩ mình là nhân vật quan trọng à, vậy sao cậu không cư xử như thế đi? Cậu cho là mình ngon lắm sao? Hay chỉ là một thằng chuyên bắt nạt kẻ khác?” Ông ta hốt quả bóng lên, quả bóng của Reese, giữ cho nó thăng bằng trên hai tay to bè của ông ta rồi đập mạnh vào trán Reese. Một lần. Rồi một lần nữa. Sống mũi Reese rần rần như có ong chích. Mắt nó nẩy đom đóm. Nhưng nó không đưa tay lên đỡ. Teeter lại làm tiếp. Và bồi thêm một cú nữa. “Reese vĩ đại, hả? Muốn đi không? Giờ thì cậu định làm gì đây? Cậu chịu nổi không, Cappadora? Hay trong bản chất cậu chỉ là đồ mèò mướp?” Ông ta hơi lùi lại để đấm mạnh quả bóng nhưng ngay lúc ấy Reese đã đưa tay ra chộp lấy nó làm Teeter mất thăng bằng suýt ngã dúm dúm.

Gương mặt người đàn ông to béo đó dịu lại một chút. Rồi ông ta lùi lại một bước. Mẹ kiếp, Reese nghĩ, tất cả bọn họ đều làm như thế. Khi họ thấy

nét mặt mình. Tôi đụng chạm gì đến ông chứ, đồ dê tiện bán thiu kia? Tôi chỉ làm ba cái chuyện nhỏ nhít không đáng kể. Để thử làm một điều bình thường, một lần thôi mà. Chỉ thế thôi mà ông cũng nặng xị lên với tôi. Trong Reese có một thôi thúc mãnh liệt được đưa tay lên đập cái mũi của Teeter cho bẹp dí, cho mũi óc ông ta lẫn lộn rồi bỏ chạy, vĩnh viễn, đến một nơi nó không phải mang mãi cái gánh nặng chết tiệt mà nó đã phải mang như một đồng đá trên lưng.

“Chờ đã,” Reese nói. “Thầy chờ đã, em chỉ....”

Teeter hơi lão đảo rồi lừ đừ bỏ đi. “Khỏi nói. Kiểu thái độ của cậu, chẳng ai cần đâu.”

Và Reese đứng đó, vòng tay ôm quả bóng, ôm thật chặt vào ngực, trong khi Teeter đưa tay tắt dàn đèn trên trần, để nó đứng đó trong bóng tối.

BETH

8

Beth thấy như cô đang ngắm một con hổ trong thảo cầm viên vậy.

Có những lúc cặp mắt con thú nhìn trừng trừng vào ta, nhưng ánh mắt nó thất thần, không biểu lộ gì cả. Ta không thể biết chắc nó có cảm nhận được sự hiện diện của ta hay không, hay ta cũng chỉ là phong cảnh, một vật tưởng tượng. Một con hổ có thừa nhận một con người như một người bà con, thậm chí còn sống không nhỉ?

Khi cô ngắm Sam đi từ hàng hiên trước nhà ra cửa sổ sau nhà, con Beowulf lẻo đẻo theo sau, cô thắc mắc liệu Sam có nhận ra cô là một thành viên của cùng một loài hay không. Dáng đi của nó không thay đổi, từ lúc nó từ trường về nhà (nó phải mất hai tuần mới đi thẳng vào nhà mà không bám chuồng) cho đến khi nó lịch sự đóng cửa đúng giờ vào ban đêm. Thậm chí khi nó ngồi làm bài tập nơi bàn ăn trong nhà bếp, hai chân nó run run đơng đờ. Beth tự hỏi không biết nó có cần... thứ gì đó không – vitamin hay thuốc an thần hay uống thêm sữa chẳng hạn. Trong tập hồ sơ gồm tám trang đầy đủ chi tiết, được in cẩn thận về những đặc điểm của Sam, ông George đã cho biết rằng con trai ông luôn là một thiếu niên dư thừa năng lượng. “Nó giống như con chó con đang phát triển.” George đã viết như thế. “Nó cứ chạy tới, chạy tới và rồi buông mình xuống ngủ thiếp đi ở bất cứ chỗ nào.” Beth có thấy như thế đâu. Sáng nào dậy mắt Sam cũng sưng mọng lên; giấc ngủ của nó không giống như giấc ngủ của một chú chó săn nhỏ, khỏe mạnh và năng động.

Hầu như ngày nào cô nhân viên công tác xã hội cũng gọi điện. (“Có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời cô ấy đã làm một việc thú vị như vậy mà không dính líu đến những vụ đại loại như năm người lớn xâm hại tình dục một đứa bé,” Candy đã giải thích thế.) Sam lo lắng là lẽ đương nhiên thôi, cô nhân

viên nói. Nó đang trải qua, ở một mức độ nào đó, những giai đoạn đau buồn – sốc, phủ nhận, giận dữ, và xa lánh.

“Làm sao chị biết được chứ?” Một buổi chiều nọ Beth đã hỏi cô ấy.

“Tôi... tôi không biết,” cô ấy thú nhận. “Tôi chỉ... đoán là một đứa trẻ trong tình huống đó sẽ cảm thấy thế thôi.” Beth nhớ đến những loại câu hỏi mà các phóng viên thường hỏi vô số những chuyên gia được cô chụp hình để đưa lên báo vào các ngày Chủ Nhật. “Vậy nghiên cứu cho thấy được những gì?” cô hỏi.

“Chẳng được gì cả.”

“Cô nói thế là sao?”

“Tôi nghĩ trường hợp này chưa từng xảy ra trước đây,” cô kia đáp. “Những đứa trẻ, nếu bị bắt cóc, thường được tìm thấy ngay lập tức hay là không bao giờ tìm được nữa. Còn sống, ý tôi là thế. Tôi rất tiếc Beth ạ.”

Cô kể trường hợp một bé gái bị giao nhầm cho hai bố mẹ khác tại bệnh viện, ngay từ khi mới sinh. Báo chí đã đưa tin rùm beng; *chị không biết chuyện đó à?* Beth khẽ đằng hắng; cô không đọc bất cứ bài báo nào về trẻ em mất tích trong suốt mấy năm qua. Đứa bé này, cô nhân viên công tác xã hội kể tiếp, thích nghi rất tốt về hầu hết mọi phương diện. Học tốt. Được mọi người yêu mến. Ông bố và bà mẹ ruột chỉ phát hiện ra khi đứa con gái mà họ tin là con ruột chết vì bệnh tim bẩm sinh, do những xét nghiệm máu chứng minh nó không phải là con họ. Sau khi điều tra thật kỹ lưỡng các hồ sơ trong bệnh viện, mọi việc dần sáng tỏ.

“Rồi cô bé có gặp lại người cha cô nghĩ là cha ruột của mình không? Người đàn ông đã nuôi cô bé trong suốt ngần ấy năm ấy? Họ có còn liên lạc với nhau không?” Beth hỏi.

“À... có. Thật ra thì cô bé vẫn sống với ông ta. Cô không muốn trở về nhà bố mẹ ruột, và một vị thẩm phán đã ra phán quyết theo ý muốn của cô. Nhưng sau đó cô bé....”

“Sao chứ?”

“Thay đổi ý kiến.”

“Ồ.”

“Và trở lại gia đình thật sự... ờ... đầu tiên của mình.”

“Vậy sao?” Beth thốt lên

“Nhưng cô bé này lớn hơn nhiều, là thiếu nữ rồi, và tình trạng...” giọng cô nhân viên như xa dần.

Tình trạng gia đình hai bên khác xa quá, đến nỗi đôi khi Beth cảm thấy họ là những người lạ bị gom lại với nhau để đóng chung một vở kịch mà chẳng hề được tập dợt trước.

Vào thứ bảy đầu tiên, cả gia đình bên nội lục tục đến trước khi họ thức giấc dù Beth đã hết sức phản đối. Ông nội Angelo. Làm sao cô dám không mở cửa cho ông nội Angelo được chứ? Và ông đã cư xử rất đúng mực; ông không nhảy chồm lên ôm nghiêng lấy Sam dù Beth biết ông rất rất muốn làm như thế. Ông chỉ ngồi đó, nước mắt chảy chan hòa trên mặt rồi thuyết minh cho Sam nghe về những bức họa trên tường ở nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ. “Họ nhìn xuống matrimonio, nghĩa là đám cưới đó cháu. Bên này, mỗi hình ảnh là một nhân vật trong vở nhạc kịch đó.”

“Cháu tên Sam, Ange à,” Beth khẽ nhắc.

“Ờ, ờ, Sam. Đây là một cái tên hay, mạnh mẽ, Sam nhỉ. Ông là một ông già ít học, Sam à. Nhưng để ông nói cho cháu biết nhé. Trong một bức thì đó là vở nhạc kịch La Bohème, với gương mặt của Rodolfo, nhưng họa sĩ đã vẽ gương mặt của bố cháu, con trai Patrick của ta thay vào đó. Mà cháu có biết Menotti không nhỉ? Tác giả của vở nhạc kịch *Amahl và Những Người Khách Đêm ấy?*”

Beth sững sờ khi Sam gật đầu: “Cháu đã xem vở kịch đó trên chiếc tivi lớn ở trường rồi ạ.”

“Cậu bé? Có cái nạng?”

“Dạ đúng?”

“Đó là cháu, Ben... à Sam. Cháu đó. Cậu bé kia là cháu đó.”

“Đẹp quá,” Sam nói. “Cho cháu xem được không?” Ông Angelo ngược lên nhìn Beth, cặp mắt mờ đục nhòa lệ.

“Từ từ thôi bố. Để cháu nó thích nghi từ từ, Ange à,” Beth nói. Cô đã yêu cầu rằng chỉ cô, Pat và hai đứa trẻ là những người được gặp Sam trước tiên thôi. Giờ thì trong cái ngày trở về thực sự đầu tiên của nó, cô cảm nhận được cái vỏ mỏng manh bao bọc Sam bấy lâu đang dần vỡ ra, cảm nhận được sự bối rối của nó. Cô muốn đứng lên ra hiệu cho mọi người đi ra chỗ khác. Nhưng thật là khó, khó như phải chuyển hướng một dòng sông ấy.

Ngay lúc ấy Sam hỏi: “Anh Reese đâu ạ?”

Ông nội Angelo nói: “Reese. À. Dĩ nhiên rồi. Anh ấy chọn nhân vật Pinkerton trong vở *Bà Butterfly*. Rủi thay Pinkerton lại là một người xấu xa. Ông đã bảo Vincent chọn nhân vật khác đi. Và nó lại chọn Don Giovanni, một người còn tệ hại hơn nữa! Cho nên tụi ta đành để nó đóng vai Pinkerton.”

“Nhiều tường quá,” Sam nhận xét.

“Nhiều tường quá à?” ông nội Angelo la lên. “Cháu phải thấy tận mắt cơ. Chỗ ấy rộng lắm, Sam.” Ông quay đầu lại khi cô Tree bước vào. “Còn cô của cháu là người mẹ trong

Amahl. Cô là người mẹ của cháu trên tường đó.”

“Ben,” cô Tree vừa quỳ xuống vừa giang tay ra. Sam vừa nhìn Beth vừa lưỡng lự tiến vào vòng tay cô; cô Tree bật khóc. “Ôi, Ben. Ôi, lạy Chúa.” *Tội nghiệp thằng bé*, Beth than thầm; cô muốn treo một cái bảng quanh cổ nó với hàng chữ: “Tên là Sam” quá.

Và rồi cứ thế, cứ một cảnh đó được diễn đi diễn lại, suốt cuối tuần này mãi cho đến tuần sau. Chỉ nhìn thấy nó thôi là tất cả mọi người, bác Paul, bác Bick, cha cô dường như đều thấy ăn năn, ngưỡng mộ như thể nó là một

hình ảnh của một bức họa trong một hang động chứ không phải là một đứa trẻ mười hai tuổi với hai đầu gối đầy sẹo.

Sau khi ôm nó, đẩy nó ra ngắm nghía rồi lại ôm nó tiếp, ông ngoại Bill cảm ơn Sam vì đã về nhà khi ông còn sống để gặp nó.

“Dạ không có chi ạ,” Sam nhẹ nhàng đáp. “Ông ốm à?”

“Không, không,” ông ngoại Bill hồ hởi đáp. “Ông có ốm đâu. Đừng lo. Chỉ vì ông mừng quá đó thôi, con.”

Bác Bick thì hồ hởi nói: “Bác là bác của cháu nè. Cháu được đặt theo tên bác đấy. Mọi người gọi bác là Bick nhưng tên bác là Benjamin.” Rồi không chờ cho Sam kịp mở miệng nói, bác Bick hỏi ngay: “Cháu có nhớ bác không? Cháu có nhớ cái lần bác kéo cháu ra khỏi hồ Delavan không...?”

Như sau này Beth nhớ lại, mọi chuyện chỉ chấm dứt khi Sam bối rối, mệt lử và tuyệt vọng vì không trả lời được những câu hỏi khó đến thế. Nó bắt đầu bám theo Beth hoặc nếu cô không có mặt trong phòng thì nó cứ lẻo đẻo bám theo Reese. Trong khi phòng khách chật ních những người hàng xóm, các thành viên trong gia đình, cảnh sát và thỉnh thoảng lại có một phóng viên cười toe toét tạt vào và vẫn tiếp tục ngoác miệng cười khi bị từ chối tiếp chuyện, thì Beth thấy Sam và Reese lấy mấy cái găng tay trong nhà để xe ra, khóa cổng lại và lẳng lặng chơi bóng trong sân.

Mỗi đứa mới chuyền được ba cú thì cả một bầu đoàn thể tử nữa lại đến. Lại một lần chúc phúc khác, một lô một lốc những lời sừng sốt, một trời tên được đọc lên. Rachele. Cô Angela. Con gái và con trai của ông Charley Hai. Gia đình Bonaventura. Gia đình Rooney và gia đình Reilly. Ông cảnh sát trưởng mới về hưu Bastokovitch từ Parkside đến. Bác Hank, bạn thân nhất của bác Paul.

Barbara Kelliher và hai con gái.

Không hiểu vì sao Barbara lại là gương mặt duy nhất khiến Beth khóc bù lu bù loa như một người điên – Barbara với kiểu tóc gọn gàng của một thành viên đội cổ vũ, vẫn có màu nâu hạt dẻ thật đáng ngờ, dày dặn ôm lấy hai gò

má đào; mùi nước hoa Chanel vẫn tỏa ra ngào ngạt báo trước rằng cô đang đến. Barbara chỉ biết Beth sơ sơ khi còn học trung học nhưng đã quyết định – vì lý do gì Beth không hiểu được, như lần Barbara vừa cười hờn hờ vừa giơ cao nắm tay khi thực hiện cú xoạc chân – tạm gác cuộc sống riêng để hào hiệp lao đến bảo vệ cho Beth. Beth ôm lấy eo cô và không thả ra nữa; và sau khi yếu ớt kháng cự, Barbara ôm Beth rồi bắt đầu đong đưa người Beth, như một bà mẹ đang ru con.

Khi Beth bớt thốn thức mà chỉ thi thoảng khẽ nấc, Barbara đề nghị được gặp Ben. Beth bước tới cửa sổ gọi nó.

“Thôi. Cứ để nó chơi. Để mình ngắm nó một chút đã,” Barbara nói khi Ben xoay một vòng để bắt cú bóng trên cao.

“Nó giống cậu quá.”

Tám giờ tối hôm đó, Sam nằm ngủ trên chiếc ghế ngoài bãi cỏ, tay vẫn đang cầm miếng bánh pizza dai nhách. Beth đã phải dựng nó dậy để đưa nó vào giường và mãi đến chín giờ sáng hôm sau nó vẫn còn mê mết ngủ. Beth ghét phải đánh thức nó dậy nhưng bà Rosie và ông Angelo đã xin một lễ tạ ơn tại nhà thờ Immaculata. Pat đã nài nỉ tất cả mọi người cùng đi và ăn mặc thật khiêm tốn. Anh đang nói chuyện với Vincent về cái quần ka-ki của nó trước khi Beth uống tách cà phê đầu tiên trong ngày.

Còn cách nhà thờ vài khu phố Beth đã thấy đường phố chằng đầy đèn, phố xá yên tĩnh khác thường và chỉ bị nổi bật bởi sự hiện diện của hàng dãy xe hơi nhiều hơn bình thường, xe nọ nối đuôi xe kia, thậm chí đậu chặn ngay lối xe ra vào nhà. Giống như hôm đó là lễ Phục sinh hay lễ Quốc khánh vậy, một sự rộn ràng bất thường đập ngay vào mắt vì không có những hàng dài xe cộ đi đến sở làm. Khi họ rẽ ngay Đại lộ Suffolk đi vào đường chính, thậm chí Vincent cũng phải há hốc miệng vì kinh ngạc. Con đường đi vào nhà thờ đã bị chặn ở hai đầu và đầy những xe tải có ăngten chảo và rất nhiều toán cảnh sát – từ hơn một chục làng và thành phố Chicago, từ tiểu bang nữa – tất cả đều có mũi nhấp nháy, sự kết hợp những đèn sân khấu và đèn pha đang quay vòng tạo ra một dạng ánh nắng nhân tạo. Ở hai đầu hàng rào bằng các

dây nhựa dẻo, các gia đình đứng ngóng cổ qua đầu các phóng viên, xô ngã các giá để chặn. “Phải đến cả ngàn người ấy.” Vincent hít một hơi dài, giọng nó giống như giọng trẻ con lạc đi vì sợ hãi.

Và thế là gia đình Cappadora không thể đậu xe gần lối vào nên họ phải chen lấn mãi mới đến được cửa nhà thờ khi chuông báo giờ lễ lúc mười một giờ vang lên. Không ai trong đám đông đang chen chúc ở đó nhận ra họ cho đến khi họ đặt chân lên ngưỡng cửa nhà thờ. Beth thấy thất vọng giùm cho giới báo chí; họ mong được thấy một cậu bé tóc đỏ, được hai bậc cha mẹ đang ngất ngây hạnh phúc dẫn vào nhà thờ thay vì một đứa đã lớn với cặp mắt lơ dờ đội mũ bóng chày ngược thẳm não, đi kèm hai bên là hai người đàn ông da ngăm thấp bé gần giống hệt nhau (một trẻ, một trung niên, với gương mặt rất hình sự), một người phụ nữ ngăm đen không có gì nổi bật với mái tóc hơi bạc mặc bộ quần áo rộng thùng thình và một cô gái tóc vàng hoe mặc váy ngắn mang vớ dài. Điều khiến Beth choáng váng là không hiểu vì sao nhà thờ lại chật ních không phải bởi những người lạ mặt tò mò mà là những gương mặt cô có thể nhận biết được. Mỗi gương mặt cứ tự động hiện ra từ quá khứ của cô và Pat. Cách thức thẩm tra nào có thể giải thích cho sự giống nhau của nó? Ta còn không thể nào biết được hết tất cả các gương mặt thậm chí trong một bữa tiệc cưới. Ai là người chỉ huy vụ này? Ai nhận diện được để chỉ cho những người có quan hệ với gia đình vào được trong nhà thờ? Mãi sau này Beth mới biết thật ra ở đó không có người gác cổng; bằng cách nào đó, những người biết họ nên vào đã vào được và chỉ trừ đám phóng viên, những người biết mình chỉ nên ngó qua, là không cố vào trong nhà thờ.

Khi Beth và Pat đi cùng lũ trẻ tiến lên phía trên nơi bà Rosie, ông Angela, ông Bill và Bick đứng, với Paul và Sheilah đằng sau, mặc quần áo lộng lẫy ngồi ngay ghế đầu tiên trong nhà thờ, họ đi qua rất nhiều những bàn tay chìa ra và những gương mặt ngược lên đăm đăm nước mắt. Bạn học và hàng xóm; dĩ nhiên là có cả Candy, cũng như những cảnh sát Beth chưa từng thấy họ mặc thường phục, thậm chí có nhiều người đã chuyển sang công tác khác từ lâu; cả một lô những bạn ở Madison: Laurie, đương nhiên rồi, đi cùng chồng con, và Rob cùng Annie Maltese và cả những người khác nữa – ông già mù

nơi góc phố, người đã cho Ben và Vincent kẹo bạc hà khi Beth đẩy chúng vòng quanh khu phố trên chiếc xe đạp ba bánh cách nay hằng bao nhiêu năm; và cả Linda, người hầu bàn cho nhà hàng Cappadora nữa.

Đầu lễ là bài thánh ca “Ôn Huệ Cao Vời,” và cha Cleary, người biết Beth và Pat từ lâu, không để lỡ phút giây nào, vào bài giảng ngay: “Hôm nay chúng ta hiện diện nơi đây vào giữa lịch phụng vụ còn được nói đến với tên gọi “thời khắc bình thường”. Có nghĩa là chúng ta không đi theo hay mong đợi một trong những ngày lễ lớn nhất trong nghi thức tế lễ của chúng ta. Nhưng rõ ràng đây là những dấu chỉ kể cả việc không còn một chỗ ngồi nào trống” – có tiếng cười nho nhỏ – “rằng đây không phải là một dịp bình thường; nó thật sự là một ngày lễ để tán dương, ca tụng chứ không chỉ để tái xác nhận đức tin của chúng ta – như một vài người trong số quý ông bà không nhớ, chúng ta làm điều này mỗi ngày Chủ Nhật...” mọi người lại cười lớn hơn – “nhưng để xác nhận lại sức mạnh của niềm tin và lòng khoan nhân của Chúa vượt quá sức mạnh mỏng manh của chúng ta mà chúng ta không thể hiểu hay nhận biết được. Hôm nay, chúng ta ca tụng, như chúng ta đã ngợi ca trong các bài thánh ca, lòng nhân từ của Chúa qua hình ảnh trở về của một đứa trẻ đã bị lạc mất nay lại được tìm thấy.” Cha Cleary khẽ đặng hắng và có vẻ căng thẳng, Beth thấy buồn cười quá vì ông cứ nhìn mấy cái máy ảnh chăm chăm và vì sự mâu thuẫn trong tư tưởng của ông. Cô thắc mắc không biết ông đã để chế độ thu sẵn trên tivi cho bản tin buổi trưa nay hay chưa.

Cha Cleary nói tiếp: “Chúng ta kỷ niệm, trước sự hiện diện của chúng ta đây, sự toàn vẹn của gia đình Cappadora và gia đình Kerry, hai gia đình đã gắn bó lâu đời với nhà thờ này, ngôi trường này, cộng đồng này, gia đình mà sự mất mát to lớn cách đây chín năm đã là một nỗi đau chung cho toàn thế giới, đồng thời là nỗi đau riêng cho chúng ta, những người biết bà Rose và ông Angelo, ông Bill và bà Evelyn, anh Pat cùng chị Beth – và những đứa trẻ tôi đã làm lễ rửa tội vào những ngày Chủ Nhật đẹp trời mấy năm trước đây. Như quý vị đã biết, con trai Ben của họ bị bắt cóc cách đây chín năm khi cháu mới lên ba – và, nhờ những gì chúng ta gọi là phép lạ thời hiện đại

cháu đã được đoàn tụ với gia đình cách đây vài tuần, không hề hấn gì, vẫn khỏe mạnh và bình an vô sự.

“Tôi không đề nghị gia đình Cappadora đứng lên, không phải vì tất cả quý vị đã biết họ, mà vì họ đã phải chịu đựng quá nhiều cuộc thẩm vấn, điều tra rồi. Nhưng tôi đề nghị quý vị cùng với lòng biết ơn và sự cậy trông đã giúp họ đứng vững – sự cậy trông giúp họ không dao động so với những người kém đức tin hơn chắc đã phải đầu hàng – mừng đón sự trở về của Ben...” Ông ngừng lại, liếc nhìn xuống dưới rồi ngược lên nhìn thẳng vào mặt Beth... “của Sam Karras Cappadora” – Beth thấy Sam ngay sát bên cạnh cô ưỡn thẳng người lên – “về lại với gia đình của cháu và về lại với cộng đồng dân Chúa chúng ta.”

Ông nói tiếp trong tiếng rì rầm tán thưởng của mọi người: “Dù không phải buổi lễ ban thánh thể nào tại nhà thờ Immaculata cũng được truyền hình khắp thế giới nhưng chúng tôi đã quyết định cho phép một số phương tiện truyền thông có mặt hôm nay tại nhà thờ của chúng ta, vì chúng tôi muốn những người không thể hiện diện ở đây hôm nay có thể chia sẻ trong cộng đồng dân Chúa này, trong buổi lễ đặc biệt này để xác tín sức mạnh của một cộng đồng và tấm lòng của nó.... Và chúng tôi cũng xin được phép nhắc nhở tất cả quý vị rằng ông Angelo và Patrick Cappadora và toàn thể gia đình lớn của họ kính mời quý vị đến dự bữa tiệc trưa tại nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ, số 628 đường Diversey, Chicago, tiểu bang Illinois, ngay sau lễ và rằng gia đình hy vọng tất cả quý vị sẽ đến chung vui. Còn bây giờ, tôi xin bắt đầu thánh lễ. Chúa ở cùng anh chị em.”

“Và ở cùng cha,” đám đông đồng thanh đáp.

“Hãy nâng tâm hồn lên,” giọng cha Cleary sang sảng cất lên.

Beth không biết điều gì đã khiến cô hơi quay lại liếc nhìn – có tiếng sột soạt dưới cuối nhà thờ ư? Hay vì vừa bắt đầu thánh lễ cô đã có cảm giác lo lắng vì đã lâu không đi lễ nên phải cố lắm mới hòa được vào buổi lễ?

Nhưng cô đã quay lại nhìn, và nơi hàng ghế bên trái, nhỏ thó trong bộ đồ màu xanh kẻ sọc thật mảnh là ông George Karras. Ông đứng cách xa cô

khoảng mấy mươi thước nhưng cô vẫn cảm nhận được sự bứt rứt đau đớn của ông, cảm nhận được rằng ông đang cố đứng yên, không đưa tay chỉnh cà vạt hay kéo lại ống tay áo. Cô không suy nghĩ thêm. Nếu suy nghĩ thêm, có lẽ cô sẽ nghĩ đến những điều đã ngăn không cho cô cất bước: cánh phóng viên nhà báo, sự giận dữ của những người trong nhà Cappadora, thậm chí nỗi buồn và cả lòng thương xót trong cô nữa.

Cô đứng lên, những cặp mắt tò mò dõi theo. Cô đi thật nhẹ về phía cuối nhà thờ rồi đưa tay ra; ông George, nghẹn ngào trong sự khiêm nhường và nhẹ nhõm, nắm lấy tay cô. Cô đưa ông về lại hàng ghế đầu tiên, và chỉ khi cô đi đến gần gia đình, trong mấy bước chân cuối cùng cô mới dám ngược lên – để thấy gương mặt của Sam, hướng về phía cô và ông George với một vẻ mặt cô chưa từng thấy.

Mãi về sau cô mới nghĩ ra, đó là sự hân hoan.

REESE

8

Vì muốn được ở một mình trong vài tiếng đồng hồ để thư giãn và dợt bóng, Reese cố gắng hết sức để không phải đi đến nhà hàng dự bữa tiệc trưa ồn ã náo nhiệt sau thánh lễ.

Nó lý luận rằng rốt cuộc thì bố cũng không biết gì về chuyện đã xảy ra ở trường với huấn luyện viên Teeter, cái lão mập chó chết đó; cho nên, trong đầu bố vẫn cho rằng Reese còn nghĩ đến chuyện tham gia đội bóng rổ vào mùa thu tới. Thì cứ để bố nghĩ thế đi – ý này khiến Reese rất vui – càng lâu càng tốt. Nó có đi đến cái chỗ chết tiệt nào thì hình như bố cũng nghĩ nó đi đến câu lạc bộ giải trí hay một nơi nào đó để tập luyện. “Con tập ném tự do đó hả?” – bố thường hỏi nó như thế chỉ để chứng minh rằng dù không ai trên cái xứ Bắc Mỹ này biết ngoài Sam ra còn có một đứa trẻ nữa trong gia đình Cappadora thì ít nhất còn có bố biết đến sự hiện diện của Reese.

“Dĩ nhiên rồi, bố. Con vẫn đang tập,” nó thường đáp thế.

Bố thường nói: “Con biết đấy, đội nào có những cú ném tự do tốt là đội đó thắng. Và khi đứng ở vạch ném tự do thì chiều cao không là cái đỉnh gì hết.”

“Đúng vậy ạ,” Reese thường tán thành thế. Lúc ấy trông bố rất hài lòng. Chỉ cần đề cập đến chuyện Reese làm được một điều gì “hữu ích”, như bố thường bảo thế, là đủ khiến mọi người không thắc mắc đến nó nữa. Mà nó cũng không mong gì hơn thế.

Nhưng hôm nay lẽ ra nó phải hiểu là không nên chơi cái trò úp úp mở mở đó với bố nữa; quả là ngốc vì những cuộc kiểm tra cầu thủ đã qua cả nửa mùa đấu rồi. Sẽ không có cách nào khác giúp nó thoát được cảnh ngộ này. Khi Reese đề cập đến chuyện đó thì bố nhìn nó, không phải với cái nhìn “Đi

đi mà, Vincenzo.” Nhưng là kiểu nhìn “Đừng qua mặt bố.” Và khi ấy thì không còn gì để nói nữa. Khi có chuyện thì bố cũng cứng đầu cứng cổ như con chó Pitbull ấy và chắc chắn một trong hai người sẽ phải là người làm bộ mặt hòa hoãn, giả lả vì lợi ích của cả hai.

Thật ra Reese cảm thấy hết sức tội nghiệp cho Sam vì trông nó thảm hại quá, cứ như nó đang phải mặc quần lót chật hơn tới sáu số ấy, mà ngay cả khi ra khỏi nhà thờ trông nó còn thảm sầu hơn sau khi ông già nhỏ con tội nghiệp George đó hôn lên trán nó và nói rằng ông sẽ không “làm phiền gia đình” trong buổi tiệc. Thiệt là ngu ngốc hết chỗ nói! Ông ta không biết là thằng nhóc đang bấn loạn vì phải xa cha nó hay sao? Ông George là người lớn, và ông cũng có thể dẫn lòng đến đó ăn một miếng xăn-guych để làm cho Sam đỡ đau khổ hơn chứ.

Trong khi đó, chú Joey và mấy người khác lại đang đứng bên ngoài nhà thờ khua tay múa chân, điều đó cho thấy là họ đang nói rằng ông quá trớ trêu khi đã xuất hiện tại nhà thờ – đúng là mấy người họ Cappadora! Dù gì đi nữa thì ông George cũng là chồng của con mụ khốn nạn đó! Có lẽ ông George cũng biết về những chuyện thường xảy ra khi chú Joey nốc vào một ít rượu Seven and Sevens ở dưới phố. Nói chung thì chú Joey cũng tử tế, nhưng lại là người bộp chộp. Reese nhận ra rằng khoảng sáu mươi phần trăm tất cả những người đàn ông nó biết đều như thế.

Khi họ lần lượt chui vào xe để trốn cánh phóng viên đang hò hét, Reese nghĩ thật lòng mà nói thì một vài điều cũng không đến nỗi tệ. Chuyện báo chí quả là quá chán dù có vài người, thậm chí kể cả Jordie, cũng rất ngây thơ khi xem việc được lên báo sẽ làm người ta cảm thấy rất quan trọng hay đại loại thế. Cũng may là vài tuần nay, Heather Bergman và khoảng năm con nhỏ bạn lấu cá y như nó đã quyết định trở thành những người bảo vệ Reese. Mấy em kia thì không sao chứ cái cách em Heather tóc vàng lắc lắc mái tóc khi quay đầu lại khiến Reese thấy mình quan trọng hẳn lên trong mười lăm giây. Trước kia con nhỏ luôn theo kiểu “Cappadora, cái gã du côn đó.” Giờ thì cô nàng lại theo kiểu “Em không biết là anh lại dễ bị tổn thương đến thế, em không hề biết anh đã phải chịu đựng nhiều đến thế...” Từ xưa đến giờ cô

nàng sống ở đâu chứ, ở Zaire à? Tuần trước, khi cả hai từ thư viện đi bộ về nhà, sau khoảng hai tiếng đồng hồ vừa phải khổ sở nhồi vào đầu mớ bong bong ngày tháng của cuộc Nội chiến vừa hít cái mùi thơm ngậy ngất bay ra từ nơi cổ áo len hình chữ U của Heather, Reese đã đẩy cô nàng vào tường của phần thư viện xây chưa xong (cô nàng không hề kháng cự), và trong suốt cuộc âu yếm nhau kéo dài có lẽ khoảng hai mươi phút đó, nó vẫn chưa thật sự sờ soạng Heather ngoại trừ việc cánh tay của nó đã đụng chạm một cách lộ liễu, dù trước đó chắc con nhỏ nghĩ nó chỉ dám đưa tay lên sờ má là cùng.

Ít ra thì nó đoán con nhỏ tưởng thế thôi. Hay bọn con gái đều biết chính xác những gì ta đang làm nhỉ? Hay chỉ giả vờ là không biết gì? Và sau đó con nhỏ chỉ nói: “Reese, anh thật là tuyệt,” thay vì tỏ ra cũng muốn quặp đôi chân quanh hông nó; chuyện đó thì cũng được đi, càng lâu càng tốt.

Nhưng cái vụ này. Mẹ kiếp. Khi họ đến bãi đậu xe của nhà hàng Đám Cưới thì phía trước nhà hàng đầy những xe Cadillac cũ ở Chicago.

Họ cố len qua một đám phóng viên khác để vào bên trong. Luôn luôn là thế, lần nào bước vào nhà hàng Reese cũng ngạc nhiên trước vẻ hoành tráng rất hoàn hảo của nó. Lần này nó có cảm giác thú vị khi quan sát Sam – thằng nhóc chưa được thấy nhà hàng này – ngắm nó ngược lên chiêm ngưỡng những cửa sổ lắp kính màu với những bông hoa hồng và những bức tranh sao chép những phụ nữ (Reese nghĩ họ đều đẹp dù có hơi gàn dở một chút), Juliet và thánh Lucia và một người mà nó luôn nghĩ là nữ thánh vùng Tuscan trong cuộc giao hoan. Nó không hiểu sao lại có những phụ nữ trong diềm ở mái hiên của nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ, và nó luôn nghĩ điều đó làm cho nhà hàng hơi giống như chỗ đi dạo bằng thuyền của khu Cướp biển Caribê tại Disney World vậy; nhưng mọi người hình như đều rất thích hoặc cười thầm khi thấy chúng, hay cả hai. Nó đi theo thằng nhóc quanh mấy dãy bàn được phủ vải lanh, trong khi Sam trở mắt ngắm những bức tranh trên tường rồi ngừng lại thật lâu trước bức Gian Carlo Menotti – nó có thật sự nhận ra được gương mặt nó không nhỉ? Rồi Reese nắm cánh tay Sam đưa nó ra quầy rượu, nơi mô hình đài phun nước Trevi với thủy

thần Neptune đang phun rượu sâm banh từ một bình có tay cầm trong cánh tay của vị thần biển. Chúng bắt Scottie phải đưa cho chúng một ly rồi chuyền tay nhau mỗi đứa tợp một ngụm. Đó là thứ rượu rẻ tiền – ông nội Angelo luôn đòi phải thiết kế sao cho rượu Moet et Chandon không chảy qua mấy ống bằng nhựa dẻo. Nhưng hình như Sam có vẻ thích thứ rượu này.

Và rồi dĩ nhiên tụi nó bị mẹ bắt quả tang đang uống rượu nên mẹ chộp lấy cái ly, thế là chúng đành phải đứng loanh quanh ở phòng treo mũ áo nơi rất nhiều họ hàng của chúng đi qua. Nhà hàng này đã được thiết kế sao cho nó trông như thể đó là buổi tối rất quan trọng, một tối thứ Bảy, khi người ta đưa những người họ hàng từ xa đến để tham quan. Thường thì chỉ có một cô dâu và một chú rể, nhưng hôm nay có những hai người: cô dâu xinh đẹp dễ thương, trông sẽ giống cô chị họ Moira của nó khi trưởng thành, và một cô gái cực hấp dẫn, trông như người mẫu chụp trong các số báo về áo tắm của *Sports Illustrated* ấy. Nó chợt nhớ ra tên cô gái đó, Claudia. Có hai người khác nữa nhưng nó không tài nào nhớ ra là ai. Nó khá chắc chắn rằng hai trong số ba chú rể là dân đồng tính – thậm chí một người là vũ sư – nhưng trông họ đều vạm vỡ. Trong hai người có mặt hôm nay, một người bị ông nội Angelo hay gọi lén là “quân phát xít” vì trông gã rất giống thằng cha đóng trong phim *Giai Diệu Hạnh Phúc*.

Lúc mẹ thực sự bình tĩnh lại để đi vào phòng tiệc thì tất cả các bàn đều đã đầy khách. Mọi người đã bắt đầu ăn rồi.

Mẹ nói: “Vincent, lại đây. Mẹ muốn cả nhà cùng đi vào với nhau.” *Gì mà ghê thế, mẹ*, Reese nghĩ. *Khỉ thật. Thôi kệ*. Nó quay lại tìm Sam đang đi loanh quanh với Kerry dưới mấy cái giá treo áo choàng. Vóc dáng nó làm người ta lầm đấy thôi: nó vẫn chỉ là thằng bé con mười hai tuổi mà. Reese lại thấy động lòng trắc ẩn.

Khi họ từ quầy rượu đi vào phòng tiệc, vị nhạc trưởng thấy họ nên chơi bản “Sẽ mãi yêu em”. Reese nghĩ bài này chẳng tác dụng gì đối với mọi người trừ việc làm những người đang nhai xúc xích bắt đầu khóc om sòm; thậm chí cha Cleary cũng đầm đìa nước mắt.

Tuy nhiên bài hát làm mọi người đứng cả lên và vỗ tay. Và khi họ đã bắt đầu vỗ tay thì dường như họ sẽ không ngừng nữa.

Sam hơi nghiêng đầu vào vai mẹ, còn Reese cố lấy vẻ tự nhiên bước tới một bước để che cho Sam khỏi bị đám đông dòm ngó. Nhưng mọi người cứ tiếp tục vỗ tay và reo hò thật lâu, để chừng cũng phải đến sáu tiếng đồng hồ ấy, còn ban nhạc cứ chơi những bài hạng bét như “Danny Boy” làm mọi người càng la hét ầm ĩ hơn. Reese nghĩ nó sắp nôn thốc nôn tháo ra mất. Thậm chí nó thấy mình cũng muốn hét lên.

Nhưng cuối cùng, Billy, người nhạc trưởng cũng ra hiệu cho mọi người yên lặng rồi chỉ nói: “Chúc mừng cháu đã trở về nhà!” *Không nêu tên ra, ôi, cảm ơn Chúa.* Không ai biết chính xác phải gọi Sam là gì. Và Sam hơi giơ tay vẫy chào, thế là mọi người lại vỗ tay rầm rầm thêm nữa rồi mới ngồi xuống để ăn. Thế là tốt rồi, vì Reese, thường thì ăn rất ít, cũng đang đói cồn cào. Và Sam đang ăn như thể ngày mai món ravioli sẽ bị cấm tiệt vậy.

Khi món bánh ngọt tráng miệng tiramisu nổi tiếng của Ý và bánh ốc kem được dọn ra thì những người phục vụ bắt đầu dọn mấy cái bàn ở hàng đầu lui lại để lấy chỗ làm sàn nhảy – *hết biết*, Reese nghĩ, *họ sắp sửa quây rồi đây.* Cô dâu đầu tiên, cái cô giống chị họ nó ấy, đã nhắc đuôi áo cưới và đang chuẩn bị nhảy với chú rể đồng tính. Những gì họ làm trước tiên, vào một đêm tiệc cưới bình thường, là tắt bớt đèn đi để cô dâu và chú rể nhảy bài “Bình Minh, Hoàng Hôn,” thường thì ông nội Angelo sẽ chen vào để đóng vai bố. Thịnh thoảng bố Reese cũng vào nhảy dù bố không thích khiêu vũ. Giờ thì họ đang nhảy, và rồi đèn sáng trở lại và cô dâu nhắc váy lên. Cô dâu hiền dịu kia chỉ nhắc lên một chút thôi; nhưng Claudia, giờ thì Reese nhớ chắc tên cô ta rồi, tốc lên hơi cao, để lộ hết cả nịt bít tất nơi đùi cô ta. Nó biết ngay họ sắp nhảy điệu tarantella, và y như rằng, chỉ một lát sau cả nửa căn phòng đã ào ra tham dự vào điệu nhảy.

Reese luôn nổi điên lên khi thấy những ai không phải người Ý nhảy điệu tarantella; cũng giống như xem những người không phải dân Ba Lan hoặc kết hôn với người Ba Lan nhảy điệu pônca vậy. Họ nghĩ rất đơn giản: bạn

chỉ việc đứng đó rồi đá chân lên, hết chân nọ đến chân kia – boomba boomba boomba boom – trong khi thật ra bạn phải biết các điệu bước. Từ bé Vincent đã biết hết các bước nhảy đó nhưng thà chết chứ nó không ra nhảy. Tuy vậy nó cũng rất ngạc nhiên khi thấy bố đã ra sàn nhảy, hai bàn tay xò ra đặt lên hông, theo đúng quy cách, thay vì chỉ chống tay lên eo, cái cách bà nội Rosie hay làm khi bà nổi giận – giống như tất cả mọi người thường làm khi nổi giận ấy. Thật ra, hồi mới mở nhà hàng, ông nội đã phải cho điếm một cô dâu thật sự xinh đẹp chỉ bằng một cô hầu bàn vì cô này không nhảy được điệu tarantella; ông nội cho rằng một “phụ nữ thật sự” phải là người biết nhảy tarantella.

Dầu vậy, hôm nay, cô dâu giống chị họ Moira rất thon thả, đôi giày bằng xa-tanh lượn chóp uyển chuyển và trong khi mọi người đang mệt lử, thở không ra hơi thì ban nhạc bắt đầu chơi nhanh hơn, và bố ra hiệu cho Sam cũng đứng dậy và nhảy. Reese nghĩ chắc nó sẽ phải xấu hổ đến tè ra quần giùm cho thằng nhóc. Nhưng Sam, vẫn lịch sự như từ hồi nào tới giờ, đã đứng lên, thăm thì gì đó với bố và bố ra hiệu cho nhạc trưởng. Billy ngưng ngay lập tức. “Con trai tôi không biết nhảy điệu tarantella, nhưng cháu biết nhảy điệu miserlu.” Bố ngưng lại rồi cúi xuống nghe những gì Sam nói. “Điệu sertu – có nghĩa là “cái đuôi”. Anh biết đánh điệu đó không?”

“Dĩ nhiên là biết chứ.” Billy mỉm cười và bắt đầu thật chậm. Bài “Không bao giờ vào Chủ nhật.” Ông nội Angelo bước tới đưa Sam một cái khăn tay bằng vải lanh thật lớn có thêu hai mẫu tự A và C màu đỏ. Reese biết đây sẽ là một phần trong điệu nhảy vì nó đã được xem một đám cưới Hy Lạp trên tivi rồi. Sam đứng đó, tay cầm chiếc khăn rồi nhìn quanh cho đến khi – *Lạy Chúa*, Reese nhủ thầm, *không đời nào* – mẹ nó cũng đứng dậy rồi bước tới, chìa tay ra. Sam bắt đầu chỉ cho mẹ các bước nhảy, thật chậm, chân phải đưa qua trái, đưa ra sau, nhảy lên một chút và quay. Mẹ khiêu vũ không giỏi nhưng trông mẹ hơi mơ màng, như thể mẹ đang ngà ngà say; và trông mẹ đẹp quá. Rồi bố nắm tay mẹ, còn Sam thì chỉ cách đưa tay cao lên, làm

thành hình vòng cung, và ông nội Angelo đỡ bà nội Rosie đứng lên... chừng đó cũng đủ khiến người ta há hốc miệng ra rồi.

Chỉ thoáng một tí là mẹ hiểu ngay. Mẹ đang đưa thân mình và nghiêng người thật duyên dáng, hai vai mẹ đu đưa nhẹ nhàng, mẹ ngược lên cười với bố và rồi cũng phải đến năm mười người làm thành mấy vòng tròn đồng tâm trong đó Sam làm tâm điểm, vẫn đang hướng dẫn, đang cầm chiếc khăn tay, thậm chí còn cười to nữa, mái tóc hoe hoe đỏ của nó ướt đẫm mồ hôi. Nó thấy Reese đang nhìn và nó tỏ ý ngạc nhiên.

Ôi chà, Ben, Reese nghĩ. Nó không nhìn thẳng nhóc nữa mà nhìn lên mấy bức họa trên tường. Nó nhìn vào gương mặt của Ben, gương mặt thánh thiện khôn ngoan đang tỏ vẻ kinh ngạc của một đứa bé tàn tật được nhìn thấy Chúa, và rồi nó nhìn hình nó, gương mặt nó lộ vẻ kiêu hãnh và có lẽ đẹp hơn nó ngoài đời, nhưng đã được vẽ để tượng trưng cho một gã vô lại nào đó chỉ biết dụ dỗ một cô gái đẹp người Nhật tự tử mà thôi.

Reese quay lưng bước thẳng ra quầy rượu để xem có thể thuyết phục Scottie cho nó thêm ly sâm-banh nào nữa không.

BETH

8

Beth quên cả ngồi xuống thậm chí sau khi cô y tá và nhân viên tòa án đưa Cecilia vào rồi đặt cô ta ngồi trong khu vực riêng bên cạnh các luật sư của cô ta.

Chỉ khi Beth thấy Pat bực bội giật giật cổ tay cô thì cô mới biết rằng giới báo chí, các viên chức và thẩm phán Sakura đều đã ngồi xuống. Vị thẩm phán, một người đàn ông Châu Á còn trẻ, đang nhìn cô chờ đợi, gương mặt ông ta lộ rõ vẻ vô cảm. Beth buông người đánh phịch xuống và nhắm mắt đau đớn khi xương cụt của cô chạm phải mép chiếc ghế dài, và cô nghe rõ tiếng chỉ bung ra rẹt rẹt nơi gấu váy của cô.

Tuy nhiên, chỉ cần hơi ngھnh cổ tới trước một chút là có thể thấy gương mặt đẹp như thiên thần của cô y tá, và xa hơn chút nữa là Cecil. Nếu không được báo trước về Cecil có lẽ cô chỉ nhận ra cô ta nhờ bộ quần áo tù màu cam, giống như đồng phục của các bác sĩ giải phẫu, người duy nhất trong phòng xử án không mặc quần áo đẹp dành-chongày-Chủ-Nhật.

Không chỉ thay đổi mà Cecil đã hoàn toàn khác xưa.

So với một Cecil thanh mảnh ngày trước như Beth vẫn nhớ thì bây giờ cô ta nung núc những thịt là thịt, da căng nứt ra. Người ta vẫn có thể thoáng thấy cái cằm, hai cổ tay và khung xương mỏng manh hoàn hảo của Cecil, nhưng giờ đây cô ta trông như hình ảnh của một người đứng trước gương trong nhà cười, một Cecil-đồ-chơi-nhồi-bông đang mê mải nhìn cô y tá.

Beth đã nghĩ mình sẽ thương hại Cecil hoặc sẽ nổi xung lên, hay đại loại thế. Nhưng giờ đây, trong cô chỉ còn sự tò mò. Cô muốn lần lượt mở banh Cecil ra như một con búp bê matruschka, hết con này đến con khác, để tìm cho được người đã đánh cắp con cô, và bên dưới vỏ ngoài đó là một cô gái

quý tộc, tài năng, khinh người, khi xưa là một đứa trẻ lảng giềng tò mò tọc mạch, luôn chĩa mũi theo dõi Ellen.

Nhưng Michele Perrault, luật sư của Cecil, đã đứng lên – nhỏ con với mái tóc đen cắt ngắn cùng bộ quần áo lờ lợt như của một người hát rong thời Trung Cổ – và công tố viên cũng thế, cả hai đều đeo chữ lủng lẳng hai bên hông như hai khẩu súng lục. Đó là vị luật sư đại diện danh giá nhất của luật sư đoàn chỉ vì đây là trường hợp của Ben Cappadora, và báo chí từ Boston đến Brisbane ngồi chen chúc như cá mèi trong phòng xử án và xem truyền hình trực tiếp trong hai căn phòng khác dưới hành lang, ngồi tràn cả ra ngoài cửa, ra ngoài bãi cỏ mãi đến tận lề đường, một dòng suối người dưới ánh nắng mờ sương của mùa hè.

Michele Perrault lên tiếng: “Thưa quý tòa, tôi đã làm nghề này được khá lâu rồi...”

Thẩm phán Sakura mỉm cười nói thật dịu dàng: “Tất cả chúng tôi đều biết cô là một luật sư biện hộ có thâm niên trong nghề, thưa cô Perrault. “

Perrault cũng dịu lại và liếc quanh thẹn thùng như thế vừa nhận ra mấy chiếc máy thu hình, những cái bút bất động và các họa sĩ đang tíu tít phác thảo.

“Tôi đã làm nghề này được khá lâu rồi,” Perrault lại bắt đầu. “Và tôi cũng đã trải qua rất nhiều thời gian với thân chủ của tôi, bà Karras đây, trong nhiều ngày gần đây rồi.”

“Và...?” ông Sakura vừa hỏi vừa viết nguệch ngoạc.

“Và tôi không có được chút kết quả nào, không moi được thông tin gì từ bà. Điều đó khiến tôi tin rằng bà không hiểu chút gì về những lời buộc tội mà bà đang phải đối mặt. Tôi cũng nghĩ bà không thể tự biện hộ cho mình. Thường thì tôi luôn có được phản hồi từ bất cứ khách hàng nào của mình dù họ bị thiếu năng không nhiều thì ít. Nhưng vị thân chủ này không cho thấy dấu hiệu nào chứng tỏ bà nhận biết có người đang nói chuyện với mình.”

Thẩm phán Sakura nói: “Tôi có thể hiểu được điều này nhưng cô có tài liệu gì về tiền sử bệnh tâm thần của bà Karras để chứng minh cho ý kiến của cô không?”

Perrault mau mắn đáp: “Có, thưa quý tòa. Tôi mang cho ngài được chứ?” Vị thẩm phán gật đầu, Perrault mang đến một tập giấy. “Đây là những giấy tờ mà các bác sĩ tâm thần đã điều trị cho bà Karras tại bệnh viện Silvercrest cung cấp.”

“Trong suốt bốn năm qua à?”

“Thưa ngài, cả trước đó nữa ạ. Bà Karras đã phải ra vào bệnh viện cả thảy tám lần, từ vài ngày đến vài tháng và đã phải trải qua những đợt uống thuốc cũng như các đợt điều trị tâm lý khác cho bệnh trạng của bà.”

“Điều trị bệnh gì chứ?”

Sau này Candy thường kể lại với Beth rằng ngay lúc đó công tố viên lên tiếng như thể ông ta đơn giản cần phải tiểu vào gốc cây để chứng tỏ rằng ông ta đang có mặt ở đó. “Tôi hoàn toàn không đồng ý, thưa quý tòa, cô ta không phải là một bác sĩ, và không đủ tư cách để miêu tả...”

Perrault nói với ông ta: “Tất cả đều có trong tài liệu, thưa ông. Nói theo ngôn ngữ dễ hiểu thì bà Karras bị rối loạn tâm lý.”

Perrault đọc từ bản sao của cô: “Bà Karras có một tiền sử lâu dài mắc bệnh rối loạn tâm tính, từ thời niên thiếu, và trong suốt sáu năm qua có biểu hiện không di chuyển được, khi có khi không, và bị mãn tính từ cách đây bốn năm,” Perrault đưa tay về phía Cecil đang ngồi ngay đơ, thất thần trên ghế – “Từ đó trở đi, bệnh tình của bà cứ thế, không thuyên giảm mà cũng không nặng thêm.”

“Đương nhiên là tôi sẽ phải nghiên cứu những tài liệu này,” thẩm phán Sakura nói. “Tôi rất tiếc phải ngắt lời cô, cô Perrault ạ. Nhưng tôi cần biết là vị bác sĩ đang điều trị cho bà ấy có mặt ở đây không, và liệu ông ấy có thể giải thích cho chúng ta về tình trạng của bà Karras vào thời điểm vụ bắt cóc xảy ra hay không.”

Perrault nói: “Ông ấy đang có mặt ở đây nhưng ông không phải là bác sĩ điều trị cho bà Karras vào thời điểm đó. Bác sĩ của bà ấy lúc đó là một bác sĩ điều trị tâm thần ở Minneapolis nơi bà Karras đi đi về về trước khi kết hôn với ông Karras, sau khi ly dị với ông...” cô đi trở lại chỗ để hồ sơ của mình và lấy ra một tập hồ sơ – “ông Adam Samuel Hill, một nhà viết kịch bản mà bà Karras đã kết hôn được... à, tổng cộng là ba năm. Vị bác sĩ điều trị đó là một phụ nữ khoảng sáu mươi tuổi, đã chết cách đây hai năm, thừa quý tòa. Trong cuộc hôn nhân lần thứ hai bà Karras không phải vào bệnh viện. Và người chồng trước của bà Karras...”

“Ông ta có mặt ở đây không?”

“Thưa quý tòa, ông Hill bị mắc chứng xơ cứng màng tế bào. Nhưng tôi có một bản khai có tuyên thệ của ông ấy về những vấn đề xúc cảm khó trị của Cecilia trong khoảng thời gian họ kết hôn. Ông ấy rất tiếc vì bệnh tình đã không cho phép ông đi một chặng đường xa để đến đây dự phiên tòa này.”

“Chúng ta có nhân chứng nào khác không?”

“Mẹ của bà Karras, bà Sarah Lockhart, hiện đang có mặt tại đây. Xin ông cho phép tôi được đề nghị bà miêu tả tâm trạng của con gái bà vào thời điểm xảy ra vụ bắt cóc được không ạ?”

Thẩm phán Sakura đưa mắt nhìn công tố viên. “Ông không phản đối chứ?”

“Thưa ngài, tôi tiếp tục phản đối. Tôi phải nói rõ rằng tôi không biết liệu mẹ của bà Cecilia Lockhart Karras có giấy ủy nhiệm nói rõ bà là nhân chứng chuyên về y học không.”

“Ông biết là phiên tòa này không xem bà ấy là nhân chứng chính thức mà.”

“Xin cảm ơn ngài.”

“Không có chi,” vị thẩm phán gật đầu với Perrault và cô đề nghị cho mời bà Sarah Lockhart.

Khi người phụ nữ lớn tuổi thanh mảnh đi thật nhanh và thật khẽ khàng từ mấy hàng ghế cuối của căn phòng thì người nhân viên tòa án – người mà Beth đã nghe Candy gọi là “Elvis” dù cái bảng tên bằng đồng của ông ta lại ghi một tên khác – quay sang viên thư ký để bắt đầu tiến hành thủ tục tuyên thệ. Beth để ý thấy họ không sử dụng Kinh Thánh. Cô nghĩ chắc thủ tục đó đã bị bỏ.

Cô vẫn nhận ra bà Lockhart dù không gặp bà đã hai mươi năm nay. Beth nhìn kỹ gương mặt người phụ nữ lớn tuổi đó trong khi Perrault giải thích rằng bà Sarah đã thiện chí cộng tác như thế nào, và đã sốc vì hoảng sợ như thế nào khi biết cháu ngoại mình lại là một đứa trẻ bị đánh cắp. Bà đã giúp đỡ nhiều đến thế nào trong vai trò người giám hộ hợp pháp của Cecil để lấy những hồ sơ bệnh lý của Cecil.

Và bà lấy làm tiếc cho gia đình Cappadora như thế nào....

Vị công tố viên khó chịu xen vào: “Tất cả chúng ta đều biết rõ tâm trạng của bà Lockhart mà.”

Perrault bèn vào đề ngay; cô hỏi bà Lockhart liệu bà có biết rõ đứa bé có tên là Sam Karras không.

Bà ta đáp nhỏ: “Thật sự là tôi biết rất rõ. Nó là cháu ngoại tôi mà.” Rồi bà ta nhìn thẳng vào mắt Beth, và Beth nghĩ *Một ngày nào đó Cecil sẽ giống như thế này đây nếu cô ta đã được tiêm thuốc tâm thần – hơi bệ vệ và rất Mỹ, không còn có vẻ nghệ sĩ nữa, giống một mệnh phụ làm trưởng nhóm đọc sách năng nổ nhất của thành phố.* Cặp mắt bà Sarah Lockhart nhìn Beth van nài: “Tôi không thể nào tưởng tượng được rằng thằng bé không phải là con của Cecilia. Đứa con do chính Cecilia rút ruột đẻ ra.”

“Nhưng bà không có mặt khi đứa bé được sinh ra – đứa bé mà con bà đưa về bảo là cháu ngoại bà ấy.”

“Vâng. Tôi và nó... Cecilia không có quan hệ tốt với bố nó cũng như với tôi. Khi nó còn bé, chúng tôi thấy nó rất dễ bị kích động... Khi thì nó nổi cơn

thịnh nộ, lúc nó lại ngoan ngoãn, chúng tôi cho đó là tính khí của một nghệ sĩ....”

Mãi đến khi bà Sarah Lockhart bắt đầu kể lại mọi chuyện – nói theo kiểu của bà Rosie, vòng vo tam quốc, không đầu không đuôi, và chẳng chi tiết nào ăn nhập với chi tiết nào – thì Beth mới nhận ra rằng sẽ không có được chút manh mối nào hết. Không thể có được chút ánh sáng nào.

Qua cuộc điều tra dài đằng đẵng cả một mùa hè ấy, bản thân Beth bắt đầu biết khá rõ về Cecil cũng như gia đình đã nuôi dạy cô ta.

Nghĩa là... chẳng có gì hết.

Vì thế Beth chỉ mơ mơ màng màng nghe – do hơi nóng tỏa ra từ hàng trăm con người trong phòng xử án – những thông tin ít ỏi về Cecil trong khi mẹ cô ta, công tố viên và Perrault hiểu hết: ba cuộc hôn nhân đầu tiên của cô ta, tất cả họ đều là típ người nghệ sĩ, không cuộc hôn nhân nào kéo dài quá hai năm. Và điều sự thật đáng buồn là trong tất cả mấy người chồng ấy, gia đình Lockhart chỉ thật sự gặp mặt mỗi mình ông George.

Beth nghe nói đến những người bạn mà cảnh sát đã cố tìm họ trong những lần Cecil bay đi bay về giữa Minneapolis, California, và New York. Bạn ư? Không ai từng ăn bữa nào với Cecil dù vài người hàng xóm ở chung trong khu căn hộ với cô ta ở Minneapolis nhớ rằng họ có thấy cô đi chung với một thằng bé. Họ dường như đều nhớ cô nói nó là cháu cô. Hy vọng thật sự và cũng duy nhất là một nhà thiết kế mà Cecil vẫn giữ liên lạc từ khi còn học đại học, đã chết năm ngoái vì bệnh AIDS, và người yêu của ông ta cũng thế.

Thậm chí Beth cũng không tỉnh ngủ được khi bà Lockhart bắt đầu thút thít, lúc mô tả phản ứng của Cecil khi Adam Hill, “một nhà phê bình kịch nghệ, rất được trọng vọng, lớn tuổi hơn nó rất nhiều” – thành linh cặp kè với một nữ vũ công trẻ hơn.

“Đó là một trong những lần rất ít ỏi tôi thấy Cecilia tâm sự hết với tôi,” bà Sarah Lockhart nói. “Nó rất đau khổ. Nó nói nó thấy bị lợi dụng. Adam không muốn nó già đi, hay thậm chí không muốn nó trưởng thành nữa, mà

lúc đó nó chưa đầy ba mươi. Dĩ nhiên là mọi người đều nghĩ nó trẻ hơn nhiều.” Bà Lockhart bắt đầu khóc to hơn. “Và tôi cố an ủi nó, cố giải thích cho nó biết rằng có những bù trừ tốt đẹp khác khi người ta già đi. Nó sẽ gặp được một người chồng tốt và có một đứa con... nhưng rõ ràng là nó đã không thể có được.” Bỗng dưng bà nhìn Beth và Pat rồi nói chậm chậm: “Tối qua tôi với bố nó cũng nói về chuyện này. Từ khi bị đột quy, chỉ có tôi là người hiểu Charles thôi, và chúng tôi hiểu vì sao nó đã làm chuyện đó, chỉ vì nó đã bị sảy thai...” Beth hơi chồm tới phía trước, hai cánh tay cô rần rần cảm giác nhoi nhoi và chỉ biết Candy đang ngồi ngay bên cạnh, chột ườn thẳng người lên đưa tay nắm lấy thành ghế trước mặt cô.

“Sảy thai à?” vị công tố viên vừa nói vừa ngược lên nhìn Perrault, lúc này cổ cô ta cũng đỏ rần rần như chiếc khăn quàng của cô vậy.

“Tôi không biết chuyện này. Thưa quý tòa, tôi...” Perrault nói.

Thẩm phán Sakura gỡ cặp kính gọng vàng ra xoa xoa mắt. “Bà Karras có được khám bệnh thường xuyên khi đang được giám hộ không?” Các luật sư lục tìm trong đồng giấy tờ.

“Có rất nhiều xét nghiệm về thần kinh; chúng tôi có tất cả các kết quả đây, và những kết quả này luật sư đoàn cũng có rồi,” công tố viên vội vàng nói.

“Khám sức khỏe à?” vị thẩm phán lại kiên nhẫn hỏi.

“Chúng tôi rất lo về tình trạng tâm thần cũng như các cảm xúc của bệnh nhân...” công tố viên đáp nhỏ.

“Điều đó có thể cũng bị ảnh hưởng bởi nỗi đau thể xác của cô ấy,” vị thẩm phán thở dài nói. “Bà Lockhart, bà đã quên không khai với cảnh sát là con gái bà bị sảy thai à?”

“Không.”

“Vậy tại sao cô Perrault lại sốc khi nghe tin này?”

“Tôi đã không nói với họ.”

“Tại sao thế?” thẩm phán nhẹ nhàng hỏi.

“Vì tôi không chắc lắm. Giờ phút này tôi vẫn không biết mà. Lẽ ra Charles và tôi phải đưa vấn đề này ra, nhưng rồi chúng tôi nghĩ là không nên.”

“VẬY THÌ, TÔI XIN LỖI, THƯA BÀ LOCKHART, TÔI KHÔNG HIỂU Ý BÀ.”

“Tôi cũng không hiểu được, thưa quý tòa,” Perrault chen vào nhưng ông ta nhìn cô dò hỏi khiến cô nín bặt.

Sarah Lockhart nài van: “Xin quý vị hiểu cho. Chúng tôi chỉ gặp con gái... có lẽ khoảng ba lần trước khi nó trở lại Chicago với Sam. Thậm chí nó cũng không về nhà khi bố nó bị đột quỵ lần đầu tiên đến suýt chết dù sau đó ông đã hoàn toàn bình phục lại...” Sarah Lockhart hít thở thật khó khăn, và Beth thấy mình đang gắng sức truyền sự bình tĩnh sang cho người đàn bà qua cái khoảng không gian ít ỏi đang chia cách họ. “Dù đã cố hết sức nhưng tôi chỉ nói với nó được có một lần sau cái đêm nó bảo tôi là Adam đang bỏ rơi nó.”

“RỒI SAO NỮA?”

“Và rồi, nó nói lý do ông ta bỏ nó là vì nó có thai, và rồi nó sẽ... già đi và béo ú ra.”

“VÌ THẾ BÀ ĐẾN VỚI CÔ ẤY?”

“Không, vì bỗng dưng nó lại nói nó không còn có thai nữa; nó đã bị sảy thai! Thế là tôi không gặp nó mãi cho đến khi chính quyền địa phương liên hệ với chúng tôi và nói rằng nó đang ở Bellevue; quý vị đã đến đó bao giờ chưa?” Bà Lockhart nhăn mặt; đã lâu rồi, Beth nghĩ, *nhưng có lẽ cũng chưa lâu lắm*. “Tình trạng của Cecilia sắp sửa giống như bây giờ, ngoại trừ một điều là hình như nó nhận ra tôi, nó có siết tay tôi một chút. Và các y tá không thể moi được thông tin gì từ nó cả. Họ đã cố tìm một ai đó để giúp nó, nhưng nó... nó cứ câm như hến.” Đôi bàn tay búp măng của bà làm thành hình một con sò nhỏ. “Rốt cuộc thì chính cảnh sát đã tìm được chúng tôi, tìm ra địa chỉ của chúng tôi, vì Cecilia đã bị lấy vân tay khi còn trẻ, bị bắt trong một cuộc biểu tình hay vụ gì tựa tựa thế, chứ không phải là việc phạm pháp.”

Beth nghe thấy Candy thở hắt ra, và liếc thấy đặc vụ FBI Bender đơ ra như phỗng.

“Vậy thì khi bà nói chuyện với cảnh sát và các điều tra viên đến từ văn phòng luật sư địa phương, bà nghĩ không nên đưa vụ sẩy thai này ra....”

“Tôi không biết là nó có bị sẩy thai không nữa! Không ai có thể biết những gì Cecilia nói là thật hay giả cả!” Sarah Lockhart ùng ùng nổi giận – lần đầu tiên – và nói. “Tôi chỉ biết rằng con tôi đang trôi tuột vào trong miền tăm tối, và tôi cùng với chồng phải quyết định mọi chuyện về việc có nên để họ gắn điện cực vào đầu nó hay bỏ nó vào bồn tắm toàn nước đá hay không....”

Vị thẩm phán nhỏ nhẹ ngắt lời: “Bà Lockhart, bà có cần nghỉ một chút không?”

“Không,” bà ta kiên quyết nói.

Perrault, sững sờ, có vẻ như sự tình nói: “À, vậy thì, thưa bà Lockhart, như bà đã nói với cảnh sát, bà tin rằng khi Cecilia xuất hiện vào năm 1985 với... Sam, rằng nó là con của cô ấy. Chuyện đó làm sao có thể được nếu bà nghĩ cô ấy đã sẩy thai?”

Sarah Lockhart nài van: “Thôi đi mà. Tôi rất yêu nó, đến bây giờ tôi vẫn yêu nó. Cô không hiểu à? Nếu tôi hỏi nó một câu nó không thích thì nó dọa sẽ tự tử hay sẽ không bao giờ nói chuyện với chúng tôi nữa... và chúng tôi biết nó nói là nó làm.” Bà liếc nhìn đôi tay mình. “Khi nó nói nó và Adam đã thật sự quay lại với nhau và có một đứa con nhưng rồi lại chia tay thì nghe cũng có lý. Khi nó nói tòa án đã trao quyền giám hộ cho Adam vì nó bệnh nặng quá không thể chăm sóc thẳng bé được... thì tôi đành phải tin chứ biết sao bây giờ? Nó có vẻ xấu hổ lắm.”

“Nhưng khi cô ấy bệnh nặng quá không thể chăm sóc đứa bé được thì sao nữa?” Perrault đánh bạo hỏi.

“À, sau đó nó khỏe lại! Nó có vẻ ổn và là một bà mẹ tốt dù đứa bé vẫn mắc cỡ với nó... à, tôi cho đó là vì nó phải làm quen lại với mẹ nó sau khi đã

sống quá lâu với bố.”

“Thế thì tại sao bà không nhờ Adam xác nhận lại chuyện ấy?”

Sarah nhìn cô luật sư với vẻ khinh bỉ ra mặt. “Cô Perrault này, tôi chưa từng gặp người đàn ông đó. Hẳn bỏ rơi con tôi một mình, và... và lại đang bụng mang dạ chửa, khiến con nó chết. Tại sao tôi phải nói chuyện với hẳn chứ?” Perrault lúng túng: “Để biết. Để biết chắc là...”

“Cecilia nói Adam bệnh, rằng hẳn bị bệnh đa xơ cứng. Giờ thì tôi biết điều này là có thật. Hẳn bị bệnh này thật. Cô không hiểu được đâu. Cecilia có biệt tài thuyết phục người khác. Và... lúc ấy, tôi chỉ... tôi không dám.”

“Tại sao chứ?”

“Vì Cecilia nói nếu tôi gọi điện cho Adam thì nó sẽ không bao giờ cho tôi gặp thằng bé nữa. Còn tôi... tôi muốn có cháu ngoại. Tôi muốn có một đứa bé khỏe mạnh, dễ thương, một đứa cháu ngoại yêu tôi. Tôi muốn... tin nó. Và thằng bé to con quá, tôi tin chắc là nó cũng phải đến bốn tuổi chứ không phải ba...” Bà ta quay sang nhìn Beth chăm chăm, và Beth cũng thấy mắt mình ngửa ngửa giần giật nhìn trả lại bà. “Beth à, bác lấy danh dự mà thề với cháu rằng nó luôn là đứa to con. Và tóc nó không đỏ. Chúng ta đều thấy báo chí đăng rằng tóc Ben màu đỏ. Dĩ nhiên là tóc nó hơi đỏ khi nó lớn lên – và khi Cecilia kết hôn với George thì đương nhiên là hai bác gặp Ben rất thường xuyên.”

Sarah Lockhart nghiêng người tới phía trước, nắm lấy cái tay vịn bóng láng. “Beth à, nó chưa hề đánh thằng bé. Nó cũng không chạm tự ái thằng bé. Khi Cecilia còn khỏe, nó rất hiền và cư xử rất dịu dàng với Sam; nó luôn đọc sách cho thằng bé nghe; nó dạy Sam hát. Hai mẹ con chơi trò chơi trong đó nó dạy Sam giả vờ là tiếng vang từ cái giếng thần trong phim Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn, và Sam thuộc hết mọi lời hát...”

Beth đang đứng chờ ra gập gập đầu thì thấy Pat dụi mặt anh thật mạnh vào vai cô; cô quay ra sau, gần như chạm vào đầu anh thì cảm thấy, không phải là nghe, tiếng vo vo của máy quay phim sẽ chụp những tấm hình màu

lớn để đăng lên trang nhất vào sáng mai. Đương nhiên là Beth hiểu Pat đang nghĩ gì – đứa con yêu dấu của anh đang ở trong vòng tay một con quỷ, môi Ben đang uốn theo những từ mà mụ phù thủy đã đọc lên cho nó nghe. Nhưng thành linh Beth giận dữ nghĩ *thế thì có khác gì chứ? Chẳng phải thế sẽ tốt hơn nghe rằng Cecil là một bà mẹ điên điên, lơ đãng và tồi tệ, hay dùng roi vọt với Sam và mắng nó là đồ ngu sao (cũng giống như cô đã làm nhiều lần với Vincent và thậm chí cả với Kerry nữa)? Nếu Pat biết là Cecil đã quên không lau mũi cho Sam hay không cho nó uống Triaminic khi nó ho thì liệu Pat có thấy khó chịu hơn không? Nếu Sam không khỏe mạnh, dễ thương thì liệu điều đó có làm họ đau buồn hơn không?*

Và Beth thấy Candy xoay người lại với cái nhìn như thể đang tìm một đồng xu bị mất hay một mũi đan bị tuột trên gương mặt Beth. *Gì thế, Candy, Beth hỏi thăm, gì thế? Cô ấy liếc nhìn đồng hồ – đã sắp tới giờ nghỉ giải lao rồi sao? Bà Lockhart nói nhỏ: “Rồi George và Cecilia ly dị nhau.”*

“Cecilia và Adam chứ?” Perrault hỏi.

“Không, Cecilia và George – George Karras. Họ ly dị nhau theo đúng pháp luật.”

“À, Đúng rồi. Vì George muốn theo đuổi những mối quan hệ khác phải không?” Perrault hỏi dù đã biết câu trả lời.

Bà Lockhart đáp: “Không, trời ơi, không phải thế đâu. Cậu ấy yêu Cecilia lắm. Không ai có thể chấm dứt với... à....”

Công ty xây dựng nhỏ của George làm ăn cũng phát đạt, bà Lockhart giải thích, nhưng số tiền bảo hiểm của George không đủ để trả cho số chi phí khổng lồ phát sinh từ việc Cecilia phải nằm viện lâu dài. Và chương trình dành cho người khuyết tật cũng có hạn chế nếu một phụ nữ có chồng khỏe mạnh đang làm việc. “George sợ rằng nếu bệnh tình của Cecil kéo dài mãi thì nó sẽ ngốn hết mọi thứ. Rồi cậu ấy sẽ phải bán nhà và không thể lo cho Sam được.” Bà lại liếc sang Beth lần nữa. “Beth, bác rất tiếc cháu ạ.”

Beth cũng sửng sốt khi nghe tiếng mình đáp lại thật rõ ràng: “Không sao đâu.”

Khi thẩm phán Sakura báo nghỉ giải lao, cánh phóng viên ngồi bên quanh Beth và Pat như những người lùn. Khi họ đứng lên để ra khỏi phòng, Pat ân cần nói với họ: “Tôi thật sự không biết gì về Cecilia ngoại trừ lần này, Lạy Chúa, cô ấy thật đáng thương. Bạn không thể căm ghét một người quá tội nghiệp như vậy được.” (“Bố Của Ben Đã Tha Thứ,” Beth tưởng tượng ra hàng tit lớn trên báo rồi cười thầm khi nhớ lại cách Ellen bắt đầu gọi Pat là “ông thánh trong ngoặc kép”)

Lúc đó Candy ra hiệu cho Beth và với khả năng tuyệt vời xua đám phóng viên như Chúa đã làm cho nước Biển Đỏ tách ra, cô đưa Beth ra cửa đi vào hành lang của phòng giam nơi nhân viên tòa án đang đứng mút kẹo Tootsie Pop ngay phía ngoài cánh cửa.

Candy cất giọng nũng nịu: “Elvis, anh yêu ơi, đừng làm em thèm anh chứ...” – Bây giờ Beth mới thấy rõ tên anh ta: Elmer. Anh ta dịch sang một bên nhường chỗ cho họ đi qua.

Candy thầm thì giải thích: “Như thế này là sai luật. Nhưng chị muốn gặp cô ta. Em cũng muốn gặp cô ta mà. Perrault đang ở trong đó với cô ta. Em có muốn vào không?”

Beth gật. Cô thấy mạch ở nhượng chân và dưới cằm mình như đang đập nhanh hơn. Trong một chỗ được quây lại bằng song sắt, Cecil đang ngồi đó một mình với cô y tá và vị luật sư.

“Cecilia này,” cô y tá nói vào một khuôn mặt không còn cảm xúc với giọng tôn trọng mà Beth biết không bao giờ cô ta có thể lặp lại như thế một lần nữa, “thám tử trưởng Bliss muốn gặp cô. Như vậy có được không?” Cecil thậm chí không chớp mắt. Khi một con nhặng đậu lên cánh tay, cô ta vẫn không nhúc nhích. Candy quỳ xuống trước hai đầu gối to bự của Cecil.

Cô nói: “Cecil ơi, nghe này, Cecil. Nói cho chị biết đi em. Mợ đưa bé ở đâu? Đưa bé được chôn ở đâu?”

Đứa bé? Cảm giác bất an của Beth bỗng dâng trào – một đứa bé khác nữa ư? Một đứa bé bị giết à?

Candy hỏi Michele Perrault: “Cô đã kiểm tra chưa? Cô có tìm ra giấy báo tử không?”

Perrault bối rối đáp: “Giấy báo tử ư? Làm sao tôi kiểm tra một việc mà tôi thậm chí... nghe này, thám tử, chị phải hiểu chuyện này ngoài dự kiến của tôi. Mẹ của thân chủ tôi đã không nói gì về việc mang thai, tuy nhiên tôi không thể tưởng tượng được lúc ấy bà ta đang nghĩ gì... ý tôi là tại sao bà lại không khai ra.”

Candy đăm chiêu nói: “Tôi nghĩ là bà ấy không cần phải có lý do, Michele ạ. Dù đó là một lý do có ý nghĩa đối với chị và tôi.”

“Nhưng như thế là nói dối!” Perrault thốt lên, với vẻ có lỗi, như thể vừa nghe tiếng mình lần đầu tiên. “Tôi muốn nói sao lại bỏ qua một chi tiết quan trọng đến thế. Dĩ nhiên là bà Sarah Lockhart cũng phải chịu nhiều căng thẳng. Cho nên bà làm thế cũng không có gì đáng ngạc nhiên.”

“Đúng là hoàn toàn không ngờ tới,” Candy gượng gạo đáp. “Tôi cho là hoàn toàn hợp lý khi mọi người cố bảo vệ con cái mình. Họ luôn làm thế. Họ còn làm bằng những cách đáng hổ thẹn hơn nữa kia. Bà Lockhart luôn yên trí rằng với Cecil, bà ta không thể biết chắc được điều gì.”

Perrault nói: “Chị biết đấy, đôi khi sẩy thai thường dẫn đến việc bắt cóc. Ý tôi là không ai bàn cãi gì về những chuyện đã xảy ra ở đây. Chúng ta đang nói về... gì nhỉ, bốn năm sau sự kiện đó, có lẽ thế, nhưng vẫn còn những điều chúng ta phải theo đuổi. Điều gì đó có thể là nguyên nhân cho những hành động của Cecil.”

“Ồ, trong thâm tâm, có lẽ bà Lockhart cũng hiểu điều đó chứ.”

“Vậy thì chị cho là lúc đó bà ta cũng nghi ngờ Ben không phải là con Cecilia à? Có thể bà ta hơi nghi ngờ chẳng? Vì tôi không thấy bà ta có vẻ cố tình giấu giếm.”

“Tôi cũng vậy.”

“Thế thì tại sao bà ta không nói gì về vụ sẩy thai nhỉ?”

“Có lẽ bà ta tự nhủ là đã quá lâu rồi. Và rằng chuyện đó cũng không quan trọng...” Candy ngừng lại, đưa ngón tay ấn vào đường hằn giữa hai mắt. “Hay cũng có thể... có thể, bà ta thoáng thấy có điều gì đó bất thường trong toàn bộ câu chuyện,” cô nói tiếp, chậm rãi hơn. “Cũng như tôi vậy.”

“Gì chứ?” Perrault hỏi.

“Không phải tôi chưa từng nghe thiên hạ nói về những người bị suy sụp tinh thần vì sẩy thai – hay thậm chí vì chỉ nghĩ rằng mình sẩy thai. Và đây không phải một phụ nữ bình thường. Nhưng có điều gì đó... có lẽ không thật sự xảy ra một vụ sẩy thai. Có lẽ thật sự đã có một đứa bé.”

Beth chen vào: “Đứa bé nào chứ? Con cô ta à?”

Perrault nổi đóa: “Chẳng phải đó là thêm một lý do đòi hỏi phải cung cấp thông tin rõ ràng sao? Có một đứa cháu trai ở đâu đó ngoài kia? Đã chết hay còn sống? Hay đó chỉ là những gì chị đang nói?”

“Có lẽ không có gì,” Candy vừa nói vừa quỳ xuống và đặt tay lên đùi Cecil. “Tôi chỉ... tôi cũng không biết nữa.” Mắt Cecil bắt đầu nhìn xuống, đảo xuống rồi ngược lên, cứ thế liên tục. Đầu cô ta lắc theo những tia nhìn như thể có một sợi dây bị giật ngày càng mạnh hơn.

Cô y tá nói nhanh: “Cô ấy không nghe thấy gì đâu. Cứ thế đấy. Đôi khi cô ấy làm mãi một cử chỉ nếu ta không ngăn cô ấy lại. Nào, nào, Cecilia...” Cô ta giữ yên cái cằm đang đong đưa của Cecil. “Tốt rồi đó.”

Candy lại thăm thì: “Cecil ơi. Giúp em tìm mộ chị bé của em đi.”

Sau này Beth tin chắc rằng cô đã tưởng tượng ra chuyện đó. Rốt cuộc thì chính Candy, người nhìn chòng chọc vào mặt Cecil, nói cô đã không thấy gì cả. Nhưng Beth thì nghe có tiếng sụt khe khẽ và tin rằng mình đã thấy môi Cecil nhếch ra lộ hai hàm răng đều tăm tắp giống như bất cứ một người bình thường nào sẽ làm trước khi phát ra âm gió s kia.

Candy đứng lên và hỏi: “Bethie này, em muốn đi với chị không?”

“Bây giờ à?”

“Ngày mai. Có thể, em biết đấy, có thể thậm chí là tối nay khi toàn bộ sự việc này kết thúc nhanh như chị nghĩ. Lúc đó thẩm phán Sakura chỉ còn cần một bản nhận xét của một bác sĩ tâm thần độc lập và một nhận xét về sức khỏe với lời đánh giá định kỳ về tình trạng của cô ấy... Xét cho cùng thì đây là một lời buộc tội nghiêm trọng. Nhưng chị nghĩ, về cơ bản mà nói, ông ta sẽ bác đơn, em cũng biết thế mà, phải không?” Beth gật đầu. “Vì cho dù cô ta có biết những gì mình làm cách đây chín năm thì bây giờ cô ta có còn biết gì nữa đâu. Mà có lẽ trong tương lai cô ta cũng chẳng khá hơn là bao. Vậy em muốn đi không?”

Beth đáp: “Dĩ nhiên là muốn rồi. Nhưng đi đâu mới được chứ?”

“À, có hai chuyện chị thật sự băn khoăn. Chắc em còn nhớ hồi đó khi chị gọi điện cho Bender lần đầu tiên, có người mua hàng thấy Ben trong siêu thị với một bà già đó?”

“Ở Minneapolis.”

“Đúng vậy,” Candy vừa nói vừa nhấn lên đường hằn giữa hai mắt. “Chị muốn gặp cái bà già nhỏ con đó. Chị nghĩ bà ấy muốn nói chuyện với chị.”

“Em tưởng chị muốn điều tra về một đứa bé.”

“Đúng thế,” Candy đáp rồi thỉnh thoảng phất lên mỉm cười làm Beth ngạc nhiên: “Hãy kiên nhẫn một chút với chị đi.”

Bên ngoài tòa án, Pat hơi phật ý khi Beth hỏi anh về việc đi lên phía Bắc với Candy.

“Một mình anh làm sao trông lũ trẻ cho xuể được?” anh hỏi.

Candy nói: “Trời ơi, Pat, đưa tụi nhỏ đến mấy nhà hàng Ý ở khu Six Flags đi – chẳng phải thiên hạ vẫn gọi đó là khu ẩm thực tuyệt vời sao? Chiều mai là tụi này về tới rồi.”

“Nếu muốn có người bầu bạn, sao chị không đưa ông xã chị đi thay vì vợ em?” giọng Pat rên rỉ nhưng gương mặt đã nở nụ cười.

“Chris rất đáng yêu,” Candy thừa nhận, “nhưng em có muốn lái xe suốt chín tiếng với một luật sư trong xe không?” Cô đưa mắt nhìn Beth. “Chị và Beth sẽ hát những bản nhạc đồng quê Top Forty, được chứ?” Giọng cô bỗng chùng xuống, nghiêm trang hẳn. “Chị muốn Beth chứng kiến chuyện này với chị. Được không?”

Họ đi bằng xe riêng của Candy, một chiếc Toyota láng coóng màu đen Beth chưa từng thấy, không phải chiếc của đội cảnh sát mà Beth không thể nào quen được với kiểu lái xe của cô ấy. Cảnh sát trưởng Bliss. Tay cảnh sát cừ khôi kiên trì nhất trong vụ án nhà Cappadora. Beth thờ dài. Giá mà giờ này mấy tay pha rượu ở Florida có thể thấy cô ấy nhỉ. Candy nốc Côca ừng ực và hát những bài hát buồn về mấy gã đàn ông sở Khanh và cánh phụ nữ buồn rầu khổ sở, gặp nhau vì duyên có nợ khi tình yêu của họ tan thành mây khói do hoàn cảnh.

“Cũng chả trách vì sao họ lại uống rượu,” Beth nói sau hai giờ nghe những bài hát ấy.

“Em không thích à?” Candy thúc nhẹ cùi chỏ vào sườn Beth. “Em cũng thuộc típ người lãng mạn mà?”

Không đâu, Beth nghĩ, chắc chắn mình không phải thế rồi. Cô hỏi: “Chị là típ lãng mạn à?”

“Ừ, chị nghĩ thế. Chị nghĩ tất cả mọi điều xấu trên thế giới này, kể cả chiến tranh và tôn giáo, và tất cả mọi điều tốt trên thế gian, kể cả Shakespeare và nhạc đồng quê đều bắt nguồn từ tình yêu. Chị nghĩ thế đấy.”

“Em đồng ý, đặc biệt là khúc đầu. Nhưng em cũng nghĩ sẽ có xe điện và thuốc chữa bệnh AIDS nữa, và em không biết thiên hạ sẽ ra sao nếu không yêu đằm đuối khoảng sáu lần trong đời hay họ sẽ cảm thấy thế nào nếu họ lỡ mất một cơ hội để yêu thương.”

“Em thì không. Ít nhất có em không nằm trong số đó.”

Mình thì không, Beth nghĩ, ôi Chúa ơi, không phải Elizabeth Kerry Cappadora bé bỏng chung thủy. Và lúc đó Beth suýt kể cho Candy nghe về cái ngày hôm ấy ở khách sạn, điều mà vì bây giờ Sam đã về nhà nên không còn làm Beth thấy bứt rứt mấy, nó đã thành một kỷ niệm thầm kín lãng mạn của cô khi tỉnh thoảng nghĩ đến. Thậm chí sau khi thức giấc người đầm ìa mồ hôi vì mơ thấy Nick, cô vẫn cảm ơn Chúa rằng Pat vẫn đang nằm ngay bên cạnh cô.

Cô nghĩ Sam đã giúp tất cả họ thăng hoa, và với tất cả khổ đau cùng tiếc nuối, Beth vẫn thích nghĩ rằng nó có thể đưa tất cả họ đến một nơi cao hơn, nơi họ có thể đứng vững.

Như thể đọc được các suy nghĩ thầm kín của cô, Candy hỏi về Sam: “Nó thích nghi với cuộc sống mới thế nào?”

“Pat nghĩ nó sẽ ổn thôi. Nhưng nó vẫn quá... trầm. Tuần sau tụi em sẽ đi Madison để dự lễ Quốc khánh. Đây sẽ là lần đầu tiên nó về đó từ khi..., à, từ hồi ấy. Hình như nó lo lắng. Em hỏi nó có chuyện gì thì nó chỉ nhún vai. Em đang nghĩ đến chuyện đưa nó đi gặp bác sĩ Kilgore....”

“Có quá nhiều điều để nó phải suy nghĩ mà.”

“Kerry nghĩ anh nó là một nhân vật nổi tiếng, giống như mấy người được in hình trên hộp bột ngũ cốc chứ không phải trên hộp sữa. Mà nó cũng là đứa liến thoảng nữa, nó luôn miệng hỏi thằng bé, rằng bị bắt cóc thì cảm thấy thế nào, rằng anh sẽ ký trên quả bóng của Blythe chứ. Vậy mà nó không bực mình với con bé chút nào hết. Em nghĩ có lẽ nó nhớ thời nó đã từng có anh có em. Nó cũng lẻo đẻo theo Vincent suốt.”

“Còn Reese đối xử với nó ra sao?”

“Nó phớt lờ thằng bé.”

Candy cười phá lên. “Cũng bình thường thôi, đúng không?”

Vậy sao? Beth mệt mỏi quá rồi nên đành chấp nhận là như thế. Đôi khi cô có cảm giác mình đang nghiên cứu Vincent như một căn bệnh nhiệt đới,

đang cố thấu hiểu những biến đổi trong vẻ mặt thường là không biến đổi của nó như thể chúng là những đột biến trên một gien kỳ lạ. Nhưng trong mấy tháng nay không có chuyện gì rắc rối ở trường, mà không phải tất cả các cô các cậu thanh thiếu niên đều buồn rầu ừ ừ sao? Ít nhất thì đám bạn xỏ lỗ rốn mà nó bắt đầu chơi gần đây và cả Jordan nữa ít xuất hiện hẳn, có lẽ là do nhà Cappadora bỗng dưng quá nổi tiếng.

Cũng có lẽ thế, Beth nghĩ, cô chỉ còn biết chờ đợi, mặc mọi chuyện muốn ra sao thì ra. Giá mà cô có thể được ở bên cạnh Sam một mình nhỉ, Beth mơ màng díp mắt lại nghĩ thế. Có lẽ mình có thể có một ngày với nó đấy, chỉ nó và mình thôi. Mình có thể giải thích về Vincent với nó. Hay một điều gì đó.

Khi cô tỉnh dậy thì trời đã tối đen như mực, Tammy Wynette vẫn đang hát, còn xe họ đang đậu trước cổng nghĩa trang Thánh John Thánh Giá ở hồ Gấu Trắng, ngay cửa ngõ vào thành phố Minneapolis.

“Sao thế... mình ở đây làm gì?”

“Chị có linh cảm này: Cecil điên điên tàng tàng thật đấy nhưng cô ta là dân Công giáo gốc, như em vậy. Và chúng ta biết cô ta sống cách đây chưa đầy ba cây số, trong khu nhà nghèo, sau khi cô ta bỏ cái gã Hill đó. Chị nghĩ lúc đó cô ta vẫn còn đang mang thai.” Beth khó nhọc ra khỏi xe đi theo Candy đến cổng nghĩa trang. Có ánh đèn hắt ra từ một cửa sổ. “Và nếu em có con bị chết, có thể là do em làm nó chết... Chị không nói là cô ta làm nó chết, nhưng chẳng phải em sẽ muốn đứa bé ấy được chôn trong nghĩa địa công giáo sao? Nghe có lý đấy chứ, nhỉ?”

Chị ấy đâu có nói chuyện với mình, Beth nghĩ. Chị ấy đang làm điều mà bà ngoại Kerry của mình gọi là tự nói thành tiếng. Nhưng chính Beth là người thấy tấm bảng trên cánh cổng với dòng chữ Sẽ Mở Lại và mặt cái đồng hồ báo 9:00 giờ sáng.

Candy nổi đóa: “Bực mình. Bộ không ai thăm viếng người chết vào ban đêm sao? Giờ thì mình phải làm gì đây, Beth? Hay em muốn đi coi kịch ở rạp Guthrie? Hay muốn gặp bà chủ nhà trọ của Cecil? Có thể cái người đã báo cho chúng ta cái tin đó, người đàn bà nặc danh quan tâm đến chuyện của

chúng ta đó, có thể trước đó bà ta đã biết Cecil rồi. Và biết con cô ta. Biết Ben không phải con cô ta. Nhi? Có thể lắm chứ.”

Candy khởi động xe rồi nói tiếp. “Nhưng thật buồn cười. Bà ta nói qua điện thoại rằng đứa bé đang đi với một bà già, một bà tóc bạc đội mũ rộng vành, đeo kính râm. Không phải Cecil rồi. Có thể bà chủ nhà trọ là người giữ trẻ. Cũng không phải Sarah Lockhart. Trừ khi bà ấy nói dối, bà ấy thậm chí còn không biết mùa hè đó đã có Ben nữa mà.”

Beth nói: “Và bà ta cũng không gầy. Bà ta mập. Không gầy như Cecil.”

Candy lục tìm trong túi xách lấy ra bản vẽ đầu tiên ghi lại nơi ở của Cecil trong những năm đầu sau vụ bắt cóc.

Khu chung cư ở Minneapolis – những việc xảy ra định kỳ tại nhà bố mẹ cô ấy. Cuối cùng cô nói: “Đây rồi. Nhà trọ.”

Cô lái xe chậm chậm trên con đường một chiều để tìm địa chỉ. Thành linh Candy nói: “F. Scott Fitzgerald đã sống ở khu ngoại ô này với Zelda đó.”

Beth gật: “Em biết rồi.”

“Chị muốn nói rằng đây có thể là thánh địa cho những người không bình thường.”

“Em thấy nó bình thường mà.”

Tòa án Apple Orchard nằm giữa khu trung tâm đông đúc gồm những căn nhà đẹp đẽ; những ngôi nhà gỗ kiểu Gôtich cũ hơn nhưng vẫn còn tốt. Qua ba khu phố Beth thấy có hai bảng hiệu của những ngôi nhà trọ giá rẻ bao ăn sáng. Cô nói với Candy: “Mình có thể ở đây được đấy. Có lẽ sẽ rẻ hơn là ở khách sạn.”

“Chị ghét mấy cái khóa ở mấy căn nhà của dân thường lắm. Chị chỉ nghỉ ở khách sạn Best Western thôi.” Cô lái thật chậm rồi rẽ vào một tòa nhà hai tầng màu trắng với những bụi cây được tạo hình dọc theo mặt tiền rất rộng của tòa nhà. “Đây rồi. Đây là nơi Cecil đã sống sau khi cô ấy bỏ ông chồng thứ ba.”

Ông già ra mở cổng không biết Cecilia Lockhart là ai. “Người các cô cần gặp là cậu em tôi cơ. Nhưng tối nay nó đang ở nhà thờ chơi bài gin ròi. Đến sau mười giờ nó mới về. Họ chơi khuya lắm. Nhưng dù vậy tôi cũng không biết liệu nó có giúp được gì không vì Rosie biết rõ vụ này hơn.”

“Rosie?” Beth kêu lớn.

“Là Rosemary, em dâu tôi. Cô ấy quản lý những căn nhà cho thuê. Mà ở đây thì có đủ loại người thuê – có vài gã các cô không thể phân biệt được là nam hay nữ nữa cơ, các cô hiểu tôi muốn nói gì chứ?”

Candy giơ phù hiệu ra và ông ta không dám bõn cọt nữa. “Các cô là cảnh sát à?”

“Chỉ tôi thôi, chúng tôi đã lái từ Chicago đến đây, xin lỗi vì đã quấy quá ông khuya thế này nhưng cho tôi hỏi bà Rosie có đang ở nhà không? Bà Rosemary ấy.”

Ông ta nhiệt tình đáp: “Ôi Chúa ơi, không. Gặp cô ấy còn khó hơn nữa. Cô ấy bệnh mà. Cho nên Herb và tôi phải thay nhau quản lý nơi này. Lydia của tôi mất lúc tám mươi chín tuổi, và giờ Rosie lại đang bệnh nặng...”

“Bệnh đến nỗi không nói chuyện được với tôi sao?”

“À, cô ấy đang ở trong viện dưỡng lão Prairie View.”

“Là ở đâu?”

“Phía bên kia thành phố. Gần trung tâm thương mại mới.”

“Tôi sử dụng điện thoại nhà ông được không? Để gọi cho bà ấy và hỏi liệu tôi có thể đến thăm bà ấy không.”

“Được chứ. Nhưng vấn đề là Rosie bệnh nặng lắm.”

“Bà ấy đang hấp hối à?”

“Không.”

“Vậy thì tại sao?”

“Cô ấy bị bệnh Alzheimer. Cô ấy chỉ nhớ những gì trong quá khứ thôi.”

“Chuyện này xảy ra trong quá khứ mà,” Candy hy vọng nói.

Ý tôi là quá khứ thật xa xưa kia, thưa cô. Khi cô ấy còn là một cô bé ở thác Sioux cơ.”

Candy gật đầu rồi đưa tay ra nắm lấy hai bàn tay đang run rẩy của ông già và dúi tấm danh thiếp vào tay ông ta.

“Làm ơn nói với em ông là chúng tôi nghỉ tại khách sạn Best Western nhé. Nếu ông ấy gọi điện, chúng tôi sẽ đến ngay dù có khuya mấy đi nữa. Việc khẩn cấp lắm.”

“Chà,” ông già vừa đáp vừa liếc tấm danh thiếp của Candy. “Tôi sẽ làm như lời cô dặn.”

Nhưng ngay lúc ấy, một chiếc Lincoln Town Car cũ to đùng, sang trọng, bóng láng chậm chậm dừng lại trước nhà rồi một người đàn ông nhỏ con hơn, giống hệt ông già đang đứng đó, lưng thật thẳng, mặc áo khoác thể thao sọc bành bao nhanh nhẹn bước ra từ ghế trước về phía họ. Candy quay lại đối diện với ông ta. Vâng, ông ta nói, ông ta là Herbert Fox, và vợ ông, Rosemary có cho thanh niên thuê phòng. Candy đưa ra một tấm ảnh bóng láng của Cecil trong thời hoàng kim làm diễn viên. Herbert sầm soi nhìn nó thật chăm chú.

“Ừm, tấm này rất giống cô ta. Giống một cô gái mà tôi nhớ vì một lý do. Nhưng cô ta có tóc đỏ cơ, các cô biết không.”

“Tóc Cecil đỏ à?” Candy hỏi Beth.

“Cô ấy thì đủ màu tóc hết,” Beth nói.

Herbert nói tiếp: “Một chuyện nhỏ này nữa: cô ấy nằm trên giường bệnh suốt. Vợ tôi rất thích cô ta. Chăm sóc cô ta khá kỹ. Và khi cô ta đến thuê nhà đương nhiên là chúng tôi không nhận ra rằng cô ta đang... có thai.”

“Đúng cô ấy rồi đó,” Candy nói. “Ông Fox, có phải Cecilia sinh đứa nhỏ khi cô ta sống ở đây không?”

“À, đúng rồi... mà không phải trong nhà này, nhưng tôi biết khi đến ngày sinh nở vợ tôi có lái xe đưa cô ta đến bác sĩ. Mà đó mới là phần tức cười của câu chuyện. Cô ta cứ nằng nặc đòi Rosemary đi về và để cô ta ở lại đó. Sau đấy Rosemary đi đến bệnh viện Little Company of Mary, và họ nói họ không biết tin tức gì của Cecilia... Hill nữa. Đó là tên cô ta. Cecilia Hill. Rõ ràng đó là một cái thai giả, lúc đó cô ta làm gì có con. Nhưng cô ta cũng không quay trở lại. Rosie lo đến phát bệnh một thời gian. Vợ tôi, Rosie ấy, đôi tính đối nết hẳn, chuyện nhỏ chút xíu cũng làm bà ấy nổi giận và cắn nhả cả mấy giờ đồng hồ. Dĩ nhiên là vào lúc ấy chúng tôi không biết Rosie đang bị bệnh nặng đến thế nào....”

Candy nài nỉ: “Ông Fox này, Cecilia... Hill có quay trở lại lấy đồ đạc không?”

“Không, cô ấy không quay trở lại.”

“Chúng vẫn còn ở đây à?”

“Không, không còn nữa. Tiền thuê nhà đã được trả đầy đủ. Vì thế chúng tôi gói ghém quần áo và đồ dùng của cô ta lại. Đồ đạc trong nhà đã có sẵn khi mượn phòng. Một năm sau, Rosie lúc ấy đã phát bệnh rồi, một phụ nữ lớn tuổi khá đẹp đến lấy đồ đạc của cô ấy đi. Bà này rất dễ thương. Bà ấy nằng nặc đòi trả một tháng tiền nhà vì chúng tôi đã giữ gìn đồ đạc cho cô ta.”

“Bà ta có hỏi về đứa bé của Cecilia không? Về cái thai giả ấy? Bà ta có kể cho ông nghe về đứa cháu ngoại của mình không?”

“Ôi dào, làm gì có chuyện đó. Bà ấy là một quý bà lịch sự, rất kiệm lời.”

“Ông có kể cho bà ta nghe chuyện xảy ra vào đêm đó không?”

“Chà, bà ấy là mẹ cô ta, có phải không nào? Bà ấy biết hết về những chuyện... tế nhị của một cô gái chứ, đúng không? Tôi nghĩ mình không nên xen vào đời tư người ta, và Rosie tội nghiệp của tôi thì đâu có hiểu gì nữa, vì thế cho dù tôi có tìm ra được điều gì đó thì tôi cũng không thể nói với bà ấy được. Tôi đâu có được trả tiền để nhúng mũi vào chuyện của thiên hạ.”

“Mà ông có nói chuyện này với cảnh sát chưa, khi họ phỏng vấn ông về Cecilia ấy?”

Người đàn ông sừng sốt thật sự. Ông ta nói nhỏ:

“Cảnh sát ư? Về chuyện gì mới được? Cô gái bé nhỏ đó bị hại à?”

“Không. Không, cô ta... vẫn còn sống và khỏe mạnh. Nhưng ông chưa nói gì với cảnh sát về Cecilia Hill hết à? Cecilia Hill hay Cecilia Karras cũng là một thôi.”

“Tôi đã không nói gì trước khi gặp cô.”

Candy thở dài. Cô nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay mềm oặt của Herb Fox, cảm ơn ông ta rồi nhã nhặn giải thích những tình tiết cơ bản trong vụ bắt cóc Ben; nhưng bỗng dừng mặt người đàn ông tái mét và ông thở hỗn hển. “Nếu các cô không cần gì thêm thì tôi nghĩ tôi phải đi ngủ thôi.”

“Vậy cũng được, ông Fox. Ông đã giúp chúng tôi được nhiều rồi. Đừng suy nghĩ thêm về chuyện này nữa. Chuyện đã chấm dứt rồi.”

Trong xe, cô quay sang Beth. Gương mặt cô ủ ê và tái nhợt hơn dưới ánh trăng khuya khoắt xuyên qua kính xe. “Em đang suy nghĩ tại sao họ lại không đến hỏi Herb Fox phải không? Chị cũng đang nghĩ như vậy đó.” Beth định trả lời thì Candy đã đưa tay ra ngăn cô lại. “Nhưng Bethie này, khi chị nghĩ vì sao họ chưa hề nói chuyện với Fox thì đồng thời chị cũng nghĩ là tại sao họ lại phải làm như thế chứ? Không có lý do gì để nghĩ Cecilia có con cả. Chúng ta đâu có tìm một kẻ bắt cóc, cô ta đang được giám hộ mà. Chúng ta có những người làm chứng tốt cho cô ta từ vụ bắt cóc kia mà. Toàn bộ câu chuyện này,” cô khoát tay về phía hàng rào được tía gọn ghẽ quanh ngôi nhà trọ, “xảy ra trước khi Ben được sinh ra, nhiều năm trước cuộc họp lớp mà.”

Beth quay đi, và Candy nói sau lưng cô. “Em có thể gọi đó là cách làm việc cầu thả, tùy tiện. Chị cũng đồng ý với em như thế. Nhưng thiên hạ không biết những gì họ không biết.”

“Cảnh sát biết mà,” Beth nói.

Candy nói nhỏ: “Cảnh sát lại càng không biết. Họ quá bận rộn với những chuyện to tát nên nhiều khi bỏ sót tiểu tiết.”

Beth cố nén nước mắt hỏi: “Nếu cô ta đã làm trước đó thì sao? Nếu cô ta đã thử làm trước đó thì sao? Và có phải cô ta đã giết con mình?”

“Em có biết câu trả lời cho chúng không, Beth? Vì nếu em biết thì chị sẵn sàng nghe đây. Sáng mai mình sẽ đi đến mấy nghĩa trang đó. Hay là đến gặp nhân viên điều tra những vụ chết bất thường để tìm giấy khai tử nếu rốt cuộc đó không phải là một vụ sẩy thai.”

“Đến nghĩa trang à?” Beth vội vã nói.

Candy nhìn cô dò hỏi rồi nói: “Ừ.”

“Để chị nghĩ xem mình còn có thể hỏi ai khác nữa nhé. Nhưng quả thật khi nói rằng cô bạn cũ Cecil của em không có những mối quan hệ lâu dài với mọi người là đã nói nhẹ đi nhiều lắm rồi, nhỉ?”

“Cô ta không phải bạn cũ của em,” Beth hăn học đáp, và nghĩ nó chỉ là thêm một mối quan hệ lâu dài thôi. Chỉ một mà thôi.

“Chị xin lỗi,” Candy nói. “Vì chị mệt quá đấy mà. Mệt đến nỗi chị tưởng mình đã sống cả trăm năm rồi.”

“Em cũng thế,” Beth thở dài.

“Và bây giờ thì chị muốn làm vài ly quá.”

Beth nói xuội lơ: “Em cũng thế.”

Khi họ đến khách sạn để nhận phòng thì chỉ còn một phòng đôi – “ở ngay góc tầng một ạ,” cậu thanh niên ở quầy lễ tân báo.

“Không còn phòng trên tầng ba sao? Không thể tưởng tượng được – ở đây có bao nhiêu phòng, hai trăm phải không?...” Candy bắt đầu.

“Chúng tôi sẽ lấy phòng đó,” Beth cáu kỉnh nói.

“Phòng đó đẹp lắm ạ,” cậu ta gắt. “Chỉ vì trong thành phố đang có đồng diễn thể thao, và những chuyện khác nữa...”

Suốt đêm đó, Beth và Candy, cả hai đều nằm – vẫn mặc nguyên quần áo đi đường – trên chiếc giường cỡ lớn của mình, lắng nghe tiếng chân rầm rập của đội đồng diễn thể thao của trường trung học khi chúng chạy lên chạy xuống hò hét trong các hành lang. Đến nửa đêm, Candy gọi hai cái hamburger phó-mát và một bình cốc-tai Bloody Mary. Cô uống liền một lúc hai ly và bỏ lại phần lớn cái hamburger. Beth cũng chỉ nhấm nháp chút đỉnh rồi bỏ xuống và chỉ uống cốc-tai.

“Chị ghét những gì dở dang. Chị đang phải kiên đây: một tháng không tình dục – cái này chị đã lên kế hoạch kỹ lưỡng rồi – cũng đã tính toán chính xác xem ngày nào thì trứng rụng vậy mà giờ lại kẹt ở đây.”

“Em rất tiếc,” Beth nói.

“Chị cũng tiếc nữa,” Candy lật lật mấy tờ quảng cáo du lịch theo tua trả tiền tùy theo từng thẳng cảnh. “Hầu hết các chị em phụ nữ cố không để bị dính bầu trong phần lớn cuộc đời họ. Trong đời mình, chị chưa dùng bất cứ phương pháp hạn chế sinh sản kỹ thuật cao nào cả. Tất nhiên chị nghĩ mình sẽ là một “nữ thánh mẫn đức”. Chị còn nghĩ có lẽ bọn chị sẽ sản xuất ra hai đứa trước khi hết xí quách ấy chứ.” Cô nhấp một ngụm Bloody Mary rồi nghiên cứu tờ quảng cáo. “Muốn đi xem *Arnold* không? Một phim nhạy cảm của Nhật về một mối tình bi đát giữa những nông nô. Ít nhất thì bây giờ chị cũng có thể uống say cho cả tuần sau. Trước khi chị đến gặp bác sĩ Clomid. Giờ thì để xem nào. Đi xem *Người đàn bà lãng loạn khi màn đêm buông xuống* nhé, Beth? Xem thử cánh đàn ông sống ra sao.”

“Em e rằng mình luôn thất bại trong vai một mẹ đàn bà lãng loạn – em chẳng làm được gì cả,” Beth mỉm cười.

“Em là típ người cổ điển một vợ một chồng mà,” Candy đồng ý.

“Không phải đâu,” Beth phản đối. “Em cũng có thời lãng nhăng đấy.” – Candy nhăn mặt chế giễu cô. “Thật mà. Trước khi gặp Pat, thời em còn học đại học.”

“Chị tưởng hai người lấy nhau khi còn học đại học chứ.”

“Không phải ngay khi vào đại học. Em từng chủ yếu lựa những gã trông có vẻ sành sỏi. Chị biết không, chỉ đến khi ba mươi tuổi em mới hiểu rõ được giá trị của tình dục.”

“Ôi, thật phí hoài tuổi xuân,” Candy nói rồi dựa người ra sau băng hai cùi chỏ. Beth nhận ra cả hai đều đã say rồi.

“Còn chị thì sao?” Beth hỏi và thấy giọng mình có vẻ hơi khiêu khích. “Chị bảo chị rất lãng mạn, nhưng theo cách chị nói thì em thấy chị chỉ dành phần lớn thời gian của mình để thuyết phục bọn con trai rằng súng của chị cũng to bằng súng của chúng.”

“Đừng nghĩ là chị không hối tiếc đấy nhé. Trong đời mình, chị cũng đã yêu hai người thật nghiêm túc rồi, ấy là chưa tính Chris đó.”

“Mà từ hồi nào đến giờ chị có tính đến anh ấy đâu.”

“Thôi mà Beth.”

“Em cũng rất tiếc về chuyện ấy.”

“Em lúc nào cũng thế. Em là một người luôn luôn tiếc nuối.” Và Candy mỉm cười. “Hai người tình nghiêm túc, và rồi toàn bộ những việc chị nghĩ chị phải làm khi là một cô gái đồng tính tự do... mà điều này thì chán ngắt.”

“Thật sao? Chán à?” Beth thắc mắc không biết liệu cô có say quá hay không. “Ý em là, em cứ thắc mắc mà không dám hỏi chị... Em chỉ cho rằng khi chỉ có hai người phụ nữ thì sẽ tốt hơn, về cái khoản tình dục ấy, vì mình sẽ biết người kia muốn gì...”

“Và rồi sẽ nhạy hơn, dịu dàng âu yếm hơn, đúng thế không?”

“Ừ, đúng vậy.”

“Thật ra thì chị không muốn làm em thất vọng, nhưng Bethie này, có bao nhiêu ông thẳng thắn thì cũng có chừng ấy phụ nữ đồng tính cũng ích kỷ và đòi hỏi như các ông ấy vậy.”

Candy mỉm cười kín đáo làm bỗng dưng Beth thấy cô đơn quá. Candy nói: “Em biết không, với Chris thì cũng không tệ lắm. Dễ chịu hơn chị nghĩ và chị đã quyết định sẽ nghiện rằng chịu đựng dù không được như ý.”

“Nhưng chị vẫn... chị vẫn có những mối quan hệ khác, đúng không? Em muốn nói là chị đâu thể chỉ...”

“Em đã có chồng rồi, Beth,” Candy nói.

“Em chỉ muốn nói là...”

“Em muốn nói là một cuộc hôn nhân vụ lợi, có chủ ý chứ không phải một cuộc hôn nhân thuần túy vì yêu nhau ư? Chắc chắn là thế rồi. Hay có lẽ không phải thế. Ý chị là... mẹ kiếp, chẳng phải phân nửa dân số thế giới kết hôn với người mà họ không yêu say yêu đắm vì họ muốn được an toàn, muốn có con có cái, hay gì gì nữa hay sao? Chúng ta không thể giả vờ về chuyện này được. Vậy thì tại sao chị lại lừa dối anh ấy chứ?”

“Chris có biết rằng chị...”

“Em có lừa dối Pat không?”

Beth ngập ngừng. “Dĩ nhiên là không rồi.”

Candy thở dài. “Chị lại làm khó em rồi, có lẽ vì hôm nay chị là một á khổ nạn. Chị hiểu chính xác điều em muốn nói; có lẽ Chris cũng không xem đó là chuyện quan trọng thật sự. Anh ấy là người của xã hội, anh thường nhắc chị như thế. Anh ấy rất tự hào vì không cần biết đến quá khứ của chị.” Cô cười toe. “Có lẽ chị mới là người làm mình thất vọng, Beth ạ. Theo chị thì làm như thế thật tệ.” Cô nhìn Beth chăm chú đang khuấy khuấy mấy cọng cần tây trong cái ly rượu cổ cao của mình. “Em có nghĩ thế không? Em không nghĩ đó là kết quả cuối cùng của cách xử thế chán ngắt có thể dự đoán được hay sao?”

Chị ấy biết, Beth nghĩ, mình luôn biết rằng chị ấy biết, nhưng giờ thì mình mới dám chắc.

Beth lắp bắp, cổ gượng cho tỉnh táo. “Em không biết nữa. Có thể có các lý do khiến người ta – không phải em, có lẽ, nhưng... chị đã bao giờ nghĩ rằng có thể tình yêu vĩ đại trong đời chị vẫn còn chưa xuất hiện không?” *Và có thể, cô nghĩ thầm, chị chỉ gặp anh ấy có một lần và chấm dứt với anh ấy, vì dù anh rất dịu dàng, rất kêu gọi và đúng tiêu chuẩn thì chị sợ sẽ không thể thảo luận cùng anh ấy về những cuốn tiểu thuyết Nga?*

Candy thở dài rồi nói: “Chị nghĩ thế. Họ gọi chuyện đó là gì nhỉ? Là ‘cuộc ái ân nồng nàn say đắm để đời’. Nhưng chị chưa từng có được điều đó. Có lẽ vì chị và Chris... không thuộc tí đó chăng?” Cô nhồm người lên, nghiêng người lên cùi chỏ. “Em biết không, ngay khi mới xảy ra vụ việc, có nhiều khi chị nghĩ em và Pat sẽ bỏ nhau. Những gì hai người trải qua...”

Tám mươi phần trăm chúng ta ly dị nhau, Beth nghĩ, tám mươi phần trăm. Nhưng Candy tiếp tục nói: “Nhưng sau đó, chị thấy em và Pat có thể khắc phục được mọi thứ. Em có thể biết khi nào người ta có... những gì em có.”

Sáng hôm sau họ lái ngược dòng xe cộ như nêm cối đang di chuyển vào thành phố để đến nghĩa trang. Beth ngồi chờ trong xe khi Candy vào phòng vấn người quản lý nghĩa trang. Khoảng hai mươi phút sau, Candy quay ra với một tờ giấy trên tay. Cô vào xe rồi ngồi lặng đi một lúc, mắt nhìn thẳng ra phía trước, tay nắm chặt tay lái. Beth nghĩ cô sắp bật khóc.

Cuối cùng, cô hỏi: “Sao vậy?”

“Trúng rồi, Bethie ạ. Em xem này.” Cô đưa tờ giấy ra. “Hill, Samuel Seth, A-14. Cô ta chọn nghĩa trang này trong số tất cả các nghĩa trang Công giáo trên thế giới.”

Beth đã không nghĩ mình lại muốn khóc đến thế. Nhưng cả hai đều không nói lời nào khi họ tìm ra được tấm bia, trong những dãy bia mộ đơn giản, với hàng chữ “Ngày 6 Tháng Tư, 1983 – Ngày 14 Tháng Tư, 1983” phía bên dưới cái tên. Cuối cùng là hàng chữ: “Ngày mai và ngày mai và ngày mai.”

“Lạ thật,” Candy nói. Còn Beth vẫn chưa thốt nên lời.

“Vậy là thằng bé chết sau một tuần.”

“Nhưng vì bệnh gì mới được chứ?”

“Vì những biến chứng khi bị sinh non,” Candy nói và khi thấy vẻ mặt của Beth, cô nói tiếp: “Chị đã thấy giấy báo tử rồi, Beth. Họ có lưu trong hồ sơ ở đây. Trong bệnh viện của quận. Mà em nên nhớ là anh bạn già Herb của chúng ta thậm chí cũng không biết là cô ta có thai khi cô ta dọn đến nhé.”

“Thôi quên đi. Quên hết đi chị.”

“Em nghĩ xem mấy từ khắc trên bia này có nghĩa gì chứ?”

“Đó là lời trích trong kịch của Shakespeare. *Vở Macbeth*, đoạn Macbeth nói về sự chậm rãi của thời gian. Câu này nổi tiếng lắm đó.”

Candy thở dài. “Chị nghĩ mình đã không được học điều đó. Nhưng nó không phải là những gì mình tưởng tượng ra cho một đứa bé. Có lẽ lúc ấy cô ta không hoàn toàn bình thường nữa, Beth à.”

“Chuyện ấy cũng chẳng lạ lắm gì với em. Em nghĩ là vì em cũng không hoàn toàn bình thường khi có cảm giác giống hệt như thế.”

Beth lái trên đường về, còn Candy ngủ mơ mơ màng màng. Khi ngang qua Rockford, bỗng nhiên Beth ngồi thẳng lên và đập thẳng.

Candy hét lên: “Chuyện gì? Chuyện gì thế?”

“Cô ấy tóc bạch kim,” Beth nói.

“Ai tóc bạch kim chứ?”

“Tóc Cecil ấy. Em chợt nhớ ra. Ngày bọn em họp lớp ấy – em chưa từng nghĩ đến chuyện này, suốt bấy lâu nay em chưa từng nghĩ đến chuyện này. Nhưng Ellen nói tóc Cecil màu bạch kim. Nhuộm màu bạch kim. Còn Herb Fox thì nói cô ta bị ốm. Cô ta luôn gầy nhom gầy nhách. Và thậm chí sau này, khi cô ta khỏe lại và gặp George thì ông ta nói Cecil luôn luôn bôi tóc cao lên thành một búi. Vì thế dù vẫn trẻ tuổi nhưng cô ta đã có thể trông như một bà già nếu đội mũ và các thứ khác.”

“Thám tử Cappadora à, làm tốt đấy. Cũng có thể là thế. Có thể lắm. Cảm ơn em nhé. Giờ thì chị về nhà nghỉ ngơi đây, như bác sĩ Clomid nói đó, chị sẽ có thai vào ngày thứ Sáu.”

Sáng hôm sau Beth thức dậy trong tiếng lao xao cãi cọ ngay dưới cửa sổ phòng cô. Tối trước đó cô đã buông vật mình xuống giường, không trả lời những câu hỏi Pat nài nỉ, thậm chí không thèm đánh răng mà chỉ cởi được mỗi cái quần jean ra.

Giờ đây, khi cố làm cho tỉnh táo – lúc nhức đầu thì cô sẵn sàng sừng cò với bất cứ ai đụng đến mình – cô rất kinh ngạc khi nghe giọng Sam giận dữ.

“Con đã nói rồi! Con vẫn thường chơi mấy cái này mà!”

Và tiếp đó là giọng Pat: “Nghe này, con. Chơi mấy cái pháo bông đó là bất hợp pháp. Mình sẽ đi tàu của dượng Rick và dì Laurie và chúng ta sẽ được xem pháo bông thật. Con sẽ được ngắm chúng nở xòe ra trên khắp thành phố...”

Sam nói: “Gì thì gì con cũng phải nói qua với ba con một tiếng. Con không nhớ tí gì về Madison cả. Và tụi con vẫn có pháo bông do chú Pete mang từ Missouri đến, đẹp lắm, mà chỉ người lớn mới được cầm mấy cây pháo bông đó, nên rất an toàn...”

Beth nhồm hăn dậy, chống cùi chỏ lên ngưỡng cửa sổ để nhìn hai bố con. Vincent cũng có mặt ở đó, đang nghịch vớ vẩn với những thứ trong cốp xe hơi, còn Pat và Sam đang đứng đối diện nhau giữa lối xe ra vào. Tim Beth chột chặt lại khi nhận ra cách hai bố con đang đứng, tay chống lên hông thách thức, thật giống hệt nhau.

Trước đó Beth đã thấy rằng điều khó khăn nhất đối với cô hôm nay là không những phải kể lại cho Pat các sự thật cô và Candy đã biết mà còn phải giải thích cả tầm quan trọng của chúng nữa. Trước đây cô cho rằng chỉ cần biết những sự thật đó là đủ... ít nhất cho đến khi cô có thời gian ngẫm nghĩ

đến sự thông cảm cô dành cho Cecil và với cái tuần lễ vô ích được làm mẹ trong cô đơn đó để rồi tiếp theo là những tháng năm còn cô đơn và vô dụng hơn nữa.

Beth nhảy xuống đất, xỏ quần jean vào. Có lẽ cô phải can cuộc cãi nhau nảy lửa này hơn là giải thích tất cả những điều đó với Pat. Anh sẽ gọi đó là nỗi khát khao điên rồ được khám phá vận may trong xui rủi của Beth. Nó sẽ làm anh giận điên lên, anh sẽ nói những suy nghĩ của cô là loại ý tưởng có đầy rẫy trong giờ thứ hai của những bộ phim được sản xuất riêng cho truyền hình. Sự tranh cãi phía dưới kia là một trở ngại có tín hiệu tốt. Biết đâu chừng đấy, có lẽ Pat đã đúng – họ cần phải cho Sam thêm thời gian. Không còn lựa chọn nào khác.

Anh đang nói: “Sam à, sẽ rất vui đấy. Tất cả những chiếc thuyền khác đều đã có mặt trên hồ Mendota rồi, và thiên hạ đang reo hò cổ vũ từng bừng. Vui lắm. Con sẽ thích ngay thôi. Và dượng Rick với dì Laurie cũng có một cái hồ lớn như thế ở sân sau nhà...”

“Con không đi đâu,” Sam nói.

Pat nhẹ nhàng nói: “Con sẽ đi đấy. Khi cả nhà đi thì con cũng sẽ đi thôi vì bố mẹ đã lên kế hoạch rồi. Bố đi vào lấy thùng đựng đá đây. Khi nào mẹ với em Kerry thay quần áo xong mình sẽ lên đường.”

“Có lẽ cả nhà sẽ chỉ cho em thấy nhà mình nữa,” Vincent chọt xen vào đề nghị. Trong lòng Beth dâng lên niềm tự hào; nó nói nghe hợp lý quá, nghe người lớn quá. “Em không muốn thấy căn nhà chúng ta đã sống à?”

Mặt vẫn sừng sĩa, Sam nói: “Tại sao em lại muốn thấy nơi anh sống chứ? Em còn không nhớ đã được sinh ra nữa kia mà.”

“Em không hiểu kỳ tí nào hết à? Tổng thống Lincoln cũng có nhớ ngày mình được sinh ra đâu, nhưng anh dám cá là ông ấy thích về nhìn lại căn nhà nhỏ bằng gỗ của ông ấy lắm.”

“Mọi người có hiếu kỳ về cuộc sống của con đâu. Mọi người có bao giờ sang nhà con để xem phòng con hay mọi thứ khác đâu. Mọi người chẳng

giống ba con chút nào.”

Beth xen vào: “Đương nhiên là cả nhà thích George, Sam à.” Sam nhìn cô, nó vừa nhận ra rằng cô cũng đã có mặt ở đó. “Không phải là cả nhà không thích ông...”

“Mẹ có quan tâm đến suy nghĩ của ba con đâu.”

“Đúng vậy, chưa đủ,” Vincent khoái trá đồng ý.

“Vincent,” Beth cảnh cáo.

“Con nghĩ bố mẹ không thích ba con, và bố mẹ cũng có cho con được ở bên ba George vào dịp lễ Quốc khánh như con muốn đâu.”

Pat nói trong hơi thở nặng nề: “Vấn đề là con là con của bố mẹ chứ không phải con của ông George. Bố mẹ đang làm tất cả những gì tốt đẹp nhất đây, Sam, nhưng có vài điều rất khó mà chúng ta phải làm với danh nghĩa là những thành viên trong gia đình. Thế thôi. Có vài điều ta buộc phải làm, không thể thương lượng được.”

“Bố mẹ chỉ muốn khoe con thôi!” Đến đó thì Sam thét lên, rồi sợ hãi quay sang Beth. “Con không muốn nói thế.”

“Mẹ biết. Giờ thì con đi lấy găng tay bóng chày đi, hay bất cứ thứ gì khác con muốn đem theo rồi ta lên đường,” Sam ủ rũ đi vào nhà, theo sau là con Beowulf đang thở phì phì phấn khởi.

Thình lình Beth quay sang Pat với một ý tưởng bất chợt: “Anh biết gì không? Mình đi hai xe đi. Ngày mai em muốn đi tít lên Peshtigo chụp một ít hình. Và em muốn đưa nó theo, Sam ấy. Chỉ một mình nó và em thôi. Em sẽ có được một khoảng thời gian ở bên nó.”

Cô chú ý thấy Vincent đi chậm lại và bỗng dừng tập trung lắng nghe nên cô phải nói nhỏ lại khi thấy nó nhìn mình soi mói.

Pat chẳng để ý. Anh căn nhắc: “Vào lúc này hả? Tại sao lại là lúc này chứ?”

“Đừng nhìn em như thế, Paddy. Em chỉ mới nảy ra ý nghĩ đó thôi.... Gì thì gì em cũng đã muốn làm điều này từ lâu rồi, mà em nghĩ nếu nó chịu nói chuyện riêng với một trong hai ta thì sẽ có tác dụng đấy. Được chứ? Đây là dịp thuận tiện vì dường như nó đang mở lòng ra, anh có thấy thế không?”

Pat bước lên hiên nhắc thùng đựng nước đá lên. “Anh chẳng quan tâm, Bethie. Tuy nhiên, anh báo cho em biết trước là đừng quá trông đợi vào một cuộc ‘xưng tội’ giữa mẹ và con nhé. Anh ở bên nó nhiều rồi, ở đây, ở sân banh, ở sân vận động, ở nhà hàng và những chỗ đại loại như vậy mà nó vẫn khép kín. Nó điềm tĩnh đến mức làm anh phát ghen tị lên ấy.”

“Có lẽ nó sợ quá không nói nên lời đấy thôi. Sáng nay nó không được bình tĩnh lắm.”

Pat mỉm cười mệt mỏi: “Cứ làm theo ý em đi.” Sam bước ra đứng trên hiên nhà. Pat quay lại nói với nó: “Giờ thì ta lên đường nào. Con đi với mẹ đi.”

Nhưng Sam, với một nỗ lực cuối cùng để giữ thể diện, khẳng khái đòi được đi chung với Vincent dù Kerry năn nỉ Sam đi với nó trong chiếc Volvo cũ của Beth để chơi trò Lô-tô Xe hơi.

Đến nhà Laurie và Rick thì nó vui hẳn lên, nó chèo thuyền trong hồ bơi, ăn không phải một mà là ba cái hamburger với đầy đủ gia vị, một công thức đặc biệt của Rick. Ngay trước khi trời tối, họ thả thuyền của Rick từ bến tàu Robertson xuống, Rick trả đũa Laurie suốt về những năm cô đã chọc ghẹo anh vì anh dong thuyền Queen Mary trên một cái hồ có kích cỡ nhỏ xíu. “Anh cá là giờ thì em rất vui khi thấy thuyền có thể chứa được chín người rồi, đúng không?” Rick cứ gặng hỏi mãi còn Laurie thì cứ ném mấy cái áo phao lên đầu anh.

Họ chèo chậm chậm trên mặt nước đen thẫm giữa hồ, và sau một lúc thì pháo bông bắt đầu nở bung trên bầu trời phía Bắc và phía Đông, hắt lên mặt lũ trẻ những vệt xanh xanh tím tím. Beth âm thầm ngắm Sam và nghĩ đây là lần đầu cô thấy mắt nó ươn ướt. Nhưng khi thấy cô nhìn nó chăm chú, nó nhoèn miệng cười để lộ hai hàm răng trắng đều tăm tắp, một nụ cười dường

như để chứng minh rằng nó là một đứa bé ngoan chứ không hư hỏng. Lúc đó cô muốn ôm siết nó vào lòng quá. *Ngày mai, Beth nhủ thầm, ngày mai, ngày mai.*

Sáng hôm sau, họ không đi sớm được vì ăn sáng quá trễ và vì quần quít với một lô một lốc thứ khi tạm biệt nhau – phải đổi các túi xách và đồ đạc linh tinh từ xe này sang xe kia đến bốn lần mới xong, và phải mất một lúc để chờ Vincent, lẳng lặng đi mà không báo cho ai biết, đem cái bằng lái xe mới cóng đến khoe Alex Shore. Sau cùng thì Sam và Beth cũng hài lòng ngồi trong xe nghe Tom Petty hát cả tiếng đồng hồ về những cô bé ngoan đem lòng yêu Elvis. Beth lái lên Xa lộ 151 về phía thành phố Fond du Lac, nơi có vài ngọn cây đang đổi màu, rồi rẽ vào đường 41, đi qua thành phố Green, gần chứ không ngay sát bờ hồ Michigan. Không hiểu sao cô thấy vui như tết, trẻ hẳn lại và thơ thới hân hoan. Cô cười tán dương Sam khi bỗng dưng nó bắt đầu hát bè với cô.

Cô hỏi: “Sao con học được cách hát bè giỏi thế?”

“Má con hát được mà,” Sam vui vẻ đáp rồi liếc nhìn cô nói: “Con xin lỗi.”

“Cưng à. Mẹ biết cô ấy biết hát. Cô ấy có một chất giọng thật tuyệt. Mẹ nghĩ con hát cũng hay gần bằng như thế rồi đó.”

“Mẹ biết má con.” Đây không phải là một câu hỏi. “Ý con là, mẹ biết Cecilia?”

“Dĩ nhiên rồi,” Beth đáp, tim cô đập thành thịch. Nó chưa từng đặt câu hỏi với cô nhiều đến thế. “Tất cả mọi người đều biết cô ấy. Cô ấy rất nổi tiếng. Rất đáng yêu và rất có tài. Mẹ ganh tị với cô ấy vì Cecilia là bạn của dì Ellen – người bạn thân nhất của mẹ.”

“Tại sao chứ?”

“Vì Cecil quá ... người lớn. Và mẹ nghĩ dì Ellen thích cô ấy hơn dù thực tế thì không phải vậy.”

Ôi lạy Chúa, Beth nghĩ, tại sao con lại nói thế nhỉ?

“Má con có dễ thương không?”

“Má con... mọi người đều bị cô ấy thu hút. Giống như một ngôi sao điện ảnh vậy.”

“Đối với con thì không.”

Bụng Beth nhộn nhạo. *Từ từ thôi*, cô nghĩ. *Từ từ đã nào*. “Ý con là cô ấy cư xử với con không tốt à?”

Sam cười phá lên. Nó cười thật to! “Không phải, ý con là con không nghĩ má con là một ngôi sao điện ảnh. Bà chỉ là má con thôi. Ba con kể thậm chí hồi con còn nhỏ khi con thấy bà trên tivi thì con cũng chỉ đi ngang qua và nói: ‘Ồ, má kia.’” Beth cố cười thành tiếng nhưng chỉ khục khục được nho nhỏ trong miệng thôi. *Ôi, giúp con với*, cô than thầm – “Bà chỉ là má con thôi” – *ôi, giúp con với*. Nhưng Sam nói tiếp: “Má con hồi đó có... bị tâm thần không?”

Beth nhăn mặt. “Không. Cô ấy khác cơ...” Beth thấy Sam đơ người ra và cố làm nghiêm lại.

“Không phải là theo nghĩa xấu. Cô ấy là... một nữ diễn viên điện ảnh.”

“Đôi khi con nghĩ bà bị tâm thần là do những gì bà đã làm.”

Beth hơi loạng choạng lái chệch đi một chút, nhưng rồi lại giữ vững được tay lái. *Nó đang nói với cô là nó đã biết điều ấy khi nó còn bé ư, rằng Cecil đã đánh cắp nó?* “Vì những gì bà ấy làm à? Con muốn nói gì chứ?”

“Ý con là đánh cắp một đứa bé. Sau khi con gặp bố mẹ, con bắt đầu nghĩ rằng có lẽ không phải bà ấy bị tâm thần vì con quá... mẹ biết đó, quá khó cho bà khi phải một mình dạy con. Bà mắc bệnh tâm thần vì hồi trước bà đã gây chuyện này.”

Beth chậm rãi đáp: “Sam à, con không hề khó dạy. Con là đứa bé dễ chịu nhất trên thế giới này. Con cứ hỏi bố đi. Và Sarah nữa... bà ngoại Lockhart của con nói thỉnh thoảng má con cũng đã như thế rồi khi bà còn bé ấy.”

Sam gật đầu, và Beth nghĩ *Con cũng muốn thế mà, phải không? Mình có nên tiếp tục không, có nên mạo hiểm phá vỡ đi những cảm xúc mới mẻ và mong manh này không? Nhưng mình cũng có thể mất cơ hội này mà. Mình đã mất nhiều hơn được rồi mà.*

“Sam, mẹ cứ thắc mắc liệu con có biết rằng Cecil không phải là... mẹ ruột của con không.”

“Con không biết, con đã nghĩ bà ấy là mẹ ruột.”

“Vậy là chỉ từ khi con về lại, chỉ mới mùa xuân này con mới bắt đầu nghĩ đến lý do vì sao bà bệnh à?”

“Dạ. Mẹ có đĩa nhạc nào khác không?”

Beth sửng sốt. “Hả?”

“Có đĩa nào khác không ạ. Vì đĩa này nghe hết rồi. Mẹ có đĩa nào cũ của Beatles hay ban nhạc nào khác không?”

“Sam, tất cả những gì mẹ muốn con biết là không phải...” nhưng ngay lúc đó nó bèn quay sang mò tìm trong hộp đựng găng tay, cứ như nó đang giơ cao tấm bảng semaphore có mấy chữ “Ngừng Nói Chuyện” vậy. Vì thế Beth đành tìm cho nó một đĩa của ban nhạc Animals, và bắt đầu nói huyền thuyên về thành phố Peshtigo, trong bụng thầm cầu xin cho nó chú ý nói chuyện trở lại với mình.

“Con có biết Vụ Cháy Kinh Hoàng của Chicago không?”

Sam nhìn cô thương hại. “Có chứ.”

“Vậy con có biết rằng có một vụ hỏa hoạn thậm chí còn lớn hơn vụ đó ở Peshtigo, cái thị trấn nhỏ mà chúng ta sắp tới không? Vào cùng một năm, năm 1871, lại cùng một ngày không?”

“Thật hả?”

Và sau khi đã làm nó chú ý trở lại, Beth ngừng sát ngay viện bảo tàng lính cứu hỏa, trong một nhà thờ cũ trên đường 41. “Mình có thể vào đây được

đó. Trong này hay lắm. Có đủ thứ được tìm thấy sau một vụ hỏa hoạn, ví dụ như mấy dụng cụ làm vườn bị cong queo vì sức nóng. Họ gọi nó là ‘cơn bão táp của thần lửa’. Con muốn vào không?”

“Mẹ phải chụp hình những thứ đó à?”

“Không. Mẹ sẽ chụp vài tấm hình trong nghĩa trang nhỏ phía cuối đường kia, nơi có nhiều người chết và được chôn ở đó.”

“Vì sao ạ?”

“À, mẹ thích các nghĩa trang.” *Ngày mai*, cô nghĩ. *Ngày mai và ngày mai và ngày mai*. “Và, đó là... con biết không... đó là một bi kịch lớn. Tất cả các tòa nhà trong thành phố này đều bị cháy. Không còn sót lại chút gì.”

“Còn người ta ...?”

“Hàng trăm người chết. Con biết không, nhiều người chết hơn vụ hỏa hoạn ở Chicago nữa, Sam à, nhưng vì Chicago là thành phố lớn nên mọi người chú ý đến nó.”

“Vậy thì mình đến nghĩa trang đi mẹ.”

“Ừ.”

Đề xem, Beth nghĩ, *mình có nhớ nó ở đâu không nhỉ?* Cô vòng xe lại – lần cuối cùng cô có mặt ở Peshtigo là... khi nào nhỉ? ... năm 1991? Khi ấy cô chụp ảnh cho tạp chí *Midwest Living*, cho mục các ngày lễ lịch sử và các thành phố ma. Nhưng cô hầu như không nhớ được lần chụp ảnh đó – như thể cô đã làm quá nhiều việc sau kỳ họp mặt đó, một giấc mơ mờ mờ nhân ảnh. Bây giờ, cô có thể nhìn vào những tấm ảnh của mấy năm ấy mà không hề nhớ là mình đã từng đưa máy lên ngắm, hay nhớ những người cô đã nói chuyện và ở bên cạnh họ.

Thời gian đầu ở Peshtigo, trước khi Ben mất tích, được cô nhớ rõ ràng hơn. Beth rất thích thành phố này vì nó luôn là một trong những nơi thiêng liêng tuyệt đẹp để chụp ảnh. Có lần, khi vừa mang thai Kerry, cô đã chụp một loạt những ngôi mộ của một gia đình trong một nghĩa trang nhỏ bên

ngoài viện bảo tàng, nơi người chết nằm dưới một tán cây to còn nhiều tuổi hơn họ: Sarah, Người Vợ Yêu Dấu; Alvey, Một Tuổi; Maria, Hai Tuổi; Arthur, Chồng và Cha. Cô đã nằm xuống trên đám cỏ phía trên mấy năm xương đó, và nghĩ – như cô thường nghĩ trong những ngày còn làm báo, mỗi lần chụp một cái cẳng cứu thương bên trên có một thân thể được quấn trong chiếc chăn nhỏ nhoi đến nỗi dường như không thể định hình được – *nếu mình nhận hết nỗi đau này, nếu mình để nó làm tổn thương mình thì những gì của mình sẽ thoát được nó. Do những đau đớn đã nhận trước đó, bản thân mình sẽ không bị hủy diệt. Lưỡi hái sẽ mù quáng phạt khắp chung quanh, nhưng sẽ không thấy Vincent, không thấy Ben.*

Giờ đây, khi nghĩ về con người ngây thơ lúc ấy, Beth thấy thương hại cho mình vì cô từng thật sự tin vẫn có thể ngăn được mọi chuyện xảy ra, giống như một đứa bé mười tuổi vẫn còn tin vào sự hiện diện của ông già Noel vậy.

Miên man suy nghĩ về cô Beth ngây thơ ngày đó khiến cô không thấy cái cổng vòm khiêm tốn dẫn vào nghĩa trang Rock of Ages, nên cô phải vòng lại qua một cánh đồng mướt xanh đến nhức mắt. Lúc đó cô chợt nhớ ra rằng con đường đã được sửa lại, đẩy lùi những ngôi mộ xưa nhất trong nghĩa trang lên một ngọn đồi nhỏ cách đó một khu nhà.

“Mẹ muốn lên trên đó, lên ngọn đồi đó. Đó là nơi yên nghỉ của những người đã chết trong vụ hỏa hoạn,” cô nói với Sam.

Cô lái xe vào nghĩa trang, đi trên một con đường rải sỏi, ngừng xe lại rồi vội vàng bắt đầu lấy dụng cụ trong xe ra. Chiều dần buông xuống; và ánh sáng cuối ngày, với những tông màu trầm, màu cam đỏ là những gì cô muốn cho bố cục những bia mộ hình tròn và chữ nhật của mình. Cô lấy bộ đèn flash ra để dự phòng, mang theo hộp đựng cái máy ảnh Hasselblad, một tấm hắt sáng xếp lại được, mới đến nỗi cô thấy nó cứng ngắc và lạ lẫm trong tay mình.

“Mẹ muốn con cầm cái gì cho mẹ nào?” Beth nhận ra rằng mình vẫn còn ngạc nhiên khi thấy Sam luôn ngỏ ý giúp đỡ thật dễ dàng, thật tự nhiên –

một cậu bé thật ngoan, có giáo dục.

Cô đưa cái túi xách của cô cho nó rồi hai mẹ con bắt đầu đi ngược lên con đường mòn lổn nhổn đá. Beth ngắm con trai cô và chỉ lơ mơ cảm nhận được ánh sáng tuyệt đẹp cuối ngày. Có một tấm bia hình vương miện với những bia nhỏ xếp chung quanh giống như học sinh đang vây quanh bàn cô giáo. “Để mẹ chụp cái kia,” cô nói với Sam. Sam ngắm cô ngồi thụp xuống chụp từ chân bệ tượng đài cao nhất.

“Mẹ thấy những gì hả mẹ?”

“Mẹ đang ngắm cái dáng của tấm bia nổi bật trên nền trời, như thể nó đang bảo vệ cho những tấm bia nhỏ kia vậy. Đây này...,” cô tháo dây đeo quanh cổ cô ra rồi chuyển ống ngắm sang mắt Sam. “Con thấy chứ?”

“Con thấy rồi,” nó nhìn thật kỹ rồi nói.

“Con có muốn chụp không?”

“Con chưa sử dụng loại máy ảnh này bao giờ.”

“Để lắm, con,” Beth đặt tay mình lên mấy ngón tay nó và trong khi chỉ cho nó cách sử dụng các nút trên máy, Beth vẫn thấy choáng váng khi tay mình chạm phải làn da mịn màng mượt lông măng của nó. “Giờ thì mẹ đứng lên đây. Con chụp nhé.”

Cô đứng lên, lùi lại một bước, đụng phải vật gì đó cứng cứng; cô lao đảo quay lại, suýt đụng phải một ông già. Beth hoảng vía hét lên và thở phào nhẹ nhõm khi ông ta gỡ chiếc mũ sọc của nhân viên đường sắt ra rồi cười phá lên.

“Cô tưởng tôi là ma à?” ông hỏi. Và khi thấy Sam, người đang liên tục bấm máy, thậm chí không quay lại khi mẹ nó hét váng lên, ông hỏi: “Tay nhiếp ảnh gia kia là ai thế?”

“Con tôi đấy,” Beth đáp, rồi nói thêm. “Thật ra tôi mới là nhiếp ảnh gia. Tôi kiếm tiền bằng nghề chụp ảnh. Nhưng chúng tôi đang đi qua đây.” Sam đứng dậy rồi cẩn thận đeo máy ảnh vào cổ.

“Chào ông,” nó lên tiếng, và người đàn ông nắm lấy tay nó rồi mỉm cười với Beth, một nụ cười bí ẩn san sẻ niềm tự hào của cô vì phong cách lịch sự cổ điển của Sam.

“Tôi là Will Holt,” ông già nói.

“Tôi là Beth. Tôi từ Chicago đến. Đây là Sam. Ông làm việc ở đây à?”

“Làm việc ở đây, sống ở đây luôn,” ông nhướn miệng cười, một gương mặt nông dân chất phác với những nếp nhăn chạy dọc quai hàm. “Ý tôi là không phải *dưới đây*. Ít nhất thì chưa dù tôi nghĩ cũng sắp đến thời kỳ rồi. Nhưng sống ở Peshtigo. Từ xưa đến giờ.”

“Tôi đang tìm mộ những người sống sót trong vụ hỏa hoạn.”

Ông ta lại cười to hơn. “Chẳng có ai đâu. Tôi e là thế, thưa quý cô.”

“Dĩ nhiên là tôi muốn nói đến các nạn nhân ấy,” Beth đỏ bừng mặt.

Beth thấy sau lưng ông là chiếc xe bò nhỏ, dáng giống một chiếc cút kít, nhưng thật ra thì giống xe bò hơn. Nó đầy ắp những đóa hoa xanh đỏ và một đồng cờ Mỹ xinh xinh. Dõi theo mắt cô, Holt nói: “Lễ Bốn tháng Bảy. Đã định dọn cho sạch trước khi trời mưa làm chúng héo hết. Như thế mọi người chắc buồn lắm đấy. Mấy vòng hoa Giáng Sinh thì trụ lại được đến tận tháng Hai. Cứ nghĩ thế tôi thấy buồn quá. Mới bị cúm có vài tuần mà đã yếu rệu như mèo mướp suốt cả đông. Chắc phải chạy bộ, nhỉ?”

“Vâng, như thế thì tốt hơn,” Beth đáp. “Xin phép ông cho tôi chụp cái xe đó nhé?”

Holt chỉ về phía chiếc xe. “Được chứ, xin mời.” Sam đưa máy ảnh cho cô.

Nó hỏi Holt: “Những bó hoa này là từ mộ của các quân nhân hết hả ông?”

“Không phải tất cả đâu. Chỉ vài bó thôi. Hầu hết là từ những ngôi mộ của dân thường. Thân nhân họ nhớ đến họ vào những dịp lễ lạc.” Ông quay sang Beth, giờ đã chụp hình xong, nói tiếp: “Giờ thì phần lớn mộ của những người chết trong vụ hỏa hoạn đó nằm ở trên kia – không phải ở đoạn giữa đâu, ở đằng kia, ngay dưới cây dương lá rung ấy. Dĩ nhiên đó không phải là

chỗ họ nằm đầu tiên; cách đây mấy năm thì một phần nghĩa trang này đã bị di dời.”

“Tôi biết. Trước đây tôi cũng có đến nơi này rồi,” Beth nói.

“À. Cô ở đây hả?”

“Ở Chicago,” Beth lặp lại. “Tôi đã từng sống ở Madison.”

“Madison? Tôi đã học đại học ở Madison. Đại học Nông nghiệp. Tôi là nhân viên phục vụ điện thoại có thâm niên công vụ đấy.” Ông bước đi khó nhọc về phía cái xe rồi nắm lấy tay đẩy. “Rồi tôi về hưu. Và giờ thì tôi làm công việc này, bất cứ khi nào tôi muốn làm. Ít tiền lắm. Nhưng cũng khá nhàn. Trước đây tôi thường đào huyết với vài thằng nhóc nữa, nhưng giờ đã có xe ủi thay thế rồi.”

Ông Holt bắt đầu sai bước, Sam nối gót ông ta. Beth đi sau cùng. Cả ba người đi dọc theo một trảng cỏ rộng bằng phẳng xanh lấp lánh chạy lên đến đỉnh đồi. Họ đi qua một ngôi mộ trông còn quá mới đối với những người nằm trong đó với dòng chữ: “Caron Anne, Con Út Của Chúng Tôi. 1985-1988.”

“Đó là đứa nhỏ nhất của dòng họ Willard. Nực cười nhất – chết vì bệnh viêm tai. Mấy đứa cháu tôi cũng bị sưng tai cả tuần lễ mà có đứa nào chết đâu. Mẹ nó muốn nó nằm trên này dù hầu hết mọi người thích chỗ kia hơn, cạnh nhà thờ, ở đó cảnh đẹp hơn nhiều. Chúng tôi đều rất buồn, nếu không chúng tôi đã không đề nghị, và dĩ nhiên là có những thế hệ của dòng họ Willard trên này, vì thế nó nằm giữa những người thân của nó.” Họ tiếp tục đi.

“Kia cũng là một đứa bé nữa,” Sam vừa nói vừa giơ tay chỉ.

“Đúng vậy,” ông Holt gật đầu rồi giở mũ ra. “Những chỗ như thế này lẽ ra nên dành cho những lão già như tôi năm mới phải, nhưng đời không phải lúc nào cũng như ý. Đây, mộ của Grace Culver, cùng tuổi với con trai tôi, thằng Bill. Trên xe buýt, anh con bé bảo sẽ bắn nó bằng súng của bố nó khi chúng về đến nhà, và nó làm thế thật. Đó là năm 56. Đúng rồi, 56.”

“Ôi Lạy Chúa,” Beth thở hỗn hển.

“Xin lỗi cô. Tôi không có ý làm cháu đây sợ,” ông Holt vừa nói vừa khoát tay về phía Sam.

“Cháu không sợ ạ,” Sam đáp, ánh mắt nó vẫn điềm tĩnh.

“Cháu đã bị bắt cóc một lần rồi.”

Ông Holt liếc sang Beth. Cô gật đầu. “Đúng đấy.”

“Lúc đó cháu có sợ không?” Holt hỏi Sam.

“Dạ không. Lúc đó cháu còn nhỏ. Và má cháu, bà ấy... À, cháu vừa trở về với gia đình trước khi nhà trường kết thúc năm học.”

“Cháu bị mấy tháng trời luôn à?”

“Hàng mấy năm đó ạ. Cả cuộc đời của cháu.”

Beth lúng túng chỉnh lại máy ảnh. “Là thế này... có thể ông đã đọc về cháu nó rồi cũng nên... lúc đó chúng tôi sống ở Madison. Cháu là Benjamin Cappadora.”

“Ôi Chúa ơi, đúng rồi. Chúa ơi, đúng rồi,” ông nhìn Sam từ đầu đến chân. “Dù sao trông cháu vẫn tốt.” Rồi quay sang Beth. “Còn cô thì sao? Mọi chuyện đều tốt đẹp cả chứ?”

“Vâng, phần lớn là thế,” Beth nói và cố cưỡng lại mong muốn được kể hết cho con ma hiền lành dễ thương cô gặp trong khu nghĩa trang này rằng “Ông nên tìm hiểu rõ hơn là tin vào mọi điều ông nghĩ mình thấy; con trai chúng tôi bị đánh cắp, và thật ra chúng tôi không có lại được nó, dù ông có thể đọc được trên tờ *People* một chuyện khác.” Cô muốn hỏi “Ông Holt này, ông có nhiều kinh nghiệm về bản chất của con người rồi, ông nhìn xem, đối với ông, chàng nhóc lịch sự và tò mò này có đang thoải mái trên thế giới này không? Có giống như đứa con hoang đàng của một trong những gia đình may mắn nhất và hạnh phúc nhất không? Còn tôi nữa, trông tôi có giống mẹ nó không? Hay là một diễn viên? Thật ra thì bà má kia của nó mới là diễn viên...”

Đến lúc ấy, Sam hỏi ông Holt liệu những ngôi mộ gần nó nhất có phải là của những người chết trong vụ hỏa hoạn không. Sam nói: “Tất cả đều có tên giống nhau.”

“À, Sam, đó lại là một câu chuyện khác. Carrie Moss và bốn đứa con của cô ấy. Đứa lớn nhất mười một, đứa nhỏ nhất mới lên ba.” Beth nhìn xuống mấy hòn đá gọn gàng, tất cả đều hòa hợp khít với nhau thật hoàn hảo, rồi nhìn Sam. Cô có nên chặn ông Holt lại không? Chuyện này kinh khủng quá. Sam đang sững sờ. “Đây là một công nhân đường sắt. Bị mọi người khắp nơi nguyền rủa, cô biết rồi đó. Nhưng hãn được sinh ra ở đây. Theo như hãn nói, khi họ bắt được hãn ở Madison, thì hãn đang yêu Carrie Moss, hãn yêu cô ta từ khi họ còn nhỏ. Một ngày nọ khi chồng cô ấy đang thu hoạch vụ mùa ngoài đồng – ôi, cách nhà có non cây số chứ mấy – hãn mò đến nhà họ.”

Giọng Sam chùng hãn xuống, nghẹn ngào: “Gã đó... đã giết họ?”

Ông Holt điềm đạm đáp: “Đúng vậy. Ngôi nhà ấy vẫn còn đó, ngay trên đường đi gần dòng suối Keller. Nhà rất đẹp. Nhưng không ai mua. Frank Moss đã chuyển đến sống ở thành phố Des Moines rồi. Không phải, tôi nhầm. Ở quận Dubuque chứ. Chuyện này xảy ra ngay trước chiến tranh... năm 43. Không phải toàn bộ tội ác xảy ra ở thành phố Milwaukee – không, không phải. Không phải toàn bộ vụ việc xảy ra ở Chicago đâu.”

Họ đi lên một con đường mòn nhỏ đến lưng chừng đồi. Bên trái có một cái bia nằm chơ vơ, Beth dừng chân. *Không, cô nghĩ. Có lẽ Sam sẽ không nhận ra đâu.*

David Taylor Holt. Không ngày không tháng, chỉ khắc độc một bông hoa súng trên nền đá cẩm thạch hồng. Sam ngồi sụp xuống sờ lên tấm bia.

“Người này là bà con của ông ạ?” Beth hỏi nhỏ.

“Đúng. Tôi rất buồn khi phải nói đó là con trai tôi.”

“Chú ấy mất trong chiến tranh ạ? Chú ấy có phải là lính không?” Sam hỏi.

“Sam, từ từ đã,” Beth mắng.

“Không sao. Tôi rất vui khi cháu nó nằm ở đây – tốt hơn là nếu chúng tôi, mẹ nó và tôi, phải xuống dưới thành phố Beloit kia. Đó đã là nơi nó từng sống. Nó không phải là lính đầu con trai à, chỉ là sinh viên thôi.”

“Chú ấy có... có bị bệnh không?” Sam hỏi.

“Không, không. Dù xét về một khía cạnh nào đó thì cháu nói thế cũng đúng. Chúng tôi nghĩ đó là những gì một thanh niên thường trải qua – nhậu nhẹt, bị điểm xấu, trốn học. Nhưng tôi nghĩ có lẽ lúc ấy nó đang phải trải qua một thời kỳ buồn phiền, chán nản. Nó yêu một cô gái, nhưng con bé ấy không đáp lại tình yêu của nó. Và một đêm nọ, khi đang say khướt, nó lái xe về nhà, đậu xe trong gara của căn nhà nơi nó thuê một phòng. Rồi nó cứ mở máy xe. Nó đã mua một bình xăng đầy. Thật tội nghiệp cho bà chủ nhà, bà ấy cũng bị thương nặng lắm.”

“Chú ấy bị tâm thần,” Sam nói. “Tội nghiệp quá.”

“Sam!” Beth không biết phải phản ứng ra sao nữa.

“Cháu nói đúng, Sam. Nó bệnh thật mà chúng tôi không hề hay biết,” ông Holt đưa tay ra quẹt một chòm lá quăn tít vào nhau trên mặt tấm bia sang một bên. “Giờ thì mẹ nó nghĩ Donnie đang ngủ. Mà cũng phải thú thật tôi bảo bà ấy rằng tôi cũng nghĩ thế. Nhưng thực ra tôi biết rõ hơn. Tôi tìm được thứ gì đó, một bài thơ nó đang viết. Bài thơ cũng buồn như mấy bài dân ca vậy. Nó viết: ‘Tôi có thể yếu đuối và cũng có thể mạnh mẽ, nhưng tôi hiện diện trong cái thế giới hiểm ác này quá lâu rồi.’ Cho nên tôi biết lúc đó nó không thể chờ đợi thêm được. Và nó viết có lẽ là vào Giáng Sinh trước đó, khi nó về nghỉ lễ ở nhà. Nhiều tháng trước đó chứ. Chà, chà. Đã mười năm rồi.”

“Ông nhớ chú ấy,” Sam nói.

“Ừ, tất nhiên,” ông lắc lắc đầu như để giũ bỏ hoài niệm. “Giờ thì cô và cháu lên phía trên đi, phía bên trái ấy. Tôi xin lỗi. Tôi phải ngừng chân ở đây.”

“Dạ được,” Beth tán đồng. Nhưng cô không muốn bỏ ông lại đó. Cô muốn đưa ông đến một chỗ nào ấm cúng như ở nhà, như nhà hàng Pepper Pot trong thành phố ấy rồi mua Côca mùi vani và bánh xănguych cho ông và cho cả Sam nữa. Họ có thể ngồi nói chuyện trong một quầng sáng vàng ấm cho đến khi cả ba thấy mạnh mẽ hơn và đầy nghị lực trở lại.

“Chúc cô may mắn, Beth,” ông vừa nói vừa tiếp tục đẩy cái xe trên con đường mòn. “Sam này, chăm sóc mẹ cháu đấy nhé.”

“Cháu cũng chúc ông may mắn ạ,” Sam nói, rồi quỳ xuống gần tấm bia cẩm thạch hồng. “Sao mẹ lại nghĩ đây là hoa súng?”

“Mẹ không biết. Có thể là chú ấy thích hoa súng.”

“Mùi của nó ghê quá. Nhưng ông ấy là một ông già dễ thương mẹ nhỉ.”

“Ừ. Tội nghiệp thật.”

“Vâng,” Sam ngừng lại một lát. “Ý mẹ là tội cho ông hay cho con trai ông?”

“Cả hai.”

“Con không biết về chú ấy,” Sam chỉ vào phía tấm bia hồng đang lấp lánh trong ánh nắng chiều muộn. “Đối với chú ấy thì có lẽ như thế lại tốt hơn.”

Beth sững sờ, chiếc máy ảnh đang đưa. “Con nói thế nghĩa là sao?”

“Nghĩa là chú ấy buồn khổ quá, có lẽ tốt cho chú ấy nhất là chỉ... ngủ yên. Có những điều còn tồi tệ hơn là chết nữa.”

Beth há hốc miệng kinh ngạc. Chiếc máy ảnh đang đưa đập vào ngực cô. Bỗng nhiên cô muốn được lay người Sam, hay vả cho nó một cái. “Sam, chú ấy chết rồi. Cuộc đời chú ấy đã hoàn toàn chấm dứt rồi. Không phải chú ấy đang ngủ đâu. Chính chú ấy tước đoạt cuộc sống khỏi bản thân và cha mẹ đấy chứ. Và tất cả là vì một điều gì đó lẽ ra chú ấy đã phải vượt qua nếu chú ấy biết tận hưởng thời gian quý báu của cuộc đời mình.”

Sam ngoan cố di di mũi giày, hất hất đám đất tươi xộp dưới chân. “Cũng có thể không phải. Có thể chỉ vì chú ấy buồn quá.”

Mình ngã xuống mất, Beth nghĩ. Đất dưới chân như đang kéo cô xuống bằng những tiếng rền rĩ ngày càng nhiều hơn vọng lên từ lòng đất. Ngày một dữ dội hơn, xương cốt dưới các nắm mồ cũng lên tiếng cảnh cáo cô bằng thứ âm thanh rợn người của đám lá dương rung rinh trên đầu, càng lúc càng dữ dội.

Lưỡi hái đã vung lên phá ra hơi thở của nó; và thật ra thì nó đã chém hụt Ben. Ben, hay Sam, đã phải chịu đựng một thời thơ ấu khá khó khăn, tuy vậy, với tư cách là Sam, nó đã vượt qua được. Nhưng bây giờ, tinh hoa của nó không phát tiết thêm nữa. Nó chỉ đang tồn tại, và chỉ nhờ vào bản chất mạnh khỏe tự nhiên của nó mà thôi.

Không phải nhờ nó đã được về, được gặp lại các thành viên trong nhà. Không phải. Lợi ích của họ lại là mất mát của nó. Beth đã được trả lại một đứa con xa cách với mình với vợ.

Gì thì gì, cô lại chẳng may mắn, hạnh phúc hơn bao nhiêu người khác trong nhóm Trắc Ẩn sao?

Cô có thể thấy được con mình; cô biết rằng nó thích nhất món gyro và ya-ua cho bữa ăn tối, rằng nó không phải một độc giả đọc kỹ lưỡng cẩn thận mà là một người đọc rất nhanh, rằng nó đánh vi tính rất giỏi mà không cần nhìn bàn phím; cô đã được chứng kiến bước chuyển đổi lớn của nó từ một chú hề to xác nhả mặt làm trò với các đồng đội thành một vận động viên nghiệp dư với cú đỡ bóng chày tuyệt đẹp khiến Pat hạnh phúc đến ứa nước mắt.

Cô biết con mình đang ở đâu, Beth nghĩ khi tia nắng cuối cùng tỏa xuống từ đỉnh đồi. Và rõ ràng không phải ở đây.

“Sam, mẹ muốn hỏi con một chuyện.”

“Gì vậy mẹ?” Sam đứng lên, phui bụi.

“Có bao giờ con ước ao được chết không?”

“Không,” nó đáp ngay.

“Vậy con ước gì?”

“Con vừa nói là có nhiều điều còn tệ hơn chết nữa rồi mà.”

“Như là gì?”

“Như việc mọi người luôn can thiệp vào đời sống của ta và ép ta ở một nơi mọi người đều ghét ta.”

“Con nghĩ là... chúng ta ghét con à?”

“Không phải mẹ.”

“Vậy thì ai chứ?”

“Anh Vincent ấy.” Nó cầm dụng cụ hắt sáng của Beth lên, ngoảnh lại về phía đời. Có một tia sáng lóe lên trên đó, và trong thoáng chốc, Beth tưởng đó là một sao băng; nhưng rồi cô nhận ra đó là ánh chớp từ tháp truyền thanh để báo cho máy bay không được đến gần. “Khi con còn ở nhà bên kia, con với ba có nói chuyện với nhau, ông nói hai cha con có thể liệt kê ra một danh sách về những điều không tệ khi con trở về đây. Và con đã viết một trong những điều đó là được có anh có em.”

“Rồi con thấy sao?”

“Và rồi... ý con là Kerry rất dễ thương, còn anh ấy nhìn con như thế... lạy Chúa, mẹ thấy anh ấy nhìn con như thế nào rồi đó!”

“Sam này, mẹ nghĩ anh ấy nhìn con cũng giống như nhìn tất cả mọi người trong gia đình thôi mà. Anh ấy... anh ấy đã có một thời bị khủng hoảng tâm lý.”

“Nhưng đó có phải là lỗi của con đâu! Con vẫn thường nói với bố mẹ như thế mà!”

Cô không thấy rõ nó, chỉ thấy được đôi vai oằn xuống, nhưng Beth cũng đưa tay ra ôm lấy nó. Nó không cưỡng lại; có lẽ cô đã tưởng tượng, nhưng hình như nó có hơi níu lấy cô một chút.

“Ôi, Ben... Sam con,” cô thì thầm vào tai nó. “Con có biết là mẹ đã không thể ôm con như thế này bao nhiêu triệu năm rồi không? Và con đã không được mẹ ôm bao lâu rồi không?”

Nó vỗ vỗ lưng cô như một đồng nghiệp thân thương, như ông Angelo vẫn hay làm. Nó nói: “Họ có ôm con. Họ ôm con suốt.”

Cô đơ ra, không thể thốt nên lời. Cổ họng cô tê dại với cảm giác xót thương và một lương tâm cắn rứt.

“Con ao ước điều gì hả Sam?” cuối cùng thì cô cũng hỏi được.

“Con không biết nữa. Chỉ là... con ước được sống như trước đây. Ngoại trừ một điều là đừng làm mẹ và bố Pat buồn. Bố mẹ buồn thì con cũng không chịu được. Con chỉ... con cũng không biết nữa.”

Lúc ấy Beth nghĩ đến những câu hỏi trước đó Sam thường đặt ra, và cô đã phải cố không biến mỗi câu trả lời thành một bài diễn văn dài bốn mươi lăm phút. Khi nó còn bé, con Beowulf có thích nó không? Nó có được thấy Kerry ngay khi con bé được sinh ra? Beth có nhớ là nó bị dị ứng với mùi quế không? Nó biết chắc là bây giờ nó dị ứng với mùi đó dù ông George nói là chỉ vì nó đã có lần nôn ra tất tần tật sau khi đã ních cả một túi nửa ký bánh sữa nhỏ tẩm dấm nước đường có mùi quế. Sau mấy tuần liền với những câu hỏi nho nhỏ, những câu trả lời nho nhỏ như thế Beth mới dám đánh liều: một chiều Chủ Nhật rảnh rỗi, cô gọi Sam đến và nói cô muốn cho nó xem một thứ. Mắt nó ánh lên vẻ sợ hãi khiến cô muốn thôi ngay; nhưng cô cố buộc mình phải tiếp tục, cô đưa nó lên phòng cô và Pat, đến cái rương bằng gỗ tuyết tùng mà Rob Maltese đã làm cho họ như một món quà cưới, phần lớn được Pat dùng làm nơi chứa áo sơ mi để đem đi hấp. Cô gạt mấy cái áo sang một bên.

Beth vẫn luôn biết mình là một người sắp xếp rất luộm thuộm. Đó là một trong những khuyết điểm trong lý lịch làm mẹ của cô. Quyển sách thời thơ ấu của Vincent ghi đầy đủ ngày tháng bên lề: không những ngày tháng khi nó mọc răng, mà còn ghi cả những sự phát triển về tính khí, về các cử chỉ, những cột mốc phát triển trí tuệ mà Beth xem đó là bằng chứng cho sự xuất

hiện một thiên tài. Ngược lại, hai cuốn album của Ben và sau đó là của Kerry chỉ có hình và thiệp. Beth cũng không chắc lắm về ngày tháng ghi chú trong đó vì hầu hết đều được ghi ngày trẻ hơn so với thực tế.

Nhưng cô đã làm được một việc rất cẩn thận và rất tốt. Đó là từng chiếc áo rửa tội và áo “mặc từ bệnh viện về nhà” của mỗi đứa con cô với những tấm ảnh và các vật lưu niệm của những ngày đáng nhớ đó đều được bỏ vào một phong bì bằng nhựa trong và được dán kỹ lưỡng. Tất cả đều được đặt trang trọng trong chiếc rương gỗ tuyết tùng đó, vẫn còn nguyên vẹn, không hề suy suyển theo năm tháng.

Trước tiên cô lấy phong bì của Vincent ra rồi để mặc Sam lấy ra từng món – nó là một đứa trẻ hiếu kỳ và luôn khát khao học hỏi mà – và sau đó là phong bì có đề “Benjamin Patrick Cappadora”.

Sam đã phá ra cười. “Quần áo gì mà nhỏ tí xíu. Con nhỏ vậy thôi á? Cứ như quần áo cho búp bê của Kerry.” *Có mấy cái quần áo của Ben*, Beth nghĩ, *giờ đã thật sự là quần áo cho búp bê của Kerry rồi*; cô đã suýt nói ra điều đó.

Rồi Ben nhắc cái áo ren mà bà nội Rosie đã âu yếm thêu từng đường kim mũi chỉ đưa lên mũi hít hít cái mùi ngòn ngọt phảng phất mùi chuồng nhốt chuột lang.

“Mùi này là mùi gì hả mẹ?”

“Mùi cây tuyết tùng. Nó giúp giữ cho quần áo không bị mối mọt cắn. Thường thì tú được lót bằng thứ gỗ này. Con chưa nghĩ thấy mùi này bao giờ à?”

Sam quả quyết đáp: “Dạ chưa. Cũng có thể... hình như má con cũng có một rương giống cái này. Hình như thế. Má đem từ Hy Lạp về. Hình như hồi nhỏ con có chơi với nó.” Nhưng gương mặt nó không có vẻ tự tin lắm. “Con nghĩ vậy nhưng chẳng biết có đúng không.”

Và rồi Beth vui mừng nhận ra rằng mắt nó đang ầng ậng nước. Cô chưa từng thấy Sam khóc ngoại trừ lần nó hôn từ biệt ông George tại trung tâm

tiếp nhận. Giờ thì nó đang đưa tay quệt nước mắt với bàn tay run lẩy bẩy của một thằng nhóc chỉ mới mười hai tuổi.

“Gì thế, Sam?” cô hỏi và đánh bạo nghĩ *Đây rồi. Một điều gì đó, một động cơ đã được sang số. Nó đã nhớ ra.* Và rồi nó đưa tay ra vỗ vỗ nhẹ nhẹ vào vai Beth. “Con xin lỗi.”

“Về chuyện gì chứ, cưng?”

“Con xin lỗi vì chuyện này đã xảy ra với mẹ. Con biết mẹ quý thứ này...mẹ yêu con lắm khi mẹ làm như thế này. Con xin lỗi.”

“Sam... con không phải xin lỗi gì hết.”

Nó lắc đầu quầy quậy, lần này mạnh mẽ hơn. “Nhưng con cũng nghĩ là bố mẹ tin rằng ba má con là người xấu. Mà thật ra thì họ không phải thế.” Nó tiếp tục nói, Beth không thể nghe hết được, cô thấy bụng mình lạnh toát. “Khi con nói xin lỗi vì chuyện này đã xảy ra thì không phải là con không yêu ba con. Và con cũng yêu má con nữa, Beth. Má con có muốn bệnh đâu.” Beth điếng người gật đầu, cô máy móc cầm lấy chiếc áo rửa tội và gấp nó theo những đường gấp cũ để nó không rã ra. Giờ thì Sam vừa khóc nức nở vừa nấc lên từng chập một. Cô muốn ôm chặt nó vào lòng, xoa tấm lưng to rộng với những dẻ xương non nớt nhô ra của nó. Cuối cùng thì nó cũng nín khóc. “Beth ơi, hôm nay cho con gặp ba con nhé?”

Sau đó, khi từ nhà ông George về, mặt mũi nó nhẹ nhàng tươi tỉnh hơn, ít căng thẳng hơn hẳn. Nó chơi trò Sorry với Kerry. Nó ra khỏi phòng đề nghị Vincent chơi nhảy vòng với nó. Nhưng Beth không thể quên được vẻ mặt van nài của nó khi nó quỳ bên chiếc rương, cái giọng hốt hoảng của một đứa trẻ đang lựa lời năn nỉ người lạ giúp nó tìm được đường về nhà.

Cô đã cố kể cho Pat nghe về chuyện chiếc rương nhưng Pat cười phá lên gạt phắt đi. “Bethie, em làm sao nhớ được những chuyện lúc sáu tuần tuổi chứ. Đừng có bé xé ra to như thế. Nó sẽ ổn thôi.”

Giờ thì Pat biết lắng nghe hơn rồi. Anh cũng chẳng còn cách lựa chọn nào khác.

Khi bóng đêm bao trùm lên nghĩa trang Rock of Ages và khi Beth và Sam cất máy cái máy ảnh vào cốp xe, Sam hỏi liệu nó có thể nằm ở ghế sau được không. “Được chứ, cưng. Ngủ đi con.”

Sự việc ngày càng trở nên tệ hơn, Beth nghĩ; họ đã cho nó cuộc sống, cô chỉnh lại kính chiếu hậu để ngắm đứa con đang ngủ ngon; đó là một thỏa hiệp. Chẳng ai đòi họ phải trả lại nó cuộc đời nó đang thương tiếc bằng cái giá của cuộc đời nó vừa tìm lại được. Nhưng đó chẳng phải là một phần của thỏa hiệp hay sao?

Cô cần nói chuyện với Pat. Cô đã không đủ can đảm để nói chuyện với Pat. Anh sẽ bác bỏ mọi lời cô nói, sẽ có đủ lý lẽ để bào chữa; làm sao cô cãi lại anh được?

Một cú điện thoại, lúc đó Beth đã nghĩ thế – và cô suýt ngừng xe lại, quên khuấy đi là đã quá khuya rồi và sẽ làm Sam thức giấc. Không, ngày mai cô sẽ tìm số điện thoại đó. Cô biết nó nằm trong cuốn danh bạ. Trong suốt mấy năm qua cô đã tìm nó cả chục lần rồi, và biết văn phòng đó đã chuyển đi khi thấy số điện thoại ấy thay đổi.

Với cái ý nghĩ về cuộc điện thoại đã bám rễ trong đầu, như một sợi dây dai trong một chiếc xe điện ngầm đang đu đưa, Beth lái thẳng về phía Nam, về nhà, trong bóng tối nhá nhem.

Beth quyết định rằng việc gọi ngay vào sáng hôm sau sẽ khiến cô có vẻ đang tuyệt vọng quá. Rằng cô phải mất bốn năm mới đi đến quyết định gọi cú điện thoại đó – và rằng không ai ngoại trừ cô biết – chuyện ấy sẽ chẳng có kết quả.

Trước tiên cô sẽ làm việc. Khoảng... một tiếng. Đúng mực là phải như thế.

Cô lấy những bản in thử trong loạt ảnh sẽ xuất hiện trên tạp chí *Life* hai tháng nữa tính từ thời điểm này – những bức chân dung của những đứa trẻ bỏ nhà đi bụi. *Life* sẽ đưa chúng lên suốt sáu trang chỉ vì chúng là những bức ảnh thật. Đó là một chiến thắng lớn. Nhưng cô phải công nhận rằng không bức ảnh nào ra hồn và không bức ảnh nào đáng được hưởng một ngôi sao vàng bên cạnh tên cô trong sổ thiên tào. Cô vẫn sử dụng chính những thủ thuật và hình tượng kỳ lạ cô đã triển khai từ hồi tập tễnh bước vào nghề. Việc mạo hiểm tiến dần vào những khía cạnh mới sẽ đòi hỏi ý tưởng và sự tập trung, sự nghiên cứu, cùng với việc làm phong phú vốn liếng tình cảm của mình. Cô đã chẳng có được điều đó để sử dụng – nên cô thường nghĩ mình đã rất may mắn khi cái khả năng tuyệt vời để tạo nên những tấm ảnh đã trở thành bản năng thứ hai của cô khá lâu trước khi cô phải sống dưới tầng tuyết lở đó. “Cặp mắt mới” của cô chỉ là một dạng hơi méo mó của tình trạng đó mà thôi.

Beth thấy rõ một sự thật rằng cô vẫn được làm phần lớn công việc của mình trong khi cặp mắt tâm hồn vẫn khép kín; điều đó cho thấy thiên hạ trả

công cho cô quá hậu hĩnh chẳng qua là vì cái họ của cô, cho cái từ được in nghiêng nhỏ dưới mỗi bức ảnh được đăng, cái từ đảm bảo cho nhân thân của cô. Đó cũng là lý do nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ giờ này mới được tạp chí *Bon Appetit* lăng xê trong khi thức ăn và chủ đề của nhà hàng đã rất nổi tiếng nhiều năm nay rồi. Và cũng là lý do một nhà xuất bản sách đã đề nghị Beth và Pat món tiền một triệu đôla (vẫn làm Beth nhăn mặt khi nghĩ đến cảnh Pat đã nghiện rằng vì cô cứ khăng khăng buộc anh phải từ chối) để được độc quyền xuất bản câu chuyện của gia đình họ. Cái tên Cappadora đã được vớt lên từ một cửa sông đầy những nước mắt và tin đồn không những không bị lu mờ mà giờ đây còn lấp lánh như bạch kim.

Ví dụ như cách bố trí của tạp chí *Life* chẳng hạn. Các biên tập viên thường cho rằng chủ đề của Beth xuất phát từ những cuộc chiến đấu với số mệnh. Thật vậy, Beth luôn chụp hình những đứa trẻ quay lưng lại bỏ đi. Những cái lưng ấy thu hút hết tâm trí cô – tính cách của một đứa trẻ luôn lộ ra trong dáng đi của nó. Từ trước khi Ben mất tích, đối với cô đó đã là một dạng ẩn dụ cho sự trưởng thành. Những bức ảnh cô chọn để đăng trên tờ *Life* không có bức nào là ảnh của các con cô, và rất nhiều tấm đã cũ lắm rồi: trẻ con đang đi lẫm chẫm dưới những cụm tử đinh hương trong vườn ươm cây của trường đại học Wisconsin; một thằng nhóc, hờ hững cầm đôi giày trượt băng của nó với chỉ một ngón tay, đang băng qua hồ Wingra vào một sớm mùa đông.

Có một bức mà các biên tập viên đòi trả một món rất hậu. Nhưng đã quá trễ không kể đến bức đó được. Vì cô đã dứt khoát không bán bức ảnh đó.

Beth mở thật to mắt nhìn lên tấm bảng gắn các bức ảnh, cả bằng mắt thường và cặp mắt nhà nghề nữa, cô ngắm bức ảnh cô chụp sau lưng ba đứa con mình. Bức đó chụp ba đứa trẻ tại nhà Ellen, sau một bữa tiệc nướng ngoài trời cách đây vài tuần. Cả ba đứa đang đi trên lối xe ra vào, về phía chiếc xe hơi. Lúc đó cô chỉ chú tâm vào ánh hoàng hôn hồng hồng tím tím; nhưng bức ảnh ấy – chụp Vincent đang dùng khuỷu tay thúc Sam trên mái tóc vàng sậm của Kerry khi con bé nhảy tung tăng giữa hai anh – có một bố cục rất đẹp, hai cậu con trai giống như một cây cầu bắc qua cô em gái nhỏ.

Mùa xuân vừa rồi, khi cô bán mấy bức ảnh, ngay sau khi tìm được Sam, thì một biên tập viên đã rất tế nhị hỏi có phải một trong những bức đó chụp “thằng bé” không. Beth cũng hiểu; bức ảnh đó không chỉ gọi lên những buổi nói mà nó còn là tin tức nữa. Suýt tí nữa thì cô đã nói ra. Chỉ có một tấm chụp từ sau lưng Sam thôi. Nhưng cô đã đáp nhanh, *không, không có tấm nào cả*. Và sự thôi thúc được đưa cho họ bức ảnh này – để quy đổi thành tiền? hay để thú nhận? – vẫn rất mạnh mẽ. Thậm chí ngay cả lúc này khi đã quá hạn chót để nộp bài vở, hình ảnh, quá trễ để bố cục lại tờ báo.

Cô có tự hào về bức ảnh của mình không? Hay cô tự hào về những vết thương của mình (vì cô nghi là Pat cảm thấy thế)? Cô có thể tách riêng hai chuyện này ra được không? Cô biết rất rõ rằng dù xuất phát từ đâu thì công việc và tiền bạc đều đem lại cho mình sự thỏa mãn, dù rất nhỏ nhoi. Nhưng vấn đề là cô chẳng biết đâu là giới hạn của sự thỏa mãn đó nữa.

Công việc có cứu sống cô không? Nếu mọi thứ khác biến mất hết?

Đã được bốn mươi phút rồi. Cô nhắc điện thoại lên. Nó có tên là Công ty Tái thiết Palladin – mẫu quảng cáo trên trang vàng đăng khẩu hiệu “Thích là đi”, và Beth nghĩ nó thật thông minh. Khi còn nhỏ, Nick cũng đã tung hứng nhiều với cái họ của mình rồi; cái họ mà anh nghĩ đã kết nối anh với các vị tổ tiên người Siena huyền thoại. Dòng chữ được gạch dưới hiện ra như sau: “Sự hư nát lịch sử trong đau buồn? Chúng tôi sẽ giải thoát.” Thật là quá đáng. Nhưng sau đó, Dan, chồng của Ellen nói rằng không ai có thể làm ngơ số tiền bốn triệu đôla một năm, doanh thu của Nick, rất hấp dẫn đối với các trào lưu kếp về việc phục hồi các kiến trúc và tình hoài hương.

Có tiếng chuông đổ rì rì và Beth thấy bụng mình nôn nao.

Cô thật thất vọng khi thấy chính anh nhắc máy – cô đã thầm mong sẽ nghe giọng của cô thư ký, thậm chí là hộp thư trả lời tự động.

“Nick,” cô nói.

“Nick đây ạ,” anh đáp.

“Nick, em là Beth đây. Beth... Kerry.”

“Ôi... Bethie!” giọng anh nghe không giống như cô đã tưởng tượng, sẽ thật vui mừng, thật ghen ngào. Anh chỉ có vẻ... hơi ngạc nhiên một chút. “Chờ anh chút xíu nhé. Anh phải cáo lỗi tay này đã.” Anh trở lại ngay, giọng anh nhỏ hơn, rõ ràng là chỉ nói đủ cho cô nghe thôi. “Bethie, anh rất vui khi được nghe giọng em. Có chuyện gì không ổn hả em?”

“Không có gì,” cô đáp. Rồi nói thêm: “Mọi chuyện.”

“Em muốn nói gì chứ? Pat bệnh à?”

“Không, anh ấy vẫn khỏe. Em chỉ... Nick này, em biết em đã không gọi điện sau khi chúng ta.... Chỉ là... em không thể thôi.”

“Bethie à, anh hiểu chứ. Và rồi mọi chuyện đã xảy ra. Anh cũng đã không gọi để nói cho em biết là anh hạnh phúc đến mức nào. Con trai em... anh biết Trisha đã gọi cho em. Anh cũng đã muốn lắm.”

“Cảm ơn anh. Thật quả là một phép lạ anh ạ. Bọn em... thật không thể hiểu được. Nhưng em gọi để nói với anh rằng dạo này em hay nghĩ về anh. Và em cứ thắc mắc không biết mình có thể đi ăn trưa với nhau được không. Em cũng biết là hơi đột ngột.”

Anh ngập ngừng. *Ôi, không, Beth than thầm. Anh ấy tưởng mình đang đề nghị anh ấy ngủ với mình. Mình có đang đề nghị Nick ngủ với mình không?* “Ý em là,” cô lại ngốc nghếch nói tiếp trước khi anh đáp. “Ăn trưa thôi. Không phải... chuyện kia.”

Cô nghe tiếng anh cười nhẹ. “Ôi, em làm anh thất vọng tràn trề đấy,” anh nói xã giao. Beth thở dài. “Nhưng được ăn trưa còn hơn là không được gì. Anh muốn lắm chứ. Khi nào hả em? Hôm nay được không?”

Họ hẹn gặp nhau sau hai tiếng nữa ở một nhà hàng cạnh văn phòng anh, gần sân bay. Beth cố tình không vào phòng tắm để cạo lông chân, cũng không làm lại tóc. Cô chỉ xỏ một cái quần thường thay cho cái quần soọc rách te tua cô đang mặc, bôi lên chút son – và đến phút cuối, cô đeo đôi hoa tai gắn kim cương của mẹ bà Rosie.

Nick hơi mập ra một chút, chỉ một chút thôi, như thể một đứa bé đã lấy bút màu vẽ chung quanh anh một đường viền rồi đánh bóng thêm một tí. Một người đàn ông thành đạt. Khi anh vòng tay ôm lấy cô, người anh vẫn phảng phất một mùi hương tuyệt vời hơn bất cứ thứ mùi trần tục nào; nó làm Beth buồn nôn.

Trọn một tiếng đồng hồ sau, họ chỉ nói về chuyện Sam trở về; anh hỏi cô với vẻ dịu dàng kiên nhẫn của một ông bố tuyệt vời, chạm được đến cả những nỗi đau thầm kín của cô.

“Pat thì sao? Pat đón nhận chuyện này ra sao? Tụi em thế nào rồi?”

“Pat ổn,” Beth vừa nghiêm trang đáp vừa sắp xếp lại mấy lá xà lách trong đĩa xà lách cá ngừ của mình. “Anh ấy thấy giống như được ban phúc lành vậy. Ý em là anh ấy đã có cái nhà hàng, và chuyện đó cũng như một khởi đầu mới cho anh ấy. Cho nên anh ấy không nghĩ là sẽ có một phép lạ như thế này xảy ra nữa. Anh biết không, anh ấy lên kế hoạch hết rồi. Pat nói muốn đi du lịch và muốn làm việc này việc nọ, nhưng em chả tin được. Ý em là sau năm tiếng đồng hồ ở với Kerry trong lớp Six Flags thì Pat đã căng ra như cái dây đàn, mà còn phải gọi cho nhà hàng để xem liệu cái rìa của món ravioli đã đạt chưa...”

Nick cười thật thoải mái. “Anh cũng có lúc như thế. Anh từng mang theo cái điện thoại tới bãi biển của đảo Virgin Gorda. Giống như mình tự nhiên bị mù hay đại loại thế. Mình chờ suốt cả năm cho kỳ nghỉ đó và rồi bỗng dưng mình không thể chịu đựng được.”

Cô kể cho Nick nghe về vụ một triệu đôla và chuyện Pat đã sừng cồ lên cãi cọ khi cô từ chối đề nghị đó. “Anh ấy nói rằng dù em không đá động gì về chuyện đã xảy ra cho tụi em thì cũng đâu có nghĩa là nó sẽ biến mất. Anh ấy cứ nhắc lại hoài những lời em thường nói khi em chụp hình cho một người đã nhảy ra khỏi một tòa nhà.”

“Em thường nói gì?”

“Em thường nói: ‘Chuyện xảy ra rồi.’”

“À....”

“Nhưng em nói với anh ấy rằng chuyện này khác hoàn toàn. Chuyện xảy ra rồi, nhưng là xảy ra với tụi em. Tụi em không tự nhảy ra khỏi tòa nhà nào cả. Tụi em bị đẩy ra.” Tuy không có ý định nói nhiều đến thế nhưng tự nhiên Beth thấy mình kể cho Nick việc cô đã nghi Pat cho rằng trong cái rủi cũng có cái may. Rằng giàu có thì có thể làm quên đi mọi cay đắng trong suốt chín năm qua.

“Khó chấp nhận đến thế hả, Beth? Ý anh là em không thể nói là người ta mắc nợ em, nhưng rõ ràng là thế. Pat nói đúng đó. Học hành rồi về hưu rồi... Nhưng chuyện đâu có đáng để cãi nhau. Vì dù gì đi nữa thì tụi em cũng đang thoải mái, không bị eo hẹp về tài chính mà. Anh thấy nhà hàng được đưa lên báo suốt. Và anh cũng thấy những bức ảnh em chụp nữa. Cho nên miễn là sức khỏe Pat vẫn tốt và mọi việc...”

“Vẫn tốt anh à. Ý em chỉ là Pat sẽ không bao giờ vui được. Anh ấy luôn bực bội vì đám nhân viên....”

Nick thở dài, đúng kiểu một doanh nhân. “Kể cho anh nghe xem. Tụi em không thể kiếm được nhân viên tử tế nếu trả lương cho họ quá ít.”

“Vâng,” Beth đáp. Cô đã không hình dung được là họ lại ngồi nói đến chuyện thiếu nhân viên làm việc. “Nhưng nói chung là anh ấy vui, vui nhất từ xưa đến nay.” Chẳng lẽ họ cứ nói mãi về Pat như thế này sao? “Chính... Nick à, chính Sam mới là người em lo nhất. Sam và cả... hai đứa kia nữa, vì Sam đó.” Cô kể cho anh nghe về chuyến đi đến Peshtigo, Minneapolis, chuyến đi giúp cô khẳng định lại những lo âu đã hình thành trong cô từ lâu. Trong khi nói chuyện, Beth cứ tự hỏi không biết vì họ đã từng yêu nhau, hay vì Nick là người đặc biệt thích hợp để cô tâm sự, hay vì cô thèm muốn anh, hay vì anh suy nghĩ rất thoáng, rất khách quan mà cô lại trải lòng ra nhiều đến thế. Cô thậm chí chưa từng cởi mở với Candy như vậy. Có kể bao nhiêu với anh cô cũng thấy chưa đủ.

“Không phải là Sam hư đốn. Nó ngoan ngoãn làm tất cả những gì mọi người muốn nó làm. Nhưng nó đang... héo mòn dần. Gần giống như ta có

thể thấy nó sứt mẻ từ từ, từ từ.” Beth kể cho Nick nghe cái buổi chiều cô với nó ở bên cái rương bằng gỗ tuyết tùng. Về chuyện nó bị tuột hạng không phanh từ B xuống C rồi xuống D. Về việc trước đây nó năng nổ xông xáo chạy khi tập bóng rổ mà nay chỉ còn đi vạt và vạt vờ. Về cái ngày Sam bị viêm họng nặng không thể ra khỏi giường để đến gặp ông George trong hai tiếng theo lịch hằng tuần được.

“Nhân viên xã hội nói nó đang trong giai đoạn chuyển tiếp, nhưng nếu vậy nó cũng phải có dấu hiệu tiến bộ chứ, phải không anh?” Cô hỏi Nick trong khi anh đang cắt miếng xănquych Reuben ra làm tư. Sam đang ở trong nhà họ nhưng không thuộc về ngôi nhà đó, Beth kể tiếp; nó bày biện căn phòng nó cứ y như phòng dành cho khách ấy, nó mang đầu gối và bàn chải đánh răng từ phòng nó sang phòng tắm rồi mang về lại như thể nó đang sống trong trường nội trú. Khi nó đi học về trễ, cô biết ngay nó đã đạp xe đến công trường xây dựng của George, hay ngồi hàng giờ trước ngôi nhà cũ. Beth thấy nó giống những sinh viên của các chương trình trao đổi sinh viên giữa các nước mà Ellen thường nhận vào ở trong gia đình – thông minh, hay giúp đỡ, lịch sự, lạc lõng và không thoải mái, bắt chước những tập tục mà chúng không hiểu tí gì, lạng lẽ và ngồi hàng giờ trong các căn phòng gọn gàng sạch sẽ ngắm sao trên bầu trời đêm.

“Điều duy nhất giúp nó còn tiếp tục gắng gượng được là những lần đi thăm George,” cô nói và đưa tay đẩy đĩa của mình sang một bên. “Thậm chí Candy cũng nghĩ đó là một ý tưởng tồi. Ý em là thiên hạ nghĩ bọn em đang làm cho nó lẫn lộn không biết ai là bố mẹ đẻ của nó.”

“Có lẽ cô ấy nói đúng đó,” Nick chen vào. Trong thoáng chốc, Beth nghĩ cô đã tưởng tượng ra; nhưng có phải anh ấy vừa tế nhị liếc đồng hồ không nhỉ? “Máu mù thì vẫn là máu mù, Bethie à. Cho nên tụi em phải kiên nhẫn với nó thôi.”

“Angelo cũng nói y hệt như anh vậy.”

“Đúng là thế mà. Tất cả những chuyện đó, chuyện nó tụt hạng và những chuyện kia nữa – thậm chí một đứa trẻ bình thường cũng có khi phải trải qua

giai đoạn đó. Anh cũng từng như thế rồi. Thằng bé đang phải trải qua một thời kỳ thích nghi đó thôi.”

“Pat cũng nghĩ y như thế.”

“Anh nghĩ Pat có lý. Trẻ con luôn thích nghi với mọi hoàn cảnh. Chúng là những người luôn vượt lên chính mình mà.”

“Em cũng hy vọng thế. Nhưng em vẫn thắc mắc liệu...”

“Em có hạnh phúc không, Bethie?” Nick hỏi rồi nghiêng người tới trước nắm lấy tay cô – bàn tay anh nhỏ nhắn, với những ngón tay ngắn được giấu đẹp đẽ. *Có phải đây là cử chỉ gợi tình?* Beth tự hỏi.

“Em thấy nhẹ nhõm,” cô thận trọng đáp. “Nhưng em chẳng biết liệu có thể nói là em đang hạnh phúc không nữa. Em chẳng biết liệu mình có còn hạnh phúc không sau tất cả những gì đã xảy ra. Hay em đã kỳ vọng nhiều quá? Hay...” Cô ngược lên nhìn anh, đan những ngón tay mình vào tay anh. *Còn đây có phải là cử chỉ gợi tình?* Cô lại thầm hỏi. “Hay có lẽ mấy đứa con em lại không phải là những gì em cần để được hạnh phúc?”

“Anh nhớ em quay quắt. Anh nghĩ về em suốt,” Nick nói.

“Ôi, em cũng vậy. Em cũng vậy, anh à. Hàng triệu lần ấy,” Beth đáp.

“Em muốn đi ... muốn đi đâu không?”

“Em không biết nữa.”

Họ lái xe đến một cánh đồng nơi người ta đang xây một đường băng nhỏ cho mấy chiếc tàu lượn. Beth để mặc anh ôm cô vào lòng, rồi chậm chậm, nhẹ nhàng dùng lưỡi luồn vào miệng cô. Cô để yên cho anh cởi áo rồi khum hai tay ấp lên ngực cô, cô run bắn lên với một làn sóng len từ thắt lưng len dần lên. Nhưng nỗi khát khao tiềm tàng trong cô không phải là thứ mà cô muốn kiểm chứng khi đến đây, Beth nhủ thầm trong nỗ lực trấn tĩnh bản thân.

Vậy thì cái gì?

“Nick ơi,” cô vừa nói vừa vung ra, ngồi dậy hôn lên cổ anh. “Trước đây anh đã làm... chuyện này rồi à?”

“Trước ngày hôm nay hả?”

“Không, ý em là trước cái lần trước của chúng ta đó.”

“Không thường lắm.”

“Nhưng trước đó? Trước khi chúng ta làm ấy?”

“Vài lần, hình như thế.” Cô nhìn Nick. Anh đã cởi cái áo choàng thể thao ra và giờ đang vuốt cho thẳng rồi nhẹ nhàng đặt nó lên chiếc ghế sau, cố giữ cho từng nếp áo thật phẳng phiu. *Đừng, cô nghĩ. Đừng tự làm mất đi hình ảnh đẹp đẽ của anh trong mắt em chứ, Nick.* Rồi cô lại nghĩ ngược lại, nghiêm khắc tự nhủ *Đừng soi mói nó nữa. Đừng tìm kiếm khổ đau nữa. Anh ấy muốn mình. Anh ấy thật tuyệt. Anh ấy tử tế, tốt bụng quá, và những gì mình đã có với anh ấy thật ngọt ngào.*

Nhưng cô không thể ngăn được tò mò. “Khi nào chứ?” cô hỏi.

“Ồ, khi mấy đứa nhỏ còn bé xíu. Anh không biết nữa. Chuyện đó chả để lại một ấn tượng gì nơi anh cả.”

“Còn với em thì sao?”

“Dĩ nhiên là có chứ, Bethie. Với em thì khác. Bethie, em biết anh nghĩ về em hôm ấy như thế nào mà. Thậm chí anh còn nghĩ...” Ổn rồi, lúc đó cô thở điều hòa lại, giờ thì ổn rồi... “lúc đó, rằng chúng ta có thể... gặp nhau nhiều hơn. Rằng có lẽ chúng ta...”

“Gặp nhau nhiều hơn? Ý anh là sau lưng thiên hạ ấy à?”

Cô không tin được rằng mình lại có thể suy ra như thế. Cô đã mong anh sẽ nói những gì chứ? “Đã tìm được ý nghĩa của cuộc đời” ư?

“À, lẽ ra anh không nên nói thế,” Nick mỉm cười. “Nào, tội mình sẽ nói chuyện, anh hiểu rồi. Anh muốn hút thuốc quá.”

Cô không kiên nhẫn nổi nữa khi anh lấy cái bật lửa chạm trở ra khỏi cái túi được gấp gọn gàng của anh. Cô lại hỏi: “Nick à, anh nghĩ là sau ngày đó chúng ta sẽ thành tình nhân của nhau hả?”

“Hy vọng như thế là không tốt à?”

“Và không bao giờ nói cho ai biết?”

“Anh không biết. Anh đã không nghĩ đến chuyện đó.”

“Thậm chí là sau ngày ấy ư?”

“Nghĩ về chuyện ấy sau đó chả ích gì,” Nick rít một hơi dài rồi chấp hai tay lại. “Bethie này, em muốn bỏ Pat sao? Đó là điều bây giờ em muốn à?”

“Không. Mà em cũng không biết nữa.”

“Khi em không gọi cho anh, anh nghĩ em chỉ như thế là vì em đang bị căng thẳng. Nhưng hôm nay, khi em gọi cho anh, anh đã nghĩ có lẽ cô ấy cảm thấy cuộc đời mình thiếu vắng điều gì đó chẳng.”

“Anh có cảm thấy vậy không?”

“Đương nhiên rồi,” Nick mỉm cười. “Ai chẳng thế?” Anh đưa tay ôm cô, không thoải mái lắm vì vướng chỗ ngăn giữa hai ghế. *Khoan, từ từ đã*, Beth nhủ thầm. Đầu chỉ là “Ai chẳng thế?”, mà còn hơn vậy nữa chứ.

Nhưng Nick đã lên tiếng. “Cách đây lâu lắm rồi, anh trai Richie của anh bảo rằng nếu ta bỏ một viên kẹo bọc đường vào một cái lọ mỗi khi ta ân ái trong năm đầu của cuộc hôn nhân, và rồi lấy ra một viên mỗi lần ta ân ái sau đó thì kẹo sẽ không bao giờ cạn.”

“Chuyện đó thì có liên quan gì?”

“À...”

“Vậy nó chỉ có ý nghĩa tình dục với anh thôi hả?”

“Với em thì không phải sao?”

“Không,” cô hét lên. “Vừa có vừa không.”

“À, vậy thì anh cũng thế, cũng vừa có vừa không.”

“Từ đó đến nay anh có như vậy với ai nữa không?”

“Quan trọng lắm à?”

“Bao nhiêu lần chứ?”

“Beth này, chúng chỉ là những con số mà thôi.”

“Không, không phải thế.”

“Thôi được, vậy để anh nói. Khoảng vài lần. Nhưng không như thế này. Beth, mấy lần đó chả là gì cả. Anh không muốn em nghĩ anh là một con heo hay đại loại thế, Beth, nhưng ... Pat thường nói thế... ý anh là, cũng có thể là không, vì em... em tuyệt quá, em đầy sức sống. Nhưng với anh, sự buồn tẻ trong cuộc sống tình dục của hôn nhân không có nghĩa là một cuộc hôn nhân không tốt đẹp.”

Pat sẽ không bao giờ nói thế, Beth nghĩ, trong lòng thoáng dấy lên một cảm xúc thủy chung.

Cô hỏi Nick: “Anh có hạnh phúc trong hôn nhân không?”

“Có. Anh nghĩ Trisha hạnh phúc, và mấy đứa nhỏ thật tuyệt vời. Bọn anh là bạn tốt với nhau. Bọn anh tôn trọng nhau. Những người khác lệ thuộc vào bọn anh. Cô ấy có cuộc sống riêng tuyệt vời của cô ấy.”

Beth nghĩ *Ai chẳng thế?*. Nick lướt mấy ngón tay thật nhẹ, thật êm phía sau cổ cô, rà rà mấy ngón tay trên vai cô. “Như thế không có nghĩa là anh không muốn em. Không có nghĩa là anh không muốn chúng ta được ở bên nhau. Beth à, một phần con người anh sẽ luôn yêu em. Và có lẽ còn yêu hơn ngày xưa nữa vì em can đảm quá. Không ai có thể vượt qua được những gì em đã vượt qua. Em luôn là thế. Mẹ anh đã thường nói: ‘Elizabeth sẽ luôn có được những gì nó muốn.’ Trước đây, anh thường nổi xung lên khi nghe như thế. Nhưng bà đã nói đúng.”

Beth lắc người thoát khỏi vòng tay anh rồi dăm dăm nhìn ra ngoài cửa xe. Cô ước gì mình có thể thoát khỏi cái chỗ ngồi này, bay về lại cái bếp của cô

trong nháy mắt mà không cần phải lựa lời để chấm dứt cuộc nói chuyện, không phải nhoèn miệng cười, không phải chải tóc, cũng không phải lái xe nữa. Từ khước mắt, cô thấy Nick đang nhìn vào kính chiếu hậu vượt lại chỗ tóc cô đã làm rối. Tay anh thật uyển chuyển, với vẻ tự tin khéo léo của một phụ nữ đang vuốt gọn lại những món tóc quăn.

Cô quay sang anh. “Ân ái với anh thật dễ dàng với em. Luôn luôn là thế đối với em. Nhưng điều đó vẫn không đủ.”

“Anh đâu có nói rằng chỉ có bấy nhiêu thôi, Beth.”

“Vậy còn phải có gì nữa?”

“Em cần gì khác nào? Em muốn lấy anh hả, Beth? Hai mươi năm qua đã có gì thay đổi sao, ngoại trừ việc anh già hơn và có nhiều tiền hơn?”

“Có đấy,” Beth đáp, nước mắt vòng quanh. “Em đã thay đổi. Em muốn...”

“Anh ư? Hay em muốn gì?”

“Một điều gì đó. Em nghĩ có lẽ em đã muốn anh.”

“Và có lẽ bây giờ cũng thế. Anh có nói là mọi chuyện đã bế tắc đâu, Beth. Chỉ là... sau bốn năm em mới gọi cho anh. Mình ăn trưa với nhau. Em hỏi anh có ngủ với ai ngoài vợ anh và em không, và nếu anh đã làm thế thì anh là một thằng khốn.”

“Không phải thằng khốn. Chỉ không phải...” *Không phải Pat*, cô nghĩ. *Không phải Pat*.

Khi cô về đến nhà thì anh đang đứng ngoài sân. Cô đã cẩn thận soi kỹ lại mặt mình trong gương; mặt cô không đỏ bừng bừng, cũng không nhợt nhạt quá.

Chỉ hơi tươi hơn bình thường một tí.

Pat đang nhìn lên một trong mấy cửa sổ phòng ngủ. “Em có nghĩ cái cửa sổ trên mái nhà trông ghê quá không?” anh hỏi thế khi cô bước đến gần bên

anh. “Anh muốn hai thằng nhóc có thêm chỗ để sinh hoạt, nhưng anh không muốn nhà mình giống như một bãi chứa nhà di động.”

“Hai thằng nhóc”, cô thích cái cách anh nhấn mạnh chữ *hai* để chỉ số nhiều. Cô muốn được quần lấy anh, trong chăn, thật nhẹ nhàng, không làm anh đau đớn.

“Lên lầu đi anh,” Beth nói và bất ngờ cả với chính mình. “Em muốn cho anh thấy cái này.”

Anh nhìn cô trân trân rồi đi theo.

Ngôi nhà thật yên ắng và mát mẻ. Cô khóa trái phòng ngủ lại rồi cởi cái quần vải ra, và cũng rất kinh ngạc khi thấy mình táo bạo đến thế – đã lâu rồi họ không làm những chuyện như thế này. Cô nhón lên, ưỡn người ra, hai tay chống lên tủ quần áo, chân giạng ra, cọ cọ vào người anh. Vừa lúng túng lại vừa hưng phấn, anh cố nghĩ cách để di chuyển. Anh hôn cô rồi vừa ngậm môi cô vừa gắng kéo cô về phía giường. Tuyệt. Nhưng Beth ngả người ra thêm nữa, hai tay cô luồn vào áo anh, giờ thì hai thân thể đã quần sát vào nhau. Trước đây, họ làm thế này dễ lắm, vì họ có cùng chiều cao; khi còn trẻ họ đã cười với nhau suốt vì điều ấy. *Mình chỉ cần một buồng điện thoại công cộng thôi*, Pat thường nói thế. Anh hấp tấp kéo quần ra rồi quỳ xuống – Beth rất ngạc nhiên, luôn luôn là thế, trước sự chuyển đổi từ yếu ớt sang mạnh mẽ của Pat khi anh không còn tí vải nào che thân. Khi có quần áo trên người, trông anh chẳng khác gì một con ma bé loắt choắt.

Pat ngược lên chờ đợi, cô thấy mắt anh dại đi, hàm anh bạnh ra căng cứng – vẻ khẩn thiết van nài rất người khi một người đàn ông thèm khát một người đàn bà, bất cứ người đó là ai, không nhất thiết phải là vợ mình. Những lúc ấy là những lúc hứng tình nhất, thậm chí ngày xưa, những lần khi họ bứt phá được những trói trằng của cảm xúc, những mệt mỏi vì trách nhiệm, vì ghen tuông và thậm chí vì tình yêu nữa, và chỉ cần họ trần truồng nằm trên một sàn nhà ximăng lạnh lẽo thì dù có sáu cặp mắt tinh quái của hàng xóm đang nhìn qua cửa sổ cũng không ngăn được cô nhấn anh vào sâu trong người mình.

Pat nói thật nhỏ, hầu như không mấp máy môi: “Trong giới quý bà thì em là cô nàng khá nhất đấy. Trông em như mới hai mươi thôi, Bethie. Em vẫn y như ngày nào, cái ngày mình nằm trên cỏ đằng sau phòng tập thể thao ấy.”

Cô ấn nó sâu thêm vào trong người mình, dùng cả hai tay ôm lấy hông anh làm điểm tựa và gắn chặt đôi môi mình lên cổ anh hôn lấy hôn để.

Cái mùi của Nick còn vương trên cánh tay cô khi tình cờ Beth đưa tay ngang mặt mình làm cô bối rối, ập người thật mạnh vào người anh làm cả hai đều giật mình. “Chỉ là, em...”

Bực thật. Cô không tài nào xua được cặp mắt đẹp như tài tử của Nick ra khỏi tâm trí mình. Dù cô và Pat đang hòa hợp với nhau thật tuyệt, đang ân ái với nhau thật nhịp nhàng theo quán tính thì Beth có cảm giác như họ vẫn đang lóng ngóng quanh một đống lửa trại, như đang đeo mấy chiếc găng tay nặng trĩu, lần lượt cầm que cời một hòn than đỏ rực, trượt, xoay được nó, lại cời, lại trượt, cứ thế.

Lúc Beth đẩy được Pat xuống giường thì cả hai đều đã túa đẫm mồ hôi, cô khấp chặt hai đùi mình quanh người anh, và bỗng sợ anh sẽ phóng ra trước khi cô theo kịp. Một điều gì đó xưa nay chưa từng có, không chỉ là một sự lơ nhịp bình thường. Cô thầm thì: “Chờ em với nhé, anh nhé.”

Anh kéo hai cánh tay cô xuống, và trói chặt chúng trong vòng tay anh để cô nằm sát trên mình anh, không nhúc nhích được. Hai thân thể giờ đây nhập làm một, không còn khoảng cách nào trừ những lúc anh nẩy hông lên lên xuống xuống. Và rồi cảm giác thật tuyệt vời khi Beth thấy anh chạm đúng vào cái lõi của hòn than đỏ rực đó, thật chậm rãi và kiên nhẫn, cô thấy người mình nóng ran... rồi gương mặt Nick trải ra trước mắt cô, nhạt nhòa đi, rồi lại trải rộng ra cho đến khi, cùng với cảm giác Pat thúc dồn dập và tràn bờ trong cô, nó tan biến cứ như bị xì hơi hoặc nổ tung. Cô có thể thấy Nick, vẻ đẹp của anh, phong cách của anh, bên ngoài cô, một kỷ niệm thật đẹp. Pat, bỗng đứng nặng nề và ướt rượt bên dưới người cô, giờ thoang thoang mùi xà bông, mùi muối và cả mùi gỗ thông nữa: người đàn ông sạch nhất cô từng biết. Bỗng cô nhận ra rằng đã bao lâu nay rồi, những gì cô cảm

nhận được khi họ hòa làm một với nhau chỉ là bề nổi eo sèo, chỉ như ánh sáng của pháo hoa nhanh chóng lụi tàn mà thôi. Lần này cô mới cảm nhận được hết những rùng rợn của anh. Cô không hề nghĩ họ lại có thể tiếp tục tuyệt vời được đến thế.

“Anh... anh giỏi lắm, Paddy. Anh sẽ không bao giờ rời xa em chứ?”

Pat cất tiếng với một giọng rất bình tĩnh, mạnh mẽ chứ không hỗn hển như cô sau cơn ân ái. “Anh không biết. Em sẽ làm cho anh muốn thế à?”

Giờ Beth mới để ý thấy cái hơi lạnh buốt của máy điều hòa không khí, và kéo một góc chăn quấn lên người. Giờ cô mới lại nghe những âm thanh bên ngoài: tiếng Kerry đang đập rầm rầm dưới bếp, tiếng Vincent hét bảo nó tắt tivi đi.

Không nói không rằng, Pat đứng lên lấy bộ quần áo đi làm từ trong tủ ra, lơ đãng chọn một cái cà vạt. Beth nhắm mắt lại. Chỉ ít phút sau cô nghe tiếng nước chảy ào ào trong nhà tắm phía bên kia hành lang. *Đến đoạn này thì mình nên khóc chứ nhỉ, khóc thật ngon lành, thật thỏa thuê, cô nghĩ. Và rồi mình sẽ được thanh tẩy, và mình sẽ biết phải làm gì. Nhưng mình không bao giờ khóc được khi mình cần khóc. Hay ngất xỉu khi mình cần xỉu. Hay thiếp đi được khi mình cần ngủ.* Cô nằm đó, mắt mở thao láo, nhớ về ngày xưa khi còn trẻ, những ngày cô bước ra khỏi một rạp chiếu phim, mắt chớp chớp vì ánh chiều tà của thứ Sáu đang tắt, không có một khái niệm gì về giờ giấc, chán ghét cái cảm giác phí hoài, mất mát. Cô kéo gối úp lên mặt, hy vọng không còn nghe thấy tiếng cửa đóng sầm sầm, những tiếng gọi văng vẳng xa xa, hay tiếng sinh hoạt trong nhà nữa.

Âm thanh kế tiếp cô nghe được là giọng của Pat, từ thật xa, đang hét lên báo cho cô biết Sam đã bỏ đi.

h231

“Nó ra ngoài rồi,” Beth nói khi cô lão đảo bước xuống cầu thang, vẫn còn đang ngây ngật buồn ngủ. “Mấy giờ rồi anh? Bây giờ là sáng hả? Nó đến

trường để chơi bóng rổ đó.” Cô liếc quanh nhà bếp vắng tanh. “Beowulf có đây không? Có lẽ nó dắt chó ra ngoài đi dạo.”

Nghe tên mình, Beowulf ngoan ngoãn chui từ dưới gầm bàn ăn ra dúm mũi vào tay Beth hít hít.

Pat nói: “Mới năm giờ sáng thôi, Beth à. Nó có đi chơi bóng rổ lúc năm giờ sáng bao giờ đâu.”

“Mới năm giờ sáng thôi á?” Nhưng Pat vẫn đang mặc bộ quần áo làm việc nhàu nhĩ hôi mùi nước xốt. “Anh mới ở đâu về thế?”

Pat ngoảnh mặt đi chỗ khác. “Anh đi uống một chút ấy mà.”

À ra thế, Beth nghĩ, nổi hoảng sợ về Sam dụ lại một chút, như nước trôi tuột xuống hai bên thành của chiếc tàu ngầm đang nổi lên.

Pat vừa đi... với em nào về chẳng? Chiều qua đã có bao nhiêu người nằm trên giường họ rồi? Ba hay bốn? Không chỉ một mình Nick mà cô còn phải mơ đến một em Claudia hay Roxanne đáng yêu nào đó của Pat nữa sao? Có lẽ là một trong ba nữ chiêu đãi viên tại nhà hàng Đám Cưới, hay một trong số các diễn viên, hay người mẫu ngực to như các em ở ven biển Địa Trung Hải? Sau những gì đã xảy ra giữa họ ngày hôm qua ư?

Beth không thấy nhói đau vì ghen tuông, cô chỉ hơi tò mò một tí: Nếu là ngày hôm kia thì cô có quan tâm không nhỉ? Hay than khóc rên rĩ? Giờ thì cô thắc mắc không biết số phận có trở trêu quá không: cô đã yêu Pat trong ngần ấy năm, nhưng khi choáng váng nhận thức rõ về tình yêu đó thì... đã quá trễ. Trễ mất mấy tháng ư? Hay chỉ mấy ngày? Dù cô luôn cúi kính cẩn nhẵn và bộc trực, quá thẳng thắn trong suy nghĩ cũng như trong hành động, dù đã có những lời nói khó nghe được thốt ra trong suốt bao năm qua nhưng cô chưa bao giờ nghĩ Pat sẽ là người bỏ cô.

Cô nhìn gương mặt chồng mình, gương mặt râu ria lờm chờm chỉ trong một đêm, choắt lại vì không ngủ. Hôm qua, nỗi lo sợ lớn nhất của cô là việc phải tính toán, phải cùng Pat đối mặt với khả năng rằng có thể họ sẽ hủy

hoại cuộc đời Sam khi nhận lại nó, còn nếu để nó đi, họ sẽ mất cả cái gia đình này.

Giờ đây, cô lại cảm nhận được nỗi lo sợ khủng khiếp đó, nỗi lo sợ đã nhường chỗ cho giấc ngủ đêm qua. Pat có thể sẽ bỏ cuộc nửa chừng. Có lẽ dù chuyện gì sắp xảy đến, họ sẽ phải một mình đối mặt với nó.

Pat vội vã nói như thể đọc được ý nghĩ của Beth: “Anh với Joey. Và cái cặp cô dâu chú rể Roxanne và Dustin nữa. Tụi anh đi đến cái khu hippie ở lâu đài Belmont ấy.”

Beth hỏi: “Đi tận đến năm giờ sáng à?”

Căn phòng lạnh lẽo quá. Beth thò tay vào tủ đựng áo nơi hành lang lấy ra cái áo len dài tay. Tại sao họ phải để nhiệt độ lạnh như ở trên căn gác mái nhỉ? Cô với lấy cái bộ chỉnh nhiệt độ.

“Rồi bọn anh về nhà Joey. Tụi anh xem phim *The Wild Bunch*. Mà em thì quan tâm quái gì đâu, Bethie? Em có biết có nhiều đêm mãi cho đến sáng anh mới về nhà không? Em nghĩ anh đang đánh cướp xe lửa hay làm việc gì đại loại thế à? Em có chờ anh về không? Còn Sam giờ này đâu rồi?” Ôi, *Lạy Chúa*, cô nghĩ. *Sam*.

“Chắc nó đang ở dưới tầng hầm xem tivi. Anh hỏi Vincent chưa?”

“Nó đang ngủ. Cửa phòng nó khóa trái. Anh có gõ rồi. Kerry cũng đang ngủ – ủa mà không phải nó ngủ lại ở nhà Blythe sao?”

“Nó nhớ nhà. Anh biết tính nó rồi đấy. Georgia đưa nó về. Em có nghe tiếng nó bước vào trong nhà.”

“Anh đã tìm khắp nơi rồi. *Lạy Chúa*, Beth. *Chúa ơi*, nó đâu rồi?”

Beth tự động đưa tay lên phía trên máy pha cà phê lấy lọ thuốc trợ tim của anh. “Thôi, Pat.” Cô ra lệnh cho anh rồi cô mở bật cái lọ ra. “Anh chịu khó suy nghĩ một chút đi. Có thể nó đang tập chạy đó. Nó bắt đầu chạy...”

Pat thở hỗn hển. “Beth à, căn nhà này đã được lên báo, lên hình khắp nơi rồi. Không cần có địa chỉ em cũng tìm được và thấy một đứa bé đứng trước

nhà... một đứa bé với gương mặt được in trên trang nhất trên khắp cái nước Mỹ này.”

“Ý anh là,” giờ Beth mới sững sốt hỏi, “anh nghĩ là có ai đó đã bắt Sam đi? Bắt cóc Sam ư?”

Pat hét lên: “Có thể lắm! Mấy cái bài báo chết tiệt đó! Một gã đồng tính đòi truy nã đó có thể đã...”

Chuông cửa reo vang. Beth thấy gương mặt Pat không còn hột máu, giống như mực của một bức tranh thủy mặc chảy dài trên má, xuống cổ anh. “Ôi, Bethie ơi, ôi Chúa ơi, đừng.”

Beth vội vàng mở cửa, tim cô giờ đang đập thùm thụp như một con mèo đang giãy giụa trong một cái túi. Trên hàng hiên, trong ánh nắng ban mai sớm tinh mơ là Sam và ông George, ông đưa tay nhẹ nhàng đẩy Sam về phía trước. Gương mặt Sam rúm ró đầy nước mắt. Beth có thể ngửi thấy mùi sữa trong hơi thở nó. Nó hơi xoay người ra sau nhìn George, ông gật gật đầu như khích lệ nó bước vào trong nhà rồi ông cũng vào theo.

Ông nói: “Tôi rất lấy làm tiếc, Beth và Pat ạ. Tôi thật sự rất tiếc vì nó lại tiếp tục làm chuyện này.”

Pat vò vò đầu. “Làm chuyện gì? Tiếp tục làm chuyện gì chứ, George?”

George lúng túng hết nhìn Beth rồi lại nhìn Pat, rồi ông quay lại nhìn qua vai nơi ánh nắng mặt trời trên khu vườn đá chói lọi nhất. Một ai đó đang đứng ngay lối xe vào nhà.

Một ai đó.... Beth đưa tay che mắt nhìn. Đó là Vincent.

“Chuyện gì thế, thưa ông?” cô nhẹ nhàng hỏi. “Có chuyện gì thế?”

Lần đầu tiên Sam ra khỏi phòng vào nửa đêm, George giải thích, trèo lên giàn mắt cáo trồng hồng phía ngoài phòng ngủ cũ của nó, phá cửa rồi leo lên giường, là một trong những đêm khi Beth đi ngủ sớm và Pat đang còn ở ngoài nhà hàng. Và dĩ nhiên là George phải đưa Sam về lại nhà – “Tôi muốn nói là tôi yêu con trai tôi. Xin lỗi, Beth, tôi muốn nói là tôi yêu Sam. Nhưng

tôi biết quý vị sẽ điên lên vì lo sợ, và quý vị sẽ nghĩ rằng tôi... dung túng cho nó làm chuyện này.” Nhưng khi ông đưa cho Sam một ít bánh mì nướng, ông lấy nó một cái rồi đưa nó ra hiên trước thì, chà, đã có Reese ở đó rồi, đang ngồi trên xe đạp, co ro trong chiếc áo khoác. Reese nhìn ông George nhún vai rất điệu nghệ rồi bảo đảm với ông rằng nó sẽ đưa thằng nhóc đi lang ăy về nhà và giải thích mọi chuyện cho bố mẹ.

Chuyện ăy lặp lại lần thứ hai. Rồi lần thứ ba. Và lần này nữa.

“Vincent không hề cho chúng tôi biết,” Beth nói, cốt để Sam nghe.

“Con biết,” Sam lúng búng. “Tụi con đã nhất trí không nói cho bố mẹ biết.”

Beth quay sang Pat, ngó ngấn trách: “Sao anh nói là cửa phòng của Vincent khóa rồi?”

“Đúng là nó bị khóa,” Vincent nói rồi lách nhẹ qua ông George và Sam để đi về phía cầu thang. “Nếu là thiên tài máy móc thì bố có thể khóa trái bằng cách chỉ cần sập cửa lại sau lưng. Có nhiều cách để ra khỏi phòng mà. Cứ hỏi Sam thì biết.”

“Nghe đây, Vincent...” Pat nghiêng răng.

“Bỏ qua đi, bố,” Vincent giở cái mũ bêrê đội lệch ra ném lên đầu cầu thang. “Con đi ngủ đây. Nó đã về nhà rồi, đúng không? Dù gì thì lần này nó cũng đã về đến nhà.”

Nhận thấy tình hình hơi căng thẳng, Beth hỏi George có muốn uống cà phê không. Ông hồ hởi nhận lời. Sam đưa tay kéo xoẹt dây khóa của áo khoác lên

“Đi lên phòng, Sam,” Pat nghiêm giọng nói làm mọi người, kể cả Sam đều sững sốt.

“Con có làm gì đâu?” Sam bỗng dưng nổi nóng.

“Con bỏ đi! Con làm bố mẹ sợ chết khiếp! Mà đâu có phải lần đầu! Con có thể bị gãy cổ hay bị xe tông, hay tệ hơn thế nữa!” Pat dí sát mặt anh vào

mặt Sam. “Cái gia đình này hứng chịu bấy nhiêu chuyện còn chưa đủ hay sao? Mọi người đau khổ đến thế vẫn chưa đủ à?”

“Đúng,” Sam đáp nhưng khi thấy Beth nhìn mình, nó dụi xuống, rồi lại ưỡn ngực ra. Nó đã cao gần bằng Pat nhưng to con hơn. *Thôi rồi, cô nghĩ, giờ thì nó sẽ không nhịn đâu. Nó được thừa hưởng tính khí nóng giận của nhà Cappadora. Nó cũng bướng bỉnh giống Kerry. Nó sắp nói toẹt ra hết đây này.* Và rồi, xấu hổ với cảm giác nhẹ nhõm của mình, cô lại nhủ thầm *Ít nhất thì mình cũng không phải làm chuyện ấy.* “Đúng, chừng này là quá đủ rồi, con muốn nói là con chán ngấy toàn bộ cái chuyện này rồi.”

“Toàn bộ cái chuyện gì chứ?” Pat hỏi với vẻ kiềm chế.

“Chuyện này... toàn bộ chuyện này,” mắt nó ầng ậng nước, và rồi, những giọt nước mắt lóng lánh đẹp đẽ chầm chậm lăn xuống từ hàng lông mi dài xòe ra như nan quạt của nó. “Con chán ngấy chuyện này rồi. Con muốn được về nhà. Con muốn ba con. Con có thể ra tòa và buộc bố mẹ phải trả con về cho ba con. Con đã đọc được điều luật này ở trường rồi.”

Pat nói: “Nghe đây, dù con có đọc gì đi chăng nữa thì một người suy nghĩ nghiêm túc như con cũng không thể buộc bố mẹ phải trả con lại cho người chồng của cái bà đã đánh cắp con, đã bắt cóc con được.”

“Đó đâu phải là lỗi của ba con! Ba ơi, ba muốn con về nhà, đúng không? Ba nói với ông ấy đi!”

Nỗi đau đớn của George hiển lộ rành rành và mãnh liệt, đến nỗi cứ như có một thân xác khác đang ở trong phòng, đang lao động cật lực, đang vã mồ hôi như tắm. Ông hết nhìn Sam lại nhìn Pat, và rồi nhìn Beth cầu khẩn – lúc này cô đang máy móc đong sáu thìa cà phê rồi cẩn thận mở cái túi lọc màu nâu ra.

Cuối cùng thì Pat cũng lên tiếng: “Là sao? Nó vừa nói gì thế?”

George ngồi phịch xuống. “Nó cứ hỏi tôi hoài, Pat ạ. Rằng vì sao nó không thể sống với tôi. Tôi cứ phải giải thích cho nó... về những gì má nó đã

làm, những gì Cecilia đã làm là sai trái, và những gì gia đình anh chị đã phải chịu đựng...”

“Nhưng đó thật sự cũng không phải là lỗi của má. Má con bị tâm thần. Bà bị tâm thần mà. Mẹ đã nói vậy khi chúng ta đến cái thành phố nhỏ kia rồi đó. Con đã kể cho mẹ nghe hết mọi chuyện rồi. Má con có ý thức được chuyện má con làm đâu. Má thật sự nghĩ con là thằng con ruột bé bỏng của má mà. Đúng không?”

“Mẹ biết,” Beth đáp.

“Con không có ý trách gì bố mẹ,” Sam nói tiếp, thoáng thấy có một lối thoát. “Không phải là con ghét bố mẹ. Ý con là con đã thử ba tháng rồi! Ba tháng!”

“Sam, thôi đi nào, con trai,” ông George vừa nói vừa nắm cánh tay Sam.

“Không, ba ơi, ba nghe con nói đã! Chúng con đã nói chuyện này rồi. Beth biết mà,” Beth có thể cảm nhận được cái nhìn thau tháu của Pat dọc cánh tay cô. Cô tránh ánh mắt anh. “Con đã nói với mẹ là con thấy chẳng có lý do gì con phải ở đây cả, chỉ cách nhà con hai khu phố, với những người con chẳng biết tí gì, chỉ vì một chuyện xảy ra cách đây đã lâu lắm rồi mà thậm chí con chẳng hề làm.”

“Sam,” Pat nói. “Ngồi xuống đi con.” Sam ngồi xuống, cẩn thận để ông George ngồi giữa nó và Pat.

“Sam, nghe bố này, bố mẹ biết chuyện này rất khó khăn đối với con. Bố mẹ biết con nhớ... con nhớ ba George của con lắm. Nhưng đây là một sự thật mà chúng ta phải đối mặt: con là con của bố mẹ. Con không nhớ con là con của bố mẹ đâu, nhưng sự thật vẫn là sự thật, con là con của bố mẹ. Chúng ta sinh ra con. Và con là con của gia đình này.”

“Nhưng chỉ có vậy thôi!” Sam bật khóc nức nở. “Có thể là con được sinh ra trong gia đình của bố mẹ, nhưng con giống như chưa hề... gặp bố mẹ trong đời. Con không nhớ tí gì hết, ngoại trừ... ừm, con không nhớ gì về nhà

của bố mẹ hay bất cứ thứ gì khác! Bố có hiểu không?” Pat gật đầu và nhắm mắt lại.

Sam run lấy bầy, cố nở một nụ cười rồi nói tiếp: “Nhưng dù gì thì chuyện đó cũng đâu có sao. Con đã đọc... con tìm trên vi phim – con đã không nói cho mẹ biết chuyện này, Beth, có một thằng nhóc không ở với bố mẹ ruột của nó vì nó không vui khi ở với họ, và nó phải ở với bố mẹ nuôi trước kia... bố mẹ có hiểu không? Nó quen với họ rồi vì nó đã sống với họ được năm năm. Đang yên lành bỗng dưng mẹ nó có việc làm hay đại loại thế, nên tự nhiên mẹ nó đòi ‘Tôi sẽ đưa nó về lại.’ Bây giờ con nghĩ đâu cần một luật sư hay gì cả – đúng không, ba?” Nó nhìn ông George dò hỏi. “Con có thể... cứ về lại nhà thôi. Và có lẽ thỉnh thoảng con sẽ ghé về đây hay đại loại thế. Giống như bây giờ con đang làm thế với ba con đây nè. Bố mẹ hiểu không?”

“Nhưng đó là trường hợp của một đứa trẻ không được chăm sóc,” Pat mặt mũi đáp. “Có thể bà mẹ đó đã xao lãng bốn phận hay đối xử tàn tệ với thằng bé ấy. Còn bố mẹ có làm gì sai đâu con, Sam.”

“Con cũng đâu có làm gì sai!” Nó hét lên.

Pat nói nhỏ nhẹ hơn: “Sam, bố nghĩ là con không thể làm thế được cho dù bố mẹ có muốn đi chẳng nữa và...”

Nó hấp tấp nói: “Được mà, bố mẹ có thể làm được mà. Con đọc kỹ rồi. Bố mẹ có thể làm như vậy nếu bố mẹ muốn. Luật cho phép mà.”

“Nhưng bố mẹ không muốn. Sam này. Bố mẹ yêu con. Bố mẹ muốn con về lại, bố mẹ vẫn cần con và bố mẹ sẽ vẫn luôn cần con.”

Sam gục đầu xuống hai cánh tay, và như một bản năng, cả Pat lẫn George đều đưa tay vỗ về nó. Beth cúi mặt bên ấm pha cà phê, và cảm thấy Kerry, trong một lần khẽ khàng hiếm hoi, tiến đến đằng sau và nắm đuôi áo cô.

“Anh sao vậy hả mẹ? Anh Sam bị gì thế?” nó hỏi.

“Anh buồn quá, cưng ạ,” Beth vừa nói vừa xoa xoa mái tóc rối bù của nó. “Anh buồn quá đấy mà.”

“Con lên lầu đi, Sam,” George cương quyết nói. “Năm xuống nghỉ một chút đi. Ba sẽ vào với con trước khi ba về. Được chưa? Và tối mai lại chơi bóng tiếp chứ? Hử? Được không?” Sam lão đảo đứng dậy, suýt đẩy George ngã.

“Con ghét mấy người!” nó hét lên. “Con ghét mấy người – con cũng ghét ba nữa! Ghét cái nhà xấu xí ghê tởm này và cả cái thằng con trai ngu ngốc đáng ghét có cái tên như ọe của mấy người nữa! Con sẽ không trở lại đâu!” Hất ngã một cái ghế, Sam chạy hai bậc một lên lầu. Beth nghe tiếng nó va vào tường ba lần ở hành lang trên lầu và rồi có tiếng cửa đập thật mạnh.

George lên tiếng: “Tôi xin lỗi. Cái thằng, thật là ngốc nghếch quá.”

“George, không ai trách ông đâu,” Beth vừa nói vừa bước nhanh tới để pha cà phê rồi đem khăn ăn, đem bình đựng kem, đem muỗng để uống cà phê ra – những thứ cô chưa bao giờ làm.

“Tôi muốn làm tất cả mọi điều tốt đẹp cho nó,” George vừa khóc vừa đập mạnh tay xuống bàn. “Tôi muốn nó được hạnh phúc. Và nếu anh chị là những người có thể đem lại cho nó một gia đình mà nó xứng đáng được có thì hãy làm thế đi! Nhưng tôi phải nói cho quý vị biết, Beth và Pat ạ, giờ thằng nhóc là đứa trẻ đau khổ nhất trên cõi đời này đó. Trong đời nó, tôi chưa hề thấy nó buồn quá nửa ngày. Nó... chưa bao giờ như thế. Ý tôi là thậm chí khi Cecilia... nó còn tiếc cho cô ấy, Pat ạ. Nó thường nắm tay cô ấy, tay cô ấy rũ liệt ra như một miếng giẻ rách, và nói: “Ổn rồi, má à. Ổn rồi.” Mà giờ thì... ôi lạy Chúa. Có thể rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp hơn...”

Pat lên tiếng, giọng nghèn nghẹn, gần như rên rỉ: “Mà cũng có thể không.”

“Mà cũng có thể không,” George nói tiếp. “Nhưng tôi phải nói với anh chị rằng chuyện này làm lòng tôi đau xót lắm. Sáng nào tôi cũng vào phòng nó và rồi thỉnh thoảng lại thấy nó nằm cuộn tròn trên giường. Thấy nó nằm đó gác chân lên cái gối mẹ tôi đã may cho nó. Beth ơi! Pat ơi! Quý vị có biết tôi đau khổ biết chừng nào không?”

Pat nhìn Beth trừng trừng. “Nó đã nói gì với em, hôm hai mẹ con đi với nhau ở phía Bắc?”

“Cũng nói như thế này thôi, căn bản là vậy. Nhưng không nhiều như hôm nay,” cô cụp mắt xuống đáp. “Em đã định kể cho anh nghe về chuyện này rồi...”

George vội vã đứng dậy suýt làm đổ chiếc ghế nhưng ông chụp lại được trước khi nó ngã xuống sàn. Ông nói: “Tôi đi đây, quý vị. Một lần nữa, xin quý vị tha lỗi cho tôi.”

Hai người vừa định đứng lên thì George đã mệt mỏi xua tay cho họ ngồi yên.

Beth và Pat ngồi nơi bàn, cà phê nóng mới pha trong ba cái ca giờ đã nguội tanh nguội ngắt. *Mình phải đi chuẩn bị bữa ăn sáng*, Beth nghĩ. *Mình sẽ đứng lên đi làm việc đó.*

“Paddy. Anh đi ngủ một chút chứ?” Pat nhún vai rồi đi về phía cầu thang. Beth lấy một cái bát ra rồi bắt đầu đánh trứng. *Bánh mì nướng kiểu Pháp*, cô nghĩ. Cô vẫn luôn vụng về trong việc nấu nướng sau bao nhiêu năm Pat toàn đem thức ăn từ nhà hàng về cho anh và hai đứa trẻ – còn cô thì bao giờ cũng chỉ một ổ bánh mì tròn, một hũ ya-ua, một nắm bánh quy và một ít phômai là xong. Nhưng đối với Sam thì phải thành mâm thành đĩa vào những giờ nhất định – phải có món rau trộn, phải có đủ các món phụ đi kèm với món chính, và phải có tráng miệng nữa. George đã theo đúng kế hoạch kim tự tháp này một cách đều đặn; thật lạ là Sam thích bánh bông lan nhỏ làm từ cám lúa mì và mơ khô. Beth gọt táo, bóc cam rồi trộn với ya-ua. Món xà lách trái cây. Làm món này thật dễ. Con Beowulf đập đập cái đuôi mập bự với mõ lông đuôi đang xám dần dưới cái ghế dài, lông nó lơ lửng lấp lánh tỏa ra trong nắng như những mảnh thủy tinh nhỏ.

Vincent ngửi thấy mùi quế và bơ hấp dẫn nên nó xuống lầu. Lúc này Pat, mặc độc có cái áo sơ mi, cũng xuống theo. Từng người một, họ lặng lẽ ngồi xuống bàn và ăn. Sam thu dọn chén đĩa đem sang bồn rửa chén.

“Để em giúp anh nhé,” Kerry nói.

“Hôm nay là ngày anh rửa mà,” Sam vừa đáp vừa cẩn thận xếp mấy cái chén đĩa bằng bạc lên trên cùng.

“Con có muốn chơi bóng không, Sam?” Pat hỏi to.

“Con đã hứa là sẽ đến cắt cỏ cho nhà Silberg,” Sam đáp.

“Nhưng chưa đến bảy giờ mà,” Pat nói.

“Có lẽ con đi ngủ một chút,” Sam nói. Pat kéo lui cái ghế ra sau để có thể thấy Sam đang đứng nơi bồn rửa chén. Anh ngắm đôi tay Sam; Pat rất thích đôi tay khéo léo của Sam khi cầm một quả bóng, bất kể là bóng gì. Đôi tay bắt bóng và tung bóng tuyệt vời ấy là niềm vui đặc biệt của Pat, và Beth cũng ngờ rằng đó chính là mặc cảm của anh. Pat đã từng là hậu vệ với lối chơi thần tốc. Nhưng kiểu chơi bóng chày của Sam lại khác hẳn, thông minh, chậm chạp, có tính toán.

Beth đổ chỗ bã cà phê vào thùng rác. Kerry bật chương trình phim hoạt họa Looney Toons lên. Vincent lại chui vào cái hang của nó. *Giờ thì mình sẽ ra ngồi trước hiên nhà*, Beth nghĩ.

Khi ra đến ngoài, cô thấy Pat đang tưới mấy cụm hồng.

“Để đẩy em làm cho,” cô bỗng phát cáu lên với anh; ông Angelo đã không nhắc con trai mình cả triệu lần là phải tưới vào rễ chứ không được tưới lên lá vì như thế sẽ làm cho lá bị rầy bám đó sao? “Em tưởng anh đi ngủ rồi.”

“Anh không ngủ được. Em ngủ được không?”

“Vậy thì, Paddy này, em nghĩ là mình nên nói chuyện với nhau.”

“Nếu em muốn.”

“Nó không được hạnh phúc anh ạ. Những gì xảy ra đêm qua chỉ là bề nổi của mọi chuyện thôi.”

“Anh biết là em sẽ nói thế mà, Beth. Trong một tình huống gần như hoàn hảo thì em phải tìm cho ra một chút khuyết điểm nào đó. Người nhân viên xã hội đã cảnh báo mình về chuyện này rồi mà. Cô ấy bảo rằng sẽ phải mất một thời gian khá lâu. Em nhớ không? Nó sẽ lẫn lộn về nhân thân của nó. Về tất cả mọi chuyện.”

“Vấn đề là ở chỗ đó đó, Pat. Anh nghĩ nó lẫn lộn về nhân thân của nó à? Em không cho là như thế. Nó biết chính xác nó là ai.”

Pat quay lưng về phía cô và bắt đầu giẫy cỏ với cái cuốc dựng bên hông nhà. “Ý em là sao?”

Beth ngồi xuống trên bãi cỏ. “Pat này, anh có nhớ lúc mình đọc về mấy trường hợp mà cha mẹ ruột muốn đưa nhỏ trở lại sau khi cha mẹ nuôi đã nuôi nó được hai hay ba năm không? Khi ấy anh luôn nói rằng nếu anh là thẩm phán thì anh sẽ xử theo những gì có lợi nhất cho đứa trẻ, anh còn nhớ không? Anh luôn nói rằng thật kinh khủng khi làm điều ngược lại.”

“Nhưng trường hợp mình khác xa mà.”

“Tác động cũng y như nhau thôi anh à.”

“Tác động khác hẳn nhau chứ.”

“Paddy này, ông George là bố nó.”

Beth chợt nghĩ Pat sẽ giơ cái cuốc lên bổ xuống người cô. Nhưng thay vào đó, anh thả cái cuốc xuống, chộp lấy ống nước rồi ném mạnh vào thân một cái cây để nó lượn một vòng như con rắn hổ mang và xịt nước tung tóe vào cả hai người.

Pat nói thật nhỏ nhẹ: “Nghe này, Beth. Anh sẽ nói điều này một lần thôi. Anh yêu em, Beth à.” Anh đi đến chỗ vòi nước khóa vòi lại. “Anh yêu em và có lẽ anh đã yêu em suốt cuộc đời em. Mình lấy nhau được hai mươi năm rồi, và anh cũng biết em từ khi em còn bé. Mà em có biết anh nhận ra được gì nơi em không, suốt cuộc đời em ấy?”

“Gì chứ?” Beth hỏi.

“Em tào nên một sự nghiệp dựa trên sự đau khổ.”

“Không đúng. Khi Ben còn...”

“Không, anh muốn nói là thậm chí trước khi Ben bị bắt cóc nữa. Em luôn chờ một cái cơ để tỏ ra khổ sở. Anh không phải là bác sĩ, Bethie ạ. Có thể là đầu óc em có vấn đề, một vấn đề về cá tính. Nhưng Beth, anh không giống thế đâu. Bất cứ lúc nào có cơ hội hạnh phúc thì anh sẽ hạnh phúc. Thậm chí trước khi chúng ta tìm lại được con anh cũng đã quyết định mình sẽ hạnh phúc. Nếu không thế thì anh đã chết rồi. Và rồi mình đã tìm lại được con. Cuộc đời anh là do anh quyết định. Anh cảm ơn Chúa vì anh đã có một cuộc đời theo ý mình muốn. Và anh không muốn thay đổi gì nữa hết, không thay đổi tí gì, kể cả sau những gì anh đã phải chịu đựng. Kể cả sau những gì Vincent đã phải chịu đựng.”

“Anh cũng biết là em không muốn làm gì khiến Vincent đau khổ mà.”

“Anh không nghĩ em muốn thế. Anh thực sự nghĩ là em tin vào điều đó. Nhưng chính xác thì em đang đề nghị điều gì vậy? Mình sẽ trả Sam lại cho những người đã bắt cóc nó khi nó còn nhỏ ư? Em có điên không hả, Beth? Em có biết thiên hạ sẽ nghĩ gì không?”

“Em cóc cần biết thiên hạ nghĩ gì. Em chỉ quan tâm đến Sam thôi.”

“Ờ, vậy thì hãy làm mẹ của nó đi, Beth. Nếu em quan tâm đến nó thì hãy giúp cho nó sống hạnh phúc hơn đi.”

“Em đang cố đây.”

“Không phải, em đang cố tìm ra một cách để tất cả chúng ta đều sẽ tiếp tục phải khổ sở. Để em lại có thể trốn chạy thêm chín năm nữa. Em làm thế là vì em thôi, Beth. Không phải vì thằng bé.”

“Pat, anh nghe em nói đây, em không nghĩ là mình sẽ trả nó về lại hẳn. Có rất nhiều gia đình khi họ ly dị hay đại loại thế thì họ cùng chăm sóc đứa trẻ. Chúng ta sống cách nhau có hai khu phố thôi. Nó có thể có hai gia đình cùng một lúc được mà.”

“Beth, nó có một gia đình! Nhờ ơn Chúa nên nó đã gặp lại được gia đình của nó. Nó là máu thịt, là con trai anh, Beth. Và nếu em nghĩ rằng anh điên khùng để thỏa hiệp với bất cứ điều gì sẽ tước đoạt con trai anh ra khỏi tay anh một lần nữa sau bấy nhiêu thăng trầm thì em lầm to rồi. Anh sẽ không tha đâu, Beth ạ. Ngay cả em nữa. Anh nói nghiêm túc đấy.”

Beth liếc quanh sân rồi đứng lên. Pat vẫn còn đang la lối om xòm; cô biết chắc gia đình Becker có thể nghe tiếng anh qua mấy cái cửa sổ đang mở toang; nhà họ không có máy điều hòa không khí. “Paddy, ngay bây giờ thì mình chưa phải quyết định gì hết mà.”

“Có chứ, Beth. Đây là một kiểu mẫu. Nhà hàng đã thành công lớn vì thiên hạ có những ý thích rất lập dị. Thì sao chứ? Có thể họ là như thế. Rồi họ sẽ quên ngay ấy mà. Thiên hạ chóng quên lắm. Mấy đứa em gái anh ghét em vì chúng nghĩ em đã bỏ cuộc không tìm Ben nữa. Cứ cho là như vậy đi – nhưng chúng sẽ quên ngay thôi. Thiên hạ cũng thế, Beth à. Sam cũng sẽ nhanh chóng quên đi chuyện này. Thiên hạ thích nghi tài lắm. Mình thật may mắn, Beth này. Mình may mắn lắm đó, em có biết không?”

“Pat, em không làm thế được. Em yêu nó. Em không thể bỏ qua chuyện này được. Mình đến gặp Tom Kilgore nói chuyện đi anh.”

“Anh sẽ không thay đổi ý định đâu, Beth.”

“Đâu chỉ là quyết định của riêng anh!” Beth hét vào mặt Pat. “Anh không thể chỉ nói ‘Tôi thích cuộc đời mình, tôi có cuộc đời mình!’ Nó cũng có cuộc đời của nó chứ!”

“Đúng! Nhưng cuộc đời của nó là ngay ở đây! Nó là con anh!”

Giờ phải nói cho anh ấy biết thôi, Beth nghĩ. Quá trễ để có thể tỏ ra nhã nhặn một cách hèn nhát rồi. Phải nói cho Pat biết để anh ấy không còn giả vờ là mình chưa biết. Hãy đưa chứng cứ ra, từng bước một, để sau này Pat không thể nói rằng mình chưa thực sự hiểu – chưa thực sự biết rằng con của họ, Ben của họ đã đúng.

Có một nơi thăm sâu nào đó của đại dương tâm hồn. Ben đã đến đó, và nó đã không trở lại.

Họ đã không bao giờ có thể đến đó với nó, hay biết được những gì nó đã trải nghiệm, hay thật sự hiểu được những gì đã tạo nên con người nó. Họ chỉ thấy được kết quả thôi.

Ben đã rẽ sóng bước ra từ bọt biển như một nữ thần Venus rần rỏi hơn, hoàn toàn đổi mới, hoàn toàn trưởng thành. Nó đã thành Sam Karras, một đứa con trai dễ thương mà bất cứ ông bố bà mẹ nào cũng sẽ tự hào vì đã nuôi dạy được như thế; nhưng Beth và Pat đã không có được vinh dự đó.

Cái mùi mà nó nhớ trong đêm đó không phải mùi xà bông của cô mà là mùi xì gà của George. Nó giống như một lớp trầm tích gồm rất nhiều những niềm tin, những ấn tượng không liên quan gì đến gia đình Cappadora cả: Mấy quả trứng nó cầm trong đôi tay nhỏ xíu là những quả trứng đỏ trong dịp lễ Phục Sinh của đạo Chính thống; người bà yêu quý của nó là bà nội Alicia Karras chứ không phải bà Rosie; bà ngoại nó là người phụ nữ quý tộc Sarah Lockhart. Nó mặc pijama đi ngủ chứ không phải chỉ mặc độc mỗi cái quần xì và áo phông như tất cả những thành viên trong gia đình Cappadora.

Beth muốn kể ngay cho chồng biết rằng cô đã ngắm nó rất chăm chú mong tìm những dấu hiệu tiến bộ hay những thay đổi dù nhỏ nhất. Cô đã thấy Sam quan sát ông Angelo ra sao và thắc mắc *Có mối liên hệ nào trong việc này không nhỉ? Mơ hồ lắm, nhưng có thật không?* Cô đã mong chờ các kết quả sau khi Sam đã ngồi hàng giờ với cuốn album ảnh của gia đình, chăm chú nhìn vào các chi tiết thật căng thẳng như một người lớn đang tập trung để hoàn thành một trò chơi ghép hình, và cô thật đau đớn khi thấy hoàn toàn chỉ là một con số không.

Gương mặt Pat lạnh tanh, dữ tợn. Anh có chịu nghe cô nói không nhỉ? Hay cô chỉ hoài công? Pat có biết toàn bộ các phân tử trong bộ nhớ của Sam đã bị thay đổi hết rồi không? Pat có nhớ cô nhân viên xã hội đã nói rằng mọi việc có thể tiến triển tốt đẹp hơn, dù sẽ đau lòng hơn nhiều nếu Sam lớn lên trong tình trạng bị lạm dụng về tình dục hay phải sống lang thang không

nhì? Rằng ít nhất thì lúc đó nó có thể thấy bố mẹ ruột như những anh hùng trong truyện cổ tích? Thay vào đó cô ta chỉ buồn bã nói: “Tôi ghét phải nói ra điều này, nhưng có thể nó sẽ cảm thấy quý vị là những người đã đánh cắp nó từ tay ba nó.” Pat đã nổi giận, thậm chí sau khi người nhân viên ấy đã xin lỗi. Anh đã cáu kỉnh rất nhiều ngày sau đó.

Phải nhắc cho anh ấy nhớ thôi, Beth nhủ thầm.

Và rồi cô nói: “Pat này, em nghĩ có nhiều điều đang xảy ra mà anh không muốn hiểu. Và một trong những điều đó là em không phải kẻ thù ở đây. Anh không nghĩ là em cũng muốn cùng một điều như anh sao? Nếu em, hoặc Sam, có thể uống một viên thuốc, và chúng ta sẽ quên toàn bộ câu chuyện này, như nó chưa từng xảy ra, anh nghĩ em có dám làm không?”

Pat ngập ngừng giây lát, rồi thận trọng nói: “Anh chẳng biết em có dám làm thế hay không nữa, Beth.”

“Lạy Chúa, anh thật ác độc. Anh tưởng em thích chuyện này à?”

“Không phải thích. Không, anh không buộc tội em về chuyện đó. Nhưng em phát triển được là nhờ nó. Ý anh là em bám víu vào thứ gì để sống tiếp nếu không có cái... cái nỗi đau khổ linh thiêng đó của em chứ hả?”

“Pat!”

“Ừ, là vậy đó. Cứ như cuối cùng thì em cũng phát hiện ra được nỗi đau to tát rồi, Bethie. Cái điều khiến cho việc trở thành kiểu người Ai-len thảm não của em vẫn có thể chấp nhận được. Và giờ thì em lại đang tiếp tục tìm kiếm thêm. Mỗi lần chỉ mất một đứa con vẫn chưa đủ mà.” Anh ngừng lại.

“Ý anh là em có thể chấp nhận việc mất nó lần nữa. Điều này sẽ không làm em đau khổ nhiều bằng anh.”

Và dù Pat đứng im, Beth vẫn nghe tiếng anh lặp lại như thế anh đã nói. Những từ anh đã sử dụng. “Mỗi lần *chỉ* mất một đứa con.”

Cô nói: “Chỉ mất một đứa. Anh nghĩ rằng em đánh mất cả hai đứa phải không? Sam và Vincent nữa, đúng không? Rằng đó là do lỗi của một mình

em chứ gì?”

“Không phải. Lạy Chúa, không phải. Anh xin lỗi.”

“Dù sao thì đó cũng là những gì anh muốn nói mà.”

“Anh chưa từng có ý đó, Bethie, không đâu, và anh không bao giờ muốn nói thế.” Trông Pat hoảng sợ thật sự.

Giờ thì mình có thể ghét anh ta được rồi, Beth nghĩ, và có lẽ điều này sẽ giúp cho cả hai. Nhưng cái cảm giác duy nhất mà cô có thể chạm tới được, đang len lỏi bên trong cô, là nỗi tiếc nuối thật nhẹ nhàng và thân quen. Nỗi tiếc nuối và tội lỗi đã nhạt nhòa dần theo năm tháng, từ trước ngày họp lớp rất lâu, từ cái ngày mà con vi rút âm ỉ trong người mẹ cô đã lan nhanh thành những triệu chứng thật sự.

Cũng được.

Cô chưa từng là bà mẹ tốt nhất trong số các bà mẹ. Khi cô bày tỏ tình cảm cũng như khi cô nổi giận, cư xử thô lỗ. Thiếu kiên nhẫn. Trung thành một cách điên rồ, nhưng không phải lúc nào cũng cảm thông. Không phải lúc nào cũng sẵn sàng mở lòng ra với người khác.

Cũng có thể thế, Beth nghĩ, và suýt nói ra rằng thậm chí từ trước vụ bắt cóc, mấy đứa nhóc đông quá trong khi chỉ có một mình cô. Mình không thể cho chúng tất cả những gì mình có được, theo cung cách của những bà mẹ thật sự tốt lành hay làm, vì mình còn phải giữ lại một ít cho công việc của mình nữa.

Nhưng còn anh thì sao, Pat? Anh đã gia nhập ngành kinh doanh nhà hàng, Chúa ơi, một công việc chiếm hết thời gian quanh năm suốt tháng trong cả cuộc đời trưởng thành của anh. Sao anh làm công việc đó chứ? Sao anh không bán máy vi tính? Anh có thích giờ giấc công việc, thích cái cuộc sống đó dù anh luôn phàn nàn chê bai? Vì anh là bố, nên như thế vẫn chấp nhận được ư? Và vì bố anh cũng thế ư? Vì khi có mặt ở nhà, anh luôn dịu dàng chứ không như em ư?

Beth bóp trán. *Thôi, cô tự nhủ. Đừng tin vào nó. Đừng sử dụng quá khứ như khúc dạo đầu cho cái ngày họp mặt, còn mọi chuyện tiếp theo như điệp khúc của chủ đề đó – Mẹ thì lơ là, con bị bỏ bê, và rồi cuối cùng, lãnh hậu quả.*

Không. Beth cố hít một hơi cho lòng lắng xuống.

Cô nói: “Pat, vấn đề là nếu không có vụ bắt cóc thì mọi chuyện đã bình thường. Cho anh và em và cho mấy đứa trẻ nữa.”

“Em muốn nói gì chứ?”

“Ý em là mình sẽ hạnh phúc. Mình từng như thế. Anh nghĩ Ben bị mất tích vì em là một bà mẹ cầu thả lơ thôi. Mà *đúng* là thế...”

“Không phải...”

“Có mà, Pat. Đó chính là ý anh mà. Nhưng lúc đó nó chẳng làm anh khó chịu đâu. Không nhiều. Và thậm chí nếu em có tệ hại hơn nữa thì mấy đứa nhỏ cũng vẫn phát triển được. Anh muốn nhìn mọi chuyện theo kiểu ‘nếu thế này, thì sẽ thế kia’. Anh là như thế đó Pat. Nếu mọi chuyện xấu đi, thì là do có một lỗi trong sự sắp đặt. Nhưng không có. Không hẳn. Khi anh đang lớn thì Angelo lúc nào cũng có những bài tập nho nhỏ luyện giọng Ý, còn Rosie lúc nào cũng ở cửa hàng, và rồi anh vẫn phát triển được. Có lẽ lúc đó mọi việc dễ dàng hơn. Những buổi đi lễ nhà thờ và hội Moose, và anh chỉ sống mỗi một chỗ suốt cuộc đời anh. Nhưng những gì không có khi chúng ta còn là trẻ con...” cô ngừng lại để tìm từ cho chính xác – “là... nhận thức. Cái nhận thức rằng chúng ta biết lũ trẻ có bố mẹ phải tất bật kiếm cơm thì khổ cho chúng biết bao. Bố mẹ em lại nghĩ đó là chuyện hết sức bình thường. Họ chỉ việc cho con ăn, cung cấp quần áo cho con mặc và đánh chúng nếu chúng không chịu làm bài tập về nhà. Nhưng *em* hiểu. Em hiểu mình thật ích kỷ khi vừa muốn có nhiều con và vừa muốn được làm việc. Vì thế em cố dền bù cho chúng để chúng hiểu dù em có lơ là trong những sự chăm chút nhỏ nhặt thì em vẫn không bao giờ quên bốn phận lớn lao của một người mẹ *đúng* nghĩa.” Beth đứng lên nắm lấy hai cánh tay Pat. “Em biết rằng em cần

chúng. Chúng cũng biết mà. Chúng biết em đã cố gắng trở thành người tốt nhất có thể.”

Khi Pat tỏ vẻ muốn xua cô đi cô càng siết chặt tay anh hơn nữa. “Và nếu muốn, anh có thể nói rằng sau khi Ben mất tích, em lại tiếp tục làm Vincent trở nên xa lạ. Anh có thể nói thế, bởi điều đó khiến anh nhẹ nhõm hơn. Dẫu anh có nói kiểu gì đi nữa thì lúc đó em cũng đã cố gắng hết sức rồi. Còn nỗ lực đó của em chưa đủ tốt đâu phải chỉ vì nỗi đau buồn. Mà có lẽ vì em đã tin, cũng giống anh, rằng chính những gì em làm mới là nguyên nhân. Em có cảm giác chỉ nội chuyện em là mẹ của Vincent cũng dễ dàng làm nó thất vọng rồi.”

Pat đang khóc. Nhưng Beth biết cô không thể để cho lòng thương hại hay cơn giận của mình thắng thế được. Cô không thể và sẽ không ngừng lại. Cô sẽ nói cho đến khi cánh cửa đóng sập lại mới thôi. “Và anh biết điều duy nhất mình còn lại bây giờ là gì không? Là nhận thức. Mình có thể nhận thức được rằng mình có hai đứa con trai và cả hai đều là người lạ trong căn nhà này, và nếu đừng vờ vịt cho rằng không phải thế thì có lẽ mình còn cứu vãn được một điều gì đó. Anh đã vờ vịt đủ lâu rồi, và... anh có thể nói rằng em cũng vậy. Còn việc chúng ta lâm vào cảnh này như thế nào chẳng quan trọng nữa.”

Pat nhìn Beth – đôi mắt anh xa vắng hoặc chứa đầy niềm an ủi, như vẫn thường thế từ xưa đến nay, nhưng cũng giống bố cô, chúng ánh lên niềm tin thơ ngây, cùng sự lẻ loi và yếu đuối.

“Vậy thì sao?” anh hỏi. “Vậy thì em muốn gì ở anh?”

Và dù từng nghi ngờ chuyện đó, ngay lúc ấy Beth đã biết chắc họ sẽ không cùng nhau gánh vác hệ quả của những điều sẽ xảy đến với Sam nữa. Dù Pat không căm ghét cô – và Beth có thể thấy rằng anh không còn dám căm ghét cô nữa – thì anh vẫn không thể nói với gia đình anh rằng: “Chúng con đã thảo luận với nhau kỹ lưỡng rồi. Chúng con thấy rằng cứ như thế này thì Sam không thể hạnh phúc được. Chúng con đã quyết định theo hướng tốt nhất.” Sẽ không còn “chúng con” trong chuyện đó. Pat sẽ không phản bội

cô, nhưng với một lựa chọn mà Beth từng đề nghị, anh thà ra sống trên sa mạc còn hơn.

Bây giờ đã đến lúc cô phải thực hiện lựa chọn ấy.

REESE

8

“Vậy là giống như thỏa thuận đồng giám hộ phải không? Một tuần ở nhà này, một tuần ở nhà kia?” Tom vừa hỏi vừa gác chân lên thành của chiếc ghế nệm dày cộp. Reese đã nhận thấy rằng từ hồi lấy vợ cách đây mấy tháng chú Tom già tỏ ra thư thái hẳn. Có lẽ việc diễn ra đều đặn.... Nhưng không, hôm nay Reese sẽ không đi theo lối cũ nữa.

“Thật ra thì cháu không biết chính xác những gì họ thực hiện; hình như chỉ mất vài tuần. Cháu biết là họ có đi gặp một thẩm phán và làm gì đó,” Reese nói. “Cháu nghĩ là phải có luật về chuyện này. Nhưng đạo này nó không xuất hiện nhiều.” Điều đó lại càng làm chuyện nặng nề thêm. Hôm đó khi thấy Sam đi khỏi con đường nhà nó, Reese đang nghe nhạc từ cái máy đĩa mới mà rốt cuộc bố nó cũng cho phép nó rút tiền tiết kiệm ra để mua. Thậm chí nó cũng không thèm đi xuống nữa. Nó có thể hình dung ra được cảnh trên hàng hiên: bố nó đang ngồi ủ rũ, có lẽ còn đang khóc nữa không biết chừng, mẹ nó đứng đó như thể đang xem chiếc máy bay chở khách Hindenburg bốc cháy vậy. Còn Kerry tội nghiệp thì đang nắm tay Blythe và cứ hỏi mãi: “Khi nào thì anh Sam về lại chứ?” Mẹ kiếp, người ta phải là thầy tu thích khổ hạnh mới có thể sống được trong cái gia đình Cappadora này. Reese nghĩ cái máy cát-xét giống một cái kẹo que giúp Vincent không khóc than vì thằng em thất lạc đã lâu nay lại mất tiếp; chết tiệt, mất đi mất lại hoài! Cứ như là nó đã nguyên rủa ấy.

Ngôi nhà yên ắng hẳn đến bảy mươi phần trăm, đối với Reese thế cũng tốt. Họ chưa từng có những khoảnh khắc như thế này ở Cleavers, và mẹ trông có vẻ bình thường, mắt mẹ bình thần nhìn mọi việc diễn ra, không giống như trước đây cứ phải cố nhận ra xem thiên hạ đang làm gì.

“... cảm thấy thế nào về chuyện đó?” chú Tom đang nói.

“Dạ sao?”

“Xuống đất lại coi Reese.” Cái ông Tom quái đản này. Tiếng lóng của ông dễ thường cũng xưa cả ba mươi lăm năm rồi – Reese lúc nào cũng mong ông thốt ra từ “bảnh” – nhưng xem ra ông đã cố hết sức rồi. “Chú đang hỏi khi biết Sam quyết định như thế thì cảm tưởng của cháu ra sao. Cháu có... bị sốc không?”

“Cháu á?” Reese ngạc nhiên hỏi. “Không. Cháu thấy giống một cú đá đít bố mẹ cháu hơn, xin lỗi chú vì cháu dùng từ thô thiển quá.”

“Ừ, hiểu rồi. Vậy thì, mùa hè tới này sẽ ra sao? Vẫn tập luyện để tham gia đội tuyển bóng rổ chứ?”

Reese không muốn nhắc đến vụ gặp gỡ lão Teeter Đầu-bã-đậu ấy chút nào. Nó đáp: “Có. Nhưng cũng có thể là không. Tất nhiên chú cũng biết là trong bối cảnh truyền thống của trường trung học thì cháu đang gặp khó khăn và bị thiếu động lực học thuật rồi mà.” Tom cười khì khì. “Nhưng bố cháu cứ nghĩ rằng nếu cháu không vào được đại học Wisconsin thì cháu sẽ rũ ra mà chết hay đại loại thế. Vì thế cháu phải đăng ký vào năm tới. Đăng ký thật sự ấy. Cháu sẽ không có thì giờ chơi bóng đâu, chú hiểu chứ?”

Chú Tom chấp mấy ngón tay lại. Sau ngần ấy năm thấy cử chỉ đó, Reese biết chú đang suy nghĩ ghê lắm.

“Cháu có ngủ được không?”

“Dạ được. Không có vấn đề gì.” Thật ra nó đã nói dối trắng trợn, nhưng một lần nữa, nó thấy chẳng ích gì khi đề cập đến chuyện ấy. Gần đây nó lại mơ thấy những cơn ác mộng chó chết ấy về thằng nhóc, tuần vừa rồi những hai lần. Chúng khiến Reese nổi khùng khi nghĩ rằng nó sắp sửa bị điên vì một điều gì đó nó còn chẳng thèm quan tâm, hay thậm chí chẳng nhớ đến nữa. Không nhớ nhiều. Nó thấy tim mình đập thành thịch. Ôi, mẹ kiếp, đừng, mẹ kiếp, đừng. Đừng vậy nữa chứ.

“Sao thế, Reese?” chú Tom hất chân xuống chồm tới trước hỏi.

“Không có gì, không sao. Chắc cháu sắp bị cúm hay gì đó thôi.”

“Chỉ thế thôi sao, cháu có chắc không? Ý chú là chuyện này khó chịu đó nghe Reese. Kéo thẳng bé trở về. Cố mà thích nghi với hoàn cảnh mới. Sau đó nó lại ra đi, và lại phải cố mà thích nghi với hoàn cảnh mới đó.”

“Cháu chẳng phải thích nghi gì hết. Chẳng liên quan gì tới cháu.”

“Chú lại nghĩ là có.”

“Đó là công việc của chú mà. Chú lúc nào cũng phải nghĩ là có, nếu không thì chú sẽ thất nghiệp mất.”

“Cũng đúng. Nhưng chú biết vụ việc chết tiệt đó cũng làm cho cháu phải suy nghĩ. Còn mẹ cháu thì sao? Cháu với mẹ vẫn ổn chứ?”

“Đương nhiên rồi. Khi Sam đi rồi thì mẹ cháu mới phát hiện và trân trọng những tài năng hơi bị nhiều của cháu đấy. Cháu với mẹ chơi tennis đôi vào thứ Năm hằng tuần, rồi chơi bài bridge vào thứ Sáu...”

“Chỉ có bấy nhiêu mà kể mãi, Reese.”

“Vậy thì câu hỏi của chú cũng thế thôi,” Reese đáp lại. “Mẹ cháu nói chuyện với cháu có khoảng mười lần trong chín năm, mà hết tám lần là trong mấy tháng vừa qua. Chẳng phải lỗi của mẹ cháu nhưng nói chung thì mẹ cháu ghét cay ghét đắng cháu đấy.”

“Chà, chà, chờ chút anh bạn. Chú biết mẹ cháu không vuốt ve ôm ấp cháu nhiều, chúng ta có thể nói thế, nhưng chú chưa bao giờ có cảm giác rằng...”

“Chà, chú cứ thử nhìn mặt mẹ cháu đi. Mẹ nhìn cháu như thể cháu là cái thứ cặn bã dưới đáy tủ lạnh mà mẹ phải cạo cho sạch ấy.”

“Chú không nghĩ thế. Nhưng cháu lại cảm thấy thế mới chết chứ.”

“Chú Tom à, cháu đến đây... để xem... bốn năm rồi đúng không? Hay lâu hơn nữa? Chú gặp mẹ cháu được mấy lần?”

“Một hai lần gì đó.”

“Thấy chưa, nếu chú quan tâm con chú thì chú có đến kiểm tra chỉ một hoặc hai lần không? Cháu cóc cần, cháu chỉ còn một năm nữa bị úm trong gia đình thôi...”

“Hai năm chứ. Ít nhất là hai năm đó Reese. Còn bố cháu với Kerry thì sao? Đối với cháu họ không quan trọng à? Cháu không quan tâm đến những gì họ nghĩ sao?”

“Chắc chắn là có chứ,” Reese dừng lại một chút rồi đứng lên để nhìn bức ảnh ngựa nó thích nhất, bức có Tom và em gái chú ấy. “Em gái chú vẫn cười ngựa à?”

“Không,” chú Tom buồn bã đáp. “Nó lên cấp hai rồi và nó muốn vô đội cổ vũ. Trông nó cứ như... như ca sĩ hạng dự bị trong ban nhạc rock ấy.”

“Chú Tom ơi là chú Tom – con bé đang muốn thể hiện mình thôi, chú hiểu không?” Reese giơ ngón tay làm điệu bộ xoắn xoắn tóc khiến chú Tom cười toe.

“À, chú biết không, giờ thì Kerry cũng cười ngựa. Và bơi. Thối sáo nữa. Rồi chơi bóng đá. Kerry đang chuẩn bị để khi lớn lên sẽ tham gia trong chương trình tạp kỹ một phụ nữ, vừa cười ngựa vừa nhảy clacket vừa thối sáo. Giờ thì nó đang phải còng lưng ra mà học.”

“Có thể nó nghĩ đó là cách làm người khác chú ý đến nó.” Cháu nghĩ đó là cách để nó được ra khỏi nhà. Cháu hiểu nó quá mà. Và đó cũng là lý do bố cháu cứ ở suốt bên nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ. Đặc biệt là trong thời gian này.”

“Thế cho nên cháu thấy mình bị bỏ rơi?”

“Chú Tom à! Cháu mười sáu rồi. Cháu có còn đi nhà trẻ nữa đâu. Chỉ là... cái gia đình này chẳng phải kiểu gia đình đi chơi bowling vào các buổi tối thứ Sáu, chú hiểu không? Mà tạ ơn Chúa, vì nếu cứ như thế thì cháu nôn mất. Nhưng chắc chắn là bố cháu yêu cháu và bố cũng yêu Kerry nữa.”

“Nhưng mẹ cháu ghét cay ghét đắng cháu mà. Bà ấy lại là người cháu ở gần nhiều nhất.”

“Nếu chú muốn nói vậy thì tùy.”

“Còn cháu nói sao?”

“Cháu gọi là hai người phải sống cùng nhau tại sân bay, cùng một sân bay....”

“Và họ sẽ đi đâu? Từ cái sân bay ấy?”

“Cháu có nói là họ sẽ đi đâu đâu.”

“Nhưng cứ cho là như thế đi,” Tom vẫn tiếp tục sử dụng mảnh lời cũ rích của mình.

“Nếu có thì mẹ cháu sẽ đi... lạy Chúa, cháu không có ý kiến.... chắc lên sao Hỏa quá. Và nếu mẹ cháu đi đường đó thì cháu sẽ đi... Siberia. Hay xuống địa ngục. Hay một nơi nào đó.”

“Tại sao mẹ cháu đã mất một đứa con hai lần rồi lại muốn đứa còn lại xuống địa ngục chứ?”

Cái kiểu nhip-tim-ngắt-quãng lại xuất hiện trở lại nơi ngục nó. “Cháu không có ý kiến,” Reese bình thản nói. “Mẹ cháu bực với tất cả những vụ lùm xùm cháu đã gây ra ở trường. Cháu biết chứ. Nó làm mẹ cháu xấu hổ.”

“Nhưng cháu nói mẹ cháu muốn cháu xuống địa ngục cơ mà. Đó không phải là những gì hầu hết mọi người muốn cho một thiếu niên kém thích nghi, nếu cháu muốn gọi là thế.”

“Chú muốn gọi sao cũng được,” Reese liếc mấy con số màu đỏ trên chiếc đồng hồ. “Hết giờ rồi chú.”

“Quên chuyện giờ giấc đi Reese. Chú đã hủy cuộc hẹn kế tiếp của chú rồi. Còn sau đó là cuộc hẹn của bố cháu.”

“Cháu đến đây đâu phải để nghe bố cháu nói.”

“Ờ, khỏi lo chuyện đó. Mình đang nói về chuyện xuống địa ngục mà.”
Nhân tiện nhắc tới chuyện đó, sao chú không xuống đó luôn đi hả? Reese
lắm bầm một mình.

“Rõ ràng là mẹ cháu trách cháu.”

“Về chuyện gì chứ?”

“Về *chuyện gì* hả?”

“Cháu nghe câu hỏi của chú rồi đấy.”

“Vụ thằng nhóc về lại với ông George đó. Mẹ lúc nào cũng như nhắc cháu
‘Quan tâm nó hơn nữa đi,’ ‘Đừng khó khăn với nó quá’...”

“Cháu khó khăn với nó à?”

“Đâu có. Cháu từng ọp rỗ với nó mà. Cháu chỉ không đọc truyện vào giờ
đi ngủ cho nó thôi...”

“Nó quá tuổi nghe đọc truyện trước giờ đi ngủ rồi.”

“Ý cháu là cháu đối xử với nó rất bình thường, chỉ có điều cháu không
quen chơi với một thằng nhóc lớp sáu!”

“Thậm chí với một thằng nhóc lớp sáu là em cháu, mà lại là đứa đã không
gặp suốt chín năm nay à? Cháu không nghĩ như thế càng cần phải chú ý đến
nó hơn sao, Reese? Hay là cháu phải cố gắng quá sức để làm như thế?”

“Chú Tom à!” Reese năn nỉ. “Cháu nghĩ cháu bị sốt rồi. Cháu đi đây.”

“Chú nghĩ cháu bị bệnh tôi-tội-nghiệp-quá thôi. Bố lơ cháu. Mẹ ghét
cháu. Thậm chí đứa em gái nhỏ cũng bận rộn với bài vở tập tành của nó.
Nghe sao giống Oliver Twist quá, cháu biết chứ, Reese?”

“Vậy cháu chịu thua, được chưa? Cháu chỉ biết là mẹ cháu nghĩ toàn bộ
cái chuyện chó chết này là do lỗi của cháu, mà chú có biết đâu, vì chú có
bao giờ gặp mẹ cháu ngoại trừ những lúc bà ấy diễn xuất... ở đằng kia, thật
dễ thương...”

“Toàn bộ cái chuyện chó chết này”? Cháu muốn nói đến chuyện nó trở lại với ông George hả?”

“Không!” Reese ôm lấy người rồi đưa hai bàn tay vuốt mạnh xuôi xuống hai cánh tay để khỏi thét lên nữa.

“Vậy là chuyện gì?”

“Không có gì hết.”

“Là chuyện gì, Reese? Chú có thể ngồi đây đợi cả ngày đó.”

“Cái chuyện chó chết là ngay từ đầu đã đánh mất Ben. Chú hài lòng chưa?”

“Không. Mẹ cháu không nghĩ thế đâu.”

“Có.”

“Chẳng ai trách một đứa bé bảy tuổi vì đã không trông được thằng em nó trong một cái sảnh khách sạn đông nghẹt người, mà dù gì đi nữa...”

“Chú không biết đâu,” Reese khổ sở nói. “Chú không có mặt ở đó mà!”

“Mẹ cháu cũng thế.”

“Nhưng mẹ biết! Mẹ biết!”

“Mẹ biết gì chứ?”

“Mẹ biết rằng cháu...”

Cứ như thế nó lại đang mơ giấc mơ rượt đuổi ấy, lại thấy giấc mơ hiển hiện. Nó bắt đầu nghĩ đến cái mùi ấy, vào cái ngày Ben bị bắt cóc, cái mùi nước xốt trong cái chai ở nhà bếp của cái khách sạn, quỳện cùng mùi phẫn, mùi nước hoa phụ nữ. Và nó muốn nôn ra thảm, hay đứng dậy đánh cho cặp kính của chú Tom văng khỏi cái gương mặt Ai-len hồng hào tự mãn kia. Đồ cứt đá! Reese cố hết sức nói tiếp: “Chú Tom này, cháu chẳng biết cháu nói thế nghĩa là gì nữa. Mẹ cháu làm cháu sồn tóc gáy.”

“Có thể cháu mới là người làm mẹ cháu sồn tóc gáy.”

“Cũng có thể.”

“Có lẽ bà ấy đúng. Cũng có thể cháu đã đuổi đứa nhỏ đi. Có thể nó đã nói là cháu không muốn có nó ở bên cạnh. Rằng nếu có nó bên cạnh thì mọi người sẽ không còn chú ý đến cháu mỗi lần cháu biểu diễn nhào lộn bằng xe đạp nữa, đúng không, Reese?”

Reese úp mặt vào hai bàn tay. “Đừng hỏi cháu. Cháu không biết.”

“Chú nghĩ là cháu biết, Reese à. Chú nghĩ cháu biết. Chú nghĩ cháu biết và cháu sợ không dám kể cho chú nghe vì như thế sẽ đưa cháu đến một nơi cháu đã cố tránh xa trong một khoảng thời gian dài, đúng không hả Reese? Và phải mất rất nhiều thời gian mới đến được đó. Phải cố gắng rất nhiều. Mà dường như cháu chỉ thích đi con đường dễ dàng thôi.”

“Con đường dễ dàng?” Nghe cứ như thể mình huyết sáo ấy nhỉ, Reese nghĩ. Nó không biết những gì nó nói có bị tay cuồng phóng hỏa hay cuồng ăn nào đang chờ ngoài kia nghe thấy không. Ô, đúng rồi. Bị hủy rồi. Ít nhất thì cuộc hẹn kế tiếp đã bị hủy. Nó hạ giọng: “Nếu chú nghĩ rằng sống trong một gia đình quái gở như nhà Addam là dễ thì chính chú mới là người phải ngồi đây đó.”

“Chú chưa từng nói chuyện đó là dễ mà. Chú chỉ nói có thể có vài người đủ dũng khí để đến đó, và vài người lại không được can đảm như thế.”

“Dũng khí? Chú này, chưa có ai bảo cháu nhát gan cả. Họ đặt cho cháu rất nhiều tên, nhưng chưa bao giờ gọi cháu là đồ nhát gan.”

“Chú sẽ gọi cháu như thế đấy.”

“Vậy thì biến xuống địa ngục đi.”

“Chú tưởng đó mới là nơi cháu phải đến chứ.”

“Hay lắm chú Tom. Rất chuyên nghiệp.”

“Reese, cháu cũng có thể ngừng ở đây được rồi,” chú Tom thờ dãi. “Cháu sẽ mắc kẹt với chuyện này mãi thôi, cho đến khi cháu đụng phải gã nào đó đủ to con và đủ dữ dằn để nện cho đến khi cháu chịu khai. Đó là cháu vẫn

còn may. Chú chỉ mong sao cháu đừng bướng bỉnh lôi cả nhà đi cùng cháu thôi.”

“Không có đâu. Cháu chỉ muốn họ để cháu yên.”

“Chú lại nghĩ cháu *không* muốn thế. Nhưng hình như mỗi lần có ai cố thân thiện với cháu là cháu lại mong tìm ra được cách để phi nhổ vào mặt người đó, đúng không?”

“Đừng,” Reese cảnh cáo.

“Sao hả, Reese? Sắp gây sự với chú à? Cháu trách cứ mẹ vì tất cả những rắc rối mà cháu đã gây ra như thế mà vẫn chưa hài lòng ư?”

“Trách mẹ cháu? Lạy Chúa, cháu đã cố giải thích với chú nhiều lần rồi. Là mẹ cháu! Chính là mẹ cháu đấy chứ! Mẹ biết cháu đã làm gì, và vì thế mẹ ghét cháu, còn cháu có trách mẹ đâu!”

“Cháu đã làm? Cháu đã làm gì nào?”

“Cháu đã làm gì hả? Cháu đã làm gì hả? Cháu đã thả tay nó ra! Và chú biết cháu đã nói gì không? Nói với thằng em dễ thương của cháu ấy? Cháu đã nói: ‘Biển đi.’ Cháu đã nói: ‘Biển đi.’” Reese nghĩ lúc đó nó sẽ khóc – nếu khóc được thì nhẹ nhõm biết mấy – nhưng nó đã không khóc được. Nó đang sôi. Sôi đến cạn kiệt. Đỉnh đầu nó đang dâng cao lên như nắp một ấm trà cho Tom có thể thấy hết ruột gan phèo phổi bên trong của nó.

“Reese,” giọng chú Tom nghe xa tít tắp. “Reese.”

“Hả?”

“Cháu có luôn ý thức được điều này không? Cháu luôn nhớ đến chuyện này à?”

“Cháu không biết.”

“Cháu biết.”

“Cháu đã luôn biết chuyện đó. Và cháu cũng không biết. Thật đó. Giống như nó đang ở trong một cái hộp. Nhưng khi thằng nhóc trở về nhà cháu lại

nhớ ra. Lúc đầu thì ít thôi. Nhưng sau đó nhiều dần lên. Rồi đến những từ cháu đã nói.”

“Reese này, cháu thử nghĩ đi. Nghĩ một chút đi. Mẹ cháu không thể nào biết cháu đã nói thế. Mà cháu cũng có thật tâm muốn em cháu biến mất đâu.”

“Nhưng nó đã biến mất. Nó đã biến mất.”

“Sự thật là cháu không có ý đó và thậm chí cháu còn không biết những từ đó thật sự có nghĩa gì mà. Cháu chỉ là một đứa con nít mệt mỏi vì phải trông em trong khi mẹ mãi mê tán chuyện với tất cả các bạn của mẹ. Có lẽ lúc đó cháu đang đói và chán nản....”

“Phải rồi, ai thèm quan tâm chứ. Còn mẹ vẫn ghét cháu.”

“Chú không nghĩ mẹ cháu lại ghét cháu, Reese à. Chú nghĩ mẹ sợ cháu.”

“Sợ... cháu?”

“Chú nghĩ mẹ sợ cháu sẽ biết chuyện của mẹ, cũng y như việc cháu sợ mẹ sẽ biết chuyện của cháu ấy.”

“Biết chuyện của mẹ? Mẹ cháu đã làm gì?”

“Cháu thử suy nghĩ xem, Reese. Cứ nghĩ đi rồi mình sẽ nói chuyện tiếp vào lần sau. Nó nằm trong ấy đấy, Reese. Cháu đã mở được cái hộp ra rồi. Đó là một việc làm khá can đảm, Reese ạ. Giờ thì mình phải nhìn vào bất cứ cái gì bay từ trong đó ra, và nếu cần thì mình sẽ đập cho nó bẹp dí, như một con bọ ấy. Được không?”

“Được.”

“Không phải lỗi của cháu đâu, Reese. Không phải lỗi của cháu. Giờ thì cháu không nhất thiết phải tin lời chú. Ngày xưa thiên hạ đâu có tin rằng có những thứ như nguyên tử vì họ không thể thấy được chúng. Nhưng vẫn có đấy.” Reese nhún vai. “Nghe này. Chú đã từng kể cho cháu nghe về cậu em nhỏ của chú rồi đó. Cậu em đã chết vì chứng đột tử ở trẻ em đó. Chú đã nói chú là người phát hiện ra nó. Nhưng chú chưa kể hết phần còn lại. Mẹ chú

đã bảo chú lên đó để đưa cậu ấy ra khỏi cũi.” Reese ngược lên. Chú Tom đang nhìn vào một trong mấy bức tranh ngựa, ngay trên đầu Reese. “Và lúc đó chú bực lắm. Chú đã phát ngán vì phải bế các em đi chơi loanh quanh rồi. Bọn chú cả thầy là tám anh em, và tất cả mấy đứa lớn bọn chú phải chăm sóc cho những đứa bé, và điều đó làm bọn chú mệt bở hơi tai đấy. Thế là chú lên lầu rồi nắm lấy cánh tay của Taylor. Tay cậu ấy lạnh ngắt. Giống như... một trái dưa leo nhỏ trong tủ lạnh ấy. Lạnh và cứng ngắt. Và cháu có biết chú đã làm gì không? Hả Reese?” Reese gật đầu. “Lúc đó chú đang đọc mấy cái truyện tranh hài, mà mẹ chú cứ nhắc: ‘Lên bế em xuống đi. Lên bế em xuống đi.’ Mà chú thì chỉ muốn đọc cho xong truyện thôi. Thế là chú cứ ngồi đọc cho hết. Cuối cùng, khi chú lên đến nơi và thấy em chú như thế thì tay chú vẫn đang còn cầm tờ báo. Và chú trải nó ra phủ kín lên người cậu ấy với những mẫu truyện tranh hài đó. Chú chắc chắn lúc đó mình không biết, hay chú đã không cho phép mình biết, rằng cậu ấy đã chết. Nhưng chú biết là chú không cho mẹ chạm vào người chú trong vòng... nhiều năm. Mẹ chú nghĩ đó là hậu quả của việc mẹ chú đã làm: đã để chú đối mặt với sự việc kinh khủng đó khi bản thân chú cũng chỉ là một đứa con nít. Bà nghĩ chú sợ chết khi đang ngủ. Mà quả thật là thế. Nhưng đó vẫn không phải là lý do chính.”

Reese lắc đầu. “Vậy thì là gì?”

“Vấn đề là mãi cho đến khi chú học trung học hay thậm chí khi vào cao đẳng thì chú mới biết... Chú nghĩ là chú đã giết Taylor. Rằng chú đã chần chừ lâu quá nên cậu ấy chết vì đói hay vì một điều gì đó. Rằng nếu chú lên trên ấy sớm hơn, ngay khi mẹ bảo thì có lẽ cậu ấy đã có thể sống được, chỉ lâu hơn một chút thôi. Reese ạ, chú nghĩ thế khi chú lớn hơn cháu bây giờ đấy. Cho nên cháu biết không, khi nhìn cháu, chú có thể đoán được rằng cháu cũng có thể hiểu, chuyện đó là không đúng. Không thể nào đúng được.”

Reese lại gật đầu. Đầu nó to đùng, đập bình bịch như một quả bóng bay trên đầu một cây gậy trong cơn gió. Nó nghĩ đây là lần đầu tiên nó thấy nhức đầu đến thế, nhức đến nỗi nó suýt xin chú Tom một viên aspirin hay gì đó.

Nhưng có lẽ chú Tom sẽ chỉ viết cho nó một toa thuốc thôi; bác sĩ không bao giờ đưa cho ta thứ gì để ta thấy khỏe hơn đâu. Phải qua cả một quá trình lâu lắc.

Không khí, Reese nghĩ thế khi rớt cuộc chú Tom cũng thân mật bóp nhẹ vai nó và để nó đi. Nó đã ở trong cái phòng triển lãm ngựa chết tiệt ấy hai tiếng rồi. Chúa ạ. Nó đã mở cái hộp ấy ra, và để làm gì chứ? Nó biết chú Tom là người tử tế, nhưng câu chuyện về đứa bé đã chết ấy – nó thật sự không hiểu; không ai thật sự hiểu được cả.

Reese quay xe đạp lên đường Hollendale về phía trường học. *Trời đã chạng vạng rồi, mùa hè đã chấm dứt*, Reese nghĩ. Cảm ơn Chúa vì hôm nay bố đã không đòi lái xe đưa nó đi. Có lẽ nó nên ngồi trên ghế ngoài khán đài sân vận động một chút. Hít vào một tí không khí. Coi thử quanh đó có ai không và chơi bóng một chút với người đó. Cổ nó như co rút lại, kéo đầu nó thụt xuống hai vai.

Nó rẽ vào chỗ đậu xe, đạp nhanh chân hơn, và rồi nó thấy cái xe. Cái xe Thunderbird cũ màu trắng, kiểu năm 1968 đã được sửa sang lại. Bảng số có chữ BG COCH mà cả bọn chúng nó đều biết cái gã chết tiệt mập địt đó muốn nói là “Big Coach – Huấn luyện viên Xịn,” nhưng đối với phần lớn bọn trẻ – đương nhiên là ngoại trừ đám cầu thủ trong đội A của trường – thì tụi nó gọi là “Con C. Bự” hay “Đũng Quần To” tùy theo hứng của tụi nó.

Lão Teeter. Cái lão bần tiện mập địt ấy. Có lẽ đang ngồi trong đó nghĩ cách ăn hiếp một đứa lớp chín khiến nó sợ vãi đá ra quần. Một lão già mập ú vẫn cố lái cái xe Beach Boys quanh thành phố. *Teeter hả*, Reese nghĩ, nó chạy chậm lại và cẩn thận giấu chiếc xe đạp của nó vào bụi rậm, dang say một đồng những thanh cọc để làm đường rầy xe lửa. Nó đút hai tay vào túi quần. Trời bây giờ tối đen.

Như thế lại càng tiện cho Reese.

Người bảo vệ trại giam kéo chiếc ghế bọc kim loại ra rồi ra hiệu cho Reese ngồi xuống.

Và sau đó ông ta lẳng lặng bỏ đi, như thể bốc hơi vậy. Nếu không có luồng không khí hắt đến từ cái cửa đóng sập lại thì Reese không biết là ông ta đã đi. Nó chăm chú nhìn bức vách ngăn bằng kính nhựa lốm đốm bẩn đầy vết tay thật rõ, giống như đường đi của mấy con ốc... nó không muốn nghĩ tiếp nữa. Theo phản xạ, nó đặt tay lên đùi rồi kẹp chặt hai cánh tay vào người. Nó không muốn mấy thứ đồ đạc với hàng đồng vi khuẩn đó đụng vào người, vào da nó. Căn phòng hôi kinh khủng, có mùi tóc ám mùi khói thuốc, mùi giày bẩn làm nó buồn nôn. Đó là một phòng kho bé tí tẹo. Reese cố không thở, cố không hít những phân tử hôi hám ấy vào; nếu lỡ hít bất cứ thứ gì vào, dù là mùi chó đánh rắm hay mùi bánh mì nướng quế thì nó cũng trở thành một phần con người mình. *Ôi, Chúa ơi, con muốn được sạch sẽ, Reese nghĩ. Con muốn được nằm trên giường của mình. Con cần cái bàn chải đánh răng của con.* Đồng hồ của nó đã bị lấy đi, mà phòng lại không có cửa sổ; nhưng nó biết lúc đó là buổi sáng. Trời đã sáng rõ khi họ lái xe đưa nó từ bệnh viện đến đây. Và sau đó phải mất mười hai tiếng để lấy vôn tay, để lấy đi bộ quần áo bình thường của nó; rồi họ bảo nó ngủ đi – và nó đã ngủ thật, dù ở đó ồn ào và có tiếng khóc lóc than van; nhưng nó chỉ ngủ được khoảng nửa tiếng. Họ dựng đầu nó dậy và nói rằng bố mẹ nó đang có mặt ở đó. Họ đã có mặt ở bệnh viện nhưng lúc đó nó còn đang phê vì phát đạn người ta đã bắn, nên chẳng nhớ bố mẹ nó đã nói gì, hay có chạm vào người nó không.

Giờ thì nó chẳng khá hơn chút nào. Nếu có ai hỏi, Reese sẽ không biết chắc là bốn hay bốn mươi tiếng đồng hồ đã trôi qua. Nhưng nó biết chắc chắn là thứ Bảy. Khi thấy mẹ nó đứng bên ngoài cửa, đột nhiên nó nhớ lại

phòng cấp cứu trong bệnh viện. Quần jean màu đỏ. Mẹ vẫn mặc cái quần jean màu đỏ ấy.

Căn phòng thăm nuôi có vách ngăn được cách âm. Có một cái điện thoại màu kem bên phía này để nó có thể nói với mẹ nó khi mẹ vào. Nhưng nó có thể thấy được mẹ rồi, qua cái khung cửa kính hình chữ nhật dài của cái cửa đối diện, mẹ đứng nghiêng như thể cái khung kính đó là khung ảnh, đầu mẹ cúi xuống, mái tóc quăn đậm màu che khuất gương mặt mẹ.

Mẹ đang nói chuyện với ai đó, và khi mẹ lùi lại để cầm cái giỏ xách lên thì người đó xách lên giùm mẹ. Là dì Candy: đôi cánh tay dài như cánh thiên nga và mấy đầu ngón tay sơn màu nhũ không lẫn vào đâu được, thậm chí dì còn mặc một cái áo khoác màu xanh dương, cái kiểu áo mà nó chưa từng thấy dì mặc bao giờ. Dì vòng tay ôm mẹ Reese và vuốt vuốt tóc mẹ. Lúc đó, nếu được... thì nó sẽ đánh đổi tất cả để được nghe... Nó kê đầu mình lên cái quây bọc mi-ca, cố không co rúm người lại khi chạm vào đó. Cách âm – đúng rồi. Lại một chiến thắng khác của kỹ thuật – ô, nhưng không phải. Nó vẫn có thể nghe mẹ nó nói: “... không ở nhà là tốt hơn à?”

Nhưng giọng dì Candy giờ đã lớn hơn, cái bà dì tốt bụng ấy. Vẫn là cái giọng quen ra lệnh cho những người nói nhỏ hơn dì.

“Nhỏ thôi, nhỏ thôi,” dì nói và rồi: “... thậm chí hôm nay có thể sút nó ra, dù về mặt kỹ thuật thì, em cũng biết đó, phải có các thủ tục giam giữ đối với một đứa trẻ vị thành niên, nên ta đành phải chờ đến chiều thứ Hai thôi, sớm nhất rồi đó. Nhưng Bethie này...” Họ đang đứng dựa lên cửa ra vào như thể họ không nhận ra rằng nó đang ngồi đây, ngay tại đây, chỉ cách họ chưa đầy một mét, cách có một bức vách bằng kính nhựa dày chỉ hơn hai phân. *Chào mẹ. Chào dì Candy.* Họ không nhìn nó. “... để nó ở đây vào dịp cuối tuần này thật không tốt chút nào.” Reese thấy mồ hôi nó chảy dọc xuống xương ức. “Em cũng biết là có một loại trẻ con sẽ tiếp cận với lũ bạn nhỏ ở trong đó để học vài trò xỏ lá...” Reese bị mất một đoạn khi dì quay mặt đi nhưng rồi lại nghe “... làm thằng bé sợ chết khiếp đi được. Ý chị là họ đang cân nhắc có nên khai cho cảnh sát biết vụ hãm hiếp để lơ vụ hêrôin kia đi không.

Bên tám lạng, bên nửa cân, hai tội đều nặng như nhau. Quả là mạo hiểm, Bethie à... nhưng đây chỉ là một thằng nhóc say xỉn ăn cắp một cái xe, và ấu dả với cảnh sát... chuyện nhỏ ấy mà, Beth.”

Chuyện nhỏ? Hay không nhỏ? Reese cố điều hòa cái nhịp thùm thụp trong tim nó, cái nhịp đập ấy làm nó không nghe được nữa. Rồi tim nó càng đập dữ hơn, thỉnh thoảng.

Ở bên ngoài, mẹ nó ngửa đầu ra sau kêu đánh bộp một tiếng.

Candy nói tiếp: “Chị không muốn làm em sợ, nhưng với tất cả những gì Reese đã làm từ trước đến giờ thì, em biết không... nó là một đứa trẻ phạm tội. Nó chưa có tiền án tiền sự. Đây là vụ chống đối xã hội lớn đầu tiên của nó... Beth, em hiểu chị đang nói gì chứ... Trường hợp này thì vào trường giáo dưỡng, đặc biệt là với những chuyện cũ nó đã gây ra...”

Ôi lạy Chúa, Reese nghĩ. Đó là điều tốt nhất mình đạt được, hay là điều tệ nhất?

“... dạy cho nó rằng thế giới này không nợ nó cuộc đời nào dù nó có phá phách đến đâu chẳng nữa hả?” Mẹ nó hỏi, giờ thì giọng mẹ đã lớn hơn một chút.

“Chị không nghĩ là thế giới này nợ nó một cuộc đời, Beth ạ. Nhưng nợ nó một lời xin lỗi thì có,” Candy nói.

“... với tất cả tội em. Còn Sam thì sao chứ?” Lại vẫn cứ thế, mẹ à, Vincent nghĩ. Con đang ở trong tù đây, và chúng ta lại phải tìm cách để dạy dỗ đứa con hoang đàng đó nữa. Ai muốn mẹ có mặt ở một nơi nào đó ngoài trừ chỗ này chứ. Ai nhả ra khỏi cửa sổ tầng hai để trốn mẹ. Ai ghét mẹ cay đắng nào. Phải mà, mẹ, chúng ta cùng thảo luận về Ben, bí danh Sam nhé.

Candy nói: “Ben cũng thế. À, là Sam. Nhưng khi Reese gây ra vụ này thì nó không muốn làm ra vẻ ta đây đâu...”

Reese nghe một giọng khác, nhỏ xíu, là bố. Ồ, Chúa lòng lành. Và dì Candy đáp lại: “Đúng vậy đó Pat. Em biết toàn bộ vụ việc chết tiệt này rồi

đó. Trẻ con sẽ làm gì nếu chúng đang bị tổn thương, trẻ con như Reese ấy. Nó sẽ không đến bên em và nói: ‘Bố ơi, con không cố ý làm cho Sam ra đi đâu dù con chẳng hoàn toàn hối tiếc khi nó ra đi. Điều này làm con bức mình quá.’ Chúng không thể làm thế được – đặc biệt là Reese – vì thế nó phải làm một điều gì đó điên điên, một điều gì đó quan trọng khiến mọi người chú ý đến cách nó cảm nhận về chuyện này...”

“... lỗi của nó ư?” Đó là giọng của mẹ.

“Ôi, Beth,” dì Candy nói, giọng dì có vẻ cáu. “Em biết nó nghĩ mọi chuyện đều là lỗi của nó mà. Và em cũng hiểu mà, Beth, chị không muốn làm em sợ – nỗi sợ của em đã lớn bằng của cả mười người rồi – nhưng em biết có bao nhiêu vụ tai nạn xe là do con nít muốn tự tử không? Em biết điều đó không? Chị không muốn quy trách nhiệm trong vụ này, nhưng cứ thử nghĩ đến những gì nó sắp phải trải qua đi...”

Lỗi của ai chứ? Không phải của mẹ, mẹ à. Reese xoa xoa cổ. Da nó nhớp nháp; nó đang phải tiếp nhận từng hạt bụi của cái chốn này.

Và rồi bỗng dưng bố nó hét lên: “... thỉnh thoảng phải chú ý đến nó chứ, nó sẽ biết là em có chú ý đến nó dù nó đang ở trên phòng hay đang chơi cầu đó!”

“Này, Pat, tối qua trong khi mọi người đang ăn uống tại nhà hàng Đám Cưới Trong Khu Phố Cổ thì con trai anh lại lên vào nối dây nổ máy xe của thầy giáo đó,” Beth bình thản nói, nhưng giọng vẫn the thé.

“Tại sao em không có tấm lòng độ lượng của một bà mẹ, hả Beth?” Reese có thể nghe thấy tiếng bố, dù nhỏ nhưng nó biết bố đang hét lên. Nó có thể hình dung ra bố đang ưỡn ngực ra. Nó ghét cái điệu bộ gà trống đó lắm, cái điệu bộ thường sẽ kết thúc bằng một cú đâm xuyên qua một cái cửa dán giấy bồi. “Tại sao em không thử làm như thế chứ?”

“Pat,” Candy nói. “Thôi đi.”

Cánh cửa sau lưng nó lại cọt kẹt. Là tay nhân viên bảo vệ ít nói. “Ít phút nữa họ sẽ vào đây, Vincent. Họ đang nói chuyện với cảnh sát trưởng.”

Cảnh sát trưởng. Nó mím cười. Nó không nhìn được. Cảnh sát trưởng Bliss. Viên cảnh sát đáng yêu đã tìm được Ben Cappadora. Dù dì ấy không thực sự tìm ra được nó. Dù dì ấy không thể tìm ra được nó trong suốt chín năm, chỉ cách đồn cảnh sát có hơn một cây số. Thôi được, dì Candy. Một hành động quả quyết. Cứ làm đi. Nó đưa hai tay lên che mặt. *Tổ bà mấy cái con vi khuẩn này chứ.* Và rồi cánh cửa trước mặt nó mở ra, và mẹ nó kia, trông vẫn thế, vẫn như mọi ngày, đang sẫm soi nhìn cánh cửa bẩn thỉu và chiếc điện thoại đầy ghét và cả nó nữa, gầy gò trong bộ đồ tù màu xanh lá cây, mẹ nhìn như thể tất cả đều là những vật vô tri vô giác, rồi mẹ ngồi xuống. Nó thấy bụng nó nhộn nhạo và có vị chua chua của rượu đào đến nỗi khi nhìn mẹ nó lấy mu bàn tay nhỏ nhắn mạnh mẽ chà chà lên hai má y hệt một con gấu trúc Bắc Mỹ, giống hệt cảnh mẹ nó mặc áo choàng và làm như thể ở trong bếp, cảnh này nó nhớ rất rõ nên nó muốn khóc quá, và rồi nó nghĩ nó sắp nôn mất. Nó bèn ngoảnh mặt đi chỗ khác.

“Vincent,” mẹ nói.

“Chào mẹ.”

“Con khỏe không?”

“Tốt thôi.”

Họ ngồi đó. Mẹ nó hít vào bằng mũi và thở khì ra bằng miệng. Vincent thì tập trung vào việc nuốt nước bọt, nuốt nước bọt. *Có lẽ mẹ sẽ xỉ vả mắng nhiếc mình. Mẹ sẽ mắng mình xối xả. Bất cứ bậc làm cha làm mẹ nào trên cái thế giới này cũng sẽ làm như thế. Rốt cuộc thì sẽ là một lần mắng chửi ra trò đây.* Nó nghĩ nó đáng bị như vậy lắm. *Phải không mẹ?* Nó nhìn mẹ và co người lại chuẩn bị. Nhưng mẹ nó chỉ ngồi đó lặng thinh. Cuối cùng, dường như mẹ nghĩ ra được điều gì đó.

“À, con có cần gì không? Ý mẹ là có cần đồ đạc gì ở nhà không? Vì mẹ nghĩ rằng con sẽ phải ở lại đây một hay hai ngày vì bây giờ là cuối tuần rồi....”

Và học cái bài học của con như một thằng nhóc ngoan, Reese nghĩ, và cảm thấy nhẹ nhõm hẳn. À, có, mẹ à, thật ra thì con cần vài thứ. Con cần ra khỏi cái nơi bẩn thỉu chết tiệt này, nơi mà đèn cứ sáng choang chiếu thẳng vào mặt cho dù con có quay đi chỗ nào chẳng nữa, còn cái gã ở giường bên cạnh thì cứ nhìn chòng chọc vào con như thể con là cái hamburger đặc biệt, và cả cái thằng nhóc mười ba tuổi ở phòng bên kia cứ khóc suốt đời bà ngoại nó. Rồi lại còn một thằng con nít cắt cổ bạn trai mẹ nó bằng dao cắt thịt bò bít tết nữa chứ. Đúng rồi, con cần vài thứ, mẹ à.

“Không, con không cần gì hết,” nó đáp.

“Con chắc chứ? Trông con xanh lăm. Con có bị đau bụng hay khó chịu ở đâu không?”

Reese phải quay mặt đi chỗ khác. Cứ như thể mẹ nó thấy cái chất axít nồng mùi rượu chạy lên chạy xuống dọc theo thành bao tử của nó như mấy ánh đèn trong chương trình nhạc nước ấy. *Cái thằng bạn Schaffer ngu ngốc của nó lấy đâu ra cái thứ cặn bã ấy nhỉ? Người lớn cũng thật sự uống thứ đó à? Mà tại sao nó lại chọn Schaffer chứ? Chẳng có lỗi lầm nào là nhẹ cả, Cappadora ạ*, Reese nghĩ. Nó lại cố không bật khóc. À, giờ thì mình biết rồi. *Mình biết người ta nói những gì với con cái họ ở trong tù rồi. Mặc ói quá.* Nhưng nó buộc miệng nói trước khi kịp ngậm miệng: “Con đau đầu quá.”

“Dì Candy bảo con nên nói cho một trong các cô chú cảnh sát kia nếu con thấy khó chịu nhé, họ có thể lấy cho con một thứ gì đó.”

“Họ không thể lấy cho con được một viên aspirin. Con đã hỏi rồi. Họ nói phải có y tá hay đại loại thế. Mà cũng phải mất vài tiếng đồng hồ.”

“Mẹ có một viên aspirin đây,” Beth vừa nói vừa đưa tay lục tìm trong ví. Reese mỉm cười đưa tay đập đập vào tấm vách ngăn bằng kính nhựa. “Ôi, mẹ quên mất. Ôi lạy Chúa, Vincent. Đầu con có chảy máu không?”

“Không.”

“Ôi, cưng. Ờ... con muốn gặp bố không?”

Lặng lẽ lui vào sau cánh gà, Reese nghĩ, vai trò của mẹ là thế đó. Nó sắp sửa gật đầu thì bỗng dừng nó nhận ra rằng mình không muốn gặp bố, có lẽ không bao giờ nữa, mà đặc biệt không phải ở đây, không muốn thấy hai quầng thâm xỉ dưới mắt bố, hay thấy bố sẽ cào cào mái tóc mình rồi với tay tới cái vách ngăn như thể bố muốn chui qua đó rồi bế Vincent lên. Nếu muốn gặp bố thì nó sẽ phải đối mặt với mấy chuyện đó. Vì thế nó đáp: “Bây giờ thì chưa đâu mẹ. Con muốn ngủ một chút.”

“Thôi được,” mẹ nó nói và có vẻ hơi hoảng. Nó nghĩ lúc đó mẹ sẽ đứng lên ra về, nhưng thay vì thế, mẹ lại chống cả hai tay lên quây phía bên mẹ rồi kẹp điện thoại vào vai. Mẹ với tay lên chạm vào vách ngăn. “Vincent này. Mẹ muốn hỏi con một chuyện.”

Vincent ngạc nhiên quá. Sự chủ động trò chuyện nhiều đến mức này, từ mẹ nó, xem ra ngang bằng với cả một liên hoan phim. *Sợ thật, nó nghĩ. Mẹ biết đây là lúc thuận lợi nhất. Mẹ sẽ hỏi tại sao mình lại làm thế – liệu lúc đó mình có đang định tự tử hay bày ra thêm trò gì đó không. Mẹ sẽ hỏi mình rằng mình đang cố gây ra chuyện gì với....*

“Sao ạ?”

“Ben đang ở đây.” Mẹ lắc đầu. “Sam đang ở đây.”

“Ôi, mẹ kiếp.” Những con người. “Mẹ đưa nó đến đây làm gì vậy?” *Để răn đe nó tránh xa một cuộc sống đầy tội lỗi? Để gặp một băng chứng sống ư?*

“Nó đòi đến.”

“Làm sao nó biết được chứ?”

“Bố con đã nói với nó.”

“Sao bố lại đi kể với nó?”

“Bố nghĩ... Con có thể hình dung ra được mà, Vincent. Tai nạn này được chiếu trong chương trình tin tức trên tivi. Tin cuối ngày. Họ không định nói tên con ra vì con vẫn còn vị thành niên, nhưng vì Ben, con biết đó, họ nói đó

là anh của Ben Cappadora. Thật chẳng ra gì. Và rồi đương nhiên là chỉ mười lăm phút họ đến đây sau sân nhà mình. Sáng nay Sam đã xem được cái tin đó. Nó gọi điện về. À, không, ông George gọi điện rồi đưa ống nghe cho Sam. Ông ấy nghĩ rằng Sam muốn biết xem con có bị thương không....”

“Sam hả,” Reese nói trong cơn phùng phùng lửa giận. “Nếu con có đang chết cháy thì thằng Sam cũng không muốn biết đâu mẹ. Chuyện chó chết gì nữa đây?” Reese sẵn đà nói tiếp: “Thậm chí con cũng không nghĩ là mẹ có thể đem trẻ con vào đây. Trừ những đứa đang ở trong này rồi.”

“Dì Candy nói không sao.”

“Nó nhất thiết phải vào đây gặp con... kiểu như để trị liệu tâm lý phải không? Đó là một kiểu chữa bệnh hả?”

“Mẹ không cần biết là nó có phải vào hay không, Vincent.” Mắt mẹ nó giờ tối sầm lại, không còn tí xanh nào. Mẹ nhìn nó soi mói. “Mẹ không cần biết con có gặp nó hay không. Nó muốn gặp con. Mẹ nói mẹ sẽ báo cho con biết. Nó đề nghị bố mẹ đưa nó đi theo. Cho nên bố mẹ đã đưa nó đi theo.”

Reese nghĩ *Mẹ hiểu rõ rằng khi nào người ta nói mình muốn làm gì cứ làm, người ta chẳng quan tâm thì thật ra mình luôn phải làm theo ý người ta muốn.* Nó đưa tay ra hiệu cho mẹ.

“Được rồi. Mẹ sẽ xuống đưa nó lên. Nó ở dưới lầu ấy,” mẹ nói.

“Sao cũng được.”

“OK.”

“Mẹ này.”

“Gì thế?”

“Con gặp chú Tom được không?”

“Tom...”

“Chú Tom Kilgore... mẹ biết chú ấy mà?”

“Ummm... Mẹ không biết nữa, Vincent. Họ nói chỉ có ruột thịt mới được vào thăm thôi.”

“Nhưng con có thể gặp Sam mà.”

Cái cách mẹ nhìn mình, Reese nghĩ. Mẹ ghét mình thật. Mình biết mẹ ghét mình, nhưng giờ mẹ thật sự ghét cay ghét đắng. Nó định xin lỗi, định lúng búng nói gì đó, nhưng rồi mẹ nó nhỏ nhẹ: “Sam là ruột thịt với gia đình mình.”

“Đúng rồi. Con quên.”

“Nghe này, mẹ sẽ hỏi dì Candy xem liệu có thể gọi điện cho chú Tom được không.”

“Thôi, bỏ qua chuyện đó đi mẹ.”

“Không, để mẹ hỏi cho... Và có lẽ gọi cho một luật sư nữa dù mẹ không biết liệu...”

“Vì con không biết liệu chú ấy có biết vụ này không.”

Trông mẹ chờ hẵn ra nên nó nhắc mẹ: “Con muốn nói là chú Tom ấy.”

Beth thở dài đánh thượt. “Ôi, Vincent, chú ấy biết chứ. Mẹ nghĩ là mọi người ở bốn tiểu bang đều biết.” *Mình muốn đâm mẹ một cú quá, chỉ một lần này thôi.*

Reese đứng dậy gõ nhẹ vào cánh cửa nhà giam. Người bảo vệ trại giam vẫn đứng đó, nhưng ông ta ngáp một cái thật dài như thể *Ừa, mình mới nghe tiếng ruồi bay hả?* Reese nắm bàn tay lại rồi đâm mạnh hơn.

“Có chuyện gì?” người bảo vệ hỏi.

“Cháu muốn một ly nước, được chứ?”

“Không có nước.”

“Không có nước?”

“Ở đây không có nước. Muốn uống cà phê không?”

“Cháu không cần nước đóng chai....”

“Ở đây tôi không lấy nước được. Muốn cà phê không?”

“Cháu mới mười sáu thôi chú. Thậm chí cháu cũng không uống cà phê,” Reese năn nỉ, và rồi nói thêm: “Không uống nhiều.”

“Để tôi xem có kiếm được tí nước ngọt có ga nào không.”

Khi người bảo vệ đóng cửa lại, Reese thấy căn phòng như đang ép vào người nó. Căn phòng trở nên nhỏ xíu, rất nhỏ. Và những hạt bụi bắn trên tường và dưới sàn nhà nhảy nhót trên lớp vữa và gỗ màu vàng và kem, kiểu trang trí duy nhất ở đây. Nó không mắc bệnh sợ bị ở trong tù; nó nhớ lại cái ô vuông nơi cầu thang, nơi tất cả bọn chúng có thể trốn, và những thành trì bằng tuyết....

Reese thậm chí không thấy thẳng nhóc. Nhưng Sam đã cầm ống nghe trên tay rồi. Reese cầm ống của mình lên.

“Mày vô đây bao lâu rồi?” Nó hỏi.

“Mới một phút thôi.” Trông thẳng nhóc sợ chết khiếp, và trông nó... nhỏ xíu. Nó teo nhỏ lại. Nó mặt một cái áo bóng chày.

“Anh có sao không?” thẳng nhóc hỏi.

Bỗng nhiên Reese nhớ lại cái hình ảnh của một trong những phim cũ của Pat O'Brien mà bố đã để cho nó xem với bố vào giữa khuya, trong đó Jimmy Cagney là một tên tội phạm rất khôn khéo sắp sửa bị đưa lên ghế điện, còn Pat O'Brien đóng vai một linh mục là bạn cũ của hắn từ khi còn nhỏ; ông đến nhà tù xin Jimmy Cagney hành động như một kẻ hèn nhất khi hắn sắp bị lên ghế điện để tất cả đám con nít trong khu vực quanh đó không nghĩ gã tồi tệ này là một anh hùng hay đại loại thế. Reese bắt đầu cười phá lên. Nó không nín được.

“Sao vậy? Chuyện gì buồn cười thế?” Sam hỏi.

“Không có gì... Tao... không có gì. À, Sam, rất vui khi được gặp mày ở đây.”

“Anh có sao không?”

Reese tự động đưa tay lên sờ vào miếng băng dán sau đầu nơi họ may mấy mũi... nó hơi nhưng nhức. Nó vẫn không hiểu vì sao đằng sau đầu của nó cùng với đằng trước xe của Teeter lại tông vào một cái cột đèn.

“Tao không sao. Vết thương này không đau.”

“Anh có phải ở trong này lâu không?”

“Ờ, từ năm đến mười năm,” Vincent đáp rồi nhìn thẳng nhóc và nghĩ *Làm vậy thì tởm quá*. “Không, tao không biết, Sam à. Tao đoán là... tao biết có mấy đứa làm những chuyện như vậy và chúng phải đi đến một trong những trường này...”

“Trường cải tạo. Mẹ Beth nói là cũng không chắc lắm.”

“Ờ, nó giống một nông trại, ấy là tao nghĩ thế. Dành cho mấy thằng vị thành niên phạm pháp ấy mà. Tao cũng không biết nữa.”

“Anh đã làm gì?”

“Tao lấy xe của lão Teeter. Tao không định lấy luôn. Chỉ định đi một vòng thôi....”

“Huấn luyện viên Teeter ở trường trung học ấy à?”

“Đúng rồi, cái gã chó chết đó đó.”

“Mà tại sao anh không đem trả nó lại chứ?”

“Tao đã định đem trả rồi nhưng khi đang chở cái thằng điên chết dẫm Schaffer đó đi loanh quanh thì tao thấy mấy lão cớm, tao nhấn ga chạy nhanh hơn....”

“Lúc đó anh say phải không? Mẹ Beth nói thế.”

“Tao hơi quá chén... ờ, Sam, lúc đó tao say. Nhưng tao chưa từng làm điều gì tệ đến mức....”

“Để đến nỗi bị bắt.”

“Ừ. Rồi, Sam, mà muốn gì chứ?”

“Em có muốn gì đâu.”

Reese có thể thấy bố mẹ nó gần như xô đẩy nhau để nhìn vào cái cửa sổ hẹp, bố hơi vẫy tay với nó. Reese vẫy lại. Nó chẳng thể thấy bố trông có đau khổ không. Ít nhất thì bố cũng đang mặc quần áo hợp tông màu; đây là dấu hiệu cho thấy tình trạng của bố không quá tệ. Tệ. Nói đến từ tệ làm nó thấy khó chịu quá. Tại sao tự nhiên mình phải “giữ em” chứ? Tại sao không ai trong hai người đó ở đây với Sam? Chẳng phải chuyện này phạm luật hả, để cho một thằng nhóc vào thăm tội phạm nguy hiểm?

“Vậy sao mà lại ở đây chứ? Trò giải trí mới nhân buổi sáng thứ Bảy hả?”

“Em muốn biết anh có khỏe không.”

“Rồi, tao khỏe.”

“OK.”

Thằng nhóc đưa mắt nhìn quanh cái buồng.

Tự nhiên Reese nghĩ mình có thể ngủ, nó bèn thúc thằng nhóc: “Rồi sao, Sam?” *Ngày hôm nay chấm dứt đi, càng sớm càng tốt.*

“Chỗ này gớm guốc quá.”

“Ừ, gớm quá.”

“Lúc đó anh chạy nhanh không?”

“Tao không biết... chắc khoảng một trăm rưỡi....”

Sam chớp mắt rồi chòng chọc nhìn Reese. Nó cười toe toét. “Một trăm rưỡi cây số giờ hả?”

Và bỗng nhiên Reese thấy có lẽ ở đây nó nên cười mở hơn. Thấy Sam có lẽ phải gặp không chỉ những chuyện khó chịu bình thường, mà còn hơn thế, sau khi chỉ mới quay lại với ông George và đủ thứ chuyện khác. Vài tuần sống ở nhà của nó sau “giai đoạn thử thách nơi xứ Cappadora”. Và giờ đến vụ chết tiệt này nữa. Nó là một đứa... Ôi, Ben.

“Nghe này, Sam. Tao không biết mà có hiểu nổi....” Reese hạ thấp giọng xuống. *Cách âm mà, ngu quá.* “Tao không biết mà có hiểu nổi những gì tao đã làm ngu đến mức nào không.”

“À...,” thằng nhóc nói. “Có. Em hiểu.”

“Ý tao là thật sự ngu, cực kỳ ngu đó.”

“Vậy sao?”

“Kiểu như tao là thằng đần đó Sam.”

“Không phải mà,” Sam nói.

“Tao là thằng hư đốn, và chuyện đó chẳng buồn cười, chẳng ngon lành chút nào,” Reese gần như thầm thì, chồm hẳn người về phía tấm chắn.

“Em chỉ nghĩ là...”

“Mày nghĩ gì, Sam?”

“Em đã nghĩ mình có thể là... bạn.”

“Bạn?” Reese mừng vì nó không thể chạm tay vào người thằng nhóc được. “Nghe đây, thằng ngố ạ. Thứ nhất, làm sao chúng ta là bạn được chứ, Sam? Tao không la cà với mấy thằng nhóc mười hai tuổi. Thứ hai là mày trở về, rồi lại biến đi, rồi leo ra leo vào cái cửa sổ đó... Tao thậm chí có biết mày đâu, Sam. Mày chỉ như một khái niệm thôi, hiểu tao muốn nói gì không? Và mày cũng đâu biết tao!”

“Đó đâu phải lỗi của em!” Thằng nhóc trông như muốn khóc. Reese có thể thấy Pat ra hiệu cho Candy gõ mật mã để anh vào. Ngay lập tức nó xua tay ra hiệu, cố làm cho bố yên lòng – *Con có dạy nó đánh ăn cắp xe hơi đâu bố. Không cần phải cứu nó đâu.*

“Tao biết đó không phải là lỗi của mày,” nó nói với Sam, bằng một sự kiên nhẫn và chu đáo mà Reese xem như một nỗ lực hiếm có. “Nhưng tao có cuộc sống riêng của tao, mày hiểu không? Mà ngay lúc này đây nó chẳng vui chút nào. Mày muốn gì ở tao chứ?”

“Anh là anh của em mà. Em không về nhà chơi vì em không biết mọi người bên đó có giận em đến mức chẳng muốn gặp em không. Nhưng... em nhớ anh. Cũng có những lúc em nghĩ lẽ ra mình không nên... như thế. Anh là anh của em mà.”

“Tao không phải anh mày!” Reese không nhịn được nữa rồi; nước mắt lăn dài trên gương mặt bẩn thỉu của nó; nó mệt quá rồi, mà cái thằng nhóc chết giẫm này nữa... “Nghe nè, nếu tao là anh mày thì mày muốn gì ở tao chứ? Tao sẽ phải vào trại cải tạo hay gì đó tương tự! Thậm chí bố cũng nghĩ là tao phải ở trong một căn phòng có tường lót đệm để nhốt người điên mà! Có lẽ tao không ... không còn tương lai. Thậm chí tao có lẽ còn không tốt nghiệp được nữa...” Reese chùi mắt và cố không khóc nữa. Đầu nó toàn mùi nước trong cái hồ đó – sự rã rời vô tận nó nhớ khi còn là một đứa nhỏ, khi nó cứ khóc mãi cho đến khi ngực rỗng tuếch, cạn kiệt.

“Em chỉ nghĩ là... Thôi được. Em đi đây,” Sam nói.

“Ừ, đi đi,” Reese đáp. Nhưng rồi nó nhăn mặt... “Sam... anh xin lỗi. Anh biết có lẽ em thấy đuối lắm. Cảm ơn em đã tới đây thăm anh. Nhưng chuyện là... anh phải làm sao để ra khỏi đây đã...”

“Em hiểu, và em...”

“Em mà hiểu gì. Đừng nói em hiểu vì em không hiểu đâu. Suốt cuộc đời em đã làm điều gì sai trái đâu! Em chỉ là một thằng nhóc. Và lại là một thằng nhóc rất ngoan ngoãn. Nghe này, khi nào về nhà, anh sẽ đến đón em rồi mình đi mua thứ gì đó để ăn, được chứ? Hay mình đi chơi bida hay gì đó, được không?”

“Ở đâu?”

“Sao?”

“Mình có thể đi đâu?”

Reese thở dài. “Anh không biết nữa. Bất cứ chỗ nào mình có thể đi bộ đến. Có thể anh không được lái xe cho đến ... chắc hai chục năm nữa quá.”

“Mình tới nhà hàng Đám Cưới được không?”

“Thôi. Không tới đó. Anh muốn nói là đi ăn cỡ cái hamburger thôi.”

Giờ thì đến lượt thằng nhóc thở dài. “OK. Em chỉ muốn anh đừng nghĩ là em tin lời người khác nói rằng anh điên thôi.”

“Chà, anh điên *thật* mà. Nhưng ai nói anh điên?”

“Ba em.”

“Ông George?”

“Dạ.”

“Ông ấy nói vậy hả? Nói nhiều lắm hả?”

“Cũng gần gần như thế.”

“‘Gần gần như thế’ là sao?”

“À, ba em nói thế.”

“Được rồi. Thôi nào. Ông ấy nói sao?”

“Ba nói... ba nói...”

“Sao?”

“Khi em còn ở nhà anh, ba thường nói: ‘Coi chừng thằng bé đó nghe Sam. Coi chừng nó đó. Nó không tốt đâu.’”

“‘Không tốt’ à?”

“Dạ, nhưng em không nghĩ... Em muốn nói là em thương ba em nhưng ba không hiểu... Ba nghĩ anh sẽ làm hại em hay gì gì đó.”

Và anh sẽ làm thế đó, Reese nhủ thầm, rồi đưa tay lên ra hiệu cho người bảo vệ, nhưng thằng nhóc lại nói: “Chờ chút, được không anh Reese?”

Reese lại thở dài. Căn phòng sẽ phình ra.

“Em phải nói với anh chuyện này.”

Reese uể oải ra hiệu cho nó nói tiếp. *Sao? Chuyện gì?*

“Em nhớ lại một chuyện khi em còn nhỏ.”

Reese cứng người lại. *Lạy Chúa, không. Không phải hôm nay. Mình không muốn nó nhớ ra vào ngày hôm nay. Mà dù gì đi nữa thì nó cũng không thể nhớ đâu, vì lúc đó nó chỉ là một đứa bé xíu, nó không thể nhớ được mấy từ đó đâu...*

“Khi em còn ở nhà anh, mẹ Beth cho em coi cái rương. Cái rương ở chân giường anh đó.” *À cái rương bằng gỗ tuyết tùng, Reese nghĩ. Cái rương to với cái nắp có đai.* “Mẹ lấy ra hết mấy cái áo nhỏ xíu mà mẹ nói là của em. Rồi mẹ cho em xem mấy cái mền cùng mấy thứ khác nữa. Có mấy tấm hình nữa.”

“Rồi sao?”

“Mà em chẳng nhớ gì hết.”

“Ồ,” Reese thấy mệt quá. Chỉ cần thẳng nhóc này không nhớ đến cái tiền sảnh đó thì nó cóc sợ gì nữa. *Bao nhiêu, Reese nghĩ, còn bao nhiêu nữa chứ? Chừng này đã đủ chưa hả mẹ?*

“Nhưng em nhớ cái mùi.”

“Cái mùi à?”

“Em nhớ mùi của cái rương bằng gỗ tuyết tùng ấy. Từ bên trong rương.”

Reese suýt làm rơi điện thoại trong tay. Cái hình ảnh mẹ đang giơ tay ra hiệu, đang nhún vai bên ngoài khung cửa, ý muốn hỏi Sam đã muốn ra chưa, giống như trên phim chứ không thật. Nó nhớ lại lúc còn nhỏ, khi nó chạy lên mấy bậc cầu thang ở Madison, chạy vào trong căn phòng nhỏ dành cho em bé Kerry nơi chúng đã tọng tất cả mọi thứ vào, để lòi ra nào hộp tã, nào quần áo và thì thầm gọi: “Ben, Ben, em ở đâu?” Rồi lại chạy xuống dưới nhà. Nghĩ đến cái máy sấy quần áo. Nghĩ rằng *Mẹ sẽ giết mình mất nếu Ben lại ở trong máy sấy lần nữa và đang dần xám ngoét.* Ben không có trong máy sấy.

Mạch trên cổ nó đập thùm thụp. Nó không thể để mẹ nó nghe được. Mẹ sẽ rít lên. Mẹ sẽ túm lấy tóc nó.

“... chơi trốn tìm,” thằng nhóc nói.

“Anh biết,” Reese vừa nói vừa chỉnh lại cái điện thoại giờ đã trở nên nhợt nhạt trong bàn tay đầm đìa mồ hôi của nó.

“Rồi có lần em chui vào trong cái rương đó, đúng không? Chuyện đó có thật không?”

“Có. Em để cho cái nắp rương ụp xuống, rồi nó dính chặt cứng luôn.”

“Em biết mà! Em biết mà! Giờ em vẫn nhớ em đã nằm trong đó, trong cái khoảng tối đen đó – có những tia sáng lọt qua mấy kẽ hở nên cũng không hoàn toàn tối thui. Em cứ nằm trên đồng quần áo hay gì đó, mà cái nắp rương thì cao quá, em không tài nào đung được trừ khi em ngồi dậy. Ban đầu em gõ lên nắp rương nhưng không ai đến hết, rồi em nghĩ em không thể thở được, nhưng em vẫn thở được. Vì thế em chỉ nằm yên đó.”

“Còn anh thì chạy khắp nhà tìm em, hét lên bảo em thôi đừng núp nữa, hết vui rồi...”

“Nhưng em có nghe thấy anh gọi đâu...”

“Vì anh đâu có nói to được... Nói to thì mẹ nghe tiếng làm sao...”

“Rồi cuối cùng anh cũng đến mở được nắp rương ra...”

“Còn em thì nằm trong đó. Ở ngay đó. Chẳng sợ, chẳng khóc quái gì hết. Chỉ lẳng lặng đứng lên ra khỏi rương thôi.”

“Thấy chưa, chuyện đó đó. Đó là chuyện em nhớ.”

“Chuyện gì?”

“Chuyện em không sợ ấy mà. Em đã không sợ vì em biết...”

“Biết gì?”

“Em biết rằng anh sẽ đến và tìm em.”

Và Reese vẫn có thể thấy nó, gương mặt trắng trẻo đầy tàn nhang của Ben, thỉnh thoảng nhìn nó tròn tròn từ trong rương, giống như một em bé nằm trong nôi vậy. Và cả sự nhẹ nhõm, nhẹ nhõm hẳn như vừa trút được gánh nặng khi thấy Ben nhúc nhích rồi ngồi dậy. Nó day day tay Ben nhẹ nhàng, và gọi thẳng em là đồ ngu, rồi hỏi tại sao nó không la lên và dặn nó không bao giờ được trèo vào trong đó nữa. Nhưng Ben chỉ vừa nhảy từng bậc một xuống cầu thang vừa gọi mình là thỏ. Reese vẫn có thể nghe được cái giọng nó nói: “Thỏ. Thỏ. Thỏ. Nhảy. Nhảy. Nhảy. Anh làm như thế này được không, Vincent?”

Nó cố xóa cái hình ảnh đó đi, cố nghĩ đến một bức ảnh nào đó, thậm chí những ánh đèn chói chang của chiếc xe cứu thương đêm qua. Reese thắc mắc liệu đây có phải là những gì bố nó đã làm khi bị nhồi máu cơ tim hay không, sẵn sàng đi vào cõi chết, quẫn quại oằn người vì nhịp đập khác thường của quả tim. Cố quên hết mọi sự vì không thể nghĩ thêm về bất cứ chuyện gì nữa. *Mình sẽ làm vậy ngay bây giờ*, Reese vừa nghĩ vừa đưa bàn tay lên che mắt. *Nếu chỉ cần muốn thôi mà chết được thì mình sẽ làm thế ngay, mình chỉ việc biến mất...* Sự xấu hổ không phải một ý nghĩ. Sự xấu hổ có cả khối lượng và thể tích. *Ngay lúc này*, Reese nghĩ, *mình sẽ nổ tung*.

“Sao hả, anh Reese?”

Reese không thể nói được nữa; nó chỉ gật đầu.

“Đó là lý do em đến đây. Nếu anh đang thắc mắc. Để nói cho anh biết là em nhớ chuyện đó. Và để kiểm chứng xem chuyện đó có thật không. Vì từ đó em sẽ biết. Rằng em đã từng ở đó. Không phải em tưởng tượng hay thấy trong ảnh. Và rồi em có thể nghĩ về mọi chuyện một cách rõ ràng hơn. Những chuyện em phải làm, hay bất cứ điều gì. Có thể là không quan trọng, nhưng em muốn biết.”

“Tốt,” Reese lầm bầm, giọng nó khản đặc lại. “Thế thì tốt.”

“Còn chuyện này nữa. Em đã gọi anh là gì?”

“Hả?”

“Khi em còn nhỏ đó.”

“À... ờ... Vincent. Em gọi anh là Vincent. Và em luôn phát âm nó đúng chuẩn. Không ngọng tí nào.”

“Vincent. À, hiểu rồi. Vậy hẹn gặp lại anh sau nhé, Reese, được chứ?”

“Được,” Reese đưa tay ra hiệu cho mẹ nó; mẹ mở miệng nói. Mẹ đang bảo ai đó mở cửa cho Sam ra. Nhưng ngay khi nắm đấm đang xoay thì Reese gọi thật nhanh: “Sam này.”

Thằng nhóc đã bỏ điện thoại xuống; nhưng nó lại cầm lên: “Gì ạ?”

“Em có thể gọi anh là Vincent. Gọi vậy cũng được.”

BETH

8

Tháng Chín, 1994

Vào một ngày đầu thu, Beth ngồi xuống và cố nhớ ra một cặp vợ chồng nào đó cô quen thân đã ly dị nhau. Và sau khoảng nửa tiếng đồng hồ thì cô đành bỏ cuộc. Beth không nhớ ra một ai cả. Chắc chắn là điều đó nghe xa lạ quá đối với lứa tuổi của cô, thế hệ của cô, trình độ học vấn của nhóm người cô giao tiếp trong xã hội.

Nhưng trừ phi tính cả Candy – mà thật sự cô đã không tính đến Candy vì đó không phải là một cuộc ly dị thật sự – thì cô chẳng biết ai nữa để mà so sánh. Cuộc chia tay đột ngột nhưng nhẹ nhàng giữa Candy và Chris đã khiến họ trở lại thành hai người bạn sau một cuộc chung sống thử nghiệm không thành công. Cuộc chia tay được quyết định và hoàn tất chóng vánh trong chỉ hai tuần lễ, cả quyết định lẫn thực hiện đều đột ngột khiến Beth ngạc nhiên cũng y như hồi họ quyết định lấy nhau. Chris và Candy đã ăn tối với nhau sau khi ở tòa án ra. Chắc chắn đó không phải một cuộc ly dị giống như phần lớn các cuộc ly dị. Beth chưa từng thấy một cặp vợ chồng thật sự bị chia rẽ.

Tám mươi phần trăm chúng ta ly dị nhau, cô nhớ Penny đã nói thế trong cuộc gặp mặt của nhóm Trắc Ẩn. Tám mươi phần trăm. Beth suy ra rằng thống kê của Penny tính đến những cặp vợ chồng mà những cuộc tìm kiếm đứa con đã kết thúc bằng một sự thật không thể chịu đựng nổi. Hay bằng một điều bí ẩn vĩnh viễn. Nhưng không có trường hợp nào giống như những gì đã xảy đến với cô và Pat cả.

Nếu người ta biết cô và Pat lạnh nhạt với nhau đến cỡ nào thì họ sẽ nghĩ *Tại sao lại là lúc này chứ? Chẳng phải sẽ cay đắng gấp đôi, bất công gấp đôi, sau khi “đã trải qua” tất cả những khó khăn ấy cùng nhau để rồi bây*

giờ tan vỡ sao? Nếu đã như thế thì tại sao không phải là ngay lúc trước? Ngay cả việc Sam ra đi cũng đâu đến nỗi tệ hại hơn cái địa ngục sợ hãi ngày xưa.

Nhưng lúc trước chúng tôi chẳng nghĩ nhiều đến việc ly dị. Hôn nhân dường như không còn quan trọng nữa khi tất cả những mục tiêu bị đảo lộn trong nháy mắt.

Cô không trách Pat. Khi nhìn anh, cô thấy lòng chùng hẳn xuống. Không ai quyết định chuyện này cả. Mọi chuyện cứ thế mà xảy ra. Và khi chúng đã xảy ra thì không tài nào xoay chuyển được. Hai ngày sau khi Ben “về nhà” (và đó là hai từ Beth buộc tất cả họ phải nói khi cần diễn tả chuyện ấy) Pat đã quen với việc ngủ ở nhà dưới rồi. Trước đó Pat đã ngủ ở dưới nhà vào những đêm trời nóng, hay những đêm anh phải làm việc thật khuya ở nhà hàng. Còn những dịp khác đều là tình cờ và đôi khi lại như sự giải thoát: Pat có thói quen khi ngủ phải cong người ôm lấy Beth mà anh lại thường cựa quậy trong khi ngủ nên có mấy lần cô đã xô anh ra khiến anh giận dữ bỏ đi. Nhưng lần này, khi anh lấy gối và chặn từ cái giường còn mới và bị bỏ không của Sam, anh không hề hấn học hay cố tình để cho người khác thấy. Sáng hôm sau, anh chỉ lẳng lặng gấp túi ngủ lại trước khi bọn trẻ thức dậy để rồi lại đem xuống vào đêm sau nữa.

Vincent để ý rằng Beth không nao núng chút nào. Cô không thể nhìn Vincent. Cô sợ phải hỏi Pat xem anh nghĩ những gì khi ngủ trên trường kỷ. Cô cố không suy nghĩ gì trong khi nằm trên lầu, vì biết Pat rất tỉnh ngủ, một dạng bệnh loạn nhịp tim dưới dạng ngủ sâu như trẻ nhỏ. Cô đọc tiểu thuyết của Jane Austen. Cô uống thuốc ngủ. Cô cố không suy nghĩ nhiều, cố không lướt nhẹ xuống cầu thang rồi đi xuống phố để đến đứng khát khao mong mỏi trước ngôi nhà màu đỏ ấy.

Việc gửi Sam về là một thủ tục đúng đắn; chỉ có một mình ông George khóc thôi.

Họ đã gặp nhân viên công tác xã hội và sau đó có một phiên giải trình ngắn với một vị thẩm phán chuyên trách các vụ về gia đình. Vị thẩm phán

đã hỏi từng người, kể cả Sam đang ngồi ngay đơ trên ghế rằng quyết định này có tự nguyện hay không. Beth nói đầu tiên: “Tôi rất đau buồn. Nhưng đúng, tôi tự nguyện.”

“Còn ông Cappadora thì sao?”

Có một khoảng lặng thật lâu, thật khó chịu và rồi Pat nói: “Vâng.” Anh không nhìn Beth nhưng khi cô đặt tay mình lên cánh tay anh, chạm vào lớp vải hồ bột cứng ngắt của áo anh, cánh tay Pat cứng đơ như đá, không một dây thần kinh nào nhúc nhích đáp trả lại cử chỉ của cô. Khi được hỏi liệu ông George có sẵn lòng nhận Sam không thì ông chỉ lẳng lặng gật đầu. Vị thẩm phán đề nghị được nói chuyện riêng với Samuel Karras Cappadora, và mười lăm phút sau ông ta xuất hiện trở lại với cặp mắt hơi mọng đỏ và khẽ nhún vai. Ông giải thích rằng lần này sẽ không ban hành quyết định giám hộ chính thức nào. Việc xét lại tình trạng của Cecilia vẫn còn đang được treo lơ lửng; và cần theo dõi quá trình Sam quay trở lại trong không quá ba tháng.

“Tôi nghĩ mục tiêu của chúng ta là phải làm cho cuộc sống của cậu bé này trở lại bình thường càng nhanh càng tốt,” vị thẩm phán nói với George, Beth và Pat. “Phải thú thật là tôi rất băn khoăn về trường hợp này, về những đau khổ quý vị đã phải chịu đựng, và cảm động về tất cả những yêu thương lo lắng cho cậu bé này. Tôi xin chúc tất cả quý vị được bình an và may mắn.”

Ông nói Sam sẽ được phép đến thăm bố mẹ ruột hàng tuần mà không cần phải có người giám sát, thời gian của các cuộc thăm viếng đó sẽ do George quyết định cho phù hợp với gia đình Cappadora. “Tôi hy vọng cậu bé sẽ có sự tương tác với anh chị em ruột của cậu,” vị thẩm phán nói thêm. “Vì lợi ích về mặt tình cảm của anh và em cậu bé cũng như của chính cậu.”

Kerry buồn ra mặt khi nghe tin Sam sắp ra đi; con bé chạy ngay lên phòng mình và vùi đầu vào con cá voi nhồi bông khóc nức nở cho đến khi nó sưng nước mắt. Kerry nói với Beth: “Mình mới vừa tìm được anh ấy. Tại sao anh ấy không thích mình chứ?” Dù rất đau khổ với câu nói của con nhưng Beth cũng khuây khỏa được đôi chút. Vincent đón chào cái tin ấy với vẻ lạnh lùng cố hữu của nó; nhưng Beth biết nó sẽ kể chuyện đó cho Tom nghe.

Ngoại trừ Beth, còn thì không ai thực sự hiểu được những gì đã xảy ra. Thậm chí Candy, người đã đấu tranh để có được Sam trở về lại với gia đình, cũng không giấu được phần nộ. Beth thật sự biết ơn bà Rosie và ông Angelo, họ chỉ tỏ ra buồn bã chứ không giận dữ; nhưng cô biết chắc mình sẽ không ghé chơi ở nhà của Monica hay Tree vào bất cứ kỳ nghỉ nào nữa. Các anh cô, sừng sốt vì điều họ cho là quyết định trong cơn bốc đồng của Beth, cố khuyên cô nên chờ xem sao. Laurie cũng sừng sờ không nói nên lời, còn Ellen thì hỏi: “Sao cậu có thể làm thế được hả Beth? Ý tớ là sao cậu lại có đủ can đảm để làm thế chứ?”

May thay, không ai còn đủ sức để khuấy động các phương tiện truyền thông đại chúng, và khi họ biết tin thì Sam đã trở về lại nhà ông George được cả tuần lễ rồi. Sau đó xuất hiện những câu trích dẫn chán ngắt của các nhà tâm lý học về sự tìm kiếm bản thân trong khi trưởng thành và sự quan trọng của những kỷ niệm trong việc cấu thành một gia đình nữa chứ. Lại có những câu chuyện cho thấy hiếm khi các cuộc “đoàn tụ” giữa những đứa trẻ là con nuôi ngay từ nhỏ với bố mẹ ruột có được những mối quan hệ tốt đẹp của một gia đình gồm nhiều thế hệ thật sự. Và thỉnh thoảng hàng xóm cũng có những câu nhận xét – Beth gần như đã cười phá lên khi nghe những câu nói đó – rằng Sam dường như hơi trầm, và có vẻ thỏa mãn với mọi thứ; họ nhắc cho cô nhớ rằng có những người đàn ông rất trầm, rất hay giúp đỡ mọi người nhưng rồi cuối cùng lại dùng súng bắn chết cả gia đình.

Nhưng thật ra thì làm thế nào mọi người có thể hiểu được? Họ có thấy gương mặt Sam nơi cái rương bằng gỗ tuyết tùng đâu. Họ có thấy cặp mắt của nó đâu.

Đó là hình ảnh cứ hiển hiện trong đầu Beth suốt quá trình thực hiện các thủ tục để Sam trở về. Hình ảnh đó đã cứu sống cô. Cô không thể tả cho bất kỳ người nào khác hiểu được; giống như việc cố gắng tả “màu vàng” cho một đứa bé bị mù bẩm sinh hay giúp nó cảm nhận về ánh nắng, về sự mượt như nhung của cây thủy tiên hoa vàng vậy. Khi Sam ngược lên nhìn cô sau khi đã ngắm nghía lại quần áo của nó lúc còn nhỏ, Beth biết chắc rằng cô và Pat chỉ có được sự giám hộ cho thân thể của Sam mà thôi. Cô đã cảm nhận

được theo cách mà Cecilia, trong cái đầu đầy những điều khó hiểu của cô ta, không bao giờ có thể cảm nhận được, và có lẽ chưa từng cảm nhận được – như một kẻ bắt cóc đang giữ một đứa bé trái với ý muốn của nó.

Và giờ đây nó có đang hạnh phúc không? Vào những lần thăm viếng ít ỏi không có lịch cụ thể của họ – một lần đi đến công viên giải trí Great America chơi, một lần đến nhà bà Rosie ăn tối – cả hai lần cô và Pat đều thấy một cách rõ ràng sự miễn cưỡng đến tội nghiệp của Sam vì nó chỉ muốn chiều lòng họ.

Lần cuối cùng, trên đường về nhà khi đã thả nó xuống, Pat bỗng nhiên nói với Beth: “Giống như nó đang cố đáp lễ mình bằng cách tỏ ra vui mừng khi gặp mình. Giống như nó cảm ơn mình đã trả tự do lại cho nó ấy.”

Chẳng còn gì để nói nữa. Cách đây đã lâu, trong một lần lấy ý kiến về hôn nhân, người trưởng nhóm nhân viên xã hội vui tính đã đề nghị họ thử cư xử với nhau như thể đang rất hạnh phúc. Ông ta nói: “Cứ làm như thế mãi rồi cũng trở thành thói quen, cũng y hệt như xung đột vậy.” Beth rất hiểu điều đó. Vì cô cũng đã hành động như thế trong hơn bốn năm cuối của giai đoạn chín năm. Và rồi sau khi Pat bệnh, cô khi thì là một diễn viên biểu cảm, khi lại là một người vợ đăm thăm lúc lại là một bà vợ bị ghê tởm. Nhưng chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi Ben trở về nhà thì họ như được hồi sinh và cư xử với nhau thật dịu dàng. Có đôi lần, trước ngày Quốc khánh khi họ nằm bên nhau, sau khi ân ái với nhau, Beth thật sự tin rằng họ sắp hòa hợp lại như cũ, dù đã có những xích mích trong quá khứ. Giờ khi nhớ lại, vào lúc cô tin chắc đó là những gì mình muốn, thì hình như đã quá trễ.

Thậm chí bây giờ, thỉnh thoảng cô cũng thấy mình hy vọng rằng cái thói quen đơn giản của một thời Pat-và-Beth sẽ kéo dài mãi. Nhưng Pat đã buông xuôi hoàn toàn sau khi Sam ra đi. Và vì thế giữa họ cũng không còn chút tình cảm nào cho đến khi chỉ còn là những hành động theo quán tính có liên quan đến các thói quen của Vincent hay thời khóa biểu của Kerry thôi. Sự nổi giận của Pat vào buổi sáng sau khi Vincent đánh cắp chiếc xe hơi là cảm

xúc rõ nét nhất anh biểu lộ với Beth trong nhiều tuần lễ. Thậm chí, trong cuộc sống căn cỗi của họ, sự giận dữ ấy cũng gần như... niềm phẫn khích.

Giờ đây Pat tập trung hoàn toàn vào sự hồi phục của Vincent. Anh đưa con trai đến bất kỳ buổi hẹn tư vấn nào với Tom, và ngồi bên ngoài chờ nó; anh đến gặp nhân viên giám hộ với Vincent; anh đóng cửa phòng Vincent lại khi anh vào để chúc nó ngủ ngon. Thậm chí khi Beth đề nghị thay phiên cho anh vào những tối mà cô biết buổi tư vấn đó sẽ làm anh trễ vì còn phải mở cửa nhà hàng Đám Cưới thì anh vẫn từ chối. Anh bảo cô: “Anh nợ nó, Beth. Anh nợ nó, và dù anh không nợ nó thì nó cũng là đứa con trai duy nhất anh còn.”

Vào ngày anh nói ra câu đó, Beth gửi đặt mua các danh mục, các đơn xin học chương trình thạc sĩ về mỹ thuật tại trường Đại học Wisconsin. Cô điền tất cả các đơn và đóng tiền học mà chẳng hề chắc chắn thật sự mình đang cố đạt được điều gì từ chuyện đó. Có phải như thế là cô thực sự muốn rời xa Pat không? Cô sẽ bỏ đi ư? Hay cô chỉ đơn giản muốn tìm xem có còn chút kiêu hãnh nào để bám vào nếu anh yêu cầu cô ra đi? Và nếu cô thật sự đi học trở lại thì sao nhỉ? Cô nhắm đến việc dạy học à? Hay mở một ảnh viện riêng cho mình ở Madison?

Cô để vài tờ đơn trên bàn uống cà phê vài ngày sau khi chúng được gửi đến và thấy Pat có mở ra xem qua.

“Em nghĩ em nên dành ít thời gian, có lẽ là một học kỳ, để mình có thể suy nghĩ cho kỹ...,” cô nói với Pat khi anh đang hối hả vào nhà như thường lệ để vợ lấy chiếc áo mặc đi làm sau một buổi đi đâu đó cùng Vincent.

Và cô cũng chẳng ngờ mình lại xót xa đến thế khi anh đáp: “Sao cũng được. Cứ làm những gì em muốn đi Bethie.”

Vậy là anh không cố ngăn cô lại. Tại sao cô lại nghĩ anh sẽ làm thế nhỉ?

Lúc đó thì tính ương ngạnh, như một lời nguyện cho dòng họ Kerry, đã khiến cô nói tiếp làm mọi việc trở nên tồi tệ hơn: “Em nghĩ là em sẽ thuê

một chỗ nhỏ nhỏ... Kerry và Vincent có thể đi học trường Edgewood, có lẽ thế, nếu mình xin được...”

Pat ngừng phất lại, trông anh như thể sắp nắm lấy hai vai cô để xoay cô lại đối diện với anh.

“Con anh,” Pat chậm chậm dần từng tiếng như thể anh đang nói với một phụ nữ ngoại quốc vậy, “sẽ không đi đâu hết, Bethie. Nhà của các con anh là ở đây.”

“Paddy à, Kerry vẫn còn quá nhỏ...”

Và hình như anh bớt gay gắt hơn, dù chỉ một tí thôi. “Có lẽ... Kerry thì không sao. Nhưng Beth ạ, nó có bạn ở đây, và nó còn phải đi hướng đạo, rồi còn phải tham gia thể thao nữa. Nó có Blythe mà nó xem như chị của nó, còn Georgia nữa, giống như...” Chúa phù hộ Pat, anh không nói thêm “như mẹ nó”. “Con bé sẽ không sao, và sau khi em quyết định thì mình sẽ nói về chuyện này. Nhưng Vincent sẽ không theo em đi đâu hết. Không bao giờ. Nó sẽ không được bỏ căn nhà này mà đi với em cho đến khi nó vào đại học nếu, xin Chúa phù hộ con, anh có thể tính được làm sao để nó ra khỏi trường trung học an toàn, và khiến nó tin nó có thể làm được bất cứ điều gì ngoại trừ việc hủy hoại cuộc đời nó.” Lúc đó cô cảm thấy yêu anh, yêu quá tấm lòng thiện tâm sâu sắc của Pat Cappadora. Rốt cuộc thì đó là một tấm lòng thiện tâm mà cô có lẽ sẽ rời bỏ – xét về một khía cạnh nào đó. Nếu trước đây cô đã từng xứng đáng với anh thì bây giờ cô không còn được như thế nữa.

Đêm hôm đó khi anh đang lục lọi ngăn kéo ở dưới nhà, Beth nghĩ rốt cuộc thì hôn nhân thực sự là gì ngoại trừ những ao ước, sau từng ấy năm chung sống, đã bị biến thái chỉ còn là thực tế trần trụi? Cô thắc mắc liệu cô và Pat đã cư xử với nhau giống như anh em hay không, chỉ vì đã quá thân quen với nhau ngoại trừ những năm đầu đại học đầy đam mê – mà cô cho là rất cháy bỏng vì khi đó cả hai là đôi thanh niên nam nữ đang còn trẻ trung đầy nhựa sống. Giờ đây cô lại nhận thức rõ sự thân quen ấy hơn bao giờ hết.

Có đêm Beth thức dậy, người run lẩy bẩy vì cô đã mơ thấy Vincent. Vincent... bị thương. Khoảng năm tuổi, trong bệnh viện, bị gãy cổ tay. Cô mơ thấy mình đã chạy ào qua cái cửa xoay – không phải một hoặc hai cái mà là một dãy không dứt – chạy theo tiếng khóc để đến với Vincent.

Cô vẫn có thể có được con mình, Beth ngồi bật dậy và nghĩ. Đứa con cố-tình-đánh-mất của cô. Không phải đứa bị mất vì rủi ro. Nếu cô có quyết tâm, nếu cô có thời gian, và nếu cô tìm được đầu mối. Giá như phép lạ có thể thực sự xảy ra.

Giá như phép lạ có thể thực sự xảy ra nhỉ.

Nếu cô không bỏ nó. Nếu cô đem nó theo... nhưng làm sao cô có thể làm thế được? Nếu cô ở lại... nhưng làm sao cô có thể làm thế được?

Và từ quan điểm của Vincent thì làm như thế có thay đổi được gì không?

Beth nhớ lại hồi còn học đại học cô đã giễu cợt cái ý tưởng làm việc trong một trường đặc biệt (Laurie gọi đó là giai đoạn Annie Sullivan của Beth). Cô đã đọc được rằng tất cả những đứa trẻ, theo một mức độ nào đó, đều trải qua hiện tượng ký ức bị xóa nhòa. Đó là một trong những bước ngoặt khó khăn nhất giữa cha mẹ và con cái: người lớn có thể nhớ những âu yếm dịu dàng của thuở ban đầu; trẻ con, lứa tuổi thường làm hỏng mối quan hệ đó, lại không thể nhớ được. Lên sáu, Vincent đã nhìn cô bằng cặp mắt cứng rắn và giải thích rằng nó ghét cô. Beth thất kinh. Ông hoàng con của cô ở đâu đằng sau cặp mắt ấy, ông hoàng mà mới một năm trước chỉ chịu nín khóc khi ở trong vòng tay của cô chứ không phải của bà nội Rosie hay của Pat? Thằng bé ngày ấy đâu? Giờ thì nó ở đâu?

Ôi, Vincent, Vincent-đã-thành-Reese, đứa trẻ bị đánh tráo trong một căn nhà đã có một đứa trẻ bị đánh tráo nổi tiếng nhất nước Mỹ. Vincent nhớ gì nhỉ? Nó có nhớ chút nào về tình yêu của mẹ bị những bi kịch gia đình lấn át mất chẳng? Chẳng nhớ gì thì cũng hết như chẳng biết gì. Nếu Vincent có nghĩ đến cô theo hướng đó thì chắc nó cũng chỉ mơ hồ nhớ về những niềm thích thú và thương mến cô đã dành cho Ben trước khi nó mất tích. Đúng vậy, cô đã dành cho Ben nhiều hơn. Ben dễ giao đãi hơn. Cô thích nó hơn.

Nhưng còn tình yêu? Những gì mà niềm thích thú và thương mến góp vào tạo ra tình yêu cũng chẳng nhiều hơn những gì mà tình dục vào thời kỳ trăng mật dẫn đến quá trình lâm bồn và sinh nở – một niềm thư thái so với một lời nguyện cầu vô tận. Beth kinh ngạc khi tình linh nhớ lại một hình ảnh rất rõ nét về chính cô, tối hôm ấy đi bộ về nhà sau cả một ngày làm việc ở Madison và trông thấy hai đứa con trai còn rất bé, Ben đang mặc tã và nhảy nhót trên ghế còn Vincent đang luồn dưới chân Jill để nhảy ào vào lòng mẹ. Cô nhớ mình đã nhủ thầm, không chỉ một lần, *Cứ thử tưởng tượng mà xem! Mình đã tạo ra chúng. Tất cả những tạo vật đẹp đẽ và thông minh này. Những đứa bé vui nhộn thật sự.* Cô đã nghĩ mình sẵn sàng chết vì chúng, đến nỗi những tình cảm dạt dào đó thậm chí làm cô thấy đau đớn. Chết cho từng đứa, với sự đau đớn và nhiệt thành như nhau.

Giá như Vincent có thể nhìn qua lăng kính của cô... nhưng làm sao được chứ? Hình ảnh đó là của cô chứ không phải của nó. Không thể nhồi nhét vào tim nó được.

Bỗng dưng cô phát hoảng, và nghĩ mình sẽ xuống nhà dưới đánh thức Pat dậy và nói cho anh ấy nghe: Cái ý tưởng chia lìa đã biến thật xa rồi; nó đã chỉ thoáng hiện trong một tích tắc. Họ sẽ cùng nhau tạo lập lại mối quan hệ với Sam, cũng như với Vincent và Kerry nữa. Chuyện đó có thể xảy ra lắm chứ. Cô sẽ đi xuống dưới nhà và bảo Pat nằm nhích vào trong một tí trên chiếc trường kỷ ấy để cô có thể nằm xuống sát bên anh như cô đã làm trên chiếc giường trong bệnh viện. Cô hất tung cái chăn ra rồi đặt đôi chân trần xuống sàn nhà.

Nhưng khi cô tưởng tượng ra gương mặt Pat, như lúc anh nói với cô: “Vincent sẽ không được bỏ căn nhà này mà đi với em” thì cô lại kéo chăn lên rồi nằm xuống, hai bàn tay đan lại trên ngực.

Một tối nọ Candy ghé chơi – trông trẻ hẳn ra khi mặc quần jean và áo sơ mi vẽ phun sơn. Cô hôn nhẹ má Pat khi gặp anh đang chuẩn bị đi làm, rồi ngồi phịch xuống hàng hiên.

“Cho chị ít vodka đi,” cô nói với Beth. “Suốt cả ngày hôm nay chị ở nhà sơn lại cái căn hộ gốm guốc để chuẩn bị cho cuộc sống nữ độc thân của mình và rồi bỗng thấy mình già khú.”

Họ ngồi trên hàng hiên, và Beth thắc mắc không biết cảnh Candy liếc nhìn về góc phố nơi Sam sống chỉ là sản phẩm từ trí tưởng tượng của cô hay là thật. Cả hai đều duỗi dài chân trên rào chắn nghe để kêu râm ran.

Khi đã uống cạn nửa ly, Candy hỏi: “Chàng Reese của chị thế nào rồi? Nó có còn khoác lác với bạn về vụ vô trường giáo dục không? Mặc dù chỉ có hai ngày?”

“Không đâu. Em nghĩ nó xấu hổ về chuyện đó.”

“VẬY là tốt. Còn giai đoạn quản chế thì sao?”

Thoải mái vì đã có thể tâm sự được, Beth nói tiếp: “Dường như tốt hơn rồi.” Cô kể tóm tắt niềm hứng thú của Vincent, hay ít nhất nó cũng vờ tỏ ra như thế, ở khu tập bóng rổ dành cho học sinh lớp năm của thành phố mà nó đã được chỉ định để giúp huấn luyện hai lần mỗi tuần.

“Gần đây nó có lái xe leo lên cây sồi nào nữa không?” Candy hỏi.

“Lần tới mà Vincent ngồi sau tay lái thì có lẽ nó đang đi rút tiền trợ cấp an sinh xã hội đấy, nếu Pat thành công theo cách của anh ấy. Hai cánh của nó bị cột chặt rồi. Ý em là nó vẫn đi làm công tác xã hội, vẫn đến nhà hàng Đám Cưới để phụ giúp, và vẫn đi gặp Tom...”

“Tom nói gì?”

“Em... em chưa nói chuyện với anh ta. Ít khi lắm.”

“Reese đã gặp Sam chưa? Gặp lại ấy?”

“Chưa.”

Họ ngồi đơng đưa một lúc rồi Beth kể tiếp: “Dường như điều gây ấn tượng lớn nhất với nó là bị lấy mất cái máy cátxét.”

“Cái gì chứ?” Candy ngồi bật dậy.

“Đó là ý tưởng của em. Từ khi còn nhỏ Vincent chỉ... nó cực kỳ mê nghe nhạc. Mê tới mức bất thường đối với một đứa thuộc tuổi teen như nó. Vừa rồi em tước sạch. Băng. Đĩa CD. Em giữ hết mấy thứ đó; nhưng cho từ thiện cái máy cátxét. Em gửi cho hội Thánh Vincent de Paul. Em nói với nó đó là một đặc ân. Nó phải hiểu là tụi em hoàn toàn nghiêm túc trong việc này. Dù sao, cái máy vẫn là thứ nó yêu quý nhất...”

Trong bóng chiều chập choạng, cô không để ý thấy gương mặt Candy đã thay đổi ra sao, nên khi Candy hạ hai chân ghế xuống ngồi cho ngay ngắn đồng thời chìa một ngón tay vào mặt Beth thì cô gần như hoảng hồn.

“Điều nó yêu quý nhất,” Candy nói, “đang ở ngay đây, ngay trước mặt chị. Đó mới là điều nó yêu quý nhất Beth ạ.”

Beth tức giận đến nghẹt thở; cô gần như không nói nên lời.

“Em chán phải nghe chuyện đó lắm rồi,” cuối cùng Beth cũng nói. “Thậm chí trong mơ em cũng nghe thấy thế nữa! Em chán phải nghe mãi cái điệp khúc thẳng nhóc này là kẻ phạm pháp chỉ vì mẹ nó không yêu nó rồi... Candy à, tha cho em đi, chuyện không đơn giản chút nào đâu. Vincent không bao giờ... thậm chí trước khi một trong những chuyện này xảy ra nữa, Vincent vẫn luôn tin là em yêu Ben nhiều hơn yêu nó.”

“Mà em có vậy không?”

“Lạy Chúa! Em có vậy không à? Làm sao em biết chứ? Candy ạ, chị có yêu trái tim hơn bộ óc của chị không? Yêu tay hơn yêu chân không? Thế rồi tất cả những chuyện này xảy ra, Ben lại ở ngay trung tâm mọi chuyện, vì thế không còn cách nào để em có thể thuyết phục Vincent...”

“Thậm chí nếu em cố đi nữa.”

“Em đã không cố, đúng vậy, tiên trách kỷ, tiên trách kỷ. Nhưng cho dù thế thì chẳng lẽ nó không biết sao? Chẳng lẽ một đứa trẻ bình thường lại không biết? Em phải nhắc đi nhắc lại với nó mỗi ngày sao?”

“Nó có cần phải lặp đi lặp lại với em hằng ngày không? Ý chị là chẳng lẽ em cũng không biết à?”

“Nói vậy là sao? Chị đang phân tích tâm lý theo kiểu của Freud đó hả, Candy?”

“Beth à, chị đã thấy thằng bé này khi nó nhìn em. Nó muốn em tha thứ cho nó lắm...”

“Tha thứ cho nó? *Tha thứ* cho nó à?”

“Vì tất cả những gì nó đã gây ra. Hay cho một điều gì đó, một điều ngu xuẩn nào đó thậm chí em cũng chẳng biết. Tại sao em không nói chuyện với Tom nhỉ? Tại sao thế? Chị đã nói chuyện với anh ta.”

“Anh ta nói gì?”

“Tom nói trường hợp của Reese được gọi là người chịu đựng triệu chứng. Nó thấy nỗi khổ của mọi người khác là do những gì nó đã làm. Và giờ, khi Sam đã đi rồi thì em thử nghĩ xem nó đang cảm thấy thế nào?”

“Em chẳng biết đâu,” Beth mệt mỏi đáp, rồi cô nói tiếp: “Có chuyện này. Em nghĩ Pat và em sẽ ly thân.”

Candy hắt chỗ nước còn thừa trong ly vào bụi cây rồi dẫn mạnh cái ly xuống. “Lạy Chúa, Beth, tại sao chứ?” Beth nhún vai. “Chừng đó còn chưa đủ sao?”

“Candy, anh ấy muốn vậy.”

“Pat nói vậy à?”

“Anh ấy không cần phải nói ra. Tự em biết.”

“Không phải. Không phải. Chị nhất định không tin. Pat là người rất đơn giản mộc mạc mà...”

“Không còn như thế đâu chị. Em nghĩ anh ấy đã khác xưa từ lâu rồi.”

“Bethie, em phải suy nghĩ lại đi. Hai người không thể mất mát thêm được. Thôi mà.”

“Candy ơi, thiên hạ ly dị nhau hà rầm đó. Phần lớn là những người... bị mất con. Chị cứ tra thử mà xem,” Beth nhún vai và nói tiếp bằng giọng nhẹ nhàng. “Ngay cả chị cũng ly dị rồi mà.”

“Em không thể ngồi đây so sánh Chris và chị với... Tụi em được sinh ra để dành cho nhau, Bethie ạ. Em và Pat ấy.”

“Lại một câu nữa khiến em phát ngán rồi đấy. Chị biết không? Cứ như là em được sinh ra với cái họ của Pat vậy. Chết tiệt. Như thế may ra em mới được sống, chị hiểu không? Có lẽ những gì em cần là những thứ chị có – một công việc thật sự, và một chỗ ở nho nhỏ dành cho một mình em. Pat chẳng quan tâm đâu.”

“Em có hỏi Pat chưa?”

“Có chứ, thật đó, em hỏi rồi. Và anh ấy nói: ‘Cứ làm những gì em muốn.’”

“Đó là do kiêu hãnh thôi.” Candy đứng dậy ngồi lên hàng rào. “Pat kiệt sức đấy. Em không nên có những quyết định như vậy sau một mùa hè như mùa hè em vừa trải qua. Rồi Reese sẽ ra sao? Và Kerry nữa?”

“Anh ấy sẽ quyết liệt đấu tranh để giữ chúng ở lại đây. Anh ấy không muốn em đưa bọn trẻ trở lại Madison.”

“Trở lại Madison?”

“Candy ạ, ở đây em có còn gì nữa đâu? Mấy bài báo viết tiếp theo kiểu xào nấu, thêm mắm dặm muối cái trường thiên tiểu thuyết của gia đình Cappadora trên tờ *Tribune* hả? Nhận thêm sự căm ghét từ mấy chị em gái của anh ấy nữa ư? Hay để thấy bố em nhìn cứ như thể em đã bắn chết con chó cưng nhất của ông ấy? Không đâu. Mẹ kiếp. Em sẽ không làm thế đâu.” Beth đứng lên rồi ngồi xuống bậc thềm bằng ximăng. “Candy ạ, em chẳng biết làm sao đối mặt được với việc phải rời xa Vincent và Kerry đây. Và em biết rằng nếu ra đi, em sẽ không bao giờ... Em sẽ mất liên lạc với Sam.”

“Nhưng em cũng đang kiệt sức mà, có phải thế không, bạn thân mến?” Candy quỳ bên ghế của Beth. “Ôi, Bethie, Bethie.” Candy lắc lắc cô và Beth thấy nước mắt mình rơi lã chã như sữa trào từ bầu ngực khi cô cho các con bú, không ngừng, như muốn tẩy sạch mọi ưu phiền. “Được rồi, thôi nào, được rồi. Nghe chị nói đây. Chị chỉ muốn em làm một điều này cho chị thôi. Một điều thôi. Được chứ?” Beth gật đầu, và Candy nói tiếp: “Em chỉ việc để cửa mở, đừng khóa nó lại nhé. Cứ khép hờ lại nếu em muốn nhưng đừng khóa. Hãy cho Pat cơ hội được giải bày. Em và Pat chưa từng xa nhau trong suốt cuộc đời mình. Nếu muốn ra đi, đừng quên lắng nghe những cảm giác thật sự của mình. Đừng tự ép buộc mình làm gì hết nhé, Bethie. Em hoàn toàn có khả năng ép mình làm bất cứ chuyện gì mà, em còn nhớ chứ? Hãy chỉ... chờ đợi và lắng nghe.”

Beth gật đầu.

Candy hỏi: “Khi nào thì em đi?”

“Em cũng không biết nữa... có thể là sẽ đi sớm,” Beth đáp nhỏ. “Nếu em thật sự ra đi. Trường khai giảng vào tháng Giêng. Và em sẽ học trong trường đại học.”

“Ôi, lạy Chúa, lạy Chúa. Pat sẽ nhớ em lắm đó, như thể cậu ấy bị mất một cánh tay vậy.” Cô đứng dậy rồi cầm cái túi xách to dùng lên. “Bethie này, không chỉ Pat thôi đâu, cả chị nữa.”

“Chị chắc là không muốn uống thêm chứ?” Beth hỏi và bỗng dưng không muốn Candy ra về chút nào.

“Không, chị không muốn phải tự mình kiểm tra nồng độ rượu đâu. Dù bây giờ chị không còn trong độ tuổi sinh nở nữa rồi.”

Beth nói mà vẫn hơi sợ mình đã đi quá xa: “Em hơi ghét chuyện ấy, Candy ạ. Em muốn chị có con cơ.”

“Ừ, ừ... chị cũng thế. Chị cũng đã muốn có con thật sự. Chị cũng lấy làm tiếc cho Chris nữa dù anh ấy sẽ có nhiều cơ hội hơn với một em hai mươi lăm tuổi sắp xuất hiện trong cuộc đời anh ấy. Và cũng có thể là vì giờ chị

không còn phải sống với đồng lương chết đói nữa, nên đôi khi chị nghĩ về một cô bé nhỏ nhắn sống trên một ngọn núi nào đó ở Chile muốn có một bà má điên điên đeo súng. Vì thế có lẽ...”

“Em nghĩ điều đó rất tuyệt đấy. Chị sẽ là một bà mẹ tuyệt vời,” Beth nói.

“Em cũng thế mà, Beth,” Candy đáp nhỏ rồi bước xuống bậc tam cấp.

REESE

8

Đã quá mười một giờ khi Reese nghe hình như có tiếng dội mạnh của trái bóng rổ trên lối xe vào nhà. Nó ngừng lại; nãy giờ nó đang viết, nói đúng ra là nó đang cố viết, một điều gì đó trong cái nhật ký ngu ngốc mà chú Tom nài nỉ nó viết ra hằng đêm.

Đúng rồi. Đúng là tiếng nhồi bóng rổ. Trời tháng chín mà như thế này thì quả là nóng bất thường. Trong tiếng máy điều hòa không khí và căn nhà đóng kín mít như một cái bánh được bọc trong giấy bóng kính, chỉ cần mở nhạc nhỏ xíu thôi cũng khiến nó chẳng thể nghe được thứ gì khác. Mà thường thì nó hay mở nhạc để nghe. Dù vậy nó cũng không chắc lắm nên nó nâng cánh cửa sổ lên và thò đầu ra để xem thử có phải nó đang tưởng tượng không.

Nhưng không. Có ai đó ở dưới kia.

Reese không thể thấy được; cách đây một tháng, bố nó đã bảo nó thay mấy cái đèn pha nơi nhà để xe và dĩ nhiên là nó chưa làm. Đó là một đêm không trăng âm u, ánh đèn đường duy nhất tỏa sáng cách đó cả một khu nhà. Lại có tiếng bóng nhồi xuống hai lần, thật rõ ràng. Reese phải nghiêng nhẹ đèn đầu giường ra để xem đó là ai.

Là Sam.

“Em đang làm cái quái quỷ gì vậy hả?” Reese rít lên. Cửa sổ phòng ngủ của bố mẹ cạnh ngay phòng nó, và dù biết họ đã say giấc nồng từ lâu, đặc biệt là mẹ nó chỉ tỉnh dậy khi trời sáng thôi nhưng nó vẫn không muốn làm ầm ĩ.

“Chẳng làm gì cả,” Sam nói.

“Ba em có biết em đi đâu không?”

“Dạ có.”

“Xạo vừa thôi,” Reese vừa nói vừa chống tay lên cùi chỏ thò đầu ra ngoài.

“Anh muốn chơi không?”

“Ừ, thẳng ngố, nhắc cho em biết là gần nửa đêm rồi đó.”

“Quá giờ lên chuồng của anh rồi hả?”

“Đừng có xiên xỏ vô ích. Ý anh muốn nói là nếu không bị bà Pellicano hay ông Becker gọi vào để chửi vì phá rối hàng xóm thì anh cũng đã gặp đủ thứ chuyện khốn kiếp rồi.”

“Mình có thể chơi khe khẽ được mà. Trừ khi anh... quá mệt thôi. Hoặc quá sợ.”

“Chữ sợ không có trong tự điển của anh đâu,” Reese nói. “Em biết rồi mà, có bị bịt mắt anh vẫn thẳng được em. Mùa hè vừa rồi ngày nào anh chẳng thẳng em, mà đôi khi còn hai lần vào ngày Chủ Nhật nữa đó. Theo như anh nhớ thì em đành phải dọn ra ngoài ở để cứu lấy chút tiếng tăm tệ hại còn lại của em phải không ta.”

“Sao em lại không nhớ ra chuyện đó nhỉ,” Sam nói và Reese nghe thấy nó cười hì hì. “Dù sao khi anh đang ở trên lầu hai thì nói gì chẳng được.”

“Bắt đầu cầu nguyện đi là vừa, đồ nhát cáy.”

“Dạ em đang quỳ đây,” Sam đáp.

Reese định mặc áo sơ mi vào nhưng trời nóng hầm hập. Nó cứ thế nhảy xuống lầu ba bước một – cái thẳng quỳ này làm gì mà quanh quẩn ở đây lúc nửa đêm thế nhỉ? Nó chắc chắn là ông George chẳng biết quái gì về vụ này. Có lẽ ông ta đã gọi cho mấy tay FBI thôi tha hay cho đám cảnh sát, hay cho cả hai rồi cũng nên. Lạy Chúa.

Nó chạy ra khỏi cửa, Sam đang đứng đó, nước da râm nắng, mặc cái quần jean cũ cắt ngắn đến đầu gối và cái áo thể thao hàng dệt kim White Sox của

Reese.

“Đây là áo anh mà,” Reese buột miệng.

“Hả, vậy sao?” Sam giả bộ đổi giọng như xin lỗi. “Em tưởng nó là miếng giẻ bị sơn chứ.”

“Em lấy ở đâu vậy?”

“Em... em lấy nó khi em đi. Em xin lỗi. Để em trả lại anh.”

“Anh không cần đâu,” Reese vội nói, rồi lại nghĩ *mình đúng là thằng hạ tiện*. “Cứ giữ nó đi. Hay là thế này, nếu em hạ được anh thì em có quyền giữ nó lại. Có nghĩa là giờ thì em cũng có thể trả nó lại cho anh được rồi đấy. Trừ khi nó hơi quá.” Nó không thể rời mắt khỏi thằng nhóc được. Đã mấy tuần rồi từ khi nó gặp thằng nhóc ở nhà tù. Bố mẹ nó có đến đón Sam hai lần, nó có biết, nhưng cả hai lần nó đều bận. Và cho đến lúc này, hai ngày trong tù cùng nhiều ngày đêm tuyệt vời ở yên trong căn phòng tiện nghi của nó ngoại trừ vài lúc ít ỏi họ cho phép nó ra ngoài – tất nhiên vẫn bị kiểm kẹp – để ăn tối thì không dễ thấy những gì đang xảy ra ở bên ngoài, ngoại trừ việc xem ông Becker tưới mấy đám hoa hosta của ông ấy.

“Em có chắc là ba em biết em đang ở đâu không hả?” nó vừa hỏi lại vừa kiểm tra quả bóng.

“Anh hoãn binh hoài. Anh sợ rồi hả?”

“Vậy thì chơi kiểu luân phiên đi,” Reese nói. “Tối mười một điểm.”

Nó đã chơi với Sam khá nhiều lần nên biết hết đường đi nước bước của Sam, vì thế thằng bé sẽ không thể lừa được nó. Reese biết thằng bé gần như không nhìn đối phương, và đó là một trong những mưu mẹo của nó. Sam có cặp mắt xếch, cặp mắt của bố, và nó thường nheo mắt lại thành hai vạch nhỏ rồi nhìn qua vai phải của địch thủ như thể đang có một con bọ to tướng đằng sau đó vậy, đồng thời nó rê bóng trong khi hai chân chạy theo hình số tám. Địch thủ gần như bị mất phương hướng. Mà miệng nó lại nói liên tu bất tận nữa chứ – “Anh bạn, anh tiếc lắm phải không, anh tiếc lắm mà, anh muốn

tôi đưa anh đi đường nào chứ? Sang phải? Sang trái?” – nhưng những lời nó nói lầm rầm đó không phải là nói với đối phương, thậm chí cũng không phải để làm hấn ta bối rối; nó giống như một cái máy chạy rầm rì vậy thôi. Nó làm đối phương cảm thấy như hấn ta không có mặt ở đó. Mà cái mảnh chết tiệt đó lại có tác dụng mới khổ chứ.

Sam chạy vòng vòng quanh Reese rồi ném bóng vào rổ. Rồi nó chạy ngược lại, hai tay giang ra đâm vào không khí, miệng huyền thuyên: “Chuyện gì thế? Chuyện gì xảy ra thế? Anh ngủ rồi hả? Anh ngủ hả?” Nó làm Reese không thể nín cười được.

Nhưng ngay lúc Reese lấy được bóng thì nó buột miệng chửi thề bởi chợt nhận ra Sam đã cao thêm tới bảy, tám phân trong vòng một tháng vừa qua; thẳng nhóc cản đường Reese khắp nơi và liên tục vỗ tay, phớt lờ những động tác của Reese để lừa bóng qua người nó. Cuối cùng thì Reese cũng rê bóng được sang trái nhưng Sam đã nhanh chóng chặn được cú ném bóng ấy.

“Phạm lỗi,” Reese cao giọng dù nó biết không phải thế; cú đó còn xa mới tạo thành đường bóng ghi điểm. Nhưng dĩ nhiên là phải phản đối chứ, dù chỉ phản đối cho có.

“Nếu anh muốn ăn gian thì ăn gian đi, em không cần đâu, anh cứ lấy bóng,” Sam nói.

“Tiếp tục đi, nhóc,” Reese đáp. “Anh sẽ thả cho em. Có thấy là khuya quá rồi không?”

Khi điểm số tăng lên bảy-năm, Reese đang dẫn trước thì cả hai đều thờ hẩn hẩn trong bóng đêm ẩm ướt, đến mức có thể cảm nhận được hai lá phổi đang đập như hai cái găng tay ướt vậy. “Trong nhà anh có để máy lạnh không?” Sam hỏi Reese.

“Để hết cỡ luôn. Em đâu hàng hả?”

“Ai đâu hàng chứ?” Sam lao sang bên phải rồi chạy nhanh như gió, và kết thúc với một cú thả bóng tuyệt đẹp thẳng vào rổ.

“Ôi mẹ ơi! Em học được cú này ở đâu vậy hả?” Reese hỏi nó. “Đó là tay trái của em mà.”

“Em là người đa tài,” Sam cười, chuyển bóng sang cho Reese rồi khom người xuống chuẩn bị tư thế để bắt bóng.

“Thôi nghỉ,” Reese nói. “Em cứ giữ cái áo đi. Dù sao thì anh cũng đã tề vào nó hồi tháng sáu mà, cho nên nó mới nằm trong ngăn kéo đó.”

“Anh phải thôi tề vào các ngăn kéo đi chứ,” Sam nói và Reese đưa tay bên dưới quả bóng bấm nó lên cao khiến nó sượt qua cằm Sam.

“Nhưng anh vẫn phải nói ‘thua’,” Sam khiêu khích nó. “Anh thua rồi, đúng không?”

“Anh thả đó, em biết mà. Nhưng thôi, coi như xong đêm nay. Ngày mai nhớ quay lại gỡ hòa nhé.”

Sam đưa tay vuốt ngược mái tóc ướt đẫm lên trán làm nó dựng đứng lên như cỏ mới được cắt. Rồi nó hít một hơi thật dài. Nó vẫn đứng yên không nhúc nhích. Reese dừng lại, thở hỗn hển, mồ hôi túa ra như tắm, rồi nó đứng đờ ra như phồng trên lối xe ra vào.

“Em... Vấn đề là... em sẽ không về nữa.”

“Nghĩa là sao?”

Sam hất đầu qua vai phải, và nơi cuối lối xe ra vào, trong bóng đêm, là một vali lớn cũ sần mà này giờ Reese không để ý.

“Sam, em làm gì vậy?” Reese chậm chậm hỏi.

“Ba em biết mà,” Sam vội vã đáp. “Em với ba đã nói rất nhiều về chuyện này hồi tuần trước và ba nói em phải làm những gì em phải làm, thậm chí ba còn biết tại sao em đến đây vào giờ quá khuya...”

“Mà tại sao?”

Sam ngược nhìn mấy cửa sổ phòng ngủ tối đen. “Em đâu có muốn cái tình trạng căng thẳng thế này. Anh hiểu không? Với... với Beth và Pat. Và

rồi nếu giới báo chí phát hiện ra thì sao?” – Điều đó làm Reese buồn nẫu người, cái cách nó nói “giới báo chí” ấy, như thể nó đã bốn mươi tuổi rồi cũng nên. “Có lẽ họ nghĩ em điên khi trở về nhà – ý em muốn nói là về lại với ba George đó...”

“Cho nên ông ấy để em ra ngoài khuya thế này à?”

“Em nói với ba là đi tới đây. Chỉ mới lúc này thôi. Em thấy đèn trong phòng anh còn sáng.”

“OK,” Reese nói, rồi hỏi tiếp, gần như nuốt từng chữ một: “Nhưng... chuyện này... vĩnh viễn hả?”

Sam nhìn xuống chân, miệng nó mím chặt lại và rồi nó ngược lên nhìn Reese – *hình như vẫn còn lùn hơn khoảng ba phân*, Reese nghĩ – mắt nó mở to trong đêm đen như thể chúng không có màu, như thể chúng là hai cái gương nhỏ xíu đen thẫm mà trong đó, Reese biết chắc là nếu đến gần nó sẽ thấy gương mặt tái xanh tái tử của chính mình. Sam đáp: “Em không biết. Em không biết. Có lẽ là như thế. Nếu em có thể... Em hy vọng...”

Reese phác một cử chỉ ngăn nó lại và Sam không nói nữa, nó quay lưng đi về phía cuối lối xe ra vào để lấy cái vali. Reese vội vã theo sau ngay. Nó không muốn thúc ép thẳng nhóc, nhưng nó phải hành động thôi, phải làm một điều gì đó; nếu không nó sẽ điên lên mất.

Reese nói: “Người thua phải xách thôi.” Cái vali nặng quá. “Gì thế này, em sừ tầm đê hay sao thế?”

Reese gồng người đưa tay phải nhắc cái vali lên; thế rồi Sam đưa tay ra nắm lấy tay Reese. Reese giật mình; nó thấy cả cánh tay rần rần như thể thẳng nhóc vừa ấn vào huyết nào đó trên người nó vậy.

“Không sao đâu. Anh xách được mà,” nó nói.

Nhưng Sam không buông tay ra.

Xung quanh rất tối, cứ như đang chui ngày càng sâu vào một cái hố đen ngòm vậy. Reese phải căng mắt ra mới thấy được vẻ mặt của Sam qua ánh

đèn mờ mờ từ góc phố, nơi mà nếu bước tới đó và băng qua một con đường nhánh, người ta sẽ thấy ngôi nhà màu đỏ, ngôi nhà duy nhất trên khu phố đó không phải màu xanh hay xám hay nâu. Lúc này Reese có thể hình dung ra ngôi nhà đó còn rõ ràng hơn cả cái vành mũ Rockets đầy mồ hôi của nó, hay cảm giác về cái gối có hình con ngỗng hoang trên trường kỷ của Tom. Ngôi nhà đỏ từng là nhà của Sam, giờ thì không còn là của Sam nữa. Có lẽ thế. Nó có thể hỏi lại, nhưng câu trả lời chắc chẳng làm sáng tỏ được gì.

Mọi thứ trên đời đều vậy. Người ta đành phải chờ cho đến sáng rồi đếm xem ai còn ở lại. Người ta phải tiếp tục đi cho đến khi hiểu ra đâu là chỗ thích hợp cho mình, phải tiếp tục tìm kiếm cho đến khi một ai đó tìm ra mình. Reese nhìn lên phía ánh đèn, rồi nhìn lại khoảng không gian tối thẫm trong đó em nó đang đứng. Nó chỉ có thể cảm nhận được thăng nhóc, cái nhơm nhớp mồ hôi tay của nó – những cục chai của thăng nhóc và sức mạnh trong những ngón tay to quá khổ đó. Reese đặt vali xuống; nó đang run lấy bầy. Đó là một trong những lần Reese nghĩ nó hiểu bố nó đã cảm nhận ra sao khi tim bố đập như trống dồn. Chúng ta chỉ còn mỗi một việc bước vào, thế thôi. *Nhưng chết tiệt*, Reese nghĩ, *mình phải làm. Một lúc nào đó mình sẽ phải làm. Ngay bây giờ.*

“Anh là người đó,” nó nói, “anh là người đã thả tay em ra.”

Sam đối tư thế. Reese có thể nghe nó thở dài.

“À...” Sam nói.

Rồi cả hai cùng cầm vali lên, cứ như đang khiêng một tấm nệm và cùng xách nó lên hàng hiên.

“Mình bị nhốt ngoài này rồi à?” Sam hỏi.

“Họ không thể làm một cái khóa chống lại được phép thuật của Reese Cappadora đâu,” Reese vừa nói vừa rút thanh nạy cửa từ túi sau ra. “Anh thường vào nhà bằng cách này.” Cả hai cùng cười rồi hì hục khiêng vali vào hành lang. Beowulf cựa quậy trên tấm thảm của nó và đứng lên duỗi dài

người ra với vẻ đau đớn rồi chạy lóc cóc ra hành lang, thở phì phò chúi mõm vào lòng bàn tay Sam.

“Chó già ơi. Chó già ngoan ơi.” Và nó thấy đồng túi xách, vali cùng những dụng cụ của Beth. “Ai sắp đi xa vậy anh?”

“Có lẽ mẹ anh sắp sửa đi Wisconsin để... làm việc,” Reese nói.

Có thể. Nhưng giờ cũng có thể không. Người ta có thể xếp đồ vào vali. Người ta cũng có thể lấy hết đồ ra. Chỉ còn cách là chờ đợi thôi. “Em muốn để nó ở đây không? Mình có thể đem nó lên lầu sau.” Chúng bỏ vali của Sam vào phòng khách ngay bên cạnh chiếc piano.

“Em đói bụng quá,” Sam nói.

Trong bếp, ánh đèn duy nhất là từ trong tủ lạnh hắt ra. Reese quăng một miếng phó-mát cho con Beowulf, nó nhai ngấu nghiến thành tiếng rõ to. Sam đưa tay vòng qua người nó lấy một lon Coca từ đồng lon xếp thành hình kim tự tháp trên cái kệ dưới cùng, và rồi bật lùi ra sau khi chúng ào ào ngã lăn. Trong không gian tĩnh lặng, mấy cái lon rơi xuống lớp vải sơn lót sàn nhà cứ như một chùm pháo bông.

“Lạy Chúa,” Reese rít khế. “Đổ hết rồi.” Chúng bò theo mấy cái lon đang tiếp tục lăn tự do ra ngoài, hết lon nọ đến lon kia. Một lon đụng vào cạnh ván gỗ ghép chân tường, xoay vòng vòng rồi bật tung nắp. Tiếng xô-da xì xì phun ra; Beowulf sủa ăng ăng. “Chúa ơi,” Reese cười toe thì thầm, “im đi nào!”

Mấy cái lon cứ thế mà rơi không ngớt, chẳng khác gì một dải dài những khúc gỗ tròn lăn xuống cầu trượt.

Reese thở hỗn hển. “Không phải lỗi của em đâu. Đây là lỗi của bố, viên kỹ sư ưu tú của vũ trụ. Mùa đông vừa rồi, mọi người sửa sang lại nhà hàng và bố thu thập mấy viên gạch thừa... bố phải mất cả một ngày để xếp chúng lên mấy cái kệ treo trong nhà để xe, thế rồi bố đóng sầm cửa nhà để xe lại làm mấy cái kệ đó kêu rảng rặc, kéo theo toàn bộ cái trần chết tiệt...”

Sam không nhin được nữa, nó phun phì phì Coca trong miệng ra khiến ra Reese càng nhất quyết phải chọc cho nó cười. “Và thế là tất cả mấy viên gạch khốn kiếp đó rơi xuống, từng viên, từng viên một, trên sàn của...”

Bỗng cả hai nghe thấy tiếng chân của Beth.

“Vincent!” Beth đứng trên đầu cầu thang gọi vọng xuống, giọng mẹ vẫn còn ngái ngủ nhưng vẫn lộ rõ vẻ hốt hoảng. “Tiếng gì vậy? Con có ở trong nhà không đó?”

Reese đưa tay lên ra hiệu cho Sam yên lặng. “Em không muốn mẹ thức đâu,” nó nói với Sam. “Bây giờ thì chưa được. Cứ tin anh đi.” Sam nín thình thò tay vào tủ lạnh định lấy ra một hộp bánh pizza thì Reese đưa tay lên ngăn lại. Nó ra lệnh: “Chờ chút.” Sam ngừng lại ngay.

Beth lại gọi: “Vincent hả con?”

Nó nói to: “Không sao đâu mẹ. Con làm rơi đồ thôi. Mẹ đi ngủ lại đi. Con ở dưới này mà.”

Reese quay lại đi theo Sam vào bàn ăn trong nhà bếp. Từ trên lầu có tiếng nước xè xè, rồi nhỏ dần. Nó có thể cảm nhận được rằng Beth không còn ở ngoài hành lang nữa. Chúng ngồi xuống bàn và Sam cẩn thận mở hộp pizza ra, nhìn mặt khi thấy mấy miếng hàn trên nắp. Reese đi ra nhà bếp lấy con dao phết bơ, và đứng một lúc, tai nó dỏng lên nghe tiếng sàn nhà trên lầu đang cọt kẹt, tiếng xì hơi nhẹ nhàng của tấm nệm khi mẹ nó nằm xuống và rồi chỉ còn thình lạng cùng tiếng rì rì của luồng hơi từ máy lạnh phát ra, những âm thanh của một ngôi nhà, một ngôi nhà bình thường của bất cứ ai, đang nghỉ ngơi.

“Không được ngon lắm,” Sam nói về cái pizza. “Nhưng em đói quá.” Nó ngồi dựa ra sau khi đã chén sạch hai miếng. “Anh nghĩ mẹ ngủ chưa?”

“Có lẽ rồi,” Reese đáp. “Chờ thêm một chút nữa đi. Mà khi lên đó, em ngủ trong phòng anh nhé. Chỉ đêm nay thôi. Như thế thì mình không phải đi lấy ra giường, lấy chăn gối. Cả nhà sẽ thức dậy mất.”

“Anh sẽ ngủ ở đâu?”

“Anh không biết. Ngủ trên trường kỷ dưới này. Với con Wulf. Mà thậm chí anh cũng chả mệt tí nào.”

“Tự nhiên em tới rồi đá anh ra khỏi giường thì bậy bạ quá.”

“Không sao đâu, thật mà,” Reese khăng khăng. “Anh sẽ trực ca đầu, được chưa?”

Sam mỉm cười. “Được.”

“Anh sẽ đi tuần một vòng,” Reese nói trong khi Sam đứng lên lục tìm trong vali rồi lôi ra cái bàn chải đánh răng.

Luôn là một thằng nhóc ngoan.

“Nhớ canh chừng bất kỳ hành động nào khả nghi nhé,” Sam quay lại nói nhỏ.

“Dạ, thưa ngài. Xin chúc ngủ ngon. Chừng nào doanh trại an toàn tôi mới về nghỉ,” Reese nói.

“Tốt lắm.”

Reese ngồi xuống lại bàn ăn nơi nhà bếp, cầm tựa lên hai tay. Nói nó hoàn toàn tỉnh táo thật ra là nói xạo thôi; Reese mệt rũ rời. Nó thấy như thể mình chưa được ngủ hàng tuần lễ nay rồi. Trên lầu, tiếng cọt kẹt của cái giường cũ của nó vang lên khi Sam nằm xuống. Reese nhìn ra ngoài cửa sổ lớn, xuyên qua cái bóng của nó, thẳng vào trong bóng đêm đặc quánh ngoài sân nhà. Nó đang tưởng tượng hay có một tia sáng xuất hiện nơi góc sân vậy nhỉ, chỗ có mấy cái ghế đặt trên bãi cỏ? Ngoài kia, ngay vành đai canh phòng?

Nó chỉ còn việc quăng mình đánh thịch xuống chiếc trường kỷ. Chỉ lần này là không có ai nằm trên đó. Không như những tuần lễ vừa qua. Bố nó đang ngủ trên lầu, trong phòng của họ. Reese không biết như thế có nghĩa là bố đang cố thuyết phục mẹ ở lại hay đang nói lời chia tay. Nhưng gì thì gì điều đó có nghĩa là tăng một trống thật sự, và Reese sẽ thức giấc nếu có ai đó đi ngang qua; nó thính ngủ lắm. Tuy thế nó cũng đã hứa rồi. Và chỉ còn

vài tiếng đồng hồ nữa thôi, mấy tiếng đồng hồ còn lại của một đêm. Đêm thì rồi cũng phải tàn.

Cho đến khi doanh trại an toàn, Reese nghỉ. Hay cho đến sáng. Tùy cái nào đến trước.

HẾT

Table of Contents

MỞ ĐẦU

PHẦN MỘT

BETH

1

2

3

4

5

6

7

8

9

VINCENT

10

BETH

11

VINCENT

12

13

14

BETH

15

REESE

16

17

18

PHẦN HAI

BETH

19

	<u>20</u>
	<u>21</u>
	<u>22</u>
	<u>23</u>
	<u>24</u>
<u>REESE</u>	
	<u>25</u>
<u>BETH</u>	
	<u>26</u>
<u>REESE</u>	
	<u>27</u>
<u>BETH</u>	
	<u>28</u>
	<u>29</u>
	<u>30</u>
<u>REESE</u>	
	<u>32</u>
	<u>33</u>
<u>BETH</u>	
	<u>34</u>
<u>REESE</u>	
	<u>35</u>